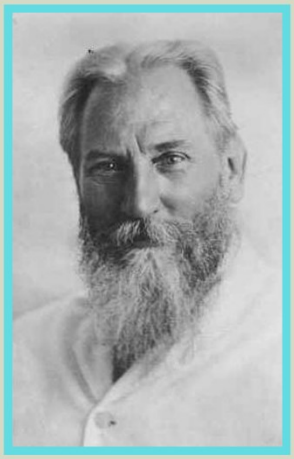
C.W. Leadbeater



Giảng Lý Ánh sáng Trên Đường Đạo

"Light on The Path"

minhtrietmoi.org

TALKS ON THE PATH OF OCCULTISM- VOL. 3

A Commentary on “Light on the Path”

ANNIE BESANT, D.L.

AND

Rt. Rev. C. W. LEADBEATER

1947.

THE THEOSOPHICAL PUBLISHING HOUSE

Adyar, Madras, India

First Edition, 1926 Second Edition, 1930 Third Edition, 1947

MỤC LỤC

MỤC LỤC....3
FOREWORD....5
PART I....7
LIGHT ON THE PATH....7
CHAPTER I....8
INTRODUCTION—GIỚI THIỆU....8
CHAPTER 2....20
THE FOUR PRELIMINARY STATEMENTS—BỐN TUYÊN BỐ DỰ BỊ....20
CHAPTER 3....58
THE FIRST RULE—QUY LUẬT ĐẦU TIÊN....58
CHAPTER 4....97
RULES 2 TO 4—QUY LUẬT 2 ĐẾN 4....97
CHAPTER 5....127
RULES 5 TO 8—QUY LUẬT 5 ĐẾN 8....127
CHAPTER 6....160
RULES 9 TO 12—QUY LUẬT 9 ĐẾN 12....160
CHAPTER 7....169
RULES 13 TO 16—QUY LUẬT 13 ĐẾN 16....169
CHAPTER 8....191
RULES 17 TO 19—QUY LUẬT 17 ĐẾN 19....191
CHAPTER 9....206
RULE 20—QUY LUẬT 20....206
CHAPTER 10....236
THE NOTE ON RULE 20—GHI CHÚ VỀ QUY LUẬT 20....236
CHAPTER 11....254
RULE 21—QUY LUẬT 21....254
PART II....295
LIGHT ON THE PATH....295
CHAPTER 1....296

THE PRELIMINARY COMMENT—BÌNH LUẬN SƠ BỘ....296
CHAPTER 2....321
RULES 1 TO 4—QUY LUẬT 1 ĐẾN 4....321
CHAPTER 3....335
RULES 5 TO 8—QUY LUẬT 5 ĐẾN 8....335
CHAPTER 4....364
RULES 9 TO 12—QUY LUẬT 9 ĐẾN 12....364
CHAPTER 5....399
RULE 13—QUY LUẬT 13....399
CHAPTER 6....415
RULES 14 TO 21—QUY LUẬT 14 ĐẾN 21....415

FOREWORD

This book is merely a record of talks by Mr. C. W. Leadbeater—now Bishop Leadbeater—and myself on three famous books—books small in size but great in contents. We both hope that they will prove useful to aspirants, and even to those above that stage, since the talkers were older than the listeners, and had more experience in the life of discipleship.

Cuốn sách này chỉ là một bản ghi lại các buổi nói chuyện của ông C. W. Leadbeater—nay là Giám mục Leadbeater—và tôi về ba cuốn sách nổi tiếng—những cuốn sách nhỏ về kích thước nhưng lớn về nội dung. Chúng tôi đều hy vọng rằng chúng sẽ hữu ích cho những người chí nguyện, và thậm chí cho cả những người trên mức đó, vì những người nói chuyện đã lớn tuổi hơn những người nghe, và có nhiều kinh nghiệm hơn trong đời sống địa vị đệ tử.

The talks were not given at one place only; we chatted to our friends at different times and places, chiefly at Adyar, London and Sydney. A vast quantity of notes were taken by the listeners. All that were available of these were collected and arranged. They were then condensed, and repetitions were eliminated. Unhappily there were found to be very few notes on *The Voice of the Silence,* Fragment I, so we have utilized notes made at a class held by our good colleague, Mr. Ernest Wood, in Sydney, and incorporated these into Bishop Leadbeater's talks in that section. No notes of my own talks on this book were available; though I have spoken much upon it, those talks are not recoverable. None of these talks have been published before, except some of Bishop Leadbeater's addresses to selected students *on At the Feet of the Master.* A book entitled *Talks on "At the Feet of the Master"* was published a few years ago, containing imperfect reports of some of these talks of his. That book will not be reprinted; the essential material in it finds its place here, carefully condensed and edited. May this book help some of our younger brothers to understand more of these priceless teachings. The more they are studied *and lived,* the more will be found in them.

Các buổi nói chuyện không chỉ được thực hiện ở một nơi; chúng tôi đã trò chuyện với bạn bè của mình vào những thời điểm và địa điểm khác nhau, chủ yếu ở Adyar, London và Sydney. Một lượng lớn ghi chú đã được người nghe ghi lại. Tất cả những gì có sẵn trong số này đã được thu thập và sắp xếp. Sau đó, chúng được cô đọng lại, và các phần lặp lại đã bị loại bỏ. Đáng tiếc là có rất ít ghi chú về Tiếng Nói của Im Lặng, Mảnh I, vì vậy chúng tôi đã sử dụng các ghi chú được thực hiện tại một lớp học do đồng nghiệp tốt của chúng tôi, ông Ernest Wood, tổ chức tại Sydney, và kết hợp chúng vào các buổi nói chuyện của Giám mục Leadbeater trong phần đó. Không có ghi chú nào về các buổi nói chuyện của tôi về cuốn sách này có sẵn; mặc dù tôi đã nói nhiều về nó, những buổi nói chuyện đó không thể phục hồi được. Không có buổi nói chuyện nào trong số này đã được xuất bản trước đây, ngoại trừ một số bài giảng của Giám mục Leadbeater cho các sinh viên được chọn về Dưới Chân Thầy. Một cuốn sách có tựa đề Đàm Thoại về "Dưới Chân Thầy" đã được xuất bản vài năm trước, chứa các báo cáo không hoàn chỉnh về một số buổi nói chuyện của ông. Cuốn sách đó sẽ không được tái bản; tài liệu thiết yếu trong đó được đưa vào đây, được cô đọng và biên tập cẩn thận. Mong rằng cuốn sách này giúp một số huynh đệ trẻ của chúng ta hiểu thêm về những

giáo lý vô giá này. Càng nghiên cứu và sống theo chúng, càng tìm thấy nhiều điều trong đó.

Annie Besant

Annie Besant

PART I

LIGHT ON THE PATH

CHAPTER I

INTRODUCTION—GIỚI THIỆU

A.B.—*Light on the Path* is one of a number of different occult treatises which are in the care of the great Teachers and are used in the instruction of disciples. It is a part of *The Book of the Golden Precepts,* which contains many treatises which were written in different ages of the world, but have one characteristic in common, that they contain occult truth, and have therefore to be studied in a different way from ordinary books. The understanding of these treatises depends upon the capacity of the reader, and when any one of them is published to the world only distorted views of its teaching will be acquired, if it is taken literally.

A.B.—*Ánh Sáng Trên Đường Đạo* là một trong số các luận văn huyền bí khác nhau được các Huấn Sư vĩ đại chăm sóc và được sử dụng trong việc giảng dạy đệ tử. Nó là một phần của *Cuốn Sách Các Giới Luật Vàng,* chứa nhiều luận văn được viết trong các thời đại khác nhau của thế giới, nhưng có một đặc điểm chung, đó là chúng chứa đựng chân lý huyền bí, và do đó phải được nghiên cứu theo cách khác với các cuốn sách thông thường. Sự hiểu biết về những luận văn này phụ thuộc vào khả năng của người đọc, và khi bất kỳ cuốn nào trong số chúng được xuất bản ra thế giới, chỉ những quan điểm méo mó về giáo lý của nó sẽ được tiếp thu, nếu nó được hiểu theo nghĩa đen.

Definitely intended for the quickening of the evolution of those who are on the Path, this book puts forward ideals which people of the world are rarely prepared to accept. Only as far as a man is able and willing to live the teaching, will he be able to understand it. If he does not practise it, it will remain a sealed book to him. Any effort to live it will throw light upon it; but if the reader makes no effort, he will not only gain very little, but he will turn against the book and say that it is useless.

Rõ ràng được định hướng để thúc đẩy sự tiến hóa của những người đang trên Đường Đạo, cuốn sách này đưa ra những lý tưởng mà người đời hiếm khi sẵn sàng chấp nhận. Chỉ khi một người có khả năng và sẵn lòng sống theo giáo lý, anh ta mới có thể hiểu được nó. Nếu anh ta không thực hành nó, nó sẽ vẫn là một cuốn sách đóng kín đối với anh ta. Bất kỳ nỗ lực nào để sống theo nó sẽ soi sáng cho nó; nhưng nếu người đọc không nỗ lực, anh ta không chỉ thu được rất ít, mà còn quay lưng lại với cuốn sách và nói rằng nó vô dụng.

This treatise falls naturally into certain divisions. It was given to the Western world by the Master Hilarion, one of the great Teachers belonging to the White Lodge—a Master who played a great part in the Gnostic and Neoplatonic movements, one of the great persons who made attempts to keep Christianity alive. His incarnations have run very much in Greece and Rome, and He takes special interest in guiding the evolution of the Western world. He obtained the book as we

Luận văn này tự nhiên chia thành các phần nhất định. Nó được trao cho thế giới phương Tây bởi Chân sư Hilarion, một trong những Huấn Sư vĩ đại thuộc về Thánh đoàn Chánh đạo—một Chân sư đã đóng vai trò lớn trong các phong trào Ngộ đạo và Tân Platon, một trong những nhân vật vĩ đại đã cố gắng giữ cho Cơ Đốc giáo sống động. Các hóa thân của Ngài chủ yếu diễn ra ở Hy Lạp và La Mã, và Ngài đặc biệt quan tâm đến việc hướng dẫn sự tiến hóa của thế giới phương Tây. Ngài đã nhận được

have it, without the notes, from the Venetian Master, one of the greater Teachers whom H.P.B. spoke of as Chohans.

cuốn sách như chúng ta có, không có các ghi chú, từ Chân sư Venetian, một trong những Huấn Sư vĩ đại hơn mà H.P.B. đã nói đến như các Đức Đế Quân.

Fifteen of the short rules that you find in the first part of this book, and fifteen in the second part, are exceedingly old, and were written in the most ancient Sanskrit. To these short sentences which are used as a basis for the instruction of the disciple, the Chohan added other sentences, which now form part of the book, and are always to be read along with them, to supply complementary ideas without which the reader might be led astray. All the rules in both parts of the book, except the thirty short aphorisms, were written by the Chohan who gave it to the Master Hilarion. The following table shows the fifteen short rules in Part I as they existed in the exceedingly ancient manuscript; the number at the beginning of each is the original one, but the number at the end is that which appears in the modern book.

Mười lăm Quy luật ngắn mà bạn tìm thấy trong phần đầu của cuốn sách này, và mười lăm Quy luật trong phần thứ hai, cực kỳ cổ xưa, và được viết bằng tiếng Sanskrit cổ nhất. Đối với những câu ngắn này được sử dụng làm cơ sở cho việc giảng dạy đệ tử, Đức Đế Quân đã thêm các câu khác, hiện nay là một phần của cuốn sách, và luôn được đọc cùng với chúng, để cung cấp các ý tưởng bổ sung mà nếu không có, người đọc có thể bị lạc lối. Tất cả các Quy luật trong cả hai phần của cuốn sách, ngoại trừ ba mươi câu cách ngôn ngắn, đều được viết bởi Đức Đế Quân đã trao nó cho Chân sư Hilarion. Bảng sau đây cho thấy mười lăm Quy luật ngắn trong Phần I như chúng tồn tại trong bản thảo cực kỳ cổ xưa; số ở đầu mỗi Quy luật là số gốc, nhưng số ở cuối là số xuất hiện trong cuốn sách hiện đại.

It will be noticed from the above table (which covers only Part I of the book) that rules 4, 8, 12, 16, 20 and 21 are absent from the list. That is because they do not belong to the most ancient part of the book. Those rules and the preliminary and concluding comments are the portion added by the greater One who gave it to the Master. In addition there are notes, which were written by the Master Hilarion Himself. The book as originally published in 1885 contained these three portions: the aphorisms from the ancient manuscript, the additions of the Chohan, and the notes of the Master Hilarion. All these were written down by Mabel Collins, who acted as the physical instrument, as the pen that wrote it. The Master was Himself the translator of the book, and He impressed it upon her brain. His was the hand that held the

Sẽ thấy từ bảng trên (chỉ bao gồm Phần I của cuốn sách) rằng các Quy luật 4, 8, 12, 16, 20 và 21 không có trong danh sách. Đó là vì chúng không thuộc phần cổ xưa nhất của cuốn sách. Những Quy luật đó và các bình luận mở đầu và kết thúc là phần được thêm vào bởi Đấng vĩ đại hơn đã trao nó cho Chân sư. Ngoài ra còn có các ghi chú, được viết bởi chính Chân sư Hilarion. Cuốn sách khi được xuất bản lần đầu vào năm 1885 chứa ba phần này: các câu cách ngôn từ bản thảo cổ xưa, các bổ sung của Đức Đế Quân, và các ghi chú của Chân sư Hilarion. Tất cả những điều này được viết xuống bởi Mabel Collins, người đã đóng vai trò như công cụ vật lý, như cây bút đã viết nó. Chân sư chính là người dịch cuốn sách, và Ngài đã in sâu nó vào não bà. Ngài là người cầm bút. Sau đó, trong tạp chí Lucifer xuất hiện dưới tiêu đề "Bình luận" một vài bài viết được viết bởi Mabel

pen. Then there subsequently appeared in *Lucifer* under the title of "Comments" a few articles which were written by Mabel Collins under the influence of the Master, and which are exceedingly valuable, worth reading and studying.

Collins dưới ảnh hưởng của Chân sư, và chúng cực kỳ quý giá, đáng đọc và nghiên cứu.

Now, taking up the book itself, we first find the following statement:

Bây giờ, khi cầm cuốn sách lên, chúng ta đầu tiên thấy tuyên bố sau:

> These rules are written for all disciples: Attend you to them.

> Những Quy luật này được viết cho tất cả các đệ tử: Hãy chú ý đến chúng.

A distinction is made here between the world and the disciples; this is not a book intended for the world in general. The word disciple is to be considered in two senses—the uninitiated and the initiated. In reading the book carefully we can trace the two distinct lines of teaching clothed in the same words; each sentence contains a double meaning, one intended for the more and the other for the less advanced. We will try to trace them out when we come to the preliminary statements. The second part of the treatise appears to be intended entirely for the initiated disciple, but this duality runs through the first part.

Một sự phân biệt được thực hiện ở đây giữa thế giới và các đệ tử; đây không phải là một cuốn sách dành cho thế giới nói chung. Từ đệ tử cần được xem xét theo hai nghĩa—người chưa được điểm đạo và người đã được điểm đạo. Khi đọc kỹ cuốn sách, chúng ta có thể theo dõi hai dòng giảng dạy riêng biệt được bao bọc trong cùng một từ ngữ; mỗi câu chứa đựng một ý nghĩa kép, một dành cho người tiến bộ hơn và một dành cho người kém tiến bộ hơn. Chúng ta sẽ cố gắng theo dõi chúng khi chúng ta đến các tuyên bố mở đầu. Phần thứ hai của luận văn dường như hoàn toàn dành cho đệ tử đã được điểm đạo, nhưng sự nhị nguyên này chạy xuyên suốt phần đầu tiên.

Many persons not yet approaching discipleship entirely misunderstand these rules, and often criticize them as holding up^ an ideal which is hard and wanting in sympathy. This is constantly the case when an ideal is presented which is too high for the reader. No person is helped by an ideal, however noble in itself, which to him is not attractive; it is a practical lesson for dealing with human beings that we should put before them only such ideals as may attract them. With all books of this kind that which a man gets out of them is what he brings to them; his understanding depends upon his own power

Nhiều người chưa tiếp cận địa vị đệ tử hoàn toàn hiểu sai những Quy luật này, và thường chỉ trích chúng như là đưa ra một lý tưởng khó khăn và thiếu sự đồng cảm. Điều này thường xuyên xảy ra khi một lý tưởng được trình bày quá cao đối với người đọc. Không ai được giúp đỡ bởi một lý tưởng, dù cao quý đến đâu, mà đối với anh ta không hấp dẫn; đó là một bài học thực tế khi đối phó với con người rằng chúng ta chỉ nên đặt trước họ những lý tưởng có thể thu hút họ. Với tất cả các cuốn sách loại này, điều mà một người nhận được từ chúng là những gì anh ta mang đến cho chúng; sự hiểu biết của anh ta phụ thuộc vào khả năng của

to answer to the thoughts which they contain. Even material things exist for us only if we have developed the organs which can respond to them; hence at the present time there are hundreds of vibrations playing upon us to which we are incapable of giving heed. Sir William Crookes once illustrated this very well when he was trying to show how circumscribed was our knowledge of electricity, and how great therefore was the possibility of progress in electrical science. He said that it would make an enormous difference to us, would in fact revolutionize our ideas, if we had organs answering to electrical vibrations instead of eyes sensitive to light vibrations. In dry air we should not be conscious of anything, for it does not conduct electricity. A house made of glass would be opaque, but an ordinary house would be transparent. A silver wire would look like a hole or tunnel in the air. What we know of the world thus depends upon our response to its vibrations. Similarly, if we cannot answer to a truth, it is not truth for us. So, when dealing with books written by occultists we can only catch their thought in proportion to our own spiritual advancement. Any part of their thought which is too subtle or too high simply passes by us as if it were not there.

chính anh ta để đáp ứng với những ý tưởng mà chúng chứa đựng. Ngay cả những điều vật chất cũng chỉ tồn tại đối với chúng ta nếu chúng ta đã phát triển các cơ quan có thể đáp ứng với chúng; do đó, hiện tại có hàng trăm rung động đang tác động lên chúng ta mà chúng ta không thể chú ý đến. Sir William Crookes đã minh họa điều này rất tốt khi ông cố gắng chỉ ra sự hạn chế của kiến thức của chúng ta về điện, và do đó khả năng tiến bộ lớn trong khoa học điện. Ông nói rằng nó sẽ tạo ra một sự khác biệt to lớn đối với chúng ta, thực sự sẽ cách mạng hóa ý tưởng của chúng ta, nếu chúng ta có các cơ quan đáp ứng với các rung động điện thay vì mắt nhạy cảm với các rung động ánh sáng. Trong không khí khô, chúng ta sẽ không nhận thức được bất cứ điều gì, vì nó không dẫn điện. Một ngôi nhà làm bằng kính sẽ trở nên mờ đục, nhưng một ngôi nhà thông thường sẽ trở nên trong suốt. Một dây bạc sẽ trông giống như một lỗ hoặc đường hầm trong không khí. Những gì chúng ta biết về thế giới do đó phụ thuộc vào sự đáp ứng của chúng ta với các rung động của nó. Tương tự, nếu chúng ta không thể đáp ứng với một chân lý, nó không phải là chân lý đối với chúng ta. Vì vậy, khi đối phó với các cuốn sách được viết bởi các nhà huyền bí học, chúng ta chỉ có thể nắm bắt ý tưởng của họ theo tỷ lệ với sự tiến bộ tinh thần của chính chúng ta. Bất kỳ phần nào của ý tưởng của họ quá tinh tế hoặc quá cao đơn giản là đi qua chúng ta như thể nó không tồn tại.

Much more can be got out of this book by meditation than by mere reading; its greatest value is that it gives directions to our meditation. Pick out a single sentence and then meditate upon it; stop the working of the lower mind and awaken the inner consciousness which comes directly in contact with the thought. One may thus get away from images of the concrete mind to a direct perception of the truth. Meditation thus

Nhiều điều hơn có thể được rút ra từ cuốn sách này thông qua thiền định hơn là chỉ đọc; giá trị lớn nhất của nó là nó đưa ra hướng dẫn cho thiền định của chúng ta. Chọn một câu đơn lẻ và sau đó thiền định về nó; dừng hoạt động của hạ trí và đánh thức tâm thức bên trong vốn tiếp xúc trực tiếp với ý tưởng. Một người có thể thoát khỏi các hình ảnh của trí cụ thể để có một nhận thức trực tiếp về chân lý. Thiền định do đó cho phép một người đạt được trong não

enables one to obtain in the brain a large amount of the direct knowledge of the truth which the ego has acquired in his own worlds. Still, a man who meditates, but does not read or listen to a teacher as well, although he is sure to progress on the spiritual plane, will do so only slowly. If he had had the additional advantage of reading or listening, he would advance far more rapidly. The lecture or study can tune the brain of the student so that it will obtain more knowledge through meditation. But for a man who only listens or reads, and does not meditate, hardly any advancement is possible, and progress is exceedingly slow. Both should be combined; much meditation and a little hearing or reading will carry a man far indeed.

một lượng lớn kiến thức trực tiếp về chân lý mà chân ngã đã đạt được trong các cõi giới của chính mình. Tuy nhiên, một người thiền định, nhưng không đọc hoặc lắng nghe một giáo viên, mặc dù chắc chắn sẽ tiến bộ trên cõi tinh thần, sẽ chỉ tiến bộ chậm. Nếu anh ta có thêm lợi thế của việc đọc hoặc lắng nghe, anh ta sẽ tiến bộ nhanh hơn nhiều. Bài giảng hoặc nghiên cứu có thể điều chỉnh não của học sinh để nó sẽ đạt được nhiều kiến thức hơn thông qua thiền định. Nhưng đối với một người chỉ lắng nghe hoặc đọc, và không thiền định, hầu như không có tiến bộ nào có thể, và tiến bộ là cực kỳ chậm. Cả hai nên được kết hợp; nhiều thiền định và một chút nghe hoặc đọc sẽ đưa một người đi rất xa.

C.W.L.—On the title-page of the first edition of *Light on the Path,* published in 1885, it is described as: "A treatise written for the personal use of those who are ignorant of ' the Eastern Wisdom, and who desire to enter within its influence." But the book itself begins with the statement that these rules are written for all disciples. The latter description is surely the more accurate one, as the history of the book will show.

C.W.L.—Trên trang tiêu đề của ấn bản đầu tiên của Ánh Sáng Trên Đường Đạo, xuất bản năm 1885, nó được mô tả là: "Một luận văn được viết cho việc sử dụng cá nhân của những người không biết về 'Minh Triết Phương Đông, và những người mong muốn bước vào ảnh hưởng của nó." Nhưng cuốn sách tự nó bắt đầu với tuyên bố rằng những Quy luật này được viết cho tất cả các đệ tử. Mô tả sau chắc chắn là chính xác hơn, như lịch sử của cuốn sách sẽ cho thấy.

As we have it at present it was dictated by the Master Hilarion through Mabel Collins—a lady well known in Theosophical circles, who at one time collaborated with Madame Blavatsky in the editorship of *Lucifer.* The Master Hilarion had in turn received it from His own Teacher, the Great One who among Theosophical students is sometimes called the Venetian. But even He was the author of only a part of it. It has passed through three phases; let us set them down in order.

Như chúng ta có hiện nay, nó được Chân sư Hilarion truyền đạt qua Mabel Collins—một quý bà nổi tiếng trong các vòng tròn Thông Thiên Học, người từng cộng tác với Madame Blavatsky trong việc biên tập tạp chí Lucifer. Chân sư Hilarion đã nhận được nó từ chính Huấn Sư của Ngài, Đấng Vĩ Đại mà trong số các sinh viên Thông Thiên Học đôi khi được gọi là Venetian. Nhưng ngay cả Ngài cũng chỉ là tác giả của một phần của nó. Nó đã trải qua ba giai đoạn; hãy để chúng ta liệt kê chúng theo thứ tự.

It is but a small book even now, but the first

Nó chỉ là một cuốn sách nhỏ ngay cả bây giờ,

form in which we have seen it is smaller yet. It is a palm-leaf manuscript, old beyond computation; so old that even before the time of Christ men had already forgotten its date and the name of its writer, and regarded its origin as lost in the mists of prehistoric antiquity. It consists of ten leaves, and on each leaf are written three lines only, for in a palm-leaf manuscript the lines run along the page, not across it as with us. Each line is complete in itself—a short aphorism—and the language in which they are written is an archaic form of Sanskrit.

nhưng hình thức đầu tiên mà chúng ta đã thấy nó còn nhỏ hơn nữa. Đó là một bản thảo lá cọ, cổ xưa không thể tính toán; cổ xưa đến mức ngay cả trước thời của Đức Christ, người ta đã quên mất ngày tháng và tên của người viết nó, và coi nguồn gốc của nó như bị mất trong sương mù của thời tiền sử. Nó bao gồm mười lá, và trên mỗi lá chỉ có ba dòng được viết, vì trong một bản thảo lá cọ, các dòng chạy dọc theo trang, không phải ngang qua như với chúng ta. Mỗi dòng là hoàn chỉnh trong chính nó—một câu cách ngôn ngắn—và ngôn ngữ mà chúng được viết là một dạng cổ xưa của tiếng Sanskrit.

The Venetian Master translated these aphorisms from Sanskrit into Greek, for the use of His Alexandrian pupils, of whom the Master Hilarion was one, in His incarnation as Iamblichus. Not only did He translate the aphorisms, but He added to them certain explanations, which we shall do well to take along with the original. For example, if we look at the first three aphorisms, we shall see that the paragraph marked 4, which follows them, is clearly intended as a commentary on them; so we should read it thus: "Kill out ambition; but work as those work who are ambitious. Kill out desire of life; but respect life as those do who desire it. Kill out desire of comfort; but be happy as those are who live for happiness."

Chân sư Venetian đã dịch những câu cách ngôn này từ tiếng Sanskrit sang tiếng Hy Lạp, để sử dụng cho các học trò Alexandria của Ngài, trong đó có Chân sư Hilarion, trong hóa thân của Ngài là Iamblichus. Không chỉ Ngài dịch các câu cách ngôn, mà Ngài còn thêm vào chúng những giải thích nhất định, mà chúng ta sẽ làm tốt khi lấy cùng với bản gốc. Ví dụ, nếu chúng ta nhìn vào ba câu cách ngôn đầu tiên, chúng ta sẽ thấy rằng đoạn được đánh dấu 4, theo sau chúng, rõ ràng được dự định như một bình luận về chúng; vì vậy chúng ta nên đọc nó như sau: "Giết chết tham vọng; nhưng làm việc như những người làm việc có tham vọng. Giết chết ham muốn sống; nhưng tôn trọng sự sống như những người mong muốn nó. Giết chết ham muốn thoải mái; nhưng hãy hạnh phúc như những người sống vì hạnh phúc."

In the same way rules, 5, 6 and 7 form a group, followed by 8, which is a comment by the Chohan—and so on far into the book. These groups of three are not put so by mere coincidence, but intentionally. If we examine them we shall find that there is a certain bond between the three in each case. For example, the three rules grouped together above point to purity of heart and steadiness of spirit.

Tương tự, các Quy luật 5, 6 và 7 tạo thành một nhóm, theo sau bởi 8, là một bình luận của Đức Đế Quân—và cứ thế tiếp tục vào sâu trong cuốn sách. Những nhóm ba này không được đặt như vậy chỉ do ngẫu nhiên, mà là có chủ ý. Nếu chúng ta xem xét chúng, chúng ta sẽ thấy rằng có một mối liên kết nhất định giữa ba Quy luật trong mỗi trường hợp. Ví dụ, ba Quy luật được nhóm lại ở trên chỉ ra sự trong sạch của

One may say that they indicate what the man must do with himself, what is his duty to himself in the way of preparation for work.

tâm hồn và sự kiên định của tinh thần. Người ta có thể nói rằng chúng chỉ ra những gì người đàn ông phải làm với chính mình, nhiệm vụ của anh ta đối với chính mình trong việc chuẩn bị cho công việc.

The second set of three aphorisms (numbers 5 to 8) states that we are to kill out all sense of separateness, desire for sensation, and the hunger for growth. They indicate man's duty to those around him socially. He must realize that he is one with others. He must be willing to give up selfish and separate pleasures. He must kill out the desire for personal growth, and work for the growth of the whole.

Bộ ba câu cách ngôn thứ hai (số 5 đến 8) tuyên bố rằng chúng ta phải giết chết mọi cảm giác tách biệt, ham muốn cảm giác, và sự khao khát phát triển. Chúng chỉ ra nhiệm vụ của con người đối với những người xung quanh anh ta về mặt xã hội. Anh ta phải nhận ra rằng anh ta là một với người khác. Anh ta phải sẵn lòng từ bỏ những niềm vui ích kỷ và tách biệt. Anh ta phải giết chết ham muốn phát triển cá nhân, và làm việc cho sự phát triển của toàn thể.

In the next set of three (numbers 9 to 12) we are told what to desire—that which is within us, that which is beyond us, and that which is unattainable. These are clearly a man's duty to his Higher Self. Then follow aphorisms (13 to 16) on the desire for power, peace and possessions. Those are all desires which fit us for the work of the Path. The next group of rules (17 to 20) tell the aspirant how to seek the way.

Trong bộ ba tiếp theo (số 9 đến 12) chúng ta được bảo những gì cần khao khát—điều ở bên trong chúng ta, điều vượt ra ngoài chúng ta, và điều không thể đạt được. Đây rõ ràng là nhiệm vụ của con người đối với Chân Ngã của mình. Sau đó là các câu cách ngôn (13 đến 16) về ham muốn quyền lực, hòa bình và sở hữu. Đó đều là những ham muốn phù hợp cho công việc trên Đường Đạo. Nhóm Quy luật tiếp theo (17 đến 20) chỉ cho người chí nguyện cách tìm kiếm con đường.

The rules now numbered 4, 8, 12, etc., are explanations and amplifications by the Venetian Master. They, with the original aphorisms, formed the book as it was first published in 1885, for the Master Hilarion translated it from Greek into English and gave it in that form. Almost immediately after it was printed. He added to it a number of most valuable notes of His own. For that first edition those notes were printed on separate pages, the backs of which were gummed so that they might be attached at the beginning and the end of the little book which bad just passed through the press. In further editions, those notes have been inserted in their

Các Quy luật hiện được đánh số 4, 8, 12, v.v., là những giải thích và mở rộng của Chân sư Venetian. Chúng, cùng với các câu cách ngôn gốc, tạo thành cuốn sách như nó đã được xuất bản lần đầu vào năm 1885, vì Chân sư Hilarion đã dịch nó từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Anh và đưa ra dưới hình thức đó. Gần như ngay sau khi nó được in, Ngài đã thêm vào đó một số ghi chú cực kỳ quý giá của riêng Ngài. Đối với ấn bản đầu tiên, những ghi chú đó được in trên các trang riêng biệt, mặt sau của chúng được dán keo để có thể gắn vào đầu và cuối của cuốn sách nhỏ vừa mới qua máy in. Trong các ấn bản tiếp theo, những ghi chú đó đã được chèn vào các vị trí thích hợp của chúng.

appropriate places.

The beautiful little essay on Karma which appears at the end of the book is also from the hand of the Venetian Master, and was included in the book from the first edition.

Bài tiểu luận nhỏ đẹp đẽ về Nghiệp quả xuất hiện ở cuối cuốn sách cũng từ tay của Chân sư Venetian, và đã được đưa vào cuốn sách từ ấn bản đầu tiên.

The archaic Sanskrit manuscript which was the basis of *Light on the Path* was also translated into Egyptian; and many of the explanations of the Venetian Master have more the ring of Egyptian than of Indian teaching. Therefore, the student who can enter to some extent into the spirit of that old civilization will find it a great help to his understanding of this book. The conditions which surrounded us in ancient Egypt were radically different from those of the present day. It is almost impossible to make people understand them now; yet if we could get back into the mental attitude of those ancient times we should realize a very great deal which now, I am afraid, we miss. We are in the habit of thinking too much of the intellect of the present day, and are fond of boasting of the advance we have made beyond the old civilizations. There undoubtedly are certain points in which we have advanced beyond them, but there are other matters in which we are by no means at their level. The comparison is perhaps a little unfair, however, because as yet ours is a very young civilization. If we go back three hundred years in the history of Europe, and especially the history of England, we find a state of affairs which seems very uncivilized indeed. When we compare these three hundred years, including the one hundred and fifty years of scientific development which have played so large a part in our civilized history, with the four thousand years through which the Egyptian civilization flourished practically unchanged, we see at once that ours is a very small affair. Any civilization which has lasted as long as

Bản thảo Sanskrit cổ xưa là cơ sở của Ánh Sáng Trên Đường Đạo cũng đã được dịch sang tiếng Ai Cập; và nhiều giải thích của Chân sư Venetian có âm hưởng của giáo lý Ai Cập hơn là Ấn Độ. Do đó, học sinh có thể nhập vào một mức độ nào đó tinh thần của nền văn minh cổ xưa đó sẽ thấy nó là một sự trợ giúp lớn cho sự hiểu biết của mình về cuốn sách này. Các điều kiện bao quanh chúng ta ở Ai Cập cổ đại khác biệt hoàn toàn với những điều kiện của ngày nay. Gần như không thể làm cho mọi người hiểu chúng bây giờ; tuy nhiên, nếu chúng ta có thể quay trở lại thái độ tinh thần của những thời đại cổ xưa đó, chúng ta sẽ nhận ra rất nhiều điều mà bây giờ, tôi e rằng, chúng ta bỏ lỡ. Chúng ta có thói quen suy nghĩ quá nhiều về trí tuệ của ngày nay, và thích khoe khoang về sự tiến bộ mà chúng ta đã đạt được so với các nền văn minh cổ xưa. Chắc chắn có những điểm mà chúng ta đã tiến bộ hơn họ, nhưng có những vấn đề khác mà chúng ta không hề ở mức độ của họ. Tuy nhiên, so sánh có lẽ hơi không công bằng, vì hiện tại nền văn minh của chúng ta còn rất trẻ. Nếu chúng ta quay lại ba trăm năm trong lịch sử châu Âu, và đặc biệt là lịch sử nước Anh, chúng ta sẽ thấy một tình trạng dường như rất không văn minh. Khi chúng ta so sánh ba trăm năm này, bao gồm một trăm năm mươi năm phát triển khoa học đã đóng vai trò lớn trong lịch sử văn minh của chúng ta, với bốn ngàn năm mà nền văn minh Ai Cập đã phát triển hầu như không thay đổi, chúng ta thấy ngay rằng của chúng ta là một việc rất nhỏ. Bất kỳ nền văn minh nào đã tồn tại lâu như bốn ngàn năm đã có cơ hội thử nghiệm mọi loại thí nghiệm và đạt được kết quả mà chúng ta chưa có, vì vậy không công

four thousand years has had an opportunity to try all sorts of experiments and to obtain results which we have not had yet, so it is not fair to compare us at our beginning with any of the great civilizations at their zenith.

bằng khi so sánh chúng ta ở giai đoạn đầu với bất kỳ nền văn minh vĩ đại nào ở đỉnh cao của họ.

Our fifth sub-race has by no means reached its highest point or its greatest glory, and that point when reached will be a definite advance upon all other civilizations, especially in certain respects. It will have its own characteristics and some of them may seem to us less pleasing than those of the earlier civilizations, but on the whole it will be an advance, because the successive races are like the tide when the waves are coming in. Each comes in and recedes, and the next one comes in just a little further. They all have their rise and climax, and their decay. With us the tide is still rising, so we have not yet the settled order in certain respects that they had in some of the older civilizations. We are, unfortunately, far as yet from the realization of unselfishness—from the feeling that the community as a whole is the chief thing to be considered and not the individual. That was attained in some of the older civilizations to an extent which would make it seem to us now a kind of Utopia, but on the other hand we are growing into possession of powers which those older peoples did not possess. There was a short period in the early history of Rome when “none was for the party and all were for the State”, as Macaulay put it. Pythagoras, speaking to the people at Taormina, told them that the State was more than father and mother, more even than wife and child, and that every man should always be ready to give up his own thoughts, feeling and wishes for the sake of unity—for the *res publica,* the original of ‘republic’, the common weal or well-being of the whole, to which every one should be willing to sacrifice his personal interests. In England, too, in the days

Giống dân phụ thứ năm của chúng ta chưa đạt đến đỉnh cao nhất hay vinh quang lớn nhất của nó, và khi đạt đến điểm đó, nó sẽ là một bước tiến rõ rệt so với tất cả các nền văn minh khác, đặc biệt là ở một số khía cạnh nhất định. Nó sẽ có những đặc điểm riêng và một số trong đó có thể dường như ít dễ chịu hơn so với các nền văn minh trước đó, nhưng nhìn chung nó sẽ là một bước tiến, vì các giống dân kế tiếp giống như thủy triều khi các con sóng đang dâng lên. Mỗi con sóng đến và rút đi, và con sóng tiếp theo tiến xa hơn một chút. Tất cả đều có sự trỗi dậy và đỉnh cao, và sự suy tàn của chúng. Với chúng ta, thủy triều vẫn đang dâng lên, vì vậy chúng ta chưa có trật tự ổn định ở một số khía cạnh mà họ đã có trong một số nền văn minh cổ xưa. Chúng ta, đáng tiếc, vẫn còn xa việc nhận thức được sự vô tư—từ cảm giác rằng cộng đồng là điều chính yếu cần được xem xét chứ không phải cá nhân. Điều đó đã đạt được trong một số nền văn minh cổ xưa đến mức mà bây giờ có vẻ như là một loại Utopia, nhưng mặt khác chúng ta đang phát triển để sở hữu những quyền năng mà những người xưa không có. Có một giai đoạn ngắn trong lịch sử đầu tiên của Rome khi "không ai vì đảng phái và tất cả vì Nhà nước", như Macaulay đã nói. Pythagoras, khi nói chuyện với người dân ở Taormina, đã nói với họ rằng Nhà nước quan trọng hơn cả cha mẹ, thậm chí hơn cả vợ và con, và rằng mỗi người đàn ông nên luôn sẵn sàng từ bỏ suy nghĩ, cảm xúc và mong muốn của mình vì sự thống nhất—vì res publica, nguồn gốc của 'cộng hòa', lợi ích chung hoặc sự thịnh vượng của toàn thể, mà mỗi người nên sẵn lòng hy sinh lợi ích cá nhân của mình. Ở Anh, cũng vậy, trong thời kỳ của Nữ hoàng Elizabeth, đã có một giai đoạn của

of Queen Elizabeth, there was a period of such true patriotic feeling and activity.

cảm giác và hoạt động yêu nước chân chính như vậy.

I do not mean that in ancient Egypt or in ancient Greece, or anywhere else in the world, all the people were unselfish. Not by any means, but all educated people took a very much wider view, a much more communal view of life than we do. They thought very much more of the State and much less of their individual welfare or progress. We shall attain to that too, and when we do we ought to realize it more fully than any of the ancient races, and also bring to it some development which the older races had not.

Tôi không có ý nói rằng ở Ai Cập cổ đại hay Hy Lạp cổ đại, hay bất kỳ nơi nào khác trên thế giới, tất cả mọi người đều vô tư. Không phải như vậy, nhưng tất cả những người có học thức đều có cái nhìn rộng hơn rất nhiều, một cái nhìn cộng đồng hơn về cuộc sống so với chúng ta. Họ nghĩ nhiều hơn về Nhà nước và ít hơn về phúc lợi hoặc tiến bộ cá nhân của họ. Chúng ta cũng sẽ đạt được điều đó, và khi chúng ta làm được, chúng ta nên nhận thức nó đầy đủ hơn bất kỳ giống dân cổ xưa nào, và cũng mang đến cho nó một số phát triển mà các giống dân cũ không có.

If, then, we could get back into that old Egyptian outlook, we should understand *Light on the Path* very much better. The student will do well to try to produce that attitude in himself in his study of it, so that it may help him to put himself into the place of those who studied it in the older times.

Nếu vậy, nếu chúng ta có thể quay trở lại quan điểm cũ của người Ai Cập, chúng ta sẽ hiểu Ánh sáng trên Đường Đạo tốt hơn rất nhiều. Học viên sẽ làm tốt nếu cố gắng tạo ra thái độ đó trong bản thân khi nghiên cứu nó, để nó có thể giúp anh ta đặt mình vào vị trí của những người đã nghiên cứu nó trong thời kỳ cổ xưa.

It is easy for some of us who have undergone the training that enables us to remember our past lives. I remember my own last incarnation in Greece, where I took part in the Eleusinian Mysteries, and another life much earlier in which the great Mysteries of Egypt, of which some remnants still exist in Freemasonry, figured largely, and that enables me to get more good out of such books as this than I could without such memory. Even impressions from the past, giving a sense of atmosphere, are a great help. Egyptian or Indian, there is no more precious gem in our Theosophical literature—no book which will better repay the most careful and detailed study.

Đối với một số người trong chúng ta đã trải qua sự huấn luyện cho phép chúng ta nhớ lại các kiếp sống trước của mình, điều này rất dễ dàng. Tôi nhớ lại kiếp sống cuối cùng của mình ở Hy Lạp, nơi tôi tham gia vào các Bí ẩn Eleusinian, và một kiếp sống khác sớm hơn nhiều trong đó các Bí ẩn lớn của Ai Cập, mà một số tàn dư vẫn tồn tại trong Hội Tam Điểm, đóng vai trò lớn, và điều đó cho phép tôi thu được nhiều lợi ích hơn từ những cuốn sách như thế này so với khi không có ký ức như vậy. Ngay cả những ấn tượng từ quá khứ, mang lại cảm giác về bầu không khí, cũng là một sự trợ giúp lớn. Ai Cập hay Ấn Độ, không có viên ngọc quý nào trong văn học Thông Thiên Học của chúng ta—không có cuốn sách nào sẽ đền đáp tốt hơn cho việc nghiên cứu cẩn thận và chi tiết nhất.

As already explained, *Light on the Path* was the first of three treatises which occupy an unique position in our Theosophical literature, as they give directions from Those who have trodden the Path to those who desire to tread it. I remember that the late Swami T. Subba Row once told us that its precepts had several layers of meaning—that they could be taken over and over again as directions for different stages. First, they are useful for the aspirants —those who are treading the probationary path. Then they begin all over again at a higher level for him who has entered upon the Path proper through the portal of the first of the great Initiations. And yet again, when Adeptship has been attained, it is said that once more, in some still higher sense, these same precepts may be taken as directions for one who presses onwards to still higher achievements. In this way, for the man who can understand it in the whole of its mystic meaning, this manual carries us farther than any other. These books which are definitely written for the quickening of the evolution of those who are on the Path put forward ideals which men in the world are usually not prepared to accept. Even among students there may be some who wonder at the form in which the teaching is given. The only way to understand it is to take it for granted and try to live it. In *At the Feet of the Master* it is said that it is not enough to say that it is poetic and beautiful; a man who wishes to succeed must do exactly what the Master says, attending to every word and taking every hint. That is equally true of this book. The man who does not try to live according to the teaching will constantly come up against points in it which will ruffle him—with which he will find himself quite out of agreement; but if he tries to live it, the sense in which it is to be taken will eventually dawn upon him. Any honest effort really to live the teaching always throws light on it, and that is the only way in which

Như đã giải thích, Ánh sáng trên Đường Đạo là cuốn đầu tiên trong ba luận thuyết chiếm vị trí độc đáo trong văn học Thông Thiên Học của chúng ta, vì chúng đưa ra chỉ dẫn từ Những Người đã đi trên Đường Đạo cho những ai mong muốn đi trên đó. Tôi nhớ rằng cố Swami T. Subba Row đã từng nói với chúng tôi rằng các giới luật của nó có nhiều lớp ý nghĩa—rằng chúng có thể được lấy đi và lặp lại nhiều lần như chỉ dẫn cho các giai đoạn khác nhau. Đầu tiên, chúng hữu ích cho những người chí nguyện—những người đang đi trên con đường dự bị. Sau đó, chúng bắt đầu lại từ đầu ở một cấp độ cao hơn cho người đã bước vào Đường Đạo chính thức qua cổng của lần Điểm Đạo lớn đầu tiên. Và một lần nữa, khi đã đạt được Địa vị Chân sư, người ta nói rằng một lần nữa, theo một nghĩa cao hơn nữa, những giới luật này có thể được xem như chỉ dẫn cho người đang tiến tới những thành tựu cao hơn nữa. Theo cách này, đối với người có thể hiểu nó trong toàn bộ ý nghĩa thần bí của nó, cuốn sách này đưa chúng ta đi xa hơn bất kỳ cuốn sách nào khác. Những cuốn sách này được viết rõ ràng để thúc đẩy sự tiến hóa của những người đang trên Đường Đạo đưa ra những lý tưởng mà con người trong thế giới thường không sẵn sàng chấp nhận. Ngay cả trong số các học viên cũng có thể có một số người ngạc nhiên trước hình thức mà giáo lý được đưa ra. Cách duy nhất để hiểu nó là chấp nhận nó và cố gắng sống theo nó. Trong Dưới Chân Thầy có nói rằng không đủ để nói rằng nó là thơ mộng và đẹp đẽ; một người muốn thành công phải làm chính xác những gì Thầy nói, chú ý đến từng lời và nắm bắt từng gợi ý. Điều đó cũng đúng với cuốn sách này. Người không cố gắng sống theo giáo lý sẽ liên tục gặp phải những điểm trong đó sẽ làm y khó chịu—với những điều mà y sẽ thấy mình hoàn toàn không đồng ý; nhưng nếu y cố gắng sống theo nó, ý nghĩa mà nó cần được hiểu sẽ dần dần hiện ra với y. Bất kỳ nỗ lực chân thành nào thực sự sống theo giáo lý luôn chiếu sáng nó, và đó là cách duy nhất mà viên

this priceless pearl can be appreciated

In such books there is a great deal more meaning than the actual words convey. Therefore to a large extent each man gets' out of them what he brings to them-he brings the power to assimilate a certain part of their message and obtains only that part. Merely to read these books, even to study them, is therefore not enough; it is necessary to meditate over them as well. If one takes the passages that sound a little difficult-the cryptic, mystical, paradoxical statements-and thinks and meditates over them, one gets a great deal more out of them, although often one can hardly express it.

I try to express what occurs to me with regard to these different points, what they have meant to me but I am conscious all the time that I am not at all fully conveying my meaning. I know, very often, I cannot express the whole idea that is in my mind; when I put it into words it sounds quite commonplace, and yet I can see for myself a vast amount of higher meaning. I see that perhaps with my mental body. The same thing is true at each level. In addition to what we can realize with the mental body, there is still more that can be realized only with the causal body and through intuition Whatever we express, there will always be something deeper still budding and coming to flower within us. That man is only an expression of the Eternal, and that nothing that is out of the Eternal can aid us, is true, and it is the truth upon which the three writers of this book constantly insist.

ngọc quý vô giá này có thể được đánh giá cao.

Trong những cuốn sách như vậy có nhiều ý nghĩa hơn là những từ ngữ thực tế truyền tải. Do đó, ở mức độ lớn, mỗi người nhận được từ chúng những gì y mang đến cho chúng—y mang theo khả năng đồng hóa một phần thông điệp của chúng và chỉ nhận được phần đó. Chỉ đơn thuần đọc những cuốn sách này, thậm chí nghiên cứu chúng, do đó không đủ; cần phải tham thiền về chúng nữa. Nếu một người lấy những đoạn văn nghe có vẻ khó hiểu —những tuyên bố bí ẩn, thần bí, nghịch lý—và suy nghĩ và tham thiền về chúng, y sẽ nhận được nhiều hơn từ chúng, mặc dù thường y khó có thể diễn đạt được.

Tôi cố gắng diễn đạt những gì xảy ra với tôi liên quan đến những điểm khác nhau này, những gì chúng đã có ý nghĩa với tôi nhưng tôi luôn ý thức rằng tôi không hoàn toàn truyền tải được ý nghĩa của mình. Tôi biết, rất thường xuyên, tôi không thể diễn đạt toàn bộ ý tưởng trong tâm trí mình; khi tôi đặt nó thành lời, nó nghe có vẻ rất bình thường, nhưng tôi có thể tự mình thấy một lượng lớn ý nghĩa cao hơn. Tôi thấy điều đó có lẽ với thể trí của mình. Điều tương tự cũng đúng ở mỗi cấp độ. Ngoài những gì chúng ta có thể nhận thức với thể trí, còn có nhiều hơn nữa chỉ có thể nhận thức được với thể nguyên nhân và thông qua trực giác. Dù chúng ta diễn đạt điều gì, luôn có điều gì đó sâu sắc hơn vẫn đang nảy mầm và nở hoa trong chúng ta. Rằng con người chỉ là một biểu hiện của Vĩnh Cửu, và rằng không có gì ngoài Vĩnh Cửu có thể giúp chúng ta, là sự thật, và đó là sự thật mà ba tác giả của cuốn sách này liên tục nhấn mạnh.

CHAPTER 2

THE FOUR PRELIMINARY STATEMENTS—BỐN TUYÊN BỐ DỰ BỊ

Before the eyes can see they must be incapable of tears.	Trước khi đôi mắt có thể thấy, chúng phải không thể rơi lệ.

A.B.—This is the first of four statements which describe the four qualifications preliminary to the Path proper. They describe true sight, true hearing, true speech and true standing in the presence of the Master, that is to say, true ability to serve mankind under His direction.

A.B.—Đây là tuyên bố đầu tiên trong bốn tuyên bố mô tả bốn phẩm chất dự bị cho Đường Đạo chính thức. Chúng mô tả thị giác chân thực, thính giác chân thực, lời nói chân thực và sự đứng vững chân thực trước sự hiện diện của Thầy, tức là khả năng chân thực để phụng sự nhân loại dưới sự chỉ đạo của Ngài.

This and the following three statements are intended for two classes of disciples. In the first class are those who are on the probationary path, and are therefore being taught to get rid of all that we speak of as the personality; these preliminary instructions are intended to show them that they must begin by eliminating the lower self. In the second class are those who are already initiated. Something more is demanded from them. They must get rid of their individuality, the reincarnating ego, so that at the end of the Path their life will be entirely under the direction of the Monad. We shall see therefore that each of these four statements can be taken as affecting the personality or the individuality, and according to the position of the student who is trying to live out their teaching will be the point of view from which he will understand them.

Tuyên bố này và ba tuyên bố tiếp theo được dành cho hai loại đệ tử. Trong loại đầu tiên là những người đang trên con đường dự bị, và do đó đang được dạy để loại bỏ tất cả những gì chúng ta gọi là phàm ngã; những chỉ dẫn dự bị này nhằm chỉ cho họ rằng họ phải bắt đầu bằng cách loại bỏ hạ ngã. Trong loại thứ hai là những người đã được điểm đạo. Một điều gì đó hơn nữa được yêu cầu từ họ. Họ phải loại bỏ cá nhân tính của mình, chân ngã tái sinh, để cuối Đường Đạo cuộc sống của họ sẽ hoàn toàn dưới sự chỉ đạo của Chân Thần. Chúng ta sẽ thấy rằng mỗi trong bốn tuyên bố này có thể được xem như ảnh hưởng đến phàm ngã hoặc cá nhân tính, và theo vị trí của học viên đang cố gắng sống theo giáo lý của chúng sẽ là quan điểm từ đó y sẽ hiểu chúng.

It is worth while to notice and remember that these statements can be taken from two quite different points of view in another way also. These teachings come from Masters of the White Lodge, but exactly the same statements are made by those who follow the black magic of the dark side of life, whom we sometimes

Đáng chú ý và ghi nhớ rằng những tuyên bố này có thể được xem từ hai quan điểm hoàn toàn khác nhau theo một cách khác nữa. Những giáo lý này đến từ các Chân sư của Thánh đoàn, nhưng chính xác những tuyên bố tương tự cũng được đưa ra bởi những người theo hắc thuật của mặt tối của cuộc sống, mà

speak of as the Brothers of the Shadow or of Darkness. There are two ways in which the eyes may become incapable of tears, and according to his motive will be the path along which the aspirant will go. One way is that of the man who aspires to become a disciple of the dark side; he will take this statement as teaching complete indifference to pleasure and pain by means of hardening the heart and avoiding all sympathy. Anyone who tries to become incapable of tears by killing out all feeling will be going towards the dark path. The man on the other way is becoming incapable of tears only as far as his own personal sorrows are concerned. His own lower nature does not move him, but he is fully awake to the feelings of others. Only at his peril can a man become indifferent to the sufferings of others.

đôi khi chúng ta gọi là các Huynh đệ của Bóng tối. Có hai cách mà đôi mắt có thể trở nên không thể rơi lệ, và theo động cơ của mình, người chí nguyện sẽ đi theo con đường nào. Một cách là của người khao khát trở thành đệ tử của mặt tối; y sẽ lấy tuyên bố này như là dạy sự thờ ơ hoàn toàn với niềm vui và nỗi đau bằng cách làm cứng lòng và tránh mọi sự đồng cảm. Bất kỳ ai cố gắng trở nên không thể rơi lệ bằng cách giết chết mọi cảm giác sẽ đi về phía con đường tối. Người trên con đường khác đang trở nên không thể rơi lệ chỉ khi liên quan đến những nỗi đau cá nhân của mình. Bản chất thấp của y không làm y lay động, nhưng y hoàn toàn tỉnh thức với cảm giác của người khác. Chỉ khi gặp nguy hiểm, một người mới có thể trở nên thờ ơ với nỗi đau khổ của người khác.

We may contrast the two ways in a table:

Chúng ta có thể so sánh hai cách trong một bảng:

Sự khác biệt cơ bản giữa hai cách là cách thứ nhất luôn hướng tới sự tách biệt, và kết thúc trong tình trạng cô lập tuyệt đối, trong khi cách thứ hai luôn hướng tới sự hợp nhất, và kết thúc trong trạng thái hợp nhất hoàn hảo.

Người chí nguyện trên con đường trắng phải dần dần loại bỏ mọi thứ trong bản thân mà có thể nhận từ thế giới bên ngoài bất cứ điều gì mà y cảm thấy là nỗi đau ảnh hưởng đến bản thân, bất cứ điều gì làm y lay động qua phàm ngã của mình, bất kỳ nỗi đau hay rắc rối nào ảnh hưởng đến bản thân cá nhân của y. Y phải đạt đến một điểm mà y không thể cảm thấy nỗi đau vì lợi ích riêng của mình. Thực tế, y phải nhắm đến việc làm cho vỏ bọc cảm dục của mình hoàn toàn trở thành một vận cụ của Chân Ngã, không có cuộc sống độc lập của riêng nó. Nó không được có sự hấp dẫn hay đẩy lùi, không có mong muốn hay ước muốn, không có hy vọng hay sợ hãi—tất cả những

điều đó phải được loại bỏ. Điều này không nên truyền tải ý tưởng sai lầm rằng vỏ bọc phải bị phá hủy; nhưng nó phải ngừng phản ứng theo cách riêng của nó với những ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Chỉ có cuộc sống tách biệt phải bị tiêu diệt, nhưng vỏ bọc phải được giữ lại để sử dụng trong việc phục vụ nhân loại.

Sự thay đổi mà đệ tử phải thực hiện trong tính cách của mình được thể hiện rõ ràng trong cấu trúc của vỏ bọc. Trong đệ tử thông thường, nó liên tục thay đổi màu sắc; nhưng khi nó được thanh lọc và tất cả cuộc sống tách biệt được thanh lọc, nó trở thành một vận cụ không màu và rực rỡ, chỉ bị ảnh hưởng bởi những phản chiếu đến từ cuộc sống nội tại; nó không còn màu sắc riêng của mình, mà chỉ có màu sắc được chiếu lên từ Chân Ngã, nó giống như hình ảnh của mặt trăng trên nước—một ánh sáng ngọc trai, trong đó có một sự chơi đùa nhất định mà khó có thể gọi là màu sắc. Sự thay đổi này diễn ra rất dần dần trong thể cảm dục của đệ tử khi y đang làm việc với nhiệm vụ khó khăn là làm cho mình đáp ứng với tất cả những nỗi đau của đồng loại, nhưng ngày càng thờ ơ với tất cả những gì ảnh hưởng đến bản thân. Sẽ rất dễ dàng cho y để giết chết mọi cảm giác, nhưng để trở nên ngày càng nhạy cảm với cảm giác của người khác và đồng thời không cho phép bất kỳ cảm giác cá nhân nào xen vào, là nhiệm vụ khó khăn hơn nhiều được đặt ra trước người chí nguyện. Tuy nhiên, khi y tiếp tục công việc, y sẽ thấy rằng những cảm xúc ích kỷ của mình lặng lẽ biến mất khi chúng trở thành những cảm xúc vô tư.

Đệ tử có thể kiểm tra chất lượng và tính chân thực của sự đồng cảm của mình bằng cách xem liệu y có cảm thấy nó khi nỗi đau của người khác không xâm nhập vào sự chú ý của mình hay không. Nếu bạn thấy một người đang đau khổ, hoặc nếu bạn gặp một trường hợp bị ngược đãi nghiêm trọng, không nghi ngờ gì bạn sẽ cảm thấy đau đớn, nhưng bạn có

cảm thấy cùng nỗi đau đó khi người đó không ở trước mắt bạn không? Sự đồng cảm của chúng ta là một điều cực kỳ nghèo nàn nếu nó chỉ được kích thích bởi cảnh tượng đau khổ. Gửi một người ra một thành phố lớn như London, và y có thể bị ảnh hưởng nặng nề bởi nỗi đau mà y thấy xung quanh mình; nhưng đưa y ra khỏi tất cả và y sẽ sớm quên đi những khổ đau mà y đã chứng kiến và sẽ trở nên hoàn toàn hạnh phúc. Đệ tử phải học cách sống như thể toàn bộ nỗi đau đó luôn hiện diện trước mặt y; việc giảm bớt nó phải là động lực của công việc của y.

Không ai đã đạt đến giai đoạn mà y đáp ứng với tiếng kêu đau đớn lớn, được nói đến trong Tiếng Nói của Im Lặng? trừ khi động lực trong cuộc sống của y là giúp đỡ nhân loại dù nỗi đau có ở trước mắt y hay không, vì đó là động lực thực sự của một đệ tử. Cách tốt nhất để loại bỏ phàm ngã, để trở nên thờ ơ với niềm vui và nỗi đau cá nhân của mình, để trở nên không thể rơi lệ, là để tâm trí suy nghĩ về nỗi đau của thế giới và cách giúp đỡ nó; điều đó khiến phàm ngã được nhìn thấy ở vị trí thực sự của nó bên cạnh cái ngã lớn hơn của nhân loại mồ côi lớn.

Khi đệ tử trải qua Điểm Đạo và bắt đầu phát triển tâm thức bồ đề, sự không thể rơi lệ này mang một tính chất mới. Y bắt đầu hiểu từ tiến hóa, nhận ra rằng trong con người nó có nghĩa là sự phát triển của tam nguyên cao hơn; sau đó y bắt đầu thấy được sự sử dụng và mục đích thực sự của tất cả nỗi đau và đau khổ. Y dần dần trở nên không thể rơi lệ vì y hiểu được giá trị của nỗi đau đối với những người đang trải qua nó, vì y thấy rằng khi nỗi đau đến với một người, nó đến như một nhu cầu tuyệt đối cho sự phát triển cao hơn của linh hồn của y. Đúng là về mặt lý thuyết, người đó có thể đã tránh được nỗi đau đó nếu y đã hành động khôn ngoan trong quá khứ, vì nó là kết quả của nghiệp quả quá khứ của y khi nó không được

tạo ra bởi những sai lầm hiện tại của y; nhưng khía cạnh thực tế của vấn đề là người đó đã ngu ngốc, đã chọn học qua loại kinh nghiệm này thay vì qua sự khôn ngoan, vì y không phải lúc nào cũng chọn theo đuổi điều tốt nhất mà y biết, và bây giờ y đang đau khổ, và nỗi đau đang mang lại cho y sự khôn ngoan cho tương lai, và do đó thúc đẩy sự tiến hóa của y.

Nhận thức được điều này, đệ tử đạt đến một trạng thái mà y có thể được mô tả là đầy sự đồng cảm hoàn hảo nhất nhưng không có sự hối tiếc. Cảm giác hối tiếc chỉ xuất hiện khi tâm thức không được soi sáng bởi cuộc sống bồ đề. Khi tâm thức bồ đề được cảm nhận, sự đồng cảm của đệ tử tăng lên rất nhiều, nhưng sự hối tiếc của y biến mất, và khi y vươn lên cao hơn, cái nhìn rộng hơn này khiến y không thể rơi lệ, vì đối mặt với nỗi đau khổ cay đắng nhất mà y đang học cách đáp ứng và cảm nhận trong bản thân, y cũng cảm nhận được mục đích và kết thúc của nó. Y có thể chia sẻ nỗi đau khổ một cách trọn vẹn, nhưng không có chút mong muốn nào rằng nó nên là bất cứ điều gì khác ngoài những gì nó là. Sự vắng mặt của bất kỳ mong muốn nào để loại bỏ nỗi đau khổ trước khi nó hoàn thành công việc của mình, chỉ có thể tồn tại khi tâm thức có sự soi sáng bồ đề. Đó là trạng thái đã được mô tả như là trạng thái của Christ. Luật pháp là tốt và ý chí của Đấng Tối Cao là hoàn hảo, và nỗi đau khổ làm việc cho một kết thúc hoàn hảo; do đó đệ tử tràn đầy sự hài lòng và thỏa mãn; y cảm nhận được nỗi đau khổ, nhưng không cảm thấy chút đau buồn hay nỗi đau nào cả.

Khi đệ tử đạt đến giai đoạn này, tâm thức của y đã trở thành một phần của sự sống của thế giới. Nếu y nghĩ về bản thân như "Tôi" thì đó là một phần của "Tôi" trong đó tất cả các "Tôi" khác cũng tồn tại. Bây giờ không có gì đối với y là bên ngoài hay tách biệt khỏi bản thân; y đồng hóa bản thân với một sự sống lớn trong bất kỳ giai đoạn nào mà nó có thể ở, bất cứ khi

nào nó cần sự giúp đỡ. Y hoàn toàn mất đi cảm giác, điều mà rất phổ biến trong thế giới, rằng một số người đang ở bên ngoài; y ở trong tất cả và với tất cả.

Sự nhận thức về sự hợp nhất này tạo ra một sự khác biệt to lớn đối với sự giúp đỡ mà người đó có thể cung cấp cho thế giới. Khi y đang giúp đỡ bất kỳ người nào, y cảm nhận những rắc rối của họ như của chính mình, không phải như những khó khăn của người khác, tách biệt khỏi bản thân. Y thấy chúng chính xác như người đó thấy; do đó thay vì hỗ trợ từ bên ngoài, y đang giúp đỡ từ bên trong. Có một thế giới khác biệt giữa sự giúp đỡ được cung cấp từ bên ngoài và sự giúp đỡ được cung cấp từ bên trong; sự giúp đỡ từ bên ngoài là một sự hỗ trợ tạm thời và ngẫu nhiên, nhưng sự giúp đỡ từ bên trong thêm vào sức mạnh của cuộc sống của người đó.

Đệ tử chỉ có thể đạt đến trạng thái này vì y đã phát triển sự đồng cảm, đã học cách đồng hóa bản thân với niềm vui và nỗi đau của người khác, đã làm cho cuộc sống của mình trở thành một cuộc sống chung cho tất cả. Nếu không có điều đó, sự mất đi sự tách biệt này sẽ không thể đạt được. Sự không thể rơi lệ duy nhất mà y cần biết là điều khiến y thờ ơ với những điều ảnh hưởng đến bản thân cá nhân, nhưng để lại y sống động với tất cả những gì ảnh hưởng đến các linh hồn khác xung quanh y.

C.W.L.—Chủ tịch của chúng ta đã giải thích về bốn tuyên bố đầu tiên trong cuốn sách này, bắt đầu bằng "Trước khi đôi mắt có thể thấy, chúng phải không thể rơi lệ," rằng chúng có thể được hiểu theo một cách hoàn toàn sai lầm, và sau đó cũng được chấp nhận bởi nhà hắc thuật như đối với chúng ta. Y sẽ hiểu chúng có nghĩa là y phải giết chết mọi cảm giác, xây dựng bản thân thành một vỏ bọc và đẩy nỗi đau khổ và rắc rối của thế giới ra ngoài

nó. Đó là hoàn toàn ngược lại với giáo lý được truyền đạt cho học trò trên con đường trắng, người được dạy để tăng cường khả năng cảm nhận của mình cho đến khi y đạt được sự đồng cảm hoàn hảo với nỗi đau khổ của đồng loại.

Chúng ta nghe nói nhiều về các nhà huyền thuật đen, nhưng tôi cho rằng ít người biết nhiều về họ. Tôi đã gặp nhiều mẫu người thuộc loại này, và do đó có thể khẳng định rằng tôi biết một chút về bản chất và phương pháp của họ. Một số trong họ là những người rất thú vị, nhưng không phải là những người quen biết đáng mong muốn. Có nhiều loại khác nhau được xếp vào danh hiệu chung là nhà huyền thuật đen. Ví dụ, người da đen ở Nam Phi và Tây Ấn, và có lẽ là thổ dân Úc, thực hành khá nhiều huyền thuật đen nhỏ nhặt. Đó là một điều rất tồi tệ; ngay cả họ cũng thừa nhận rằng nó không có tác dụng với người da trắng. Người ta đã nghe nói về một số trường hợp mà họ đã thành công trong việc làm cho người da trắng cực kỳ khó chịu, nhưng phải thêm rằng điều đó có thể xảy ra do lối sống của những người đó. Loại huyền thuật này phụ thuộc rất nhiều vào nỗi sợ hãi của những người mà các câu thần chú được đặt lên, nhưng nó vẫn là một điều thực sự theo cách yếu ớt của nó. Những người nguyên thủy này có một số loại thuốc, họ biết cách thôi miên, và họ có quyền lực đối với một số linh hồn đất thấp cấp và các thực thể tương tự. Họ sắp đặt để gây bệnh cho một người, hoặc trong gia đình của anh ta, hoặc trong đàn gia súc của anh ta, hoặc làm hỏng vườn và cánh đồng của anh ta để chúng không sinh hoa trái; mặc dù trong trường hợp sau, họ không ngại hỗ trợ huyền thuật của mình đôi khi bằng cách sử dụng diêm tiêu.

Có một nhóm người khác, có phần trang nghiêm hơn, đang theo đuổi quyền lực huyền bí cho mục đích riêng của họ. Họ đã học được một lượng nhất định về huyền bí học—đôi khi

khá nhiều—nhưng họ đang sử dụng quyền lực của mình một cách ích kỷ. Họ thường sắp đặt để kiếm tiền và vị trí bằng những phương tiện như vậy, và duy trì bản thân ở vị trí đó cho đến khi họ chết. Sau khi chết, đôi khi họ cố gắng tiếp tục theo cùng một hướng chung, nhưng nó không thành công, và kế hoạch của họ sụp đổ; mọi thứ sớm muộn đều thất bại với họ và họ rơi vào tình trạng khốn khổ đáng kể. Một cuộc sống như vậy có nghĩa là một bước lùi rõ ràng cho chân ngã.

Một loại nhà huyền thuật đen khác và tiên tiến hơn không mong muốn bất cứ điều gì cho bản thân. Y không tìm kiếm tiền bạc, quyền lực hay ảnh hưởng hoặc bất cứ thứ gì tương tự, và điều đó ngay lập tức làm cho y mạnh mẽ hơn rất nhiều. Y sống một cuộc sống trong sạch và tự kiểm soát, giống như một số người của chúng ta có thể làm, nhưng y đã đặt ra cho mình mục tiêu của sự tách biệt. Y muốn giữ cho mình sống trên các cõi cao hơn, không bị hấp thụ vào Thượng đế; y nhìn với sự kinh hoàng vào điều mà đối với chúng ta là hạnh phúc lớn nhất. Y muốn duy trì vị trí của mình chính xác như hiện tại, và hơn nữa y tuyên bố rằng y có thể làm điều đó, rằng ý chí con người đủ mạnh để chống lại ý chí vũ trụ đến một mức độ nhất định. Tôi đã gặp những người như vậy, và Chủ tịch của chúng ta, người luôn cố gắng cứu ngay cả những linh hồn khó cứu nhất, đã tự mình một hoặc hai lần cố gắng chuyển đổi những người đã tự đưa mình vào tình trạng đó, để đưa họ về phía cách suy nghĩ của chúng ta—mặc dù không thành công nhiều, tôi e rằng. Bà đôi khi nói với họ: “Bạn biết điều gì sẽ xảy ra. Bạn biết đủ về các định luật tự nhiên, và bạn đủ thông minh để thấy con đường của bạn đang dẫn bạn đến đâu. Chắc chắn rằng cuối cùng bạn phải sụp đổ. Khi giai kỳ sinh hóa này kết thúc, khi dãy hành tinh này kết thúc, bạn sẽ bị hấp thụ, dù bạn muốn hay không, vào Thượng đế ở các cấp độ cao hơn, và tình trạng của bạn sẽ ra sao khi

đó?"

"Bạn không thực sự biết điều đó," họ trả lời, "nhưng chúng tôi thừa nhận rằng đó có vẻ là điều sẽ xảy ra. Nhưng chúng tôi nói thẳng với bạn rằng chúng tôi không quan tâm. Chúng tôi hài lòng với vị trí hiện tại của mình; chúng tôi có thể duy trì cá nhân của mình chống lại bất kỳ nỗ lực nào để kéo chúng tôi vào Thượng đế trong một thời gian rất dài, thậm chí cho đến khi kết thúc giai kỳ sinh hóa. Liệu chúng tôi có thể giữ nó sau đó hay không, chúng tôi không biết, và chúng tôi không quan tâm. Dù chúng tôi có thể hay không, chúng tôi đã có ngày của mình."

Đó là một vị trí có thể tranh luận, và người chọn nó có thể không phải là một người tốt, nhưng y không nhất thiết phải là một người xấu, theo nghĩa thông thường của từ này. Y chắc chắn có rất nhiều kiêu ngạo satan trong bản chất của mình, nhưng y không nhất thiết phải ác ý hay có ý xấu đối với người khác. Tuy nhiên, y hoàn toàn không có lương tâm. Bất kỳ ai tình cờ cản đường y, y sẽ gạt sang một bên với ít sự cân nhắc hơn nhiều so với chúng ta dành cho một con muỗi. Nhưng đối với một người không cản đường y, y có thể là một người bạn tốt, và không nhất thiết có bất kỳ điều ác nào trong bản chất của y. Y không phải là một quái vật của cái ác, nhưng y là một người đã tự mình vạch ra một con đường, và đang theo đuổi nó với cái giá của tất cả những gì đối với chúng ta có nghĩa là tiến bộ. Đó là tất cả những gì chúng ta có quyền nói chống lại y. Chúng ta tự tin rằng y sẽ kết thúc trong thảm họa lớn; y không chắc chắn về điều đó, và trong bất kỳ trường hợp nào y sẵn sàng đối mặt với nó.

Thông thường những người này tự đủ cho mình, và họ không tin tưởng và khinh thường tất cả mọi người khác. Đó luôn là đặc điểm của bất kỳ ai đi trên con đường tối; y đúng và tất cả

mọi người khác đều sai. Y nhìn xuống tất cả mọi người khác. Người ta đôi khi nói về một huynh đệ đoàn đen. Không có điều đó. Không thể có bất kỳ huynh đệ thực sự nào giữa họ, nhưng đôi khi họ hợp tác với nhau khi đối mặt với một nguy hiểm sắp xảy ra hoặc khi có điều gì đó đe dọa bất kỳ kế hoạch nào của họ. Tốt nhất đó là một liên minh rất lỏng lẻo, chỉ đáng sợ vì sức mạnh to lớn mà một số trong họ sở hữu. Đôi khi công việc mà một số Chân sư của chúng ta đang làm cho sự tiến hóa của thế giới cắt ngang đường đi của họ, và khi đó họ trở thành kẻ thù đáng sợ. Họ không thể chạm vào các Chân sư của chúng ta—tôi nghĩ điều đó phải rất khó chịu đối với họ—nhưng đôi khi họ nắm được một trong những đệ tử của Ngài, và do đó gây cho Ngài một chút rắc rối hoặc một số thất vọng, nếu chúng ta có thể cho rằng một Chân sư sẽ cảm thấy thất vọng.

Lý do của tất cả các cảnh báo được đưa ra cho chúng ta để đề phòng những người này là chúng ta sẽ thấy họ đôi khi cố gắng đánh lạc hướng chúng ta. Bà Blavatsky, người biết rất nhiều về họ và có sự tôn trọng lành mạnh đối với họ, đã tạo ấn tượng rằng họ là những con quỷ cám dỗ vui mừng trong cái ác vì chính nó. Điều này chỉ đúng với những người ở cấp độ thấp hơn; những người mạnh mẽ hơn trong số họ sẽ coi đó là điều không xứng đáng để vui mừng trong bất cứ điều gì; nhưng kế hoạch của họ, vốn luôn hoàn toàn ích kỷ, đôi khi có thể gây ra rất nhiều tổn hại cho một số người nhất định. Họ bình tĩnh và tự chủ và không có đam mê như bất kỳ đệ tử nào của Chân sư; thực tế, họ còn hơn thế, vì họ đã cố ý tiêu diệt mọi cảm giác. Họ sẽ không làm hại một người chỉ vì mục đích gây hại, nhưng, như tôi đã nói trước đó, trong việc theo đuổi một số mục đích của riêng họ mà sự tồn tại của người đó cản trở, họ sẽ không ngần ngại quét sạch người đó khỏi con đường của họ. Những người có công việc là giúp đỡ mọi người trên cõi cảm dục đôi khi gặp phải nạn nhân của họ, và trong trường hợp

đó, người cố gắng giúp đỡ thường tự mình gặp phải sự phản đối quyết liệt của nhà huyền thuật đen.

Quay trở lại chủ đề chính của chúng ta. Rất khó để học cách đáp ứng với cảm xúc, và vẫn không cho phép phàm ngã của mình thể hiện theo bất kỳ cách nào—để có sự đồng cảm hoàn hảo với cảm xúc của người khác, và vẫn không có cảm xúc của riêng mình. Nhiều người rất bối rối khi nhìn thấy sự đau khổ của người khác, nhưng nếu họ không thực sự thấy sự đau khổ đó, họ quên nó đi. Nhiều người giàu có trong một thành phố như London, chẳng hạn, khi được đưa đi xem sự khốn khổ khủng khiếp trong các khu ổ chuột, rất xúc động, và sẽ ngay lập tức làm tất cả những gì có thể để giảm bớt các trường hợp cụ thể mà họ thấy; tuy nhiên, những người đó sẽ đi săn bắn và câu cá và vui chơi, và hoàn toàn quên rằng có bất kỳ sự khốn khổ nào. Trong trường hợp đó, nỗi buồn chỉ là một phần cho sự đau khổ của người khác; phần lớn chỉ là nỗi đau cá nhân khi sự đau khổ đó xâm nhập vào sự chú ý của họ. Loại đồng cảm đó là một điều tồi tệ—nó không phải là sự đồng cảm thực sự.

Khi chúng ta hoàn toàn nhận ra sự đau khổ của nhân loại, chúng ta dần dần mất đi cái nhìn về sự đau khổ của chính mình. Chúng ta quên rằng chúng ta có những đau khổ cá nhân vì chúng ta thấy rằng sự đau khổ của nhân loại là rất lớn, và chúng ta nhận ra rằng những gì rơi vào phần của chúng ta sau cùng chỉ là phần của chúng ta trong gánh nặng chung. Một người có thể đạt được trạng thái tâm trí đó đã vượt qua phàm ngã của mình rất nhiều. Y vẫn đau buồn cho nhân loại, nhưng không còn cho chính mình; y đã trở nên không thể rơi nước mắt khi nói đến niềm vui và nỗi buồn cá nhân của mình.

Không phải là một vấn đề dễ dàng để nhìn nhận sự đau khổ của người khác một cách

chính xác. Chủ tịch và tôi vài năm trước đã điều tra câu hỏi về ảnh hưởng của đau đớn đối với những người khác nhau trải qua những gì từ bên ngoài sẽ được coi là cùng một sự đau khổ thể xác. Chúng tôi nhận thấy rằng trong một trường hợp cực đoan, một người có thể đau khổ gấp ngàn lần so với người khác, và trong cuộc sống bình thường, một người có thể cảm thấy đau đớn gấp trăm lần so với người khác. Nếu một người thể hiện dấu hiệu đau khổ và người khác không, không nên cho rằng người sau nhất thiết phải dũng cảm hơn hoặc triết lý hơn. Điều đó có thể không phải là trường hợp. Chúng tôi đã xem xét câu hỏi về mức độ đau khổ mà cuộc sống tù đày gây ra cho những người khác nhau; đối với một số người, nó hầu như không có ý nghĩa gì, đối với những người khác, đó là sự đau khổ tinh thần và cảm xúc mãnh liệt nhất. Vì vậy, thật vô ích khi nói: "Tôi không cảm thấy điều này hay điều kia, và do đó người khác cũng không nên cảm thấy như vậy." Người ta không biết đến mức độ nào hoặc tỷ lệ nào người khác đang cảm nhận. Tôi đã nhận thấy rằng nhiều điều không quan trọng đối với tôi có thể gây ra đau đớn nghiêm trọng cho người khác; trong khi đó, điều ngược lại đã xảy ra đối với những điều khác, chẳng hạn như âm thanh khó chịu, ví dụ, thường gây ra đau khổ cấp tính cho những người đang phát triển các giác quan tinh tế hơn của họ. Tôi đã thấy Chủ tịch của chúng ta trong tình trạng đau đớn thực sự khi một chiếc xe đạn lớn đi qua ngôi nhà nơi chúng tôi đang ở trên đường Avenue, ở London. Điều này tất nhiên không có nghĩa là bà mất kiểm soát thần kinh của mình. Bà thường giải thích rằng trong khi đệ tử phải tăng cường sự nhạy cảm của mình, y cũng phải kiểm soát hệ thần kinh của mình, để chịu đựng mà không nao núng bất kỳ đau đớn hay xáo trộn nào có thể đến với y.

Trước khi tai có thể nghe, nó phải mất đi sự nhạy cảm của mình.

A.B.—Đệ tử phải trở nên hoàn toàn thờ ơ với ý kiến của người khác về bản thân mình, khi nói đến cảm xúc của chính mình. Nếu họ nghĩ và nói tốt về y, y không nên phấn khích; nếu xấu, y không nên chán nản. Tuy nhiên, đồng thời y không nên thờ ơ với ý kiến của người khác khi chúng ảnh hưởng đến những người giữ chúng. Do đó, y không nên bất cẩn đối với ấn tượng mà y tạo ra đối với người khác, vì nếu y đẩy họ ra xa bằng hành vi của mình, y sẽ mất đi khả năng giúp đỡ họ.

Đệ tử, trong quá trình tiến bộ của mình, phát triển các năng lực thông linh của mình, và do đó trở nên ý thức về những gì người khác đang nghĩ về mình; y đang sống trong một thế giới mà y có thể nghe thấy mọi điều được nói về mình, và có thể thấy mọi sự chỉ trích trong tâm trí của người khác. Y đạt đến điểm này khi y đã vượt lên trên mọi sự chỉ trích, và không bị ảnh hưởng bởi ý kiến của người khác. Một số người rất mong muốn phát triển thông nhãn trước khi họ đạt đến giai đoạn này, nhưng nếu họ nhận ra thực tế này, tâm thức cảm dục mà họ rất mong muốn sẽ mất đi sự hấp dẫn của nó.

C.W.L.—Không nên nghĩ rằng người phát triển, người nghe những lời nhận xét không hay về mình và hoàn toàn thờ ơ với chúng, cố ý tự mình chống lại cảm giác khó chịu, và nói: "Điều đó thật kinh khủng, nhưng tôi từ chối quan tâm; tôi sẽ không chú ý đến nó." Y chắc chắn trải qua một giai đoạn như vậy, nhưng rất nhanh chóng y đạt đến một trạng thái mà y hoàn toàn và tuyệt đối không quan tâm khi nó chỉ giống như tiếng chim hót, hoặc như tiếng ve kêu trong cây—chúng có thể là một phiền toái nhưng đó là tất cả. Y không chọn ra một con ve cụ thể nào và lắng nghe âm điệu của nó một mình, cũng không chọn ra suy nghĩ hay lời nói của bất kỳ ai đang nói điều gì đó ngớ ngẩn.

Chúng ta phải cố gắng đạt đến giai đoạn đó. Chúng ta liên tục đặt điều đó trước mọi người, vì đó là thái độ của các Chân sư của chúng ta, vào thế giới của Ngài mà chúng ta đang cố gắng đi vào. Các Ngài có thể rất đúng khi nghĩ: "Làm sao chúng ta có thể hy vọng đạt được thái độ của các Đấng Cao Cả này?" Tất nhiên, không ai có thể làm điều đó ngay lập tức, nhưng chúng ta nên nhắm đến điều đó và cố gắng tiến gần đến điều đó nhất có thể, và một trong những cách để làm điều đó—một phương pháp thực sự khá dễ dàng—là không quan tâm chút nào đến những gì người khác nói.

Khi chúng ta đã đạt đến thái độ đó, bước tiếp theo là nghĩ về nghiệp xấu mà những người này đang tạo ra khi nghĩ hoặc nói sai về chúng ta. Chúng ta có thể sau đó tiếc nuối điều đó vì lợi ích của họ, và vì lý do đó, tốt nhất là chúng ta nên cố gắng không tạo ra nhiều nguyên nhân hơn chúng ta có thể giúp cho những lời nhận xét ngớ ngẩn và hạ thấp—không phải vì chúng quan trọng đối với chúng ta, mà vì chúng tạo ra nghiệp xấu cho những người tham gia vào chúng.

Trước khi giọng nói có thể nói trong sự hiện diện của các Chân sư, nó phải mất đi khả năng gây tổn thương.

A.B.—Đệ tử phải mất đi mọi thứ trong bản thân mình có thể gây đau đớn cho người khác. Trong những giai đoạn đầu, y phải học cách loại bỏ khỏi lời nói của mình tất cả những gì có thể gây đau đớn—không chỉ là sự chỉ trích gay gắt hay ngôn ngữ không tử tế, mà mọi hình thức từ ngữ gây tổn thương cho người khác bằng cách ám chỉ sự hạ thấp hoặc chú ý đến một khuyết điểm trong tính cách của họ. Đúng là một số người ở vị trí mà đôi khi họ có nhiệm vụ chỉ ra khuyết điểm của người khác; nhưng đó là một quan điểm sai lầm rằng y được biện minh khi gây đau đớn trong khi làm như vậy.

Khi khuyết điểm được chỉ ra một cách hoàn toàn thân thiện, yếu tố gây tổn thương không có mặt. Bất cứ khi nào lời nói gây tổn thương, đó là do một số sự không hoàn hảo trong việc thực hiện nhiệm vụ; người muốn giúp đỡ đã không đồng hóa mình với người được nói đến; y chỉ đưa ra lời khuyên từ bên ngoài, và do đó nó gây tổn thương. Nếu y đã hợp nhất mình với người khác, và cố gắng giúp đỡ đồng thời cảm nhận như người đó cảm nhận, y sẽ khơi dậy cảm xúc của người khác một cách đồng cảm; thông qua tâm thức của sự đồng cảm của mình, người khác sẽ có phần cao quý và rộng lớn hơn của mình được đánh thức, và sau đó lời khuyên sẽ không gây tổn thương. Nếu đó là nhiệm vụ của bạn để chỉ trích người khác và bạn thấy rằng nó gây tổn thương cho họ, hãy nhìn vào bản thân để tìm ra sự không hoàn hảo đã gây ra tổn thương. Nếu chúng ta muốn mất đi khả năng gây tổn thương, cá nhân riêng biệt phải biến mất; khi chúng ta cảm thấy mình là một sự sống, trở nên không thể gây đau khổ cho bất cứ điều gì, vì nó là một phần của chính chúng ta. Cách để đạt đến điểm tiến hóa đó là bắt đầu bằng cách dần dần thanh lọc lời nói, bắt đầu với những lỗi nổi bật nhất.

C.W.L.—Bất kỳ ai muốn tiếp cận Chân sư phải đã từ bỏ mong muốn gây tổn thương cho người khác bằng lời nói của mình. Nhưng vẫn có khả năng gây tổn thương một cách vô ý và vô thức, do thiếu sự nhạy cảm. Khi chúng ta tiến xa hơn và nâng cao tâm thức của mình lên một cấp độ cao hơn, chúng ta sẽ ngày càng hiểu rõ hơn cách mà mọi thứ tác động đến người khác. Những người đã thực hành tham thiền trong nhiều năm sẽ nhận thấy rằng họ đã trở nên nhạy cảm hơn, đã tiến bộ một mức độ nhất định hướng tới sự hợp nhất, và do đó họ hiểu những người xung quanh mình chỉ một chút tốt hơn so với những người chưa nỗ lực như vậy. Chúng ta nghe ai đó nói điều mà chúng ta nghĩ là một nhận xét không may, với tất cả sự chân thành và không nhận ra rằng có

điều gì đó sai với nó và rằng họ đã gây tổn thương cho ai đó. Chúng ta, những người đã mài giũa giác quan của mình chỉ một chút bằng suy nghĩ và nghiên cứu và nỗ lực sống cuộc sống cao hơn, cảm thấy theo bản năng cách mà người thứ ba sẽ tiếp nhận nhận xét đó. Chúng ta có thể thấy rằng đó là một nhận xét không may, và ước rằng nó đã được đưa ra dưới một hình thức khác.

Một Chân sư không thể nói bất cứ điều gì có thể gây tổn thương cho người khác. Ngài có thể thấy cần thiết phải đưa ra một điều gì đó mang tính chất khiển trách; nhưng Ngài sẽ sắp xếp để đưa ra nó theo cách mà người đó sẽ không bị tổn thương bởi những gì Ngài nói. Đôi khi một đệ tử thấy rằng trong dòng nhiệm vụ của mình, y phải hành động nghiêm khắc, và y bị cám dỗ, thông qua cảm giác đồng cảm của mình, để tránh nhiệm vụ đó. Nhưng nếu Chân Ngã khẳng định sự thống trị của mình, y sẽ, nếu điều đó là hoàn toàn cần thiết, nói nghiêm khắc, nhưng cũng bình tĩnh và công bằng, và không có sự phẫn nộ.

Trước khi linh hồn có thể đứng trong sự hiện diện của các Chân sư, chân của nó phải được rửa trong máu của trái tim.

A.B.—Câu này có đằng sau nó một truyền thống huyền bí rất lâu đời, đã được đưa ra cho thế giới theo nhiều cách. Nó liên quan đến giáo lý về sự hy sinh, vốn vẫn xuất hiện trong các tôn giáo khác nhau dưới nhiều hình thức khác nhau, mặc dù chúng thường đã mất đi ý nghĩa thực sự của nó. Biểu hiện được sử dụng ở đây liên quan đến điều đôi khi được gọi là sự hy sinh máu và giao ước máu, trong đó những dấu vết kỳ lạ nhất có thể được tìm thấy trong số các bộ lạc có nguồn gốc từ các chủng tộc rất cổ xưa.

Khi tìm hiểu về các kiếp sống trước, chúng tôi đã gặp một sự kiện có thể kể lại để minh họa ý

tưởng đằng sau sự hy sinh máu và giao ước. Rất lâu trước đây, Ngài, người hiện nay là Chân sư Morya, là một vị vua vĩ đại; Ngài có một người con trai duy nhất là H.P.B., người khi còn nhỏ đã được giao cho đại úy của đội cận vệ, là Đại tá Olcott. Một ngày nọ, khi cậu bé ở một mình với đại úy, một số kẻ âm mưu đã lên kế hoạch giết cậu xông vào và suýt giết cậu, nhưng đại úy đã lao vào giữa và cứu cậu bé bằng cái giá của chính mạng sống của mình. Cậu bé chỉ bị choáng, nhưng đại úy nằm trên cậu bé đang hấp hối, và khi máu chảy ra từ vết thương chí mạng, ông chạm vào nó bằng ngón tay và đặt lên chân của nhà vua. Nhà vua hỏi: "Ta có thể làm gì cho ngươi, người đã hy sinh mạng sống vì ta và con trai ta?" Đại úy đang hấp hối trả lời: "Xin hãy cho phép con trai ngài và tôi được phục vụ ngài trong các kiếp sống khác mãi mãi." Sau đó, vị vua nói: "Vì máu đã đổ ra vì ta và của ta, mối liên kết giữa chúng ta sẽ không bao giờ bị phá vỡ." Theo thời gian, nhà vua trở thành một Chân sư, và mối liên kết giữa họ vẫn còn và phát triển thành mối quan hệ giữa Chân sư và đệ tử, và nó sẽ mãi mãi không bị phá vỡ. Khi hy sinh mạng sống của thể xác, đại úy đã tạo ra một mối liên kết mang lại cho ông sự sống thật sự mà đệ tử nhận được từ Chân sư.

Tôi đề cập đến câu chuyện này vì nó minh họa một chân lý lớn; chỉ khi chúng ta đủ mạnh để hy sinh bất cứ điều gì đối với chúng ta là sự sống, để đổ máu của hạ trí dưới chân của thượng trí, thì sự sống mới thực sự đạt được, không bị mất đi. Tất cả sự tiến hóa của nhân loại trẻ được thực hiện bằng sự hy sinh tự nguyện của sự sống thấp hơn cho sự sống cao hơn; khi sự hy sinh đó được thực hiện hoàn toàn, người ta thấy rằng sự sống thay vì bị mất đi lại trở nên bất tử. Dấu hiệu bên ngoài của sự hy sinh giúp mọi người hiểu nguyên tắc dễ dàng hơn, và thu hút sự chú ý đến chân lý cơ bản rằng chỉ khi sự sống thấp hơn được hy sinh cho sự sống cao hơn thì nó mới tìm thấy

sự hoàn thành thực sự của sự tiến hóa. Trên chân lý đó, các sự hy sinh được tìm thấy trong nhiều tôn giáo ban đầu được dựa trên; đó là cách mà cái gọi là mối liên kết máu thực sự được tạo ra. Sự sống thấp hơn được hy sinh cho sự sống cao hơn, và sự sống cao hơn chấp nhận sự sống thấp hơn và nâng nó lên bằng mối liên kết không bao giờ bị phá vỡ.

Đệ tử phải rửa chân mình trong máu của trái tim. Y phải dâng hiến hoàn toàn mọi thứ mà y yêu thương và coi trọng, những gì dường như đối với y là chính sự sống của mình; nhưng y chỉ mất điều này để tìm thấy sự sống cao hơn của mình. Thông thường không phải là sự đổ máu thực sự được yêu cầu, mặc dù đôi khi điều đó trở nên cần thiết; nó tượng trưng cho sự đổ máu luôn luôn đối với đệ tử vào thời điểm đó, vì y cảm thấy sự mất mát. Y thực sự hy sinh những gì đối với y là sự sống, và dường như y đang từ bỏ nó hoàn toàn, không có khả năng lấy lại nó trong tương lai. Sự thử thách lớn về sự hoàn toàn của sự hy sinh của đệ tử được thực hiện để khám phá xem linh hồn có đủ mạnh để tự nguyện ném mình vào hư vô, để rút hết máu của trái tim mà không có hy vọng nhận được phần thưởng nào không. Nếu đệ tử không đủ mạnh để làm điều đó, y chưa sẵn sàng để đứng trước sự hiện diện của Chân sư. Nhưng nếu y có thể hoàn toàn từ bỏ mọi thứ mà y biết là sự sống của mình, thì tất cả các chứng cứ của quá khứ và chân lý của luật pháp tuyên bố rằng y sẽ tìm thấy sự sống đó một lần nữa trong một sự sống mạnh mẽ và cao hơn so với sự sống mà y đã từ bỏ. Chỉ khi sự hy sinh đó được thực hiện, đệ tử mới tìm thấy mình trong sự sống cao hơn, đứng trước sự hiện diện của các Chân sư. Sau đó, mức độ sức mạnh của y là mức độ khả năng của y để thực hiện sự hy sinh mà không cảm thấy nó.

C.W.L.—Ý nghĩa của câu này là người muốn đứng trước sự hiện diện của các Chân sư phải hy sinh phàm ngã cho thượng trí. Đôi chân của

linh hồn, phàm ngã trên Trái Đất, phải được rửa trong máu của trái tim trước khi sự sống cao hơn có thể đạt được.

Đó là một quy luật chung của sự sống. Đứa trẻ nhỏ rất thích thú khi chơi với đồ chơi của mình; sớm muộn nó lớn lên thành thiếu niên, và những món đồ chơi thấp hơn đã bị vượt qua và đặt sang một bên, để có thể đạt được sự thành thạo trong loại thể thao cao hơn. Khi thanh niên vào đại học, có lẽ nhiều lần anh ta sẽ từ bỏ một trò chơi ngoài trời, mà anh ta rất thích, để làm việc với sách vở của mình. Vào những lúc khác, anh ta sẽ đặt sang một bên thứ mà anh ta rất muốn đọc, để lao vào các động từ tiếng Hy Lạp hoặc các nghiên cứu khác dường như không thú vị và không hữu ích lắm. Nếu anh ta tham gia huấn luyện cho một cuộc đua, hoặc để chèo thuyền, anh ta phải hy sinh sự thưởng thức của những bữa ăn ngon, và sống một cách tiết kiệm và nghiêm ngặt cho đến khi cuộc đua kết thúc.

Trên con đường huyền bí, nhiều niềm vui liên quan đến thế giới bên ngoài được coi là lãng phí thời gian. Có thể có những trường hợp khi đó là một nỗ lực thực sự để từ bỏ chúng, khi có một lời kêu gọi từ sự sống cao hơn, và người chí nguyện đáp lại lời kêu gọi đó với một mức độ chi phí nhất định cho bản chất thấp hơn. Sau đó, y phải từ bỏ cái thấp hơn để có cái cao hơn; nhưng sau đó sự hấp dẫn của cái thấp hơn sẽ hoàn toàn biến mất. Khi một người hoàn toàn nhận ra cái cao hơn, cái thấp hơn đơn giản là không còn tồn tại đối với y, nhưng trong nhiều trường hợp, y phải từ bỏ cái thấp hơn trước khi thực sự bước vào vinh quang và niềm vui và vẻ đẹp của sự sống tinh thần.

Tôi đã biết nhiều người có cơ hội tốt nhưng lại lùi bước ngay tại điểm đó, và thất bại vì họ không sẵn sàng từ bỏ tất cả những gì họ đã từng tận hưởng, và dường như không nhận được gì để đổi lại. Đôi khi một người sợ buông

bỏ một thứ cho đến khi có thể nắm bắt được thứ khác, và vì vậy y giữ chặt cái thấp hơn; nhưng nó không làm y hài lòng, vì y đã thoáng thấy cái cao hơn. Từ bỏ mọi thứ theo lời kêu gọi của Chân sư—người ta tự hỏi liệu mình có thể làm được không; người ta luôn nghĩ và hy vọng rằng mình sẽ làm được, nhưng khi đến lúc, liệu bạn có thể làm điều đó hoàn toàn và vui vẻ không? Nhiều người đã làm việc trong nhiều năm và tự hỏi tại sao họ không đạt được, tại sao họ không nằm trong số những người mà Chân sư có thể kéo rất gần đến Ngài. Lý do luôn luôn giống nhau; đó là phàm ngã dưới một hình thức nào đó giữ họ lại. Việc từ bỏ mọi thứ không phải là điều nên làm với sự lùi bước liên tục—từ bỏ một ngày, và nắm giữ và cố gắng giữ vào ngày hôm sau—cũng không nên làm với sự kiêu ngạo, với tư thế: "Tôi đã từ bỏ mọi thứ." Đó hoàn toàn là thái độ sai lầm; nó nên được thực hiện như một điều tất nhiên, và vui vẻ. Người sẽ thành công sẽ cảm thấy rằng không có gì khác để làm ngoài việc thực hiện sự từ bỏ lớn lao khi thời điểm đến.

Dark Path	White Path
1. Shuts out all feeling of sorrow.	Increases the power of feeling until it responds to every vibration of others.
2. Puts up a wall round oneself, to shut out all sorrows.	Throws down every wall or barrier that separates and prevents one from feeling the sorrows of others.
3. Fundamentally contracts the life.	Expands the life, as one tries to pour oneself into the lives of others.
4. Leads to death,	Leads to life,

and destruction, and avichi.	immortality, and nirvana.

The fundamental difference between the two ways is that the first tends towards separateness all the time, and ends up in a condition of absolute isolation, while the second aims constantly at union, and ends in a state of perfect unity.

Sự khác biệt cơ bản giữa hai cách là cách đầu tiên luôn có xu hướng tách biệt và kết thúc trong một trạng thái cô lập tuyệt đối, trong khi cách thứ hai luôn nhắm đến sự hợp nhất, và kết thúc trong một trạng thái hoàn hảo của sự thống nhất.

The aspirant on the white path has gradually to eliminate everything in himself which can receive from the outer world anything which he feels as pain affecting himself, anything which shakes him through his personality, any sorrow or trouble of any kind which works upon him as concerning his personal self. He must reach a point where he is incapable of feeling sorrows for his own separate interest. In fact, he is to aim at making his kamic sheath entirely a vehicle of the Higher Self, with no independent life of its own. It is to have neither attractions nor repulsions, neither desires nor wishes, neither hopes nor fears—the whole of that is to be eliminated. This should not convey the mistaken idea that the sheath is to be destroyed; but it must cease to respond on its own account to impressions from the outer world. Only the separated life must be killed out, but the sheath must be kept for use in the service of humanity.

Người chí nguyện trên con đường trắng phải dần dần loại bỏ mọi thứ trong bản thân mà có thể nhận được từ thế giới bên ngoài bất kỳ điều gì mà anh ta cảm thấy như nỗi đau ảnh hưởng đến bản thân, bất kỳ điều gì làm anh ta rung chuyển qua phàm ngã của mình, bất kỳ nỗi buồn hay rắc rối nào mà tác động đến anh ta liên quan đến bản thân. Anh ta phải đạt đến một điểm mà anh ta không thể cảm thấy nỗi buồn vì lợi ích riêng của mình. Thực tế, anh ta phải nhắm đến việc làm cho lớp vỏ kamic của mình hoàn toàn trở thành một phương tiện của Chân Ngã, không có cuộc sống độc lập riêng của nó. Nó không được có cả sự thu hút lẫn sự đẩy lùi, không có cả mong muốn lẫn ước vọng, không có cả hy vọng lẫn nỗi sợ - toàn bộ điều đó phải được loại bỏ. Điều này không nên truyền đạt ý tưởng sai lầm rằng lớp vỏ phải bị tiêu diệt; nhưng nó phải ngừng phản ứng vì lợi ích riêng của nó đối với những ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Chỉ có cuộc sống tách biệt mới phải bị tiêu diệt, nhưng lớp vỏ phải được giữ lại để sử dụng trong phục vụ nhân loại.

This change that the disciple must make in his own character is definitely shown in the constitution of the sheath. In the ordinary disciple it is constantly changing its colours; but when it is purified and all the separate life is purged away it remains a colourless and radiant vehicle, only affected by the reflections that come from the inner life; it has

Sự thay đổi mà đệ tử phải thực hiện trong tính cách của mình được thể hiện rõ ràng trong cấu trúc của lớp vỏ. Trong đệ tử thông thường, nó liên tục thay đổi màu sắc; nhưng khi nó được tinh khiết hóa và toàn bộ cuộc sống tách biệt bị thanh tẩy, nó vẫn là một phương tiện không màu và rực rỡ, chỉ bị ảnh hưởng bởi những phản chiếu đến từ cuộc sống bên trong; nó

then no colour of its own, but only that which is thrown upon it from the Higher Self, it resembles the appearance of the moon on water—a pearly radiance, in which there is a certain play which can hardly be called colour. This change takes place very gradually in the astral body of the disciple while he is working at the difficult task of making himself responsive to all the sorrows of his fellow-men, but more and more indifferent to all which affects himself. It would be very easy for him to kill out every feeling, but to become increasingly sensitive to the feelings of others and at the same time not to permit any personal feelings to come in, is the much more difficult task set before the aspirant. As he goes on with the work, however, he will find that his selfish emotions quietly disappear as they become converted into unselfish emotions.

không có màu sắc riêng của nó, mà chỉ có màu sắc được chiếu lên từ Chân Ngã, nó giống như hình ảnh của mặt trăng trên nước - một ánh sáng ngọc trai, trong đó có một trò chơi nhất định mà khó có thể gọi là màu sắc. Sự thay đổi này diễn ra rất dần dần trong thể cảm dục của đệ tử trong khi anh ta đang làm việc tại nhiệm vụ khó khăn là làm cho mình nhạy cảm với tất cả những nỗi buồn của đồng loại, nhưng ngày càng trở nên điềm nhiên với tất cả những gì ảnh hưởng đến bản thân. Sẽ rất dễ dàng cho anh ta để tiêu diệt mọi cảm xúc, nhưng trở nên ngày càng nhạy cảm với cảm xúc của người khác và đồng thời không cho phép bất kỳ cảm xúc cá nhân nào xen vào, là nhiệm vụ khó khăn hơn nhiều mà người chí nguyện phải đối mặt. Tuy nhiên, khi anh ta tiếp tục công việc, anh ta sẽ thấy rằng những cảm xúc ích kỷ của mình lặng lẽ biến mất khi chúng được chuyển hóa thành những cảm xúc không ích kỷ.

The disciple may test the quality and genuineness of his sympathy by looking to see whether or not he feels it when the suffering of others is not intruded upon his notice. If you see a person suffering, or if you come across a case of gross ill-usage, no doubt you feel pain, but do you feel the same pain when the person is not before your sight? Our sympathy is an exceedingly poor thing if it is excited only by the sight of suffering. Send a person out into a great city like London, and he may be terribly affected by the suffering that he sees around him; but take him away from it all and he will soon forget the miseries he has witnessed and will become perfectly happy. The disciple has to learn to live as if the whole of that suffering were present before him all the time; to relieve it must be the motive of his work.

Đệ tử có thể kiểm tra chất lượng và tính chân thực của sự đồng cảm của mình bằng cách nhìn xem liệu anh ta có cảm thấy nó khi nỗi đau của người khác không được đưa vào sự chú ý của mình hay không. Nếu bạn thấy một người đang chịu đựng, hoặc nếu bạn gặp một trường hợp bị ngược đãi nghiêm trọng, không nghi ngờ gì bạn cảm thấy đau đớn, nhưng bạn có cảm thấy cùng một nỗi đau khi người đó không ở trước mắt bạn không? Sự đồng cảm của chúng ta là một điều vô cùng nghèo nàn nếu nó chỉ được kích thích bởi hình ảnh của nỗi đau. Gửi một người ra một thành phố lớn như London, và anh ta có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi những nỗi đau mà anh ta thấy xung quanh mình; nhưng đưa anh ta ra khỏi tất cả và anh ta sẽ sớm quên đi những nỗi khổ mà anh ta đã chứng kiến và sẽ trở nên hoàn toàn hạnh phúc. Đệ tử phải học cách sống như thể toàn bộ nỗi đau đó luôn hiện diện trước mặt anh ta; để giảm nhẹ nó phải là động cơ của công việc của anh ta.

No one has reached the stage where he is responsive to the great cry of pain, spoken of in *The Voice of the Silence*?[1] unless his motive in life is to help humanity whether the suffering be before his eyes or not, for that is the real motive-power of a disciple. The best way to get rid of personality, to grow indifferent to one's own personal joys and sorrows, to become incapable of tears, is to let the mind think upon the sorrow of the world and the ways of helping it; that causes the personal self to be seen in its true place beside the larger self of the great orphan humanity.

Không ai đã đạt đến giai đoạn mà anh ta nhạy cảm với tiếng kêu lớn của nỗi đau, được nói đến trong Tiếng Nói của Im Lặng, trừ khi động cơ của anh ta trong cuộc sống là giúp nhân loại dù nỗi đau có ở trước mắt hay không, vì đó là động lực thực sự của một đệ tử. Cách tốt nhất để loại bỏ phàm ngã, để trở nên điềm nhiên với những niềm vui và nỗi buồn cá nhân của mình, để trở nên không thể khóc, là để tâm trí suy nghĩ về nỗi đau của thế giới và những cách giúp đỡ nó; điều đó khiến phàm ngã được nhìn thấy ở vị trí đúng của nó bên cạnh cái tôi lớn hơn của nhân loại mồ côi vĩ đại.

When the disciple passes through Initiation and begins to develop the buddhic consciousness, this incapacity for tears takes on a new character. He then begins to understand the word evolution, to realize that in man it means the unfoldment of the higher triad; then he begins to see the real use and object of all the suffering and pain. He gradually becomes incapable of tears because he understands the value of the suffering to those who are undergoing it, because he sees that when pain comes to a man it does so as an absolute necessity for the higher development of his soul. It is true that theoretically the man might have avoided that suffering if he had acted wisely in the past, for it is the result of his past karma when it is not produced by his present follies; but the practical aspect of the matter is that the man has been foolish, has elected to learn through this kind of experience instead of through wisdom, because he has not always chosen to follow the best he knew, and now he is suffering, and the pain is bringing him wisdom for the future, and is thereby promoting his evolution.

Khi đệ tử trải qua Điểm Đạo và bắt đầu phát triển tâm thức Bồ đề, sự không thể khóc này mang một đặc điểm mới. Anh ta bắt đầu hiểu từ tiến hóa, nhận ra rằng trong con người nó có nghĩa là sự mở rộng của tam nguyên cao hơn; sau đó anh ta bắt đầu thấy sự sử dụng và mục đích thực sự của tất cả những nỗi đau và khổ. Anh ta dần dần trở nên không thể khóc vì anh ta hiểu giá trị của nỗi đau đối với những người đang trải qua nó, vì anh ta thấy rằng khi nỗi đau đến với một người, nó đến như một sự cần thiết tuyệt đối cho sự phát triển cao hơn của linh hồn của họ. Thực tế là lý thuyết, người đàn ông có thể đã tránh được nỗi đau đó nếu anh ta hành động khôn ngoan trong quá khứ, vì nó là kết quả của nghiệp quả trong quá khứ của anh ta khi nó không được tạo ra bởi những hành động ngu ngốc hiện tại của anh ta; nhưng khía cạnh thực tiễn của vấn đề là người đàn ông đã ngu ngốc, đã chọn học qua loại kinh nghiệm này thay vì qua sự khôn ngoan, vì anh ta không luôn chọn theo những gì tốt nhất mà anh ta biết, và bây giờ anh ta đang chịu đựng, và nỗi đau đang mang lại cho anh ta sự khôn ngoan cho tương lai, và do đó thúc đẩy sự tiến hóa của anh ta.

Realizing this, the disciple reaches a condition

Nhận thức điều này, đệ tử đạt đến một trạng

[1] *Ante.*, p. 424

in which he may be described as full of the most perfect sympathy but without regret. The sense of regret comes in only when the consciousness is unillumined by the buddic life. When the buddhic consciousness is felt, the disciple's sympathy increases enormously, but his regret disappears, and as he rises higher this wider view makes him incapable of tears, because in the face of the bitterest suffering to which he is learning to respond and to feel in himself, he feels also its object and end. He can share in the suffering to the full, but without the slightest wish that it should be anything other than it is. The absence of any wish to get rid of the suffering before it has done its work, can only exist when the consciousness has buddhic illumination. That is the condition which has been described as the Christ state. The law is good and the will of the Supreme is perfect, and the suffering works for a perfect end; therefore the disciple is filled with content and satisfaction; he feels the suffering, but of grief and sorrow he feels none at all.

thái mà có thể được mô tả là đầy đủ sự đồng cảm hoàn hảo nhưng không có sự hối tiếc. Cảm giác hối tiếc chỉ xuất hiện khi tâm thức không được soi sáng bởi cuộc sống Bồ đề. Khi tâm thức Bồ đề được cảm nhận, sự đồng cảm của đệ tử tăng lên rất nhiều, nhưng sự hối tiếc của anh ta biến mất, và khi anh ta lên cao hơn, cái nhìn rộng hơn này khiến anh ta không thể khóc, vì trong đối diện với những nỗi đau tồi tệ nhất mà anh ta đang học để đáp ứng và cảm nhận trong chính mình, anh ta cũng cảm thấy đối tượng và mục đích của nó. Anh ta có thể chia sẻ hoàn toàn trong nỗi đau, nhưng không có chút mong muốn nào rằng nó nên là bất cứ điều gì khác ngoài những gì nó là. Sự vắng mặt của bất kỳ mong muốn nào để loại bỏ nỗi đau trước khi nó hoàn thành công việc của nó, chỉ có thể tồn tại khi tâm thức đã được soi sáng bởi Bồ đề. Đó là điều kiện mà đã được mô tả như trạng thái của Christ. Định luật là tốt và ý chí của Đấng Tối Cao là hoàn hảo, và nỗi đau làm việc vì một mục đích hoàn hảo; do đó, đệ tử được lấp đầy với sự hài lòng và thỏa mãn; anh ta cảm thấy nỗi đau, nhưng không có chút buồn bã hay nỗi khổ nào.

When the disciple reaches this stage his consciousness has become part of the life of the world. If he thinks of himself as "I" it is as part of that "I" in which all other "Is" also exist. Now there is for him nothing which is outside or separate from himself; he identifies himself with the one great life in whatever stage it may be, whenever it is in need of help. He entirely loses the sense, which is so common in the world, of some people being outside; he is in all and with all.

Khi đệ tử đạt đến giai đoạn này, tâm thức của anh ta đã trở thành một phần của cuộc sống của thế giới. Nếu anh ta nghĩ về bản thân như là "Tôi", thì đó là một phần của "Tôi" mà trong đó tất cả các "Tôi" khác cũng tồn tại. Bây giờ không có gì đối với anh ta là bên ngoài hoặc tách biệt khỏi bản thân; anh ta đồng hóa mình với một cuộc sống lớn lao duy nhất trong bất kỳ giai đoạn nào của nó, bất cứ khi nào nó cần sự giúp đỡ. Anh ta hoàn toàn mất đi cảm giác, điều rất phổ biến trong thế giới, rằng một số người là bên ngoài; anh ta ở trong tất cả và với tất cả.

This realization of union makes an enormous difference to the help that the man is able to give to the world. When he is helping any person he feels his troubles as his own, not as

Sự nhận thức về sự hợp nhất này tạo ra một sự khác biệt to lớn đối với sự giúp đỡ mà người đàn ông có thể cung cấp cho thế giới. Khi anh ta giúp bất kỳ người nào, anh ta cảm thấy

the difficulties of another, separate from himself. He sees them exactly as that person does; therefore instead of assisting him from the outside he is helping him from within. There is a world of difference between the help given by one from the outside and that which is given from within; the former is a temporary and adventitious aid, but the inside help adds to the power of the man's life.

những rắc rối của họ như là của chính mình, không phải như là những khó khăn của một người khác, tách biệt khỏi bản thân. Anh ta thấy chúng chính xác như người đó thấy; do đó, thay vì hỗ trợ họ từ bên ngoài, anh ta đang giúp họ từ bên trong. Có một thế giới khác biệt giữa sự giúp đỡ được cung cấp bởi một người từ bên ngoài và sự giúp đỡ được cung cấp từ bên trong; cái trước là một sự hỗ trợ tạm thời và ngẫu nhiên, nhưng sự giúp đỡ từ bên trong làm tăng sức mạnh của cuộc sống của người đó.

The disciple can reach this state only because he has cultivated sympathy, has learnt to identify himself with the joys and sorrows of others, has made his own life a life common to all. Without that, this loss of separateness would be unattainable. The only incapability of tears that he has to know is that which makes him indifferent to the things that touch the personal self, but leaves him keenly alive to all that affects the other souls around him.

Người đệ tử chỉ có thể đạt được trạng thái này vì y đã nuôi dưỡng lòng đồng cảm, đã học cách đồng nhất bản thân với niềm vui và nỗi buồn của người khác, đã biến cuộc sống của mình thành một cuộc sống chung cho tất cả. Nếu không có điều đó, sự mất đi tính riêng biệt này sẽ không thể đạt được. Sự không khả năng rơi nước mắt mà y cần biết là điều khiến y trở nên điềm nhiên với những điều chạm đến phàm ngã, nhưng lại để y nhạy cảm với tất cả những gì ảnh hưởng đến các linh hồn khác xung quanh.

C.W.L.—Our President has explained with regard to the first four statements in this book, beginning "Before the eyes can see they must be incapable of tears," that they may be taken in quite a wrong way, and are then as acceptable to the black magician as to ourselves. He would understand them to mean that he must kill out all feeling, build himself into a shell and shut the sorrows and the troubles of the world outside it. That is exactly the opposite of the teaching given to the pupil on the white path, who is taught to increase his power of feeling until he attains perfect sympathy with the sufferings of his fellow-men.

C.W.L.—Chủ tịch của chúng ta đã giải thích về bốn tuyên bố đầu tiên trong cuốn sách này, bắt đầu bằng "Trước khi đôi mắt có thể thấy, chúng phải không còn khả năng rơi nước mắt," rằng chúng có thể bị hiểu sai, và sau đó thì cũng được chấp nhận bởi nhà huyền thuật đen như chúng ta. Ngài sẽ hiểu rằng điều đó có nghĩa là ngài phải tiêu diệt tất cả cảm xúc, xây dựng bản thân thành một lớp vỏ và đóng kín nỗi buồn và những rắc rối của thế giới bên ngoài. Điều đó hoàn toàn trái ngược với giáo lý được dạy cho học trò trên con đường trắng, người được dạy để tăng cường khả năng cảm nhận của mình cho đến khi đạt được sự đồng cảm hoàn hảo với những đau khổ của đồng loại.

We hear a good deal about the black

Chúng ta nghe rất nhiều về các nhà huyền

magicians, but I fancy that few people know much about them. I have met many specimens of the genus, and can therefore claim to know something of their nature and methods. Some of them are very interesting people, but by no means desirable acquaintances. There are many different types who are classed under the general title of black magician. For instance, the negroes in South Africa and in the West Indies, and probably the aborigines of Australia, practise a good deal of petty black magic. It is a very poor thing; even they themselves admit that it does not work on white people. One has heard of certain cases in which they have succeeded in making white people exceedingly uncomfortable, but one must add that it was made possible by the kind of life those people led. Such magic depends for its success largely upon the fear of the people upon whom the incantations are laid, yet it is a real enough thing in its feeble way. These primitive people have certain drugs, they know how to hypnotize, and they have power over some low-class earth-spirits and similar entities. They contrive to cause sickness to a man, or in his family, or among his flocks and herds, or to blast his gardens and fields so that they will not bear crops; though in the latter case they are not above aiding their magic sometimes by saltpetre as well.

thuật đen, nhưng tôi nghĩ rằng ít người biết nhiều về họ. Tôi đã gặp nhiều mẫu người thuộc giống loài này, và do đó có thể tự nhận biết một chút về bản chất và phương pháp của họ. Một số trong số họ là những người rất thú vị, nhưng không phải là những người bạn mong muốn. Có nhiều loại khác nhau được phân loại dưới tiêu đề chung là nhà huyền thuật đen. Ví dụ, những người da đen ở Nam Phi và ở Tây Ấn, và có thể cả những người bản địa ở Úc, thực hành một lượng lớn ma thuật đen nhỏ. Đó là một điều rất tồi tệ; ngay cả họ cũng thừa nhận rằng nó không có tác dụng với người da trắng. Người ta đã nghe nói về một số trường hợp mà họ đã thành công trong việc khiến người da trắng cảm thấy vô cùng khó chịu, nhưng phải thêm rằng điều đó chỉ có thể xảy ra nhờ vào cách sống mà những người đó dẫn dắt. Ma thuật như vậy phụ thuộc vào sự sợ hãi của những người mà các câu thần chú được áp dụng, tuy nhiên nó vẫn là một điều thực sự trong cách yếu ớt của nó. Những người nguyên thủy này có một số loại thuốc, họ biết cách thôi miên, và họ có quyền lực đối với một số tinh linh đất thấp và các thực thể tương tự. Họ có thể gây bệnh cho một người, hoặc trong gia đình của người đó, hoặc giữa đàn gia súc của họ, hoặc làm hại vườn tược và cánh đồng của họ để chúng không thể cho ra mùa màng; mặc dù trong trường hợp sau, họ cũng không ngần ngại hỗ trợ ma thuật của mình bằng muối kali.

There is another set of people, somewhat more dignified, who are pursuing occult power for their own ends. They have learnt a certain amount of occultism—sometimes quite a good deal—but they are using their power selfishly. They often contrive to gain money and position by such means, and to maintain themselves in that position until they die. After their death they sometimes make an attempt to carry on the same general line, but it meets with indifferent success, and

Có một nhóm người khác, có phần cao quý hơn, đang theo đuổi quyền lực huyền bí cho mục đích riêng của họ. Họ đã học được một lượng nhất định về huyền bí học—đôi khi khá nhiều—nhưng họ đang sử dụng quyền lực của mình một cách ích kỷ. Họ thường tìm cách kiếm tiền và vị trí bằng những phương tiện như vậy, và duy trì bản thân trong vị trí đó cho đến khi họ chết. Sau khi chết, họ đôi khi cố gắng tiếp tục theo cùng một hướng chung, nhưng điều đó gặp phải sự thành công không

their plans break down; every thing sooner or later fails them and they fall back into a condition of considerable misery.[2] A life such as that means quite a definite step back for the ego.

mấy khả quan, và các kế hoạch của họ sụp đổ; mọi thứ sớm hay muộn cũng thất bại với họ và họ rơi vào một tình trạng khổ sở đáng kể. Một cuộc sống như vậy có nghĩa là một bước lùi rõ ràng cho chân ngã.

Yet another and more advanced type of black magician does not desire anything for himself. He does not seek to obtain money or power or influence or anything of that sort, and that at once makes him very much more powerful. He leads a pure and self-controlled life, just as some of our own people might do, but he has set before himself the goal of separateness. He wants to keep himself alive on higher planes, free from absorption into the Logos; he looks with horror upon that which for us is the greatest felicity. He wishes to maintain his own position exactly as it is, and furthermore he claims that he can do it, that the human will is strong enough to withstand the cosmic will up to a certain point. I have met men like that, and our President, who is always trying to save even the most unlikely souls, has set herself once or twice to convert people who have got themselves into that condition, so as to bring them round to our way of thinking—though not with very much success, I am afraid. She sometimes says to them: "You know what the end will be. You know quite enough of the laws of nature, and you are sufficiently intelligent to see whither your path is leading you. It is quite certain that in the end you must collapse. When this manvantara ends, when this planetary chain is over you will be absorbed, whether you will or not, into the Logos at higher levels, and what will be your condition then?"

Một loại nhà huyền thuật đen khác, tiên tiến hơn, không mong muốn điều gì cho bản thân. Ngài không tìm kiếm để có được tiền bạc hay quyền lực hay ảnh hưởng hay bất cứ điều gì tương tự, và điều đó ngay lập tức khiến ngài trở nên mạnh mẽ hơn rất nhiều. Ngài sống một cuộc sống trong sạch và tự kiểm soát, giống như một số người trong chúng ta có thể làm, nhưng ngài đã đặt ra cho mình mục tiêu của sự riêng biệt. Ngài muốn giữ cho bản thân sống trên các cõi cao hơn, tự do khỏi sự hấp thụ vào Thượng đế; ngài nhìn với sự kinh hoàng vào điều mà đối với chúng ta là hạnh phúc lớn nhất. Ngài muốn duy trì vị trí của mình chính xác như nó đang có, và hơn nữa ngài khẳng định rằng ngài có thể làm điều đó, rằng ý chí con người đủ mạnh để chống lại ý chí vũ trụ đến một mức độ nhất định. Tôi đã gặp những người như vậy, và Chủ tịch của chúng ta, người luôn cố gắng cứu vớt ngay cả những linh hồn không có khả năng nhất, đã một hoặc hai lần cố gắng chuyển hóa những người đã rơi vào tình trạng đó, để đưa họ về với cách suy nghĩ của chúng ta—mặc dù không mấy thành công, tôi e rằng. Bà đôi khi nói với họ: "Các ngài biết điều gì sẽ xảy ra. Các ngài biết đủ về các định luật của tự nhiên, và các ngài đủ thông minh để thấy con đường của các ngài đang dẫn đến đâu. Rõ ràng rằng cuối cùng các ngài phải sụp đổ. Khi giai kỳ sinh hóa này kết thúc, khi chuỗi hành tinh này kết thúc, các ngài sẽ bị hấp thụ, dù các ngài có muốn hay không, vào Thượng đế ở các cấp độ cao hơn, và điều gì sẽ xảy ra với các ngài lúc đó?"

"You do not actually *know* that," they reply,

"Các ngài thực sự không biết điều đó," họ đáp,

[2] *Ante.*, p. 501

"yet we admit that that appears to be what will happen. But we tell you frankly that we do not care. We are well satisfied with our present position; we are able to maintain our individuality against any effort to draw us into the Logos for a very long time, even till the end of the manvantara. Whether we can hold it after that we do not know, and we do not care. Whether we can or not, we shall have had our day."

"nhưng chúng tôi thừa nhận rằng điều đó có vẻ như sẽ xảy ra. Nhưng chúng tôi thành thật nói rằng chúng tôi không quan tâm. Chúng tôi rất hài lòng với vị trí hiện tại của mình; chúng tôi có khả năng duy trì cá tính của mình chống lại bất kỳ nỗ lực nào để kéo chúng tôi vào Thượng đế trong một thời gian rất dài, thậm chí cho đến khi kết thúc giai kỳ sinh hóa. Chúng tôi không biết liệu chúng tôi có thể giữ được sau đó hay không, và chúng tôi không quan tâm. Dù chúng tôi có thể hay không, chúng tôi sẽ đã có ngày của mình."

That is an arguable position, and the man who adopts it may be not exactly a good man, but he need not be a bad man, in the ordinary sense of the word. He certainly has a great deal of satanic pride in his composition, but he is not necessarily spiteful nor evil-minded with regard to other people. Still he is absolutely unscrupulous. Anyone who happened to get in his way he would brush aside with far less consideration than we should give to a mosquito. But to a man who did not stand in his way he might be quite a good friend, and there is not necessarily any active evil in his composition. He is not at all a monster of evil, but he is a man who has struck out a line for himself, and is following it at the cost of all that to us means progress. That is all we have a right to say against him. We are confident that he will end in great disaster; he is not so sure of that, and in any case he is willing to face it.

Đó là một lập trường có thể tranh cãi, và người nào chọn nó có thể không hoàn toàn là một người tốt, nhưng không cần phải là một người xấu, theo nghĩa thông thường của từ này. Ngài chắc chắn có rất nhiều kiêu hãnh quỷ dữ trong bản chất của mình, nhưng ngài không nhất thiết phải ác ý hay có tâm địa xấu với người khác. Tuy nhiên, ngài hoàn toàn không có nguyên tắc. Bất kỳ ai tình cờ đứng trên đường của ngài, ngài sẽ gạt bỏ đi với ít sự xem xét hơn so với những gì chúng ta dành cho một con muỗi. Nhưng đối với một người không đứng trên đường của ngài, ngài có thể là một người bạn khá tốt, và không nhất thiết có bất kỳ điều ác nào trong bản chất của ngài. Ngài không phải là một quái vật của cái ác, nhưng ngài là một người đã vạch ra một con đường cho bản thân, và đang theo đuổi nó với cái giá của tất cả những gì đối với chúng ta có nghĩa là tiến bộ. Đó là tất cả những gì chúng ta có quyền nói chống lại ngài. Chúng ta tin chắc rằng ngài sẽ kết thúc trong một thảm họa lớn; ngài không chắc chắn về điều đó, và trong bất kỳ trường hợp nào, ngài sẵn sàng đối mặt với nó.

As a rule these people are sufficient unto themselves, and they distrust and despise everybody else. That is always characteristic of anyone who is on the dark path; he is right and everybody else is wrong. He looks down on everybody else. People talk sometimes

Như thường lệ, những người này tự đủ với bản thân, và họ không tin tưởng và khinh thường mọi người khác. Điều đó luôn là đặc điểm của bất kỳ ai đang đi trên con đường tối; họ đúng và mọi người khác đều sai. Họ nhìn xuống mọi người khác. Người ta đôi khi nói về một huynh

about a black brotherhood. There is no such thing. There could not be any true brotherhood among them, but they do occasionally join together in face of an imminent peril or when something threatens any of their plans. At best it is a very loose alliance, formidable only because of the tremendous power that some of them possess. It does happen now and again that? the work that some of our Masters are doing for the evolution of the world crosses their tracks, and then they become formidable enemies. They cannot touch our Masters—I think that must be very irritating to them—but they sometimes get hold of one of Their pupils, and so cause Them a little trouble or some disappointment, if we can suppose that a Master would feel disappointment.

đệ đen. Không có điều đó. Không thể có bất kỳ huynh đệ thực sự nào giữa họ, nhưng họ đôi khi kết hợp với nhau khi đối mặt với một mối nguy cấp bách hoặc khi có điều gì đó đe dọa bất kỳ kế hoạch nào của họ. Tốt nhất, đó là một liên minh rất lỏng lẻo, chỉ đáng sợ vì sức mạnh khổng lồ mà một số trong số họ sở hữu. Thỉnh thoảng, công việc mà một số Chân sư của chúng ta đang làm cho sự tiến hóa của thế giới cản trở con đường của họ, và sau đó họ trở thành những kẻ thù đáng sợ. Họ không thể chạm đến các Chân sư của chúng ta—tôi nghĩ điều đó chắc chắn phải rất khó chịu với họ—nhưng họ đôi khi nắm bắt một trong những học trò của Ngài, và do đó gây ra cho Ngài một chút rắc rối hoặc một số thất vọng, nếu chúng ta có thể giả định rằng một Chân sư sẽ cảm thấy thất vọng.

The reason of all the warnings given to us to beware of these people is that we shall find them trying sometimes to mislead us. Madame Blavatsky, who knew a great deal about them and had a wholesome respect for them, rather gave the impression that they were tempting demons who exult in evil for its own sake. This would be true only of those at a lower level; the more powerful of them would consider it quite undignified to exult in anything; but their plans, which are always entirely selfish, may sometimes involve a great deal of harm to certain people. They are as calm and self-contained and as passionless as any disciple of the Master; in fact, they are more so, because they have killed out all feeling intentionally. They would not injure a man merely for the sake of doing harm, but, as I said before, in pursuit of some end of their own which his existence interferes with they would not hesitate to sweep him out of their way. Those whose work it is to assist people astrally sometimes come across their victims, and in that case the man who tries to help often brings down upon himself also the

Lý do cho tất cả những cảnh báo được đưa ra cho chúng ta để cẩn thận với những người này là chúng ta sẽ thấy họ đôi khi cố gắng dẫn dắt chúng ta đi sai hướng. Bà Blavatsky, người biết rất nhiều về họ và có sự tôn trọng lành mạnh đối với họ, đã tạo ra ấn tượng rằng họ là những ác quỷ cám dỗ, những kẻ vui mừng trong cái ác vì chính cái ác. Điều này chỉ đúng với những người ở cấp độ thấp hơn; những người mạnh mẽ hơn trong số họ sẽ coi việc vui mừng trong bất kỳ điều gì là không xứng đáng; nhưng các kế hoạch của họ, vốn luôn hoàn toàn ích kỷ, đôi khi có thể gây ra rất nhiều tổn hại cho một số người nhất định. Họ bình tĩnh và tự chủ như bất kỳ đệ tử nào của Chân sư; thực tế, họ còn hơn thế, vì họ đã cố tình tiêu diệt tất cả cảm xúc. Họ sẽ không làm hại một người chỉ vì mục đích gây tổn hại, nhưng, như tôi đã nói trước đó, trong việc theo đuổi một mục đích nào đó của riêng họ mà sự tồn tại của người đó cản trở, họ sẽ không ngần ngại quét sạch người đó khỏi con đường của họ. Những người có nhiệm vụ hỗ trợ người khác về mặt cảm dục đôi khi gặp phải nạn nhân của họ, và trong trường hợp đó, người cố gắng giúp đỡ thường

determined opposition of the black magician.

mang đến cho bản thân mình sự phản đối quyết liệt từ nhà huyền thuật đen.

To return to our main topic. It is very difficult to learn to respond to feelings, and yet not permit one's personality to show itself in any way—to be in perfect sympathy with the feelings of others, and yet have none our own. Many people are very much disturbed by the sight of the suffering of others, but if they do not actually see that suffering they forget it. Many of the richer people in a city like London, for example, when taken to see the terrible misery in the slums, are very much affected, and will at once do all they can to relieve the particular cases that they see; yet the same people will go off to their hunting and fishing and pleasure, and absolutely forget that there is any misery. In that case the sorrow is only partly for the other person's suffering; it is largely merely the personal pain of having that suffering intruded on their notice. That kind of sympathy is a poor thing—it is not real sympathy at all.

Quay trở lại với chủ đề chính của chúng ta. Rất khó để học cách đáp ứng với cảm xúc, và vẫn không cho phép phàm ngã của mình thể hiện theo bất kỳ cách nào—để có sự đồng cảm hoàn hảo với cảm xúc của người khác, nhưng lại không có cảm xúc nào của riêng mình. Nhiều người rất bị quấy rầy bởi cảnh tượng đau khổ của người khác, nhưng nếu họ không thực sự thấy nỗi đau đó, họ sẽ quên nó. Nhiều người giàu có trong một thành phố như London, chẳng hạn, khi được đưa đi xem những nỗi khổ cực khủng khiếp trong các khu ổ chuột, rất bị ảnh hưởng, và sẽ ngay lập tức làm tất cả những gì họ có thể để giúp đỡ những trường hợp cụ thể mà họ thấy; tuy nhiên, những người cùng đó sẽ đi săn bắn và câu cá và vui chơi, và hoàn toàn quên rằng có bất kỳ nỗi khổ nào. Trong trường hợp đó, nỗi buồn chỉ một phần là vì nỗi đau của người khác; nó chủ yếu chỉ là nỗi đau cá nhân khi phải chứng kiến nỗi đau đó. Loại đồng cảm đó là một điều tồi tệ—nó không phải là đồng cảm thực sự chút nào.

When we fully realize the suffering of humanity we gradually lose sight of our own. We forget that we have Personal sufferings because we see that the sufferings of humanity are so great, and we realize that that which falls to our lot is after all only our part of the general burden. A man who can get into that state of mind has already very largely transcended his personality. He sorrows still for humanity, but no longer for himself; he has become incapable of tears as far as his own personal joys and sorrows are concerned.

Khi chúng ta hoàn toàn nhận thức được nỗi đau của nhân loại, chúng ta dần dần mất đi tầm nhìn về nỗi đau của chính mình. Chúng ta quên rằng chúng ta có những nỗi đau cá nhân vì chúng ta thấy rằng nỗi đau của nhân loại là quá lớn, và chúng ta nhận ra rằng điều rơi vào số phận của chúng ta chỉ là phần của gánh nặng chung. Một người có thể đạt được trạng thái tâm trí đó đã vượt qua phàm ngã của mình rất nhiều. Y vẫn đau buồn cho nhân loại, nhưng không còn cho bản thân; y đã trở nên không còn khả năng rơi nước mắt liên quan đến những niềm vui và nỗi buồn cá nhân của mình.

It is not an easy matter to regard the sufferings of others accurately. The President and I some years ago investigated the question of the

Đó không phải là một vấn đề dễ dàng để nhìn nhận chính xác nỗi đau của người khác. Chủ tịch và tôi đã điều tra câu hỏi về ảnh hưởng của

influence of pain upon different people undergoing what from the outside would be regarded as the same physical suffering. We found that in an extreme case one person was suffering perhaps a thousand times more than another, and that in ordinary life one might quite often feel pain a hundred times more than another. If one.shows signs of suffering and another does not, it must not be assumed that the latter is necessarily braver or more philosophic. It may not be the case. We looked into the question of the amount of suffering which was inflicted on different people by the ignominies of prison life; to some persons they meant practically nothing, to others the most intense mental and emotional suffering. So it is futile to say: "I do not feel such and such a thing, and therefore other persons ought not to feel it either." One does not know to what degree or in what proportion others are feeling. I have found that many things which do not matter in the least to me may nevertheless cause serious pain to others; whereas it has been quite the reverse as regards other things, such as unpleasant sounds, for example which often cause acute suffering to those who are developing their finer senses. I have seen our President in a condition of positive agony when a great ammunition wagon went clanging by the house where we were staying in Avenue Road, in London. This does not mean, of course, that she lost control of her nerves. She has often explained that while the disciple must increase his sensitiveness he must also control his nervous system, so as to bear without flinching whatever pain or disturbance may come to him.[3]

nỗi đau đối với những người khác nhau đang trải qua những gì từ bên ngoài có thể được coi là cùng một nỗi đau thể xác. Chúng tôi phát hiện ra rằng trong một trường hợp cực đoan, một người có thể đang chịu đựng có thể gấp một ngàn lần hơn người khác, và trong cuộc sống bình thường, một người có thể thường xuyên cảm thấy đau đớn gấp một trăm lần so với người khác. Nếu một người thể hiện dấu hiệu đau khổ và người khác thì không, không nên giả định rằng người sau nhất thiết phải dũng cảm hơn hoặc triết lý hơn. Điều đó có thể không đúng. Chúng tôi đã xem xét câu hỏi về mức độ đau khổ mà các nhục hình trong cuộc sống tù ngục gây ra cho những người khác nhau; đối với một số người, chúng gần như không có ý nghĩa gì, trong khi đối với những người khác, đó là nỗi đau tinh thần và cảm xúc mãnh liệt nhất. Vì vậy, thật vô nghĩa khi nói: "Tôi không cảm thấy điều này điều kia, và do đó những người khác cũng không nên cảm thấy như vậy." Một người không biết đến mức độ nào hoặc theo tỷ lệ nào mà người khác đang cảm thấy. Tôi đã thấy rằng nhiều điều mà không có ý nghĩa gì với tôi có thể gây ra nỗi đau nghiêm trọng cho người khác; trong khi đó, điều ngược lại lại đúng với những điều khác, chẳng hạn như âm thanh khó chịu, ví dụ, thường gây ra nỗi đau cấp tính cho những người đang phát triển các giác quan tinh tế hơn của họ. Tôi đã thấy Chủ tịch của chúng ta trong tình trạng đau đớn dương tính khi một chiếc xe tải đạn lớn đi qua nhà nơi chúng tôi đang ở trên Đường Avenue, ở London. Điều này không có nghĩa là bà đã mất kiểm soát thần kinh của mình. Bà đã nhiều lần giải thích rằng trong khi người đệ tử phải tăng cường độ nhạy cảm của mình, y cũng phải kiểm soát hệ thần kinh của mình, để có thể chịu đựng mà không chao đảo bất kỳ nỗi đau hay sự rối loạn nào có thể đến với y.

[3] *Ante.*, pp. 172, 181.

Before the ear can hear it must have lost its sensitiveness.

Trước khi tai có thể nghe, nó phải mất đi độ nhạy cảm của mình.

A.B.—The disciple must become entirely indifferent to the opinions of others about himself, as far as his own feelings are concerned. If they think and speak well of him he is not to be elated; if ill, he is not to be depressed. Yet at the same time he must not be indifferent to the opinions of others as they affect the people who hold them. He is not, therefore, to be careless with regard to the impressions which he makes upon others, for if he repels them by his conduct he loses his power to help them.

A.B.—Đệ tử phải hoàn toàn không quan tâm đến ý kiến của người khác về bản thân mình, liên quan đến cảm xúc của chính y. Nếu họ nghĩ và nói tốt về y, y không được vui mừng; nếu nói xấu, y không được chán nản. Tuy nhiên, đồng thời y cũng không được thờ ơ với ý kiến của người khác khi chúng ảnh hưởng đến những người nắm giữ chúng. Do đó, y không được bất cẩn với những ấn tượng mà y tạo ra trên người khác, vì nếu y đẩy họ ra bằng hành vi của mình, y sẽ mất đi khả năng giúp đỡ họ.

The disciple, in the course of his progress, develops his psychic powers, and so becomes conscious of what others are thinking about him; he is then living in a world in which he may hear everything said about him, and may see every criticism in the mind of another. He reaches this point when he has risen above all criticism, and is not affected by the opinions of others. Some people are very anxious to develop clairvoyance before they have reached this stage, but if they realized this fact the astral consciousness which they so much desire would lose its attraction.

Trong quá trình tiến bộ của mình, đệ tử phát triển các năng lực tâm linh, và do đó trở nên nhận thức được những gì người khác đang nghĩ về y; y đang sống trong một thế giới mà y có thể nghe mọi điều nói về mình, và có thể thấy mọi chỉ trích trong tâm trí của người khác. Y đạt đến điểm này khi y đã vượt lên trên mọi chỉ trích, và không bị ảnh hưởng bởi ý kiến của người khác. Một số người rất lo lắng để phát triển khả năng thông nhãn trước khi họ đạt đến giai đoạn này, nhưng nếu họ nhận ra sự thật này, tâm thức cảm dục mà họ rất mong muốn sẽ mất đi sức hấp dẫn.

C.W.L.—It must not be thought that the developed person who hears uncomplimentary remarks about himself and is profoundly indifferent to them deliberately nerves himself against the feeling of irritation, and says: "That is all very dreadful, but I refuse to care; I will not pay any attention to it." He passes, no doubt through a stage like that, but very soon he reaches a' state where he absolutely and utterly does not care when it is just like the twittering of birds, or like the' cicadas whistling in the trees—they may be a nuisance but that is all. He does not pick out one particular cicada and listen to its tone

C.W.L.—Không nên nghĩ rằng người phát triển, người nghe những nhận xét không tốt về bản thân và hoàn toàn không quan tâm đến chúng, cố ý tự làm cho mình không bị kích thích, và nói: "Tất cả thật khủng khiếp, nhưng tôi từ chối quan tâm; tôi sẽ không chú ý đến điều đó." Chắc chắn y đã trải qua một giai đoạn như vậy, nhưng rất nhanh chóng y đạt đến một trạng thái mà y hoàn toàn và tuyệt đối không quan tâm, khi mà điều đó giống như tiếng chim hót, hoặc như tiếng ve kêu trong cây—chúng có thể gây phiền phức nhưng chỉ có vậy. Y không chọn ra một con ve cụ thể và chỉ lắng nghe âm thanh của nó, cũng như y

alone, nor does he single out the thought or the word of any one person who is saying something silly.

không tách ra suy nghĩ hoặc lời nói của bất kỳ ai đang nói điều gì đó ngớ ngẩn.

We must all try to reach that stage. We are constantly putting,t before people, because it is the attitude of our Masters into whose "world" we are trying to go. They may very properly think: "How can we hope to attain to the attitude of these Great Ones?" Of course, no one can do it immediately, but we ought to be aiming at it and trying to get as near to it as we can, and one of the ways of doing that—a method which is really quite easy—is just not to mind in the least what other people say.

Tất cả chúng ta phải cố gắng đạt đến giai đoạn đó. Chúng ta liên tục đưa ra trước mọi người, vì đó là thái độ của các Ngài mà chúng ta đang cố gắng bước vào "thế giới" của các Ngài. Họ có thể rất hợp lý khi nghĩ: "Làm thế nào chúng ta có thể hy vọng đạt được thái độ của những Đấng Vĩ Đại này?" Tất nhiên, không ai có thể làm điều đó ngay lập tức, nhưng chúng ta nên nhắm đến điều đó và cố gắng tiến gần đến nó nhất có thể, và một trong những cách để làm điều đó—một phương pháp thực sự khá dễ dàng—là chỉ đơn giản không bận tâm chút nào đến những gì người khác nói.

When we have reached that attitude the next step is to think of the bad karma these people are making in thinking or speaking wrongly about us. We may then regret it for their sake, and for that reason it is well that we should endeavour not to give more cause than we can help for foolish and depreciatory remarks—not in the least because they matter to us, but because they make bad karma for the people who indulge in them.

Khi chúng ta đã đạt được thái độ đó, bước tiếp theo là nghĩ về nghiệp xấu mà những người này đang tạo ra khi nghĩ hoặc nói sai về chúng ta. Chúng ta có thể cảm thấy tiếc cho họ vì lý do đó, và vì lý do đó, thật tốt khi chúng ta cố gắng không tạo ra nhiều nguyên nhân hơn mức cần thiết cho những nhận xét ngớ ngẩn và giảm giá—không phải vì chúng quan trọng với chúng ta, mà vì chúng tạo ra nghiệp xấu cho những người tham gia vào chúng.

Before the voice can speak in the presence of the Masters it must have lost the power to wound.

Trước khi tiếng nói có thể phát ra trong sự hiện diện của các Ngài, nó phải mất đi khả năng gây tổn thương.

A.B.—The disciple must lose everything in himself which can give pain to another. In the earlier stages he has to learn to eliminate from his speech all that can give pain—not merely harsh criticism or unkind language, but every form of word that hurts another by implying disparagement or drawing attention to a fault in his character. It is true that some people are in a position in which it is their duty sometimes to point out his fault to another; but it is a mistaken view that he is justified in

A.B.—Đệ tử phải loại bỏ mọi thứ trong bản thân y có thể gây đau đớn cho người khác. Trong những giai đoạn đầu, y phải học cách loại bỏ khỏi lời nói của mình tất cả những gì có thể gây đau—không chỉ là chỉ trích gay gắt hoặc ngôn ngữ không tốt, mà còn mọi hình thức từ ngữ có thể làm tổn thương người khác bằng cách ngụ ý sự khinh miệt hoặc thu hút sự chú ý đến một khuyết điểm trong tính cách của họ. Đúng là một số người ở trong vị trí mà đôi khi họ có trách nhiệm chỉ ra khuyết điểm

inflicting pain while doing so. When the fault is pointed out in a perfectly friendly manner, the element of wounding is not present. Whenever the speech wounds it is due to some imperfection in carrying out the duty; the would-be helper has failed to identify himself with the person addressed; he is giving advice only from the outside, and therefore it hurts. If he had unified himself with the other person, and tried to help at the same time feeling as he feels, he would have brought out the other person's emotion in a sympathetic way; through the consciousness of his sympathy the other would have had his nobler and wider side awakened, and then the advice would not have been wounding. If it is your duty to criticize another and you find that it wounds him, look into yourself to find the imperfection that caused the wound. If we are to lose the power to wound, the separate individuality must go; when we feel ourselves as one life, it becomes impossible for us to inflict suffering upon anything, as it is part of ourselves. The way to reach that point of evolution is to begin by gradually purifying the speech, taking the more salient faults first.

của người khác; nhưng đó là một quan điểm sai lầm khi cho rằng y có quyền gây đau đớn trong khi làm như vậy. Khi khuyết điểm được chỉ ra một cách hoàn toàn thân thiện, yếu tố gây tổn thương không có mặt. Bất cứ khi nào lời nói gây tổn thương, đó là do một số thiếu sót trong việc thực hiện nhiệm vụ; người muốn giúp đã không xác định được bản thân mình với người được nói đến; y chỉ đang đưa ra lời khuyên từ bên ngoài, và do đó nó gây đau. Nếu y đã hợp nhất với người khác, và cố gắng giúp đỡ trong khi cảm nhận như họ cảm nhận, y sẽ làm cho cảm xúc của người khác được bộc lộ một cách đồng cảm; thông qua tâm thức của sự đồng cảm, người khác sẽ có phần cao quý và rộng lớn hơn của mình được đánh thức, và sau đó lời khuyên sẽ không gây tổn thương. Nếu đó là nhiệm vụ của bạn để chỉ trích người khác và bạn thấy rằng điều đó làm tổn thương họ, hãy nhìn vào bản thân để tìm ra thiếu sót đã gây ra vết thương. Nếu chúng ta muốn mất đi khả năng gây tổn thương, thì cá tính riêng biệt phải biến mất; khi chúng ta cảm thấy mình như một sự sống duy nhất, chúng ta không thể gây ra đau khổ cho bất kỳ điều gì, vì nó là một phần của chính chúng ta. Cách để đạt đến điểm tiến hóa đó là bắt đầu bằng cách từ từ thanh lọc lời nói, bắt đầu từ những khuyết điểm nổi bật hơn trước.

C.W.L.—Anyone who wishes to approach the Master must already have given up the *desire* to wound others by his speech. But there is still the possibility of wounding unintentionally and unconsciously, on account of want of sensitiveness. As we go further and raise our consciousness to a higher level we shall more and more understand how things strike others. Those who have been practising meditation for many years will notice that they have become more sensitive, have made a certain amount of progress towards unity, and therefore they understand the people about

C.W.L.—Bất kỳ ai muốn tiếp cận Chân sư đều phải từ bỏ mong muốn gây tổn thương người khác bằng lời nói của mình. Nhưng vẫn có khả năng gây tổn thương một cách vô tình và không ý thức, do thiếu nhạy cảm. Khi chúng ta tiến xa hơn và nâng cao tâm thức của mình lên một cấp độ cao hơn, chúng ta sẽ ngày càng hiểu rõ hơn về cách mà mọi thứ tác động đến người khác. Những người đã thực hành tham thiền trong nhiều năm sẽ nhận thấy rằng họ đã trở nên nhạy cảm hơn, đã đạt được một mức độ tiến bộ nhất định hướng tới sự thống nhất, và do đó họ hiểu những người xung quanh mình tốt hơn một chút so với những người

them just a little better than those who have not made such an effort. We hear someone make what we think an unfortunate remark, in all good faith and without noticing that there is anything wrong with it and that they have wounded somebody. We who have sharpened our senses just a little by thought and study and the endeavour to live the higher life feel instinctively how the third person will take that remark. We can see that it is an unfortunate one, and wish it had been put in some other form.

A Master could not possibly say anything that would hurt another. He might find it necessary to give something in the nature of a rebuke; but He would manage to put it in such a way that the man would not be wounded by what He said. Sometimes a disciple finds it in the line of his duty to act sternly, and he is tempted, through his own feeling of sympathy, to avoid the task. But if the Higher Self asserts its dominance he will, if it is absolutely necessary) speak sternly, but also calmly and judicially, and without indignation.

không nỗ lực như vậy. Chúng ta nghe ai đó nói điều mà chúng ta nghĩ là một nhận xét không may, với tất cả thiện chí và không nhận thấy rằng có điều gì sai với nó và rằng họ đã làm tổn thương ai đó. Chúng ta, những người đã mài giũa giác quan của mình một chút qua suy nghĩ và học tập và nỗ lực sống cuộc sống cao quý hơn, cảm thấy một cách bản năng rằng người thứ ba sẽ tiếp nhận nhận xét đó như thế nào. Chúng ta có thể thấy rằng đó là một nhận xét không may, và ước gì nó được diễn đạt theo một cách khác.

Một Chân sư không thể nói bất kỳ điều gì sẽ làm tổn thương người khác. Ngài có thể thấy cần phải đưa ra điều gì đó mang tính chất khiển trách; nhưng Ngài sẽ quản lý để diễn đạt nó theo cách mà người đó sẽ không bị tổn thương bởi những gì Ngài nói. Đôi khi một đệ tử thấy rằng trong nhiệm vụ của mình, y phải hành động nghiêm khắc, và y bị cám dỗ, qua cảm giác đồng cảm của chính mình, để tránh nhiệm vụ đó. Nhưng nếu Chân Ngã cao hơn khẳng định quyền lực của mình, y sẽ, nếu cần thiết, nói một cách nghiêm khắc, nhưng cũng bình tĩnh và công bằng, và không có sự phẫn nộ.

Before the soul can stand in the presence of the Masters its feet must be washed in the blood of the heart.

Trước khi linh hồn có thể đứng trong sự hiện diện của các Ngài, đôi chân của nó phải được rửa trong máu của trái tim.

A.B.—This sentence has behind it a very long occult tradition, which has been given out to the world in many ways. It has to do with the teaching of sacrifice, which still appears in different religions in various forms, though they have generally lost its true meaning. The expression used here is connected with what is sometimes called the blood-sacrifice and the blood-covenant, of which the strangest traces are to be found among the tribes which are descended from very ancient races.

A.B.—Câu này có một truyền thống huyền bí rất dài đứng sau, đã được truyền đạt cho thế giới theo nhiều cách. Nó liên quan đến giáo lý về sự hy sinh, điều vẫn xuất hiện trong các tôn giáo khác nhau dưới nhiều hình thức khác nhau, mặc dù chúng thường đã mất đi ý nghĩa thực sự của nó. Cách diễn đạt được sử dụng ở đây liên quan đến điều đôi khi được gọi là hy sinh bằng máu và giao ước bằng máu, mà những dấu vết kỳ lạ nhất có thể được tìm thấy trong số các bộ tộc có nguồn gốc từ những

chủng tộc rất cổ xưa.

In looking up past lives we came across an incident which may be told to illustrate the idea behind the blood-sacrifice and covenant. Very long ago He who is now the Master Morya was a great king; he had an only son who was H.P.B., who as a boy was placed in charge of the captain of the guard, who was Colonel Olcott. One day, when the boy was alone with the captain, some conspirators who had plotted to slay him rushed in and would have killed him, but the captain threw himself in between and saved the boy at the cost of his own life. The youth was only stunned, but the captain lay upon him dying, and as the blood poured from his death-wound he touched it with his finger and placed it on the feet of the king. The king asked: "What can I do for you who have given your life for me and my son?" The dying captain replied: "Grant that your son and I may serve you in other lives for ever." Then the monarch said: For the blood which has been shed for me and mine, the bond between us shall never be broken." In the course of time the king became a Master, and the bond between them remained and ripened into that between Master and disciple, and it will remain for ever unbroken. In sacrificing the life of the body the captain made a tie which gave him the true life which the disciple gains from the Master.

Khi tìm kiếm những kiếp sống trước, chúng tôi đã gặp một sự kiện có thể được kể để minh họa ý tưởng đứng sau hy sinh bằng máu và giao ước. Rất lâu trước đây, Ngài hiện nay là Chân sư Morya đã là một vị vua vĩ đại; Ngài có một người con trai duy nhất là H.P.B., người mà khi còn nhỏ đã được giao cho đội trưởng đội vệ, là Đại tá Olcott. Một ngày nọ, khi cậu bé ở một mình với đội trưởng, một số kẻ âm mưu đã lên kế hoạch giết cậu đã xông vào và định giết cậu, nhưng đội trưởng đã lao vào giữa và cứu cậu với cái giá của chính mạng sống của mình. Cậu thanh niên chỉ bị choáng, nhưng đội trưởng nằm trên cậu trong lúc chết, và khi máu từ vết thương chết chóc của mình chảy ra, ông đã chạm vào nó bằng ngón tay và đặt nó lên chân của vị vua. Vị vua hỏi: "Tôi có thể làm gì cho bạn, người đã hy sinh mạng sống của mình cho tôi và con trai tôi?" Đội trưởng đang hấp hối trả lời: "Xin hãy cho phép con trai của bạn và tôi được phục vụ bạn trong những kiếp sống khác mãi mãi." Sau đó, vị vua nói: "Vì máu đã được đổ ra cho tôi và những người của tôi, mối liên kết giữa chúng ta sẽ không bao giờ bị phá vỡ." Qua thời gian, vị vua trở thành một Chân sư, và mối liên kết giữa họ vẫn tồn tại và trưởng thành thành mối quan hệ giữa Chân sư và đệ tử, và nó sẽ mãi mãi không bị phá vỡ. Trong việc hy sinh mạng sống của cơ thể, đội trưởng đã tạo ra một mối liên kết mang lại cho ông sự sống thực sự mà đệ tử nhận được từ Chân sư.

I mention the story because it illustrates a great truth; just in proportion as we are strong enough to sacrifice whatever to us is the life, to pour out the life-blood of the lower at the feet of the higher, is the life really gained, not lost. All evolution of young humanity is made by the voluntary sacrifice of the lower life to the higher; when that sacrifice is completely made, it is found that life instead of being lost

Tôi đề cập đến câu chuyện này vì nó minh họa một sự thật lớn; chỉ trong tỷ lệ mà chúng ta đủ mạnh để hy sinh bất cứ điều gì đối với chúng ta là sự sống, để đổ ra máu sống của cái thấp ở chân của cái cao, thì sự sống thực sự được thu nhận, không bị mất. Tất cả sự tiến hóa của nhân loại trẻ tuổi được thực hiện bằng sự hy sinh tự nguyện của cái thấp cho cái cao; khi sự hy sinh đó được thực hiện hoàn toàn, người ta

is made immortal. The outer sign of the sacrifice helped persons to understand the principle more readily, and drew attention to the fundamental truth that it is only when the lower life is sacrificed to the higher that it finds its own true fulfilment of evolution. On that truth the sacrifices which are found in many religions were originally based; that is how what is called the blood-bond is really made. The lower life is sacrificed for the higher life, and the higher accepts the lower and lifts it up by the bond that is never broken.

nhận thấy rằng sự sống thay vì bị mất đi lại trở nên bất tử. Dấu hiệu bên ngoài của sự hy sinh giúp mọi người hiểu nguyên tắc dễ dàng hơn, và thu hút sự chú ý đến sự thật cơ bản rằng chỉ khi cái thấp được hy sinh cho cái cao thì nó mới tìm thấy sự hoàn thành thực sự của sự tiến hóa. Trên sự thật đó, những sự hy sinh được tìm thấy trong nhiều tôn giáo ban đầu được dựa trên; đó là cách mà cái gọi là mối liên kết bằng máu thực sự được hình thành. Cái thấp được hy sinh cho cái cao, và cái cao chấp nhận cái thấp và nâng nó lên bằng mối liên kết không bao giờ bị phá vỡ.

The disciple must wash his feet in the blood of the heart. He must make a complete offering of everything, that he loves and values, of what seems to him his very life; but he loses this only to find his higher life. It is not usually an actual shedding of blood that is required, though that does become necessary sometimes; it is symbolically the shedding of blood always so far as the pupil is concerned at the time, because he feels the loss. He does literally sacrifice what to him amounts to life, and it looks as though he were giving it up completely, without any future possibility of regaining it. The great testing of the completeness of the disciple's sacrifice is made in order to discover whether the soul is strong enough to throw itself voluntarily into nothingness, to draw out the heart's blood completely, without any hope of reward. If the disciple is not strong enough to do that he is not ready to stand in the presence of the Master. But if he can completely throw away everything that he knows as his life, then all the testimony of the past and the truth of the law declare that he will find that life again in a life stronger and higher than that which be laid down. It is only when that sacrifice is made that the disciple finds himself in the higher life, standing in the presence of the Masters. Then the degree of his strength is the

Đệ tử phải rửa chân mình trong máu của trái tim. Y phải thực hiện một sự cống hiến hoàn toàn cho mọi thứ mà y yêu quý và trân trọng, cho những gì dường như là sự sống của chính y; nhưng y chỉ mất điều này để tìm thấy sự sống cao hơn của mình. Thường thì không cần thiết phải thực sự đổ máu, mặc dù điều đó đôi khi trở nên cần thiết; về mặt biểu tượng, việc đổ máu luôn là điều cần thiết đối với học viên vào thời điểm đó, vì y cảm thấy sự mất mát. Y thực sự hy sinh những gì đối với y có giá trị như sự sống, và có vẻ như y đang từ bỏ nó hoàn toàn, mà không có bất kỳ khả năng nào trong tương lai để lấy lại nó. Cuộc thử thách lớn về sự hoàn thiện của sự hy sinh của đệ tử được thực hiện để khám phá xem linh hồn có đủ mạnh để tự nguyện ném mình vào hư vô, để rút ra hoàn toàn máu của trái tim, mà không có bất kỳ hy vọng nào về phần thưởng. Nếu đệ tử không đủ mạnh để làm điều đó, y chưa sẵn sàng đứng trong sự hiện diện của Chân sư. Nhưng nếu y có thể hoàn toàn từ bỏ mọi thứ mà y biết là sự sống của mình, thì tất cả các chứng cứ của quá khứ và sự thật của định luật tuyên bố rằng y sẽ tìm thấy sự sống đó một lần nữa trong một sự sống mạnh mẽ và cao hơn so với điều mà y đã từ bỏ. Chỉ khi sự hy sinh đó được thực hiện, đệ tử mới tìm thấy mình trong sự sống cao hơn, đứng trong sự hiện diện của các Ngài. Khi đó, mức độ sức mạnh của y là mức độ khả năng

extent of his power to make the sacrifice without feeling it.

của y để thực hiện sự hy sinh mà không cảm thấy điều đó.

C.W.L.—The meaning of this sentence is that the man who wishes to stand in the presence of the Masters must have sacrificed the lower self to the higher. The feet of the soul, the personality on earth, must be washed in the heart's blood of the emotions before the higher life can be gained.

C.W.L.—Ý nghĩa của câu này là người muốn đứng trong sự hiện diện của các Ngài phải hy sinh cái thấp cho cái cao. Đôi chân của linh hồn, phàm ngã trên trái đất, phải được rửa trong máu của trái tim trước khi sự sống cao hơn có thể được thu nhận.

That is a general law of life. The little child takes great pleasure in playing with its toys; soon it grows up into boyhood, and the lower playthings have been outgrown and put aside, in order that proficiency may be gained in the higher kind of sports. When the youth goes to college he will many a time perhaps give up a game in the fresh air, which he would very much prefer, in order to work at his books. At other times he will put aside something he would very much like to read, in order to slave at Greek verbs or other apparently uninteresting and not very useful studies. If he goes into training for a race, or for rowing, he has to sacrifice the enjoyment of good dinners, and live in a frugal and rigid way until the race is over.

Đó là một định luật chung của cuộc sống. Đứa trẻ nhỏ rất thích thú khi chơi với đồ chơi của nó; sớm muộn nó sẽ lớn lên thành tuổi thiếu niên, và những đồ chơi thấp kém đã bị vượt qua và để sang một bên, nhằm đạt được sự thành thạo trong những môn thể thao cao cấp hơn. Khi thanh niên vào đại học, có thể nhiều lần nó sẽ từ bỏ một trò chơi ngoài trời, mà nó rất thích, để làm việc với sách vở của mình. Vào những lúc khác, nó sẽ để sang một bên điều gì đó mà nó rất muốn đọc, để cặm cụi với các động từ tiếng Hy Lạp hoặc những môn học dường như không thú vị và không hữu ích. Nếu nó tham gia tập luyện cho một cuộc đua, hoặc cho môn chèo thuyền, nó phải hy sinh niềm vui của những bữa tối ngon lành, và sống một cách tiết kiệm và nghiêm ngặt cho đến khi cuộc đua kết thúc.

On the occult path many pleasures connected with the outer world are seen to be a waste of time. There may be cases when it is a real effort to part with them, when there is a call from the higher life, and the aspirant responds to that call at a certain amount of cost to the lower nature. Then he must cast aside the lower in order to have the higher; but later on the attraction of the lower will have disappeared entirely. When a mart once fully realizes the higher, the lower simply ceases to exist for him, but in many cases he has to cast aside the lower before he really enters into the glory and the joy and the beauty of the

Trên con đường huyền bí, nhiều niềm vui liên quan đến thế giới bên ngoài được coi là lãng phí thời gian. Có thể có những trường hợp khi thật sự khó khăn để từ bỏ chúng, khi có một tiếng gọi từ cuộc sống cao cả hơn, và người chí nguyện đáp lại tiếng gọi đó với một mức giá nhất định cho bản chất thấp kém. Sau đó, y phải từ bỏ cái thấp để có được cái cao; nhưng sau này, sức hút của cái thấp sẽ hoàn toàn biến mất. Khi một người đàn ông một khi nhận thức đầy đủ về cái cao, cái thấp đơn giản sẽ không còn tồn tại đối với y, nhưng trong nhiều trường hợp, y phải từ bỏ cái thấp trước khi thực sự bước vào vinh quang, niềm vui và vẻ

spiritual life.

đẹp của cuộc sống tinh thần.

I have known many whose opportunities were good but who shrank back just at that point, and failed because they were not ready to give up all that they had previously enjoyed, and apparently receive nothing in return for it. Sometimes a man is afraid to let go of one thing until he can grasp the other, and so he holds fast to the lower; but it does not satisfy him, because he has glimpsed the higher. To give up everything at the Master's call—one wonders whether one could do it; one always thought and hoped that one would, but when it comes to the point can you do it fully and cheerfully? Many have worked for years and years, and wonder why they do not attain, why they are not among those whom the Master is able to draw very close to Himself. The reason is always the same; it is the personality in some form that keeps them back. This giving up of everything is not a thing to be done with constant backsliding—giving up one day, and grasping and trying to keep the next—nor is it to be done with pride, with the pose: "I have given up everything." That is quite the wrong attitude; it should be done as a matter of course, and cheerfully. The person who is going to succeed will feel that there is nothing else for him to do but to make the great renunciation when the moment comes.

Tôi đã biết nhiều người có cơ hội tốt nhưng lại lùi bước ngay tại điểm đó, và thất bại vì họ không sẵn sàng từ bỏ tất cả những gì họ đã từng thưởng thức trước đó, và dường như không nhận được gì đổi lại. Đôi khi một người đàn ông sợ phải buông bỏ một điều gì đó cho đến khi y có thể nắm bắt được điều khác, và vì vậy y giữ chặt cái thấp; nhưng điều đó không làm y thỏa mãn, vì y đã thoáng thấy cái cao. Để từ bỏ mọi thứ theo tiếng gọi của Chân sư—người ta tự hỏi liệu mình có thể làm được điều đó; người ta luôn nghĩ và hy vọng rằng mình sẽ, nhưng khi đến lúc, bạn có thể làm điều đó một cách trọn vẹn và vui vẻ không? Nhiều người đã làm việc trong nhiều năm, và tự hỏi tại sao họ không đạt được, tại sao họ không nằm trong số những người mà Chân sư có thể kéo lại gần bên Ngài. Lý do luôn giống nhau; đó là phàm ngã ở một dạng nào đó giữ họ lại. Việc từ bỏ mọi thứ không phải là điều có thể thực hiện với sự thoái lui liên tục—từ bỏ một ngày, và nắm giữ và cố gắng giữ lại vào ngày hôm sau—cũng không phải là điều được thực hiện với sự kiêu ngạo, với tư thế: "Tôi đã từ bỏ mọi thứ." Đó là một thái độ hoàn toàn sai lầm; nó nên được thực hiện như một điều hiển nhiên, và một cách vui vẻ. Người sẽ thành công sẽ cảm thấy rằng không còn gì khác để y làm ngoài việc thực hiện sự từ bỏ vĩ đại khi thời điểm đến.

CHAPTER 3

THE FIRST RULE—QUY LUẬT ĐẦU TIÊN

Kill out....

Diệt trừ....

A.B.—The expression “kill out” appears at the beginning of the first six short rules. It is important not to misunderstand it. There are two ways of getting rid of or killing out an evil thought, an evil habit or an evil act. Let us consider the thought first, because when that has been removed the other two very easily follow. Suppose an evil thought comes into a man’s mind. He finds that it tends to repeat itself. Then his first inclination is generally to fight with it to throw his energy against it and violently turn it out, just as he would deal with a physical enemy. He wants to get it out of the mind, so he takes it by the shoulders and flings it out.

A.B.—Cụm từ "diệt trừ" xuất hiện ở đầu sáu quy luật ngắn đầu tiên. Điều quan trọng là không hiểu sai nó. Có hai cách để loại bỏ hoặc diệt trừ một ý nghĩ xấu, một thói quen xấu hoặc một hành động xấu. Hãy xem xét ý nghĩ trước, vì khi điều đó đã được loại bỏ, hai điều kia rất dễ dàng theo sau. Giả sử một ý nghĩ xấu xuất hiện trong tâm trí một người. Y nhận thấy rằng nó có xu hướng lặp lại. Sau đó, khuynh hướng đầu tiên của y thường là chiến đấu với nó, ném năng lượng của mình chống lại nó và đuổi nó ra một cách mạnh mẽ, giống như y sẽ đối phó với một kẻ thù vật lý. Y muốn loại bỏ nó khỏi tâm trí, vì vậy y nắm lấy nó và ném nó ra ngoài.

That is not the best way. It ignores the great law, which works throughout nature, that action and reaction are equal and opposite. Take a ball and throw it against a wall; it will rebound and strike you, gently if you have thrown it gently, but with great force if you have flung it violently. The same principle is true everywhere. Suppose you turn a thought out of the mind with violence; there will be a decided reaction. The recoil will give you a definite sense of exhaustion, and the thought may come back to you with increased force. The strength that you have put out has then taken form as thought, and has come back to you again, and you have to repeat the struggle. In that way a man may in some cases fight for weeks and months and even years, and yet be none the better for it. Still, in time it is possible to kill out evil thought by this means, though with it you will also kill out a large amount of your own force and energy, of your thought-

Đó không phải là cách tốt nhất. Nó bỏ qua quy luật lớn, vốn hoạt động khắp tự nhiên, rằng hành động và phản ứng là bằng nhau và ngược chiều. Lấy một quả bóng và ném nó vào tường; nó sẽ bật lại và đập vào bạn, nhẹ nhàng nếu bạn ném nó nhẹ nhàng, nhưng với lực lớn nếu bạn ném nó mạnh mẽ. Nguyên tắc tương tự đúng ở mọi nơi. Giả sử bạn đuổi một ý nghĩ ra khỏi tâm trí một cách mạnh mẽ; sẽ có một phản ứng rõ rệt. Sự bật lại sẽ cho bạn một cảm giác kiệt sức rõ rệt, và ý nghĩ có thể quay lại với bạn với lực tăng lên. Sức mạnh mà bạn đã đưa ra sau đó đã hình thành dưới dạng ý nghĩ, và đã quay lại với bạn một lần nữa, và bạn phải lặp lại cuộc đấu tranh. Theo cách đó, một người có thể trong một số trường hợp chiến đấu trong nhiều tuần và tháng và thậm chí nhiều năm, và vẫn không tốt hơn chút nào. Tuy nhiên, theo thời gian, có thể diệt trừ ý nghĩ xấu bằng cách này, mặc dù với nó bạn cũng sẽ diệt trừ một lượng lớn sức mạnh và

power, so that a certain hardness and lack of responsiveness of some area of the mental body will be the result of the struggle.

năng lượng của chính mình, sức mạnh tư tưởng của bạn, để một sự cứng nhắc và thiếu đáp ứng của một số khu vực của thể trí sẽ là kết quả của cuộc đấu tranh.

The other way of killing it out is to substitute for the bad thought a good thought of exactly opposite nature. You first deliberately study the matter and decide what is the opposite, the exact antithesis, of the evil thought. You formulate the new thought quietly in your mind, and then, at the very moment when the evil thought comes into your mind, you substitute for it the opposite good thought. Thus for pride you might substitute kindness, for anger affection, for fear admiration, and for low material desires thoughts of purity, dignity, honour, and the like; or you might dwell with devotional thought upon the mental image of the Master as having the good quality, and forget yourself in thinking of Him.

Cách khác để diệt trừ nó là thay thế ý nghĩ xấu bằng một ý nghĩ tốt có bản chất hoàn toàn đối lập. Bạn đầu tiên nghiên cứu vấn đề một cách cẩn thận và quyết định điều gì là đối lập, là phản đề chính xác, của ý nghĩ xấu. Bạn hình thành ý nghĩ mới một cách yên tĩnh trong tâm trí, và sau đó, ngay khi ý nghĩ xấu xuất hiện trong tâm trí bạn, bạn thay thế nó bằng ý nghĩ tốt đối lập. Vì vậy, đối với kiêu ngạo, bạn có thể thay thế bằng lòng tốt, đối với giận dữ là tình cảm, đối với sợ hãi là sự ngưỡng mộ, và đối với những ham muốn vật chất thấp là những ý nghĩ về sự trong sạch, phẩm giá, danh dự, và những điều tương tự; hoặc bạn có thể suy ngẫm với ý nghĩ sùng kính về hình ảnh tinh thần của Chân sư như có phẩm chất tốt, và quên mình trong việc nghĩ về Ngài.

The human mind cannot concentrate on two separate things at once; so when you give your attention to the good thought the result is that the evil thought is expelled without your directing any force towards it. Thus no mental energy is wasted, no vitality is lost. The good thought soon gains strength, and the mind becomes impervious to the attacks of the bad thought, and irresponsive to its kind; so you have practically killed out the evil by intensifying and vitalizing the opposite good. It is as if we sucked the life out of the bad thought, and left it a mere shell. Bad thoughts are most effectively killed by such devitalization.

Tâm trí con người không thể tập trung vào hai điều riêng biệt cùng một lúc; vì vậy khi bạn chú ý đến ý nghĩ tốt, kết quả là ý nghĩ xấu bị đẩy ra mà không cần bạn hướng bất kỳ lực nào về phía nó. Do đó, không có năng lượng tinh thần nào bị lãng phí, không có sinh lực nào bị mất. Ý nghĩ tốt sớm mạnh lên, và tâm trí trở nên không thể bị tấn công bởi ý nghĩ xấu, và không đáp ứng với loại của nó; vì vậy bạn đã thực tế diệt trừ cái xấu bằng cách tăng cường và tiếp sinh lực cho cái tốt đối lập. Nó giống như chúng ta hút sự sống ra khỏi ý nghĩ xấu, và để lại nó chỉ là một cái vỏ. Những ý nghĩ xấu bị diệt trừ hiệu quả nhất bằng cách làm mất sinh lực như vậy.

We have thus two ways of killing out; the former on the line of death, the latter on that of growth. One is the plan which is chiefly used by those who are beginning to tread the left-hand path, who are turning against the

Chúng ta có hai cách diệt trừ; cách thứ nhất theo hướng chết chóc, cách thứ hai theo hướng phát triển. Một là kế hoạch chủ yếu được sử dụng bởi những người bắt đầu đi trên con đường tay trái, những người đang quay lưng

way of the divine Will. The other is that of evolution in accordance with the divine Plan. We are free to choose which we will follow of these two great roads. All the things of the world are in evolution, moving on one or the other of these paths.

lại với con đường của Ý chí thiêng liêng. Cách khác là của sự tiến hóa phù hợp với Thiên Cơ. Chúng ta tự do chọn con đường nào trong hai con đường lớn này. Tất cả mọi thứ trên thế giới đều đang tiến hóa, di chuyển trên một trong hai con đường này.

Those parts of the world in which Ishvara is developing His Image have a certain free will, which consists-in their being able to work with the divine Will or away from it as separate individuals. Those who work with Him ultimately tread the right-hand path, but those who deliberately choose the separated self are preparing themselves to tread the left-hand path. Speaking generally: all that leads to isolation tends to turn a man's direction to the left, and all that tends to unity towards the right. People of the left-hand path kill out sympathy, affection and love, because they find that those qualities bring misery, and also stand in the way of their gaining power. The killing out process is generally taken therefore by those who want to gain power and the other things that they consider desirable in this life, for the firm establishment and the enjoyment of the separated self, careless of the good of the whole, entirely bent upon their own individual progress and gain. They will kill violently all that side of their own nature the response to which would be an obstacle in the path of power. They will kill out affection also, because it is an avenue of pain, and it is far easier to become indifferent by killing out affection than by becoming more and more sensitive.

Những phần của thế giới mà Ishvara đang phát triển Hình ảnh của Ngài có một ý chí tự do nhất định, vốn bao gồm khả năng của họ làm việc với Ý chí thiêng liêng hoặc xa rời nó như những cá nhân riêng biệt. Những người làm việc với Ngài cuối cùng đi trên con đường tay phải, nhưng những người cố ý chọn cái tôi tách biệt đang chuẩn bị cho mình đi trên con đường tay trái. Nói chung: tất cả những gì dẫn đến sự cô lập có xu hướng chuyển hướng của một người sang bên trái, và tất cả những gì có xu hướng hợp nhất hướng về bên phải. Những người của con đường tay trái diệt trừ sự đồng cảm, tình cảm và tình yêu, vì họ nhận thấy rằng những phẩm chất đó mang lại đau khổ, và cũng cản trở họ đạt được quyền lực. Quá trình diệt trừ thường được thực hiện bởi những người muốn đạt được quyền lực và những thứ khác mà họ coi là đáng mong muốn trong cuộc sống này, để thiết lập vững chắc và tận hưởng cái tôi tách biệt, không quan tâm đến lợi ích của toàn thể, hoàn toàn tập trung vào sự tiến bộ và lợi ích cá nhân của họ. Họ sẽ diệt trừ mạnh mẽ tất cả những khía cạnh của bản chất của họ mà sự đáp ứng của nó sẽ là một trở ngại trên con đường quyền lực. Họ cũng sẽ diệt trừ tình cảm, vì đó là một con đường dẫn đến đau khổ, và dễ dàng hơn nhiều để trở nên thờ ơ bằng cách diệt trừ tình cảm hơn là trở nên nhạy cảm hơn.

But the way we have been taught is that of union, the path in which the disciple becomes responsive to every cry of pain, as was so emphatically taught in *The Voice of the Silence*.[4] () The disciple must intensify his life, not minimize it; he must submit to the law,

Nhưng con đường mà chúng ta đã được dạy là con đường hợp nhất, con đường mà đệ tử trở nên đáp ứng với mọi tiếng kêu đau khổ, như đã được dạy rất mạnh mẽ trong Tiếng Nói của Im Lặng. Đệ tử phải tăng cường sự sống của mình, không giảm thiểu nó; y phải tuân theo luật,

not fight against it. Then of course the law will be with him. His method is something like that art of wrestling which is taught in Japan, in which conquest is gained by yielding to one's antagonist; the man constantly yields to his opponent, but at the critical moment he turns in such a way that the force of his antagonist tells against himself. This is the nature of the yoga of the right-hand path; of it Shri Krishna says in the *Gita:* "In this there is no loss of effort, nor is there transgression."[5]

không chống lại nó. Sau đó, tất nhiên, luật sẽ đứng về phía y. Phương pháp của y giống như nghệ thuật đấu vật được dạy ở Nhật Bản, trong đó chiến thắng đạt được bằng cách nhượng bộ đối thủ; người đàn ông liên tục nhượng bộ đối thủ của mình, nhưng vào thời điểm quan trọng, y quay theo cách mà lực của đối thủ tác động ngược lại chính mình. Đây là bản chất của yoga của con đường tay phải; về điều này, Shri Krishna nói trong Gita: "Trong điều này không có sự mất mát của nỗ lực, cũng không có sự vi phạm."

C.W.L.—Many people, when they are told to kill out a desire, start making what may be described as a violent raid upon it. They want to kill out a certain evil quality, so they set themselves very strongly, angrily almost, against that quality. One result of this is that one stirs up whatever forces exist, inside and outside, which are tending in the opposite direction, into the most violent opposition possible, and the consequence is a serious struggle. If a man is sufficiently determined he will come out conqueror in the end, but in many cases he will waste a large amount of his own force and energy and thought-power, and leave himself much exhausted and depleted.

C.W.L.—Nhiều người, khi được bảo diệt trừ một ham muốn, bắt đầu thực hiện điều có thể được mô tả như một cuộc tấn công mạnh mẽ vào nó. Họ muốn diệt trừ một phẩm chất xấu nhất định, vì vậy họ đặt mình rất mạnh mẽ, gần như giận dữ, chống lại phẩm chất đó. Một kết quả của điều này là người ta khuấy động bất kỳ lực nào tồn tại, bên trong và bên ngoài, vốn có xu hướng theo hướng ngược lại, vào sự đối lập mạnh mẽ nhất có thể, và hậu quả là một cuộc đấu tranh nghiêm trọng. Nếu một người đủ quyết tâm, y sẽ chiến thắng cuối cùng, nhưng trong nhiều trường hợp, y sẽ lãng phí một lượng lớn sức mạnh và năng lượng của chính mình và sức mạnh tư tưởng, và để lại mình rất kiệt sức và suy kiệt.

I can testify that the method of substitution works very much better, for I have tried both. It is a sort of moral *ju jutsu* whereby you employ the force of the hostile power to help you. You do not so much attack the foe as concentrate all your attention on the opposite virtue. If for example, a man is inclined to be readily upset and disturbed, he should not fight hard against that, but instead should think constantly of calmness, of peace and

Tôi có thể làm chứng rằng phương pháp thay thế hoạt động tốt hơn nhiều, vì tôi đã thử cả hai. Đó là một loại jujutsu đạo đức mà bạn sử dụng lực của quyền lực thù địch để giúp bạn. Bạn không tấn công kẻ thù nhiều như tập trung toàn bộ sự chú ý của mình vào đức tính đối lập. Nếu, ví dụ, một người có xu hướng dễ bị xáo trộn và lo lắng, y không nên chiến đấu mạnh mẽ chống lại điều đó, mà thay vào đó nên nghĩ liên tục về sự bình tĩnh, hòa bình và

[4] *Ante,* Vol. II, pp. 137-45

[5] *Op. cit.,* 11, 40.

philosophy. Presently that thought will become established by habit, and he will find that the old worry and lack of calmness have passed away without his making a desperate fight. If he surrounds himself with thought-forms such as "Do not be irritable," and so on, they are still of the colour of irritability, and they react undesirably on him. But if he thinks strongly, "Be calm, be gentle, be peaceful," he sets up vibrations appropriate to and productive of peace and harmony. We do not want to set one vice to fight another vice, but we want to ignore all these things and work up the opposite virtue; by doing that the effect will be just as good and we shall achieve it with far less trouble.

triết lý. Ngay sau đó, ý nghĩ đó sẽ được thiết lập bởi thói quen, và y sẽ thấy rằng sự lo lắng và thiếu bình tĩnh cũ đã biến mất mà không cần phải chiến đấu quyết liệt. Nếu y bao quanh mình với các hình tư tưởng như "Đừng cáu kỉnh," và vân vân, chúng vẫn có màu sắc của sự cáu kỉnh, và chúng phản ứng không mong muốn lên y. Nhưng nếu y nghĩ mạnh mẽ, "Hãy bình tĩnh, hãy nhẹ nhàng, hãy hòa bình," y thiết lập các rung động phù hợp và tạo ra hòa bình và hài hòa. Chúng ta không muốn đặt một thói xấu để chiến đấu với một thói xấu khác, mà chúng ta muốn bỏ qua tất cả những điều này và phát triển đức tính đối lập; bằng cách làm điều đó, hiệu quả sẽ tốt như nhau và chúng ta sẽ đạt được nó với ít rắc rối hơn nhiều.

We say: "Kill out desire," but not, "Kill out emotion." The higher emotions must be encouraged always, and the stronger they are the better. Especially is this true of love and devotion, which one should deliberately cultivate. When a man feels a great rush of such an emotion as these his aura expands: his astral body becomes perhaps ten times its normal size in the case of the ordinary person, and much more than that when the man really knows how to use his higher vehicles. When the great paroxysm of feeling is over the aura contracts again, but not exactly to what it was before; having been much stretched it remains at least a little larger than before. The first effect of the expansion is a rarefaction of the astral body, but it very speedily draws in more astral matter to fill the larger space, so as to make it up to about its normal density[6].

Chúng ta nói: "Diệt trừ ham muốn," nhưng không phải, "Diệt trừ cảm xúc." Các cảm xúc cao hơn phải luôn được khuyến khích, và càng mạnh mẽ càng tốt. Đặc biệt điều này đúng với tình yêu và sự sùng kính, mà người ta nên cố ý nuôi dưỡng. Khi một người cảm thấy một sự bùng nổ lớn của một cảm xúc như thế này, hào quang của y mở rộng: thể cảm dục của y có thể trở nên lớn gấp mười lần kích thước bình thường trong trường hợp của người bình thường, và nhiều hơn thế nữa khi người đó thực sự biết cách sử dụng các hiện thể cao hơn của mình. Khi cơn bùng nổ cảm xúc lớn kết thúc, hào quang co lại một lần nữa, nhưng không hoàn toàn như trước; đã được kéo dài nhiều, nó vẫn còn ít nhất lớn hơn một chút so với trước. Hiệu ứng đầu tiên của sự mở rộng là sự loãng của thể cảm dục, nhưng nó rất nhanh chóng thu hút thêm chất cảm dục để lấp đầy không gian lớn hơn, để làm cho nó đạt đến mật độ bình thường của nó.

The astral body is definitely needed in order that by means of it one may be able to

Thể cảm dục chắc chắn cần thiết để thông qua nó một người có thể đồng cảm với mọi người,

[6] See also *ante*. Vol. II, pp. 139-40.

sympathize with people, and also because of its function as a reflector of the buddhic body. In the case of a developed person there is no colour in his astral body except what is mirrored from the higher planes; it only reflects and shows the most delicate tints of colour.[7]

và cũng vì chức năng của nó như một tấm gương phản chiếu của thể bồ đề. Trong trường hợp của một người phát triển, không có màu sắc nào trong thể cảm dục của y ngoại trừ những gì được phản chiếu từ các cõi cao hơn; nó chỉ phản chiếu và hiển thị những sắc thái màu sắc tinh tế nhất.

There are three ways in which the higher Self is connected with the personality.[38] The higher mind is reflected in the lower. The buddhi or intuition is reflected a stage lower than the mind, in the astral body. There is also the possibility of connection between atma and the physical brain. The last is the most difficult to understand; it shows tremendous power of will, which moves without consideration of the means by which its object is to be achieved. It is the method of the first ray, to which Dr. Besant belongs. She has that great power of deciding that something shall be done, without stopping to consider the methods to be employed until afterwards. We do not know the limits of the human will. It has been said that faith may remove mountains and cast them into the sea. I do not know whether there would be any particular purpose to be served in doing that, if it can be done, but I have certainly seen very wonderful results accomplished by the human will and I do not know where the limits of that power are set. Incredible things are done, more especially on the higher planes, by the mere action of will. When I had to take up the study of materialization, for example, according to my way of progress I had to learn exactly how it was to be done—a complicated process involving a good deal of knowledge of the different materials to be brought together and how they could best be arranged. But I have

Có ba cách mà Chân ngã cao hơn được kết nối với phàm ngã. Thượng trí được phản chiếu trong hạ trí. Bồ đề hoặc trực giác được phản chiếu một giai đoạn thấp hơn trí tuệ, trong thể cảm dục. Cũng có khả năng kết nối giữa atma và bộ não thể xác. Điều cuối cùng là khó hiểu nhất; nó thể hiện sức mạnh ý chí to lớn, vốn di chuyển mà không cần xem xét các phương tiện để đạt được mục tiêu của nó. Đó là phương pháp của cung một, mà Bà Besant thuộc về. Bà có sức mạnh lớn lao đó để quyết định rằng một điều gì đó sẽ được thực hiện, mà không dừng lại để xem xét các phương pháp sẽ được sử dụng cho đến sau đó. Chúng ta không biết giới hạn của ý chí con người. Người ta đã nói rằng đức tin có thể dời núi và ném chúng xuống biển. Tôi không biết liệu có mục đích cụ thể nào để thực hiện điều đó, nếu có thể làm được, nhưng tôi chắc chắn đã thấy những kết quả rất tuyệt vời được thực hiện bởi ý chí con người và tôi không biết giới hạn của sức mạnh đó được đặt ở đâu. Những điều không thể tin được được thực hiện, đặc biệt là trên các cõi cao hơn, chỉ bằng hành động của ý chí. Khi tôi phải nghiên cứu về hiện hình, chẳng hạn, theo cách tiến bộ của tôi, tôi phải học chính xác cách thực hiện nó—một quá trình phức tạp liên quan đến một lượng kiến thức lớn về các chất liệu khác nhau cần được kết hợp và cách chúng có thể được sắp xếp tốt nhất. Nhưng tôi đã biết một người, người không biết gì về nó, đã tiến thẳng vào bằng sức mạnh ý chí to lớn và tạo ra cùng một

[7] *Ante*, Vol. Ill, Chap, on *The Four Preliminary Statements*

[8] *Ante.* Vol. II, p. 333

known a person, who knew nothing whatever about it, to drive straight in by the tremendous force of will and produce the same result, without gathering together all the complicated things that were necessary, and without in the least knowing how it was done. Such will is one of the divine powers latent in all of us, but in very few does it ever come to the surface and produce such a result without a long course of careful training.

kết quả, mà không cần thu thập tất cả những thứ phức tạp cần thiết, và không hề biết cách thực hiện điều đó. Ý chí như vậy là một trong những sức mạnh thiêng liêng tiềm ẩn trong tất cả chúng ta, nhưng rất ít người trong số đó từng nổi lên và tạo ra kết quả như vậy mà không qua một quá trình đào tạo cẩn thận lâu dài.

I think that for most people the easiest of the three ways of making connection with the higher Self is to bring together the higher and lower minds, by passing from concrete to abstract thought, or from analysis to synthesis. But I have seen cases in which a person has been able to reach the buddhic consciousness without disturbing the relations between the mental and causal bodies at all. When it can be done, I have heard on high authority that this unification of the buddhic and astral bodies is the shortest of all roads to the goal, but the capacity to do it is gained only as the result of much suffering in previous lives. Those for whom that is the line raise themselves by the intensity of their love of devotion into the buddhic vehicle and effect a junction there, before they have developed the lower mind to anything like a level where it can work in with the higher mind, and before they have developed the causal body itself. Of course these two bodies must be developed, they cannot be overlooked; the aspirant will work upon the lower mind from the astral body, developing it and learning whatever has to be learnt, on account of his love and devotion. The pupil loves his Master so intensely that for His sake he will learn what is needed, and will thus develop whatever intellect is necessary. He also acts upon the causal body from above, and pours into it the buddhic conception, and so forces it to express that as far as it can do so in its own

Tôi nghĩ rằng đối với hầu hết mọi người, cách dễ nhất trong ba cách để kết nối với chân ngã cao hơn là kết hợp hạ trí và thượng trí, bằng cách chuyển từ tư duy cụ thể sang tư duy trừu tượng, hoặc từ phân tích sang tổng hợp. Nhưng tôi đã thấy những trường hợp mà một người có thể đạt được tâm thức Bồ đề mà không làm xáo trộn mối quan hệ giữa thể trí và thể nguyên nhân. Khi điều đó có thể thực hiện được, tôi đã nghe từ một nguồn uy tín cao rằng sự hợp nhất của thể Bồ đề và thể cảm dục là con đường ngắn nhất đến mục tiêu, nhưng khả năng thực hiện điều đó chỉ đạt được như là kết quả của nhiều đau khổ trong các kiếp trước. Những người mà đó là con đường của họ nâng mình lên bằng cường độ của tình yêu và sự tận tụy vào vận cụ Bồ đề và thực hiện sự kết hợp ở đó, trước khi họ phát triển hạ trí đến mức có thể làm việc với thượng trí, và trước khi họ phát triển thể nguyên nhân. Tất nhiên, hai thể này phải được phát triển, chúng không thể bị bỏ qua; người chí nguyện sẽ làm việc trên hạ trí từ thể cảm dục, phát triển nó và học những gì cần phải học, vì tình yêu và sự tận tụy của mình. Học trò yêu Huấn Sư của mình mãnh liệt đến mức vì Ngài mà y sẽ học những gì cần thiết, và do đó phát triển bất kỳ trí tuệ nào cần thiết. Y cũng tác động lên thể nguyên nhân từ trên cao, và rót vào đó khái niệm Bồ đề, và do đó buộc nó phải biểu hiện điều đó trong phạm vi mà nó có thể làm được theo cách riêng của nó.

way.

Kill out ambition.	Diệt trừ tham vọng.

A.B.—We now turn to the first rule, dealing with ambition in particular. The undeveloped man is strongly held by the attractions of the senses; he desires physical luxury and bodily enjoyment. He does not feel ambition, which is the desire for power, until the mind is highly developed and the intellectual power has grown strong. The note of the intellect is "I". It causes the man to feel himself separate, and that invariably leads him to wish to exercise power, because that desire is the self-assertion of the individual soul. He feels himself superior to all around him, and that shows as a desire for physical authority. From that comes the temptation to seek and grasp social and political power. In the political and social sphere ambition is the great moving force; for the man who by his intellect has gained influence over his fellow-men, stands out as their leader and this is a position which is incense in the nostrils of the proud and superior man.

A.B.—Chúng ta bây giờ chuyển sang Quy luật đầu tiên, đặc biệt liên quan đến tham vọng. Người chưa phát triển bị cuốn hút mạnh mẽ bởi sự hấp dẫn của các giác quan; y khao khát sự xa hoa vật chất và sự hưởng thụ thân xác. Y không cảm thấy tham vọng, vốn là khao khát quyền lực, cho đến khi thể trí phát triển cao và sức mạnh trí tuệ đã trở nên mạnh mẽ. Âm điệu của trí tuệ là "Tôi". Nó khiến người ta cảm thấy mình tách biệt, và điều đó luôn dẫn y đến mong muốn thực thi quyền lực, vì khao khát đó là sự khẳng định bản thân của linh hồn cá nhân. Y cảm thấy mình vượt trội hơn tất cả xung quanh, và điều đó thể hiện như một khao khát quyền lực vật chất. Từ đó xuất hiện sự cám dỗ tìm kiếm và nắm bắt quyền lực xã hội và chính trị. Trong lĩnh vực chính trị và xã hội, tham vọng là động lực lớn; vì người mà nhờ trí tuệ đã giành được ảnh hưởng đối với đồng loại, nổi bật như một lãnh đạo của họ và đây là một vị trí như hương thơm trong mũi của người kiêu ngạo và vượt trội.

Then the man begins to despise *outer* power over the bodies of men, and there comes into his mind the realization of a subtler form of power, which he now seeks to obtain. He no longer wants to lay down laws with physical authority; he has the subtler longing to dominate and rule the minds of men. That is intellectual ambition—the ambition to be a leader of thought. It is not an ambition which would move anyone who had not a largely developed intellect.

Sau đó, người ta bắt đầu khinh thường quyền lực bên ngoài đối với thân xác của người khác, và trong tâm trí y xuất hiện nhận thức về một hình thức quyền lực tinh tế hơn, mà y bây giờ tìm cách đạt được. Y không còn muốn đặt ra luật lệ với quyền lực vật chất; y có khao khát tinh tế hơn để thống trị và cai quản tâm trí của người khác. Đó là tham vọng trí tuệ—tham vọng trở thành một lãnh đạo tư tưởng. Đó không phải là một tham vọng có thể thúc đẩy bất kỳ ai mà không có trí tuệ phát triển lớn.

Still later, when that desire has been outgrown, ambition reappears in a yet subtler form, when the man passes on into the spiritual life. He thinks of the spiritual

Sau đó, khi khao khát đó đã bị vượt qua, tham vọng tái xuất hiện dưới một hình thức tinh tế hơn nữa, khi người ta tiến vào đời sống tinh thần. Y nghĩ về sự tiến bộ tinh thần như được

progress as made by himself for his own sake, because *he* wants to grow and understand and progress; the old ambition is really still holding him, and it is more dangerous because it is higher and subtler. That is why in the note to this aphorism the Master makes the remarkable statement that the pure artist, who works for the love of his work, is sometimes more firmly planted on the right road than the occultist who fancies he has removed his interest from self, but who has in reality only enlarged the limits of experience and desire, and transferred his interest to things which concern his larger span of life. The occultist is no longer confined to the ambitions of his present incarnation, yet his ambition may not be dead. He no longer cares to be a law-giver or ruler of mankind, nor even an arbitrator in the thoughts of men; but he desires to be high in the spiritual world. He realizes that he is going to live life after life, and his ambition extends to the whole span of that greater life. He is still longing to be first, to be separate, to be what others are not. Yet that too must be overcome.

thực hiện bởi chính mình vì lợi ích của mình, vì y muốn phát triển và hiểu biết và tiến bộ; tham vọng cũ thực sự vẫn đang giữ y, và nó nguy hiểm hơn vì nó cao hơn và tinh tế hơn. Đó là lý do tại sao trong ghi chú cho câu châm ngôn này, Huấn Sư đưa ra tuyên bố đáng chú ý rằng nghệ sĩ thuần khiết, người làm việc vì tình yêu công việc của mình, đôi khi được đặt vững chắc hơn trên con đường đúng đắn so với nhà huyền bí học, người tưởng rằng y đã loại bỏ sự quan tâm của mình khỏi bản thân, nhưng thực tế chỉ mở rộng giới hạn của kinh nghiệm và khao khát, và chuyển sự quan tâm của mình sang những điều liên quan đến khoảng thời gian sống lớn hơn của mình. Nhà huyền bí học không còn bị giới hạn bởi những tham vọng của kiếp sống hiện tại, nhưng tham vọng của y có thể chưa chết. Y không còn quan tâm đến việc trở thành người lập pháp hay người cai trị nhân loại, thậm chí không phải là người phân xử trong tư tưởng của người khác; nhưng y khao khát được cao trong thế giới tinh thần. Y nhận ra rằng y sẽ sống hết kiếp này đến kiếp khác, và tham vọng của y mở rộng đến toàn bộ khoảng thời gian của cuộc sống lớn hơn đó. Y vẫn khao khát được đứng đầu, được tách biệt, được là những gì người khác không phải. Tuy nhiên, điều đó cũng phải được vượt qua.

When one speaks to those who desire to be part of the universal life, the very first thing that one must tell them is to kill out that which makes for separateness. There would, however, be no gain in putting such an ideal before the ordinary man. He cannot leap at once from the worldly life into a spiritual life in which he is in full activity, but nevertheless doing nothing connected with the personal or the individual self. If you tell an ordinary man of the world to kill out ambition, and if he does it, the effect will not be a desirable one, for he will fall into lethargy and do nothing.

Khi nói chuyện với những người mong muốn trở thành một phần của sự sống vũ trụ, điều đầu tiên mà người ta phải nói với họ là diệt trừ những gì tạo ra sự tách biệt. Tuy nhiên, sẽ không có lợi ích gì khi đặt ra một lý tưởng như vậy trước người bình thường. Y không thể nhảy ngay từ cuộc sống thế gian vào một cuộc sống tinh thần trong đó y hoạt động đầy đủ, nhưng dù sao cũng không làm gì liên quan đến bản thân cá nhân hay cá nhân. Nếu bạn nói với một người bình thường trong thế giới rằng hãy diệt trừ tham vọng, và nếu y làm điều đó, kết quả sẽ không phải là một điều mong muốn, vì y sẽ rơi vào trạng thái lười biếng và không làm

gì cả.

Suppose a man is further on than that, is on the probationary path; how should *he* read this rule about ambition? Most wisely by applying the word kill to the lower form of ambition; he should in fact understand it to mean transmute. He should get rid of ambition for the things of the world, but put before himself something higher for which he can be ambitious. That would be the desire for spiritual knowledge and growth. At this stage a man does not get rid of ambition totally; he enters an intermediate state, and will make great progress if he puts before himself as his goal the attainment of spiritual knowledge and the object of finding the Master and ultimately becoming a Master himself. Really these are all ambitions, but they will help him to shake off many of the lower shackles which enwrap his personality.

Giả sử một người tiến xa hơn thế, đang trên con đường dự bị; y nên đọc Quy luật này về tham vọng như thế nào? Khôn ngoan nhất là áp dụng từ diệt trừ cho hình thức thấp hơn của tham vọng; thực tế y nên hiểu nó có nghĩa là chuyển hóa. Y nên loại bỏ tham vọng đối với những thứ của thế giới, nhưng đặt trước mình một điều gì đó cao hơn mà y có thể khao khát. Đó sẽ là khao khát tri thức tinh thần và sự phát triển. Ở giai đoạn này, một người không hoàn toàn loại bỏ tham vọng; y bước vào một trạng thái trung gian, và sẽ tiến bộ lớn nếu y đặt trước mình mục tiêu đạt được tri thức tinh thần và mục tiêu tìm kiếm Huấn Sư và cuối cùng trở thành một Huấn Sư. Thực sự, đây đều là những tham vọng, nhưng chúng sẽ giúp y thoát khỏi nhiều xiềng xích thấp hơn đang bao bọc phàm ngã của y.

This quality of ambition which the disciple has to kill out had its uses in his earlier evolution. It was a means to make the man's individuality firm and steady. In the earlier stages he grew by his isolation. It was then requisite for the evolution of the physical and mental bodies that there should be competition and fighting; all those stages of combat and fight were necessary in order to build up the individual, to make him strong so that he could hold his own centre. He had to have a place defended from outside aggression, in which he could develop his strength. He also needed such worldly position as ambition seeks, just as when you are building a house you need scaffolding. Ambition had many uses in the earlier stages —to build up the walls and make them denser, to strengthen the will, and to help to raise the man step by step. A man in whom ambition predominates also kills out sexual and other lower desires, because they hinder him in his

Chất lượng tham vọng mà đệ tử phải diệt trừ đã có những công dụng trong sự tiến hóa ban đầu của y. Đó là một phương tiện để làm cho cá nhân của người đó vững chắc và ổn định. Trong những giai đoạn đầu, y phát triển nhờ sự cô lập của mình. Khi đó, cần thiết cho sự tiến hóa của thể xác và thể trí là phải có sự cạnh tranh và chiến đấu; tất cả những giai đoạn chiến đấu và đấu tranh đó là cần thiết để xây dựng cá nhân, làm cho y mạnh mẽ để y có thể giữ vững trung tâm của mình. Y phải có một nơi được bảo vệ khỏi sự xâm lược từ bên ngoài, trong đó y có thể phát triển sức mạnh của mình. Y cũng cần một vị trí thế gian như tham vọng tìm kiếm, giống như khi bạn đang xây dựng một ngôi nhà, bạn cần giàn giáo. Tham vọng có nhiều công dụng trong những giai đoạn đầu—để xây dựng các bức tường và làm cho chúng đậm đặc hơn, để củng cố ý chí, và để giúp nâng người đó lên từng bước. Một người mà trong đó tham vọng chiếm ưu thế cũng diệt trừ các khao khát tình dục và các

intellectual growth and his search for power, and thus he dominates his lower passions. In the early stage man thus needs ambition as a means of growth.

khao khát thấp hơn khác, vì chúng cản trở y trong sự phát triển trí tuệ và tìm kiếm quyền lực của mình, và do đó y thống trị các đam mê thấp hơn của mình. Trong giai đoạn đầu, con người cần tham vọng như một phương tiện phát triển.

You would not say to the man of the world: Kill out ambition," because ambition stimulates him and draws out his faculties. But when as a disciple the man is to grow into the spiritual life, he must get rid of the walls that he built round himself in earlier stages. As after a house is built the scaffolding must be taken away, so the later part of the man's evolution consists in rendering the walls translucent, so that all life may pass through them. Therefore these rules are for disciples, not for the men of the world.

Bạn sẽ không nói với người của thế giới: "Diệt trừ tham vọng," vì tham vọng kích thích y và phát huy các khả năng của y. Nhưng khi là một đệ tử, người đó phải phát triển vào đời sống tinh thần, y phải loại bỏ các bức tường mà y đã xây dựng xung quanh mình trong các giai đoạn trước. Giống như sau khi một ngôi nhà được xây dựng, giàn giáo phải được dỡ bỏ, phần sau của sự tiến hóa của người đó bao gồm việc làm cho các bức tường trở nên trong suốt, để tất cả sự sống có thể đi qua chúng. Do đó, những Quy luật này dành cho đệ tử, không phải cho người của thế giới.

C.W.L.—Ambition in the undeveloped man shows itself as the desire, let us say, to gain wealth so that he may satisfy his craving for physical luxury and bodily enjoyment. Later on, when he develops intellect, he becomes ambitious for power. Even when a man has transcended the ambition for power and the prizes of this world, and is working selflessly for the benefit of humanity, there still remains very often the ambition to see the result of his work.

C.W.L.—Tham vọng trong người chưa phát triển thể hiện như khao khát, hãy nói rằng, để đạt được sự giàu có để y có thể thỏa mãn sự thèm muốn xa hoa vật chất và sự hưởng thụ thân xác. Sau đó, khi y phát triển trí tuệ, y trở nên tham vọng quyền lực. Ngay cả khi một người đã vượt qua tham vọng quyền lực và các phần thưởng của thế giới này, và đang làm việc vô vị lợi vì lợi ích của nhân loại, vẫn thường còn lại tham vọng để thấy kết quả của công việc của mình.

Many people are devoting their time quite willingly and quite earnestly to doing good work, but they like others to know it, and to say what good and useful people they are. That also is ambition; mild certainly as compared to some other kinds, but still it is personal, and anything that is personal stands in the way of the disciple. The lower self has to be eliminated entirely. It is hard to do it because the roots are very deep, and when they are torn out the man is left bleeding, and

Nhiều người đang cống hiến thời gian của mình một cách hoàn toàn tự nguyện và hoàn toàn nghiêm túc để làm việc tốt, nhưng họ thích người khác biết điều đó, và nói rằng họ là những người tốt và hữu ích. Điều đó cũng là tham vọng; chắc chắn là nhẹ nhàng so với một số loại khác, nhưng vẫn là cá nhân, và bất cứ điều gì là cá nhân đều cản trở đệ tử. Phàm ngã phải được loại bỏ hoàn toàn. Thật khó để làm điều đó vì gốc rễ rất sâu, và khi chúng bị nhổ ra, người đó bị bỏ lại chảy máu, và cảm thấy

feeling as though all the heart were gone out of him.

như thể tất cả trái tim đã rời khỏi y.

When we have got rid of the desire to see the result of our work, we still have the desire for recognition in a higher form. We still, perhaps, are ambitious for love; we want to be popular. It is well and good for a man to be popular, to draw the love of his fellows, because that very fact is an additional power in his hands. It enables him to do more than he otherwise could, also it surrounds him with a pleasant atmosphere which makes all sorts of work easier. But to desire that in the sense of being ambitious for it is also a thing which we must avoid. We may rightly be happy if love comes our way; that is well and good—it is good karma; but if it does not, we must not be ambitious for it. We cannot seize upon a person and say: "You *shall* love me, you *shall* appreciate me." If his feelings run that way he will; if not he cannot, and to pretend would be worse than all.

Khi chúng ta đã loại bỏ khao khát thấy kết quả của công việc của mình, chúng ta vẫn còn khao khát sự công nhận dưới một hình thức cao hơn. Chúng ta vẫn, có lẽ, tham vọng tình yêu; chúng ta muốn được yêu mến. Thật tốt và tốt cho một người được yêu mến, để thu hút tình yêu của đồng loại, vì chính điều đó là một sức mạnh bổ sung trong tay y. Nó cho phép y làm nhiều hơn những gì y có thể làm, cũng như bao quanh y với một bầu không khí dễ chịu làm cho mọi loại công việc trở nên dễ dàng hơn. Nhưng khao khát điều đó theo nghĩa tham vọng cũng là một điều mà chúng ta phải tránh. Chúng ta có thể đúng khi hạnh phúc nếu tình yêu đến với chúng ta; điều đó tốt và tốt—đó là nghiệp tốt; nhưng nếu không, chúng ta không được tham vọng điều đó. Chúng ta không thể nắm lấy một người và nói: "Bạn phải yêu tôi, bạn phải đánh giá cao tôi." Nếu cảm xúc của y đi theo hướng đó, y sẽ; nếu không, y không thể, và giả vờ sẽ tệ hơn tất cả.

We have to rise above all these stages of ambition which are still found in the ordinary world. We must give for the joy of giving, whether it be work, or substance, or love or devotion; whatever it is we must give freely and heartily, and never think of any return; that is the only real love, not the sort of love which is always saying: "How much does so-and-so love me?" The real attitude should be: "What can I do to pour myself out at the feet of the one whom I love? Of what service can I be? What can I do for him?" That is the only feeling that is worthy of so grand a title. All that we know perfectly well, but we must put it into practice. It seems to be difficult, sometimes, to do that, because there is still a remnant of the lower self to be removed.

Chúng ta phải vượt lên trên tất cả những giai đoạn tham vọng này vốn vẫn còn tồn tại trong thế giới thông thường. Chúng ta phải cho đi vì niềm vui của việc cho đi, dù đó là công việc, hay chất liệu, hay tình yêu hay sự tận tụy; bất kể đó là gì, chúng ta phải cho đi một cách tự do và chân thành, và không bao giờ nghĩ đến bất kỳ sự đáp lại nào; đó là tình yêu thực sự duy nhất, không phải loại tình yêu luôn nói: "Người này yêu tôi bao nhiêu?" Thái độ thực sự nên là: "Tôi có thể làm gì để dâng hiến bản thân mình dưới chân người mà tôi yêu? Tôi có thể phục vụ gì? Tôi có thể làm gì cho y?" Đó là cảm giác duy nhất xứng đáng với một danh hiệu cao quý như vậy. Tất cả những điều đó chúng ta biết rất rõ, nhưng chúng ta phải đưa nó vào thực tiễn. Đôi khi dường như khó khăn để làm điều đó, vì vẫn còn một phần của phàm ngã cần được loại bỏ.

For the ordinary man—maybe even for the one who is approaching the Path—I think it would perhaps be well to qualify this rule to some extent, and say: “Kill out the lower ambitions.” It is not advisable to set before the man, who is just beginning, a standard of conduct which he can only hope to reach after many years of effort. If a man has worldly ambitions he cannot be expected at once to drop them all and have nothing to fill their place; that would be scarcely possible for him, and it is even doubtful whether so sudden a change would be good for him. He must first transmute his ambitions. Let him, if he will, at first desire knowledge earnestly, desire to make advance in occultism and progress in unselfishness; let him desire to draw near to the Master, to be chosen as a pupil.

Đối với người bình thường—có thể thậm chí đối với người đang tiến gần đến Thánh Đạo—tôi nghĩ có lẽ sẽ tốt hơn nếu điều chỉnh Quy luật này ở một mức độ nào đó, và nói: "Diệt trừ những tham vọng thấp hơn." Không nên đặt ra trước người mới bắt đầu một tiêu chuẩn hành vi mà y chỉ có thể hy vọng đạt được sau nhiều năm nỗ lực. Nếu một người có tham vọng thế gian, y không thể được mong đợi ngay lập tức từ bỏ tất cả và không có gì để lấp đầy chỗ trống; điều đó sẽ khó có thể xảy ra với y, và thậm chí còn nghi ngờ liệu một sự thay đổi đột ngột như vậy có tốt cho y hay không. Y phải trước tiên chuyển hóa tham vọng của mình. Hãy để y, nếu y muốn, lúc đầu khao khát tri thức một cách nghiêm túc, khao khát tiến bộ trong huyền bí học và tiến bộ trong sự vô vị lợi; hãy để y khao khát gần gũi với Huấn Sư, được chọn làm học trò.

Most of us have desires of that sort, but we call them aspirations; the change of name seems to connote a total change in our attitude, but of course they are still desires. We shall reach a stage when even those desires will disappear, because we shall be absolutely certain that progress depends on our own efforts only; then we shall no longer desire anything. The Master once said: “Do not desire a thing; desire is feeble *Will*!”[9] Do not think of some quality you want to develop: “I should like to have it,” but say: “I *will* have it,” and go and develop it. That is the only line for a man to take, because these things are absolutely in his own hands to do or not, as he chooses.

Hầu hết chúng ta đều có những khao khát như vậy, nhưng chúng ta gọi chúng là khát vọng; sự thay đổi tên dường như biểu thị một sự thay đổi hoàn toàn trong thái độ của chúng ta, nhưng tất nhiên chúng vẫn là những khao khát. Chúng ta sẽ đạt đến một giai đoạn khi ngay cả những khao khát đó cũng sẽ biến mất, vì chúng ta sẽ hoàn toàn chắc chắn rằng tiến bộ chỉ phụ thuộc vào nỗ lực của chính chúng ta; khi đó chúng ta sẽ không còn khao khát bất cứ điều gì. Huấn Sư từng nói: "Đừng khao khát một điều gì; khao khát là Ý Chí yếu đuối!" Đừng nghĩ về một phẩm chất nào đó mà bạn muốn phát triển: "Tôi muốn có nó," mà hãy nói: "Tôi sẽ có nó," và đi phát triển nó. Đó là con đường duy nhất mà một người nên đi, vì những điều này hoàn toàn nằm trong tay y để làm hoặc không, tùy theo y chọn.

It is a case of transmuting at first. The desire for spiritual growth is a thing that those who are approaching the Path should no longer be

Đó là trường hợp chuyển hóa lúc đầu. Khao khát sự phát triển tinh thần là điều mà những người đang tiến gần đến Thánh Đạo không

[9] Vol. I, Part V, Ch. 1: *Liberation, Nirvana and Moksha*

encouraging in themselves, but there is that intermediate stage when it is very natural. We who are students ought to be getting to a stage at which we take our spiritual growth for granted, and fix all our energies on trying to help others. At first a man does need a personal motive; then he gradually comes to forget himself and to make his advancement for the sake of the Master, for the sake of pleasing Him, and eventually he learns that he is simply a channel for the great divine forces, and that he must be a good channel and must have no anxiety whatever about the result. His one care then is that nothing on his part shall hinder his being an expression of the Divine—as perfect an expression as is possible for him. He does not worry in the least about it; he does not desire that his force may be used in this direction or that; he is simply a tool in the hands of God, that he may be used as arid how and where God wills.

nên khuyến khích trong bản thân mình nữa, nhưng có giai đoạn trung gian đó khi điều đó rất tự nhiên. Chúng ta là những đạo sinh nên đạt đến một giai đoạn mà chúng ta coi sự phát triển tinh thần của mình là điều hiển nhiên, và tập trung tất cả năng lượng của mình vào việc cố gắng giúp đỡ người khác. Lúc đầu, một người cần một động cơ cá nhân; sau đó y dần dần quên mình và làm cho sự tiến bộ của mình vì lợi ích của Huấn Sư, vì lợi ích của việc làm hài lòng Ngài, và cuối cùng y học được rằng y chỉ là một kênh cho các mãnh lực thiêng liêng lớn, và rằng y phải là một kênh tốt và không được lo lắng gì về kết quả. Mối quan tâm duy nhất của y khi đó là không có gì từ phía y sẽ cản trở y trở thành một biểu hiện của Thiêng Liêng —một biểu hiện hoàn hảo nhất có thể đối với y. Y không lo lắng chút nào về điều đó; y không khao khát rằng mãnh lực của mình có thể được sử dụng theo hướng này hay hướng khác; y chỉ là một công cụ trong tay Thượng đế, để y có thể được sử dụng như thế nào và ở đâu Thượng đế muốn.

Of course, we can attain that attitude only by degrees; but we should set it before ourselves as the state of mind at which we should aim. We must begin by forgetting ourselves, by rigorously weeding the self out. What if we are not gaining the advancement which we think to be due to us after so many years of thought and study, or what if the people whom we help are not grateful for being helped—generally they are not—all that does not matter.[10] Let us forget ourselves and do the work and let us be entirely indifferent as to any return. Karma will look after that; we need have no fear. The great laws of the universe are not going to be altered in order to do an injustice to any one of us, we may be quite sure. They will work with equal balance; justly they work, even though it be after many

Tất nhiên, chúng ta chỉ có thể đạt được thái độ đó từng bước; nhưng chúng ta nên đặt nó trước mình như trạng thái tâm trí mà chúng ta nên nhắm đến. Chúng ta phải bắt đầu bằng cách quên mình, bằng cách loại bỏ phàm ngã một cách nghiêm ngặt. Điều gì nếu chúng ta không đạt được sự tiến bộ mà chúng ta nghĩ là xứng đáng với chúng ta sau nhiều năm suy nghĩ và học tập, hoặc điều gì nếu những người mà chúng ta giúp đỡ không biết ơn vì được giúp đỡ—thường thì họ không—tất cả điều đó không quan trọng. Hãy quên mình và làm công việc và hãy hoàn toàn điềm nhiên về bất kỳ sự đáp lại nào. Nghiệp sẽ lo liệu điều đó; chúng ta không cần phải lo sợ. Các định luật lớn của vũ trụ sẽ không bị thay đổi để gây bất công cho bất kỳ ai trong chúng ta, chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn. Chúng sẽ hoạt động

[10] Vol. I, Part III, Ch. 2: *The One Good Desire*

days. *Forget yourself;* that is the first and the last word of advice on the occult Path—there is no other way. However hard it may seem it has to be done, and has to be done perfectly.

với sự cân bằng công bằng; chúng hoạt động công bằng, ngay cả khi sau nhiều ngày. Quên mình; đó là lời khuyên đầu tiên và cuối cùng trên Thánh Đạo huyền bí—không có con đường nào khác. Dù khó khăn đến đâu, điều đó phải được thực hiện, và phải được thực hiện một cách hoàn hảo.

We come now to the first note of the Master Hilarion, which is attached to the first rule. I will take it bit by bit. It begins:

Chúng ta bây giờ đến với âm điệu đầu tiên của Huấn Sư Hilarion, được đính kèm với Quy luật đầu tiên. Tôi sẽ lấy nó từng phần. Nó bắt đầu:

> Ambition is the first curse; the great tempter of the man who is rising above his fellows. It is the simplest form of looking for reward.

> Tham vọng là lời nguyền đầu tiên; kẻ cám dỗ lớn của người đang vươn lên trên đồng loại của mình. Đó là hình thức đơn giản nhất của việc tìm kiếm phần thưởng.

That is rather a curious way of putting it, but it is obviously true. The first temptation that comes to a man who knows he is rising a little above the rest in some way is to think of himself as a great man, and this leads him to resolve that he will rise still further, so that he may enjoy the pleasure of his pride even more.

Đó là một cách diễn đạt khá kỳ lạ, nhưng rõ ràng là đúng. Sự cám dỗ đầu tiên đến với một người biết rằng y đang vươn lên một chút trên những người khác theo một cách nào đó là nghĩ về mình như một người vĩ đại, và điều này dẫn y đến quyết tâm rằng y sẽ vươn lên cao hơn nữa, để y có thể tận hưởng niềm vui của sự kiêu hãnh của mình nhiều hơn.

> Men of intelligence and power are led away from their higher possibilities by it continually.

> Những người thông minh và quyền lực bị lôi cuốn khỏi những khả năng cao hơn của họ bởi điều đó liên tục.

How true that is no one can know who is not clairvoyant. Those who are pupils of the Masters necessarily, I suppose, have the habit of regarding all the people they meet more or less from the point of view of their possible discipleship. One sees a man who is in some ways obviously a good man; the first thought that comes into one's mind about him is: "How near is he to the point when he can become a pupil of the Master?" To us it is the greatest reward, the most precious piece of advancement that can come to any man, that

Điều đó đúng đến mức không ai có thể biết nếu không có thông nhãn. Những người là học trò của các Huấn Sư tất nhiên, tôi cho rằng, có thói quen xem xét tất cả những người họ gặp ít nhiều từ quan điểm của khả năng trở thành đệ tử của họ. Người ta thấy một người mà theo một số cách rõ ràng là một người tốt; suy nghĩ đầu tiên đến trong tâm trí của một người về y là: "Y gần đến mức nào để có thể trở thành một học trò của Huấn Sư?" Đối với chúng ta, đó là phần thưởng lớn nhất, phần thưởng quý giá nhất có thể đến với bất kỳ ai, rằng y nên đạt

he should reach the stage where he is worth taking in hand by one of these Great Ones, so that his future evolution may be assured. Attainment is after that merely a matter of time and, of course, of perseverance and much hard work.

đến giai đoạn mà y xứng đáng được một trong những Đấng Cao Cả này chăm sóc, để sự tiến hóa tương lai của y có thể được đảm bảo. Đạt được sau đó chỉ là vấn đề thời gian và, tất nhiên, của sự kiên trì và rất nhiều công việc khó khăn.

Though it is quite true that for every human being progress is merely a question of time, for many human beings it is clearly a matter of so very much time that they may be taken *en bloc,* so to speak, dealt with in the mass; but the moment that a man comes near to the stage when conceivably a Master might take him in hand, he also becomes an object of very keen interest to the pupils of the Master, and their desire is always to try to help him to the point where definite contact may become possible. It should always be remembered that it is merely a question of the man's deserts in the matter; there is no favouritism of any kind. The moment it is worth the Master's while to expend as much energy as would be required to teach that man He will do so, but it is only worth His while when He will be able to do more work through the man than He Himself could do with the same energy devoted to other work.

Mặc dù đúng là đối với mọi con người, tiến bộ chỉ là vấn đề thời gian, đối với nhiều con người, rõ ràng đó là vấn đề của rất nhiều thời gian đến mức họ có thể được xem xét như một khối, có thể nói, được xử lý trong khối lượng; nhưng ngay khi một người đến gần giai đoạn mà có thể một Huấn Sư có thể chăm sóc y, y cũng trở thành đối tượng của sự quan tâm rất lớn đối với các học trò của Huấn Sư, và mong muốn của họ luôn là cố gắng giúp y đến điểm mà sự tiếp xúc rõ ràng có thể trở nên khả thi. Luôn luôn nên nhớ rằng đó chỉ là vấn đề của công lao của người đó trong vấn đề này; không có sự thiên vị nào cả. Ngay khi đáng để Huấn Sư dành nhiều năng lượng như cần thiết để dạy người đó, Ngài sẽ làm như vậy, nhưng chỉ đáng để Ngài làm khi Ngài có thể làm nhiều công việc hơn thông qua người đó hơn là Ngài có thể làm với cùng năng lượng dành cho công việc khác.

We meet a large number of people who seem as though they were not far from that point. They are so good in one way or another, and some are so hopeful all round, that it seems to us that surely with a very little more of the right direction of their energies they would be fit for discipleship—and then we are disappointed to find that it all comes to nothing and they spend their lives in the ordinary way. Most especially I have noticed that with boys and girls, among whom it has always been my lot to have to look for hopeful cases. There are many young people who are quite near the point where, if their energies were just turned in the right direction, they

Chúng ta gặp một số lượng lớn người dường như không xa điểm đó. Họ rất tốt theo cách này hay cách khác, và một số rất hy vọng toàn diện, đến mức dường như với chúng ta rằng chắc chắn với một chút định hướng đúng đắn của năng lượng của họ, họ sẽ phù hợp để trở thành đệ tử—và sau đó chúng ta thất vọng khi thấy rằng tất cả đều không đi đến đâu và họ sống cuộc sống của mình theo cách thông thường. Đặc biệt tôi đã nhận thấy điều đó với các chàng trai và cô gái, trong số đó luôn là số phận của tôi phải tìm kiếm những trường hợp hy vọng. Có nhiều người trẻ tuổi khá gần điểm mà, nếu năng lượng của họ chỉ được chuyển hướng đúng đắn, họ sẽ trở thành những đối

would make very good subjects indeed for such progress, and yet they fail to grasp the opportunity. They get drawn into the competition of ordinary school life, and are swept into a world of lower thought. It is not bad thought, I do not mean that—though that may happen sometimes—but they are swept into a sort of whirlpool of comparatively worldly thought. The goal put before them is generally that of success in some material way—to become great engineers or great lawyers, or to succeed at the head of some mercantile house.

tượng rất tốt cho sự tiến bộ như vậy, và tuy nhiên họ không nắm bắt được cơ hội. Họ bị cuốn vào sự cạnh tranh của cuộc sống học đường thông thường, và bị cuốn vào một thế giới của tư tưởng thấp hơn. Đó không phải là tư tưởng xấu, tôi không có ý đó—mặc dù điều đó có thể xảy ra đôi khi—nhưng họ bị cuốn vào một loại xoáy của tư tưởng thế gian tương đối. Mục tiêu đặt ra trước họ thường là thành công theo một cách vật chất nào đó—trở thành những kỹ sư vĩ đại hoặc những luật sư vĩ đại, hoặc thành công đứng đầu một công ty thương mại nào đó.

Not only is a worldly career expected of them by their parents, but the general trend of public opinion also influences them in that direction, and it is very hard to escape from the effect of public opinion. It is pressing upon us all the time in all directions, and so it comes about that these young people, who seem so nearly ready for the higher thing, seldom reach it. Instead they take up a very estimable and useful career, but it is just not that higher thing. I have followed up some cases that seemed to me specially likely, and I have found that the same thing has sometimes occurred to egos for a number of incarnations. For a dozen or twenty incarnations they have been very nearly ready, within measurable distance of taking that great step, but each time they have turned aside from it, and practically always it has been worldly ambition that has led them away from their higher possibilities.[11]

Không chỉ là một sự nghiệp thế gian được cha mẹ kỳ vọng ở họ, mà xu hướng chung của dư luận cũng ảnh hưởng đến họ theo hướng đó, và rất khó để thoát khỏi ảnh hưởng của dư luận. Nó luôn đè nặng lên chúng ta mọi lúc mọi nơi, và vì vậy mà những người trẻ này, những người dường như đã gần sẵn sàng cho điều cao cả hơn, hiếm khi đạt được điều đó. Thay vào đó, họ chọn một sự nghiệp rất đáng kính và hữu ích, nhưng đó không phải là điều cao cả hơn. Tôi đã theo dõi một số trường hợp mà tôi cho là đặc biệt có khả năng, và tôi đã phát hiện ra rằng đôi khi điều tương tự đã xảy ra với các chân ngã trong nhiều lần nhập thể. Trong hàng chục hoặc hai mươi lần nhập thể, họ đã gần như sẵn sàng, trong khoảng cách có thể đo lường được để thực hiện bước đi vĩ đại đó, nhưng mỗi lần họ đều quay lưng lại với nó, và hầu như luôn luôn là tham vọng thế gian đã dẫn họ xa khỏi những khả năng cao cả hơn của mình.

When the Master Hilarion says that men of intelligence and power are continually led away from their higher possibilities by ambition, I think He must have had cases in mind very similar to those which I have just described, because those to whom the higher

Khi Chân sư Hilarion nói rằng những người có trí thông minh và quyền lực liên tục bị dẫn dắt xa khỏi những khả năng cao cả hơn của họ bởi tham vọng, tôi nghĩ Ngài phải đã có những trường hợp tương tự như những gì tôi vừa mô tả trong tâm trí, bởi vì những người mà những

[11] Vol. I, Fart II, Ch. 3: *Right and Wrong.*

possibilities lie open must necessarily be men of intelligence and power, not mere ordinary men. He does not say that ambition ruins their lives, but only that higher possibilities exist for them from which it leads them away. It is surely not bad for a boy that he should wish to be a great engineer, a great lawyer, or a great doctor. These are all fine professions, but there are other things which are even more useful, and if he could see and choose the more useful line it would surely be better for him. We cannot say that the worldly work is bad, but only that there is better work. When one says better work one is not depreciating any of these professions or their value to the world; one means that most well-educated men with ordinary capacity could take up those duties and make more or less of a success of them, whereas only those who have a history behind them from the occult point of view can take up with success the narrow and difficult path of occult training. Those who follow it can do more good even than the man who wins high distinction along any of those other lines, so when there is a child who wishes to take it up, who obviously would be able to do so, no one should stand in his or her way.

khả năng cao cả hơn mở ra phải là những người có trí thông minh và quyền lực, không phải là những người bình thường. Ngài không nói rằng tham vọng hủy hoại cuộc sống của họ, mà chỉ rằng có những khả năng cao cả hơn tồn tại cho họ mà từ đó nó dẫn họ đi xa. Chắc chắn không xấu cho một cậu bé khi cậu muốn trở thành một kỹ sư vĩ đại, một luật sư vĩ đại, hoặc một bác sĩ vĩ đại. Đây đều là những nghề nghiệp tốt đẹp, nhưng có những điều khác thậm chí còn hữu ích hơn, và nếu cậu có thể thấy và chọn con đường hữu ích hơn thì chắc chắn sẽ tốt hơn cho cậu. Chúng ta không thể nói rằng công việc thế gian là xấu, mà chỉ rằng có công việc tốt hơn. Khi nói công việc tốt hơn, người ta không hạ thấp bất kỳ nghề nghiệp nào trong số này hoặc giá trị của chúng đối với thế giới; người ta có ý rằng hầu hết những người có học thức tốt với khả năng bình thường có thể đảm nhận những nhiệm vụ đó và thành công ít nhiều, trong khi chỉ những người có lịch sử phía sau từ quan điểm huyền bí mới có thể thành công trên con đường hẹp và khó khăn của huấn luyện huyền bí. Những người theo đuổi nó có thể làm nhiều điều tốt hơn cả người đạt được sự nổi bật cao trong bất kỳ con đường nào khác, vì vậy khi có một đứa trẻ muốn theo đuổi nó, rõ ràng là có thể làm được, không ai nên cản trở con đường của nó.

> Yet it is a necessary teacher. Its results turn to dust and ashes in the mouth; like death and estrangement it shows the man at last that to work for self is to work for disappointment.

> Tuy nhiên, đó là một người thầy cần thiết. Kết quả của nó biến thành tro bụi trong miệng; giống như cái chết và sự xa lánh, nó cho người ta thấy cuối cùng rằng làm việc vì bản thân là làm việc cho sự thất vọng.

The man who attains that which he has so long and so earnestly desired, often finds later that it is not quite what he hoped it would be. Men who scheme to obtain power and high position find that the power is to a great extent illusory, that it is hampered in all directions,

Người đạt được điều mà y đã mong muốn lâu dài và tha thiết, thường phát hiện ra sau đó rằng nó không hoàn toàn như y hy vọng. Những người mưu đồ để đạt được quyền lực và vị trí cao phát hiện ra rằng quyền lực phần lớn là ảo tưởng, rằng nó bị cản trở theo mọi hướng,

as in the case of Lord Beaconsfield, which I mentioned before. It is possible that he might have done more good by giving all his energy to the pursuit and spread of occultism. His works are not very much read, nowadays, but his occult knowledge shows through them as, for example, in his wonderful tale of *Alroyd*.[12]

như trong trường hợp của Lord Beaconsfield, mà tôi đã đề cập trước đó. Có thể y đã làm được nhiều điều tốt hơn bằng cách dồn hết năng lượng vào việc theo đuổi và phổ biến huyền bí học. Các tác phẩm của y không được đọc nhiều ngày nay, nhưng kiến thức huyền bí của y thể hiện qua chúng, chẳng hạn như trong câu chuyện tuyệt vời của y về Alroyd.

But though this first rule seems so simple and easy, do not quickly pass it by. For these vices of the ordinary man pass through a subtle transformation and reappear with changed aspect in the heart of the disciple.

Nhưng mặc dù Quy luật đầu tiên này có vẻ đơn giản và dễ dàng, đừng vội vàng bỏ qua nó. Bởi vì những thói xấu của người bình thường trải qua một sự biến đổi tinh vi và tái xuất hiện với diện mạo thay đổi trong trái tim của đệ tử.

For the disciple there are special temptations, special difficulties. The ordinary man is proud, perhaps, of certain things he can do. The pupil of the Master knows full well he must not be proud of any advancement that comes to him. Indeed, knowing the Masters, he cannot well be proud, for all sense of pride falls away from any man who really knows Them. He may be able to do many things that others cannot do, but yet he is constantly, by the necessity of the case, in the presence of one or of many who can do quite infinitely more than he can. And so pride, to do them justice, is not often found in the pupils of the Masters. Yet the whole thing is very subtle. The pupil, if he is not careful, will find that he is proud of not being proud; proud to find how humble he is in spite of the wonderful things he can do and think and say. Or he may try to elbow himself to the front among those who are serving the Master, because in his pride he thinks that he can do the work best and that his presence at the top is essential. But Madame Blavatsky said in her *First Steps in Occultism*: “No one can think, ‘I am better or

Đối với đệ tử, có những cám dỗ đặc biệt, những khó khăn đặc biệt. Người bình thường có thể tự hào, có lẽ, về những điều nhất định mà y có thể làm. Học trò của Chân sư biết rõ rằng y không được tự hào về bất kỳ sự tiến bộ nào đến với y. Thực sự, khi biết các Chân sư, y không thể tự hào, vì mọi cảm giác tự hào đều tan biến khỏi bất kỳ ai thực sự biết Các Ngài. Y có thể làm được nhiều điều mà người khác không thể làm, nhưng y luôn, do nhu cầu của tình huống, ở trong sự hiện diện của một hoặc nhiều người có thể làm nhiều hơn y rất nhiều. Và vì vậy, để công bằng với họ, sự tự hào không thường thấy ở các học trò của Chân sư. Tuy nhiên, toàn bộ điều này rất tinh vi. Học trò, nếu không cẩn thận, sẽ thấy rằng y tự hào vì không tự hào; tự hào khi thấy mình khiêm tốn mặc dù có thể làm và nghĩ và nói những điều tuyệt vời. Hoặc y có thể cố gắng chen lấn lên phía trước trong số những người đang phụng sự Chân sư, vì trong sự tự hào của mình, y nghĩ rằng y có thể làm công việc tốt nhất và sự hiện diện của y ở vị trí hàng đầu là cần thiết. Nhưng Madame Blavatsky đã nói trong Bước Đầu Tiên trong Huyền Bí Học: “Không ai có thể nghĩ, ‘Tôi tốt

[12] Vol. II, p. 292.

more pleasing to the Master than my fellow-disciples' and remain a pupil of the Master." And Dr. Besant once said: "One of the first rules for an occultist is to be as unobtrusive as possible, so that his personality will attract the smallest possible attention."

hơn hoặc làm hài lòng Chân sư hơn các đồng đệ tử của tôi' và vẫn là học trò của Chân sư." Và Tiến sĩ Besant đã từng nói: "Một trong những Quy luật đầu tiên cho một nhà huyền bí học là phải càng ít nổi bật càng tốt, để phàm ngã của y thu hút sự chú ý ít nhất có thể."

Those who are students of occultism, but not yet pupils, may more easily fall into the error of pride. It is a great difficulty for those who develop psychic powers. They find that they can see so much that others cannot; so much is open to them that is unknown to others, that they begin to feel themselves superior to their fellow-men, and very often that leads to rather disastrous results. When we find psychics who show great pride, I think we may generally take it for granted that they are not as yet trained people, that though they are developing the higher faculties they have not yet come into contact with the Master, because the absence of pride is a sure sign of one who is learning his lesson properly.

Những người là học sinh của huyền bí học, nhưng chưa phải là học trò, có thể dễ dàng rơi vào sai lầm của sự tự hào hơn. Đó là một khó khăn lớn đối với những người phát triển các năng lực thông linh. Họ phát hiện ra rằng họ có thể thấy rất nhiều điều mà người khác không thể; rất nhiều điều mở ra cho họ mà người khác không biết, khiến họ bắt đầu cảm thấy mình vượt trội hơn đồng loại, và rất thường dẫn đến những kết quả khá thảm khốc. Khi chúng ta thấy những người thông linh thể hiện sự tự hào lớn, tôi nghĩ chúng ta có thể thường cho rằng họ chưa phải là những người được huấn luyện, rằng mặc dù họ đang phát triển các năng lực cao hơn, họ chưa tiếp xúc với Chân sư, vì sự vắng mặt của sự tự hào là một dấu hiệu chắc chắn của người đang học bài học của mình đúng cách.

> It is easy to say: "I will not be ambitious"; it not so easy to say: "When the Master reads my heart He will find it clean utterly."

> Dễ dàng nói: "Tôi sẽ không tham vọng"; không dễ dàng nói: "Khi Chân sư đọc trái tim tôi, Ngài sẽ thấy nó hoàn toàn trong sạch."

That is quite a different thing. We can so easily persuade ourselves that we are not ambitious, that we are never selfish, never irritable. We can persuade ourselves of many things, but the Master sees with the all-seeing eye that discerns the facts and not the gloss and the glamour we throw over them when we look at ourselves.

Đó là một điều hoàn toàn khác. Chúng ta có thể dễ dàng thuyết phục bản thân rằng chúng ta không tham vọng, rằng chúng ta không bao giờ ích kỷ, không bao giờ cáu kỉnh. Chúng ta có thể thuyết phục bản thân về nhiều điều, nhưng Chân sư nhìn thấy bằng con mắt toàn tri phân biệt sự thật và không phải là lớp vỏ và ảo cảm mà chúng ta phủ lên chúng khi nhìn vào bản thân.

The pure artist who works for the love of his work is sometimes more firmly planted on the

Người nghệ sĩ thuần khiết làm việc vì tình yêu công việc của mình đôi khi được đặt vững chắc

right road than the Occultist who fancies he has removed his interest from self, but who has in reality only enlarged the limits v of experience and desire, and transferred his interest to the things which concern his larger span of life.

hơn trên con đường đúng đắn hơn là nhà huyền bí học tưởng rằng y đã loại bỏ sự quan tâm đến bản thân, nhưng thực tế chỉ mở rộng giới hạn của kinh nghiệm và ham muốn, và chuyển sự quan tâm của mình đến những điều liên quan đến khoảng thời gian sống lớn hơn của mình.

Cynical people might remark that the true artist in that sense is unknown, but that is not so. I have had a great deal to do with artistic circles both in England and in France, and though there is much jealousy and want of generous appreciation among artists in general, yet I also surely have known more than one artist who did live and work for the love of his art and not for gain. Because he so worked, he often threw away many obvious chances of worldly advancement, thinking that to take advantage of them would involve disloyalty to his art. A man who is willing to do that for the sake of his art has already made some progress on the way to getting rid of the lower self. There may be a higher form of selfish ambition at the back of it, but at least he has gone a long way in eradicating the mere lower self when he has lost the ambition for worldly wealth and success.

Những người hoài nghi có thể nhận xét rằng nghệ sĩ thực sự theo nghĩa đó là không được biết đến, nhưng không phải vậy. Tôi đã có rất nhiều liên hệ với các vòng tròn nghệ thuật cả ở Anh và Pháp, và mặc dù có nhiều sự ghen tị và thiếu sự đánh giá cao hào phóng giữa các nghệ sĩ nói chung, nhưng tôi cũng chắc chắn đã biết hơn một nghệ sĩ sống và làm việc vì tình yêu nghệ thuật của mình và không vì lợi ích. Bởi vì y làm việc như vậy, y thường bỏ qua nhiều cơ hội thăng tiến thế gian rõ ràng, nghĩ rằng tận dụng chúng sẽ liên quan đến sự không trung thành với nghệ thuật của mình. Một người sẵn sàng làm điều đó vì nghệ thuật của mình đã tiến một bước trên con đường loại bỏ phàm ngã. Có thể có một hình thức tham vọng ích kỷ cao hơn ở phía sau, nhưng ít nhất y đã đi một chặng đường dài trong việc loại bỏ phàm ngã khi y đã mất đi tham vọng về sự giàu có và thành công thế gian.

There is a stage at which the occultist has quite conquered all desires connected with the personality, has risen above all the ordinary ambitions of men, but still has ambition for his separate individuality or ego, and is thinking generally of its progress instead of the good he can do to others. So it may well be that an artist who did altogether sacrifice the thought of self, even though he knew nothing about occultism, might have his feet more firmly planted on the right road than such an occultist.

Có một giai đoạn mà nhà huyền bí học đã hoàn toàn chinh phục mọi ham muốn liên quan đến phàm ngã, đã vượt lên trên mọi tham vọng thông thường của con người, nhưng vẫn còn tham vọng cho cá nhân riêng biệt của mình hoặc chân ngã, và thường nghĩ về sự tiến bộ của nó thay vì điều tốt mà y có thể làm cho người khác. Vì vậy, có thể một nghệ sĩ hoàn toàn hy sinh ý nghĩ về bản thân, mặc dù y không biết gì về huyền bí học, có thể có đôi chân vững chắc hơn trên con đường đúng đắn hơn một nhà huyền bí học như vậy.

The same principle applies to the other

Nguyên tắc tương tự áp dụng cho hai

two seemingly simple rules. Linger over them, and do not let yourself be easily deceived by your own heart.

Quy luật khác dường như đơn giản. Hãy dừng lại ở chúng, và đừng để bản thân dễ dàng bị lừa dối bởi trái tim của mình.

The Master here refers to Rules 2 and 3, which we shall deal with in the next chapter. These tell us to kill out desire of life and of comfort. He warns us to be cautious with regard to all three, for the mind is extraordinarily, even quite diabolically, clever at making excuses for us, at finding all kinds of reasons for doing what we want to do. We may not think of ourselves as particularly clever or intellectual, but if we look back over the excuses we have invented for doing things we have wanted to do, we usually have to admit that we have shown amazing capacity in that direction.

Chân sư ở đây đề cập đến Quy luật 2 và 3, mà chúng ta sẽ đề cập trong chương tiếp theo. Những Quy luật này bảo chúng ta tiêu diệt ham muốn sống và thoải mái. Ngài cảnh báo chúng ta phải thận trọng đối với cả ba, vì tâm trí vô cùng, thậm chí khá xảo quyệt, trong việc tìm kiếm lý do cho chúng ta, trong việc tìm ra mọi lý do để làm những gì chúng ta muốn làm. Chúng ta có thể không nghĩ về bản thân là đặc biệt thông minh hoặc trí tuệ, nhưng nếu chúng ta nhìn lại những lý do mà chúng ta đã phát minh ra để làm những điều chúng ta muốn làm, chúng ta thường phải thừa nhận rằng chúng ta đã thể hiện khả năng đáng kinh ngạc trong hướng đó.

For now, at the threshold, a mistake can be corrected. But carry it on with you and it will grow and come to fruition, or else you must suffer bitterly in its destruction.

Hiện tại, ở ngưỡng cửa, một sai lầm có thể được sửa chữa. Nhưng mang nó theo bạn và nó sẽ phát triển và đơm hoa kết trái, hoặc bạn phải chịu đựng đau khổ trong sự phá hủy của nó.

C.W.L.—This is the end of the Master Hilarion's long note to Rule 1. The more a man advances on the path of occult development, the deeper he will bury any fault which has not yet been eradicated. Suppose it be selfishness, the greatest and most common of all faults, because it lies at the root of so many others. He may have got rid of all its outer evidences, and may imagine himself to be entirely free from it, and yet the fault itself may still be unconquered. The further he goes on the Path the more deeply it will be hidden. In the meantime he is gradually raising the strength of the vibrations of his vehicles so that all his qualities, whether bad or good, must be greatly intensified. If there is an evil

C.W.L.—Đây là phần cuối của ghi chú dài của Chân sư Hilarion đối với Quy luật 1. Càng tiến xa trên con đường phát triển huyền bí, người ta càng chôn sâu bất kỳ lỗi nào chưa được loại bỏ. Giả sử đó là sự ích kỷ, lỗi lớn nhất và phổ biến nhất trong tất cả các lỗi, vì nó nằm ở gốc rễ của rất nhiều lỗi khác. Y có thể đã loại bỏ tất cả các biểu hiện bên ngoài của nó, và có thể tưởng tượng rằng mình hoàn toàn thoát khỏi nó, nhưng lỗi đó có thể vẫn chưa được chinh phục. Càng đi xa trên Đường Đạo, nó sẽ càng bị ẩn sâu hơn. Trong khi đó, y đang dần nâng cao sức mạnh của rung động của các hiện thể của mình để tất cả các phẩm chất của y, dù xấu hay tốt, phải được tăng cường rất nhiều. Nếu có một phẩm chất xấu mà sự tồn tại của nó có thể

quality the existence of which may be quite hidden, both from the man himself and his friends, it will be growing stronger and stronger, and inevitably some time it must break through and show itself. Then just because he has made considerable advance it will produce a much more serious disaster than would have been the case at an earlier stage, and he certainly will suffer a good deal in its destruction.

hoàn toàn bị ẩn giấu, cả từ chính người đó và bạn bè của y, nó sẽ ngày càng mạnh mẽ hơn, và không thể tránh khỏi một lúc nào đó nó phải bộc phát và thể hiện. Sau đó, chỉ vì y đã tiến bộ đáng kể, nó sẽ gây ra một thảm họa nghiêm trọng hơn nhiều so với trường hợp ở giai đoạn trước đó, và y chắc chắn sẽ chịu đựng rất nhiều trong sự phá hủy của nó.

A.B.—The man on the path must do his work thoroughly. On the threshold mistakes can easily be corrected. But unless the disciple gets rid entirely of the desire for power while he is in the early stages of his spiritual apprenticeship, it will become stronger and stronger. If he does not weed it out where it is based in the physical, astral and mental planes, but allows it to take root in the spiritual plane of the ego, he will find it very difficult to eradicate. Ambition thus established in the causal body is carried on from life to life. The' physical, astral and mental bodies die, and he gets new ones, but the causal body does not die till the end of the kalpa; so let the pupil beware of permitting spiritual ambition to touch the causal body and build into it elements of separateness which more and more encase the life.

A.B.—Người trên con đường phải làm công việc của mình một cách triệt để. Ở ngưỡng cửa, sai lầm có thể dễ dàng được sửa chữa. Nhưng trừ khi đệ tử hoàn toàn loại bỏ ham muốn quyền lực trong khi y đang ở giai đoạn đầu của sự học nghề tinh thần, nó sẽ trở nên mạnh mẽ hơn và mạnh mẽ hơn. Nếu y không nhổ bỏ nó ở nơi nó dựa trên các cõi hồng trần, cảm dục và trí tuệ, mà cho phép nó bén rễ trong cõi tinh thần của chân ngã, y sẽ thấy rất khó để loại bỏ. Tham vọng như vậy được thiết lập trong thể nguyên nhân được mang theo từ đời này sang đời khác. Các thể hồng trần, cảm dục và trí tuệ chết đi, và y có những thể mới, nhưng thể nguyên nhân không chết cho đến cuối kalpa; vì vậy hãy để học trò cẩn thận không cho phép tham vọng tinh thần chạm vào thể nguyên nhân và xây dựng vào đó các yếu tố của sự tách biệt ngày càng bao bọc sự sống.

Work as those work who are ambitious.

Làm việc như những người làm việc có tham vọng.

A.B.—I have taken this sentence out of its place in the book, where it occurs at the beginning of Rule 4, and brought it in for consideration here, where it specially applies. It is the comment of the Chohan upon Rule 1. In each case we will take the rule and then the comment that the Chohan gave in explanation of it. Put them together, and you get the sense. Thus you read: "*1*. Kill out ambition, but work

A.B.—Tôi đã lấy câu này ra khỏi vị trí của nó trong sách, nơi nó xuất hiện ở đầu Quy luật 4, và đưa nó vào để xem xét ở đây, nơi nó đặc biệt áp dụng. Đây là bình luận của Đức Đế Quân về Quy luật 1. Trong mỗi trường hợp, chúng ta sẽ lấy Quy luật và sau đó là bình luận mà Đức Đế Quân đã đưa ra để giải thích nó. Đặt chúng lại với nhau, và bạn sẽ hiểu được ý nghĩa. Vì vậy, bạn đọc: "1. Tiêu diệt tham vọng, nhưng làm

as those work who are ambitious. 2. Kill out desire of life, but respect life as those who desire it. 3. Kill out desire of comfort, but be happy as those who live for happiness."

việc như những người làm việc có tham vọng. 2. Tiêu diệt ham muốn sống, nhưng tôn trọng sự sống như những người mong muốn nó. 3. Tiêu diệt ham muốn thoải mái, nhưng hãy hạnh phúc như những người sống vì hạnh phúc."

Desire for power, life and happiness forms the motive power of the world. These are the prizes that Ishvara holds out before all beings, and the result is that evolution goes on. All the struggles that a man makes for these things bring out his qualities and cause him to evolve. Suppose the whole of this is suddenly removed—a man loses all ambition, all desire for life and for happiness. That represents a stage through which men pass before the longing for the spiritual life awakens fully in them. It is called vairagya, and is the result of satiety.[13] The man has enjoyed power and has found that it does not bring, happiness; he has worked for it and grasped it, but has found that the effect of it on the inner ego is only disappointment. It is not what he expected, and it does not bring satisfaction. Take the case, for example, of the late Emperor of Russia, who stood at the summit of human power, was thoroughly tired of it, and heartily wished himself free of it. It is not an uncommon thing in history that a man who wields absolute power gets a fit of vairagya and abdicates his position.

Ham muốn quyền lực, sự sống và hạnh phúc tạo thành động lực của thế giới. Đây là những phần thưởng mà Ishvara đưa ra trước tất cả các sinh linh, và kết quả là sự tiến hóa tiếp tục. Tất cả những cuộc đấu tranh mà một người thực hiện cho những điều này mang lại phẩm chất của y và khiến y tiến hóa. Giả sử toàn bộ điều này đột ngột bị loại bỏ—một người mất hết tham vọng, mọi ham muốn sống và hạnh phúc. Điều đó đại diện cho một giai đoạn mà con người trải qua trước khi khao khát cuộc sống tinh thần thức tỉnh hoàn toàn trong họ. Nó được gọi là vairagya, và là kết quả của sự no đủ. Người đó đã tận hưởng quyền lực và nhận thấy rằng nó không mang lại hạnh phúc; y đã làm việc vì nó và nắm bắt nó, nhưng nhận thấy rằng tác động của nó lên chân ngã bên trong chỉ là sự thất vọng. Nó không phải là những gì y mong đợi, và nó không mang lại sự thỏa mãn. Lấy ví dụ, trường hợp của Hoàng đế Nga quá cố, người đứng trên đỉnh cao của quyền lực con người, đã hoàn toàn mệt mỏi với nó, và chân thành mong muốn mình thoát khỏi nó. Không phải là điều hiếm gặp trong lịch sử rằng một người nắm giữ quyền lực tuyệt đối bị một cơn vairagya và thoái vị.

The result of that is a collapse, a lessening of all the motives that had animated him up to that point. Then the man droops down, and says: "Why should I exert myself any more? I do not want power; why then should I work? I do not want life; why then should I continue to live? I do not want comfort; it gives me no

Kết quả của điều đó là sự sụp đổ, sự giảm bớt tất cả các động lực đã thúc đẩy y đến thời điểm đó. Sau đó, người đó suy sụp, và nói: "Tại sao tôi phải cố gắng nữa? Tôi không muốn quyền lực; vậy tại sao tôi phải làm việc? Tôi không muốn sống; vậy tại sao tôi phải tiếp tục sống? Tôi không muốn thoải mái; nó không mang lại

[13] Vol. I, Part I, Ch. 7: *The Four Qualifications.* Part III, Ch. 1: *The Removal of Desire.* Vol. II, pp. 56, 264-5, 314, 324

satisfaction; why then should I do anything to gain it?"

sự thỏa mãn cho tôi; vậy tại sao tôi phải làm bất cứ điều gì để đạt được nó?"

The question for us is: How may such a man be stimulated into renewed activity so that he may continue to grow and may finish his evolution; how may he be aroused from his state of collapse? Only by attracting into activity the divine life in him, that lives by giving, not by taking. He is now at the critical point in his career. If he is still to cling to the separated self his future lives will be full of weariness and disgust. Is it possible to awaken in him the desire of the true life, which consists in pouring oneself out in service, not in indrawing into selfish idleness?

Câu hỏi đối với chúng ta là: Làm thế nào để một người như vậy có thể được kích thích để hoạt động trở lại để y có thể tiếp tục phát triển và hoàn thành sự tiến hóa của mình; làm thế nào để y có thể được đánh thức khỏi trạng thái sụp đổ của mình? Chỉ bằng cách thu hút vào hoạt động sự sống thiêng liêng trong y, sống bằng cách cho đi, không phải bằng cách nhận lấy. Y hiện đang ở điểm quan trọng trong sự nghiệp của mình. Nếu y vẫn bám vào cái tôi tách biệt, cuộc sống tương lai của y sẽ đầy mệt mỏi và chán ghét. Có thể đánh thức trong y ham muốn cuộc sống thực sự, vốn bao gồm việc dâng hiến bản thân trong phụng sự, không phải là rút lui vào sự lười biếng ích kỷ?

In his present state the man is a worthless creature in the world, useless to himself and everybody else. Before he reached this condition he was a force that helped the general evolution of the world, because he was affected by those things which attract normal men and enable them to evolve. Into this condition of perfect collapse and uselessness into which he has been plunged by the loss of ordinary lower motives, there comes a special appeal—an appeal which meets him on the three points where he had lost his motive.

Trong trạng thái hiện tại của mình, người đó là một sinh vật vô giá trị trong thế giới, vô dụng cho bản thân và mọi người khác. Trước khi y đạt đến tình trạng này, y là một lực lượng giúp đỡ sự tiến hóa chung của thế giới, bởi vì y bị ảnh hưởng bởi những điều thu hút những người bình thường và cho phép họ tiến hóa. Vào tình trạng sụp đổ hoàn toàn và vô dụng này mà y đã bị đẩy vào bởi sự mất mát của các động lực thấp thông thường, có một lời kêu gọi đặc biệt—một lời kêu gọi đáp ứng y ở ba điểm mà y đã mất động lực.

It is to the man in this condition that the command comes: "Work as those work who are ambitious." That is joined to the first teaching: "Kill out ambition," that taken alone would lead to lethargy. The separated self being killed, the man has now no motive for work, so the cry comes: "Work as those work who are ambitious." Then comes the second command: "Respect life as those do who desire it," and the third: "Be happy as those who live for happiness." These are the three new commands that are to begin the new life, the

Đó là đối với người trong tình trạng này mà mệnh lệnh đến: "Làm việc như những người làm việc có tham vọng." Điều đó được kết hợp với giáo lý đầu tiên: "Tiêu diệt tham vọng," điều đó nếu được thực hiện một mình sẽ dẫn đến sự lười biếng. Cái tôi tách biệt bị tiêu diệt, người đó hiện không có động lực để làm việc, vì vậy lời kêu gọi đến: "Làm việc như những người làm việc có tham vọng." Sau đó, mệnh lệnh thứ hai đến: "Tôn trọng sự sống như những người mong muốn nó," và thứ ba: "Hãy hạnh phúc như những người sống vì hạnh

three new motives that replace the three old ones. The man is lying there as dead. The life of the form is dead. Now he has to waken up the life of the consciousness; that will be done by these three appeals. He has to begin to work again, but now it must be the spiritual man who lives and works, while the personality acts like a machine. He has to live more than ever he did before, though the desires for life, happiness and power have all been extinguished. This is the answer to his question: "Why should I work?"

phúc." Đây là ba mệnh lệnh mới để bắt đầu cuộc sống mới, ba động lực mới thay thế ba động lực cũ. Người đó đang nằm đó như đã chết. Sự sống của hình tướng đã chết. Bây giờ y phải đánh thức sự sống của tâm thức; điều đó sẽ được thực hiện bằng ba lời kêu gọi này. Y phải bắt đầu làm việc lại, nhưng bây giờ phải là người tinh thần sống và làm việc, trong khi phàm ngã hành động như một cái máy. Y phải sống nhiều hơn bao giờ hết, mặc dù những ham muốn về sự sống, hạnh phúc và quyền lực đã bị dập tắt. Đây là câu trả lời cho câu hỏi của y: "Tại sao tôi phải làm việc?"

If a man does not find the answer, he will remain in the dead condition and will grow no further. It is the point known to students of mechanics as a dead point, the point of equilibrium, in which there is no force to push him on; the higher forces have counterbalanced the lower ones and destroyed his former selfishness and ambition, but are not yet strong enough in him to send him forth full of energy and purpose in their cause. That equilibrium is not the object of evolution. What new motives can be put before the man so as to arouse him from this state and make him active? There is only one which can stir the soul from within—his identifying himself with the life of Ishvara in the world, and acting as a part of that life instead of with the desire for the fruit of action.

Nếu một người không tìm thấy câu trả lời, y sẽ vẫn ở trong tình trạng chết và sẽ không phát triển thêm. Đó là điểm được biết đến với các sinh viên cơ học như một điểm chết, điểm cân bằng, trong đó không có lực nào đẩy y tiến lên; các lực cao hơn đã cân bằng các lực thấp hơn và phá hủy sự ích kỷ và tham vọng trước đây của y, nhưng chưa đủ mạnh trong y để đưa y ra ngoài đầy năng lượng và mục đích trong sự nghiệp của chúng. Sự cân bằng đó không phải là mục tiêu của sự tiến hóa. Những động lực mới nào có thể được đặt ra trước người đó để đánh thức y khỏi trạng thái này và làm cho y hoạt động? Chỉ có một điều có thể khuấy động linh hồn từ bên trong—y đồng hóa bản thân với sự sống của Ishvara trong thế giới, và hành động như một phần của sự sống đó thay vì với ham muốn về kết quả của hành động.

There is no better commentary on this sentence than that which you will find in the third discourse of the *Bhagavad-Gita,* where reasons are given why a man should work after he has lost the common motives, the desire for the fruits of action:

Không có bình luận nào tốt hơn về câu này hơn là những gì bạn sẽ tìm thấy trong bài giảng thứ ba của Bhagavad-Gita, nơi đưa ra lý do tại sao một người nên làm việc sau khi y đã mất các động lực thông thường, ham muốn về kết quả của hành động:

But the man who rejoiceth in the Self, with the Self is satisfied, and is content in the Self, for him verily there is nothing to do;

Nhưng người vui mừng trong Chân ngã, với Chân ngã là hài lòng, và hài lòng trong Chân ngã, đối với y thực sự không có gì để làm;

For him there is no interest in things done in this world, nor any in things not done, nor doth any object of his depend on any being.

Đối với y không có lợi ích trong những điều đã làm trong thế giới này, cũng không có trong những điều chưa làm, cũng không có đối tượng nào của y phụ thuộc vào bất kỳ sinh linh nào.

Therefore, without attachment, constantly perform action which is duty, for, by performing action without attachment, man verily reacheth the Supreme.

Vì vậy, không có sự gắn bó, liên tục thực hiện hành động là nhiệm vụ, vì, bằng cách thực hiện hành động không có sự gắn bó, người thực sự đạt đến Tối Thượng.

Janaka and others indeed attained to perfection by action: then having an eye to the welfare of the world also, thou shouldst perform action.[14]

Janaka và những người khác thực sự đã đạt đến sự hoàn thiện bằng hành động: sau đó có một cái nhìn đến phúc lợi của thế giới cũng vậy, bạn nên thực hiện hành động.

That which is described here is a still higher stage than that of the man of whom we are now thinking. We have been considering only the beginning of that Path which leads to this full realization of the Self. But the motive which is given here applies to him; he has realized the emptiness of the non-self, and is in a position to respond to the appeal of the one Self. He is prepared to work with the motive of benefit to the world. Such a man may now think of trying to gain spiritual knowledge not in order that he himself may thereby become wise and great, but because it will help the world; he is gradually making that his object—something outside his own individual self.

Điều được mô tả ở đây là một giai đoạn cao hơn so với người mà chúng ta đang nghĩ đến. Chúng ta đã xem xét chỉ là sự khởi đầu của Con Đường dẫn đến sự nhận thức đầy đủ về Chân ngã này. Nhưng động lực được đưa ra ở đây áp dụng cho y; y đã nhận ra sự trống rỗng của cái không phải là Chân ngã, và đang ở vị trí để đáp ứng lời kêu gọi của Chân ngã duy nhất. Y sẵn sàng làm việc với động lực vì lợi ích của thế giới. Một người như vậy bây giờ có thể nghĩ đến việc cố gắng đạt được tri thức tinh thần không phải để y tự mình trở nên khôn ngoan và vĩ đại, mà vì nó sẽ giúp ích cho thế giới; y đang dần dần làm cho điều đó trở thành mục tiêu của mình—một điều gì đó bên ngoài cái tôi cá nhân của mình.

Finally he will drop that motive of lofty desire also, and only wish that he may be an organ of the higher, and may do that which Ishvara wishes. Then he will learn that he is not even to desire spiritual knowledge, nor even to become a Master, but simply to become an instrument for the higher Life. Thus being active as they who are ambitious, but with the motive of being a channel for the higher Life,

Cuối cùng, y sẽ từ bỏ cả động cơ của khát vọng cao cả, và chỉ mong muốn trở thành một cơ quan của cái cao hơn, và có thể làm điều mà Ishvara mong muốn. Sau đó, y sẽ học rằng y không nên khao khát tri thức tinh thần, cũng không nên trở thành một Chân sư, mà chỉ đơn giản là trở thành một công cụ cho Sự sống cao hơn. Như vậy, hoạt động như những người có tham vọng, nhưng với động cơ là trở thành

[14] *Op, cit.*, iii, 17-20.

the man will get rid of the last vestiges of ambition. His energy is now merged in the Will of the Logos; that becomes the motive for his working.

một kênh cho Sự sống cao hơn, người đó sẽ loại bỏ những dấu vết cuối cùng của tham vọng. Năng lượng của y giờ đây hòa nhập vào Ý Chí của Thượng đế; đó trở thành động cơ cho công việc của y.

In the verses of the *Gita* quoted above Shri Krishna explains how a. man should work in order to reach the Supreme, to realize the presence and power of the Divine. Then He goes on to show that such attainment and realization lead to fuller activity than any ever known before. He explains that it is the active work of Ishvara that sustains everything:

Trong các câu thơ của Gita được trích dẫn ở trên, Shri Krishna giải thích cách một người nên làm việc để đạt đến Tối Thượng, để nhận ra sự hiện diện và quyền năng của Thượng đế. Sau đó, Ngài tiếp tục chỉ ra rằng sự đạt được và nhận thức như vậy dẫn đến hoạt động đầy đủ hơn bất kỳ điều gì từng được biết trước đây. Ngài giải thích rằng đó là công việc tích cực của Ishvara duy trì mọi thứ:

There is nothing in the three worlds, O Partha, that should be done by Me, nor anything unattained that might be attained; yet I mingle in action.

Không có gì trong ba cõi, hỡi Partha, mà Ta phải làm, cũng không có gì chưa đạt được mà có thể đạt được; nhưng Ta vẫn hòa mình vào hành động.

For if I mingled not ever in action unwearied, men all around would follow My path, O son of Pritha.

Vì nếu Ta không bao giờ hòa mình vào hành động không mệt mỏi, mọi người xung quanh sẽ theo con đường của Ta, hỡi con của Pritha.

These worlds would fall into ruin, if I did not perform action.[15]

Những thế giới này sẽ rơi vào đổ nát, nếu Ta không thực hiện hành động.

He works for the welfare of the world, for the turning of the wheel of the universe, and the sole motive of His activity is that the world may grow and develop till the cycle is completed.

Ngài làm việc vì phúc lợi của thế giới, vì sự quay của bánh xe vũ trụ, và động cơ duy nhất của hoạt động của Ngài là để thế giới có thể phát triển và tiến hóa cho đến khi chu kỳ hoàn tất.

Shri Krishna then goes on to show the reasons for which a man should work—for the benefit and maintenance of the world and of mankind. No longer identifying himself with the separated forms, he has to identify himself with the one Life which is carrying on separated lives in order to bring them to perfection. Thus identifying himself with the

Shri Krishna sau đó tiếp tục chỉ ra những lý do mà một người nên làm việc—vì lợi ích và sự duy trì của thế giới và nhân loại. Không còn đồng hóa mình với các hình tướng tách biệt, y phải đồng hóa mình với Sự sống duy nhất đang tiếp tục các sự sống tách biệt để đưa chúng đến sự hoàn thiện. Như vậy, đồng hóa mình với Sự sống duy nhất, y nên làm việc

[15] *Ibid.*, iii, 22-24.

one Life he should work entirely for the welfare and maintenance of his fellows and of the whole world—that everything moving and unmoving may reach its appointed end, may become that which is in the thought of Ishvara, although in manifested life they have not reached that point. The whole universe of Ishvara exists perfect in His thought, and gradually in many stages He works that thought out in matter. Those who realize this as part of His life must work as He works for the complete manifestation of that thought, that is, in order to turn the wheel of life till the turning is complete.

hoàn toàn vì phúc lợi và sự duy trì của đồng loại và của toàn thế giới—để mọi thứ di động và bất động có thể đạt đến mục đích đã định, có thể trở thành điều trong tư tưởng của Ishvara, mặc dù trong cuộc sống biểu hiện chúng chưa đạt đến điểm đó. Toàn bộ vũ trụ của Ishvara tồn tại hoàn hảo trong tư tưởng của Ngài, và dần dần qua nhiều giai đoạn Ngài thực hiện tư tưởng đó trong vật chất. Những ai nhận ra điều này như một phần của cuộc sống của Ngài phải làm việc như Ngài làm việc để hoàn toàn biểu hiện tư tưởng đó, tức là, để quay bánh xe sự sống cho đến khi sự quay hoàn tất.

It does not follow necessarily that the man who has this true and spiritual motive believes in God or thinks about Him. But in any case he feels and responds to the divine Life in the world, and serves it with utter devotion. Such, for example, was the case with my old friend Charles Bradlaugh, who did not believe in God as understood in his time, but was nevertheless always ready to face suffering and danger, to lay his own body in the ditch if it could thus be useful as a bridge over which others might walk to a higher life.

Không nhất thiết rằng người có động cơ chân thật và tinh thần này tin vào Thượng đế hoặc nghĩ về Ngài. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, y cảm nhận và đáp ứng với Sự sống thiêng liêng trong thế giới, và phụng sự nó với sự tận tụy tuyệt đối. Ví dụ, đó là trường hợp của người bạn cũ của tôi, Charles Bradlaugh, người không tin vào Thượng đế như được hiểu trong thời của ông, nhưng vẫn luôn sẵn sàng đối mặt với đau khổ và nguy hiểm, đặt thân mình vào rãnh nếu điều đó có thể hữu ích như một cây cầu để người khác có thể bước qua đến một cuộc sống cao hơn.

Yet those who have thus felt the Will of Ishvara so that it has become their motive in life must not, unsettle the minds of others who are not yet able to feel this and are acting from desire. Shri Krishna goes on to say:

Tuy nhiên, những người đã cảm nhận được Ý Chí của Ishvara đến mức nó trở thành động cơ trong cuộc sống của họ không được làm xáo trộn tâm trí của những người khác chưa thể cảm nhận điều này và đang hành động từ khát vọng. Shri Krishna tiếp tục nói:

As the ignorant act from attachment to action, O Bharata, so should the wise act without attachment, desiring the welfare of the world.

Như những người vô minh hành động từ sự gắn bó với hành động, hỡi Bharata, thì người khôn ngoan cũng nên hành động mà không gắn bó, mong muốn phúc lợi của thế giới.

Let no wise man unsettle the mind of ignorant people attached to action; but acting in harmony with Me let him render all action

Đừng để người khôn ngoan làm xáo trộn tâm trí của những người vô minh gắn bó với hành động; nhưng hành động hài hòa với Ta, hãy

attractive.[16]

làm cho mọi hành động trở nên hấp dẫn.

The spiritual man must throw himself into the work of the world and set an example, because the standard which is set up by the wise will be followed by others. A man who is looked up to by the mass of the people sets a standard by which activity will be carried on by the others; if he becomes indifferent to action they will also fall into indifference. Though his indifference may come from a higher motive they do not know that, and it is quite a natural thing for them to mistake his motive. In them indifference would grow out of tamas, and that would prevent their further evolution.

Người tinh thần phải dấn thân vào công việc của thế giới và làm gương, vì tiêu chuẩn được thiết lập bởi người khôn ngoan sẽ được người khác noi theo. Một người được ngưỡng mộ bởi đám đông thiết lập một tiêu chuẩn mà theo đó hoạt động sẽ được thực hiện bởi những người khác; nếu y trở nên thờ ơ với hành động, họ cũng sẽ rơi vào thờ ơ. Mặc dù sự thờ ơ của y có thể đến từ một động cơ cao hơn, họ không biết điều đó, và rất tự nhiên họ sẽ nhầm lẫn động cơ của y. Trong họ, sự thờ ơ sẽ phát triển từ tamas, và điều đó sẽ ngăn cản sự tiến hóa tiếp theo của họ.

A man might say: “I don’t want results here or in swarga. Why then should I try to help other people along the road which leads to those enjoyments; why should I try to make them active on those lines that I deem to be useless, that they may gain what is worthless? Why should I throw my activity on the side of giving that which is undesirable?” The answer is perfectly clear. Those fruits of action are absolutely necessary for the mass of the people. Unless they desire these pleasures of the world, these comforts and ambitions, these things which move them to action, their evolution will be stopped. If they do not want enjoyment here, then swarga may be their motive. Somehow they must be encouraged to move, grow, evolve. If you persuade them that these things are useless they will not evolve.

Một người có thể nói: "Tôi không muốn kết quả ở đây hay trong swarga. Vậy tại sao tôi nên cố gắng giúp đỡ người khác trên con đường dẫn đến những hưởng thụ đó; tại sao tôi nên cố gắng làm cho họ hoạt động trên những dòng mà tôi cho là vô ích, để họ có thể đạt được điều vô giá trị? Tại sao tôi nên ném hoạt động của mình vào việc cho đi điều không mong muốn?" Câu trả lời hoàn toàn rõ ràng. Những trái của hành động đó là hoàn toàn cần thiết cho đám đông. Trừ khi họ khao khát những thú vui của thế giới này, những tiện nghi và tham vọng này, những điều này thúc đẩy họ hành động, sự tiến hóa của họ sẽ bị dừng lại. Nếu họ không muốn hưởng thụ ở đây, thì swarga có thể là động cơ của họ. Bằng cách nào đó, họ phải được khuyến khích để di chuyển, phát triển, tiến hóa. Nếu bạn thuyết phục họ rằng những điều này là vô ích, họ sẽ không tiến hóa.

It is therefore important for the evolution of mankind that an example should be set of work done thoroughly and perfectly well. It is never done perfectly well while we are men

Do đó, điều quan trọng cho sự tiến hóa của nhân loại là một ví dụ nên được thiết lập về công việc được thực hiện một cách kỹ lưỡng và hoàn hảo. Nó không bao giờ được thực hiện

[16] *Ibid.*, iii, 25-26.

working from desire. Though in that case the man may show an admirable example of energy and perseverance there will be the taint of selfishness in his work, which will make his example imperfect. He may work with great accuracy, but he is working for himself. He is not really doing his best, because he is not thinking entirely of the work, but partly of a result for himself.

hoàn hảo khi chúng ta là những người làm việc từ khát vọng. Mặc dù trong trường hợp đó, người đó có thể cho thấy một ví dụ đáng ngưỡng mộ về năng lượng và sự kiên trì, sẽ có vết nhơ của sự ích kỷ trong công việc của y, điều này sẽ làm cho ví dụ của y không hoàn hảo. Y có thể làm việc với độ chính xác cao, nhưng y đang làm việc cho bản thân. Y không thực sự làm hết sức mình, vì y không hoàn toàn nghĩ về công việc, mà một phần là về kết quả cho bản thân.

The Lord works perfectly so that the world may go on. We should, then, work in the same spirit. We must work better than the best worldly man, because our motive is that of service to God and man, and not our own gain. We will work for the cause of humanity. We will not run about to find activity for the sake of being active. Many men work thus for the enjoyment of action, because unless they are busy they do not feel alive, but are bored. That condition is one very far removed from the man who is content in the Self. He is never bored, never searching for an outlet in activity.

Chúa làm việc hoàn hảo để thế giới có thể tiếp tục. Chúng ta nên làm việc với cùng tinh thần. Chúng ta phải làm việc tốt hơn người thế gian tốt nhất, vì động cơ của chúng ta là phụng sự Thượng đế và nhân loại, chứ không phải lợi ích của riêng mình. Chúng ta sẽ làm việc vì sự nghiệp của nhân loại. Chúng ta sẽ không chạy quanh để tìm kiếm hoạt động chỉ để hoạt động. Nhiều người làm việc như vậy vì sự hưởng thụ của hành động, vì trừ khi họ bận rộn, họ không cảm thấy sống động, mà cảm thấy chán nản. Tình trạng đó rất xa với người hài lòng trong Chân ngã. Y không bao giờ chán nản, không bao giờ tìm kiếm một lối thoát trong hoạt động.

He works because it is his duty, and has no desire for activity when there is no duty. Thus he realizes inaction in action. In the fourth discourse of the *Gita,* Shri Krishna remarks on action, wrong action and inaction:

Y làm việc vì đó là bổn phận của y, và không có khát vọng hoạt động khi không có bổn phận. Như vậy, y nhận ra sự không hành động trong hành động. Trong bài giảng thứ tư của Gita, Shri Krishna nhận xét về hành động, hành động sai và không hành động:

"What is action, what inaction?" Even the wise are herein perplexed. Therefore I will declare to thee the action by knowing which thou shalt be loosed from evil.

"Hành động là gì, không hành động là gì?" Ngay cả người khôn ngoan cũng bối rối về điều này. Vì vậy, Ta sẽ tuyên bố cho ngươi hành động mà khi biết ngươi sẽ được giải thoát khỏi điều ác.

It is needful to discriminate action, to discriminate unlawful action, and to discriminate inaction; mysterious, is the path

Cần phải phân biệt hành động, phân biệt hành động bất hợp pháp, và phân biệt không hành động; con đường của hành động là bí ẩn.

of action.

He who seeth inaction in action, and action in inaction, he is wise among men, he is harmonious even while performing all action.[17]

Người thấy không hành động trong hành động, và hành động trong không hành động, y là người khôn ngoan trong nhân loại, y hài hòa ngay cả khi thực hiện mọi hành động.

Even the wise people are confused, it is said, as to the limits of each of these things. The right action is duty, that in which the man is expressing the life of Ishvara *in his own place.* In that he is to be a channel or agency, working with the knowledge, accuracy and completeness that the man who is not ambitious shows. If you take his work and put it beside that of the man who is ambitious you will see that it is equally well, nay, even better done, because it is done with absolute self-surrender and perfect balance.

Ngay cả những người khôn ngoan cũng bối rối, được nói rằng, về giới hạn của mỗi điều này. Hành động đúng là bổn phận, trong đó người đó đang biểu hiện sự sống của Ishvara ở vị trí của mình. Trong đó, y phải là một kênh hoặc cơ quan, làm việc với kiến thức, độ chính xác và sự hoàn thiện mà người không tham vọng thể hiện. Nếu bạn lấy công việc của y và đặt nó bên cạnh công việc của người tham vọng, bạn sẽ thấy rằng nó được thực hiện tốt như nhau, thậm chí còn tốt hơn, vì nó được thực hiện với sự tự nguyện hoàn toàn và cân bằng hoàn hảo.

If you find a man who is not working in that way, having lost desire for the fruit of action, but who is doing less than he ought to do, is working with less energy, less interest and less punctuality because he has no longer personal motives, then you see one who has not learned the duty of action before he took to inaction. It was said to me regarding certain people: "These men are beginning inaction before they have done action—by intellectual recognition of the worthlessness of the fruit of action before they have reached the point where they could work unselfishly. They are neither good men of the world, as they have stopped doing that, nor are they spiritual men throwing their energy into the evolution of mankind."

Nếu bạn tìm thấy một người không làm việc theo cách đó, đã mất khát vọng về trái của hành động, nhưng đang làm ít hơn những gì y nên làm, đang làm việc với ít năng lượng, ít quan tâm và ít đúng giờ hơn vì y không còn động cơ cá nhân, thì bạn thấy một người chưa học được bổn phận của hành động trước khi y chuyển sang không hành động. Đã có người nói với tôi về một số người: "Những người này đang bắt đầu không hành động trước khi họ đã thực hiện hành động—bằng sự nhận thức trí tuệ về sự vô giá trị của trái của hành động trước khi họ đạt đến điểm mà họ có thể làm việc không ích kỷ. Họ không phải là những người tốt của thế giới, vì họ đã ngừng làm điều đó, cũng không phải là những người tinh thần ném năng lượng của họ vào sự tiến hóa của nhân loại."

There are two lives which a man may live who has reached the condition where the fruit of action does not affect him. He may retire to

Có hai cuộc sống mà một người có thể sống khi đã đạt đến trạng thái mà trái của hành động không ảnh hưởng đến y. Y có thể rút lui vào

[17] *Ibid.,* iv, 16-18.

the jungle to live in seclusion or he may be busy amid the affairs of men.[18] If he is sufficiently evolved to work energetically in the mental or in the spiritual plane, that life of physical inaction may be the best; that man is helping the world much more than he could do amid the bustle of the world. Yet such a man will often be sent back by his Master to lead his last life in the world. He will then live a life untainted by action, will show in the world the example of true action, will lead a life of perfect activity with all the energy that the most ambitious man can show.

rừng để sống ẩn dật hoặc y có thể bận rộn giữa những công việc của con người. Nếu y đủ tiến hóa để làm việc năng động trong cõi trí tuệ hoặc trong cõi tinh thần, cuộc sống không hành động thể xác đó có thể là tốt nhất; người đó đang giúp đỡ thế giới nhiều hơn so với khi y có thể làm giữa sự ồn ào của thế giới. Tuy nhiên, một người như vậy thường sẽ được Chân sư gửi trở lại để sống cuộc sống cuối cùng của mình trong thế giới. Y sẽ sống một cuộc sống không bị ô nhiễm bởi hành động, sẽ cho thấy trong thế giới ví dụ về hành động chân thật, sẽ dẫn dắt một cuộc sống hoạt động hoàn hảo với tất cả năng lượng mà người tham vọng nhất có thể thể hiện.

When a man is living the spiritual life in the world it is not possible usually to tell by external means whether he is moved by desire or by duty. But there is one test which never fails by which one may always judge one's own motive. How are you affected when the fruit of action is before you? If the slightest element of ambition enters into a man's work he will show disappointment if it fails or elation if it succeeds. If there is no suffering for him in his failure, no element of personality has entered into his work; for if he has been working because Ishvara works, for the welfare of mankind, he will know his failure is not the failure of Ishvara, but that the failure is part of His Plan. From the standpoint of Ishvara failure is impossible, and often in human life failure is quite as necessary for ultimate success as success is necessary for ultimate success. His people may be sent sometimes to play the part of the failure so as to become stronger, to realize that where there is failure there is also success.

Khi một người đang sống cuộc sống tinh thần trong thế giới, thường không thể nhận biết bằng phương tiện bên ngoài liệu y bị thúc đẩy bởi khát vọng hay bởi bổn phận. Nhưng có một thử nghiệm không bao giờ thất bại mà qua đó một người có thể luôn đánh giá động cơ của mình. Bạn bị ảnh hưởng như thế nào khi trái của hành động ở trước mặt bạn? Nếu yếu tố nhỏ nhất của tham vọng xâm nhập vào công việc của một người, y sẽ thể hiện sự thất vọng nếu nó thất bại hoặc sự phấn khích nếu nó thành công. Nếu không có sự đau khổ nào cho y trong thất bại của mình, không có yếu tố phàm ngã nào đã xâm nhập vào công việc của y; vì nếu y đã làm việc vì Ishvara làm việc, vì phúc lợi của nhân loại, y sẽ biết rằng thất bại của y không phải là thất bại của Ishvara, mà thất bại là một phần của Thiên Cơ của Ngài. Từ quan điểm của Ishvara, thất bại là không thể, và thường trong cuộc sống con người, thất bại cần thiết cho thành công cuối cùng cũng như thành công cần thiết cho thành công cuối cùng. Những người của Ngài có thể được gửi đôi khi để đóng vai trò của sự thất bại để trở nên mạnh mẽ hơn, để nhận ra rằng nơi có thất

[18] Vol. I, Part V, Ch. 2: *Love in Daily Life.* Ch. 6: *Service*

bại cũng có thành công.

Whether a man is really working as part of His Life will be shown by his perfect contentment whether he succeeds or fails. If that contentment is perfect, without a shadow of dissatisfaction, he has been working absolutely for the maintenance of mankind; then the work does not bind him and he has solved the problem of inaction in the midst of action. He has learned the use of the vehicles and the gunas, without identifying himself with them. In ordinary cases the gunas work the man, but the man on the Path works the gunas. Most men are carried about by the energies of nature; they work as those energies are active. But the man on the Path takes those energies as instruments of labour and, standing behind them, utilizes them. The ambitious man is driven by the gunas when he thinks that he is working, but the man who has transcended them is directing them along the road of evolution traced by Ishvara, and does not identify himself with them. This is thus taught in the *Gita:*

Liệu một người thực sự đang làm việc như một phần của Sự sống của Ngài sẽ được thể hiện qua sự hài lòng hoàn hảo của y dù thành công hay thất bại. Nếu sự hài lòng đó là hoàn hảo, không có bóng dáng của sự không hài lòng, y đã làm việc hoàn toàn vì sự duy trì của nhân loại; khi đó công việc không ràng buộc y và y đã giải quyết được vấn đề của không hành động trong giữa hành động. Y đã học được cách sử dụng các vận cụ và các guna, mà không đồng hóa mình với chúng. Trong các trường hợp thông thường, các guna làm việc người, nhưng người trên Thánh Đạo làm việc các guna. Hầu hết mọi người bị cuốn theo bởi các năng lượng của tự nhiên; họ làm việc khi những năng lượng đó hoạt động. Nhưng người trên Thánh Đạo lấy những năng lượng đó làm công cụ lao động và, đứng sau chúng, sử dụng chúng. Người tham vọng bị thúc đẩy bởi các guna khi y nghĩ rằng y đang làm việc, nhưng người đã vượt qua chúng đang chỉ đạo chúng dọc theo con đường tiến hóa được vạch ra bởi Ishvara, và không đồng hóa mình với chúng. Điều này được dạy trong Gita:

Having abandoned attachment to the fruit of action, always content, nowhere seeking refuge, he is not doing anything, although doing actions.

Đã từ bỏ sự gắn bó với trái của hành động, luôn hài lòng, không tìm kiếm nơi nương tựa, y không làm gì cả, mặc dù đang làm hành động.

Hoping for naught, his mind and self controlled, having abandoned all greed, performing action by the body alone, he doth not commit sin.

Không hy vọng gì, tâm trí và bản thân được kiểm soát, đã từ bỏ mọi tham lam, thực hiện hành động chỉ bằng cơ thể, y không phạm tội.

Content with whatsoever he obtaineth without effort, free from the pairs of opposites, without envy, balanced in success and failure, though acting he is not bound.

Hài lòng với bất cứ điều gì y đạt được mà không cần nỗ lực, thoát khỏi các cặp đối lập, không ghen tị, cân bằng trong thành công và thất bại, mặc dù hành động y không bị ràng buộc.

Of one with attachment dead, harmonious, with his thoughts established in wisdom, his works sacrifices, all action melts away.[19]

Của một người với sự gắn bó đã chết, hài hòa, với suy nghĩ được thiết lập trong minh triết, công việc của y là sự hy sinh, mọi hành động

tan biến.

So the man who finds himself at the point of balance, of indifference, must discover some means to increase the higher influences within himself, so that these may spur him into this life of spiritual action. He must use meditation; he must try to utilize whatever emotion he may possess; he must deliberately take every opportunity of service. He must move even without the desire to move, and even against the desire not to move. He *must* move. If he can find anyone for whom he has reverence, whose example inspires him to activity, that will be a great help to his getting over this transitional stage, where otherwise he might drop out of evolution for the time being. If the desire to please someone whom he admires should arise in his mind, he may use that to urge himself on until he is in a position to feel the impelling force of Ishvara's Life, and thus use the emotion to carry him over and out of his condition of collapse.

Vì vậy, người tìm thấy mình ở điểm cân bằng, của sự thờ ơ, phải tìm ra một số phương tiện để tăng cường các ảnh hưởng cao hơn trong bản thân, để những điều này có thể thúc đẩy y vào cuộc sống hành động tinh thần này. Y phải sử dụng tham thiền; y phải cố gắng sử dụng bất kỳ cảm xúc nào mà y có thể sở hữu; y phải cố ý nắm bắt mọi cơ hội phụng sự. Y phải di chuyển ngay cả khi không có khát vọng di chuyển, và thậm chí chống lại khát vọng không di chuyển. Y phải di chuyển. Nếu y có thể tìm thấy ai đó mà y tôn kính, người mà ví dụ truyền cảm hứng cho y hoạt động, điều đó sẽ là một sự giúp đỡ lớn để y vượt qua giai đoạn chuyển tiếp này, nơi mà nếu không y có thể rơi ra khỏi tiến hóa trong thời gian hiện tại. Nếu khát vọng làm hài lòng ai đó mà y ngưỡng mộ nảy sinh trong tâm trí y, y có thể sử dụng điều đó để thúc đẩy bản thân cho đến khi y ở vị trí cảm nhận được lực thúc đẩy của Sự sống của Ishvara, và do đó sử dụng cảm xúc để vượt qua và thoát khỏi tình trạng suy sụp của mình.

C.W.L.—Having put aside ambition for himself the man is then told to work as those work who are ambitious. There are usually three stages through which men pass. There is, first of all, the work for worldly result. Then comes the stage when the man begins to work, still for a result, but for a heavenly result. That is put very much before us by the different churches. We are to give up this world to live for ever in heaven; we shall stand nearest to God's throne, and so on. Most people pass through these two stages of working first for the worldly result and then for the heavenly result. Some of them somewhat improve upon that second idea, because they work in order to please their Deity. Many Christians, for example, work for the love of Jesus, and that is

C.W.L.—Sau khi từ bỏ tham vọng cho bản thân, người đó được bảo làm việc như những người làm việc có tham vọng. Thường có ba giai đoạn mà con người trải qua. Đầu tiên là làm việc vì kết quả thế gian. Sau đó đến giai đoạn khi người đó bắt đầu làm việc, vẫn vì một kết quả, nhưng vì một kết quả thiên đàng. Điều đó được đặt ra rất nhiều trước chúng ta bởi các nhà thờ khác nhau. Chúng ta phải từ bỏ thế giới này để sống mãi mãi trên thiên đàng; chúng ta sẽ đứng gần ngai của Thượng đế, và vân vân. Hầu hết mọi người trải qua hai giai đoạn này, làm việc đầu tiên vì kết quả thế gian và sau đó vì kết quả thiên đàng. Một số trong số họ cải thiện phần nào ý tưởng thứ hai đó, vì họ làm việc để làm hài lòng Thượng đế của họ. Nhiều người Kitô hữu, chẳng hạn, làm việc vì

[19] *Op. cit.*, iv, 20-23.

admirable because it is unselfish; it is a higher stage than to work for a personal result, even though it be a heavenly one.

tình yêu của Đức Jesus, và điều đó đáng ngưỡng mộ vì nó không ích kỷ; đó là một giai đoạn cao hơn so với làm việc vì một kết quả cá nhân, ngay cả khi đó là một kết quả thiên đàng.

There is still a higher stage, that of doing the work for the work's sake, but most people do not understand that yet. Many artists do; there are artists who work for the sake of art in whatever their line may be. As one great poet said: "I do but sing because I must." He meant that he must express that which came through him as a message to the world. Another, feeling the same thing, said that he valued his poems not because they were his own, but because they were not. So there are some who work for the sake of art—not for themselves or for their own renown, not to please other people, not even to please God as that idea would be commonly understood, but because they feel the message coming through them and they must give it. That is a high stage to have attained.

Có một giai đoạn cao hơn nữa, đó là làm công việc vì công việc, nhưng hầu hết mọi người chưa hiểu điều đó. Nhiều nghệ sĩ thì có; có những nghệ sĩ làm việc vì nghệ thuật trong bất kỳ lĩnh vực nào của họ. Như một nhà thơ vĩ đại đã nói: "Tôi chỉ hát vì tôi phải." Ông có ý rằng ông phải biểu đạt điều đến qua ông như một thông điệp cho thế giới. Một người khác, cảm nhận điều tương tự, nói rằng ông đánh giá cao những bài thơ của mình không phải vì chúng là của ông, mà vì chúng không phải. Vì vậy, có một số người làm việc vì nghệ thuật—không phải vì bản thân họ hay vì danh tiếng của họ, không phải để làm hài lòng người khác, thậm chí không phải để làm hài lòng Thượng đế như ý tưởng đó thường được hiểu, mà vì họ cảm nhận thông điệp đến qua họ và họ phải truyền đạt nó. Đó là một giai đoạn cao để đạt được.

Then there is the highest stage of all, when a man works because he is part of the Deity and as part of Him he desires the fulfilment of the divine Plan. People sometimes delude themselves and think they are working for that when they have still a considerable flavour of the lower ideas about them. We can always test ourselves with regard to that—best, perhaps, when we happen to fail, which occurs at times to all of us. As our great President has often explained, if we are really working definitely and knowingly as part of the Deity, as part of the whole, we are not in the least disturbed by any failure that comes to us, because we know that God cannot fail. If for the time being a certain activity appears to be a failure, *that* is in the scheme and so is a necessary thing, and therefore is not really a failure. Nothing can be a failure from His

Sau đó, có giai đoạn cao nhất, khi một người làm việc vì y là một phần của Thượng đế và như một phần của Ngài, y mong muốn sự hoàn thành của Thiên Cơ. Đôi khi mọi người tự lừa dối mình và nghĩ rằng họ đang làm việc vì điều đó khi họ vẫn còn một hương vị đáng kể của những ý tưởng thấp hơn xung quanh họ. Chúng ta luôn có thể kiểm tra bản thân về điều đó—tốt nhất, có lẽ, khi chúng ta tình cờ thất bại, điều xảy ra đôi khi với tất cả chúng ta. Như vị Chủ tịch vĩ đại của chúng ta đã thường giải thích, nếu chúng ta thực sự làm việc một cách rõ ràng và có ý thức như một phần của Thượng đế, như một phần của toàn thể, chúng ta không bị xáo trộn chút nào bởi bất kỳ thất bại nào đến với chúng ta, vì chúng ta biết rằng Thượng đế không thể thất bại. Nếu trong thời gian hiện tại một hoạt động nhất định dường như là một thất bại, điều đó nằm trong kế

point of view, so we are not in the least distressed. The only question would be as to whether it was our fault; but if we have done our best and the thing is still a failure, we know that all is well.

hoạch và do đó là một điều cần thiết, và do đó không thực sự là một thất bại. Không có gì có thể là một thất bại từ quan điểm của Ngài, vì vậy chúng ta không bị xáo trộn chút nào. Câu hỏi duy nhất sẽ là liệu đó có phải là lỗi của chúng ta hay không; nhưng nếu chúng ta đã làm hết sức mình và điều đó vẫn là một thất bại, chúng ta biết rằng mọi thứ đều ổn.

Such considerations as these must not, however, cause us to become negligent or indifferent to time. It is part of our work to convert others from the doctrine of inertia to the path of service, and even one such gain means that some distinct advantage has been achieved for the world. Whatever is, is best certainly, but only when we have done our best. If there is anybody who has failed to do his best in his share of that work, then whatever is, is not best, because it might have been better. It is only when we have done absolutely all, that we have the right to take refuge in that. “Well, I have done everything I can. If after all I am not successful, I bow to a higher power than mine.” I am very sure that that which has been done is after all not lost, and whatever happens to all these people in the end is really what is best for them.

Những cân nhắc như vậy không được, tuy nhiên, khiến chúng ta trở nên cẩu thả hoặc thờ ơ với thời gian. Đó là một phần công việc của chúng ta để chuyển đổi người khác từ giáo lý của sự trì trệ sang con đường phụng sự, và ngay cả một sự đạt được như vậy có nghĩa là một lợi ích rõ ràng đã đạt được cho thế giới. Bất cứ điều gì là, chắc chắn là tốt nhất, nhưng chỉ khi chúng ta đã làm hết sức mình. Nếu có ai đó đã không làm hết sức mình trong phần công việc đó, thì bất cứ điều gì là, không phải là tốt nhất, vì nó có thể đã tốt hơn. Chỉ khi chúng ta đã làm hoàn toàn tất cả, chúng ta mới có quyền tìm nơi nương tựa trong điều đó. "Vâng, tôi đã làm mọi thứ tôi có thể. Nếu sau tất cả tôi không thành công, tôi cúi đầu trước một quyền lực cao hơn của tôi." Tôi rất chắc chắn rằng điều đã được thực hiện sau tất cả không bị mất, và bất cứ điều gì xảy ra với tất cả những người này cuối cùng thực sự là điều tốt nhất cho họ.

It may be only an illusion but it is a very powerful one—that high philosophical view that whether you get anything now or in a million years does not matter. I feel it matters to me; therefore I think it must matter to other people, and if we could get them to take the earlier opportunity of advancing, we should be doing a very great thing for them. What difference it makes in the long run to the Logos in whom all this is moving, I cannot tell, but it is very likely His wish that we should evolve and if He wishes that to be done, then also He must wish that it should be done as soon as may be. We are clearly carrying out

Nó có thể chỉ là một ảo tưởng nhưng đó là một ảo tưởng rất mạnh mẽ—quan điểm triết học cao rằng liệu bạn có được điều gì đó bây giờ hay trong một triệu năm không quan trọng. Tôi cảm thấy nó quan trọng với tôi; do đó tôi nghĩ nó phải quan trọng với người khác, và nếu chúng ta có thể khiến họ nắm lấy cơ hội sớm hơn để tiến bộ, chúng ta sẽ làm một điều rất lớn cho họ. Sự khác biệt mà nó tạo ra trong dài hạn đối với Thượng đế trong đó tất cả điều này đang diễn ra, tôi không thể nói, nhưng rất có thể Ngài mong muốn chúng ta tiến hóa và nếu Ngài mong muốn điều đó được thực hiện, thì Ngài cũng phải mong muốn điều đó được thực

His will if we try to press onward along the Path which leads to full unity with Him, and if we help others along that Path, so I cannot sea that it is all the same whether people enter the stream in this world period, or this chain period, or wait till the next. I shall do all I can to help people to enter it in this one.

hiện càng sớm càng tốt. Chúng ta rõ ràng đang thực hiện ý chí của Ngài nếu chúng ta cố gắng tiến lên trên Thánh Đạo dẫn đến sự hợp nhất hoàn toàn với Ngài, và nếu chúng ta giúp đỡ người khác trên Thánh Đạo đó, vì vậy tôi không thể thấy rằng tất cả đều giống nhau liệu mọi người có nhập dòng trong thời kỳ thế giới này, hoặc thời kỳ dãy này, hay chờ đợi đến lần sau. Tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể để giúp mọi người nhập dòng trong thời kỳ này.

Perhaps another test would be as to whether we are willing to take *any* work that is His work—whether we are willing to help high and low alike. To Him there is neither high nor low in the matter of progress, though some part of His scheme may be at a higher and another part at a lower point in that progress. It is very much like the turning of a wheel; some part of it is approaching the top as it turns, but all of it alike is moving along as the wheel turns. Our work is to help the whole forward, to push any part of the wheel. The life at all levels is the divine life; it is more unfolded at some stages than at others—more unfolded in the human than in the animal, in the animal than in the vegetable, in the vegetable than in the mineral—but the life is the divine life everywhere, and if we are helping forward any part of that we are helping the divine plan. That which is higher or lower is the form in which the life is cast; the form permits- of greater or lesser unfoldment, but the life is one life. That certainly must be part of His point of view, which is very different from our outlook—the idea that all life is in reality the same; there is no high nor low from that point of view, because the whole is moving together. That does not alter the fact that there may be some in whom the life is more unfolded, who are capable of giving greater assistance, and others who may be capable only of a lower grade of assistance; the point is that those who

Có lẽ một thử nghiệm khác sẽ là liệu chúng ta có sẵn lòng đảm nhận bất kỳ công việc nào là công việc của Ngài—liệu chúng ta có sẵn lòng giúp đỡ cả cao và thấp như nhau. Đối với Ngài, không có cao hay thấp trong vấn đề tiến bộ, mặc dù một phần của kế hoạch của Ngài có thể ở điểm cao hơn và một phần khác ở điểm thấp hơn trong tiến trình đó. Nó rất giống như sự quay của một bánh xe; một phần của nó đang tiến gần đến đỉnh khi nó quay, nhưng tất cả đều đang di chuyển cùng nhau khi bánh xe quay. Công việc của chúng ta là giúp toàn bộ tiến lên, đẩy bất kỳ phần nào của bánh xe. Sự sống ở mọi cấp độ là sự sống thiêng liêng; nó được phát triển hơn ở một số giai đoạn so với những giai đoạn khác—phát triển hơn ở con người so với động vật, ở động vật so với thực vật, ở thực vật so với khoáng vật—nhưng sự sống là sự sống thiêng liêng ở khắp mọi nơi, và nếu chúng ta đang giúp đỡ bất kỳ phần nào của điều đó, chúng ta đang giúp đỡ kế hoạch thiêng liêng. Cái cao hay thấp là hình thức trong đó sự sống được đúc; hình thức cho phép sự phát triển lớn hơn hoặc nhỏ hơn, nhưng sự sống là một sự sống. Điều đó chắc chắn phải là một phần của quan điểm của Ngài, rất khác biệt với cái nhìn của chúng ta—ý tưởng rằng tất cả sự sống thực sự là như nhau; không có cao hay thấp từ quan điểm đó, vì toàn bộ đang di chuyển cùng nhau. Điều đó không thay đổi thực tế rằng có thể có một số người trong đó sự sống được phát triển hơn, có khả năng cung cấp sự trợ giúp lớn hơn, và những người khác

find that what they can do best would commonly be called lower work should not be in the least disheartened, because they also are pushing the same wheel—they are helping the unfoldment of the same divine life.

có thể chỉ có khả năng cung cấp một mức độ trợ giúp thấp hơn; điểm mấu chốt là những người nhận thấy rằng những gì họ có thể làm tốt nhất thường được gọi là công việc thấp hơn không nên cảm thấy nản lòng chút nào, vì họ cũng đang đẩy cùng một bánh xe—họ đang giúp sự phát triển của cùng một sự sống thiêng liêng.

CHAPTER 4

RULES 2 TO 4—QUY LUẬT 2 ĐẾN 4

2. Kill out desire of life.	2. Diệt trừ ham muốn sống.
Respect life as those do who desire it.	Tôn trọng sự sống như những người khao khát nó.

A.B.—We have already to some extent considered this aphorism and the next. The same general principles that apply to the killing out of ambition yet the working as those do who are ambitious apply to these two aphorisms also. The disciple must get rid of the desire for personal life—everything which energizes the personal self and responds to the gratification of his personal desire. He must no longer rejoice in the mere pleasure of expanding his own life by taking into it more and more of the outside things.

A.B.—Chúng ta đã phần nào xem xét câu châm ngôn này và câu tiếp theo. Những nguyên tắc chung áp dụng cho việc diệt trừ tham vọng nhưng vẫn làm việc như những người có tham vọng cũng áp dụng cho hai câu châm ngôn này. Đệ tử phải loại bỏ ham muốn sống cá nhân—mọi thứ kích thích phàm ngã và đáp ứng sự thỏa mãn của ham muốn cá nhân của y. Y không còn vui mừng trong niềm vui đơn thuần của việc mở rộng cuộc sống của mình bằng cách tiếp nhận ngày càng nhiều những thứ bên ngoài.

All over the world men are to be seen in eager search for a fuller life; they grasp it with many varieties of greed, struggling and fighting for more and more of everything that appeals to their hot and untutored imaginations, and thereby bringing about great quantities of personal and social trouble. But the disciple must get rid of that desire to increase and expand, his own individual and separate life. He must enter into the higher Life, and have only the desire to be wherever in the universe he is wanted at any time as an expression of the one life. There are many things to do in this universe. When all desire for separate individual life has been transcended, and all personal preferences are gone, the need of the time guides the choice of the spiritual man. Wherever help is wanted is the place of work for such a liberated soul; he cares only to be an instrument, wherever the instrument may be

Trên khắp thế giới, người ta có thể thấy những người đang tìm kiếm một cuộc sống đầy đủ hơn; họ nắm lấy nó với nhiều loại tham lam, đấu tranh và chiến đấu để có được ngày càng nhiều mọi thứ thu hút trí tưởng tượng nóng bỏng và chưa được rèn luyện của họ, và do đó gây ra nhiều rắc rối cá nhân và xã hội. Nhưng đệ tử phải loại bỏ ham muốn tăng trưởng và mở rộng, cuộc sống cá nhân và riêng biệt của mình. Y phải bước vào Cuộc Sống cao hơn, và chỉ có ham muốn ở bất cứ nơi nào trong vũ trụ mà y được cần đến vào bất kỳ lúc nào như một biểu hiện của một sự sống duy nhất. Có nhiều việc cần làm trong vũ trụ này. Khi mọi ham muốn sống cá nhân riêng biệt đã được vượt qua, và mọi sở thích cá nhân đã biến mất, nhu cầu của thời gian hướng dẫn sự lựa chọn của người tinh thần. Bất cứ nơi nào cần sự giúp đỡ là nơi làm việc cho một linh hồn được giải phóng như vậy; y chỉ quan tâm đến việc trở

wanted. His life is to him only useful and valuable as it is part of the Universal Life.

thành một công cụ, bất cứ nơi nào công cụ có thể được cần đến. Cuộc sống của y chỉ có ý nghĩa và giá trị đối với y khi nó là một phần của Sự Sống Toàn Cầu.

The man who has lost his desire of life arrives at a point of danger—he may regard life as worthless for all, because the things that it offers are worthless to him. He may take up an attitude of contempt towards the world and his fellow-men. He may look down upon and despise them as foolish people, may speak of them contemptuously, and consider their motives paltry. That attitude towards them is very natural, but it is full of danger, and fundamentally evil. It shows that he has not realized the Self, though he may have realized the non-self as such. If he looks down upon any life, however Undeveloped, he forgets that that manifestation is a part of Ishvara, and to him therefore the message is necessary and urgent: "Respect life-as those who desire it."

Người đã mất đi ham muốn sống đạt đến một điểm nguy hiểm—y có thể coi cuộc sống là vô giá trị đối với tất cả, vì những thứ mà nó cung cấp là vô giá trị đối với y. Y có thể có thái độ khinh miệt đối với thế giới và đồng loại của mình. Y có thể coi thường và khinh bỉ họ; như những người ngu ngốc, có thể nói về họ một cách khinh miệt, và coi động cơ của họ là nhỏ nhen. Thái độ đó đối với họ rất tự nhiên, nhưng nó đầy nguy hiểm, và về cơ bản là xấu xa. Nó cho thấy rằng y chưa nhận ra Chân Ngã, mặc dù y có thể đã nhận ra cái không phải là Chân Ngã như vậy. Nếu y coi thường bất kỳ sự sống nào, dù chưa phát triển, y quên rằng sự biểu hiện đó là một phần của Ishvara, và do đó thông điệp là cần thiết và khẩn cấp: "Tôn trọng sự sống như những người khao khát nó."

If he asks why he ought to look upon it with respect, the answer is: because it is divine. It, is a stage in which Ishvara is working, a stage which to Ishvara is quite as important as the higher stage in which *he* now is. When we speak of high and low we speak from the standpoint of evolution and time—the succession of changes which make up time. That is not the way in which Ishvara regards His world; to Him there is nothing great nor small, hateful nor dear. Everything is at a stage on a road on which all are travelling to the same goal; the lowly is just as necessary for the scheme of evolution as the form we usually call higher. So the disciple must not fall into the blunder of despising: and

Nếu y hỏi tại sao y nên nhìn nhận nó với sự tôn trọng, câu trả lời là: vì nó là thiêng liêng. Nó là một giai đoạn trong đó Ishvara đang làm việc, một giai đoạn mà đối với Ishvara là quan trọng như giai đoạn cao hơn mà y hiện đang ở. Khi chúng ta nói về cao và thấp, chúng ta nói từ quan điểm của tiến hóa và thời gian—sự kế tiếp của những thay đổi tạo nên thời gian. Đó không phải là cách mà Ishvara nhìn nhận thế giới của Ngài; đối với Ngài không có gì lớn hay nhỏ, đáng ghét hay đáng yêu. Mọi thứ đều ở một giai đoạn trên con đường mà tất cả đang đi đến cùng một mục tiêu; cái thấp kém cũng cần thiết cho kế hoạch tiến hóa như hình thức mà chúng ta thường gọi là cao hơn. Vì vậy, đệ tử không được rơi vào sai lầm của việc khinh

disregarding any life, because it is in what we call a low stage of evolution. Each thing in its place is right and good. The recognition of that fundamental truth means that a man must love his fellow-men, must learn to care for them as part of the Universal Life in evolution.

miệt và coi thường bất kỳ sự sống nào, vì nó đang ở trong cái mà chúng ta gọi là giai đoạn thấp của tiến hóa. Mỗi thứ ở vị trí của nó là đúng và tốt. Sự nhận thức về chân lý cơ bản đó có nghĩa là một người phải yêu thương đồng loại của mình, phải học cách quan tâm đến họ như một phần của Sự Sống Toàn Cầu trong tiến hóa.

Granted that a man in a low stage is foolish, sensual idle, exceedingly unattractive; his lack of attraction lies in the form, not in the Life. We are blinded by the form. Because our looking down upon another, our turning aside from him, is a sign of our, superiority, there follows a feeling of superiority, which breeds contempt. But the truth is that the only thing in which we are superior is the evolution of the form. The essence is the same; his possibilities are equal to ours, and looked at from the centre he is as we are. The man who is on the Path tries to see things from the centre as well as from the circumference. He must therefore respect Life, and realize that the Life of Ishvara is the only Life; the form is that in which Ishvara chooses to manifest for a certain time, and if it is good enough for Ishvara it is quite good enough for us.

Giả sử rằng một người ở giai đoạn thấp là ngu ngốc, ham muốn nhục dục, vô cùng không hấp dẫn; sự thiếu hấp dẫn của y nằm ở hình thức, không phải ở Sự Sống. Chúng ta bị mù bởi hình thức. Vì việc chúng ta coi thường người khác, việc chúng ta quay lưng lại với họ, là dấu hiệu của sự vượt trội của chúng ta, nên có một cảm giác vượt trội, điều này sinh ra sự khinh miệt. Nhưng sự thật là điều duy nhất mà chúng ta vượt trội là sự tiến hóa của hình thức. Bản chất là như nhau; khả năng của y ngang bằng với chúng ta, và nhìn từ trung tâm, y cũng như chúng ta. Người đang trên Đường Đạo cố gắng nhìn nhận mọi thứ từ trung tâm cũng như từ chu vi. Do đó, y phải tôn trọng Sự Sống, và nhận ra rằng Sự Sống của Ishvara là Sự Sống duy nhất; hình thức là cái mà Ishvara chọn để biểu hiện trong một thời gian nhất định, và nếu nó đủ tốt cho Ishvara thì nó hoàn toàn đủ tốt cho chúng ta.

In the universe there must be form in all stages of growth. No one is higher or lower; all are equal. There is difference when we ourselves are in process of evolution; but no difference when we have outgrown it. When we have given up interest in it and thrown aside all question of forms and fruit, then we can respect Life in all its manifestations. The partially evolved man, bound up by the forms, is willing to help those who are comparatively

Trong vũ trụ phải có hình thức ở mọi giai đoạn phát triển. Không ai cao hơn hay thấp hơn; tất cả đều bình đẳng. Có sự khác biệt khi chúng ta đang trong quá trình tiến hóa; nhưng không có sự khác biệt khi chúng ta đã vượt qua nó. Khi chúng ta đã từ bỏ sự quan tâm đến nó và gạt bỏ mọi câu hỏi về hình thức và kết quả, thì chúng ta có thể tôn trọng Sự Sống trong mọi biểu hiện của nó. Người phát triển một phần, bị ràng buộc bởi hình thức, sẵn lòng giúp đỡ

near himself and who can repay his trouble. He will not be inclined to help those who are low down. But the man who helps from the standpoint of Ishvara helps all. His duty is to help them wherever they are. His activity is to be the activity of Ishvara. He helps those who come in his way, whether they be high or low, and he respects the Life in each of them, and helps that where help is required. He does not allow himself to be confused by the fact that the whole of the Life is not present in the man. He knows that the work of Ishvara is carried on so that that life may be brought out, and he works to unfold it into manifestation. He is not led astray by thinking that to be in the Self is everything. He works for manifestation, respecting and loving Life. And so he utterly avoids the danger of contempt, which would otherwise hinder the unfolding of the Life in himself by producing a wall of separateness.

những người tương đối gần mình và có thể trả công cho sự phiền toái của y. Y sẽ không có xu hướng giúp đỡ những người ở dưới thấp. Nhưng người giúp đỡ từ quan điểm của Ishvara giúp đỡ tất cả. Nhiệm vụ của y là giúp đỡ họ bất cứ nơi nào họ ở. Hoạt động của y là hoạt động của Ishvara. Y giúp đỡ những người đến với y, dù họ cao hay thấp, và y tôn trọng Sự Sống trong mỗi người trong số họ, và giúp đỡ điều đó khi cần sự giúp đỡ. Y không cho phép mình bị nhầm lẫn bởi thực tế rằng toàn bộ Sự Sống không có mặt trong con người. Y biết rằng công việc của Ishvara được thực hiện để sự sống đó có thể được đưa ra, và y làm việc để phát triển nó thành biểu hiện. Y không bị lạc lối bởi suy nghĩ rằng ở trong Chân Ngã là tất cả. Y làm việc cho sự biểu hiện, tôn trọng và yêu thương Sự Sống. Và do đó y hoàn toàn tránh được nguy cơ khinh miệt, điều mà nếu không sẽ cản trở sự phát triển của Sự Sống trong chính y bằng cách tạo ra một bức tường ngăn cách.

There is in this an immense difference between the way in which Life is regarded by an ordinary man and by one who lives in the Eternal. The latter sees the Life in its full possibilities, those possibilities to him being in view now, even though undeveloped; for he lives in the Eternal, and when Life is looked at from that standpoint it is seen in the beauty of its fulfilment. Below that state we see it only in a particular stage, in time and not in Eternity, and therefore we do not respect it as we ought to do. But the liberated soul who lives in Eternity sees it as it is, and although he looks at the -stage at a particular time in which it has arrived, he cannot feel repulsion, because he knows that that stage is perfectly normal.

Có một sự khác biệt lớn trong cách mà Sự Sống được nhìn nhận bởi một người bình thường và bởi một người sống trong Vĩnh Cửu. Người sau nhìn thấy Sự Sống trong những khả năng đầy đủ của nó, những khả năng đó đối với y đang hiện diện ngay bây giờ, mặc dù chưa phát triển; vì y sống trong Vĩnh Cửu, và khi Sự Sống được nhìn từ quan điểm đó, nó được thấy trong vẻ đẹp của sự hoàn thành của nó. Dưới trạng thái đó, chúng ta chỉ thấy nó ở một giai đoạn cụ thể, trong thời gian và không phải trong Vĩnh Cửu, và do đó chúng ta không tôn trọng nó như chúng ta nên làm. Nhưng linh hồn được giải phóng sống trong Vĩnh Cửu nhìn thấy nó như nó là, và mặc dù y nhìn vào giai đoạn tại một thời điểm cụ thể mà nó đã đạt đến, y không thể cảm thấy sự ghê tởm, vì y biết

rằng giai đoạn đó là hoàn toàn bình thường.

The practical outcome of it is that the higher a man stands the more is he tolerant of all Life, and the greater is his compassion with all, approaching as it is the compassion of the Logos Himself. As a man destroys in himself the desire of Life, that is the desire of the separated self, and yet respects Life as those do who desire it, he begins to acquire that sense of Eternity which enables him to respect life in whatever way it may be manifested. For him then any contempt for those who are below him becomes impossible; he recognizes each in its place as an expression of the Perfect Life.

Kết quả thực tế của điều đó là người đứng càng cao thì càng khoan dung với mọi Sự Sống, và lòng từ bi của y càng lớn, tiến gần đến lòng từ bi của chính Thượng đế. Khi một người tiêu diệt trong mình ham muốn Sự Sống, tức là ham muốn của cái tôi tách biệt, và vẫn tôn trọng Sự Sống như những người khao khát nó, y bắt đầu có được cảm giác Vĩnh Cửu cho phép y tôn trọng sự sống dưới bất kỳ hình thức nào nó có thể được biểu hiện. Đối với y, bất kỳ sự khinh miệt nào đối với những người ở dưới y trở nên không thể; y nhận ra mỗi người ở vị trí của mình như một biểu hiện của Sự Sống Hoàn Hảo.

C.W.L.—Here, as in the case of the former rule, we may take the teaching at two different levels. Undoubtedly the beginner has to kill out the desire for one kind of outer life rather than for another, such as would interfere with the work to be done. A man who becomes a pupil of the Master must be absolutely willing to do whatever is put in his way, to go here or there, to leave this thing or that, and have no feeling about it. If he thinks: "I am doing this kind of work and I am doing it well, and I want to keep on doing it," he may come to harm because he is becoming conceited. Suppose he is taken away from the work he feels he can do and is put to something which is new to him; he must accept it with perfect cheerfulness. The change may be made because this other work is more necessary, or because, since he has learned to do that one thing, he must now learn to do something else.

C.W.L.—Ở đây, cũng như trong trường hợp của Quy luật trước, chúng ta có thể tiếp nhận giáo lý ở hai cấp độ khác nhau. Chắc chắn rằng người mới bắt đầu phải diệt trừ ham muốn một loại cuộc sống bên ngoài này hơn là loại khác, chẳng hạn như sẽ cản trở công việc cần làm. Một người trở thành học trò của Chân sư phải hoàn toàn sẵn lòng làm bất cứ điều gì được đặt trước mặt y, đi đây đi đó, từ bỏ điều này hay điều kia, và không có cảm giác gì về điều đó. Nếu y nghĩ: "Tôi đang làm loại công việc này và tôi đang làm tốt, và tôi muốn tiếp tục làm điều đó," y có thể gặp nguy hiểm vì y đang trở nên tự mãn. Giả sử y bị lấy đi khỏi công việc mà y cảm thấy mình có thể làm và được đặt vào một việc gì đó mới đối với y; y phải chấp nhận điều đó với sự vui vẻ hoàn toàn. Sự thay đổi có thể được thực hiện vì công việc khác này cần thiết hơn, hoặc vì, khi y đã học cách làm một điều, y phải bây giờ học cách làm điều gì đó khác.

Quite outside the special training of the pupil, we frequently find that the evolutionary

Hoàn toàn ngoài việc đào tạo đặc biệt của học trò, chúng ta thường thấy rằng các lực tiến hóa

forces work in that way. Every man likes to do what he feels he can do well, but the evolutionary forces want to develop the man all round, and very often they take him away from what he can do and put him to something else that he cannot yet do well, because they want him to develop some new power. If at first he cannot do it, he must work at it until he can. That is the way that evolution in general works, and the same thing applies to the training of the pupils of the Master. If they can do a thing well they may be kept at it for some time, but then quite suddenly they may be sent along some other line, and they must be equally willing to do that other work also. So, certainly, the desire for one kind of physical life more than for another will have to be killed out.

hoạt động theo cách đó. Mỗi người đều thích làm những gì mình cảm thấy có thể làm tốt, nhưng các lực tiến hóa muốn phát triển con người toàn diện, và rất thường xuyên họ lấy y ra khỏi những gì y có thể làm và đặt y vào một việc khác mà y chưa thể làm tốt, vì họ muốn y phát triển một số khả năng mới. Nếu lúc đầu y không thể làm điều đó, y phải làm việc cho đến khi có thể. Đó là cách mà tiến hóa nói chung hoạt động, và điều tương tự cũng áp dụng cho việc đào tạo các học trò của Chân sư. Nếu họ có thể làm một việc tốt, họ có thể được giữ lại trong một thời gian, nhưng sau đó hoàn toàn bất ngờ họ có thể được gửi theo một hướng khác, và họ phải sẵn lòng làm công việc khác đó cũng như vậy. Vì vậy, chắc chắn rằng ham muốn một loại cuộc sống vật chất hơn loại khác sẽ phải bị diệt trừ.

At the higher level the same thing is true with regard to the life of the ego. The disciple knows, if he looks back on past incarnations, that his ego has come along certain lines, but he has developed certain qualities and can, from the point of view of the individuality, do well along those lines, He may be suddenly taken away from them.: The individuality, the ego, must accept that which comes to it in the course of its training, and there also we must be free from any feeling that this work or this way is better than that: This is brought home to us when we meet with people of other ray& or types. We feel that our ray and type is the best one. In theory we would admit that the others must be just as good as our own, but very few of us can feel really hearty sympathy with them. Thus, for example, one who has been working along philosophic or scientific lines might find it a little trying to have to turn his activities to art or ceremonial service. It is

Ở cấp độ cao hơn, điều tương tự cũng đúng với cuộc sống của chân ngã. Đệ tử biết, nếu y nhìn lại các kiếp trước, rằng chân ngã của y đã đi theo những đường lối nhất định, nhưng y đã phát triển những phẩm chất nhất định và có thể, từ quan điểm của cá nhân, làm tốt theo những đường lối đó. Y có thể đột ngột bị lấy đi khỏi chúng. Cá nhân, chân ngã, phải chấp nhận những gì đến với nó trong quá trình đào tạo của nó, và ở đó cũng vậy, chúng ta phải tự do khỏi bất kỳ cảm giác nào rằng công việc này hay cách này tốt hơn cách kia. Điều này được nhấn mạnh khi chúng ta gặp gỡ những người thuộc các cung hay loại khác. Chúng ta cảm thấy rằng cung và loại của chúng ta là tốt nhất. Trong lý thuyết, chúng ta sẽ thừa nhận rằng những người khác cũng phải tốt như của chúng ta, nhưng rất ít người trong chúng ta có thể thực sự cảm thông với họ. Vì vậy, ví dụ, một người đã làm việc theo các đường lối triết học hoặc khoa học có thể thấy hơi khó chịu khi

difficult to turn our sympathies round and let them flow freely along another line, but that is one of the things we must learn to do if necessary.

phải chuyển hoạt động của mình sang nghệ thuật hoặc phục vụ nghi lễ. Rất khó để xoay chuyển sự cảm thông của chúng ta và để chúng chảy tự do theo một hướng khác, nhưng đó là một trong những điều chúng ta phải học cách làm nếu cần thiết.

As soon as a man feels unity he gains the dispassionate view of things. All lines of work are then, in effect, the same to him—not that he can equally easily take up all, but he sees that, they all lead to the same point. The undeveloped man never understands this. Always he thinks that the man taking the, higher standpoint is cold and hard and unsympathetic; that is because the lower man is thinking of himself and is wanting all sorts of personal satisfactions, whereas the other man is thinking only of the work to be done and is putting all his energy; into that. When once the Plan of work of the Logos dawns upon a man's horizon he sees that to the exclusion of every thing else, and throws his energies into it, and whatever is best for that work he tries to do, even as regards the smallest detail of every-day life.

Ngay khi một người cảm thấy sự hợp nhất, y đạt được cái nhìn vô tư về mọi thứ. Tất cả các đường lối công việc đều giống nhau đối với y—không phải là y có thể dễ dàng tiếp nhận tất cả, nhưng y thấy rằng tất cả đều dẫn đến cùng một điểm. Người chưa phát triển không bao giờ hiểu điều này. Luôn luôn y nghĩ rằng người đứng ở quan điểm cao hơn là lạnh lùng và cứng nhắc và không cảm thông; đó là vì người thấp hơn đang nghĩ về bản thân mình và muốn mọi loại thỏa mãn cá nhân, trong khi người kia chỉ nghĩ về công việc cần làm và đang đặt tất cả năng lượng của mình vào đó. Khi một khi Thiên Cơ của công việc của Thượng đế ló dạng trên chân trời của một người, y thấy điều đó đến mức loại trừ mọi thứ khác, và dồn hết năng lượng của mình vào đó, và bất cứ điều gì tốt nhất cho công việc đó, y cố gắng làm, ngay cả đối với chi tiết nhỏ nhất của cuộc sống hàng ngày.

He hitches his wagon to a star. He puts before himself ideals very high and very remote from the ordinary understanding, and it is quite inevitable that the people who still look on things from the personal point of view will misunderstand him. If he suffers because of that misunderstanding, there is still a little personal touch in that; he still wants to be understood, but even that he must give up. He must give up hoping that his efforts will be appreciated, and realize that it does not matter whether they are appreciated or not. All that

Y gắn xe của mình vào một ngôi sao. Y đặt trước mình những lý tưởng rất cao và rất xa khỏi sự hiểu biết thông thường, và điều đó hoàn toàn không thể tránh khỏi rằng những người vẫn nhìn nhận mọi thứ từ quan điểm cá nhân sẽ hiểu lầm y. Nếu y chịu đựng vì sự hiểu lầm đó, vẫn còn một chút cá nhân trong đó; y vẫn muốn được hiểu, nhưng ngay cả điều đó y cũng phải từ bỏ. Y phải từ bỏ hy vọng rằng nỗ lực của mình sẽ được đánh giá cao, và nhận ra rằng không quan trọng liệu chúng có được đánh giá cao hay không. Tất cả những gì quan

matters is that the work shall be done. If people will not give us credit for our work, no matter; let it be done as perfectly as possible. We shall have the appreciation of the Master —that much is sure—but even that must not be our reason for doing it. Our reason for doing it is that it is God's work and as we are one with Him what He wills is our will, what He would have done it is our highest pleasure and privilege to try to do.

trọng là công việc phải được hoàn thành. Nếu mọi người không công nhận công việc của chúng ta, không sao cả; hãy để nó được thực hiện một cách hoàn hảo nhất có thể. Chúng ta sẽ có sự đánh giá của Chân sư—điều đó chắc chắn—nhưng ngay cả điều đó cũng không phải là lý do của chúng ta để làm điều đó. Lý do của chúng ta để làm điều đó là vì đó là công việc của Thượng đế và vì chúng ta là một với Ngài, những gì Ngài muốn là ý chí của chúng ta, những gì Ngài muốn làm là niềm vui và đặc quyền cao nhất của chúng ta để cố gắng thực hiện.

When we realize that all Life is divine Life, of course we shall respect all the manifestations of it. We, who see partially, do not always respect life in all its forms and in all its manifestations. We see that many of them would be eminently undesirable for us, and therefore there is a tendency to regard those particular manifestations with contempt. That is always a mistake. We see a great deal around us which from our point of view is going very wrong, and often it really is going wrong. All the expressions of selfishness and greed and uncontrolled desire that we see in the world are certainly wrong in the sense that it would be very much better if they were different. It is not at all a mistake for us to think that, because it is a fact; but when we allow ourselves to feel contempt for the people who are at that stage, we are going further than we have any right to go. Their state of development accounts for these manifestations, and they are very often the only expressions possible for them at that stage, and it is through them that they will learn.

Khi chúng ta nhận ra rằng tất cả Sự Sống là Sự Sống thiêng liêng, tất nhiên chúng ta sẽ tôn trọng tất cả các biểu hiện của nó. Chúng ta, những người nhìn thấy một phần, không phải lúc nào cũng tôn trọng sự sống trong tất cả các hình thức và biểu hiện của nó. Chúng ta thấy rằng nhiều trong số chúng sẽ rất không mong muốn đối với chúng ta, và do đó có xu hướng coi những biểu hiện cụ thể đó với sự khinh miệt. Đó luôn là một sai lầm. Chúng ta thấy rất nhiều xung quanh chúng ta mà từ quan điểm của chúng ta đang đi rất sai, và thường thì nó thực sự đang đi sai. Tất cả các biểu hiện của sự ích kỷ và tham lam và ham muốn không kiểm soát mà chúng ta thấy trên thế giới chắc chắn là sai lầm theo nghĩa rằng sẽ tốt hơn rất nhiều nếu chúng khác đi. Không phải là một sai lầm khi chúng ta nghĩ như vậy, vì đó là một thực tế; nhưng khi chúng ta cho phép mình cảm thấy khinh miệt đối với những người ở giai đoạn đó, chúng ta đang đi xa hơn những gì chúng ta có quyền làm. Trạng thái phát triển của họ giải thích cho những biểu hiện này, và chúng rất thường là những biểu hiện duy nhất có thể đối với họ ở giai đoạn đó, và chính thông qua chúng mà họ sẽ học hỏi.

When we see a man showing selfishness and greed and lack of self-control, we say: "What a pity!" Yet it is a pity only in the same sense that we might say that it is a pity that a little child of four has not grown up to be a man. If we allow ourselves to be uncontrolled, or to show greed and selfishness we might feel a sort of contempt for ourselves, because we know better, but it would be wrong to feel that for any other man. If it seems that he ought to be doing better, probably he has not taken advantage of his opportunities; then we should feel sorry for him and try to help him, when we can, to see the better side, the higher possibilities, but it is the greatest mistake to draw away from him, though we cannot always help feeling repugnance towards the things that he does. For example, if a man gets drunk it is because he is at that stage. He is a younger soul, therefore it is possible for him to yield to temptation of that kind instead of making a stand against it, as he ought to do. In many cases he has tried, perhaps, but be has so far failed. All that we can do to help him should be thoroughly and entirely at his disposal, but we must not feel repugnance for him. It is the old Christian idea; we may hate the sin but we must be sorry for the sinner, otherwise we are doing worse than he, because we are losing the sense of brotherhood and destroying our power to help.

Khi chúng ta thấy một người thể hiện sự ích kỷ và tham lam và thiếu tự kiểm soát, chúng ta nói: "Thật đáng tiếc!" Tuy nhiên, đó chỉ là một sự tiếc nuối theo nghĩa rằng chúng ta có thể nói rằng thật đáng tiếc khi một đứa trẻ bốn tuổi chưa lớn lên thành người. Nếu chúng ta cho phép mình không kiểm soát, hoặc thể hiện sự tham lam và ích kỷ, chúng ta có thể cảm thấy một loại khinh miệt đối với chính mình, vì chúng ta biết rõ hơn, nhưng sẽ sai lầm khi cảm thấy điều đó đối với bất kỳ người nào khác. Nếu có vẻ như y nên làm tốt hơn, có lẽ y đã không tận dụng cơ hội của mình; sau đó chúng ta nên cảm thấy tiếc cho y và cố gắng giúp y, khi chúng ta có thể, để thấy mặt tốt hơn, những khả năng cao hơn, nhưng đó là sai lầm lớn nhất khi rút lui khỏi y, mặc dù chúng ta không thể luôn luôn giúp cảm thấy ghê tởm đối với những điều mà y làm. Ví dụ, nếu một người say rượu, đó là vì y đang ở giai đoạn đó. Y là một linh hồn trẻ hơn, do đó có thể y nhượng bộ sự cám dỗ loại đó thay vì đứng lên chống lại nó, như y nên làm. Trong nhiều trường hợp, có lẽ y đã cố gắng, nhưng cho đến nay đã thất bại. Tất cả những gì chúng ta có thể làm để giúp y nên hoàn toàn và hoàn toàn sẵn sàng cho y, nhưng chúng ta không được cảm thấy ghê tởm đối với y. Đó là ý tưởng cũ của Cơ đốc giáo; chúng ta có thể ghét tội lỗi nhưng chúng ta phải thương xót kẻ có tội, nếu không chúng ta đang làm tệ hơn y, vì chúng ta đang mất đi ý thức về tình huynh đệ và phá hủy khả năng giúp đỡ của chúng ta.

The one Life is behind all and we must respect it even in manifestations which we dislike and feel to be undesirable. We must never forget that it is divine. It is difficult to remember that sometimes when the things that are done are so very ungodlike; nevertheless we must try. It is the old idea of the hidden Life, which was taught to us in the Egyptian mysteries

Sự Sống duy nhất đứng sau tất cả và chúng ta phải tôn trọng nó ngay cả trong những biểu hiện mà chúng ta không thích và cảm thấy không mong muốn. Chúng ta không bao giờ được quên rằng nó là thiêng liêng. Đôi khi rất khó để nhớ điều đó khi những điều được thực hiện rất không giống thần; tuy nhiên chúng ta phải cố gắng. Đó là ý tưởng cũ về Sự Sống ẩn

thousands of years ago. The hidden Life was in every man, and however deeply it was buried and however little it showed forth, we were always to remember that it was there, even when we could not see it. The hidden light in us could not shine upon and evoke the hidden light in another at once, but if we were sufficiently patient and sufficiently forceful we must call forth a response, sometime and somehow. In these days we put the teaching in somewhat different terms, but it is equally true now as then.

giấu, đã được dạy cho chúng ta trong các bí ẩn Ai Cập hàng ngàn năm trước. Sự Sống ẩn giấu có trong mỗi người, và dù nó bị chôn vùi sâu đến đâu và dù nó ít được thể hiện đến đâu, chúng ta luôn phải nhớ rằng nó ở đó, ngay cả khi chúng ta không thể thấy nó. Ánh sáng ẩn giấu trong chúng ta không thể chiếu sáng và gợi lên ánh sáng ẩn giấu trong người khác ngay lập tức, nhưng nếu chúng ta đủ kiên nhẫn và đủ mạnh mẽ, chúng ta phải kêu gọi một sự đáp ứng, một lúc nào đó và bằng cách nào đó. Trong những ngày này, chúng ta đặt giáo lý trong những thuật ngữ khác nhau, nhưng nó vẫn đúng như trước đây.

The man who lives in the Eternal sees what will be as well as what now is, and when he looks at a manifestation of Life which is eminently undesirable he says: “Yes, at present, from the point of view of time, that is what I see it to be—a low and unworthy manifestation; but the divine Life in sit will some day blossom out.” Many people do not think how very illusory a thing the present is. No sooner have we thought of it than it has passed. We say: “Such and such a thing is in existence at present,” and while we are uttering the words that present moment has become the past. In reality there is no such time as the present; it is a kind of knife-edge between the past and future; it is merely a term which we use for convenience—the thing itself is shifting every second of time. *v*- We must read the future into the present, and see what will be. If we could only get out of these bodies and these brains for a few moments into an altogether higher life and look down upon it, we should understand this matter exactly. We should see that by thinking of that future we make it more easily attainable for the present. If we look at a man who is definitely sinning, and think of his sin,

Người sống trong Hiện Tại Vĩnh Cửu thấy được cả những gì sẽ xảy ra cũng như những gì đang diễn ra, và khi y nhìn vào một biểu hiện của Sự sống vốn cực kỳ không mong muốn, y nói: "Vâng, hiện tại, từ quan điểm của thời gian, đó là những gì tôi thấy—một biểu hiện thấp kém và không xứng đáng; nhưng Sự sống thiêng liêng trong đó sẽ một ngày nào đó nở rộ." Nhiều người không nghĩ đến việc hiện tại là một điều rất ảo tưởng. Ngay khi chúng ta nghĩ về nó thì nó đã trôi qua. Chúng ta nói: "Một điều như vậy đang tồn tại hiện tại," và trong khi chúng ta đang thốt ra những lời đó, khoảnh khắc hiện tại đã trở thành quá khứ. Thực tế không có thời gian nào gọi là hiện tại; nó là một loại lưỡi dao giữa quá khứ và tương lai; nó chỉ là một thuật ngữ mà chúng ta sử dụng cho tiện lợi—bản thân nó đang thay đổi từng giây. Chúng ta phải đọc tương lai vào hiện tại, và thấy những gì sẽ xảy ra. Nếu chúng ta có thể thoát ra khỏi những thể xác và bộ não này trong một vài khoảnh khắc vào một cuộc sống cao hơn hoàn toàn và nhìn xuống, chúng ta sẽ hiểu rõ vấn đề này. Chúng ta sẽ thấy rằng bằng cách nghĩ về tương lai đó, chúng ta làm cho nó dễ dàng đạt được hơn cho hiện tại. Nếu chúng ta nhìn vào một người đang phạm tội rõ

we fold that sin more closely about him, but if we look at him and think of the future, when he will have risen out of it, we open the way to that future for, him, and bring it more within his reach.[20]

ràng, và nghĩ về tội lỗi của y, chúng ta gói chặt tội lỗi đó quanh y hơn, nhưng nếu chúng ta nhìn vào y và nghĩ về tương lai, khi y sẽ vượt qua nó, chúng ta mở đường cho tương lai đó cho y, và đưa nó gần hơn trong tầm tay của y.

3. Kill out desire of comfort.

3. Diệt trừ ham muốn thoải mái.

Be happy as those are who live for happiness.

Hãy hạnh phúc như những người sống vì hạnh phúc.

A.B.—In the early stages of growth a man puts out all his efforts pf brain and body in order to gain the means which will make him comfortable; the desire of comfort forms the motive of the majority of mankind. It is a very useful stimulus to bring out certain qualities of man. It teaches him that he must control his body, that he must dominate his lower nature, and that he has also to develop his bodies, so that they may subserve his purposes, of enjoying comfort in them.

A.B.—Trong giai đoạn đầu của sự phát triển, một người dồn hết nỗ lực của bộ não và thể xác để đạt được những phương tiện sẽ làm cho y thoải mái; ham muốn thoải mái tạo thành động lực của phần lớn nhân loại. Đó là một kích thích rất hữu ích để phát triển một số phẩm chất của con người. Nó dạy cho y rằng y phải kiểm soát thể xác của mình, rằng y phải chế ngự bản chất thấp của mình, và rằng y cũng phải phát triển các thể của mình, để chúng có thể phục vụ mục đích của y, là tận hưởng sự thoải mái trong chúng.

The desire for comfort gradually disappears as the things that attract the man rise higher and higher in the scale. A man may get rid of desires for physical comfort and enjoyment by throwing his interest into the mental life, for example. At first there will be a sense of effort, a certain feeling of pain and loss; but the man prefers the mental to the physical pleasures because he knows that they will last longer. Then, as he practises self-denial, he finds that the feeling of loss becomes less and less as the joys of the intellect attract him more and more, until the lower desires do not attract him at all.

Ham muốn thoải mái dần dần biến mất khi những điều thu hút con người tăng lên cao hơn và cao hơn trong thang bậc. Một người có thể loại bỏ những ham muốn về sự thoải mái và hưởng thụ thể xác bằng cách chuyển sự quan tâm của mình vào cuộc sống trí tuệ, chẳng hạn. Ban đầu sẽ có cảm giác nỗ lực, một cảm giác đau đớn và mất mát nhất định; nhưng người đó thích thú trí tuệ hơn là những thú vui thể xác vì y biết rằng chúng sẽ kéo dài lâu hơn. Sau đó, khi y thực hành từ bỏ bản thân, y nhận thấy rằng cảm giác mất mát trở nên ít đi khi niềm vui của trí tuệ thu hút y nhiều hơn, cho đến khi những ham muốn thấp

[20] *Ante.* Vol I, Part V, Chap. 3: *Gossip.*

hơn không còn thu hút y nữa.

At first there is deliberate self-denial at each stage, and then comes the loss of the power of attraction in the physical object of the desire. Later on, the same change will come with regard to the joys of the intellect. When the man is looking up to the spiritual life his great attraction for intellectual things will gradually diminish, and he will be less and less attracted by the enjoyment of the powerful intellectual force; he will deny himself the joys of the intellect and rejoice in those of the spirit; he will withdraw himself from the intellect and fix his consciousness on the spiritual level.

Ban đầu có sự từ bỏ bản thân có chủ ý ở mỗi giai đoạn, và sau đó là sự mất đi sức hút của đối tượng thể xác của ham muốn. Sau đó, cùng một sự thay đổi sẽ xảy ra đối với niềm vui của trí tuệ. Khi người đó hướng lên cuộc sống tinh thần, sự thu hút lớn của y đối với những điều trí tuệ sẽ dần dần giảm đi, và y sẽ ít bị thu hút bởi sự hưởng thụ của sức mạnh trí tuệ mạnh mẽ; y sẽ từ chối niềm vui của trí tuệ và vui mừng trong những niềm vui của tinh thần; y sẽ rút lui khỏi trí tuệ và tập trung tâm thức của mình vào cấp độ tinh thần.

The destruction of the desire for comfort also brings its danger. This is the third great danger. The first was inactivity, the second was contempt, and the third is the tendency not to be happy, but to be neither happy nor unhappy, neither one thing nor the other.

Sự tiêu diệt ham muốn thoải mái cũng mang lại nguy hiểm của nó. Đây là nguy hiểm lớn thứ ba. Nguy hiểm đầu tiên là sự không hoạt động, nguy hiểm thứ hai là sự khinh miệt, và nguy hiểm thứ ba là xu hướng không hạnh phúc, mà không hạnh phúc cũng không vui vẻ, không phải là một điều hay điều khác.

How shall the man become happy? The answer is: by realizing that the Self is bliss. It is said in the *Brahma Sutras* that Brahman is Bliss, Brahman is Ananda. The man has now to realize this. He is no longer moved by pleasure nor by pain. They have ceased to attract him; they came from contact between forms, but he has reached equilibrium. He is therefore likely to sink into the condition of being neither happy nor unhappy. But he must learn to be happy as those are who live for happiness.

Làm thế nào để người đó trở nên hạnh phúc? Câu trả lời là: bằng cách nhận ra rằng Tự Ngã là niềm vui. Trong Brahma Sutras có nói rằng Brahman là Niềm Vui, Brahman là Ananda. Người đó bây giờ phải nhận ra điều này. Y không còn bị lay động bởi niềm vui hay nỗi đau. Chúng đã ngừng thu hút y; chúng đến từ sự tiếp xúc giữa các hình tướng, nhưng y đã đạt được sự cân bằng. Do đó, y có khả năng rơi vào tình trạng không vui cũng không buồn. Nhưng y phải học cách hạnh phúc như những người sống vì hạnh phúc.

It is the bliss of the Self, that deep abiding bliss, the sense of contentment and joy, which is an essential part of the spiritual life, and the most difficult part of that life to realize in

Đó là niềm vui của Tự Ngã, niềm vui sâu sắc và bền bỉ, cảm giác hài lòng và vui vẻ, vốn là một phần thiết yếu của cuộc sống tinh thần, và phần khó khăn nhất của cuộc sống đó để nhận

consciousness. It is a very marked fact about the great Mystics and Saviours of men that the side of sorrow has shown itself very much in their lives. Jesus was a man of sorrow. Gautama, the Buddha, left his splendid palaces and gardens and loving friends to seek the cure for the sorrow of the world. The same is true when we look on the lives of all the great leaders of mankind. Sorrow touched them very deeply. But they were not overcome by the sorrow. In those men there was an abiding joy, and the sorrow is profoundly exaggerated by the man who looks upon them from outside. As grief hovers over them, as anxiety, harassments, troubles, worries, and woes rain upon them from all directions, naturally they are judged' by men to be sorrowful. But that does not follow. They are not worried, harassed or distressed by these things, however much they may attend to them, and may do whatever may be necessary for the sake of the world. Underneath it all there is the heart of peace. Therefore you always find them saying: "My peace remaineth."

ra trong tâm thức. Đó là một thực tế rất rõ ràng về các nhà Thần bí và các Đấng Cứu Thế của nhân loại rằng khía cạnh đau khổ đã thể hiện rất nhiều trong cuộc sống của họ. Jesus là một người của đau khổ. Gautama, Đức Phật, đã rời bỏ những cung điện và khu vườn lộng lẫy và những người bạn yêu thương để tìm kiếm phương thuốc cho nỗi đau của thế giới. Điều tương tự cũng đúng khi chúng ta nhìn vào cuộc sống của tất cả các nhà lãnh đạo vĩ đại của nhân loại. Nỗi đau đã chạm đến họ rất sâu sắc. Nhưng họ không bị khuất phục bởi nỗi đau. Trong những người đó có một niềm vui bền bỉ, và nỗi đau bị phóng đại sâu sắc bởi người nhìn vào họ từ bên ngoài. Khi nỗi buồn lơ lửng trên họ, khi lo lắng, phiền muộn, rắc rối, lo âu, và đau khổ đổ xuống họ từ mọi hướng, tự nhiên họ bị đánh giá bởi người khác là đau khổ. Nhưng điều đó không theo sau. Họ không bị lo lắng, phiền muộn hay đau khổ bởi những điều này, dù họ có thể chú ý đến chúng, và có thể làm bất cứ điều gì cần thiết vì lợi ích của thế giới. Dưới tất cả điều đó có trái tim của sự bình an. Do đó, bạn luôn thấy họ nói: "Bình an của tôi vẫn còn."

The disciple feels the sorrow of the world. That he cannot escape; it will throw a shadow over him—an unavoidable shadow. The whole of the world's sorrow has to find its echo in him. He feels sorrow, and continues to feel pity for the ignorant and the suffering, for their rebellion and revolt. At the stage we are considering there is danger for him—that he may cease to feel for others; then just in proportion as he ceases to feel he loses his utility. The Great Ones feel helpless pity for those under the sway of karma; pity because of Their own inability to help them, for there are places where They cannot help, where men must go through their experiences by themselves. Despite the knowledge that it

Đệ tử cảm nhận nỗi đau của thế giới. Điều đó y không thể trốn tránh; nó sẽ phủ bóng lên y—một bóng tối không thể tránh khỏi. Toàn bộ nỗi đau của thế giới phải tìm thấy tiếng vang trong y. Y cảm thấy đau khổ, và tiếp tục cảm thấy thương xót cho những người vô minh và đau khổ, cho sự nổi loạn và phản kháng của họ. Ở giai đoạn chúng ta đang xem xét có nguy hiểm cho y—rằng y có thể ngừng cảm nhận cho người khác; sau đó, tỷ lệ thuận với việc y ngừng cảm nhận, y mất đi sự hữu ích của mình. Các Đấng Cao Cả cảm thấy thương xót bất lực cho những người dưới sự chi phối của nghiệp quả; thương xót vì sự bất lực của Các Ngài trong việc giúp đỡ họ, vì có những nơi mà Các Ngài không thể giúp, nơi mà con người

should be so, and despite Their absolute contentment with the Law, They are standing aside and watching it work; still there is this pain and sympathy—pity, which has in it a certain element of sorrow.

phải trải qua kinh nghiệm của mình một mình. Mặc dù biết rằng điều đó nên như vậy, và mặc dù Các Ngài hoàn toàn hài lòng với Luật, Các Ngài đứng bên cạnh và quan sát nó hoạt động; vẫn có nỗi đau và sự đồng cảm này —thương xót, vốn có trong đó một yếu tố nhất định của nỗi đau.

That will always remain as something of a shadow. In losing the power to sympathize a man would lose the power to help. Just as his life flows into the ignorant he feels the pleasure and pain of the ignorant, and he lightens their trouble by feeling it himself.

Điều đó sẽ luôn tồn tại như một cái bóng. Khi mất đi khả năng đồng cảm, một người sẽ mất đi khả năng giúp đỡ. Cũng như cuộc sống của y chảy vào người vô minh, y cảm nhận niềm vui và nỗi đau của người vô minh, và y làm nhẹ đi rắc rối của họ bằng cách cảm nhận nó cho chính mình.

With all this pressing upon him it is ever necessary that the disciple should be reminded that the Self is bliss. He must keep the heart of joy, must deliberately cultivate in himself the spirit of contentment and happiness. One way to do this is to practise meditation upon the divine bliss—deep, intense bliss, not equalled by anything belonging to this earth, because it is the very essence and nature of the Self. A man can develop that aspect only by the deliberate cultivation of joy and contentment, and by looking at the world and recognizing that evil is avidya, unwisdom. In the midst of sorrows he is to be happy; he must teach himself that pain is in the vehicle while the life is ever joy.

Với tất cả điều này đè nặng lên y, luôn cần thiết rằng đệ tử nên được nhắc nhở rằng Tự Ngã là niềm vui. Y phải giữ trái tim của niềm vui, phải cố ý nuôi dưỡng trong mình tinh thần hài lòng và hạnh phúc. Một cách để làm điều này là thực hành tham thiền về niềm vui thiêng liêng—niềm vui sâu sắc, mãnh liệt, không gì sánh bằng thuộc về trái đất này, vì nó là bản chất và bản tính của Tự Ngã. Một người có thể phát triển khía cạnh đó chỉ bằng cách cố ý nuôi dưỡng niềm vui và hài lòng, và bằng cách nhìn vào thế giới và nhận ra rằng cái ác là avidya, vô minh. Giữa những nỗi đau, y phải hạnh phúc; y phải tự dạy mình rằng nỗi đau nằm trong vận cụ trong khi sự sống luôn là niềm vui.

C.W.L.—This rule does not mean that people may not be comfortable, though many have taken it in that sense. Yogis, hermits and monks have taken similar statements in other scriptures in that way, but it is absolutely wrong and foolish. Some monks in the Middle Ages wore hair shirts; and some Indian yogis sit on spikes and sleep in the hottest weather in the midst of a circle of fire, all with the object of making themselves uncomfortable. That is, the result of choosing one text and

C.W.L.—Quy luật này không có nghĩa là mọi người không thể thoải mái, mặc dù nhiều người đã hiểu theo nghĩa đó. Các yogi, ẩn sĩ và tu sĩ đã hiểu những tuyên bố tương tự trong các kinh điển khác theo cách đó, nhưng điều đó hoàn toàn sai lầm và ngu ngốc. Một số tu sĩ thời Trung Cổ mặc áo lông; và một số yogi Ấn Độ ngồi trên gai và ngủ trong thời tiết nóng nhất giữa vòng lửa, tất cả với mục đích làm cho bản thân không thoải mái. Đó là kết quả của việc chọn một văn bản và chạy theo nó đến

running it to death. It is particularly stated in the *Bhagavad-Gita* that those who torture the body torture the Divine One seated in that body, and their way is not the way of progress.[21] So this rule does not mean that we may not be comfortable, but simply that we must never let our desire for comfort stand in the way of any work which we have to do. If to do what ought to be done will cause us great discomfort, we must not on that account refrain from doing it.

chết. Trong Bhagavad-Gita có nói rõ rằng những người hành hạ thể xác hành hạ Đấng Thiêng Liêng ngự trong thể xác đó, và con đường của họ không phải là con đường tiến bộ. Vì vậy, Quy luật này không có nghĩa là chúng ta không thể thoải mái, mà chỉ đơn giản là chúng ta không bao giờ được để ham muốn thoải mái cản trở bất kỳ công việc nào mà chúng ta phải làm. Nếu làm những gì cần phải làm sẽ gây cho chúng ta sự không thoải mái lớn, chúng ta không được vì lý do đó mà không làm.

To make ourselves unnecessarily uncomfortable only puts difficulty in our way. People talk much about the virtue of suffering and the extent to which progress is made through it; but if we look at the cold facts we shall find that the progress is made after the suffering is past. It is not actual suffering itself which causes the progress, but in many cases that wakens a man to conditions which otherwise he would not have sufficiently noted. It sometimes weeds out of him qualities which made progress difficult for him, but it is only after the suffering is over that the progress is made, because only then is he in a fit state of mind to attend to higher things.

Tự làm cho mình không thoải mái không cần thiết chỉ đặt ra khó khăn trên con đường của chúng ta. Mọi người nói nhiều về đức hạnh của sự đau khổ và mức độ tiến bộ đạt được thông qua nó; nhưng nếu chúng ta nhìn vào sự thật lạnh lùng, chúng ta sẽ thấy rằng tiến bộ được thực hiện sau khi sự đau khổ đã qua. Không phải chính sự đau khổ thực sự gây ra tiến bộ, mà trong nhiều trường hợp nó đánh thức một người đến những điều kiện mà nếu không y sẽ không chú ý đủ. Đôi khi nó loại bỏ khỏi y những phẩm chất làm cho tiến bộ trở nên khó khăn đối với y, nhưng chỉ sau khi sự đau khổ đã qua thì tiến bộ mới được thực hiện, vì chỉ khi đó y mới ở trong trạng thái tâm trí phù hợp để chú ý đến những điều cao hơn.

We must not think that there is any virtue in making ourselves uncomfortable. On the contrary, when the physical body is comfortable we are much better able to think of higher things. Yet I have known people who would persist in doing it. For example, in India where meditation is best understood, it happens to be the custom to sit cross-legged. I have known scores of white people who would weary themselves out and even cause

Chúng ta không nên nghĩ rằng có bất kỳ đức hạnh nào trong việc làm cho mình không thoải mái. Ngược lại, khi thể xác thoải mái, chúng ta có khả năng suy nghĩ về những điều cao hơn tốt hơn nhiều. Tuy nhiên, tôi đã biết những người vẫn kiên trì làm điều đó. Ví dụ, ở Ấn Độ, nơi tham thiền được hiểu rõ nhất, việc ngồi xếp bằng là phong tục. Tôi đã biết hàng chục người da trắng sẽ mệt mỏi và thậm chí gây đau đớn cho bản thân bằng cách cố gắng

[21] *Op. cit.*, xvii., 6

themselves pain by trying to follow the Indian custom in meditation, not understanding that that is merely an outer detail and the Indian only adopts that position because he has been accustomed to it from childhood. It is exceedingly futile for people who are not accustomed to it to force themselves into what is to them a position of discomfort. Patanjali's direction is to take a posture "easy and pleasant".

theo phong tục Ấn Độ trong tham thiền, không hiểu rằng đó chỉ là một chi tiết bên ngoài và người Ấn Độ chỉ áp dụng tư thế đó vì họ đã quen với nó từ nhỏ. Thật vô cùng vô ích cho những người không quen với nó để ép mình vào một tư thế không thoải mái đối với họ. Hướng dẫn của Patanjali là chọn một tư thế "dễ dàng và thoải mái".

There are two objects with regard to the position of the body during meditation. First, it should be comfortable, so that one can easily forget it, for that is what one wants to do. Secondly, it should be such that if in meditation we leave the body—which may happen at any time—it will not hurt itself. In such a case the effect on the body will be as though, we had fainted. The Indian who is sitting on the floor simply falls backwards, and no harm is done. When we meditate we shall do well, therefore, to sit in some sort of armchair, so that we may not fall out of it, if the body loses consciousness. The recumbent position is not good if it increases the tendency to sleep.

Có hai mục tiêu liên quan đến tư thế của thể xác trong khi tham thiền. Thứ nhất, nó nên thoải mái, để một người có thể dễ dàng quên nó, vì đó là điều mà một người muốn làm. Thứ hai, nó nên như vậy để nếu trong khi tham thiền chúng ta rời khỏi thể xác—điều có thể xảy ra bất cứ lúc nào—nó sẽ không tự làm tổn thương. Trong trường hợp như vậy, ảnh hưởng lên thể xác sẽ như thể chúng ta đã ngất xỉu. Người Ấn Độ ngồi trên sàn chỉ đơn giản là ngã ngửa ra sau, và không có hại gì. Khi chúng ta tham thiền, chúng ta sẽ làm tốt, do đó, ngồi trong một loại ghế bành nào đó, để chúng ta không ngã ra khỏi nó, nếu thể xác mất ý thức. Tư thế nằm không tốt nếu nó làm tăng xu hướng ngủ.

There are joys of the emotions and of the intellect, and many people who would despise the idea that their physical comfort mattered to them in the least, are yet exceedingly unhappy when they are not emotionally comfortable, that is to say, when they imagine that they are not getting the response they deserve to their emotions. Many people are painfully sentimental and expect the rest of the world to be equally so, and are much hurt because it is not. They pour out what they call affection, but it is often tinged with selfishness. They will create all kinds of disturbance, and even do things which harm

Có những niềm vui của cảm xúc và của trí tuệ, và nhiều người sẽ khinh thường ý tưởng rằng sự thoải mái thể xác của họ quan trọng với họ nhất, nhưng lại vô cùng không hạnh phúc khi họ không thoải mái về mặt cảm xúc, tức là khi họ tưởng tượng rằng họ không nhận được sự đáp ứng xứng đáng với cảm xúc của họ. Nhiều người rất dễ xúc động và mong đợi phần còn lại của thế giới cũng như vậy, và rất đau lòng vì không phải vậy. Họ trút ra những gì họ gọi là tình cảm, nhưng nó thường nhuốm màu ích kỷ. Họ sẽ tạo ra đủ loại xáo trộn, và thậm chí làm những điều gây hại cho những người mà họ tuyên bố yêu thương, tất cả vì cái mà họ gọi

those whom they profess to love, all for the sake of what they call the return of their affection. They do not understand that there are different types of affection, and that it may be absolutely impossible for the person concerned to return it in their particular way. This difficulty comes from the insistence of the desire for emotional comfort, which should never be permitted to interfere with our own progress or that of those whom we love.

là sự đáp lại tình cảm của họ. Họ không hiểu rằng có những loại tình cảm khác nhau, và có thể hoàn toàn không thể cho người liên quan đáp lại theo cách của họ. Khó khăn này đến từ sự khăng khăng của ham muốn thoải mái cảm xúc, điều không bao giờ nên được phép can thiệp vào tiến bộ của chúng ta hoặc của những người mà chúng ta yêu thương.

In the same way there is intellectual comfort. People want others to think exactly as they do, so that they may rest mentally content, without disturbance. Constantly we come up against that difficulty. There will be some promising young person deeply interested in Theosophy, for example, who wants to join the Society, but his parents vigorously oppose him. They would not be intellectually comfortable if they thought that their son or their daughter were adopting a line which they could not share. They feel sure that they are right and that there can be no real wisdom outside the limits of their own particular opinions. Therefore if a son or a daughter thinks differently from them they are quite outraged, not realizing that the fact that an ego happens to be born in their family does not necessarily mean that he is of the same temperament as themselves.

Tương tự, có sự thoải mái trí tuệ. Mọi người muốn người khác nghĩ chính xác như họ, để họ có thể yên tâm về mặt trí tuệ, không bị xáo trộn. Chúng ta thường xuyên gặp phải khó khăn đó. Sẽ có một người trẻ đầy triển vọng rất quan tâm đến Thông Thiên Học, chẳng hạn, muốn gia nhập Hội, nhưng cha mẹ của họ kịch liệt phản đối. Họ sẽ không thoải mái về mặt trí tuệ nếu họ nghĩ rằng con trai hoặc con gái của họ đang theo một hướng mà họ không thể chia sẻ. Họ cảm thấy chắc chắn rằng họ đúng và không thể có sự minh triết thực sự nào ngoài giới hạn của những ý kiến riêng của họ. Do đó, nếu một người con trai hoặc con gái nghĩ khác với họ, họ hoàn toàn phẫn nộ, không nhận ra rằng thực tế một chân ngã tình cờ được sinh ra trong gia đình của họ không nhất thiết có nghĩa là y có cùng tính khí với họ.

Each ego has his own way, his own power of appreciating the truth; he must receive it along his own line. For others to try to force him to take it along their line, which is not his, is a mistake; the whole inner Self revolts against it. The result, in hundreds of cases, when children have been intellectually pressed, is that they fall away altogether from their parents' beliefs. Again and again, for example, the son of a clergyman ends as an atheist, because the father and mother have

Mỗi chân ngã có con đường riêng của mình, sức mạnh riêng của mình để đánh giá sự thật; y phải nhận nó theo cách riêng của mình. Đối với người khác cố gắng ép y nhận nó theo cách của họ, vốn không phải là của y, là một sai lầm; toàn bộ Tự Ngã bên trong nổi loạn chống lại điều đó. Kết quả, trong hàng trăm trường hợp, khi trẻ em bị ép buộc về mặt trí tuệ, là chúng hoàn toàn rời xa niềm tin của cha mẹ. Lặp đi lặp lại, chẳng hạn, con trai của một giáo sĩ kết thúc như một người vô thần, vì cha mẹ đã

unwisely tried to force him to think along their lines. This harm is done only because they themselves want to be intellectually comfortable. The disciple must always be careful that his desire to be emotionally or intellectually comfortable does not make him interfere with other people's rights, and that he does not let it stand in the way of duty or of help that he might give.

không khôn ngoan cố gắng ép y suy nghĩ theo cách của họ. Thiệt hại này chỉ xảy ra vì chính họ muốn thoải mái về mặt trí tuệ. Đệ tử phải luôn cẩn thận rằng ham muốn của y để thoải mái về mặt cảm xúc hoặc trí tuệ không làm y can thiệp vào quyền của người khác, và rằng y không để nó cản trở nhiệm vụ hoặc sự giúp đỡ mà y có thể cung cấp.

It is essential that we should be happy, as the Chohan says here, although certainly we do not live for happiness. I think many forget the duty of happiness. They do not regard it as a duty, although most emphatically it is that. It is a necessary part of progress. The person who is always mournful and depressed about what is happening is making no progress, and it is well that he should understand that. As I have said before, it is necessary that we should become more and more sensitive, because unless we bring ourselves into that condition we cannot answer in a moment to the slightest signal from the Master. It is unquestionably difficult to be very sensitive and at the same time radiantly happy, yet that' is what we must be. There is a great deal that calls for the deepest sympathy, and it is difficult to feel sympathy with those who are suffering, without also feeling sorrow; yet, as I have explained, the Master sympathizes far more than we can, but certainly does not feel the sorrow as sorrow.[22]

Điều cần thiết là chúng ta phải hạnh phúc, như Đức Đế Quân nói ở đây, mặc dù chắc chắn chúng ta không sống vì hạnh phúc. Tôi nghĩ nhiều người quên đi nhiệm vụ của hạnh phúc. Họ không coi đó là một nhiệm vụ, mặc dù chắc chắn đó là điều đó. Đó là một phần cần thiết của tiến bộ. Người luôn buồn bã và chán nản về những gì đang xảy ra không tiến bộ, và tốt nhất là y nên hiểu điều đó. Như tôi đã nói trước đây, cần thiết là chúng ta phải trở nên nhạy cảm hơn và hơn nữa, vì trừ khi chúng ta đưa mình vào tình trạng đó, chúng ta không thể đáp ứng ngay lập tức với tín hiệu nhỏ nhất từ Chân sư. Không thể phủ nhận rằng rất khó để rất nhạy cảm và đồng thời rạng rỡ hạnh phúc, nhưng đó là điều chúng ta phải làm. Có rất nhiều điều kêu gọi sự đồng cảm sâu sắc nhất, và rất khó để cảm thấy đồng cảm với những người đang đau khổ, mà không cảm thấy nỗi đau; tuy nhiên, như tôi đã giải thích, Chân sư đồng cảm nhiều hơn chúng ta có thể, nhưng chắc chắn không cảm thấy nỗi đau như nỗi đau.

There might be very much less suffering and very much less sorrow if the people to whom the sorrow and suffering are coming now had lived quite differently in other lives, perhaps thousands of years ago, but considering that they lived as they did, that which is now happening is the best that can happen for their progress. We cannot help being sorry

Có thể có rất ít đau khổ và rất ít nỗi đau nếu những người mà nỗi đau và đau khổ đang đến bây giờ đã sống hoàn toàn khác trong những cuộc sống khác, có lẽ hàng ngàn năm trước, nhưng xét rằng họ đã sống như họ đã làm, những gì đang xảy ra bây giờ là điều tốt nhất có thể xảy ra cho tiến bộ của họ. Chúng ta không thể không tiếc rằng nó không tốt hơn,

[22] *Ante,* Vol. II, p. 329.

that it is not better, but our sorrow is not for what is going on now, but for the previous happenings which made this necessary. Possibly that sounds a little cold, but when we understand how utterly the result is part of the cause, we can see that what is happening now is actually part of the causes which the people themselves set in motion long ago, and it could not be other than it is while the divine law of cause and effect is operating.

nhưng nỗi đau của chúng ta không phải là cho những gì đang diễn ra bây giờ, mà là cho những sự kiện trước đó đã làm cho điều này trở nên cần thiết. Có thể điều đó nghe có vẻ hơi lạnh lùng, nhưng khi chúng ta hiểu rằng kết quả hoàn toàn là một phần của nguyên nhân, chúng ta có thể thấy rằng những gì đang xảy ra bây giờ thực sự là một phần của những nguyên nhân mà chính những người đó đã khởi động từ lâu, và nó không thể khác hơn trong khi luật thiêng liêng của nguyên nhân và kết quả đang hoạt động.

All this suffering can only be altered now by bringing in new forces. We can sometimes relieve sorrow and suffering to a certain extent. Whenever we do that, it is not in the least that we abrogate the working of the law, it is not at all that everything does not flow in harmony with that law, but that we introduce a new force which also comes within the operation of the law, and mitigates much which otherwise would have been the effect of what went before. But though we can sometimes relieve and help, it is, as I explained before, quite difficult for many of us to get always into the attitude of being perfectly sympathetic and yet recognizing the necessity of the suffering, though we can do it quite well in certain things. Suppose some friend whom we love very much has to undergo a surgical operation. Of course we are sorry that it should be so, but it does not occur to us to say that it ought not to be so, because we recognize that the operation is intended to do good, and we trust that its result will be an improvement in his health. Therefore however sorry and anxious we may be, we regard it is an unfortunate, a regrettable, necessity. All sorrow and suffering are nothing but that—operations to remove dangerous growths.

Tất cả sự đau khổ này chỉ có thể được thay đổi bây giờ bằng cách đưa vào những lực lượng mới. Đôi khi chúng ta có thể giảm bớt nỗi đau và đau khổ đến một mức độ nhất định. Bất cứ khi nào chúng ta làm điều đó, không phải là chúng ta bãi bỏ hoạt động của luật, không phải là mọi thứ không chảy hài hòa với luật đó, mà là chúng ta giới thiệu một lực lượng mới cũng nằm trong hoạt động của luật, và giảm bớt nhiều điều mà nếu không sẽ là kết quả của những gì đã xảy ra trước đó. Nhưng mặc dù đôi khi chúng ta có thể giảm bớt và giúp đỡ, như tôi đã giải thích trước đây, khá khó khăn cho nhiều người trong chúng ta để luôn có thái độ hoàn toàn đồng cảm và đồng thời nhận ra sự cần thiết của sự đau khổ, mặc dù chúng ta có thể làm điều đó khá tốt trong một số điều nhất định. Giả sử một người bạn mà chúng ta rất yêu quý phải trải qua một cuộc phẫu thuật. Tất nhiên chúng ta tiếc rằng điều đó phải như vậy, nhưng không có ý định nói rằng điều đó không nên như vậy, vì chúng ta nhận ra rằng cuộc phẫu thuật nhằm mục đích làm điều tốt, và chúng ta hy vọng rằng kết quả của nó sẽ là một sự cải thiện trong sức khỏe của y. Do đó, dù chúng ta có tiếc và lo lắng đến đâu, chúng ta coi đó là một điều không may, một điều đáng tiếc, cần thiết. Tất cả nỗi đau và đau khổ không là gì khác ngoài điều đó—những cuộc phẫu thuật để loại bỏ những khối u nguy hiểm.

Much of the sorrow of the world can be avoided, because a great deal of it does not come from the past but is the result of men's present foolishness. They take things in a wrong way. For example, we frequently allow ourselves to be hurt or offended or worried. That is not karma from the past. In many cases seven-eighths of the trouble which comes to people is not from without at all; it is due entirely to the way in which they take their experiences. The karma that comes to us from without is only a small amount, but we magnify it very greatly; that is our present fault, and it can be remedied.[23]

Nhiều nỗi đau của thế giới có thể tránh được, vì rất nhiều trong số đó không đến từ quá khứ mà là kết quả của sự ngu ngốc hiện tại của con người. Họ tiếp nhận mọi thứ theo cách sai lầm. Ví dụ, chúng ta thường cho phép bản thân bị tổn thương hoặc xúc phạm hoặc lo lắng. Đó không phải là nghiệp quả từ quá khứ. Trong nhiều trường hợp, bảy phần tám của rắc rối đến với mọi người không phải từ bên ngoài chút nào; nó hoàn toàn do cách họ tiếp nhận trải nghiệm của mình. Nghiệp quả đến với chúng ta từ bên ngoài chỉ là một lượng nhỏ, nhưng chúng ta phóng đại nó rất nhiều; đó là lỗi hiện tại của chúng ta, và nó có thể được khắc phục.

Most people who live for happiness seek to attain that happiness in various ways: by surrounding themselves with the people with whom they feel happy, by going where they expect to find enjoyment, and so on. That the disciple should not do, because he ought to be in the position of being perfectly happy in himself, without reference to particular outer conditions. That is difficult for us, because, through many lives we have been very largely the sport of circumstances. If we observe people we shall find that most of them are in that condition still. The majority of people in the world make very little effort to change the conditions in which they find themselves. If they find themselves depressed or readily offended and therefore unhappy, they should set to work to change those conditions. Instead of doing that they grumble about those who offend them, and say that it is quite impossible to get on with such people. Yet those others are probably people very much like the rest of the world. Our happiness depends upon how these people are taken, upon our attitude towards their attitude. If

Hầu hết những người sống vì hạnh phúc tìm cách đạt được hạnh phúc đó bằng nhiều cách khác nhau: bằng cách bao quanh mình với những người mà họ cảm thấy hạnh phúc, bằng cách đi đến nơi họ mong đợi tìm thấy niềm vui, và vân vân. Điều đó đệ tử không nên làm, vì y nên ở trong vị trí hoàn toàn hạnh phúc trong chính mình, không liên quan đến các điều kiện bên ngoài cụ thể. Điều đó khó khăn đối với chúng ta, vì qua nhiều cuộc sống chúng ta đã rất nhiều là trò chơi của hoàn cảnh. Nếu chúng ta quan sát mọi người, chúng ta sẽ thấy rằng hầu hết họ vẫn ở trong tình trạng đó. Phần lớn mọi người trên thế giới không nỗ lực nhiều để thay đổi các điều kiện mà họ thấy mình đang ở. Nếu họ thấy mình chán nản hoặc dễ bị xúc phạm và do đó không hạnh phúc, họ nên bắt tay vào làm việc để thay đổi những điều kiện đó. Thay vì làm điều đó, họ phàn nàn về những người xúc phạm họ, và nói rằng hoàn toàn không thể hòa hợp với những người như vậy. Tuy nhiên, những người khác đó có lẽ là những người rất giống phần còn lại của thế giới. Hạnh phúc của chúng ta phụ thuộc vào cách chúng ta tiếp nhận những người này,

[23] *Ante.,* Vol. I, Part I, Ch. 1: *The Occult Path and the Interests of the World;* Part IV, Ch. 1: *Control of Mind;* Ch. 4: *Cheerfulness;* Vol. II, pp. 141, 218, 244,

our study of occultism has brought any fruit we will say: “I do not mind what position they take up; that is their business, not mine; my business is to take care that I am not offended and worried, that I preserve a peaceful condition, whatever these other people do or think.”

vào thái độ của chúng ta đối với thái độ của họ. Nếu việc nghiên cứu huyền bí học của chúng ta đã mang lại bất kỳ kết quả nào, chúng ta sẽ nói: "Tôi không quan tâm đến vị trí mà họ đảm nhận; đó là việc của họ, không phải của tôi; việc của tôi là đảm bảo rằng tôi không bị xúc phạm và lo lắng, rằng tôi duy trì một trạng thái bình yên, bất kể những người khác làm gì hay nghĩ gì."

One may say that it is very difficult to do that, if other people are aggressive or insulting. But is it not obvious that the effect produced by the insulting and aggressive attitude depends upon the way in which it is met? If we allow ourselves to be affected by it, a great deal of disturbance is set up. We on our side show something of the same nature, and to the onlooker it would seem that some of that aggression is justified. But if we are perfectly calm, the man who abuses us puts himself in the wrong, and the outsider can see that we are not in the wrong. Of course, we should not remain calm in order to appear in the right, but we should adopt a philosophical attitude, because we do not feel these attempts to attack us or to interfere with us; and thus we can be happy.

Người ta có thể nói rằng rất khó để làm điều đó, nếu người khác hung hăng hoặc xúc phạm. Nhưng chẳng phải rõ ràng rằng hiệu ứng do thái độ xúc phạm và hung hăng gây ra phụ thuộc vào cách mà nó được đối diện sao? Nếu chúng ta để bản thân bị ảnh hưởng bởi nó, sẽ tạo ra rất nhiều xáo trộn. Chúng ta, về phía mình, thể hiện một phần nào đó của cùng bản chất, và đối với người quan sát, có vẻ như một phần của sự hung hăng đó là hợp lý. Nhưng nếu chúng ta hoàn toàn bình tĩnh, người lăng mạ chúng ta sẽ tự đặt mình vào sai lầm, và người ngoài có thể thấy rằng chúng ta không sai. Tất nhiên, chúng ta không nên giữ bình tĩnh để tỏ ra đúng, mà chúng ta nên có thái độ triết lý, vì chúng ta không cảm thấy những nỗ lực tấn công hoặc can thiệp vào chúng ta; và do đó chúng ta có thể hạnh phúc.

That seems a sort of negative happiness, to avoid pain or suffering. We can do a great deal more than that; we who are trying to live according to the precepts of occultism—students of the inner life—must be doing something of the world’s work. Assuredly no one can see the Plan of the Logos, and the work that is to be done to carry out that Plan, without trying to do as much as he can for it, and the fact that he is engaged in that work keeps a man busy and happy. We should have no time for depression, no time to worry about all these outer things. If we are all the time busily engaged in pouring out’ good thought, in sending strong wishes, strong currents of

Điều đó dường như là một loại hạnh phúc tiêu cực, để tránh đau đớn hoặc khổ sở. Chúng ta có thể làm nhiều hơn thế; chúng ta, những người đang cố gắng sống theo các giáo lý của huyền bí học—các đạo sinh của đời sống nội tâm—phải đang làm một phần công việc của thế giới. Chắc chắn không ai có thể thấy Thiên Cơ của Thượng đế, và công việc cần làm để thực hiện Thiên Cơ đó, mà không cố gắng làm nhiều nhất có thể cho nó, và thực tế rằng y đang tham gia vào công việc đó giữ cho một người bận rộn và hạnh phúc. Chúng ta không nên có thời gian cho sự chán nản, không có thời gian để lo lắng về tất cả những điều bên ngoài này. Nếu chúng ta luôn bận rộn trong việc tuôn đổ

goodwill to all around us, we are fully occupied, and are happy in the work itself.

tư tưởng tốt, gửi những mong muốn mạnh mẽ, những dòng chảy thiện chí mạnh mẽ đến tất cả xung quanh chúng ta, chúng ta hoàn toàn bận rộn, và hạnh phúc trong công việc đó.

It is sad to see the way in which people all about us are constantly talking about doing things “to pass the time”. They do this or that for the sake of having something to do. It is both ludicrous and pitiable, because the world is full of opportunities to do good and noble deeds, and these people are not even looking for the opportunities. They are just trying somehow or other to amuse themselves, that they may get through the time—a most extraordinary attitude to take.

Thật buồn khi thấy cách mà mọi người xung quanh chúng ta liên tục nói về việc làm những điều "để giết thời gian". Họ làm điều này hay điều kia chỉ để có cái gì đó để làm. Điều đó vừa buồn cười vừa đáng thương, vì thế giới đầy cơ hội để làm những việc tốt đẹp và cao quý, và những người này thậm chí không tìm kiếm cơ hội. Họ chỉ đang cố gắng bằng cách nào đó để giải trí cho bản thân, để họ có thể vượt qua thời gian—một thái độ thật kỳ lạ.

The student of occultism finds that he cannot get time enough to do all that he would like to do. All those who are really willing to work are overwhelmed with work; there is always more to be done than they can possibly do. Dr. Besant works indefatigably from early in the morning until very late at night without any rest, and hers is a very different thing from the ordinary man’s idea of work. Some men who are in business are certainly closely occupied the whole time, but most people’s idea of work is to do a little and have a rest, and then take the matter up again and spend a little more time at it. They would call that very close attention to work. That is not the way in which she works. Even while she is listening to some story that is being told to her, she will continue writing and still know every word of what one is telling her, and be perfectly ready at the end of the story to give help or advice. She loses no single moment. She is always prepared, if she happens to be waiting at a railway station, to take out a little dispatch box and begin writing articles or letters at once. It is not given to every one—and think of the age which her body has now reached—to do that, especially as a great deal of the work is

Đạo sinh của huyền bí học nhận thấy rằng y không thể có đủ thời gian để làm tất cả những gì y muốn làm. Tất cả những ai thực sự sẵn lòng làm việc đều bị choáng ngợp với công việc; luôn có nhiều việc cần làm hơn những gì họ có thể làm được. Bà Besant làm việc không mệt mỏi từ sáng sớm đến rất khuya mà không nghỉ ngơi, và công việc của bà rất khác biệt so với ý tưởng của người thường về công việc. Một số người trong kinh doanh chắc chắn bận rộn suốt thời gian, nhưng hầu hết mọi người nghĩ rằng công việc là làm một chút rồi nghỉ ngơi, sau đó lại tiếp tục và dành thêm chút thời gian cho nó. Họ sẽ gọi đó là sự chú ý rất sát sao đến công việc. Đó không phải là cách bà làm việc. Ngay cả khi bà đang lắng nghe một câu chuyện nào đó được kể cho bà, bà vẫn tiếp tục viết và vẫn biết từng từ của những gì người ta đang kể cho bà, và hoàn toàn sẵn sàng vào cuối câu chuyện để đưa ra sự giúp đỡ hoặc lời khuyên. Bà không để lãng phí một khoảnh khắc nào. Bà luôn sẵn sàng, nếu bà tình cờ đang chờ đợi ở một nhà ga, để lấy ra một hộp thư nhỏ và bắt đầu viết bài hoặc thư ngay lập tức. Không phải ai cũng có thể làm được điều đó—và hãy nghĩ đến tuổi tác mà cơ thể bà đã đạt đến—đặc biệt là khi rất nhiều công việc có

of a very searching character, and calls for quick decision in many different directions. People who are paid for work do not do it in that way. It is precisely because all that she does is done for the love of it that she is able to do so much. Certainly she is happy in her work, always ready to meet people with a friendly smile, and is thus a great inspiration to all those who come into contact with her. We would do well to follow in her steps as far as we can, remembering always the duty of happiness. If we are not happy, then we are not doing enough; it is a sure proof that we are wasting time. We should get to work and do something, and at once the unhappiness will vanish, because there will not be time for it. The interest in the work is so keen and the amount to be done so great, that we shall find ourselves thinking of that, and we shall have no time to think of anything in the nature of unhappiness.

tính chất rất tìm tòi, và đòi hỏi quyết định nhanh chóng trong nhiều hướng khác nhau. Những người được trả tiền để làm việc không làm theo cách đó. Chính vì tất cả những gì bà làm đều được thực hiện vì tình yêu mà bà có thể làm được nhiều như vậy. Chắc chắn bà hạnh phúc trong công việc của mình, luôn sẵn sàng gặp gỡ mọi người với nụ cười thân thiện, và do đó là nguồn cảm hứng lớn cho tất cả những ai tiếp xúc với bà. Chúng ta nên làm theo bước chân của bà càng xa càng tốt, luôn nhớ đến nhiệm vụ của hạnh phúc. Nếu chúng ta không hạnh phúc, thì chúng ta chưa làm đủ; đó là bằng chứng chắc chắn rằng chúng ta đang lãng phí thời gian. Chúng ta nên bắt tay vào làm việc và làm điều gì đó, và ngay lập tức sự bất hạnh sẽ biến mất, vì sẽ không có thời gian cho nó. Sự quan tâm đến công việc rất mãnh liệt và lượng công việc cần làm rất lớn, đến nỗi chúng ta sẽ thấy mình nghĩ về điều đó, và chúng ta sẽ không có thời gian để nghĩ về bất cứ điều gì thuộc bản chất của sự bất hạnh.

Seek in the heart the source of evil and expunge it. It lives fruitfully in the heart of the devoted disciple as well as in the heart of the man of desire. Only the strong can kill it out. The weak must wait for its growth, its fruition, its death. And it is a plant that lives and increases throughout the ages. It flowers when the man has accumulated unto himself innumerable existences. He who will enter upon the path of power must tear this thing out of his heart. And then the heart will bleed, and the whole life of the man seem to be utterly dissolved. This ordeal must be endured; it may come at the first step of the perilous ladder which leads to the path of life: it may not come until the last. But, O disciple, remember that it has to be endured, and fasten the energies of your soul upon the task. Live

Tìm kiếm trong trái tim nguồn gốc của cái ác và loại bỏ nó. Nó sống một cách phong phú trong trái tim của đệ tử tận tụy cũng như trong trái tim của người có dục vọng. Chỉ những người mạnh mẽ mới có thể tiêu diệt nó. Những người yếu đuối phải chờ đợi sự phát triển, sự kết trái, sự chết của nó. Và nó là một cây sống và phát triển qua các thời đại. Nó nở hoa khi con người đã tích lũy cho mình vô số kiếp sống. Người nào muốn bước vào con đường quyền lực phải xé bỏ điều này ra khỏi trái tim mình. Và rồi trái tim sẽ chảy máu, và toàn bộ cuộc sống của người đó dường như tan rã hoàn toàn. Thử thách này phải được chịu đựng; nó có thể đến ở bước đầu tiên của chiếc thang nguy hiểm dẫn đến con đường sự sống: nó có thể không đến cho đến bước cuối cùng. Nhưng, ôi đệ tử, hãy nhớ rằng nó phải

neither in the present nor the future, but in the Eternal. This giant weed cannot flower there: this blot upon existence is wiped out by the very atmosphere of eternal thought.

được chịu đựng, và tập trung năng lượng của linh hồn bạn vào nhiệm vụ. Sống không phải trong hiện tại cũng không phải trong tương lai, mà trong Hiện Tại Vĩnh Cửu. Cây cỏ khổng lồ này không thể nở hoa ở đó: vết nhơ này trên sự tồn tại bị xóa sạch bởi chính bầu không khí của tư tưởng vĩnh cửu.

C.W.L.—This is the remainder of Rule 4, the Chohan's comment on the first three rules. The giant weed is the heresy of separateness—the idea of the separated self—which is truly the source of evil. We are directed to kill it out by stages. We are told first to unify the lower and the higher self, that is to say, to merge the personality in the individuality. For most of us the personal self is still so near that it tends to shut out the higher things. We have to work our way through that and gradually to transcend it, to get entirely rid of all selfishness. Then we have to begin upon the individuality.

C.W.L.—Đây là phần còn lại của Quy luật 4, bình luận của Đức Đế Quân về ba quy luật đầu tiên. Cây cỏ khổng lồ là tà thuyết của sự tách biệt—ý tưởng về cái tôi tách biệt—thực sự là nguồn gốc của cái ác. Chúng ta được chỉ dẫn để tiêu diệt nó theo từng giai đoạn. Chúng ta được bảo đầu tiên là hợp nhất phàm ngã và chân ngã, tức là hòa nhập phàm ngã vào chân ngã. Đối với hầu hết chúng ta, cái tôi cá nhân vẫn còn quá gần đến nỗi nó có xu hướng che khuất những điều cao hơn. Chúng ta phải làm việc để vượt qua điều đó và dần dần vượt qua nó, để hoàn toàn loại bỏ mọi sự ích kỷ. Sau đó, chúng ta phải bắt đầu với chân ngã.

Now, the individuality, the ego, is a very wonderful thing—complex, exceedingly beautiful and marvellously adapted to its surroundings, a glorious being indeed; yet eventually we must realize that even that is only an instrument that we have created by the working of many ages for the sake of the progress of the Monad. Because we have had to develop the idea of the separated self in the earlier stages of our progress, the giant weed; or the seed of it, is in the heart of everybody. That has to be killed out at one time or another, yet only the strong can tear it out from themselves at the beginning of their development. The weak must wait and let it go on growing while they are developing sufficient strength to kill it out. That is unfortunate for them, because the longer it is allowed to persist the more closely it becomes

Bây giờ, chân ngã, cái tôi, là một điều rất tuyệt vời—phức tạp, vô cùng đẹp đẽ và được thích nghi một cách kỳ diệu với môi trường xung quanh, thực sự là một thực thể vinh quang; tuy nhiên cuối cùng chúng ta phải nhận ra rằng ngay cả điều đó cũng chỉ là một công cụ mà chúng ta đã tạo ra qua công việc của nhiều thời đại vì sự tiến bộ của Chân Thần. Bởi vì chúng ta đã phải phát triển ý tưởng về cái tôi tách biệt trong những giai đoạn đầu của sự tiến hóa, cây cỏ khổng lồ; hoặc hạt giống của nó, nằm trong trái tim của mọi người. Điều đó phải được tiêu diệt vào một lúc nào đó, nhưng chỉ những người mạnh mẽ mới có thể xé bỏ nó ra khỏi bản thân mình ngay từ đầu sự phát triển của họ. Những người yếu đuối phải chờ đợi và để nó tiếp tục phát triển trong khi họ phát triển đủ sức mạnh để tiêu diệt nó. Điều đó không may cho họ, vì càng để nó tồn tại lâu, nó

intertwined with the nature of the man. Those who can summon the courage to tear it out now will make rapid and much surer progress. Terrible as the struggle is to get rid of this separated self at any time, it will be thousands of times more difficult if we leave it until the later stages of our progress. Until it is finally destroyed we shall be subject to all kinds of difficulties and dangers from which we can escape only by getting rid of it here and now. Obviously, therefore, it is best to kill it out in the beginning.

càng trở nên gắn bó chặt chẽ với bản chất của con người. Những ai có thể triệu tập đủ can đảm để xé bỏ nó ngay bây giờ sẽ tiến bộ nhanh chóng và chắc chắn hơn nhiều. Dù cuộc đấu tranh để loại bỏ cái tôi tách biệt này có khủng khiếp đến đâu vào bất kỳ thời điểm nào, nó sẽ khó khăn gấp hàng ngàn lần nếu chúng ta để nó đến những giai đoạn sau của sự tiến hóa. Cho đến khi nó bị tiêu diệt hoàn toàn, chúng ta sẽ phải đối mặt với đủ loại khó khăn và nguy hiểm mà chúng ta chỉ có thể thoát khỏi bằng cách loại bỏ nó ngay tại đây và bây giờ. Rõ ràng, do đó, tốt nhất là tiêu diệt nó ngay từ đầu.

All systems of occult teaching agree in advising students to try from the very beginning to get rid of this illusion. The difficulty in the way, apart from the habit of thinking of ourselves as separate, is that this idea has been the source of all our strength in the past. When the ego was first formed as an individual he was distinctly weak. He had been, until then, part of a group soul, and the idea of separate identity was not strong in him. It had to be intensified through the savage life. The man's strength gradually grew from the feeling, "I am I". In the earlier days it would be: "I am a great fighter and a swift runner; I am a mighty headsman; I can lead armies; I can guide men; I can make them do as I will." Later on, it would express itself on a higher level as: "I have a mighty intellect; I can trust myself; I am proud of myself; I am a great man; I can think more strongly than other men and therefore I have power over their minds, and can sway them to do this or that." It is through the sense of separateness that we have learnt to be self-reliant.

Tất cả các hệ thống giảng dạy huyền bí đều đồng ý khuyên các đạo sinh cố gắng từ ngay từ đầu để loại bỏ ảo tưởng này. Khó khăn trên con đường, ngoài thói quen nghĩ về bản thân như là tách biệt, là ý tưởng này đã là nguồn gốc của tất cả sức mạnh của chúng ta trong quá khứ. Khi cái tôi lần đầu tiên được hình thành như một cá nhân, nó rõ ràng là yếu đuối. Nó đã từng, cho đến lúc đó, là một phần của hồn nhóm, và ý tưởng về bản sắc tách biệt không mạnh mẽ trong nó. Nó phải được tăng cường qua cuộc sống hoang dã. Sức mạnh của con người dần dần phát triển từ cảm giác, "Tôi là tôi". Trong những ngày đầu, nó sẽ là: "Tôi là một chiến binh vĩ đại và một người chạy nhanh; tôi là một người đứng đầu mạnh mẽ; tôi có thể dẫn dắt quân đội; tôi có thể hướng dẫn con người; tôi có thể khiến họ làm theo ý tôi." Sau này, nó sẽ biểu hiện ở một cấp độ cao hơn như: "Tôi có một trí tuệ mạnh mẽ; tôi có thể tin tưởng vào bản thân; tôi tự hào về bản thân; tôi là một người vĩ đại; tôi có thể suy nghĩ mạnh mẽ hơn những người khác và do đó tôi có quyền lực đối với tâm trí của họ, và có thể khiến họ làm điều này hay điều kia." Chính thông qua cảm giác tách biệt mà chúng ta đã học cách tự tin vào bản thân.

Later there comes a stage when self-reliance

Sau đó, có một giai đoạn khi tự tin vào bản

means reliance upon the Higher Self. The man no longer relies either on the skill of his hand, the fleetness of his foot and the strength of his muscles, or on his intellectual powers, but comes to realize that there is a strength of the spirit which is greater far than all these outer manifestations, and when this stage is reached he soon begins to see that the strength of his spirit is the strength of the infinite that lies behind it, because it is one with God Himself. Thus our self-reliance at last becomes reliance on Him—on the mighty Power behind. We are He, and in relying on God we are relying on ourselves, because each of us is a spark of the Divine, and the Godhead is in us. We only need to realize that and to unfold it, and then the self on which we rely becomes the great Self which is the All.

thân có nghĩa là dựa vào Chân Ngã. Con người không còn dựa vào kỹ năng của tay, sự nhanh nhẹn của chân và sức mạnh của cơ bắp, hoặc vào khả năng trí tuệ của mình, mà nhận ra rằng có một sức mạnh của tinh thần lớn hơn tất cả những biểu hiện bên ngoài này, và khi giai đoạn này được đạt đến, y sớm bắt đầu thấy rằng sức mạnh của tinh thần của mình là sức mạnh của vô hạn nằm phía sau nó, vì nó là một với Thượng đế. Do đó, sự tự tin vào bản thân của chúng ta cuối cùng trở thành sự dựa vào Ngài—vào Mãnh Lực vĩ đại phía sau. Chúng ta là Ngài, và khi dựa vào Thượng đế, chúng ta đang dựa vào bản thân, vì mỗi chúng ta là một tia lửa của Thiêng Liêng, và Thượng đế là trong chúng ta. Chúng ta chỉ cần nhận ra điều đó và phát triển nó, và sau đó cái tôi mà chúng ta dựa vào trở thành cái Đại Ngã là Tất Cả.

This idea of the separated self is ingrained in us and is part of the very ego which is the one permanent thing about us as far as we know. We have still to learn that there is the Monad; that will seem the true Self when we have laid aside the individuality. Yet when that time comes we shall see far more clearly than we do now that those Monads are only sparks of the Eternal Flame. We know it now theoretically, and true realization of it will come to all in due course; it has come to some already. I have explained before that when the consciousness is focused in the highest part of the causal body it is possible to look up the line that joins the Monad and the ego. Looking up that line into the Monad of which we know so little, and beyond it, we can see and know with a definiteness and certainty that no words can express down here, that all we have thought of as the Self and as belonging to us, is not we, but He; that if we had any intellect, any devotion or affection, it was not we at all, but it was the intellect, the devotion, the love which is God, which was showing itself forth through us.[24] When a man has had that

Ý tưởng về cái tôi tách biệt này đã ăn sâu vào chúng ta và là một phần của chính cái tôi vốn là điều duy nhất vĩnh cửu về chúng ta theo như chúng ta biết. Chúng ta vẫn phải học rằng có Chân Thần; điều đó sẽ dường như là cái Ngã thật khi chúng ta đã từ bỏ cá nhân tính. Tuy nhiên, khi thời điểm đó đến, chúng ta sẽ thấy rõ hơn nhiều so với bây giờ rằng những Chân Thần đó chỉ là những tia lửa của Ngọn Lửa Vĩnh Cửu. Chúng ta biết điều đó bây giờ về mặt lý thuyết, và sự nhận thức thật sự về điều đó sẽ đến với tất cả theo thời gian; nó đã đến với một số người rồi. Tôi đã giải thích trước đây rằng khi tâm thức tập trung vào phần cao nhất của thể nguyên nhân, có thể nhìn lên đường nối Chân Thần và cái tôi. Nhìn lên đường đó vào Chân Thần mà chúng ta biết rất ít, và vượt ra ngoài nó, chúng ta có thể thấy và biết với một sự chắc chắn và rõ ràng mà không từ ngữ nào có thể diễn tả ở đây, rằng tất cả những gì chúng ta đã nghĩ là cái Ngã và thuộc về chúng ta, không phải là chúng ta, mà là Ngài; rằng nếu chúng ta có bất kỳ trí tuệ nào, bất kỳ sự tận tụy hay tình thương nào, đó không phải là chúng ta chút nào, mà đó là trí tuệ, sự tận tụy, tình

experience he can never be quite the same again; he cannot come down again in the same way to the personal point of view, because he knows with the certainty that convinces. Some experience like that is needed to counteract the result of the development of the separated self which at present is a great trouble and causes us much sorrow and suffering by obscuring our view of Life. We are in this curious position that our self-development is due to the idea of separateness up to a certain point, and it is only when we have reached that point that it becomes an evil, and we have to get rid of it. Humanity has now reached a stage where it ought to be realizing that. That is why the duty of unselfishness is impressed upon us so strongly by all occult and high religious teaching. Humanity as a whole needs that. It is still in the selfish stage, trying to grasp this and that for itself. The whole of our strength must be turned against that tendency.

thương vốn là Thượng đế, vốn đang tự thể hiện qua chúng ta. Khi một người đã có trải nghiệm đó, y không bao giờ có thể hoàn toàn như trước nữa; y không thể trở lại theo cách cũ với quan điểm cá nhân, vì y biết với sự chắc chắn thuyết phục. Một trải nghiệm như vậy là cần thiết để chống lại kết quả của sự phát triển của cái tôi tách biệt vốn hiện tại là một rắc rối lớn và gây ra cho chúng ta nhiều đau khổ và khổ sở bằng cách che khuất cái nhìn của chúng ta về Sự sống. Chúng ta đang ở trong tình huống kỳ lạ này rằng sự phát triển bản thân của chúng ta là do ý tưởng về sự tách biệt đến một điểm nhất định, và chỉ khi chúng ta đã đạt đến điểm đó thì nó mới trở thành một điều ác, và chúng ta phải loại bỏ nó. Nhân loại hiện nay đã đạt đến một giai đoạn mà nó nên nhận ra điều đó. Đó là lý do tại sao nhiệm vụ của sự vô ngã được nhấn mạnh mạnh mẽ với chúng ta bởi tất cả các giáo lý huyền bí và tôn giáo cao cả. Nhân loại nói chung cần điều đó. Nó vẫn đang ở giai đoạn ích kỷ, cố gắng nắm bắt điều này và điều kia cho bản thân. Toàn bộ sức mạnh của chúng ta phải được hướng chống lại xu hướng đó.

At the same time we must try to be very tolerant about it. We often feel impatient with the rampant, the brutal selfishness found everywhere, but that is useless. These unfortunate people are only carrying on now what was necessary for their development thousands of years ago. We should help them, if possible; we should always be gentle and tolerant, but very firm as to the necessity for getting rid of this point of view. Some of us find it helpful to try to realize the progress of humanity as a whole and to make a practice of thinking of ourselves as part of it. We try to act on the advice given by one of our Masters who once put it thus: “If you succeed in taking a step of some kind, if you succeed in making definite advancement, you should not think: ‘I

Đồng thời, chúng ta phải cố gắng rất khoan dung về điều đó. Chúng ta thường cảm thấy thiếu kiên nhẫn với sự ích kỷ tràn lan, tàn bạo được tìm thấy khắp nơi, nhưng điều đó vô ích. Những người không may này chỉ đang tiếp tục những gì cần thiết cho sự phát triển của họ hàng ngàn năm trước. Chúng ta nên giúp đỡ họ, nếu có thể; chúng ta nên luôn nhẹ nhàng và khoan dung, nhưng rất kiên quyết về sự cần thiết phải loại bỏ quan điểm này. Một số chúng ta thấy hữu ích khi cố gắng nhận ra sự tiến bộ của nhân loại nói chung và thực hành nghĩ về bản thân như một phần của nó. Chúng ta cố gắng hành động theo lời khuyên của một trong những Chân sư của chúng ta, người đã từng nói như sau: "Nếu bạn thành công trong việc thực hiện một bước nào đó, nếu bạn thành

[24] *Ante.,* Vol. I, Part II, Ch. 2: *The Life of the Bodies*

have done this, I am really getting on'. The better way to put it is: 'I am glad that this has happened, because humanity through me is just that much nearer to finding itself—that much nearer to the final goal which God means it to reach; humanity through me has taken this step, and the fact that it has done so means a very little advance for every other unit." One may thus think of the whole of humanity, as a man thinks of the whole of his family, as a unit, from the baby to the old grandfather, and so considers the welfare of all.

công trong việc tiến bộ rõ ràng, bạn không nên nghĩ: 'Tôi đã làm điều này, tôi thực sự đang tiến lên'. Cách tốt hơn để nói là: 'Tôi vui mừng vì điều này đã xảy ra, vì nhân loại thông qua tôi chỉ gần hơn một chút để tìm thấy chính mình—gần hơn một chút với mục tiêu cuối cùng mà Thượng đế muốn nó đạt được; nhân loại thông qua tôi đã thực hiện bước này, và thực tế rằng nó đã làm như vậy có nghĩa là một tiến bộ rất nhỏ cho mỗi đơn vị khác." Một người có thể nghĩ về toàn bộ nhân loại, như một người nghĩ về toàn bộ gia đình của mình, như một đơn vị, từ em bé đến ông nội già, và do đó xem xét phúc lợi của tất cả.

We are told that we should live neither in the present nor the future, but in the Eternal. He who lives in the Eternal is the Logos, the Deity. He, living in the Eternal, sees the future as well as the present, sees the fulfilment of all these things. If we could raise ourselves up into His point of view we should be able to live in the Eternal as He does. That is not a thing that we can achieve to-day or to-morrow. We must fight our way towards it. A divine dissatisfaction is a necessity for our progress towards it. We must never be satisfied with the condition we have reached; that would at once mean stagnation. We must always aim at doing better and better, and by living in the future we shall learn how to do that.

Chúng ta được bảo rằng chúng ta không nên sống trong hiện tại cũng không phải trong tương lai, mà trong Hiện Tại Vĩnh Cửu. Người sống trong Hiện Tại Vĩnh Cửu là Thượng đế, Thượng đế. Ngài, sống trong Hiện Tại Vĩnh Cửu, thấy tương lai cũng như hiện tại, thấy sự hoàn thành của tất cả những điều này. Nếu chúng ta có thể nâng mình lên quan điểm của Ngài, chúng ta sẽ có thể sống trong Hiện Tại Vĩnh Cửu như Ngài. Đó không phải là điều mà chúng ta có thể đạt được hôm nay hoặc ngày mai. Chúng ta phải chiến đấu để đạt được điều đó. Một sự không hài lòng thiêng liêng là cần thiết cho sự tiến bộ của chúng ta hướng tới điều đó. Chúng ta không bao giờ được hài lòng với tình trạng mà chúng ta đã đạt được; điều đó sẽ ngay lập tức có nghĩa là sự trì trệ. Chúng ta phải luôn nhắm đến việc làm tốt hơn và tốt hơn, và bằng cách sống trong tương lai, chúng ta sẽ học cách làm điều đó.

At the same time, while we are always reaching forward, always striving upward, it is a mistake to allow ourselves to feel discontented or worried with regard to transitory happenings to the temporary condition of ourselves and others. It is wiser and better to project ourselves into the future and live in it. We should say: "I am at the

Đồng thời, trong khi chúng ta luôn vươn tới, luôn phấn đấu lên cao, đó là một sai lầm khi để bản thân cảm thấy không hài lòng hoặc lo lắng về những sự kiện tạm thời đối với tình trạng tạm thời của bản thân và người khác. Khôn ngoan và tốt hơn là phóng chiếu bản thân vào tương lai và sống trong đó. Chúng ta nên nói: "Hiện tại tôi là một người như thế này, với

moment such and such a person, with certain faults and failings. I am going to transcend these faults and failings. Let me look forward to the time when they will no longer exist." It is a great thing to live for to-morrow and not for yesterday. The world at large is living for the centuries which lie behind it and is clinging to old prejudices. We should look forward to the future and live for that.

những lỗi lầm và thiếu sót nhất định. Tôi sẽ vượt qua những lỗi lầm và thiếu sót này. Hãy để tôi nhìn về phía trước đến thời điểm khi chúng sẽ không còn tồn tại nữa." Đó là một điều tuyệt vời để sống cho ngày mai chứ không phải cho ngày hôm qua. Thế giới nói chung đang sống cho những thế kỷ đã qua và đang bám vào những định kiến cũ. Chúng ta nên nhìn về phía trước đến tương lai và sống cho điều đó.

Keep your thought hopefully on the future, not regretfully on the past. The present is very largely an illusion; so we are not really dissatisfied with what we are doing, but with what we have just done. If we want to get on we must keep our eyes in front of us. To look behind is not the way to make progress. If that course were persisted in on the physical plane we should not go far without meeting with an accident, and the same thing is true in these higher realms also. The more we think over it the clearer it becomes that in the three aphorisms we have just been examining, *viz.,* "Kill out ambition, kill out desire of life, and kill out desire of comfort", all that moves the ordinary man to exertion has been absolutely cut away.

Giữ suy nghĩ của bạn hy vọng về tương lai, không tiếc nuối về quá khứ. Hiện tại phần lớn là một ảo tưởng; vì vậy chúng ta không thực sự không hài lòng với những gì chúng ta đang làm, mà với những gì chúng ta vừa mới làm. Nếu chúng ta muốn tiến lên, chúng ta phải giữ mắt mình ở phía trước. Nhìn lại không phải là cách để tiến bộ. Nếu điều đó được duy trì trên cõi hồng trần, chúng ta sẽ không đi xa mà không gặp tai nạn, và điều tương tự cũng đúng trong những cõi cao hơn này. Càng suy nghĩ về điều đó, càng rõ ràng rằng trong ba câu châm ngôn mà chúng ta vừa xem xét, tức là, "Tiêu diệt tham vọng, tiêu diệt ham muốn sống, và tiêu diệt ham muốn thoải mái", tất cả những gì thúc đẩy người thường nỗ lực đã bị cắt bỏ hoàn toàn.

A man's life is first of all directed by the desire to keep himself and his family alive, "to keep his head above water"; he has always the ambition of rising to higher levels; he wishes for greater comfort for himself and for his family. These are precisely the mainsprings which move the ordinary man, and it is obvious that if all of them should be absolutely removed from him, he would be left supine—he would be left without any reason to bestir himself at all; he would be like a log. He would say: "If I am not to have ambition of any sort, if I am to cease to desire either life or comfort, why should I do anything? Why should I move at all?" He

Cuộc sống của một người trước hết được định hướng bởi mong muốn giữ cho bản thân và gia đình sống sót, "giữ đầu mình trên mặt nước"; y luôn có tham vọng vươn lên những cấp độ cao hơn; y mong muốn có sự thoải mái lớn hơn cho bản thân và gia đình. Đây chính là những động lực thúc đẩy người thường, và rõ ràng rằng nếu tất cả chúng đều bị loại bỏ hoàn toàn khỏi y, y sẽ bị bỏ lại trong trạng thái bất động—y sẽ bị bỏ lại mà không có lý do nào để nỗ lực chút nào; y sẽ giống như một khúc gỗ. Y sẽ nói: "Nếu tôi không có tham vọng nào, nếu tôi phải ngừng mong muốn sống hoặc thoải mái, tại sao tôi phải làm bất cứ điều gì? Tại sao tôi phải di chuyển chút nào?" Y sẽ bị bỏ lại mà không có

would be left without any adequate motive for exertion of any kind, and all progress for him would be at an end. It is obvious that for him the killing out of these things would have a bad effect.

động lực nào đủ để nỗ lực bất kỳ loại nào, và mọi tiến bộ đối với y sẽ chấm dứt. Rõ ràng rằng đối với y, việc tiêu diệt những điều này sẽ có tác động xấu.

Even the man who is nearly ready to tread the Path, who has ceased to feel any interest in lower things, reaches a stage when there is danger of his falling into a state of inaction. Intellectually he is absolutely convinced that all these lower things are not worth pursuing, and because they have ceased to attract him he does not feel inclined to put forth energy in any direction. That is an experience which comes to nearly every one in the course of his evolution, and is a very real trouble to numbers of people. They have got rid of the lower and not taken on the higher. They are at a transition stage between the two; they have not sufficiently realized the unity for that to be the great motive power in life, but they have realized enough of it to know that the desires of the separated self are not worth following. So they remain in a condition of suspended animation. It is for some students a very great difficulty to rouse themselves out of this state. Nothing is worth while; nothing has any longer any interest for them. They want to die and be done with it.

Ngay cả người gần như sẵn sàng bước vào Thánh Đạo, người đã ngừng cảm thấy hứng thú với những điều thấp kém, cũng đạt đến một giai đoạn khi có nguy cơ rơi vào trạng thái không hoạt động. Về mặt trí tuệ, y hoàn toàn bị thuyết phục rằng tất cả những điều thấp kém này không đáng để theo đuổi, và vì chúng đã ngừng thu hút y, y không cảm thấy muốn nỗ lực theo bất kỳ hướng nào. Đó là một trải nghiệm mà hầu như ai cũng trải qua trong quá trình tiến hóa của mình, và là một rắc rối rất thực tế đối với nhiều người. Họ đã loại bỏ những điều thấp kém và chưa tiếp nhận những điều cao hơn. Họ đang ở giai đoạn chuyển tiếp giữa hai điều đó; họ chưa đủ nhận thức về sự hợp nhất để điều đó trở thành động lực lớn trong cuộc sống, nhưng họ đã nhận thức đủ về nó để biết rằng những ham muốn của cái tôi tách biệt không đáng để theo đuổi. Vì vậy, họ vẫn ở trong tình trạng tạm ngừng hoạt động. Đối với một số đạo sinh, rất khó để tự đánh thức mình ra khỏi trạng thái này. Không có gì đáng giá; không có gì còn có hứng thú với họ. Họ muốn chết và kết thúc mọi thứ.

The only way for a man to get beyond that unsatisfactory condition is to go a little further, and then he will begin to see that there is a higher and truer life which is infinitely well worth the living. He will find that when he has glimpsed the divine scheme he wants to throw himself into it—he cannot do otherwise. In identifying himself with the One Life, and acting as part of that Life, he finds the one motive which can stir him to action. When he takes that one step further and begins to realize the Life of the Self, then instead of wanting to fall into annihilation

Cách duy nhất để một người vượt qua tình trạng không thỏa đáng đó là tiến xa hơn một chút, và sau đó y sẽ bắt đầu thấy rằng có một cuộc sống cao hơn và chân thực hơn vô cùng đáng sống. Y sẽ thấy rằng khi y đã thoáng thấy kế hoạch thiêng liêng, y muốn dấn thân vào nó—y không thể làm khác được. Khi đồng hóa bản thân với Sự sống Duy Nhất, và hành động như một phần của Sự sống đó, y tìm thấy động lực duy nhất có thể thúc đẩy y hành động. Khi y tiến thêm một bước nữa và bắt đầu nhận thức Sự sống của Ngã, thì thay vì muốn rơi vào sự tiêu diệt và kết thúc mọi thứ, y sẽ khao khát

and to be done with everything, he will long to possess more and more energy in order to throw it into this glorious work. The motive power of the One Self will stir him to far greater activity than ever before, because it is infinitely more powerful than any lower motive, and the man who works with it to fulfil the high purposes of the Deity will gain infinite happiness and infinite peace.

có nhiều năng lượng hơn để dấn thân vào công việc vinh quang này. Động lực của Ngã Duy Nhất sẽ thúc đẩy y hoạt động mạnh mẽ hơn bao giờ hết, vì nó mạnh mẽ hơn vô hạn so với bất kỳ động lực thấp kém nào, và người làm việc với nó để thực hiện các mục đích cao cả của Thượng đế sẽ đạt được hạnh phúc vô hạn và hòa bình vô hạn.

CHAPTER 5

RULES 5 TO 8—QUY LUẬT 5 ĐẾN 8

5. Kill out all sense of separateness.	5. Tiêu diệt mọi cảm giác về sự tách biệt.
Yet stand alone and isolated, because nothing that is embodied, nothing that is conscious of separation, nothing that is out of the Eternal, can aid you.	Tuy nhiên, hãy đứng một mình và cô lập, vì không có gì được hiện thân, không có gì ý thức về sự tách biệt, không có gì nằm ngoài Hiện Tại Vĩnh Cửu có thể giúp bạn.

A.B.—This teaching is specially given in this book, intended for the disciple, because he has to learn to stand utterly alone. Nothing that is embodied, that is out of the Eternal, can aid him. All help that comes from the embodied is secondary help and may fail him in the moment of his greatest need. The biographies of the great Christian mystics show it to have been an invariable characteristic of their lives that they felt forsaken by every one, and had to stand absolutely alone. The same truth comes out also in the Christian Gospels, which contain in the symbol of the life of Jesus an account of the experiences through which every soul must go in the stages of discipleship. There are there two scenes which are connected with this statement; the first is that which is spoken of as the agony of Jesus in the garden of Gethsemane, when He found that His friends and followers could not watch with Him even for a little time, and He learned that He must go on alone; the second was the cry from the cross: "My God, my God, why hast *Thou* forsaken me?" These experiences are connected with the fourth great Initiation, when the man is thrown back upon himself and learns to rest upon the inner Self alone, to realize that he himself is only an expression of the Eternal in the outer world. There is always a danger that in this last great test the disciple will break down.

A.B.—Giáo lý này được đặc biệt đưa ra trong cuốn sách này, dành cho đệ tử, vì y phải học cách đứng hoàn toàn một mình. Không có gì được hiện thân, nằm ngoài Hiện Tại Vĩnh Cửu, có thể giúp y. Mọi sự giúp đỡ đến từ những gì được hiện thân chỉ là sự giúp đỡ thứ yếu và có thể thất bại trong lúc y cần nhất. Tiểu sử của các nhà thần bí Kitô giáo vĩ đại cho thấy đó là một đặc điểm không thay đổi trong cuộc sống của họ rằng họ cảm thấy bị mọi người bỏ rơi và phải đứng hoàn toàn một mình. Sự thật tương tự cũng xuất hiện trong các Phúc Âm Kitô giáo, vốn chứa đựng trong biểu tượng của cuộc đời Đức Jesus một bản tường thuật về những trải nghiệm mà mỗi linh hồn phải trải qua trong các giai đoạn của địa vị đệ tử. Có hai cảnh tượng liên quan đến tuyên bố này; đầu tiên là điều được nói đến như sự đau khổ của Đức Jesus trong vườn Gethsemane, khi Ngài nhận ra rằng bạn bè và những người theo Ngài không thể thức cùng Ngài dù chỉ một thời gian ngắn, và Ngài học được rằng Ngài phải tiếp tục một mình; thứ hai là tiếng kêu từ thập giá: "Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Ngài bỏ rơi con?" Những trải nghiệm này liên quan đến cuộc Điểm Đạo lớn thứ tư, khi con người bị đẩy trở lại chính mình và học cách dựa vào Chân Ngã bên trong, để nhận ra rằng chính y chỉ là một biểu hiện của Hiện Tại Vĩnh Cửu trong thế giới bên ngoài. Luôn có nguy cơ rằng trong thử thách lớn cuối cùng này, đệ tử sẽ gục ngã.

A double task lies before the disciple. He must kill out the sense of separateness, but he must learn to stand alone in order that he may be strong with the strength of the divine within himself. He must be like a star in heaven, that gives light to all but takes it from none. He can learn that only from the experience of isolation. Yet the sense of isolation is illusory, for he is in the Eternal. The illusion is due to the breaking away of all the forms before the realization of unity—of being the Eternal—develops in the consciousness.

Một nhiệm vụ kép nằm trước mặt đệ tử. Y phải tiêu diệt cảm giác tách biệt, nhưng y phải học cách đứng một mình để có thể mạnh mẽ với sức mạnh của thiêng liêng bên trong chính mình. Y phải như một ngôi sao trên trời, chiếu sáng cho tất cả nhưng không nhận ánh sáng từ ai. Y chỉ có thể học điều đó từ trải nghiệm cô lập. Tuy nhiên, cảm giác cô lập là ảo tưởng, vì y đang ở trong Hiện Tại Vĩnh Cửu. Ảo tưởng là do sự tan vỡ của mọi hình tướng trước khi sự nhận thức về sự hợp nhất—về việc là Hiện Tại Vĩnh Cửu—phát triển trong tâm thức.

This aphorism with its comment also contains other important thoughts. There is a stage at which the aspirant must stand aside from the body of men, because of his weakness, not of his strength. Sometimes a man is so near the condition of other men around him, who still lead the lower life that he has left, that he feels that by keeping company with them he is likely to be- dragged down into their vices. At that time the sentiment of repulsion is useful; and although it does show that he is in a lower stage of development yet he will do well to follow it and avoid their company.

Châm ngôn này cùng với bình luận của nó cũng chứa đựng những suy nghĩ quan trọng khác. Có một giai đoạn mà người chí nguyện phải đứng tách biệt khỏi thân thể của con người, vì sự yếu đuối của y, không phải vì sức mạnh của y. Đôi khi một người gần như ở trong tình trạng của những người khác xung quanh, những người vẫn sống cuộc sống thấp hơn mà y đã rời bỏ, đến mức y cảm thấy rằng bằng cách giữ công ty với họ, y có khả năng bị kéo xuống vào những thói xấu của họ. Lúc đó, cảm giác ghê tởm là hữu ích; và mặc dù nó cho thấy rằng y đang ở giai đoạn phát triển thấp hơn, nhưng y sẽ làm tốt khi theo nó và tránh xa công ty của họ.

When a man speaks with horror of a certain vice you may be sure that in the near past he has been in the grip of it. In the recent past there has been a fight against that vice, and his inner consciousness, from which nothing, disappears, now warns him against it. There is

Khi một người nói với sự kinh hoàng về một thói xấu nhất định, bạn có thể chắc chắn rằng trong quá khứ gần đây y đã bị nó chi phối. Trong quá khứ gần đây đã có một cuộc chiến chống lại thói xấu đó, và tâm thức bên trong của y, từ đó không có gì biến mất, giờ đây cảnh

a stage when a man has risen higher, when he need not seek such isolation from those who are still sinning. But so long as that is not the case, so long as he is liable to fall into vice on account of an impulse from outside, a man's safety lies in his running away from the temptation, until he is strong enough to go amidst that vice without being attracted by it. Only when a man has got beyond the power of falling into attraction by vice will he usually get over his horror and repulsion.

báo y chống lại nó. Có một giai đoạn khi một người đã vươn lên cao hơn, khi y không cần tìm kiếm sự cô lập như vậy từ những người vẫn đang phạm tội. Nhưng miễn là điều đó không xảy ra, miễn là y có khả năng rơi vào thói xấu do một xung động từ bên ngoài, sự an toàn của một người nằm ở việc chạy trốn khỏi cám dỗ, cho đến khi y đủ mạnh để đi giữa thói xấu đó mà không bị thu hút bởi nó. Chỉ khi một người đã vượt qua sức mạnh của sự thu hút bởi thói xấu, y mới thường vượt qua sự kinh hoàng và ghê tởm.

Then he has come to the stage at which he ought to think of the sinner as in need of his help. The very thought of his own past faults will now enable him to help others. We cannot help them as long as we ourselves are liable to fall, but only when we are neither attracted nor repelled, when we recognize our identity with those who are struggling. We then remember that the sin of the world is our own sin-^-the profound truth that no man can be perfectly clean while another remains unclean. While a man remains part of humanity its life is his; to escape from that, he must go outside humanity. The vice of any man is our vice, until he also has got rid of it. Upon that truth the saving of the world entirely turns.

Sau đó, y đã đến giai đoạn mà y nên nghĩ về người phạm tội như cần sự giúp đỡ của mình. Chính suy nghĩ về những lỗi lầm trong quá khứ của mình giờ đây sẽ giúp y giúp đỡ người khác. Chúng ta không thể giúp họ khi chúng ta vẫn có khả năng rơi vào, nhưng chỉ khi chúng ta không bị thu hút cũng không bị đẩy lùi, khi chúng ta nhận ra sự đồng nhất của mình với những người đang đấu tranh. Chúng ta sau đó nhớ rằng tội lỗi của thế giới là tội lỗi của chính chúng ta—sự thật sâu sắc rằng không ai có thể hoàn toàn sạch sẽ trong khi người khác vẫn còn ô uế. Trong khi một người vẫn là một phần của nhân loại, sự sống của nó là của y; để thoát khỏi điều đó, y phải đi ra ngoài nhân loại. Thói xấu của bất kỳ người nào là thói xấu của chúng ta, cho đến khi y cũng đã loại bỏ nó. Trên sự thật đó, sự cứu rỗi của thế giới hoàn toàn xoay quanh.

That should be the thought of any disciple if he should find himself under special

Đó nên là suy nghĩ của bất kỳ đệ tử nào nếu y thấy mình dưới sự cám dỗ đặc biệt. Y nên nhận

temptation. He should realize that he must not yield to the temptation, because in his fall there is a fall for the whole of humanity. Such knowledge ought to be sufficient to keep him from evil. Suppose you attempt to realize in consciousness the life of humanity, and then try to conquer a particular weakness; you will then feel that your own conquest is not a conquest for yourself, but for all. The whole of humanity is helped because one part of it has struggled and conquered. This idea will very often give you great strength. It is indeed worth while to struggle for the sake of the whole, if not for your own personal self.

ra rằng y không được nhượng bộ cám dỗ, vì trong sự sa ngã của y có sự sa ngã cho toàn bộ nhân loại. Kiến thức như vậy nên đủ để giữ y khỏi điều ác. Giả sử bạn cố gắng nhận thức trong tâm thức sự sống của nhân loại, và sau đó cố gắng chinh phục một điểm yếu cụ thể; bạn sẽ cảm thấy rằng sự chinh phục của mình không phải là sự chinh phục cho bản thân, mà cho tất cả. Toàn bộ nhân loại được giúp đỡ vì một phần của nó đã đấu tranh và chinh phục. Ý tưởng này sẽ rất thường xuyên mang lại cho bạn sức mạnh lớn. Thật sự đáng để đấu tranh vì lợi ích của toàn bộ, nếu không phải vì bản thân cá nhân của bạn.

C.W.L.—People sometimes make these instructions harder for themselves than they need be, and perhaps also a little unreal, by exaggerating them. We have to face the fact that there is separation down here on the physical plane. We may feel as completely fraternal as we can, but the fact nevertheless remains that in space our physical bodies are separate. Sometimes people want to deny that fact; they try to carry the idea of non-separateness to such a point as to make it unreasonable. That can never be right in occultism. Occult teaching is always the very essence of reasonableness and common sense, and whenever anything is put before us which is obviously unreasonable, we may feel sure there is a mistake somewhere. In some cases it may appear unreasonable because we are not in possession of all the facts, but when the facts are all before us and the statement still

C.W.L.—Đôi khi mọi người làm cho những chỉ dẫn này khó khăn hơn cho bản thân họ hơn cần thiết, và có lẽ cũng hơi không thực tế, bằng cách phóng đại chúng. Chúng ta phải đối mặt với thực tế rằng có sự tách biệt ở đây trên cõi hồng trần. Chúng ta có thể cảm thấy hoàn toàn huynh đệ như chúng ta có thể, nhưng thực tế vẫn là trong không gian, các thể xác của chúng ta là riêng biệt. Đôi khi mọi người muốn phủ nhận thực tế đó; họ cố gắng mang ý tưởng về sự không tách biệt đến mức làm cho nó trở nên vô lý. Điều đó không bao giờ có thể đúng trong huyền bí học. Giáo lý huyền bí luôn là bản chất của sự hợp lý và lẽ thường, và bất cứ khi nào có điều gì đó được đặt trước chúng ta mà rõ ràng là vô lý, chúng ta có thể chắc chắn rằng có một sai lầm nào đó. Trong một số trường hợp, nó có thể xuất hiện vô lý vì chúng ta không có tất cả các sự kiện, nhưng khi tất cả các sự kiện đều trước mặt chúng ta và tuyên bố vẫn có vẻ vô lý,

has an unreasonable appearance, we are justified in doubting it and waiting for further enlightenment.

chúng ta có quyền nghi ngờ nó và chờ đợi sự khai sáng thêm.

Though our physical bodies are separate in space there is really less separation than there appears to be. We all react upon one another to such an extent that no man can in any sense really live to himself alone. If one physical body has a certain disease, all the others near are liable to contract it. If the astral body is diseased in the sense of being, let us say, given to irritability, envy, jealousy, selfishness and so on, it is also infectious, because it radiates out its vibrations, and other astral bodies in the neighbourhood must be to some extent affected by such radiation. When, for example, people sit together at a meeting their astral bodies interpenetrate to a considerable degree, because the astral body of an ordinary person extends about eighteen inches around the physical body—in some cases still further—so that, although they are still quite separate, they must react considerably on one another. The same is true of the mental body, and even our causal bodies are separate in space and in condition. So we must understand this killing out of the sense of separateness in conformity with the facts of nature.

Mặc dù các thể xác của chúng ta là riêng biệt trong không gian, thực sự có ít sự tách biệt hơn so với vẻ bề ngoài. Chúng ta đều phản ứng lẫn nhau đến mức không ai có thể thực sự sống cho riêng mình. Nếu một thể xác có một căn bệnh nhất định, tất cả những người khác gần đó đều có khả năng mắc phải nó. Nếu thể cảm dục bị bệnh theo nghĩa là, hãy nói, dễ bị kích động, ghen tị, ích kỷ và vân vân, nó cũng lây nhiễm, vì nó phát ra các rung động của mình, và các thể cảm dục khác trong khu vực phải bị ảnh hưởng ở một mức độ nào đó bởi sự phát xạ như vậy. Khi, ví dụ, mọi người ngồi cùng nhau trong một cuộc họp, các thể cảm dục của họ thâm nhập vào nhau ở mức độ đáng kể, vì thể cảm dục của một người bình thường mở rộng khoảng mười tám inch xung quanh thể xác—trong một số trường hợp còn xa hơn—vì vậy, mặc dù chúng vẫn hoàn toàn riêng biệt, chúng phải phản ứng đáng kể lẫn nhau. Điều tương tự cũng đúng với thể trí, và thậm chí các thể nguyên nhân của chúng ta cũng riêng biệt trong không gian và trong điều kiện. Vì vậy, chúng ta phải hiểu việc tiêu diệt cảm giác tách biệt này phù hợp với các sự kiện của tự nhiên.

There is no separateness on the buddhic plane. There consciousnesses do not necessarily merge instantly at the lowest level, but they gradually grow wider and wider until, when

Không có sự tách biệt trên cõi Bồ đề. Ở đó, các tâm thức không nhất thiết phải hợp nhất ngay lập tức ở cấp độ thấp nhất, nhưng chúng dần dần mở rộng và mở rộng cho đến khi, khi

we reach the highest level of the buddhic plane, and have fully developed ourselves through all its different subdivisions, we find ourselves consciously one with humanity. That is the lowest level at which the separateness is absolutely non-existent; in its fullness the conscious unity with all belongs to the next plane—the nirvanic.

chúng ta đạt đến cấp độ cao nhất của cõi Bồ đề, và đã phát triển đầy đủ qua tất cả các phân khu khác nhau của nó, chúng ta nhận thấy mình ý thức một với nhân loại. Đó là cấp độ thấp nhất mà sự tách biệt hoàn toàn không tồn tại; trong sự đầy đủ của nó, sự hợp nhất ý thức với tất cả thuộc về cõi tiếp theo—cõi Niết Bàn.

Suppose that all of us could develop the buddhic consciousness within ourselves simultaneously. Each one would realize that he had risen to that level, and that his consciousness included that of all the others, but he would still feel that inclusive consciousness to be his consciousness. None of us would have lost his sense of individuality at all, only in it he would include very much more than he had ever done before. He would feel himself as manifesting through all these others as well. Really what we are experiencing is the one consciousness which includes us all, the consciousness of the Logos Himself.

Giả sử rằng tất cả chúng ta có thể phát triển tâm thức Bồ đề trong chính mình đồng thời. Mỗi người sẽ nhận ra rằng y đã vươn lên cấp độ đó, và rằng tâm thức của y bao gồm tâm thức của tất cả những người khác, nhưng y vẫn sẽ cảm thấy rằng tâm thức bao gồm đó là tâm thức của y. Không ai trong chúng ta sẽ mất đi cảm giác cá nhân của mình chút nào, chỉ là trong đó y sẽ bao gồm rất nhiều hơn những gì y đã từng làm trước đây. Y sẽ cảm thấy mình như đang biểu hiện qua tất cả những người khác này. Thực sự, những gì chúng ta đang trải nghiệm là một tâm thức bao gồm tất cả chúng ta, tâm thức của chính Thượng đế.

It is on the nirvanic plane that we realize most intensely that all that we thought to be our consciousness, our intellect, our devotion, our love, were in reality *His* consciousness, *His* intellect, *His* love, *His* devotion, manifesting through us somewhat as a light might shine through a lens. That realization does not come fully to the man in the buddhic world, but it does so come to him in that next above.

Chính trên cõi Niết Bàn mà chúng ta nhận ra mãnh liệt nhất rằng tất cả những gì chúng ta nghĩ là tâm thức của mình, trí tuệ của mình, sự tận tụy của mình, tình yêu của mình, thực sự là tâm thức của Ngài, trí tuệ của Ngài, tình yêu của Ngài, sự tận tụy của Ngài, biểu hiện qua chúng ta như ánh sáng có thể chiếu qua một thấu kính. Sự nhận thức đó không đến đầy đủ với con người trong thế giới Bồ đề, nhưng nó đến với y trong cõi tiếp theo.

In the *Stanzas of Dzyan* it is said, referring to man; "The spark hangs from the Flame by the finest thread of Fohat."[25] That, I believe, is

Trong các Khổ Kinh của Dzyan có nói, đề cập đến con người; "Tia lửa treo từ Ngọn Lửa bằng sợi dây mảnh nhất của Fohat." Điều đó, tôi tin,

[25] *The Secret Doctrine,* Vol. I, p. 66

applicable at various levels; for us it may be taken to mean that the ego hangs from the Monad by the finest thread, and that thread runs through the buddhic plane. The finest thread of which you can think is all that represents the ordinary man at these buddhic levels. As soon as he turns his attention to higher matters—when he is regularly thinking of them and aiming at them—that thread begins to thicken. It gradually becomes more and more like a cable, and later on it appears as a funnel, because it widens out up above (I am speaking of it now as one would see it clairvoyantly), and comes down into the causal body, which is a thing of definite size for the time. Later on the causal body itself is enlarged by the inrushing of forces, and the funnel becomes very much larger, widening out at the bottom as well as the top. At the first Initiation (for many, this experience comes before that), the man abandons the causal body and plunges into the buddhic plane. At that time, as I have explained before, the causal body absolutely vanishes—the one thing that has seemed permanent through his long line of lives, since he left the animal kingdom, disappears.[26] When that occurs this funnel shapes itself into a sphere. There are more dimensions there, so that I cannot actually describe it, but this is how it appears to one who is able to see it.

có thể áp dụng ở nhiều cấp độ khác nhau; đối với chúng ta, nó có thể được hiểu là chân ngã treo từ Chân Thần bằng sợi dây mảnh nhất, và sợi dây đó chạy qua cõi Bồ đề. Sợi dây mảnh nhất mà bạn có thể nghĩ đến là tất cả những gì đại diện cho người bình thường ở các cấp độ Bồ đề này. Ngay khi y hướng sự chú ý của mình đến những vấn đề cao hơn—khi y thường xuyên nghĩ về chúng và nhắm đến chúng—sợi dây đó bắt đầu dày lên. Nó dần dần trở nên giống như một sợi cáp, và sau đó nó xuất hiện như một cái phễu, vì nó mở rộng lên trên (tôi đang nói về nó như một người có thể thấy nó bằng thông nhãn), và đi xuống vào thể nguyên nhân, vốn là một thứ có kích thước xác định trong thời gian. Sau đó, thể nguyên nhân tự nó được mở rộng bởi sự tuôn đổ của các lực, và cái phễu trở nên rất lớn hơn, mở rộng ra ở cả phía dưới và phía trên. Tại lần Điểm Đạo đầu tiên (đối với nhiều người, trải nghiệm này đến trước đó), con người từ bỏ thể nguyên nhân và lao vào cõi Bồ đề. Lúc đó, như tôi đã giải thích trước đây, thể nguyên nhân hoàn toàn biến mất—thứ duy nhất dường như vĩnh viễn qua dòng đời dài của y, kể từ khi y rời khỏi giới động vật, biến mất. Khi điều đó xảy ra, cái phễu này hình thành thành một hình cầu. Có nhiều chiều hơn ở đó, vì vậy tôi không thể thực sự mô tả nó, nhưng đây là cách nó xuất hiện với một người có thể thấy nó.

After a man has taken the first Initiation the sense of separateness is one of the failings which have to be entirely conquered before he can take the second. It is the first of the ten

Sau khi một người đã trải qua lần Điểm Đạo đầu tiên, cảm giác tách biệt là một trong những thất bại mà y phải hoàn toàn chinh phục trước khi y có thể trải qua lần thứ hai. Đó

[26] *Ante.,* Vol. I, Part II, Ch. 2: *The Life of the Bodies*

sanyojana or fetters which he has to cast off on his way up the steps of the Path. It is made possible for 'him finally and irrevocably to cast it off by the experience which is part of that first Initiation. He gets then merely a touch of the buddhic consciousness. It does not mean necessarily that he can go back into that condition of consciousness whenever he will, but at least he has experienced it, and having once felt the unity, he knows that it exists even though he may be incapable of re-entering it without the aid of the Master. He knows, therefore, that the sense of separateness is an illusion. It is practically impossible for us down here in the physical body to grasp that really. We constantly speak of it and we try to persuade ourselves that we feel it, but as long as one is in a physical body and until one has had that higher experience, frankly I do not think one can feel it. We persuade ourselves of it intellectually but really to feel it is a different thing.

là cái đầu tiên trong mười sanyojana hoặc xiềng xích mà y phải vứt bỏ trên con đường đi lên các bậc thang của Thánh Đạo. Nó được làm cho có thể để y cuối cùng và không thể đảo ngược vứt bỏ nó bằng trải nghiệm là một phần của lần Điểm Đạo đầu tiên đó. Y chỉ nhận được một chút chạm vào tâm thức Bồ đề. Điều đó không nhất thiết có nghĩa là y có thể quay trở lại trạng thái tâm thức đó bất cứ khi nào y muốn, nhưng ít nhất y đã trải nghiệm nó, và một khi đã cảm nhận được sự hợp nhất, y biết rằng nó tồn tại mặc dù y có thể không thể tái nhập vào nó mà không có sự trợ giúp của Chân sư. Y biết, do đó, rằng cảm giác tách biệt là một ảo tưởng. Thực sự là không thể cho chúng ta ở đây trong thể xác để nắm bắt điều đó thực sự. Chúng ta liên tục nói về nó và cố gắng thuyết phục bản thân rằng chúng ta cảm nhận được nó, nhưng miễn là một người đang ở trong thể xác và cho đến khi một người đã có trải nghiệm cao hơn đó, thành thật mà nói, tôi không nghĩ rằng một người có thể cảm nhận được nó. Chúng ta thuyết phục bản thân về nó một cách trí tuệ nhưng thực sự cảm nhận nó là một điều khác.

When a man begins to function on the buddhic plane, he enters it at its lowest level, but he is unable at first to make the most even of that lowest sub-plane. He will feel an intensity of bliss which no words can express, and an extension of consciousness which by contrast with anything which he has ever felt before, will no doubt give the idea that the whole world is included. Nevertheless it is not so at all. When he is sufficiently accustomed to this higher level to analyze it, he will find that the extension of consciousness, though a very great one, is by no means as yet full or

Khi một người bắt đầu hoạt động trên cõi Bồ đề, y bước vào nó ở cấp độ thấp nhất của nó, nhưng ban đầu y không thể tận dụng tối đa ngay cả cấp độ phụ thấp nhất đó. Y sẽ cảm nhận một cường độ của hạnh phúc mà không từ ngữ nào có thể diễn tả, và một sự mở rộng của tâm thức mà so với bất cứ điều gì y đã từng cảm nhận trước đây, chắc chắn sẽ mang lại ý tưởng rằng toàn bộ thế giới được bao gồm. Tuy nhiên, thực sự không phải vậy chút nào. Khi y đủ quen thuộc với cấp độ cao hơn này để phân tích nó, y sẽ nhận thấy rằng sự mở rộng của tâm thức, mặc dù rất lớn, nhưng không phải là

universal. Gradually he extends the sphere which he can effectively occupy. It is somewhat like the way in which an army occupies a conquered territory. He establishes himself first, and then gradually extends that part over which he has definite power, until it includes the entire country. He then proceeds to try to push his consciousness into the next sub-plane; but even after he has worked his way through sub-plane after sub-plane until he reaches the highest, he has not necessarily built the buddhic vehicle. The man who has the buddhic consciousness within his reach by meditation or by effort can always raise himself into that condition. The man who has definitely built a buddhic vehicle has that consciousness all the time in the background of his lower physical, astral or mental consciousness. That is another and separate achievement and a difficult one, because to do that the causal body must be eliminated, must be destroyed as a separating wall.

đầy đủ hay phổ quát. Dần dần y mở rộng phạm vi mà y có thể chiếm lĩnh một cách hiệu quả. Nó giống như cách mà một đội quân chiếm lĩnh một lãnh thổ bị chinh phục. Y thiết lập bản thân trước, và sau đó dần dần mở rộng phần mà y có quyền lực xác định, cho đến khi nó bao gồm toàn bộ đất nước. Sau đó, y tiến hành cố gắng đẩy tâm thức của mình vào cấp độ phụ tiếp theo; nhưng ngay cả sau khi y đã làm việc qua từng cấp độ phụ cho đến khi y đạt đến cấp độ cao nhất, y không nhất thiết phải xây dựng được vận cụ Bồ đề. Người có tâm thức Bồ đề trong tầm tay bằng tham thiền hoặc bằng nỗ lực có thể luôn nâng mình lên trạng thái đó. Người đã xây dựng được vận cụ Bồ đề có tâm thức đó suốt thời gian trong nền tảng của tâm thức hồng trần, cảm dục hoặc trí tuệ thấp hơn của mình. Đó là một thành tựu khác và riêng biệt và là một điều khó khăn, vì để làm điều đó, thể nguyên nhân phải bị loại bỏ, phải bị phá hủy như một bức tường ngăn cách.

One whose consciousness works on the buddhic plane during meditation finds that although he is one with all the wonderful consciousness of the plane, yet there is a little circle of emptiness shutting him out from the rest. This little barrier is, of course, the causal body. In order that the buddhic vehicle shall be developed, even that must disappear. Then the man feels the reality of unobstructed Life in a way impossible to describe down here. Madame Blavatsky expressed the idea as a circle with its centre everywhere and its circumference nowhere—a very beautiful and expressive description.[27] Of course it is a paradox, but all things that can be said about

Người có tâm thức hoạt động trên cõi Bồ đề trong khi tham thiền nhận thấy rằng mặc dù y là một với tất cả tâm thức tuyệt vời của cõi đó, nhưng vẫn có một vòng tròn nhỏ của sự trống rỗng ngăn cách y khỏi phần còn lại. Rào cản nhỏ này, tất nhiên, là thể nguyên nhân. Để vận cụ Bồ đề được phát triển, ngay cả điều đó cũng phải biến mất. Sau đó, người đó cảm nhận được thực tại của Sự Sống không bị cản trở theo một cách không thể diễn tả ở đây. Bà Blavatsky đã diễn tả ý tưởng này như một vòng tròn với trung tâm của nó ở khắp mọi nơi và chu vi của nó không ở đâu cả—một mô tả rất đẹp và biểu cảm. Tất nhiên, đó là một nghịch lý, nhưng tất cả những điều có thể nói

[27] *Ante.,* Vol. II, p. 67

these higher conditions must necessarily be paradoxical.

về những điều kiện cao hơn này nhất thiết phải là nghịch lý.

When the unity is fully realized the man feels, however paradoxical it may sound, as though his vehicle at that level filled the whole of the plane, as though he could transfer his point of consciousness to any place within that plane and still be the centre of the circle. It is an experience which is quite indescribable. Along with that feeling, permeating and accompanying it always, is a sense of the most intense bliss—bliss of which we can have no conception at all on these lower planes—something vivid, active, fiery beyond all imagination. Most bliss down here, at the rare moments when we feel anything deserving of the name, consists chiefly in the absence of pain. We are happy and blissful down here when, for a moment, we are free from fatigue and pain, when we can relax and feel that we are taking in pleasant influences. That is rather a negative feeling. The bliss of the buddhic plane is the most intensely active, vivid feeling. I do not know in the least how to express it. If you could imagine the most intense activity that you have ever felt and then replace that vivid and strenuous activity by a feeling of bliss, then somehow raise it—spiritualize it—to an altogether higher plane, to the *n*th power, it would convey some idea of what that feeling is.

Khi sự hợp nhất được nhận thức đầy đủ, người đó cảm thấy, dù có vẻ nghịch lý đến đâu, như thể vận cụ của mình ở cấp độ đó lấp đầy toàn bộ cõi, như thể y có thể chuyển điểm tâm thức của mình đến bất kỳ nơi nào trong cõi đó và vẫn là trung tâm của vòng tròn. Đó là một trải nghiệm hoàn toàn không thể diễn tả. Cùng với cảm giác đó, thấm nhuần và luôn đi kèm với nó, là một cảm giác hạnh phúc mãnh liệt nhất—hạnh phúc mà chúng ta không thể có khái niệm nào ở các cõi thấp hơn này—một điều gì đó sống động, hoạt động, rực rỡ vượt xa mọi tưởng tượng. Hầu hết hạnh phúc ở đây, vào những khoảnh khắc hiếm hoi khi chúng ta cảm thấy điều gì đó xứng đáng với tên gọi đó, chủ yếu bao gồm sự vắng mặt của đau đớn. Chúng ta hạnh phúc và hân hoan ở đây khi, trong một khoảnh khắc, chúng ta thoát khỏi mệt mỏi và đau đớn, khi chúng ta có thể thư giãn và cảm thấy rằng chúng ta đang tiếp nhận những ảnh hưởng dễ chịu. Đó là một cảm giác khá tiêu cực. Hạnh phúc của cõi Bồ đề là cảm giác mãnh liệt nhất, sống động nhất. Tôi không biết làm thế nào để diễn tả nó. Nếu bạn có thể tưởng tượng hoạt động mãnh liệt nhất mà bạn từng cảm nhận và sau đó thay thế hoạt động sống động và căng thẳng đó bằng một cảm giác hạnh phúc, sau đó nâng nó lên—tinh thần hóa nó—đến một cõi hoàn toàn cao hơn, đến lũy thừa n, nó sẽ truyền đạt một số ý tưởng về cảm giác đó.

It is an active reality which is quite overpowering in its strength. There is nothing at all passive about it; one is not resting. Down here we live lives of so much strain and strenuousness that rest is always a very

Đó là một thực tại hoạt động hoàn toàn áp đảo trong sức mạnh của nó. Không có gì thụ động về nó; người ta không nghỉ ngơi. Ở đây, chúng ta sống những cuộc sống căng thẳng và căng thẳng đến mức nghỉ ngơi luôn là một phần rất

prominent part of any ideal we may have; but there it is not in the least a feeling that one is resting or wanting to rest. One is a tremendous incarnate energy whose expression is to pour itself forth, and the idea of rest or the need of rest is entirely outside one's consciousness. What to us here seems rest would seem a kind of negation up there. We have become one with the expression of the divine power, and that divine power is active life. People talk of the rest of nirvana—but that is from the lower point of view. It is the intensity of power that is the real characteristic of this higher life—a power so intense that it does not show itself in any sort of ordinary movement at all, but rather in one vast resistless sweep which might look like rest when viewed from below, but which means the consciousness of absolute power. It is impossible to express all this in words. When we have achieved this we have finally conquered the giant weed—the great enemy, the sense of separateness. It is the hardest task, on the whole, that is before us, because it involves everything else.

nổi bật của bất kỳ lý tưởng nào mà chúng ta có thể có; nhưng ở đó, không có chút cảm giác nào rằng người ta đang nghỉ ngơi hoặc muốn nghỉ ngơi. Người ta là một năng lượng hiện thân khổng lồ mà biểu hiện của nó là tuôn trào ra, và ý tưởng về nghỉ ngơi hoặc nhu cầu nghỉ ngơi hoàn toàn nằm ngoài tâm thức của người ta. Những gì đối với chúng ta ở đây có vẻ là nghỉ ngơi sẽ có vẻ như một loại phủ định ở đó. Chúng ta đã trở thành một với biểu hiện của sức mạnh thiêng liêng, và sức mạnh thiêng liêng đó là sự sống hoạt động. Người ta nói về sự nghỉ ngơi của niết bàn—nhưng đó là từ quan điểm thấp hơn. Đó là cường độ của sức mạnh mới là đặc điểm thực sự của cuộc sống cao hơn này—một sức mạnh mãnh liệt đến mức nó không thể hiện mình trong bất kỳ loại chuyển động thông thường nào, mà đúng hơn là trong một làn sóng không thể cưỡng lại có thể trông giống như nghỉ ngơi khi nhìn từ bên dưới, nhưng có nghĩa là tâm thức của sức mạnh tuyệt đối. Không thể diễn tả tất cả điều này bằng lời. Khi chúng ta đạt được điều này, chúng ta đã cuối cùng chinh phục được cây cỏ khổng lồ—kẻ thù lớn, cảm giác tách biệt. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, trên toàn bộ, mà trước mắt chúng ta, vì nó liên quan đến mọi thứ khác.

It is only after the buddhic body is fully developed on all the seven sub-planes that the man has the full fruition of the whole plane, a complete power of identification with the whole of humanity, so that he can learn through that relation what all these people think and feel. Before that buddhic consciousness is gained we may labour to reduce the sense of separateness and it may be done with great success intellectually, but we still remain outside, in the sense of not

Chỉ sau khi thể Bồ đề được phát triển đầy đủ trên tất cả bảy cấp độ phụ, người ta mới có được sự thụ hưởng đầy đủ của toàn bộ cõi, một sức mạnh hoàn toàn để đồng nhất với toàn bộ nhân loại, để y có thể học qua mối quan hệ đó những gì tất cả những người này nghĩ và cảm nhận. Trước khi tâm thức Bồ đề đạt được, chúng ta có thể nỗ lực để giảm bớt cảm giác tách biệt và điều đó có thể được thực hiện với thành công lớn về mặt trí tuệ, nhưng chúng ta vẫn ở bên ngoài, theo nghĩa không hiểu người

understanding others. They will still be an absolute mystery, for man is the greatest of mysteries to his fellow-man. We may come into very close relations with people for quite a long time, and yet not really know them inside. It may be that until the buddhic level is reached no man ever really knows any other man thoroughly.[28] When a man reaches that condition he is able to pour himself down into the consciousness of others and see what they do and why they act in that particular way. There all things are within him instead of outside, and he studies them as parts of himself. It sounds impossible down here, but that is something of what he feels. All the joy of the world is his joy; its suffering is his suffering. When he chooses to put himself down through any one of the million tentacles —the consciousnesses of other people with which he is one—then he can and does experience all which that person is experiencing. In this way all the world's suffering is within his reach, but he knows with absolute certainty that it is a necessary part of the plan and has no existence on those higher levels. He is in no way less sympathetic with it, yet he knows that "Brahman is Bliss", and that to be one with the divine is a state of perpetual inner joy. It is only when one gains that development that one can fully help others.

khác. Họ vẫn sẽ là một bí ẩn tuyệt đối, vì con người là bí ẩn lớn nhất đối với đồng loại của mình. Chúng ta có thể đến rất gần với mọi người trong một thời gian dài, nhưng vẫn không thực sự biết họ bên trong. Có thể cho đến khi cấp độ Bồ đề được đạt tới, không ai thực sự biết bất kỳ người nào khác một cách triệt để. Khi một người đạt đến trạng thái đó, y có thể đổ mình xuống vào tâm thức của người khác và thấy những gì họ làm và tại sao họ hành động theo cách cụ thể đó. Ở đó, mọi thứ đều nằm trong y thay vì bên ngoài, và y nghiên cứu chúng như những phần của chính mình. Nghe có vẻ không thể ở đây, nhưng đó là một phần của những gì y cảm nhận. Tất cả niềm vui của thế giới là niềm vui của y; sự đau khổ của nó là sự đau khổ của y. Khi y chọn đặt mình xuống qua bất kỳ một trong hàng triệu xúc tu—tâm thức của những người khác mà y là một—thì y có thể và thực sự trải nghiệm tất cả những gì người đó đang trải qua. Theo cách này, tất cả sự đau khổ của thế giới đều nằm trong tầm tay của y, nhưng y biết với sự chắc chắn tuyệt đối rằng đó là một phần cần thiết của kế hoạch và không tồn tại ở những cấp độ cao hơn đó. Y không hề ít đồng cảm với nó, nhưng y biết rằng "Brahman là Hạnh phúc", và rằng để trở thành một với thiêng liêng là một trạng thái của niềm vui nội tại vĩnh cửu. Chỉ khi một người đạt được sự phát triển đó, người ta mới có thể hoàn toàn giúp đỡ người khác.

When a man touches that consciousness he has for a time withdrawn from these lower physical levels where he can be perturbed or upset, and he is himself part of the divine joy. When he comes back again into his mental, astral and physical bodies he may permit little troubles to annoy him. This ought not to be so;

Khi một người chạm đến tâm thức đó, y đã tạm thời rút lui khỏi các cấp độ hồng trần thấp hơn nơi y có thể bị xáo trộn hoặc khó chịu, và y trở thành một phần của niềm vui thiêng liêng. Khi y trở lại vào các thể trí, cảm dục và thể xác, y có thể cho phép những rắc rối nhỏ làm phiền mình. Điều này không nên xảy ra; nhưng vẫn

[28] *Ante.,* Vol. II, p. 67

but still there is a great gap between the higher life and that lived in the physical body, where small things can still be very irritating. The possibility of being momentarily annoyed by something on the physical plane remains even when a very high level has been reached, but it is then merely superficial. The things from which people really suffer in this world are those which they feel to be hopeless. No one can ever have any feeling of hopelessness after he has touched that higher consciousness, because when we are absolutely certain that the reality is always joy, we know that all suffering at lower levels is only temporary, and that even that would not come to us if we were nearer to perfection.

có một khoảng cách lớn giữa đời sống cao hơn và đời sống trong thể xác, nơi những điều nhỏ nhặt vẫn có thể rất khó chịu. Khả năng bị khó chịu tạm thời bởi điều gì đó trên cõi hồng trần vẫn tồn tại ngay cả khi đã đạt đến một cấp độ rất cao, nhưng khi đó nó chỉ là bề mặt. Những điều mà con người thực sự chịu đựng trong thế giới này là những điều họ cảm thấy vô vọng. Không ai có thể cảm thấy vô vọng sau khi đã chạm đến tâm thức cao hơn đó, bởi vì khi chúng ta hoàn toàn chắc chắn rằng thực tại luôn là niềm vui, chúng ta biết rằng mọi đau khổ ở các cấp độ thấp hơn chỉ là tạm thời, và thậm chí điều đó cũng sẽ không đến với chúng ta nếu chúng ta gần hơn đến sự hoàn thiện.

The power of identification is gained not only with regard to the consciousness of people but with regard to everything else on the buddhic plane. Everything is learnt from the inside instead of from the outside. If we wish to study any subject, any organism, the working of any law of nature—it does not matter what—up to and including the consciousness of the causal body we have to study it from without, looking out at it. In the causal body we are able to examine it with an enormously widened' consciousness, with the power of knowing vastly more about it than we could possibly know on lower planes. But when we get to the buddhic plane the difference is a fundamental difference. That which we are examining has become part of ourselves. We examine it as a kind of symptom in ourselves. It is difficult to put into words because down here we have nothing exactly like it, but this looking at things from within instead of from without does give one a very great advantage. It is so different in its characteristics that we are

Sức mạnh của sự đồng hóa không chỉ đạt được đối với tâm thức của con người mà còn đối với mọi thứ khác trên cõi Bồ đề. Mọi thứ được học từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Nếu chúng ta muốn nghiên cứu bất kỳ chủ đề nào, bất kỳ sinh vật nào, hoạt động của bất kỳ định luật tự nhiên nào—không quan trọng là gì—cho đến và bao gồm cả tâm thức của thể nguyên nhân, chúng ta phải nghiên cứu nó từ bên ngoài, nhìn ra nó. Trong thể nguyên nhân, chúng ta có thể kiểm tra nó với một tâm thức mở rộng vô cùng, với khả năng biết nhiều hơn về nó so với những gì chúng ta có thể biết ở các cõi thấp hơn. Nhưng khi chúng ta đến cõi Bồ đề, sự khác biệt là một sự khác biệt cơ bản. Cái mà chúng ta đang kiểm tra đã trở thành một phần của chính chúng ta. Chúng ta kiểm tra nó như một loại triệu chứng trong chính mình. Thật khó để diễn đạt thành lời vì ở đây chúng ta không có gì giống như vậy, nhưng việc nhìn vào mọi thứ từ bên trong thay vì từ bên ngoài thực sự mang lại cho một người một lợi thế rất lớn. Nó khác biệt đến mức chúng ta có lẽ có thể

probably justified in saying that that is the first glimpse we get of the way in which the Deity looks at His universe, because He must have exactly that experience—that that at which He looks must be part of Himself because there is nothing which is not part of Him. Therefore His consciousness must be this buddhic consciousness raised to the power, and with all the insight and glory and splendour of which we can have no idea on any plane as yet. One can understand very clearly why that world is spoken of as the real, and all these lower ones as the unreal, because the difference is so great and the attitude is so entirely changed that any other way of looking at things does seem unreal, even ridiculous when once one has learned to see them from the inside.

nói rằng đó là cái nhìn đầu tiên mà chúng ta có về cách mà Thượng đế nhìn vào vũ trụ của Ngài, bởi vì Ngài phải có chính xác trải nghiệm đó—rằng cái mà Ngài nhìn vào phải là một phần của chính Ngài vì không có gì không phải là một phần của Ngài. Do đó, tâm thức của Ngài phải là tâm thức Bồ đề được nâng lên sức mạnh, và với tất cả sự thấu hiểu và vinh quang và huy hoàng mà chúng ta không thể có ý tưởng nào trên bất kỳ cõi nào cho đến nay. Người ta có thể hiểu rất rõ tại sao thế giới đó được nói đến như là thực, và tất cả những thế giới thấp hơn này là không thực, bởi vì sự khác biệt quá lớn và thái độ hoàn toàn thay đổi đến mức bất kỳ cách nhìn nào khác về mọi thứ đều có vẻ không thực, thậm chí lố bịch khi một người đã học cách nhìn chúng từ bên trong.

It is not so utterly impossible as many students think to attain to that higher sight. A reasonable number of people have succeeded in this incarnation, here and now, in gaining it. It is certainly within reach of those who will try hard enough, if they are willing to follow the rules—willing to adopt the utter selflessness which is required, because so long as there is anything personal in the disciple's point of view he cannot make any progress with this buddhic consciousness, which depends on the suppression of the personality.

Không phải là hoàn toàn không thể như nhiều học viên nghĩ để đạt được cái nhìn cao hơn đó. Một số lượng hợp lý người đã thành công trong kiếp này, ở đây và bây giờ, trong việc đạt được nó. Nó chắc chắn nằm trong tầm với của những người sẽ cố gắng đủ, nếu họ sẵn lòng tuân theo các Quy luật—sẵn lòng chấp nhận sự vô ngã hoàn toàn cần thiết, bởi vì chừng nào còn có bất kỳ điều gì cá nhân trong quan điểm của đệ tử, y không thể tiến bộ với tâm thức Bồ đề này, vốn phụ thuộc vào sự đàn áp của phàm ngã.

The idea of separateness shows itself in certain ways in daily life, and it is well to watch against those manifestations. One way in which people show it very much is by their desire for power over other separated selves. One half of the world is everlastingly trying to interfere with the other half. This habit is so

Ý tưởng về sự tách biệt thể hiện ra trong những cách nhất định trong cuộc sống hàng ngày, và tốt nhất là nên cảnh giác với những biểu hiện đó. Một cách mà mọi người thể hiện điều đó rất nhiều là qua mong muốn quyền lực đối với những cái tôi tách biệt khác. Một nửa thế giới luôn cố gắng can thiệp vào nửa kia.

ingrained in us that we do not notice it; we usually regard it in the light of good advice. About one case in two thousand may happen to be that, but in most of the others we are simply asserting our separated self by endeavouring to impress ourselves upon the other people.

Thói quen này đã ăn sâu vào chúng ta đến mức chúng ta không nhận ra nó; chúng ta thường coi nó như là lời khuyên tốt. Khoảng một trường hợp trong hai nghìn có thể là như vậy, nhưng trong hầu hết các trường hợp khác, chúng ta chỉ đơn giản là khẳng định cái tôi tách biệt của mình bằng cách cố gắng gây ấn tượng với người khác.

Physically, we try to make other people do things our way and to give way to us; we are perpetually trying to get them to adopt our particular plan, whatever it may be. Because it is ours it is the best plan in the world and we want to force it upon every one else. We find the same thing at the intellectual level. People try constantly to force their opinions and their ideas upon others. When a man has developed a keen intellect he begins subtly, slowly, to want to dominate other people by means of that intellect. Just because his thought becomes keener and stronger than that of others he tries to mould their thought by his. It is well and good that we should want to share with others all that we know; that we should set before them what we have found so good for ourselves. But as a rule that is not the idea which exists behind this desire to dominate other minds. It usually co-exists with a certain amount of contempt for the other people. We think: “These people are like sheep; we can sweep them along; we can make them think what we like.” It is to a large extent true that a man who has learned to think, as we should be learning by meditation and study, can dominate the thoughts of others very easily; but we should not do it, because anything like domination is bad for the other man’s evolution and not good for our own. So even this desire for intellectual domination

Về mặt thể chất, chúng ta cố gắng làm cho người khác làm theo cách của mình và nhường nhịn chúng ta; chúng ta liên tục cố gắng khiến họ chấp nhận kế hoạch cụ thể của chúng ta, dù nó là gì. Bởi vì nó là của chúng ta, nó là kế hoạch tốt nhất trên thế giới và chúng ta muốn áp đặt nó lên mọi người khác. Chúng ta thấy điều tương tự ở cấp độ trí tuệ. Mọi người liên tục cố gắng áp đặt ý kiến và ý tưởng của mình lên người khác. Khi một người phát triển trí tuệ sắc bén, y bắt đầu một cách tinh tế, chậm rãi, muốn thống trị người khác bằng trí tuệ đó. Chỉ vì suy nghĩ của y trở nên sắc bén và mạnh mẽ hơn so với người khác, y cố gắng định hình suy nghĩ của họ bằng suy nghĩ của mình. Điều đó tốt và đúng rằng chúng ta nên muốn chia sẻ với người khác tất cả những gì chúng ta biết; rằng chúng ta nên trình bày trước họ những gì chúng ta đã thấy tốt cho chính mình. Nhưng thông thường đó không phải là ý tưởng tồn tại đằng sau mong muốn thống trị tâm trí khác này. Nó thường tồn tại cùng với một mức độ khinh miệt nhất định đối với người khác. Chúng ta nghĩ: "Những người này giống như cừu; chúng ta có thể cuốn họ theo; chúng ta có thể khiến họ nghĩ những gì chúng ta thích." Đúng là một người đã học cách suy nghĩ, như chúng ta nên học qua tham thiền và học tập, có thể dễ dàng thống trị suy nghĩ của người khác; nhưng chúng ta không nên làm điều đó, bởi vì bất kỳ điều gì giống như sự thống trị đều

must be resisted. It is part of the vice of separateness.

không tốt cho sự tiến hóa của người khác và không tốt cho chính chúng ta. Vì vậy, ngay cả mong muốn thống trị trí tuệ này cũng phải được chống lại. Nó là một phần của thói xấu của sự tách biệt.

When we have got rid of that there is still a higher possibility along that line—in the realm of the spiritual we may also try to make people take our path. That is at the back of all endeavour to convert people from one religion to another. It is perhaps not quite fair to put it in that way, because Christianity at least starts with the gigantic delusion that unless people believe its particular shibboleths they will have a very unpleasant hereafter, therefore its attempt to convert others comes to have the colour of altruism. It assumes: “Orthodoxy is my doxy and heterodoxy is your doxy,” and: “What I believe is true and you must come into line with it.” When we have developed spirituality, when we have learned many things that others do not know, it is right and proper that we should preach our gospel, that we should wish to tell others what we have found and give them every opportunity to follow us into these realms of higher thought; but if that wish is tinged with a desire to dominate them—a desire that is often found along with many good qualities—there is still a touch of the old separated self about it, and the “giant weed” is not finally uprooted.

Khi chúng ta đã loại bỏ điều đó, vẫn còn một khả năng cao hơn dọc theo dòng đó—trong lĩnh vực tinh thần, chúng ta cũng có thể cố gắng khiến người khác đi theo con đường của chúng ta. Đó là nền tảng của mọi nỗ lực để chuyển đổi người khác từ tôn giáo này sang tôn giáo khác. Có lẽ không hoàn toàn công bằng khi nói như vậy, bởi vì ít nhất Cơ đốc giáo bắt đầu với ảo tưởng khổng lồ rằng trừ khi mọi người tin vào những điều đặc biệt của nó, họ sẽ có một hậu kiếp rất khó chịu, do đó nỗ lực chuyển đổi người khác của nó có màu sắc của lòng vị tha. Nó giả định: "Chính thống là giáo lý của tôi và dị giáo là giáo lý của bạn," và: "Những gì tôi tin là đúng và bạn phải tuân theo nó." Khi chúng ta đã phát triển tinh thần, khi chúng ta đã học được nhiều điều mà người khác không biết, đúng và hợp lý rằng chúng ta nên truyền bá phúc âm của mình, rằng chúng ta nên muốn nói cho người khác biết những gì chúng ta đã tìm thấy và cho họ mọi cơ hội để theo chúng ta vào những lĩnh vực tư tưởng cao hơn này; nhưng nếu mong muốn đó bị nhuốm màu bởi mong muốn thống trị họ—một mong muốn thường được tìm thấy cùng với nhiều phẩm chất tốt—vẫn còn một chút của cái tôi tách biệt cũ về nó, và "cỏ dại khổng lồ" chưa được nhổ tận gốc.

We must also get rid entirely of the wish to dominate others because so long as a man is working for the separated self he belongs to that great mass of separated selves which is such a terrible burden in evolution. The

Chúng ta cũng phải hoàn toàn loại bỏ mong muốn thống trị người khác bởi vì chừng nào một người còn làm việc cho cái tôi tách biệt, y thuộc về khối lượng lớn của những cái tôi tách biệt đó, vốn là một gánh nặng khủng khiếp

moment he begins to realize the unity, he ceases to be part of the weight which has to be lifted and begins to be one of the lifters.

trong tiến hóa. Ngay khi y bắt đầu nhận ra sự thống nhất, y ngừng là một phần của trọng lượng cần được nâng lên và bắt đầu là một trong những người nâng đỡ.

To stand alone and isolated means that one must not be dependent on anyone outside oneself, because no separated person or thing can really ultimately be of use to us. Help must be found within ourselves. The Master can help us all the time in our efforts, but even He cannot do the actual work for us. He is constantly suggesting things to us, pouring help into us in every way, but at every step it is we ourselves who must do the work. As we go on we must learn to stand apparently entirely alone, without the Master's direct help, but that is an illusion because no one can ever really be separated from the Master, or from the Deity of whom that Master is a part. Still, we must act as though we were alone, and at certain stages in our evolution we shall feel absolutely alone; yet if we can bring the intellect to bear upon it, though it is a difficult matter under such circumstances, we at once recognize that we never can be really alone. We are part of God and cannot cease to be so, because if we did we should altogether cease to be, we should be unconscious.

Đứng một mình và cô lập có nghĩa là một người không được phụ thuộc vào bất kỳ ai bên ngoài bản thân mình, bởi vì không có người hay vật tách biệt nào thực sự có thể hữu ích cho chúng ta. Sự giúp đỡ phải được tìm thấy trong chính chúng ta. Chân sư có thể giúp chúng ta mọi lúc trong nỗ lực của mình, nhưng ngay cả Ngài cũng không thể làm công việc thực sự cho chúng ta. Ngài liên tục gợi ý những điều cho chúng ta, đổ sự giúp đỡ vào chúng ta bằng mọi cách, nhưng ở mỗi bước, chính chúng ta phải làm công việc. Khi chúng ta tiến lên, chúng ta phải học cách đứng dường như hoàn toàn một mình, không có sự giúp đỡ trực tiếp của Chân sư, nhưng đó là một ảo tưởng bởi vì không ai có thể thực sự bị tách rời khỏi Chân sư, hoặc khỏi Thượng đế mà Chân sư là một phần. Tuy nhiên, chúng ta phải hành động như thể chúng ta đang một mình, và ở một số giai đoạn trong tiến hóa của mình, chúng ta sẽ cảm thấy hoàn toàn cô đơn; nhưng nếu chúng ta có thể mang trí tuệ vào đó, mặc dù đó là một vấn đề khó khăn trong những hoàn cảnh như vậy, chúng ta ngay lập tức nhận ra rằng chúng ta không bao giờ có thể thực sự cô đơn. Chúng ta là một phần của Thượng đế và không thể ngừng là như vậy, bởi vì nếu chúng ta làm vậy, chúng ta sẽ hoàn toàn ngừng tồn tại, chúng ta sẽ không có ý thức.

We are part of something which can never cease to be, and therefore the idea of loneliness is an illusion, though it causes great pain and suffering. On the physical plane a man is often least alone when he thinks

Chúng ta là một phần của một cái gì đó không bao giờ có thể ngừng tồn tại, và do đó ý tưởng về sự cô đơn là một ảo tưởng, mặc dù nó gây ra đau đớn và khổ sở lớn. Trên cõi hồng trần, một người thường ít cô đơn nhất khi y nghĩ mình

himself most alone; when he is in the midst of a crowd the higher things can touch him less easily, therefore he is more separated from them. But when these separated selves are not so close around him the influences of the non-separated Self can play upon him much more fully, and so it is really true to say that the man is least of all alone when he thinks or feels himself most alone.

cô đơn nhất; khi y ở giữa đám đông, những điều cao hơn có thể chạm vào y ít dễ dàng hơn, do đó y bị tách rời khỏi chúng nhiều hơn. Nhưng khi những cái tôi tách biệt này không quá gần xung quanh y, những ảnh hưởng của cái Tôi không tách biệt có thể tác động lên y nhiều hơn, và do đó thực sự đúng khi nói rằng người đó ít cô đơn nhất khi y nghĩ hoặc cảm thấy mình cô đơn nhất.

It is hardly possible to form any conception of the awful feeling of being absolutely alone in the universe—a point floating in space. That is the condition called avichi, which means “the waveless state”. It is a condition of consciousness in which a man appears to himself to stand outside the vibrations of the Divine Life, and is said to be the most terrible experience that can come to a man. That is the end of the black magician, who for many lives has striven definitely and determinedly for separateness, who has directly set himself against the unifying forces of evolution. The pupil of the Master must learn to sympathize even with the black magician who suffers avichi; therefore once in his development a man must experience that state of consciousness. He touches it only for a moment but he can never forget it, and henceforth he will always be able to understand the suffering of those who remain for ages in. such a condition as that. When for us that moment comes, we should remember that whatever is, is God, and that we cannot be separated from Him even though we feel that we are—we must realize that it is a final illusion which must be conquered.

Khó có thể hình thành bất kỳ khái niệm nào về cảm giác kinh khủng khi hoàn toàn cô đơn trong vũ trụ—một điểm trôi nổi trong không gian. Đó là trạng thái được gọi là avichi, có nghĩa là "trạng thái không sóng". Đó là một trạng thái tâm thức trong đó một người dường như đứng ngoài những rung động của Sự Sống Thiêng Liêng, và được cho là trải nghiệm kinh khủng nhất có thể đến với một người. Đó là kết cục của nhà huyền thuật đen, người trong nhiều kiếp đã cố gắng rõ ràng và quyết tâm cho sự tách biệt, người đã trực tiếp chống lại các lực thống nhất của tiến hóa. Đệ tử của Chân sư phải học cách đồng cảm ngay cả với nhà huyền thuật đen chịu đựng avichi; do đó một lần trong sự phát triển của mình, một người phải trải nghiệm trạng thái tâm thức đó. Y chỉ chạm vào nó trong một khoảnh khắc nhưng không bao giờ có thể quên nó, và từ đó y sẽ luôn có thể hiểu được sự đau khổ của những người ở lại trong một trạng thái như vậy trong nhiều thời đại. Khi khoảnh khắc đó đến với chúng ta, chúng ta nên nhớ rằng bất cứ điều gì tồn tại đều là Thượng đế, và rằng chúng ta không thể bị tách rời khỏi Ngài ngay cả khi chúng ta cảm thấy rằng chúng ta đang—chúng ta phải nhận ra rằng đó là một ảo tưởng cuối cùng cần phải chinh phục.

We all have to stand alone and isolated

Tất cả chúng ta đều phải đứng một mình và cô

because each of us must learn to depend upon himself and to realize that he is God, that the divine spark in him is in truth part of the All. Until we can do that we are not entirely reliable for the higher phases of the Master's work. In the meantime, for all our ordinary work in life, whether physical, astral or mental, the knowledge that the Master envelops us and is close behind us all the time is a very great strength and comfort. We do our regular work each night on the astral or mental plane, as the case may be, and in doing it we know always that the power of the Master protects us. If at any moment we encounter something enormously stronger than ourselves which threatens to overwhelm us, just as on the physical plane a great storm or earthquake might do, we always know that we can draw indefinitely, infinitely, on His power. Even that the disciple must learn to do without, when the time comes, but only in order that he may become as strong a centre as the Master Himself.

lập bởi vì mỗi người trong chúng ta phải học cách phụ thuộc vào chính mình và nhận ra rằng mình là Thượng đế, rằng tia lửa thiêng liêng trong mình thực sự là một phần của Tất Cả. Cho đến khi chúng ta có thể làm điều đó, chúng ta không hoàn toàn đáng tin cậy cho các giai đoạn cao hơn của công việc của Chân sư. Trong khi đó, cho tất cả công việc bình thường của chúng ta trong cuộc sống, dù là thể chất, cảm dục hay trí tuệ, kiến thức rằng Chân sư bao bọc chúng ta và luôn ở gần chúng ta là một sức mạnh và sự an ủi rất lớn. Chúng ta thực hiện công việc thường xuyên của mình mỗi đêm trên cõi cảm dục hoặc trí tuệ, tùy trường hợp, và khi làm điều đó, chúng ta luôn biết rằng sức mạnh của Chân sư bảo vệ chúng ta. Nếu vào bất kỳ lúc nào chúng ta gặp phải điều gì đó mạnh mẽ hơn mình rất nhiều đe dọa áp đảo chúng ta, giống như trên cõi hồng trần một cơn bão lớn hoặc động đất có thể làm, chúng ta luôn biết rằng chúng ta có thể rút ra vô hạn, vô tận, từ sức mạnh của Ngài. Ngay cả điều đó, đệ tử cũng phải học cách làm mà không cần, khi thời điểm đến, nhưng chỉ để y có thể trở thành một trung tâm mạnh mẽ như chính Chân sư.

Do not fancy you can stand aside from the bad man or the foolish man. They are yourself, though in a less degree than your friend or your Master. But if you allow the idea of separateness from any evil thing or person to grow up within you, by so doing you create karma, which will bind you to that thing or person till your soul recognizes that it cannot be isolated.

Đừng tưởng rằng bạn có thể đứng ngoài người xấu hoặc người ngu ngốc. Họ là chính bạn, mặc dù ở mức độ ít hơn so với bạn bè hoặc Chân sư của bạn. Nhưng nếu bạn cho phép ý tưởng về sự tách biệt khỏi bất kỳ điều xấu xa nào hoặc người nào phát triển trong bạn, bằng cách làm như vậy, bạn tạo ra nghiệp quả, điều sẽ ràng buộc bạn với điều đó hoặc người đó cho đến khi linh hồn của bạn nhận ra rằng nó không thể bị cô lập.

C.W.L.—This is the first part of a long note by the Master Hilarion. Of course we all bold in theory that humanity is a mighty brotherhood and is really a unity. The Master here admits that there are degrees in this unity, and that there are therefore degrees of separateness, that we are to some extent more separated from the bad and the foolish than we are from our friend or our Master. The idea of the brotherhood of man is often twisted to imply the equality of man, which it really cannot mean. In any family of many brothers there must be considerable differences of age among them, and there must similarly be differences of soul age among these members of the greater human brotherhood. Again, just as in the physical family it is the business of the elder to help and train the younger, so in the family of humanity must the elder protect the younger and help them in any way they can. Brotherhood implies variety; it requires this difference of age, and also that many people shall be doing different kinds of work.

C.W.L.—Đây là phần đầu của một ghi chú dài của Chân sư Hilarion. Tất nhiên, tất cả chúng ta đều giữ lý thuyết rằng nhân loại là một huynh đệ vĩ đại và thực sự là một sự thống nhất. Chân sư ở đây thừa nhận rằng có những cấp độ trong sự thống nhất này, và do đó có những cấp độ của sự tách biệt, rằng chúng ta ở một mức độ nào đó tách biệt hơn với người xấu và người ngu ngốc so với bạn bè hoặc Chân sư của chúng ta. Ý tưởng về huynh đệ của con người thường bị xoắn để ngụ ý sự bình đẳng của con người, điều mà thực sự không thể có nghĩa. Trong bất kỳ gia đình nào có nhiều anh em, phải có sự khác biệt đáng kể về tuổi tác giữa họ, và cũng phải có sự khác biệt về tuổi linh hồn giữa các thành viên của huynh đệ nhân loại lớn hơn này. Một lần nữa, giống như trong gia đình thể chất, nhiệm vụ của người lớn tuổi là giúp đỡ và huấn luyện người trẻ hơn, trong gia đình nhân loại, người lớn tuổi phải bảo vệ người trẻ hơn và giúp đỡ họ bằng mọi cách có thể. Huynh đệ ngụ ý sự đa dạng; nó đòi hỏi sự khác biệt về tuổi tác này, và cũng rằng nhiều người sẽ làm các loại công việc khác nhau.

One of the finest symbols of brotherhood that I have come across was a vision of one of our members of an Eastern temple supported by many hundreds of pillars. He said: “All these pillars are helping to support the temple, and they are therefore symbols of individual souls who form a part of the temple of humanity. Some of these pillars are on the outside, are seen and admired all the time. They also face the sunshine and the rain. Others are far away in the interior of the forest of pillars, never having the sun shining directly upon them at all, never being admired by people as they pass. Some of these pillars are in places where

Một trong những biểu tượng đẹp nhất về huynh đệ mà tôi đã gặp là một tầm nhìn của một thành viên của chúng ta về một ngôi đền phương Đông được hỗ trợ bởi hàng trăm cột trụ. Ông nói: "Tất cả những cột trụ này đang giúp đỡ để hỗ trợ ngôi đền, và do đó chúng là biểu tượng của các linh hồn cá nhân tạo thành một phần của ngôi đền nhân loại. Một số cột trụ này ở bên ngoài, được nhìn thấy và ngưỡng mộ mọi lúc. Chúng cũng đối mặt với ánh nắng và mưa. Những cột trụ khác ở xa trong nội thất của rừng cột, không bao giờ có ánh nắng chiếu trực tiếp lên chúng, không bao giờ được ngưỡng mộ bởi những người đi qua. Một số cột

the worshippers gather round and sit leaning against the plinth of the pillar all day long. Other pillars are in less approachable places, but each one is an integral part of the temple and is doing its work. That is like the brotherhood of humanity. Some people may feel that they are doing a great deal; others may never know of a single opportunity of help that comes to them, and yet they are all bearing their part and are just as much pillars in the temple as those which are more prominent in the public eye."

trụ này ở những nơi mà những người thờ phượng tụ tập xung quanh và ngồi dựa vào bệ của cột trụ suốt cả ngày. Những cột trụ khác ở những nơi ít tiếp cận hơn, nhưng mỗi cột trụ là một phần không thể thiếu của ngôi đền và đang làm công việc của mình. Đó giống như huynh đệ của nhân loại. Một số người có thể cảm thấy rằng họ đang làm rất nhiều; những người khác có thể không bao giờ biết về một cơ hội giúp đỡ nào đến với họ, nhưng họ đều đang gánh vác phần của mình và cũng là những cột trụ trong ngôi đền như những cột trụ nổi bật hơn trong mắt công chúng."

Many of our students are eager to claim unity with the Master and the saints, and not so anxious to claim unity with the criminal, the drunkard, the inefficient, the sensual, the cruel. But since humanity is one, we must be one with the less evolved people as well as with the greater; in the one case there is a part of ourselves towards which we must reach up, but in the other case there is a part of humanity which we must try to help. How can we help them? First of all by thinking in the right way about them. If we shrink from them with horror, if we hate them, we are making their path more difficult. If we allow the natural and justifiable feeling with regard to the evil that is being done to influence our attitude towards the person who does it, we are making an error. It is scarcely possible to avoid that sometimes, but we can always to some extent reason ourselves out of it.

Nhiều học viên của chúng ta háo hức tuyên bố sự thống nhất với Chân sư và các thánh, và không quá háo hức tuyên bố sự thống nhất với tội phạm, kẻ say rượu, kẻ không hiệu quả, kẻ dâm dục, kẻ tàn ác. Nhưng vì nhân loại là một, chúng ta phải là một với những người kém tiến hóa cũng như với những người vĩ đại hơn; trong một trường hợp, có một phần của chính chúng ta mà chúng ta phải vươn lên, nhưng trong trường hợp khác, có một phần của nhân loại mà chúng ta phải cố gắng giúp đỡ. Làm thế nào chúng ta có thể giúp họ? Trước hết bằng cách suy nghĩ đúng đắn về họ. Nếu chúng ta co rúm lại trước họ với sự kinh hoàng, nếu chúng ta ghét họ, chúng ta đang làm cho con đường của họ khó khăn hơn. Nếu chúng ta cho phép cảm giác tự nhiên và chính đáng đối với điều ác đang được thực hiện ảnh hưởng đến thái độ của chúng ta đối với người thực hiện nó, chúng ta đang phạm sai lầm. Khó có thể tránh điều đó đôi khi, nhưng chúng ta luôn có thể ở một mức độ nào đó lý luận để thoát khỏi nó.

Doctors meet with cases of the most loathsome and horrible diseases—which in many an instance the man concerned has

Các bác sĩ gặp phải những trường hợp bệnh tật ghê tởm và kinh khủng nhất—mà trong nhiều trường hợp, người liên quan đã tự mang lại

brought entirely upon himself. But no doctor who is really earnest in his work thinks of that when the patient is before him. He does not shrink from the man with horror, but regards the disease as an enemy that has to be fought and conquered. That is a very good example of the attitude that we ought to be able to adopt when we have to deal with a degraded person. Undoubtedly the probabilities are that we could not produce very much effect upon an absolutely degraded drunkard, whose will is almost gone; but to shrink from him in horror or to feel contempt is not the way to help him. In the same way when a man commits a terrible crime we may have the greatest possible horror of the crime, but not of the criminal. It is difficult for us to separate them, but we have to do it.

hoàn toàn cho mình. Nhưng không có bác sĩ nào thực sự nghiêm túc trong công việc của mình nghĩ về điều đó khi bệnh nhân đang ở trước mặt mình. Ông không co rúm lại trước người đó với sự kinh hoàng, mà coi bệnh tật như một kẻ thù cần phải chiến đấu và chinh phục. Đó là một ví dụ rất tốt về thái độ mà chúng ta nên có thể áp dụng khi phải đối phó với một người suy đồi. Chắc chắn rằng khả năng là chúng ta không thể tạo ra nhiều ảnh hưởng đối với một kẻ say rượu hoàn toàn suy đồi, người mà ý chí gần như đã mất; nhưng co rúm lại trước y với sự kinh hoàng hoặc cảm thấy khinh miệt không phải là cách để giúp y. Tương tự, khi một người phạm tội ác khủng khiếp, chúng ta có thể có sự kinh hoàng lớn nhất có thể đối với tội ác, nhưng không phải đối với tội phạm. Khó khăn cho chúng ta để tách biệt chúng, nhưng chúng ta phải làm điều đó.

There is another curious little point about that. The things which horrify us most are those to which we have a certain leaning ourselves—from which we are conceivably in danger. When one is absolutely free from the slightest tendency towards a particular crime one looks down on it without horror; but if one feels oneself filled with horror at a particular human failing, he may take it that it is a fault which has been a real danger to himself not long ago—perhaps a life or two back.

Có một điểm nhỏ kỳ lạ khác về điều đó. Những điều khiến chúng ta kinh hoàng nhất là những điều mà chúng ta có một xu hướng nhất định —từ đó chúng ta có thể gặp nguy hiểm. Khi một người hoàn toàn tự do khỏi xu hướng nhỏ nhất đối với một tội ác cụ thể, người đó nhìn xuống nó mà không có sự kinh hoàng; nhưng nếu một người cảm thấy mình đầy sự kinh hoàng đối với một thất bại nhân loại cụ thể, người đó có thể cho rằng đó là một lỗi đã là một mối nguy hiểm thực sự đối với chính mình không lâu trước đây—có thể là một hoặc hai kiếp trước.

When we go among evil influences we sometimes have to surround ourselves with a shell in order to keep them off. That is often the best policy, since we are still very human; but to have to do that is to a certain extent a confession of weakness.[29] The absolutely strong man walks straight into the middle of

Khi chúng ta đi vào những ảnh hưởng xấu, đôi khi chúng ta phải bao quanh mình bằng một vỏ bọc để giữ chúng ra xa. Đó thường là chính sách tốt nhất, vì chúng ta vẫn rất con người; nhưng phải làm điều đó là một sự thừa nhận yếu đuối ở một mức độ nào đó. Người hoàn toàn mạnh mẽ đi thẳng vào giữa tất cả những

[29] *Ante,* Vol. I, Part V, Ch. 6: *Service*

all these perils, certain that they cannot affect him, but that would not be a wise thing for all of us to do. Our force is limited and by making a shell we can save ourselves from using up a certain amount of it unnecessarily. A man who is perfectly sure of his own power can walk unharmed among all sorts of dangers, because he *is* sure of himself. Perfect strength destroys all shrinking. We draw back from a case of infectious disease because we are afraid we may catch it; if we were certain we were immune from that disease the idea of catching it would not occur to us.

nguy hiểm này, chắc chắn rằng chúng không thể ảnh hưởng đến mình, nhưng điều đó sẽ không phải là điều khôn ngoan cho tất cả chúng ta. Sức mạnh của chúng ta có giới hạn và bằng cách tạo ra một vỏ bọc, chúng ta có thể tự cứu mình khỏi việc sử dụng một lượng nhất định của nó một cách không cần thiết. Một người hoàn toàn chắc chắn về sức mạnh của mình có thể đi không bị tổn thương giữa mọi loại nguy hiểm, bởi vì y chắc chắn về chính mình. Sức mạnh hoàn hảo tiêu diệt mọi sự co rúm. Chúng ta rút lui khỏi một trường hợp bệnh truyền nhiễm vì chúng ta sợ rằng mình có thể mắc phải; nếu chúng ta chắc chắn rằng mình miễn dịch với bệnh đó, ý tưởng mắc phải nó sẽ không xuất hiện với chúng ta.

The idea that we must not think of ourselves as separate from the wicked or the, foolish man does not necessarily imply that we must always be in close association with such people, though contact is sometimes useful. There are many good people who endeavour, in a great city like London, for example, to help the poor by going to live among them in the slums. Some of our students hold the opinion that that is also our duty with regard to the wicked and the foolish people. That is not always the best way to help them. We may learn from the Masters' conduct in that respect. The Great Ones do not come down and live in the slums of our great cities. Why do They not do so? For one reason, They would be unable to carry on Their work for humanity. It would take nearly all the time of the Master to clear a place where He could work at all, and the amount of work done would be reduced to perhaps one hundredth part of what it would otherwise be.

Ý tưởng rằng chúng ta không nên nghĩ về mình như tách biệt khỏi người xấu hoặc người ngu ngốc không nhất thiết ngụ ý rằng chúng ta phải luôn ở gần gũi với những người như vậy, mặc dù tiếp xúc đôi khi có ích. Có nhiều người tốt cố gắng, trong một thành phố lớn như London, chẳng hạn, để giúp đỡ người nghèo bằng cách sống giữa họ trong các khu ổ chuột. Một số học viên của chúng ta cho rằng đó cũng là nhiệm vụ của chúng ta đối với những người xấu và ngu ngốc. Điều đó không phải lúc nào cũng là cách tốt nhất để giúp họ. Chúng ta có thể học từ hành vi của các Chân sư trong khía cạnh đó. Các Đấng Cao Cả không đến và sống trong các khu ổ chuột của các thành phố lớn của chúng ta. Tại sao Các Ngài không làm như vậy? Vì một lý do, Các Ngài sẽ không thể tiếp tục công việc của mình cho nhân loại. Sẽ mất gần như toàn bộ thời gian của Chân sư để dọn dẹp một nơi mà Ngài có thể làm việc, và lượng công việc được thực hiện sẽ giảm xuống còn có lẽ một phần trăm của những gì nó sẽ là.

So with us; it is not in the least necessary that we should put ourselves into the worst conditions. On the contrary we can often help more effectively by not hampering ourselves in that way. If a man finds himself in a peculiarly unpleasant crowd, perhaps filled with some savage feeling or outburst of passion, he can throw a shell round himself and so protect himself from the evil influence, but he cannot do very much with that crowd while he is occupied in doing that. On the other hand, if he were away from it he would be able to pour more force upon it. Even then, if a crowd of undeveloped men is under the sway of some crude passion, very little can be done with it from higher planes, because the force poured out could hardly affect it while it was in that state. Therefore we need not enter evil surroundings unless we see clearly that we can do definite good there, although we must do the best we can if we find ourselves in such an environment. I have heard, for example of preachers who have gone into drinking saloons and started a religious service, and there have been cases where such a bold move as that was actually successful. There would, of course, be many occasions when such a procedure would end in a fiasco. In these things, as in war, a very bold and apparently rash move may occasionally turn out well, but usually more can be accomplished by working in a reasonable way.

Với chúng ta, không cần thiết phải đặt mình vào những điều kiện tồi tệ nhất. Ngược lại, chúng ta có thể giúp đỡ hiệu quả hơn bằng cách không tự làm khó mình theo cách đó. Nếu một người thấy mình ở trong một đám đông đặc biệt khó chịu, có lẽ đầy cảm giác man rợ hoặc bùng nổ cảm xúc, y có thể tạo ra một lớp vỏ bảo vệ quanh mình để bảo vệ khỏi ảnh hưởng xấu, nhưng y không thể làm được nhiều với đám đông đó trong khi đang bận rộn làm điều đó. Mặt khác, nếu y ở xa đám đông, y có thể truyền nhiều mãnh lực hơn vào đó. Ngay cả khi đó, nếu một đám đông người chưa phát triển bị chi phối bởi một cảm xúc thô sơ nào đó, rất ít điều có thể làm được từ các cõi giới cao hơn, vì mãnh lực truyền ra khó có thể ảnh hưởng đến nó khi nó đang ở trạng thái đó. Do đó, chúng ta không cần phải vào những môi trường xấu trừ khi chúng ta thấy rõ rằng mình có thể làm điều tốt rõ ràng ở đó, mặc dù chúng ta phải làm tốt nhất có thể nếu thấy mình ở trong môi trường như vậy. Tôi đã nghe, chẳng hạn, về những nhà giảng đạo đã vào các quán rượu và bắt đầu một buổi lễ tôn giáo, và đã có những trường hợp mà một động thái táo bạo như vậy thực sự thành công. Tất nhiên, sẽ có nhiều dịp mà một thủ tục như vậy sẽ kết thúc trong thất bại. Trong những điều này, cũng như trong chiến tranh, một động thái rất táo bạo và có vẻ liều lĩnh đôi khi có thể thành công, nhưng thường thì có thể đạt được nhiều hơn bằng cách làm việc theo cách hợp lý.

Remember that the sin and shame of the world are your sin and shame; for you are a part of it; your karma is inextricably interwoven with the great Karma.

Hãy nhớ rằng tội lỗi và sự xấu hổ của thế giới là tội lỗi và sự xấu hổ của bạn; vì bạn là một phần của nó; nghiệp quả của bạn không thể tách rời khỏi nghiệp quả lớn.

We do not realize that down here, but on reaching the buddhic plane we see that it represents a real truth. There we feel: "I am part of that which humanity cannot avoid; something exists in it which is a shame to *me*" and we feel it so because we as part of humanity have caused it. On the other hand we have our share in every good that has been done. When one man has taken **a** step forward we feel it as a triumph for all; through him all humanity has come a little nearer to its goal.

Chúng ta không nhận ra điều đó ở đây, nhưng khi đạt đến cõi Bồ đề, chúng ta thấy rằng nó đại diện cho một sự thật thực sự. Ở đó, chúng ta cảm thấy: "Tôi là một phần của điều mà nhân loại không thể tránh khỏi; có điều gì đó tồn tại trong đó là một sự xấu hổ đối với tôi" và chúng ta cảm thấy như vậy vì chúng ta là một phần của nhân loại đã gây ra nó. Mặt khác, chúng ta có phần của mình trong mọi điều tốt đã được thực hiện. Khi một người tiến một bước về phía trước, chúng ta cảm thấy đó là một chiến thắng cho tất cả; thông qua y, toàn bộ nhân loại đã tiến gần hơn một chút đến mục tiêu của mình.

And before you can attain knowledge you must have passed through all places, foul and clean alike. Therefore, remember that the soiled garment you shrink from touching may have been yours yesterday, may be yours tomorrow. And if you turn with horror from it, when it is flung upon your shoulders, it will cling the more closely to you. The self-righteous man makes for himself a bed of mire. Abstain because it is right to abstain, not that yourself shall be kept clean.

Và trước khi bạn có thể đạt được tri thức, bạn phải đã trải qua tất cả các nơi, cả ô uế và sạch sẽ. Do đó, hãy nhớ rằng chiếc áo bẩn mà bạn ngại chạm vào có thể đã là của bạn ngày hôm qua, có thể là của bạn ngày mai. Và nếu bạn quay lưng lại với nó trong kinh hoàng, khi nó bị ném lên vai bạn, nó sẽ bám chặt hơn vào bạn. Người tự cho mình là đúng tạo ra cho mình một chiếc giường bùn. Kiêng cữ vì đúng đắn để kiêng cữ, không phải để giữ cho bản thân sạch sẽ.

This passage, with which the Master Hilarion's note concludes, has often been misunderstood; some people have interpreted it to mean that each individual at some time must have committed all possible sins. It does not mean that, because the wise man does learn something from the experience of others. When we have seen a person burnt by putting his hand in the fire we need not put our own hand into it also before we are sure it is not a good thing to do.[30] So we need not commit all possible crimes in order to make up

Đoạn này, mà ghi chú của Chân sư Hilarion kết thúc, thường bị hiểu sai; một số người đã diễn giải nó có nghĩa là mỗi cá nhân vào một thời điểm nào đó phải đã phạm tất cả các tội lỗi có thể. Nó không có nghĩa như vậy, vì người khôn ngoan học được điều gì đó từ kinh nghiệm của người khác. Khi chúng ta đã thấy một người bị bỏng khi đặt tay vào lửa, chúng ta không cần phải đặt tay mình vào đó trước khi chắc chắn rằng đó không phải là điều tốt để làm. Vì vậy, chúng ta không cần phải phạm tất cả các tội ác có thể để quyết định về chúng. Tất cả chúng ta

[30] *Ante.* Vol. II, p. 106

our minds about them. We have all at some stage of evolution risen from a primitive human condition and have passed through the various stages of life between that and our present condition, but there is no reason to assume that we did badly in each stage. There is some reason to suppose that most of us in the course of our long series of lives have sampled the different types of mistakes which it is possible for a human being to make, but we certainly did not go through every detail. When one form of a particular evil is touched, that, I think, stands to the wise soul as experience of a wide range of similar mistakes.[31]

ở một giai đoạn nào đó của tiến hóa đã vươn lên từ một điều kiện nhân loại nguyên thủy và đã trải qua các giai đoạn khác nhau của cuộc sống giữa điều đó và điều kiện hiện tại của chúng ta, nhưng không có lý do gì để cho rằng chúng ta đã làm sai ở mỗi giai đoạn. Có một số lý do để cho rằng hầu hết chúng ta trong quá trình của chuỗi dài các kiếp sống đã thử nghiệm các loại sai lầm khác nhau mà con người có thể mắc phải, nhưng chắc chắn chúng ta không đi qua từng chi tiết. Khi một hình thức của một cái ác cụ thể được chạm đến, điều đó, tôi nghĩ, đứng với linh hồn khôn ngoan như kinh nghiệm của một loạt các sai lầm tương tự.

Then there is another consideration. Every man when he reaches the buddhic consciousness looks out through that and experiences all that others experience. We think of the glory and the wonder of the buddic consciousness because it brings us into union with the Masters. We must not forget that it also brings us into harmony with the vicious and the criminal. Their feelings must be experienced, as well as the glory and the splendour of the higher life. So when we are able to touch the buddhic plane we may gain experience of the lower and more unpleasant aspects of life by entering into the consciousness of the people who are going through those particular phases. We do not require to do this as a lesson, because we already know by the hypothesis that these are things which are impossible for us. But we must have sufficient experience to be perfectly sympathetic, or we cannot give help to others. The perfectly sympathetic person knows intuitively the difficulties and temptations of others, and so is full of love even for the erring one. By sympathy he makes the “soiled garment” his own. When we

Sau đó, có một cân nhắc khác. Mỗi người khi đạt đến tâm thức Bồ đề nhìn ra qua đó và trải nghiệm tất cả những gì người khác trải nghiệm. Chúng ta nghĩ về vinh quang và sự kỳ diệu của tâm thức Bồ đề vì nó đưa chúng ta vào sự hợp nhất với các Chân sư. Chúng ta không được quên rằng nó cũng đưa chúng ta vào sự hòa hợp với những kẻ xấu xa và tội phạm. Cảm giác của họ phải được trải nghiệm, cũng như vinh quang và sự huy hoàng của cuộc sống cao hơn. Vì vậy, khi chúng ta có thể chạm vào cõi Bồ đề, chúng ta có thể có được kinh nghiệm về các khía cạnh thấp hơn và khó chịu hơn của cuộc sống bằng cách đi vào tâm thức của những người đang trải qua những giai đoạn cụ thể đó. Chúng ta không cần phải làm điều này như một bài học, vì chúng ta đã biết theo giả thuyết rằng đây là những điều không thể đối với chúng ta. Nhưng chúng ta phải có đủ kinh nghiệm để hoàn toàn đồng cảm, nếu không chúng ta không thể giúp đỡ người khác. Người hoàn toàn đồng cảm biết một cách trực giác những khó khăn và cám dỗ của người khác, và do đó tràn đầy tình thương ngay cả với người sai lầm. Bằng sự đồng cảm, y biến "chiếc áo bẩn" thành của mình. Khi chúng ta cuối cùng

[31] *Ante.* Vol. II, p. 106.

have finally abandoned separateness and realized unity we shall find that we are merged in the divine Life, and that the attitude of love is the only one which we can adopt towards any of our fellow-men, whether they be high or low.

từ bỏ sự tách biệt và nhận ra sự hợp nhất, chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta hòa nhập vào Sự sống thiêng liêng, và rằng thái độ yêu thương là thái độ duy nhất mà chúng ta có thể áp dụng đối với bất kỳ đồng loại nào của mình, dù họ cao hay thấp.

6. Kill out desire for sensation.

6. Diệt trừ ham muốn cảm giác.

Learn from sensation and observe it, because only so can you commence the science of self-knowledge, and plant your foot on the first step of the ladder.

Học hỏi từ cảm giác và quan sát nó, vì chỉ có như vậy bạn mới có thể bắt đầu khoa học về tự tri, và đặt chân lên bậc thang đầu tiên.

A.B.—The disciple must observe the working of sensation in himself, so that he may gain some self-knowledge from it. He can attain to such knowledge only by the deliberate study of his own thoughts. The first effect of trying to study your own thoughts is to stand away from them, to separate them from yourself. The very fact of your studying them has drawn your life away from them, so as to destroy for the time being the identification of yourself with your thoughts which habitually exists. A man does not identify himself with the object of his study, with the thing at which he is looking. It is a saying among the followers of Shankaracharya that subject and object can never be the same. So the very effort of study weakens the forms, and in that mere act you are gaining freedom.

A.B.—Đệ tử phải quan sát sự hoạt động của cảm giác trong chính mình, để có thể đạt được một số tự tri từ đó. Y chỉ có thể đạt được tri thức như vậy bằng cách nghiên cứu có chủ ý những suy nghĩ của chính mình. Hiệu quả đầu tiên của việc cố gắng nghiên cứu suy nghĩ của bạn là đứng tách ra khỏi chúng, tách chúng ra khỏi bản thân. Chính việc bạn nghiên cứu chúng đã kéo cuộc sống của bạn ra khỏi chúng, để phá hủy tạm thời sự đồng nhất của bạn với những suy nghĩ mà bạn thường có. Một người không đồng nhất mình với đối tượng nghiên cứu, với thứ mà y đang nhìn vào. Có một câu nói trong số những người theo Shankaracharya rằng chủ thể và đối tượng không bao giờ có thể là một. Vì vậy, chính nỗ lực nghiên cứu làm suy yếu các hình thức, và trong hành động đơn thuần đó bạn đang đạt được tự do.

Closely allied to this advice is the instruction to test experiences, the object being that the man may experience the condition of being no longer affected by them. When a man is observing his own sensation, in order to learn from it, be may experience that sensation, but at the same time he may do with it something higher—he may measure this force without

Liên quan chặt chẽ với lời khuyên này là hướng dẫn để kiểm tra các trải nghiệm, mục đích là để người đó có thể trải nghiệm tình trạng không còn bị ảnh hưởng bởi chúng. Khi một người đang quan sát cảm giác của chính mình, để học hỏi từ nó, y có thể trải nghiệm cảm giác đó, nhưng đồng thời y có thể làm điều gì đó cao hơn với nó—y có thể đo lường mãnh

yielding to it. There will come times too, when the disciple who is practising this observation of sensations will find that dormant sensations in himself are being re-awakened.

lực này mà không bị nó chi phối. Sẽ có những lúc, khi đệ tử đang thực hành quan sát cảm giác này sẽ thấy rằng những cảm giác tiềm ẩn trong chính mình đang được đánh thức lại.

All of us have reminiscences of the past, which may be said to hang about us as our dead selves, and are liable to be revivified from outside. They may come to life again by contact with other men's thought-forms along the same lines, or they may be awakened by the deliberate action of some power which is working for our purification, or is testing us either from the dark or the white side. Suppose a man has that dead self vivified he will then feel what is usually called the force of temptation. The disciple, having studied the way in which these things work, recognizes what has happened; he measures the power of the resuscitated thought and says to it: "You are not my living Self; you are merely my 'I' of the past—so get away from me."

Tất cả chúng ta đều có những hồi ức về quá khứ, có thể nói là treo quanh chúng ta như những bản thân đã chết của chúng ta, và có khả năng được hồi sinh từ bên ngoài. Chúng có thể sống lại bằng cách tiếp xúc với các hình tư tưởng của người khác theo cùng một hướng, hoặc chúng có thể được đánh thức bởi hành động có chủ ý của một số quyền lực đang làm việc cho sự thanh lọc của chúng ta, hoặc đang thử thách chúng ta từ phía tối hoặc phía sáng. Giả sử một người có bản thân đã chết đó được hồi sinh, y sẽ cảm thấy điều mà thường được gọi là sức mạnh của cám dỗ. Đệ tử, sau khi đã nghiên cứu cách thức hoạt động của những điều này, nhận ra điều gì đã xảy ra; y đo lường sức mạnh của tư tưởng được hồi sinh và nói với nó: "Ngươi không phải là Bản thân sống của ta; ngươi chỉ là 'Ta' của quá khứ—vì vậy hãy tránh xa ta."

Sometimes in a moment of temptation it is helpful to recognize that it is merely your past that has been revivified, and then you are right to say: "This is not I." Then you look on it as outside yourself, as no part of your being or activity, and you know that it cannot hold you or stain you.[32] The patient confidence that arises from this knowledge has a great element of strength in it. You know that you are drawing nearer the time when you will not even feel this temptation. Presently it will not have the power to affect you at all.

Đôi khi trong một khoảnh khắc cám dỗ, việc nhận ra rằng đó chỉ là quá khứ của bạn đã được hồi sinh có thể hữu ích, và sau đó bạn có quyền nói: "Đây không phải là tôi." Sau đó, bạn nhìn nó như bên ngoài bản thân, như không phải là một phần của bản thể hay hoạt động của bạn, và bạn biết rằng nó không thể giữ bạn hay làm bạn ô uế. Sự tự tin kiên nhẫn phát sinh từ kiến thức này có một yếu tố sức mạnh lớn trong đó. Bạn biết rằng bạn đang tiến gần hơn đến thời điểm mà bạn sẽ không còn cảm thấy sự cám dỗ này. Ngay sau đó, nó sẽ không còn có khả năng ảnh hưởng đến bạn chút nào.

In the deliberate process of weighing, measuring, and observing his own past feelings and thoughts, the disciple is killing

Trong quá trình cân nhắc, đo lường và quan sát có chủ ý những cảm giác và suy nghĩ trong quá khứ của mình, đệ tử đang tiêu diệt khả

[32] *Ante.* Vol. II, p. 154, 315

the very last possibility of life in that dead self. The *Voice of the Silence* means this, when it says with regard to desire: “Take heed lest from the dead it should again arise.” The old feelings and thoughts are done with, not when they are merely buried out of sight, but when the very last fragment of them is worked out to the end, when the man looks at them and sees with perfect clearness just what they are and that they are no part of himself. In this quiet study he then kills them beyond all possibility of recall to life.

năng sống cuối cùng của bản thân đã chết đó. Tiếng Nói của Im Lặng có nghĩa là điều này, khi nó nói về ham muốn: "Hãy cẩn thận kẻo từ cái chết nó lại trỗi dậy." Những cảm giác và suy nghĩ cũ đã kết thúc, không phải khi chúng chỉ đơn thuần bị chôn vùi khỏi tầm nhìn, mà khi mảnh cuối cùng của chúng được làm rõ đến cùng, khi người đó nhìn vào chúng và thấy rõ ràng chúng là gì và rằng chúng không phải là một phần của bản thân mình. Trong nghiên cứu yên tĩnh này, y sau đó tiêu diệt chúng vượt ra ngoài mọi khả năng hồi sinh.

C.W.L.—We have first to learn to observe the working of sensation in ourselves from outside. So long as we are being swept away by it we cannot learn anything from it, because we are then slaves to it, but if we can rise and look down upon it, and think of it as something belonging to our past we are then in a position to observe and study it.

C.W.L.—Chúng ta trước tiên phải học cách quan sát sự hoạt động của cảm giác trong chính mình từ bên ngoài. Miễn là chúng ta bị cuốn trôi bởi nó, chúng ta không thể học được gì từ nó, vì khi đó chúng ta là nô lệ của nó, nhưng nếu chúng ta có thể vươn lên và nhìn xuống nó, và nghĩ về nó như một thứ thuộc về quá khứ của chúng ta, thì chúng ta mới có thể quan sát và nghiên cứu nó.

Waves of sensation are flowing all over the world and we have to learn to understand them so as to be able to help others, but of course we can do that only when we are no longer swayed by them. Doubtless it is largely a matter of temperament, but for many it is one of the greatest difficulties that sensations and emotions swirl them about, and as yet they do not understand fully how to control them. It is like standing in the breakers and trying to master them. A man cannot govern a thing which knocks him over again and again and sweeps him away; but people do not realize that emotion is really not an external force like that, but that it is within one-self and may be brought perfectly within one’s control if one understands how to do it.

Những làn sóng cảm giác đang tràn ngập khắp thế giới và chúng ta phải học cách hiểu chúng để có thể giúp đỡ người khác, nhưng tất nhiên chúng ta chỉ có thể làm điều đó khi chúng ta không còn bị chúng chi phối. Chắc chắn đó phần lớn là vấn đề về tính khí, nhưng đối với nhiều người, đó là một trong những khó khăn lớn nhất khi cảm giác và cảm xúc cuốn họ đi, và cho đến nay họ chưa hiểu đầy đủ cách kiểm soát chúng. Nó giống như đứng trong những con sóng và cố gắng chế ngự chúng. Một người không thể kiểm soát một thứ mà liên tục đánh ngã y và cuốn y đi; nhưng mọi người không nhận ra rằng cảm xúc thực sự không phải là một lực lượng bên ngoài như vậy, mà nó nằm trong chính bản thân và có thể được kiểm soát hoàn toàn nếu người đó hiểu cách làm điều đó.

The way is to get a firm grip on it in the very beginning. A wave of anger, depression, jealousy, or any of these passions will start in

Cách làm là nắm chắc nó ngay từ đầu. Một làn sóng giận dữ, trầm cảm, ghen tuông, hoặc bất kỳ đam mê nào trong số này sẽ bắt đầu trong

a moment and grow rapidly into a very big thing. It comes up so suddenly and people are so accustomed to regard it as the self that they do not for the moment recognize it, and so do not at once pull up and stop it, and say: “This is not I; I decline to be swept away; I stand firm.” If we remember to do that in time the emotion disappears promptly. Most people make the resolve not to be overcome when they are quite calm, but unfortunately when the wave of sensation arrives with a rush upon them they do not at the moment want to resist it. The soul inside is not immediately awake to the danger, so it allows itself to be swept away and to be identified with the emotion or sensation. We must therefore learn to catch it exactly at the moment of its coming, for if we let that slip it is a very difficult matter, when the sensation is in full blast, to check it suddenly, though sometimes another person can do it for us. Afterwards, when we remember, we regret it. The practical thing to do is to try to control the sensation each time a little sooner, and if we can suppress it once before it gets into its swing, the probability is that we shall be able to do so invariably after that.

một khoảnh khắc và nhanh chóng phát triển thành một thứ rất lớn. Nó xuất hiện quá đột ngột và mọi người đã quen với việc coi nó như bản thân đến nỗi họ không nhận ra nó ngay lập tức, và do đó không ngay lập tức dừng lại và ngăn chặn nó, và nói: "Đây không phải là tôi; tôi từ chối bị cuốn đi; tôi đứng vững." Nếu chúng ta nhớ làm điều đó kịp thời, cảm xúc sẽ biến mất ngay lập tức. Hầu hết mọi người đưa ra quyết định không bị khuất phục khi họ hoàn toàn bình tĩnh, nhưng không may là khi làn sóng cảm giác ập đến với họ, họ không muốn chống lại nó ngay lúc đó. Linh hồn bên trong không ngay lập tức tỉnh thức trước nguy hiểm, vì vậy nó cho phép bản thân bị cuốn đi và đồng nhất với cảm xúc hoặc cảm giác. Do đó, chúng ta phải học cách bắt nó chính xác vào lúc nó đến, vì nếu chúng ta để nó trượt qua, rất khó để kiểm soát nó đột ngột khi cảm giác đang ở đỉnh điểm, mặc dù đôi khi người khác có thể làm điều đó cho chúng ta. Sau đó, khi chúng ta nhớ lại, chúng ta hối tiếc. Điều thực tế cần làm là cố gắng kiểm soát cảm giác mỗi lần sớm hơn một chút, và nếu chúng ta có thể ngăn chặn nó một lần trước khi nó vào guồng, khả năng là chúng ta sẽ có thể làm điều đó thường xuyên sau đó.

It is difficult at first only because the man as a Self has abdicated his rights on so many previous occasions that he has got out of the habit of asserting them. But if he will once assert them at the critical moment he will find that he can do it again and again, because the elemental that is the cause of the difficulty will begin to be afraid, will begin to realize that he cannot sweep everything before him. At first he is quite confident, like a dog that rushes at a man, barking and snarling because he thinks him to be afraid; but if the man does not turn and run away the dog hesitates and begins to be a little doubtful about the enterprise. The elemental has not the intelligence of a dog. He may or may not know

Ban đầu, điều này khó khăn chỉ vì người đó như một Bản thân đã từ bỏ quyền của mình trong rất nhiều dịp trước đó đến nỗi y đã mất thói quen khẳng định chúng. Nhưng nếu y một lần khẳng định chúng vào thời điểm quan trọng, y sẽ thấy rằng y có thể làm điều đó lần nữa và lần nữa, vì tinh linh gây ra khó khăn sẽ bắt đầu sợ hãi, sẽ bắt đầu nhận ra rằng y không thể cuốn trôi mọi thứ trước mặt y. Ban đầu, nó hoàn toàn tự tin, giống như một con chó lao vào một người, sủa và gầm gừ vì nó nghĩ rằng người đó sợ hãi; nhưng nếu người đó không quay lại và chạy đi, con chó sẽ do dự và bắt đầu nghi ngờ về cuộc phiêu lưu. Tinh linh không có trí thông minh của một con chó. Nó có thể hoặc không biết rằng chúng ta mạnh hơn nó,

that we are stronger than he, but if he does not, it is only because we have not asserted ourselves. We should let him know that we are his master; when once he feels that, he will hesitate at the very beginning to start his wave. Check him at the beginning, and there will be no further trouble.

nhưng nếu nó không biết, đó chỉ vì chúng ta chưa khẳng định bản thân. Chúng ta nên cho nó biết rằng chúng ta là chủ của nó; khi nó cảm thấy điều đó, nó sẽ do dự ngay từ đầu để bắt đầu làn sóng của mình. Ngăn chặn nó ngay từ đầu, và sẽ không có rắc rối nào nữa.

We have to learn from sensation by observing it in others also. In this way we come to understand human nature. We can see how other people make fools of themselves under the influence of emotion, and seeing how bad it looks in them, and how much harm it obviously does them, we learn to repress any touch of the same thing in ourselves. It is naturally much easier to see things in others than in ourselves, when we are standing outside as spectators. We should not, however, look at other people in order to criticize them and pick out their faults, but only to see what we can learn from them. When we see them distinctly not living up to their best and highest, because of some passion or emotion or some feeling of repugnance, we can make a mental note of that, without feeling in the least.that we are better than they, and we can think: “Might not the same thing have happened to me? Let me see that it shall not happen.” Thus without getting into the habit of criticizing, which is always bad, we can learn from the mistakes of other people. When we see another person come to grief, however sorry we may be for him, there can be no harm in thinking: “Let me not fall over the precipice too; it is enough that one person has done so.”

Chúng ta phải học hỏi từ cảm giác bằng cách quan sát nó ở người khác nữa. Bằng cách này, chúng ta hiểu được bản chất con người. Chúng ta có thể thấy cách người khác tự biến mình thành kẻ ngốc dưới ảnh hưởng của cảm xúc, và thấy nó trông tệ như thế nào ở họ, và nó rõ ràng gây hại cho họ như thế nào, chúng ta học cách kiềm chế bất kỳ dấu hiệu nào của điều tương tự trong chính mình. Tự nhiên dễ dàng hơn nhiều để thấy mọi thứ ở người khác hơn là ở chính mình, khi chúng ta đứng ngoài như những khán giả. Tuy nhiên, chúng ta không nên nhìn vào người khác để chỉ trích họ và chỉ ra lỗi của họ, mà chỉ để xem chúng ta có thể học được gì từ họ. Khi chúng ta thấy họ rõ ràng không sống đúng với điều tốt nhất và cao nhất của họ, vì một số đam mê hoặc cảm xúc hoặc một số cảm giác ghê tởm, chúng ta có thể ghi chú tinh thần về điều đó, mà không cảm thấy chút nào rằng chúng ta tốt hơn họ, và chúng ta có thể nghĩ: "Có thể điều tương tự đã xảy ra với tôi không? Hãy để tôi thấy rằng nó sẽ không xảy ra." Như vậy, mà không rơi vào thói quen chỉ trích, điều luôn xấu, chúng ta có thể học hỏi từ sai lầm của người khác. Khi chúng ta thấy người khác gặp rắc rối, dù chúng ta có thể thương tiếc cho họ, không có hại gì khi nghĩ: "Hãy để tôi không rơi xuống vực thẳm; chỉ cần một người đã làm vậy là đủ."

Great waves of sensation flooded the world during the war. Among them was a tremendous amount of repugnance and hatred against the powers with whom we happened to be at war. I am not in the least meaning to defend the atrocities committed

Những làn sóng cảm giác lớn đã tràn ngập thế giới trong suốt chiến tranh. Trong số đó có một lượng lớn cảm giác ghê tởm và thù hận đối với các thế lực mà chúng ta tình cờ đang chiến tranh. Tôi không có ý định bảo vệ những hành động tàn bạo do các thế lực đó thực hiện. Tôi

by those powers. I know that they occurred, because I have myself, astrally, seen a very great deal of them, that filled me with shame for humanity. I do not for a moment wish to deny those facts, to gloss them over, or to excuse them. But there was also great danger and harm in the strong rush of feeling against those who committed the crimes. The people responsible for the atrocities were those who committed them, and the individuals by whose orders they were done—not the whole nation. Assuredly a great many things were done by Englishmen in the past with which we should not like to identify ourselves—and that has been the same in every nation. We must not let ourselves be carried away into injustice in thought any more than into injustice of speech or of action.

biết rằng chúng đã xảy ra, vì tôi đã tự mình, trên cõi cảm dục, thấy rất nhiều trong số đó, điều đã làm tôi cảm thấy xấu hổ cho nhân loại. Tôi không muốn phủ nhận những sự thật đó, che đậy chúng, hoặc bào chữa cho chúng. Nhưng cũng có nguy hiểm và hại lớn trong sự bùng nổ mạnh mẽ của cảm giác chống lại những người đã thực hiện các tội ác. Những người chịu trách nhiệm cho các hành động tàn bạo là những người đã thực hiện chúng, và những cá nhân theo lệnh của họ—không phải toàn bộ quốc gia. Chắc chắn rất nhiều điều đã được thực hiện bởi người Anh trong quá khứ mà chúng ta không muốn đồng nhất mình với —và điều đó đã xảy ra ở mọi quốc gia. Chúng ta không được để mình bị cuốn vào sự bất công trong suy nghĩ cũng như sự bất công trong lời nói hay hành động.

Our enemies intentionally went to work deliberately to stir up hatred against us. That may, perhaps, have been effective for the time, as one of the tricks of the campaign. They may have found that it paid in getting recruits and money, and so on; but it was a serious moral mistake. By it they put themselves quite conclusively in the wrong, as far as all higher aspects of the matter were concerned. But there is danger in such a case lest we should feel hatred too. One has to be absolutely determined in the fight against evil, to carry it through to the uttermost, and yet be entirely free from anything like a thought of hatred. Remember how the Lord Buddha said: “Hatred never ceaseth by hatred.” On the contrary, it is always stirred up by it.

Kẻ thù của chúng ta cố ý làm việc có chủ ý để khuấy động lòng thù hận chống lại chúng ta. Điều đó có thể, có lẽ, đã hiệu quả trong thời gian đó, như một trong những mánh khóe của chiến dịch. Họ có thể đã thấy rằng nó có lợi trong việc thu hút tân binh và tiền bạc, và vân vân; nhưng đó là một sai lầm đạo đức nghiêm trọng. Bằng cách đó, họ đã đặt mình hoàn toàn sai lầm, về tất cả các khía cạnh cao hơn của vấn đề. Nhưng có nguy hiểm trong trường hợp như vậy nếu chúng ta cũng cảm thấy thù hận. Người ta phải hoàn toàn quyết tâm trong cuộc chiến chống lại cái ác, để thực hiện nó đến cùng, và vẫn hoàn toàn không có bất kỳ suy nghĩ nào về thù hận. Hãy nhớ lời Đức Phật đã nói: "Thù hận không bao giờ chấm dứt bằng thù hận." Ngược lại, nó luôn được khuấy động bởi nó.

When one hears of terrible atrocities perpetrated upon women and children, one cannot but feel intense indignation. There is no harm in feeling indignant against such evil-doing. It is a terrible thing, and all right-minded people will and should denounce it

Khi người ta nghe về những hành động tàn bạo khủng khiếp được thực hiện đối với phụ nữ và trẻ em, người ta không thể không cảm thấy phẫn nộ mãnh liệt. Không có hại gì khi cảm thấy phẫn nộ chống lại những hành động xấu xa như vậy. Đó là một điều khủng khiếp, và tất

decidedly, without any sort of palliation or excuse; but it would be a great mistake to hate the unfortunate man who commits the crimes. He is to be pitied much more than blamed. It is not our business to blame him, but it is our duty to make it impossible for him to do these things again. Our attitude should be that which a man would take towards some wild beast that is attacking his children. He would not dignify it by hating it, but he.would put it out of the way. We should be exceedingly sorry for the unfortunate people who did such things, because we see what the karma of it must be.

cả những người có tâm trí đúng đắn sẽ và nên lên án nó một cách dứt khoát, mà không có bất kỳ sự bào chữa hay biện minh nào; nhưng sẽ là một sai lầm lớn khi ghét người đàn ông bất hạnh đã phạm tội ác. Y đáng thương hơn nhiều so với bị đổ lỗi. Không phải việc của chúng ta là đổ lỗi cho y, nhưng đó là nhiệm vụ của chúng ta để làm cho y không thể làm những điều này một lần nữa. Thái độ của chúng ta nên là thái độ mà một người sẽ có đối với một con thú hoang đang tấn công con cái của mình. Y sẽ không tôn vinh nó bằng cách ghét nó, nhưng y sẽ loại bỏ nó. Chúng ta nên vô cùng tiếc thương cho những người bất hạnh đã làm những điều như vậy, vì chúng ta thấy nghiệp quả của nó phải là gì.

It is a terrible thing that women and children should be massacred, more terrible, perhaps, for the relations than for the victims themselves, but it is worst of all for those who commit the crime; it is they who are most to be pitied, because their suffering in the end will be very far more terrible.

Đó là một điều khủng khiếp khi phụ nữ và trẻ em bị thảm sát, có lẽ khủng khiếp hơn đối với những người thân hơn là đối với chính các nạn nhân, nhưng điều tồi tệ nhất là đối với những người phạm tội ác; chính họ là những người đáng thương nhất, vì sự đau khổ của họ cuối cùng sẽ rất khủng khiếp hơn nhiều.

As far as lies in our power we will take steps to prevent what has been done from being done again, but we must have no sense of hatred. It is a case of *noblesse oblige.* We stand quite infinitely above the sort of person who does that kind of thing; we are ages past him in evolution and development; we stand as far removed from him as he stands from the animal kingdom, and since that is so we ought to show our higher development by not sharing that passion of hatred.

Trong phạm vi quyền lực của chúng ta, chúng ta sẽ thực hiện các bước để ngăn chặn những gì đã xảy ra không xảy ra lần nữa, nhưng chúng ta không được có bất kỳ cảm giác thù hận nào. Đó là một trường hợp của noblesse oblige. Chúng ta đứng hoàn toàn vượt trội so với loại người làm những điều như vậy; chúng ta đã vượt qua họ trong tiến hóa và phát triển; chúng ta đứng xa họ như họ đứng xa giới động vật, và vì điều đó là như vậy, chúng ta nên thể hiện sự phát triển cao hơn của mình bằng cách không chia sẻ niềm đam mê thù hận đó.

We can study the effects of sensation only if we dissociate ourselves from it, if we stand outside and try to control the feeling and to learn from it. We must not be swept away in any such maelstrom of popular feeling, but we must try to see where it is wrong, and do what

Chúng ta chỉ có thể nghiên cứu các tác động của cảm giác nếu chúng ta tách mình ra khỏi nó, nếu chúng ta đứng ngoài và cố gắng kiểm soát cảm giác và học hỏi từ nó. Chúng ta không được cuốn vào bất kỳ cơn lốc cảm giác phổ biến nào như vậy, mà chúng ta phải cố gắng xem nó

we can to put it right. Many people, who are under the influence of that sensation of tremendous passion, think of us as rather apathetic, and cold; it is even possible that they sometimes think of us as lacking in patriotism if we refuse to hate. Of course that is not logical, but then people are not logical when under the influence of these great waves of hatred. We can explain to them that patriotism does not call on one to hate other countries, but they sometimes do not see that we can love our own country without being obliged to hate another.

sai ở đâu, và làm những gì có thể để sửa chữa nó. Nhiều người, những người đang chịu ảnh hưởng của cảm giác đam mê mãnh liệt đó, nghĩ về chúng ta như khá thờ ơ và lạnh lùng; thậm chí có thể họ đôi khi nghĩ về chúng ta như thiếu lòng yêu nước nếu chúng ta từ chối ghét. Tất nhiên điều đó không hợp lý, nhưng khi người ta không hợp lý khi chịu ảnh hưởng của những làn sóng thù hận lớn này. Chúng ta có thể giải thích cho họ rằng lòng yêu nước không yêu cầu một người phải ghét các quốc gia khác, nhưng đôi khi họ không thấy rằng chúng ta có thể yêu đất nước của mình mà không bị buộc phải ghét một quốc gia khác.

Our attitude towards these things is very much that which we should take towards the troubles of little children. A child breaks a doll and is in a tempest of tears and a passion of regret over it; we do all we can to sympathize with that child, but we are quite philosophical, we do not share the passion of regret. We are not in despair because a doll is broken or because this or that small matter may have happened in the school-life of the child. We realize that there is a future, and that as compared to that future all these little matters are only temporary and not of great importance, although they are tremendously so to the child. We should be failing in our duty if we did not give the sympathy, but we should be foolish if we felt as much as that child felt—we should ourselves be acting in a childish manner. It is exactly the same with the man who is learning to adopt a philosophical attitude. He sympathizes with the people who are so passionately upset over these things, but he himself is not disturbed. Just as one says to the child: “Oh, well, never mind, it will be all right by and by,” so we should like to say to those who are surging under these emotions: “If you would only believe it, everything will come right and all will go well.” If we say that, we are considered

Thái độ của chúng ta đối với những điều này rất giống với thái độ mà chúng ta nên có đối với những rắc rối của trẻ nhỏ. Một đứa trẻ làm vỡ một con búp bê và rơi vào cơn bão nước mắt và sự hối tiếc mãnh liệt về điều đó; chúng ta làm tất cả những gì có thể để đồng cảm với đứa trẻ đó, nhưng chúng ta khá triết lý, chúng ta không chia sẻ sự hối tiếc mãnh liệt đó. Chúng ta không tuyệt vọng vì một con búp bê bị vỡ hoặc vì chuyện nhỏ nhặt nào đó có thể đã xảy ra trong cuộc sống học đường của đứa trẻ. Chúng ta nhận ra rằng có một tương lai, và so với tương lai đó, tất cả những chuyện nhỏ nhặt này chỉ là tạm thời và không quan trọng lắm, mặc dù chúng rất quan trọng đối với đứa trẻ. Chúng ta sẽ thất bại trong nhiệm vụ của mình nếu không thể hiện sự đồng cảm, nhưng chúng ta sẽ ngu ngốc nếu cảm thấy như đứa trẻ cảm thấy—chúng ta sẽ tự hành động một cách trẻ con. Điều này cũng giống hệt với người đang học cách chấp nhận một thái độ triết lý. Y đồng cảm với những người bị xáo trộn mãnh liệt vì những điều này, nhưng bản thân y không bị xáo trộn. Cũng như người ta nói với đứa trẻ: "Ồ, thôi nào, đừng bận tâm, mọi thứ sẽ ổn thôi," chúng ta cũng muốn nói với những người đang bị xáo trộn bởi những cảm xúc này: "Nếu bạn chỉ tin tưởng, mọi thứ sẽ ổn và mọi thứ sẽ tốt đẹp." Nếu chúng ta nói

unsympathetic, but it is absolutely true. We often find it difficult to avoid wonder as to how people can be so blind. We see them surging wildly about things that do not matter in the least. They are often people with splendid possibilities, but they do not see them, and they allow themselves to be overwhelmed by mad surges of desire. We did the same thing ourselves thousands of years ago, perhaps. Therefore we learn to be patient, understanding that it is a stage in evolution, though a very undesirable stage. So those of us who are still in danger of yielding to emotions of that sort must pull ourselves up and say: "Twenty lives ago this was perhaps excusable, but now, the time for it is past." If in every-day life we see a man of mature age throwing away all his time in pleasure we know that that may have been all very well twenty years ago, but now he ought to be thinking about the more serious things of life. In the same way we ought to have risen to a level where our emotions are the higher emotions, where we have the one great idea of the work that God wills us to do.

vậy, chúng ta bị coi là không đồng cảm, nhưng điều đó hoàn toàn đúng. Chúng ta thường thấy khó tránh khỏi sự ngạc nhiên về việc làm thế nào mà mọi người có thể mù quáng đến vậy. Chúng ta thấy họ xáo trộn dữ dội về những điều không quan trọng chút nào. Họ thường là những người có khả năng tuyệt vời, nhưng họ không thấy điều đó, và họ cho phép mình bị áp đảo bởi những cơn sóng điên cuồng của dục vọng. Có lẽ chúng ta đã làm điều tương tự hàng ngàn năm trước. Do đó, chúng ta học cách kiên nhẫn, hiểu rằng đó là một giai đoạn trong tiến hóa, mặc dù là một giai đoạn rất không mong muốn. Vì vậy, những người trong chúng ta vẫn còn nguy cơ bị cuốn theo những cảm xúc như vậy phải tự nhắc nhở mình và nói: "Hai mươi kiếp trước điều này có thể được tha thứ, nhưng bây giờ, thời gian cho điều đó đã qua." Nếu trong cuộc sống hàng ngày chúng ta thấy một người đàn ông trưởng thành lãng phí tất cả thời gian của mình vào thú vui, chúng ta biết rằng điều đó có thể đã rất tốt cách đây hai mươi năm, nhưng bây giờ y nên suy nghĩ về những điều nghiêm túc hơn trong cuộc sống. Tương tự như vậy, chúng ta nên vươn lên một mức độ mà ở đó cảm xúc của chúng ta là những cảm xúc cao hơn, nơi chúng ta có một ý tưởng lớn lao về công việc mà Thượng đế muốn chúng ta thực hiện.

7. Kill out the hunger for growth.

7. Tiêu diệt sự khao khát phát triển.

Grow as the flower grows, unconsciously, but eagerly anxious to open its soul to the air. So must you press forward to open your soul to the Eternal. But it must be the Eternal that draws forth your strength and beauty, not desire of growth. For in the one case you develop in the luxuriance of purity; in the other you harden by the forcible passion for personal stature.

Hãy phát triển như hoa nở, vô thức, nhưng háo hức mở rộng linh hồn của mình ra không khí. Vì vậy, bạn phải tiến lên để mở rộng linh hồn của mình ra với Vĩnh Cửu. Nhưng phải là Vĩnh Cửu lôi cuốn sức mạnh và vẻ đẹp của bạn, không phải là khao khát phát triển. Vì trong một trường hợp, bạn phát triển trong sự phong phú của sự tinh khiết; trong trường hợp khác, bạn cứng rắn bởi sự

đam mê mãnh liệt cho tầm vóc cá nhân.

A.B.—In the later stage of growth the disciple will feel himself opening out into the Eternal and realizing its beauty more and more. The wish to grow that he may be greater than his brother then becomes impossible for him. Before that stage is reached he is still in danger, because of the greatness of what he has already achieved. If he thinks of his growth as belonging to the separated self, and feels that he is himself becoming great, he is likely to fall. The only way to avoid that danger is to get rid of the wish to be great, to yield not to the desire for growth for one's own sake. For when he is on the higher plane of human growth the disciple must be indifferent as to whether he grows or not, but must care only for the divine Life and the divine Will, and think only of the joy that that can bring to all who welcome it into their lives.

A.B.—Trong giai đoạn phát triển sau này, đệ tử sẽ cảm thấy mình mở rộng ra với Vĩnh Cửu và nhận ra vẻ đẹp của nó ngày càng nhiều hơn. Mong muốn phát triển để trở nên vĩ đại hơn anh em mình lúc đó trở nên không thể đối với y. Trước khi đạt đến giai đoạn đó, y vẫn còn nguy hiểm, vì sự vĩ đại của những gì y đã đạt được. Nếu y nghĩ về sự phát triển của mình như thuộc về cái tôi tách biệt, và cảm thấy rằng y đang trở nên vĩ đại, y có khả năng sẽ sa ngã. Cách duy nhất để tránh nguy hiểm đó là loại bỏ mong muốn trở nên vĩ đại, không nhượng bộ khao khát phát triển vì lợi ích của bản thân. Vì khi y ở trên cõi cao hơn của sự phát triển con người, đệ tử phải điềm nhiên về việc y có phát triển hay không, nhưng phải chỉ quan tâm đến Sự sống thiêng liêng và Ý chí thiêng liêng, và chỉ nghĩ đến niềm vui mà điều đó có thể mang lại cho tất cả những ai chào đón nó vào cuộc sống của họ.

C.W.L.—We are to grow as the flower grows. Why? Because the flower grows unselfishly, absolutely altruistically. It grows not to display itself, but in order that its race may become greater by its death. It exists not for the sake of obtaining fruit for itself, because the fruit does not come until the flower is dead. Its entire growth is not for itself, but for other plants yet to come. So it is not by thinking of ourselves, but by striving for the good of others that we must press forward. The one great idea—that of helping in the work of the Logos—must draw us on. We must work for the attainment of all virtues and powers simply in order that we may be of more use in His service; by forgetting ourselves in unselfish work we grow as part of the whole and so "develop in the luxuriance of purity".

C.W.L.—Chúng ta phải phát triển như hoa nở. Tại sao? Bởi vì hoa nở không ích kỷ, hoàn toàn vị tha. Nó không nở để phô trương bản thân, mà để giống nòi của nó trở nên vĩ đại hơn qua cái chết của nó. Nó tồn tại không phải để thu hoạch trái cho bản thân, vì trái không đến cho đến khi hoa đã chết. Toàn bộ sự phát triển của nó không phải cho bản thân, mà cho các cây khác sẽ đến sau. Vì vậy, không phải bằng cách nghĩ về bản thân, mà bằng cách phấn đấu vì lợi ích của người khác mà chúng ta phải tiến lên. Ý tưởng lớn lao duy nhất—đó là giúp đỡ trong công việc của Logos—phải lôi cuốn chúng ta. Chúng ta phải làm việc để đạt được tất cả các đức tính và quyền năng chỉ để chúng ta có thể hữu ích hơn trong sự phụng sự của Ngài; bằng cách quên mình trong công việc vị tha, chúng ta phát triển như một phần của toàn thể và do đó "phát triển trong sự phong phú của sự tinh khiết".

CHAPTER 6

RULES 9 TO 12—QUY LUẬT 9 ĐẾN 12

C.W.L.—As far as we have gone in this book we have had the negative side of things before us. We have been told to kill out certain desires, but now we come to the positive side and learn what we may, and indeed must, desire. It may strike us as curious that we should be told to desire anything. Those who have studied the Indian books will remember that this is a point on which even the Upanishads differ. One Upanishad deprecates desire of all kinds; it argues that even to desire the right must be avoided, because we must be absolutely without any preference for this or for that. Another of those great scriptures directs that we must have the desire for progress, and says that when all other desires are conquered but the desire for the growth of the soul then there is for a man no more possibility of grief. We can reconcile those two statements if we take the first one to mean that if we have the desire to cooperate in even the higher work of the world as a separate self, thinking of ourselves and of the great things we can do, there is still a tinge of the idea of separation; but if we are able to think of ourselves as a part of humanity and as earning our advance on behalf of the humanity of which we are a part, and there is no longer any thought of self, then we have raised and purified our desire into an aspiration which is altogether desirable.

C.W.L.—Cho đến nay trong cuốn sách này, chúng ta đã có mặt tiêu cực của sự việc trước mắt. Chúng ta đã được bảo phải tiêu diệt một số dục vọng nhất định, nhưng bây giờ chúng ta đến mặt tích cực và học những gì chúng ta có thể, và thực sự phải, khao khát. Có thể chúng ta thấy kỳ lạ khi được bảo phải khao khát điều gì đó. Những ai đã nghiên cứu các sách Ấn Độ sẽ nhớ rằng đây là một điểm mà ngay cả các Upanishad cũng khác nhau. Một Upanishad phản đối mọi loại dục vọng; nó lập luận rằng ngay cả việc khao khát điều đúng đắn cũng phải tránh, vì chúng ta phải hoàn toàn không có bất kỳ sự ưu tiên nào cho điều này hay điều kia. Một trong những kinh điển vĩ đại khác chỉ đạo rằng chúng ta phải có khao khát tiến bộ, và nói rằng khi tất cả các dục vọng khác đã bị chinh phục nhưng khao khát sự phát triển của linh hồn thì không còn khả năng đau khổ cho con người. Chúng ta có thể hòa giải hai tuyên bố đó nếu chúng ta hiểu tuyên bố đầu tiên có nghĩa là nếu chúng ta có khao khát hợp tác trong công việc cao hơn của thế giới như một cái tôi tách biệt, nghĩ về bản thân và những điều vĩ đại mà chúng ta có thể làm, vẫn còn một chút ý tưởng về sự tách biệt; nhưng nếu chúng ta có thể nghĩ về bản thân như một phần của nhân loại và như đang kiếm được sự tiến bộ cho nhân loại mà chúng ta là một phần, và không còn bất kỳ ý nghĩ nào về bản thân, thì chúng ta đã nâng cao và thanh lọc khao khát của mình thành một khát vọng hoàn toàn đáng mong muốn.

9. Desire only that which is within you.	9. Chỉ khao khát điều gì ở trong bạn.

For within you is the light of the world—the only light that can be shed upon the Path. If you are unable to perceive it within you, it is useless to look for it elsewhere.

Vì trong bạn là ánh sáng của thế giới—ánh sáng duy nhất có thể chiếu sáng trên Đạo. Nếu bạn không thể nhận thấy nó trong bạn, thì vô ích khi tìm kiếm nó ở nơi khác.

The thought expressed in this comment is common to all religions, though they put it in different ways. We get it in Christianity, but as a rule only the Christian mystics seem to have understood it. We have it in the beautiful verse:

Ý tưởng được diễn đạt trong bình luận này là chung cho tất cả các tôn giáo, mặc dù họ diễn đạt nó theo những cách khác nhau. Chúng ta thấy điều đó trong Kitô giáo, nhưng thường chỉ có các nhà thần bí Kitô giáo dường như hiểu được điều đó. Chúng ta có nó trong câu thơ đẹp:

Though Christ a thousand times in Bethlehem be born,

Dù Đức Christ có sinh ra ngàn lần ở Bethlehem,

But not within thyself, thy soul shall be forlorn;

Nhưng không trong chính bạn, linh hồn bạn sẽ cô đơn;

And on the cross of Calvary He hangeth but in vain,

Và trên thập giá Calvary Ngài treo chỉ vô ích,

Unless within thy heart it be set up again.

Trừ khi trong trái tim bạn nó được dựng lên lại.

It is easy to see what that means. If a man does not believe in his own inherent divinity there is no hope of progress for him, because he would then have nothing within him on which he could work; nothing within which would lift him to anything higher; but if he knows that there is within him the wonderful Christ principle, then he recognizes that to, unfold that divinity is only a question of time, and that his share in the work is to bring his outer vehicles into harmony, so that this inner glory may shine through. That is the meaning of the words: “Christ in you the hope of glory.” The hope that we have within us is this divine

Rất dễ thấy điều đó có nghĩa là gì. Nếu một người không tin vào thiên tính vốn có của mình thì không có hy vọng tiến bộ cho y, vì y sẽ không có gì trong mình để làm việc; không có gì trong đó sẽ nâng y lên điều gì cao hơn; nhưng nếu y biết rằng trong y có nguyên lý Christ tuyệt vời, thì y nhận ra rằng việc phát triển thiên tính đó chỉ là vấn đề thời gian, và phần của y trong công việc là đưa các hiện thể bên ngoài của mình vào hài hòa, để vinh quang bên trong này có thể tỏa sáng. Đó là ý nghĩa của những lời: "Christ trong bạn là hy vọng của vinh quang." Hy vọng mà chúng ta có trong mình là tia lửa thiêng liêng này; người

spark; the man who refuses to believe he has that within him places an insuperable obstacle in his own path, until he realizes his mistake.

It is indeed true that salvation can be gained only through the Christ—not a man who lived and died, but the Christ principle within us.[33] Within us is our saviour. This is the true Christian doctrine, in support of which we might quote many texts. All the ways in which the modern presentation of Christianity has—if one may put it so—gone wrong and made itself ridiculous, arise from the misunderstanding of that great idea. It should always be remembered that Christianity started with the beautiful Gnostic philosophy, but the ignorant among its followers refused to include in their scheme of religion anything which was beyond their comprehension, or anything which took years of study to learn. So they cast out the great Gnostic doctors as heretics. They applied to religion that unwise method of coming to a decision, the majority vote, with dire results.

Originally Christianity had a most beautiful statement of philosophy—the one philosophy that lies behind all religions. When the Gospel story, which was meant as an allegory, was degraded into a pseudo-historical account of the life of a man the religion became incomprehensible. Consequently all the texts which really refer to this higher side of things have been distorted, and of course, they will not fit in with the truth which lies behind the idea. Because Christianity has forgotten much of its own original teaching, in these days it is customary to deny that it could ever have

từ chối tin rằng y có điều đó trong mình đặt một trở ngại không thể vượt qua trên con đường của chính mình, cho đến khi y nhận ra sai lầm của mình.

Thực sự đúng là sự cứu rỗi chỉ có thể đạt được thông qua Christ—không phải một người đã sống và chết, mà là nguyên lý Christ trong chúng ta. Trong chúng ta là đấng cứu thế của chúng ta. Đây là giáo lý Kitô giáo chân chính, mà chúng ta có thể trích dẫn nhiều văn bản để ủng hộ. Tất cả những cách mà sự trình bày hiện đại của Kitô giáo đã—nếu có thể nói như vậy—đi sai và tự làm mình trở nên lố bịch, đều phát sinh từ sự hiểu lầm về ý tưởng vĩ đại đó. Luôn luôn nên nhớ rằng Kitô giáo bắt đầu với triết lý Gnostic tuyệt đẹp, nhưng những người theo đạo thiếu hiểu biết từ chối bao gồm trong kế hoạch tôn giáo của họ bất cứ điều gì vượt quá sự hiểu biết của họ, hoặc bất cứ điều gì cần nhiều năm học tập để học. Vì vậy, họ đã loại bỏ các bác sĩ Gnostic vĩ đại như những kẻ dị giáo. Họ áp dụng cho tôn giáo phương pháp không khôn ngoan của việc đi đến quyết định, bằng cách bỏ phiếu đa số, với những kết quả tai hại.

Ban đầu, Kitô giáo có một tuyên bố triết lý đẹp nhất—triết lý duy nhất nằm sau tất cả các tôn giáo. Khi câu chuyện Phúc Âm, vốn được coi là một ẩn dụ, bị hạ thấp thành một câu chuyện lịch sử giả về cuộc đời của một người, tôn giáo trở nên không thể hiểu được. Do đó, tất cả các văn bản thực sự đề cập đến mặt cao hơn của sự việc đã bị bóp méo, và tất nhiên, chúng sẽ không phù hợp với sự thật nằm sau ý tưởng. Bởi vì Kitô giáo đã quên đi nhiều giáo lý ban đầu của chính mình, ngày nay người ta thường phủ nhận rằng nó có thể từng có bất kỳ giáo lý nội môn nào. Tuy nhiên, có đủ bằng chứng để thuyết phục học sinh không thiên vị

[33] *Ante.,* Vol. I, Part I, Ch. 4: *The Preliminary Prayer*

possessed any esoteric teaching. There is, however, sufficient evidence to convince the unprejudiced student that this higher knowledge did exist and was well known to the apostles and Church fathers. I cannot go fully into that at present; suffice it to remind the reader that Origen, the greatest of the Church fathers, asserts the existence of this secret teaching. He draws a distinction between "popular irrational faith" which leads to what he calls "somatic Christianity," and the "spiritual Christianity". By "somatic Christianity" he means that faith which is based on the Gospel history, and adds that it is a very good teaching for the masses, but that the spiritual Christian has the Gnosis, and therefore understands that all the incidents related therein—the birth, the baptism, the illumination, the crucifixion, the resurrection, and the ascension happened not once only in one place, but are steps in the spiritual life of every Christian man as he progresses.[34]

rằng kiến thức cao hơn này đã tồn tại và được biết rõ bởi các tông đồ và các giáo phụ. Tôi không thể đi sâu vào điều đó lúc này; chỉ cần nhắc nhở độc giả rằng Origen, giáo phụ vĩ đại nhất, khẳng định sự tồn tại của giáo lý bí mật này. Ông phân biệt giữa "đức tin phi lý phổ biến" dẫn đến cái mà ông gọi là "Kitô giáo thể xác", và "Kitô giáo tinh thần". Bằng "Kitô giáo thể xác", ông có ý nói đến đức tin dựa trên lịch sử Phúc Âm, và thêm rằng đó là một giáo lý rất tốt cho quần chúng, nhưng rằng Kitô hữu tinh thần có Gnosis, và do đó hiểu rằng tất cả các sự kiện được kể lại trong đó—sự sinh ra, lễ rửa tội, sự soi sáng, sự đóng đinh, sự phục sinh, và sự thăng thiên không chỉ xảy ra một lần ở một nơi, mà là các bước trong cuộc sống tinh thần của mỗi người Kitô hữu khi y tiến bộ.

Modern orthodoxy still bases its beliefs on the ignorant faith of the undeveloped multitude, and persists in disowning what now remains of its once magnificent heritage, in the shape of a few priceless fragments of the Gnostic teaching. Having lost the higher interpretation it makes a desperate effort to present the lower one in a comprehensible form, but that cannot be done. Students of Theosophy have the knowledge which enables them to interpret all these strange doctrines, and to see sense and beauty even in the crude utterances of the street preacher, because they understand what he would mean if only he knew a little more about his subject.

Chính thống hiện đại vẫn dựa trên đức tin thiếu hiểu biết của đám đông chưa phát triển, và kiên quyết từ chối những gì còn lại của di sản tuyệt vời của mình, dưới hình thức một vài mảnh vỡ vô giá của giáo lý Gnostic. Khi đã mất đi sự giải thích cao hơn, nó cố gắng tuyệt vọng để trình bày sự giải thích thấp hơn dưới một hình thức có thể hiểu được, nhưng điều đó không thể thực hiện được. Các học sinh Thông Thiên Học có kiến thức cho phép họ giải thích tất cả những giáo lý kỳ lạ này, và thấy được ý nghĩa và vẻ đẹp ngay cả trong những lời phát biểu thô sơ của người giảng đạo đường phố, vì họ hiểu những gì y muốn nói nếu y chỉ biết thêm một chút về chủ đề của mình.

So what we are to desire is that which is

Vì vậy, điều chúng ta phải khao khát là điều

[34] See *ante.* Vol. I, Part V, Ch. 5: *Superstition.*

within ourselves all the time; we shall not find it elsewhere. This very same idea was presented to us long ages ago in ancient Egypt. There they centred all their ideas of religion in "the hidden light" and "the hidden work".[35] "The hidden light" was the Light that is in every man, and "the hidden work" was that which would enable him to manifest it, to bring it out in himself and then to help its development in others. That was the cardinal point of their creed—that the Light is there, however much it may be overlaid: and however hopeless it may appear, our work is to withdraw the veils and let the Light shine forth.

luôn ở trong chính chúng ta; chúng ta sẽ không tìm thấy nó ở nơi khác. Ý tưởng này đã được trình bày cho chúng ta từ lâu đời ở Ai Cập cổ đại. Ở đó, họ tập trung tất cả ý tưởng tôn giáo của mình vào "ánh sáng ẩn giấu" và "công việc ẩn giấu". "Ánh sáng ẩn giấu" là Ánh sáng trong mỗi người, và "công việc ẩn giấu" là điều sẽ cho phép y thể hiện nó, mang nó ra trong chính mình và sau đó giúp phát triển nó ở người khác. Đó là điểm cốt lõi của tín ngưỡng của họ—rằng Ánh sáng ở đó, dù nó có bị che phủ đến đâu: và dù có vẻ vô vọng đến đâu, công việc của chúng ta là rút lui các màn che và để Ánh sáng tỏa sáng.

People often make the mistake of looking for it elsewhere. They say: "We want the Masters to help us; we want the Masters to raise us." But I say, with the greatest reverence and respect, the Master cannot do that, the Logos Himself cannot do it. The Master can tell us how we may raise ourselves. The process is exactly analogous to the development of strength in the muscle. No one can do that for another, but if he has the knowledge he can tell him how to do it for himself, and that is all the help one can have from outside. Another person can tell us that he followed certain rules and exercises and found that they brought good results. The Master or the advanced pupil can also undoubtedly pour upon us force which makes our work easier, but that is all. It is the same all the way through. If we do not feel within us the power to respond to the beauty and glory of nature, that beauty and glory will pass us by. If we cannot see God within ourselves, it is useless to look for Him outside. When we have realized ourselves as part of Him, then will the God within respond to the God without, and we shall begin to be really useful in His work, which, after all, is our chief

Mọi người thường mắc sai lầm khi tìm kiếm nó ở nơi khác. Họ nói: "Chúng tôi muốn các Chân sư giúp đỡ chúng tôi; chúng tôi muốn các Chân sư nâng chúng tôi lên." Nhưng tôi nói, với sự tôn kính và kính trọng lớn nhất, Chân sư không thể làm điều đó, chính Logos cũng không thể làm điều đó. Chân sư có thể nói cho chúng ta biết cách chúng ta có thể tự nâng mình lên. Quá trình này hoàn toàn tương tự như sự phát triển sức mạnh trong cơ bắp. Không ai có thể làm điều đó cho người khác, nhưng nếu y có kiến thức, y có thể nói cho y biết cách tự làm điều đó, và đó là tất cả sự giúp đỡ mà một người có thể nhận được từ bên ngoài. Một người khác có thể nói cho chúng ta biết rằng y đã tuân theo một số Quy luật và bài tập nhất định và thấy rằng chúng mang lại kết quả tốt. Chân sư hoặc học sinh tiên tiến cũng có thể chắc chắn truyền cho chúng ta mãnh lực làm cho công việc của chúng ta dễ dàng hơn, nhưng đó là tất cả. Điều đó cũng giống như suốt chặng đường. Nếu chúng ta không cảm thấy trong mình sức mạnh để đáp ứng với vẻ đẹp và vinh quang của thiên nhiên, thì vẻ đẹp và vinh quang đó sẽ đi qua chúng ta. Nếu chúng ta không thể thấy Thượng đế trong

[35] *Ante.* Vol. I, Part V, Ch. 6: *Service*

object in life.

chính mình, thì vô ích khi tìm kiếm Ngài bên ngoài. Khi chúng ta đã nhận ra mình là một phần của Ngài, thì Thượng đế bên trong sẽ đáp ứng với Thượng đế bên ngoài, và chúng ta sẽ bắt đầu thực sự hữu ích trong công việc của Ngài, điều mà sau cùng, là mục tiêu chính của chúng ta trong cuộc sống.

10. Desire only that which is beyond you.

10. Chỉ khao khát điều gì vượt ngoài bạn.

It is beyond you, because when you reach it you have lost yourself.

Nó vượt ngoài bạn, vì khi bạn đạt được nó, bạn đã mất chính mình.

C.W.L.—That again is a statement which has its parallel in the Christian teaching. Christ Himself says quite plainly: "He that findeth his life shall lose it: and he that loseth his life for my sake shall find it."[36] That happens over and over again at various stages. Consider the man of the world living his ordinary life, which is very largely a life in his emotions—in some cases in quite the lower emotions. As soon as he begins to understand the higher side of things he realizes that there is something higher and nobler than that. But he finds also that unless he is willing to put aside that lower and coarser life, he cannot really grasp the higher; he must lose the lower in order that he may gain the higher.

C.W.L.—Điều đó một lần nữa là một tuyên bố có sự tương đồng trong giáo lý Kitô giáo. Chính Đức Christ đã nói rất rõ ràng: "Ai tìm thấy cuộc sống của mình sẽ mất nó: và ai mất cuộc sống của mình vì cớ Ta sẽ tìm thấy nó." Điều đó xảy ra lặp đi lặp lại ở nhiều giai đoạn khác nhau. Hãy xem xét người đàn ông của thế giới sống cuộc sống bình thường của mình, vốn rất lớn là một cuộc sống trong cảm xúc của y—trong một số trường hợp là trong những cảm xúc thấp hơn. Ngay khi y bắt đầu hiểu mặt cao hơn của sự việc, y nhận ra rằng có điều gì đó cao hơn và cao quý hơn thế. Nhưng y cũng nhận thấy rằng trừ khi y sẵn lòng từ bỏ cuộc sống thấp hơn và thô thiển đó, y không thể thực sự nắm bắt được điều cao hơn; y phải mất đi điều thấp hơn để có thể đạt được điều cao hơn.

At the next step the man comes to live in his mind to a large extent. He realizes that to be swept about by tides of passion is, after all, ignoble, and that the mind should select and dominate the emotions and allow only such as it approves, for the sake of progress. Presently he gets beyond that, and finds that the mind also is not fully satisfactory, but that

Ở bước tiếp theo, người đàn ông bắt đầu sống trong thể trí của mình ở mức độ lớn. Y nhận ra rằng bị cuốn theo những cơn sóng đam mê, sau cùng, là không cao quý, và rằng thể trí nên chọn lọc và chi phối cảm xúc và chỉ cho phép những cảm xúc mà nó chấp thuận, vì lợi ích của sự tiến bộ. Ngay sau đó, y vượt qua điều đó, và nhận thấy rằng thể trí cũng không hoàn

[36] S. Matthew, 10, 39

there is a higher life than that of the mind. So gradually he begins to live in the ego, and to look at everything from that standpoint, which is a very great advance. But eventually even that is not enough for him. He realizes that there is a unity which lies beyond that stage, and so he begins to have some experience of the buddhic plane, and when he touches that nothing below it will ever again satisfy him.

toàn thỏa mãn, nhưng có một cuộc sống cao hơn cuộc sống của thể trí. Vì vậy, dần dần y bắt đầu sống trong chân ngã, và nhìn mọi thứ từ quan điểm đó, điều này là một tiến bộ rất lớn. Nhưng cuối cùng, ngay cả điều đó cũng không đủ cho y. Y nhận ra rằng có một sự hợp nhất nằm ngoài giai đoạn đó, và vì vậy y bắt đầu có một số trải nghiệm về cõi Bồ đề, và khi y chạm vào điều đó, không có gì dưới nó sẽ bao giờ thỏa mãn y nữa.

Even that wonderful buddhic consciousness will, in its turn, be transcended. Beyond it is the consciousness of the atmic plane—nirvana. Above and beyond that again is the Monad. Those who are not yet Adepts see the Monad manifesting as a triple spirit on the plane below its own, but on the attainment of Adeptship the Monad and the ego will have become one, and they will be conscious as the Monad—the Divine Spark.

Ngay cả tâm thức Bồ đề tuyệt vời đó cũng sẽ, đến lượt nó, bị vượt qua. Bên ngoài nó là tâm thức của cõi Atma—Niết Bàn. Trên và vượt qua điều đó nữa là Chân Thần. Những người chưa phải là Chân sư thấy Chân Thần biểu hiện như một tinh thần ba ngôi trên cõi dưới của nó, nhưng khi đạt được Địa vị Chân sư, Chân Thần và chân ngã sẽ trở thành một, và họ sẽ có ý thức như Chân Thần—Tia lửa Thiêng liêng.

At each of these stages we feel that we have grasped the truth, and entered upon the real life, but presently we realize that there is something still higher, as high again as that was beyond our previous experience. All the way up we have to drop the lower before we can really gain the higher. That is to say, we have to lose the life we know before we can reach the higher life which we hope to attain. At each stage, as we reach it, we find that we have lost the self which we have known previously, because we have transcended it. We have lost it in finding a higher self.

Ở mỗi giai đoạn này, chúng ta cảm thấy rằng chúng ta đã nắm bắt được sự thật, và bước vào cuộc sống thực sự, nhưng ngay sau đó chúng ta nhận ra rằng có điều gì đó vẫn cao hơn, cao hơn nữa so với trải nghiệm trước đây của chúng ta. Suốt chặng đường lên, chúng ta phải từ bỏ điều thấp hơn trước khi thực sự đạt được điều cao hơn. Điều đó có nghĩa là, chúng ta phải mất đi cuộc sống mà chúng ta biết trước khi có thể đạt được cuộc sống cao hơn mà chúng ta hy vọng đạt được. Ở mỗi giai đoạn, khi chúng ta đạt được nó, chúng ta nhận thấy rằng chúng ta đã mất đi cái tôi mà chúng ta đã biết trước đó, vì chúng ta đã vượt qua nó. Chúng ta đã mất nó trong việc tìm thấy một cái tôi cao hơn.

It is written in the books that we become one with the Logos, merged in Him. Now, that final result we know nothing of, but this much some of us can say from our own personal experience, that many such mergings at

Nó được viết trong các sách rằng chúng ta trở thành một với Logos, hòa nhập vào Ngài. Bây giờ, kết quả cuối cùng đó chúng ta không biết gì về, nhưng điều này một số người trong chúng ta có thể nói từ kinh nghiệm cá nhân

different levels take place in the progress of the soul, and in each of them it seems that we become utterly one with the highest which then we can reach, yet never through all that do we lose anything of our true Self. When we rise, let us say, into the buddhic consciousness, and lose the causal body, we have lost the lower life, but that was never more than a very inadequate manifestation of a small part of us. All that we have gained through the long series of lives is still there. What we have shed is only the outer form in which our various qualities expressed themselves. We have the qualities still, on a higher level, shining forth with greater brilliancy, but the form in which they were cast has gone. Because people so constantly identify the life with the form, to many it seems that should they lose that form there would be nothing left. On the contrary, nothing that has been gained is ever lost.

của mình, rằng nhiều sự hòa nhập như vậy ở các cấp độ khác nhau diễn ra trong tiến trình của linh hồn, và trong mỗi sự hòa nhập đó, dường như chúng ta trở thành hoàn toàn một với điều cao nhất mà chúng ta có thể đạt được lúc đó, nhưng không bao giờ qua tất cả điều đó chúng ta mất đi bất cứ điều gì của cái tôi chân thực của mình. Khi chúng ta vươn lên, hãy nói, vào tâm thức Bồ đề, và mất đi thể nguyên nhân, chúng ta đã mất đi cuộc sống thấp hơn, nhưng điều đó chưa bao giờ là gì hơn một biểu hiện rất không đầy đủ của một phần nhỏ của chúng ta. Tất cả những gì chúng ta đã đạt được qua chuỗi dài các kiếp sống vẫn còn đó. Những gì chúng ta đã loại bỏ chỉ là hình thức bên ngoài mà trong đó các phẩm chất khác nhau của chúng ta được thể hiện. Chúng ta vẫn có các phẩm chất đó, ở một cấp độ cao hơn, tỏa sáng với sự rực rỡ lớn hơn, nhưng hình thức mà chúng được đúc đã biến mất. Bởi vì mọi người thường xuyên đồng nhất cuộc sống với hình thức, đối với nhiều người dường như rằng nếu họ mất đi hình thức đó, sẽ không còn gì. Ngược lại, không có gì đã đạt được là bị mất đi.

11. Desire only that which is unattainable.

11. Chỉ khao khát điều gì không thể đạt được.

It is unattainable, because it for ever recedes. You will enter the light, but you will never touch the Flame.

Nó không thể đạt được, vì nó mãi mãi lùi xa. Bạn sẽ bước vào ánh sáng, nhưng bạn sẽ không bao giờ chạm vào Ngọn Lửa.

C.W.L.—This does not mean that the higher life at which we aim is unattainable, but that when we have reached one height we always see another peak beyond. We shall draw ever nearer and nearer to the Divine, becoming one with Him at level after level, but the Flame, His true consciousness, we shall never touch. There are many stages on the way, and they grow more and more indescribable in their

C.W.L.—Điều này không có nghĩa là cuộc sống cao hơn mà chúng ta nhắm đến là không thể đạt được, mà là khi chúng ta đã đạt được một độ cao, chúng ta luôn thấy một đỉnh cao khác ở phía xa. Chúng ta sẽ ngày càng tiến gần hơn đến Thiêng liêng, trở thành một với Ngài ở cấp độ này sau cấp độ khác, nhưng Ngọn Lửa, tâm thức thực sự của Ngài, chúng ta sẽ không bao giờ chạm vào. Có nhiều giai đoạn trên đường

beauty as we rise. To whatever height we raise our consciousness, into whatever ineffable glories we can rise, we always see something more glorious still beyond. The Flame ever recedes. So far as any knowledge that we have goes, that chain of increasing glory and beauty is endless. Perhaps it is not much use speculating upon that. The Lord Buddha said long ago that it was profitless to speak of the beginning and the end, because "Veil after veil will lift, but there must be veil after veil behind."

đi, và chúng ngày càng trở nên không thể diễn tả được trong vẻ đẹp của chúng khi chúng ta vươn lên. Dù chúng ta nâng cao tâm thức của mình đến độ cao nào, dù chúng ta có thể vươn lên những vinh quang không thể diễn tả nào, chúng ta luôn thấy điều gì đó vinh quang hơn nữa ở phía xa. Ngọn Lửa mãi mãi lùi xa. Theo bất kỳ kiến thức nào mà chúng ta có, chuỗi vinh quang và vẻ đẹp ngày càng tăng đó là vô tận. Có lẽ không có nhiều ý nghĩa khi suy đoán về điều đó. Đức Phật đã nói từ lâu rằng nói về sự khởi đầu và kết thúc là vô ích, vì "Màn che này sẽ được nâng lên, nhưng phải có màn che khác phía sau."

I wish I could bring home to every one, as utterly and as vividly as I myself feel it, this absolute certainty of the progress that lies ahead, of its wonderful glory and beauty and power and wisdom and love, how from step to step it rises and becomes ever more and more indescribable down here, and more and more glorious and beautiful and true above. The road to it lies through unselfishness. Only when we rise out of the lower self into the higher life, into the wider universal Self does the way open, and there is no limit to the glory and the splendour which man may then attain.

Tôi ước gì có thể truyền đạt đến mọi người, một cách hoàn toàn và sống động như chính tôi cảm nhận, sự chắc chắn tuyệt đối về tiến trình phía trước, về sự vinh quang, vẻ đẹp, sức mạnh, minh triết và tình thương tuyệt vời của nó, làm sao từ bước này đến bước khác nó vươn lên và ngày càng trở nên không thể diễn tả được ở đây, và ngày càng vinh quang, đẹp đẽ và chân thật hơn ở trên. Con đường đến đó nằm qua sự vị tha. Chỉ khi chúng ta vươn lên khỏi phàm ngã vào cuộc sống cao hơn, vào cái Ngã rộng lớn hơn của vũ trụ thì con đường mới mở ra, và không có giới hạn nào cho vinh quang và sự huy hoàng mà con người có thể đạt được.

CHAPTER 7

RULES 13 TO 16—QUY LUẬT 13 ĐẾN 16

13. Desire power ardently.	13. Khao khát quyền lực mãnh liệt.

C.W.L.—The comment of the Chohan on this is:

C.W.L.—Nhận xét của Đức Đế Quân về điều này là:

And that power which the disciple shall covet is that which shall make him appear as nothing in the eyes of men.

Và quyền lực mà đệ tử sẽ khao khát là quyền lực khiến y trở nên vô hình trong mắt người đời.

The power that makes us appear as nothing in the eyes of men is the power of self-effacement in the work—of doing it without wanting any credit for it. Many people want to be in the forefront. That is often regarded as merely a sort of harmless vanity, but it means that they have not yet forgotten the lower self.

Quyền lực khiến chúng ta trở nên vô hình trong mắt người đời là quyền lực của sự tự xóa mình trong công việc—làm việc mà không muốn nhận bất kỳ công lao nào. Nhiều người muốn đứng ở vị trí hàng đầu. Điều đó thường được coi là một dạng phù phiếm vô hại, nhưng nó có nghĩa là họ chưa quên phàm ngã.

The disciple does not seek credit for anything he does; he seeks to get the work done and so long as it is done he cares not at all whether he or somebody else has the credit for having done it. If he has to put himself forward and draw people round him he does so, but not because he wants the credit of it. He knows it is always far better to keep in the background if possible.

Đệ tử không tìm kiếm công lao cho bất kỳ điều gì y làm; y tìm cách hoàn thành công việc và miễn là công việc được hoàn thành, y không quan tâm liệu y hay ai khác có công lao vì đã làm điều đó. Nếu y phải tự đưa mình ra phía trước và thu hút mọi người xung quanh, y sẽ làm như vậy, nhưng không phải vì y muốn công lao của điều đó. Y biết rằng luôn tốt hơn nếu có thể giữ mình ở phía sau.

It is always best not to think of results at all, but to do the best we can and forget ourselves. All occult teaching leads back to that one fundamental fact—forget the lower self and get to work. Some people are constantly thinking of their own progress. It is at least better to think of making spiritual progress than to desire worldly wealth, but it is still selfishness, only in **a** more refined form. My own experience would lead me to say that the very best way to get on is to forget all about one's own progress and simply devote oneself to the Master's work.[37] If one does that the rest will follow. It is the old truth stated in the Gospel: "Seek ye first the kingdom of God, and His righteousness; and all these things shall be added unto you.[38]".) That is utterly true; these other things come. When we are not looking for progress we suddenly find that we have really made some, and that also is well.

Luôn tốt nhất là không nghĩ đến kết quả chút nào, mà hãy làm tốt nhất có thể và quên đi bản thân. Tất cả các giáo lý huyền bí đều dẫn trở lại sự thật cơ bản đó—quên phàm ngã và bắt tay vào công việc. Một số người luôn nghĩ về tiến bộ của bản thân. Ít nhất thì nghĩ về việc tiến bộ tinh thần cũng tốt hơn là khao khát giàu có thế gian, nhưng đó vẫn là sự ích kỷ, chỉ là ở dạng tinh tế hơn. Kinh nghiệm của tôi sẽ dẫn tôi nói rằng cách tốt nhất để tiến lên là quên đi hoàn toàn tiến bộ của bản thân và chỉ đơn giản là cống hiến cho công việc của Chân sư. Nếu làm như vậy, những điều khác sẽ theo sau. Đó là sự thật cũ được nêu trong Phúc Âm: "Hãy tìm kiếm trước tiên vương quốc của Thượng đế và sự công chính của Ngài; và tất cả những điều này sẽ được thêm vào cho bạn." Điều đó hoàn toàn đúng; những điều khác sẽ đến. Khi chúng ta không tìm kiếm tiến bộ, chúng ta đột nhiên nhận ra rằng chúng ta thực sự đã đạt được một số tiến bộ, và điều đó cũng tốt.

When a man first sees what life in the causal body is really like he also realizes how very useful he could be at that level, how many lines there are along which his activity could pour itself out, and he may well be disposed to ask: "Is it not better that I should do this new and splendid work which I see opening before me?" I have myself made a practice of seeking the advice or wish of the Master whenever what seemed to be grand opportunities opened up, and yet there was a possibility that it might be even better still to renounce them. I would say: "Master, what do you wish me to do?" Often His reply would be: "It is a matter for you to decide." Then one can only use one's own best judgment. No rule can be laid down in such cases. I should still be disposed to try the higher; but it must be remembered that we

Khi một người lần đầu tiên thấy cuộc sống trong thể nguyên nhân thực sự như thế nào, y cũng nhận ra mình có thể hữu ích đến mức nào ở cấp độ đó, có bao nhiêu hướng mà hoạt động của y có thể tuôn trào, và y có thể có xu hướng hỏi: "Có phải không tốt hơn nếu tôi làm công việc mới và tuyệt vời này mà tôi thấy đang mở ra trước mắt tôi?" Tôi đã tự mình thực hành việc tìm kiếm lời khuyên hoặc mong muốn của Chân sư bất cứ khi nào có vẻ như có cơ hội lớn mở ra, và vẫn có khả năng rằng có thể tốt hơn nữa để từ bỏ chúng. Tôi sẽ nói: "Chân sư, Ngài muốn tôi làm gì?" Thường thì câu trả lời của Ngài sẽ là: "Đó là vấn đề để bạn quyết định." Sau đó, người ta chỉ có thể sử dụng sự phán đoán tốt nhất của mình. Không có Quy luật nào có thể được đặt ra trong những trường hợp như vậy. Tôi vẫn có xu hướng thử

[37] *Ante.,* Vol. I, Part III, Ch. 2: *The One Good Desire.* Vol. II, pp. 360-1

[38] S. Matthew, 6, 33

are cautioned again and again: “Do not let desire for your own development stand in the way of any useful work that you can do. Your development will come in due course.” I have always followed that plan, and I think-that it is the safest attitude.

cái cao hơn; nhưng phải nhớ rằng chúng ta được cảnh báo nhiều lần: "Đừng để mong muốn phát triển của bản thân cản trở bất kỳ công việc hữu ích nào mà bạn có thể làm. Sự phát triển của bạn sẽ đến đúng lúc." Tôi luôn tuân theo kế hoạch đó, và tôi nghĩ rằng đó là thái độ an toàn nhất.

Through the work done in that spirit of self-forgetful-ness we gain the power which shall make us appear as nothing in the eyes of men. Let us, if necessary, welcome humiliation because it all helps to put the personality out of sight and that is what is most needed. When opportunities come, we must take them, but always we should think: “It is not my work; it is the Master’s work.” It does not matter which of those who follow the Master has the privilege of doing any particular piece Of work for Him. Our business is to watch that we may lose no opportunity of doing any part of His work.

Thông qua công việc được thực hiện trong tinh thần quên mình đó, chúng ta đạt được quyền lực khiến chúng ta trở nên vô hình trong mắt người đời. Hãy, nếu cần thiết, chào đón sự nhục nhã vì tất cả đều giúp đưa phàm ngã ra khỏi tầm nhìn và đó là điều cần thiết nhất. Khi cơ hội đến, chúng ta phải nắm lấy chúng, nhưng luôn nghĩ: "Đó không phải là công việc của tôi; đó là công việc của Chân sư." Không quan trọng ai trong số những người theo Chân sư có đặc quyền làm bất kỳ phần công việc nào cho Ngài. Công việc của chúng ta là theo dõi để không bỏ lỡ cơ hội làm bất kỳ phần nào trong công việc của Ngài.

We should understand that there is nothing small or great in His work, but that anything, however small, done and offered to Him is as important in His sight as that which is a far greater achievement in the world’s eyes. We are a little apt to want to do what we think is the greater work. That is because we do not see that all parts of the\work are equally necessary. Realize for a moment how He must look down upon the whole from His stupendous elevation of wider power and knowledge. All these pieces of work will look very tiny, but all fit into their places.

Chúng ta nên hiểu rằng không có gì nhỏ hay lớn trong công việc của Ngài, nhưng bất cứ điều gì, dù nhỏ đến đâu, được thực hiện và dâng lên Ngài đều quan trọng trong mắt Ngài như điều gì đó là một thành tựu lớn hơn nhiều trong mắt thế gian. Chúng ta có xu hướng muốn làm những gì chúng ta nghĩ là công việc lớn hơn. Đó là vì chúng ta không thấy rằng tất cả các phần của công việc đều cần thiết như nhau. Hãy nhận ra trong một khoảnh khắc cách Ngài phải nhìn xuống toàn bộ từ độ cao rộng lớn của quyền lực và kiến thức. Tất cả những mảnh công việc này sẽ trông rất nhỏ bé, nhưng tất cả đều phù hợp với vị trí của chúng.

All the problems of life which seem complex, if not incomprehensible, down here, become far simpler when looked at from a higher plane. The same thing is true of much lower levels. When one examines microscopic creatures such as live in a drop of water one

Tất cả các vấn đề của cuộc sống dường như phức tạp, nếu không muốn nói là không thể hiểu được, ở đây, trở nên đơn giản hơn nhiều khi nhìn từ một cõi cao hơn. Điều tương tự cũng đúng ở các cấp độ thấp hơn nhiều. Khi một người kiểm tra các sinh vật vi mô như

finds complex and beautiful forms of life. The further one goes into these infinitely small matters the more one discovers their amazing complexity. One wonders how even to the Deity Himself these worlds could possibly be *a,* simple thing, and yet they are, for when we look from even such higher points of view as we are able to gain, we can see that it is the permutations and combinations of the seven forces of the One Life which produce all these wonderful results. The factors involved in the production are few and simple; therefore the higher one rises the more one can understand, and that which down here seems impossible to grasp proves quite within reach when viewed from higher levels.

sống trong một giọt nước, người ta thấy các hình thức sống phức tạp và đẹp đẽ. Càng đi sâu vào những vấn đề nhỏ vô cùng này, người ta càng khám phá ra sự phức tạp đáng kinh ngạc của chúng. Người ta tự hỏi làm thế nào ngay cả đối với Thượng đế, những thế giới này có thể là một điều đơn giản, và tuy nhiên chúng là như vậy, vì khi chúng ta nhìn từ những quan điểm cao hơn mà chúng ta có thể đạt được, chúng ta có thể thấy rằng đó là sự hoán vị và kết hợp của bảy mãnh lực của Sự sống Duy Nhất tạo ra tất cả những kết quả tuyệt vời này. Các yếu tố liên quan đến sản xuất là ít và đơn giản; do đó, càng lên cao, người ta càng có thể hiểu, và điều mà ở đây dường như không thể nắm bắt được chứng tỏ hoàn toàn trong tầm tay khi nhìn từ các cấp độ cao hơn.

We may reverently and reasonably assume, I think, that the Logos can hold the whole of His system simultaneously in His mind, and without any difficulty see what is being done in every remotest ramification of it. The whole system in all its multiplicity must be immediately self-evident—something one could put down on a sheet of foolscap, as it were. To the Manu and Bodhi-sattva the work of moulding and guiding the races of men, which seems to us so complex and even confused, must be quite clear and straightforward.

Chúng ta có thể tôn kính và hợp lý giả định, tôi nghĩ, rằng Thượng đế có thể giữ toàn bộ hệ thống của Ngài đồng thời trong tâm trí Ngài, và không gặp khó khăn gì khi thấy những gì đang được thực hiện trong mọi nhánh xa nhất của nó. Toàn bộ hệ thống trong tất cả sự đa dạng của nó phải ngay lập tức tự hiển nhiên—một điều mà người ta có thể đặt xuống trên một tờ giấy, như thể. Đối với Manu và Bodhi-sattva, công việc định hình và hướng dẫn các giống dân của nhân loại, điều mà đối với chúng ta dường như rất phức tạp và thậm chí rối rắm, phải hoàn toàn rõ ràng và thẳng thắn.

Our business is to serve the Master in our small sphere. The detail is our care, not His. What He wants is that the whole work shall go well, and anything that we can do to make it do so is our share in it. Those who stand nearer to Him in thought and have by such association grown somewhat into His attitude in regard to it, are always eager to do anything, however simple, which may seem of use. We can write a little letter, perhaps, which will change the current of a man's life, or we may deliver a lecture and try to change

Công việc của chúng ta là phụng sự Chân sư trong phạm vi nhỏ của chúng ta. Chi tiết là sự quan tâm của chúng ta, không phải của Ngài. Điều Ngài muốn là toàn bộ công việc sẽ diễn ra tốt đẹp, và bất cứ điều gì chúng ta có thể làm để làm cho nó như vậy là phần của chúng ta trong đó. Những người đứng gần Ngài hơn trong suy nghĩ và đã nhờ sự liên kết như vậy mà phát triển phần nào thái độ của Ngài đối với nó, luôn sẵn sàng làm bất cứ điều gì, dù đơn giản đến đâu, có thể có vẻ hữu ích. Chúng ta có thể viết một lá thư nhỏ, có lẽ, sẽ thay đổi dòng

the opinion of some hundreds of people, and not succeed; the little letter is just as real a piece of work. There may be some of us who are so busy that we cannot do anything personally. In that case we are probably earning money, and so perhaps we could give some money to enable others to do that work. There are a great many little ways in which every one can work. It is no use waiting for a big opportunity with the idea that when it comes we shall be ready to take it. We are very much more likely to be ready if we get ourselves into the habit of always doing the little things that we can do now.

chảy của cuộc đời một người, hoặc chúng ta có thể thuyết giảng và cố gắng thay đổi ý kiến của hàng trăm người, và không thành công; lá thư nhỏ cũng là một phần công việc thực sự. Có thể có một số người trong chúng ta bận rộn đến mức không thể làm bất cứ điều gì cá nhân. Trong trường hợp đó, chúng ta có thể đang kiếm tiền, và có lẽ chúng ta có thể đóng góp một số tiền để cho phép người khác làm công việc đó. Có rất nhiều cách nhỏ mà mọi người có thể làm việc. Không có ích gì khi chờ đợi một cơ hội lớn với ý tưởng rằng khi nó đến, chúng ta sẽ sẵn sàng nắm lấy nó. Chúng ta có khả năng sẵn sàng hơn nhiều nếu chúng ta tự tạo thói quen luôn làm những việc nhỏ mà chúng ta có thể làm ngay bây giờ.

A man who works without any regard to his own interests and is always willing to remain in the background is inevitably misunderstood by the world. People understand and admire a man of strong will, who sets out to make a name for himself, to make an impression, and pushes his way to the front. Such a man has succeeded, from their point of view; he has shown the world that he is a strong man. The occultist may be in reality much more forceful, but he would not show his power in that way. He seeks generally to efface himself. He realizes that one of the greatest qualifications is to know when to get out of the way, to know when to let the divine power do its work without spoiling and hindering it by putting himself in the way of it. It seems so simple, and yet the fact that there are hundreds of workers who cannot do it shows that it is really a great difficulty.

Một người làm việc mà không quan tâm đến lợi ích của bản thân và luôn sẵn sàng ở lại phía sau chắc chắn sẽ bị thế giới hiểu lầm. Mọi người hiểu và ngưỡng mộ một người có ý chí mạnh mẽ, người đặt ra để tạo dựng tên tuổi cho mình, để tạo ấn tượng, và đẩy mình lên phía trước. Một người như vậy đã thành công, từ quan điểm của họ; y đã cho thế giới thấy rằng y là một người mạnh mẽ. Nhà huyền bí có thể thực sự mạnh mẽ hơn nhiều, nhưng y sẽ không thể hiện quyền lực của mình theo cách đó. Y thường tìm cách xóa mình đi. Y nhận ra rằng một trong những phẩm chất lớn nhất là biết khi nào nên tránh đường, biết khi nào nên để quyền lực thiêng liêng làm công việc của nó mà không làm hỏng và cản trở nó bằng cách đặt mình vào đường đi của nó. Điều đó có vẻ đơn giản, nhưng thực tế là có hàng trăm người lao động không thể làm điều đó cho thấy rằng đó thực sự là một khó khăn lớn.

The man of the world is apt to regard the occultist as a person of no particular will-power, as one who is always ready to give way. So he is, as regards the minor details of life. He lets others have their way in things which do

Người đời có xu hướng coi nhà huyền bí là một người không có ý chí đặc biệt, là người luôn sẵn sàng nhường nhịn. Đúng vậy, y sẵn sàng nhường nhịn trong những chi tiết nhỏ của cuộc sống. Y để người khác có cách của họ

not matter, and is even willing to be managed up to a certain point; but when it comes to a question of principle, he takes a firm stand. He cares nothing about what people say. People who talk and speculate about others are wrong in nine cases out of ten, so what does it matter what they happen to think about us? As Tennyson says, “Let them rave.” Of course, I do not mean that we should utterly ignore all worldly conventions. In the early days some of our members felt that it was right to appear different from other people in the matter of wearing evening dress, and so on. We need not outrage the customs of society in this way. Moreover, it seems to me that if we wish to recommend our beliefs we must avoid offending the world unnecessarily. It is not good policy to set ourselves violently against other people’s ideas. When there comes a point in which no principle is involved we must give way, merely because there is no sense in flying in the face of the usages of the world.

trong những điều không quan trọng, và thậm chí sẵn sàng bị quản lý đến một mức độ nhất định; nhưng khi đến một vấn đề nguyên tắc, y đứng vững. Y không quan tâm đến những gì người khác nói. Những người nói và suy đoán về người khác thường sai trong chín trên mười trường hợp, vậy thì điều đó có quan trọng gì họ nghĩ gì về chúng ta? Như Tennyson nói, "Hãy để họ nói." Tất nhiên, tôi không có ý nói rằng chúng ta nên hoàn toàn phớt lờ tất cả các quy ước thế gian. Trong những ngày đầu, một số thành viên của chúng ta cảm thấy rằng đúng là phải khác biệt với người khác trong việc mặc trang phục buổi tối, và như vậy. Chúng ta không cần phải xúc phạm phong tục xã hội theo cách này. Hơn nữa, theo tôi, nếu chúng ta muốn giới thiệu niềm tin của mình, chúng ta phải tránh xúc phạm thế giới một cách không cần thiết. Đó không phải là chính sách tốt để chống lại ý tưởng của người khác một cách mạnh mẽ. Khi có một điểm mà không có nguyên tắc nào liên quan, chúng ta phải nhường nhịn, chỉ vì không có ý nghĩa gì khi đối đầu với các tập quán của thế giới.

In all matters of principle we must take a firm stand. For example, strict vegetarianism is with us a principle, because we believe it to be best in every way, not only for ourselves but for all the world around us. It is a little inconvenient when we go out to dinner or when we are travelling, but we let such trifling inconveniences pass, and keep to our own point of view. But in a vast number of other things, which really do not matter, it saves trouble to yield to the ordinary customs of the time. As regards our dress—to take another instance. The dress of modern man is peculiarly ugly, uncomfortable and unhealthy, but it saves trouble to adopt it. If we set ourselves against it, however much more rational, aesthetic and beautiful our costume might be, we should attract unwelcome attention, and should probably be

Trong tất cả các vấn đề nguyên tắc, chúng ta phải đứng vững. Ví dụ, ăn chay nghiêm ngặt là một nguyên tắc đối với chúng ta, vì chúng ta tin rằng nó tốt nhất theo mọi cách, không chỉ cho bản thân mà còn cho tất cả thế giới xung quanh chúng ta. Điều đó có chút bất tiện khi chúng ta đi ăn tối hoặc khi chúng ta đi du lịch, nhưng chúng ta để những bất tiện nhỏ nhặt đó qua đi, và giữ vững quan điểm của mình. Nhưng trong vô số những điều khác, thực sự không quan trọng, nó tiết kiệm rắc rối khi nhường nhịn các phong tục thông thường của thời đại. Về trang phục của chúng ta—để lấy một ví dụ khác. Trang phục của người hiện đại đặc biệt xấu xí, không thoải mái và không lành mạnh, nhưng nó tiết kiệm rắc rối khi chấp nhận nó. Nếu chúng ta chống lại nó, dù trang phục của chúng ta có hợp lý, thẩm mỹ và đẹp đẽ hơn bao nhiêu, chúng ta sẽ thu hút sự chú ý

regarded as more or less insane. It is not worth while. It is better not to make ourselves unduly conspicuous by opposing things which do not matter. But when a principle is involved we must hold steadily to what we think is right.[39]

không mong muốn, và có lẽ sẽ bị coi là điên rồ hơn hoặc ít hơn. Điều đó không đáng. Tốt hơn là không làm cho mình quá nổi bật bằng cách chống lại những điều không quan trọng. Nhưng khi có một nguyên tắc liên quan, chúng ta phải kiên định với những gì chúng ta cho là đúng.

If we could get into an absolutely impersonal attitude about all work it would help us very much. Ruskin speaks of that with regard to art; he says that while self-praise and conceit are vulgar beyond words, undue self-depreciation is only another form of vulgarity. We should aim at the condition of mind in which we are able to view the work from the outside, and to say: “Be it mine or yours, or whose else it may, this also is well.” We must be able to praise a good piece of work when we see it, not because it is ours or our friends ‘, or because it bears a great name, but just because it is good, putting aside absolutely the question of who did it. I am afraid we do not always do this. Our reason for quoting something is not always because it is fine and beautiful, but because Madame Blavatsky said it or Dr. Besant wrote it.

Nếu chúng ta có thể đạt được một thái độ hoàn toàn vô ngã về tất cả công việc, điều đó sẽ giúp chúng ta rất nhiều. Ruskin nói về điều đó liên quan đến nghệ thuật; ông nói rằng trong khi tự khen ngợi và tự phụ là thô tục không thể diễn tả, thì tự hạ thấp quá mức chỉ là một hình thức thô tục khác. Chúng ta nên hướng tới trạng thái tâm trí mà chúng ta có thể nhìn nhận công việc từ bên ngoài, và nói: "Dù là của tôi hay của bạn, hay của ai khác, điều này cũng tốt." Chúng ta phải có khả năng khen ngợi một tác phẩm tốt khi chúng ta thấy nó, không phải vì nó là của chúng ta hay của bạn bè chúng ta, hay vì nó mang một tên tuổi lớn, mà chỉ vì nó tốt, hoàn toàn bỏ qua câu hỏi ai đã làm nó. Tôi e rằng chúng ta không phải lúc nào cũng làm điều này. Lý do của chúng ta khi trích dẫn điều gì đó không phải lúc nào cũng vì nó hay và đẹp, mà vì Madame Blavatsky đã nói điều đó hoặc Tiến sĩ Besant đã viết điều đó.

There is, however, a side to that which is quite right and true. When people meet with a statement about something which they do not know and cannot verify for themselves, it is a matter of importance to them who said it. They may say: “Dr. Besant makes this statement; I have great reason to believe that she knows all about this matter, consequently I accept her statement.” After all, that is no more than we do in regard to science. There are many facts in science which we have no means of proving for ourselves, but because certain eminent men have investigated these

Tuy nhiên, có một khía cạnh của điều đó hoàn toàn đúng và đúng. Khi mọi người gặp một tuyên bố về điều gì đó mà họ không biết và không thể tự mình xác minh, điều đó quan trọng đối với họ là ai đã nói điều đó. Họ có thể nói: "Tiến sĩ Besant đưa ra tuyên bố này; tôi có lý do lớn để tin rằng bà biết tất cả về vấn đề này, do đó tôi chấp nhận tuyên bố của bà." Sau tất cả, đó không khác gì chúng ta làm đối với khoa học. Có nhiều sự kiện trong khoa học mà chúng ta không có phương tiện để tự chứng minh, nhưng vì một số người nổi tiếng đã điều tra các chủ đề này và đã đi đến một số kết luận,

[39] *Ante.,* Vol. I, Part II, Ch. 3: *Right and Wrong.*

subjects and have come to certain conclusions we accept them. But when we consider a beautiful ethical statement, it does not matter whether it comes from the *Bible* or the *Bhagavad-Gita,* the *Koran* or the *Vedas;* we should accept it for its worth. It is then a question of the felicity of the expression and the beauty of the idea.

chúng ta chấp nhận chúng. Nhưng khi chúng ta xem xét một tuyên bố đạo đức đẹp, không quan trọng nó đến từ Kinh Thánh hay Bhagavad-Gita, Kinh Koran hay Vedas; chúng ta nên chấp nhận nó vì giá trị của nó. Đó là một câu hỏi về sự hạnh phúc của biểu hiện và vẻ đẹp của ý tưởng.

Just as we accept things, or try to do so, for what they are worth, so we must try to value our own work at what it is worth, and not think that, because we have done it, it must necessarily be well done. Most men who can do anything very well know also the imperfections of their work. When a thing is good we should gladly admit that it is so; when we see faults in our own or in anyone else's work we should not hesitate to say: "I do not agree; I think so-and-so might be better done." It is well to get into the attitude of mind that does not care whence a thing comes if it is a good thing, and also does not hesitate to put aside the evil, even when it comes from oneself.

Cũng như chúng ta chấp nhận mọi thứ, hoặc cố gắng làm như vậy, vì giá trị của chúng, chúng ta cũng phải cố gắng đánh giá công việc của chính mình theo giá trị của nó, và không nghĩ rằng, vì chúng ta đã làm nó, nó nhất thiết phải được thực hiện tốt. Hầu hết những người có thể làm bất cứ điều gì rất tốt cũng biết những khuyết điểm của công việc của họ. Khi một điều tốt, chúng ta nên vui vẻ thừa nhận rằng nó như vậy; khi chúng ta thấy lỗi trong công việc của chính mình hoặc của bất kỳ ai khác, chúng ta không nên ngần ngại nói: "Tôi không đồng ý; tôi nghĩ rằng điều này có thể được thực hiện tốt hơn." Tốt nhất là có được thái độ tâm trí không quan tâm đến nguồn gốc của một điều nếu nó là một điều tốt, và cũng không ngần ngại loại bỏ điều xấu, ngay cả khi nó đến từ chính mình.

That is difficult, truly, because when that is perfectly done it means that the man is looking down from the ego upon this lower world. Even the use of the lower mind will give much of that power, although we get it perfectly only in the causal body. The lower mind can exercise discrimination, and if we use it from the higher standpoint and do not allow it to be clouded by personal feeling, it is a very fine and beautiful thing when fully developed. We are rather proud of our intellectual development in this fifth sub-race of the fifth root race, which emphasizes this discriminating work of the lower mind, but what we call intellect is only a very small thing as compared with that which is to

Điều đó thực sự khó khăn, bởi vì khi điều đó được thực hiện hoàn hảo, có nghĩa là người đó đang nhìn xuống từ chân ngã vào thế giới thấp hơn này. Ngay cả việc sử dụng hạ trí cũng sẽ mang lại nhiều sức mạnh đó, mặc dù chúng ta chỉ đạt được nó hoàn hảo trong thể nguyên nhân. Hạ trí có thể thực hiện sự phân biện, và nếu chúng ta sử dụng nó từ quan điểm cao hơn và không để nó bị che mờ bởi cảm giác cá nhân, đó là một điều rất tốt đẹp khi được phát triển đầy đủ. Chúng ta khá tự hào về sự phát triển trí tuệ của mình trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm, nhấn mạnh công việc phân biện này của hạ trí, nhưng điều chúng ta gọi là trí tuệ chỉ là một điều rất nhỏ so với điều sẽ phát triển trong vòng tuần hoàn

develop in the course of the next round, which will be that really devoted to intellect. We are proud of the achievements of the lower mind, and not without a certain amount of reason; it has done wonderful work in science and invention. But only those who are able to look forward into the future and have also seen the Masters, who are men of the future, realize what we shall be perhaps in the course of a few thousands of years. I can bear witness that our highest intellectual activity now is but child's play compared to what it will be in the future, so it is clear that there is a splendid vista opening before us.

tiếp theo, vòng tuần hoàn thực sự dành cho trí tuệ. Chúng ta tự hào về những thành tựu của hạ trí, và không phải không có một mức độ lý do nhất định; nó đã làm công việc tuyệt vời trong khoa học và phát minh. Nhưng chỉ những người có khả năng nhìn về tương lai và cũng đã thấy các Chân sư, những người là con người của tương lai, mới nhận ra chúng ta sẽ như thế nào có lẽ trong vài ngàn năm tới. Tôi có thể làm chứng rằng hoạt động trí tuệ cao nhất của chúng ta hiện nay chỉ là trò chơi trẻ con so với những gì nó sẽ là trong tương lai, vì vậy rõ ràng rằng có một viễn cảnh tuyệt vời đang mở ra trước mắt chúng ta.

What the ordinary person calls his mind is exclusively the lowest part of it. In his mind there are four subdivisions, consisting of matter of the seventh, sixth, fifth and fourth sub-planes of the mental plane respectively, but practically he is using matter of the lowest or seventh sub-plane only. That is very near to the astral plane; therefore all his thoughts are coloured by reflections from the astral world, and so they are much mixed with emotion, feelings and desires. Very few people can deal with the sixth sub-plane as yet. Our great scientific men certainly use it a good deal, but unfortunately they often mingle with it the matter of the lowest sub-plane and then they become jealous of other people's discoveries and inventions. If they can rise to the fifth sub-plane they are already getting much more free from the possibility of astral entanglement. If they can raise themselves to the fourth sub-plane, which is the highest part of the mental body, they are then in the very middle of the mental plane, and next to them is the causal body. They are then far away from the possibility of having their thoughts affected by astral vibrations.

Điều mà người bình thường gọi là trí tuệ của mình chỉ là phần thấp nhất của nó. Trong trí tuệ của y có bốn phân khu, bao gồm chất liệu của các cõi phụ thứ bảy, thứ sáu, thứ năm và thứ tư của cõi trí tuệ tương ứng, nhưng thực tế y chỉ đang sử dụng chất liệu của cõi phụ thấp nhất hoặc thứ bảy. Điều đó rất gần với cõi cảm dục; do đó tất cả suy nghĩ của y đều bị nhuốm màu bởi những phản chiếu từ thế giới cảm dục, và vì vậy chúng rất nhiều pha trộn với cảm xúc, cảm giác và ham muốn. Rất ít người có thể xử lý cõi phụ thứ sáu cho đến nay. Những nhà khoa học vĩ đại của chúng ta chắc chắn sử dụng nó khá nhiều, nhưng tiếc là họ thường trộn lẫn với nó chất liệu của cõi phụ thấp nhất và sau đó họ trở nên ghen tị với những khám phá và phát minh của người khác. Nếu họ có thể vươn lên cõi phụ thứ năm, họ đã thoát khỏi khả năng bị vướng vào cảm dục. Nếu họ có thể nâng mình lên cõi phụ thứ tư, phần cao nhất của thể trí, họ sẽ ở ngay giữa cõi trí tuệ, và bên cạnh họ là thể nguyên nhân. Họ sau đó ở rất xa khả năng bị ảnh hưởng bởi rung động cảm dục.

We can understand how these things work. A vibration is most easily received by that

Chúng ta có thể hiểu cách những điều này hoạt động. Một rung động dễ dàng được tiếp nhận

which is in tune with it. If a man feels very angry he is liable to stir up the emotion of anger in the astral bodies of other people around him. That will also disturb their lower thought; but it will not affect their higher thought, if they have any—most people have not as yet. One of the things we as students are trying to do in our thought and meditation is to awaken the higher parts of the mental body and bring them into working order. Those who meditate regularly on the Masters and on the things connected with Them, must be using the higher part of the mental body to some extent, and the more it is used, the more will our thought be unaffected by desires, passions and emotions. But since most people do not get so far as that, the great mass of thought in the world is very much coloured by desire, and most thought-forms that we see are loaded with astral as well as with mental matter.

nhất bởi thứ gì đó hòa hợp với nó. Nếu một người cảm thấy rất tức giận, y có khả năng khuấy động cảm xúc giận dữ trong các thể cảm dục của những người xung quanh. Điều đó cũng sẽ làm xáo trộn suy nghĩ thấp của họ; nhưng nó sẽ không ảnh hưởng đến suy nghĩ cao của họ, nếu họ có bất kỳ—hầu hết mọi người chưa có. Một trong những điều mà chúng ta là đạo sinh đang cố gắng làm trong suy nghĩ và tham thiền của mình là đánh thức các phần cao hơn của thể trí và đưa chúng vào hoạt động. Những người tham thiền thường xuyên về các Chân sư và những điều liên quan đến Các Ngài, phải đang sử dụng phần cao hơn của thể trí ở một mức độ nào đó, và càng sử dụng nó, suy nghĩ của chúng ta càng không bị ảnh hưởng bởi ham muốn, đam mê và cảm xúc. Nhưng vì hầu hết mọi người không đạt được điều đó, nên khối lượng suy nghĩ lớn trong thế giới rất nhiều bị nhuốm màu bởi ham muốn, và hầu hết các hình tư tưởng mà chúng ta thấy đều chất đầy chất liệu cảm dục cũng như chất liệu trí tuệ.

We all live much too close together, with the consequence that even while other people may not be thinking of us they affect us. Of course we in turn affect them, and we should always definitely try to affect them for good. If we set ourselves to be a centre of uttermost peace and love we shall very greatly help all those around us, but while we are centres of desire and emotion and selfish feeling we make development impossible not only for ourselves but for all those near to us, and that is a very serious matter. Every aspirant ought to take to heart the fact that he is preventing the progress of others if he gives way to this personal desire.

Chúng ta đều sống quá gần nhau, với hậu quả là ngay cả khi người khác có thể không nghĩ về chúng ta, họ vẫn ảnh hưởng đến chúng ta. Tất nhiên, chúng ta cũng ảnh hưởng đến họ, và chúng ta nên luôn cố gắng ảnh hưởng đến họ theo hướng tốt. Nếu chúng ta tự đặt mình làm trung tâm của sự bình an và tình thương tuyệt đối, chúng ta sẽ giúp đỡ rất nhiều cho tất cả những người xung quanh, nhưng trong khi chúng ta là trung tâm của ham muốn và cảm xúc và cảm giác ích kỷ, chúng ta làm cho sự phát triển trở nên không thể không chỉ cho bản thân mà còn cho tất cả những người gần gũi với chúng ta, và đó là một vấn đề rất nghiêm trọng. Mỗi người chí nguyện nên ghi nhớ rằng y đang ngăn cản sự tiến bộ của người khác nếu y nhượng bộ cho ham muốn cá nhân này.

The power of self-effacement is impossible of

Sức mạnh của sự tự xóa mình là không thể đạt

attainment until we have utterly weeded out all personal desire. We talk of our devotion to our work and to the Masters; surely that is not too much to do for Their sake. Even if a very great effort is necessary we ought to be willing to make it for the sake of these Great Ones who have done so much for us, through whom all the Theosophical teaching has come to us. It is not a question of affording Them gratification by doing these things—though surely They cannot but be pleased to see the progress of those whom They are trying to help—but it is also common sense. If we want to help in evolution, the first and most necessary thing to do is to take ourselves in hand. We must gain that control over the lower self which makes us appear as nothing in the eyes of men. Be it so; many of the great forces are working unseen. We may be among those forces, and as such we can afford to appear insignificant in the sight of the world.

được cho đến khi chúng ta hoàn toàn loại bỏ mọi ham muốn cá nhân. Chúng ta nói về sự tận tụy của mình đối với công việc và với các Chân sư; chắc chắn điều đó không quá khó để làm vì lợi ích của Các Ngài. Ngay cả khi cần một nỗ lực rất lớn, chúng ta cũng nên sẵn lòng thực hiện vì lợi ích của các Đấng Cao Cả này, những người đã làm rất nhiều cho chúng ta, thông qua đó tất cả các giáo lý Thông Thiên Học đã đến với chúng ta. Không phải là vấn đề làm hài lòng Các Ngài bằng cách làm những điều này—mặc dù chắc chắn Các Ngài không thể không vui mừng khi thấy sự tiến bộ của những người mà Các Ngài đang cố gắng giúp đỡ—nhưng đó cũng là lẽ thường. Nếu chúng ta muốn giúp đỡ trong tiến hóa, điều đầu tiên và cần thiết nhất là phải tự kiểm soát bản thân. Chúng ta phải đạt được sự kiểm soát đối với phàm ngã khiến chúng ta trở nên vô hình trong mắt người đời. Cứ để như vậy; nhiều lực lượng lớn đang hoạt động không thấy được. Chúng ta có thể nằm trong số những lực lượng đó, và như vậy chúng ta có thể đủ khả năng để xuất hiện không đáng kể trong mắt thế gian.

14. Desire peace fervently. The peace you shall desire is that sacred peace which nothing can disturb, and in which the soul grows as does the holy flower upon the still lagoons.

14. Hãy khao khát hòa bình mãnh liệt. Hòa bình mà bạn nên khao khát là hòa bình thiêng liêng mà không gì có thể làm xáo trộn, và trong đó linh hồn phát triển như hoa thiêng trên những đầm nước tĩnh lặng.

C.W.L.—This short aphorism is closely connected with the foregoing one. The power which we are told to desire leads to peace; unless we have power over self we can have no peace.

C.W.L.—Châm ngôn ngắn này liên quan chặt chẽ với châm ngôn trước đó. Sức mạnh mà chúng ta được khuyên nên khao khát dẫn đến hòa bình; trừ khi chúng ta có sức mạnh đối với bản thân, chúng ta không thể có hòa bình.

Only when we have gained peace can we give it to others; to be able to do that is surely one of the greatest and most beautiful of powers. Most people's lives are full of worry and anxiety, of jealousy and envy. All the -time

Chỉ khi chúng ta đạt được hòa bình, chúng ta mới có thể trao nó cho người khác; khả năng làm điều đó chắc chắn là một trong những sức mạnh lớn nhất và đẹp nhất. Cuộc sống của hầu hết mọi người đầy lo lắng và căng thẳng, ghen

they are just a swirl not only of emotions, but also of unsatisfied desires. Many of those who take up the study of occultism, that is, the study of the reality which lies behind, still expect to be able to go on living that kind of life. Even some of those who are supposed to have been students of occultism for years, and are trying to draw nearer to the Masters, apparently cannot yet give up their desires. They make no serious attempt to get rid of all their foolish and disturbing emotions, and then they wonder why they do not make progress and why others seem to pass on in front of them. How can they expect to advance until they have left all these things behind them? Until we are quite free from such disturbances it is absolutely impossible to make any real higher progress. If we want to set up communications with the Master, we must have perfect peace within.

tị và đố kỵ. Họ luôn chỉ là một vòng xoáy không chỉ của cảm xúc mà còn của những ham muốn không được thỏa mãn. Nhiều người trong số những người nghiên cứu huyền bí học, tức là nghiên cứu thực tại nằm phía sau, vẫn mong muốn có thể tiếp tục sống cuộc sống như vậy. Ngay cả một số người được cho là đã là học viên huyền bí học trong nhiều năm và đang cố gắng tiến gần hơn đến các Chân sư, dường như vẫn chưa thể từ bỏ những ham muốn của mình. Họ không cố gắng nghiêm túc để loại bỏ tất cả những cảm xúc ngu ngốc và gây rối, và sau đó họ tự hỏi tại sao họ không tiến bộ và tại sao người khác dường như vượt qua họ. Làm sao họ có thể mong đợi tiến bộ cho đến khi họ đã bỏ lại tất cả những điều này phía sau? Cho đến khi chúng ta hoàn toàn thoát khỏi những xáo trộn như vậy, hoàn toàn không thể đạt được bất kỳ tiến bộ cao hơn thực sự nào. Nếu chúng ta muốn thiết lập giao tiếp với Chân sư, chúng ta phải có hòa bình hoàn hảo bên trong.

It is said that struggle is a necessity for progress. It is certainly true that there is a long stage in the evolution of the soul when it is in a constant state of struggle and strife. On looking back into the past we can see that progress was then more rapid in a life of storm and stress than when the conditions were easier. In that rough-hewing of the character all the troubles and difficulties which men encounter and the opposition which comes in their way no doubt teach them something; they learn their lessons from them. But at the higher stage at which the disciple has arrived that state of struggle is no longer of value. For growth of the higher kind, perfect peace is necessary. A Master once wrote: “The law of the survival of the fittest is the law for the evolution of the brute; but the law of sacrifice is the law of the evolution of man.” Many people think they will get peace when their mad desires are satisfied, but they find by

Người ta nói rằng đấu tranh là cần thiết cho sự tiến bộ. Chắc chắn đúng là có một giai đoạn dài trong tiến hóa của linh hồn khi nó ở trong trạng thái đấu tranh và xung đột liên tục. Khi nhìn lại quá khứ, chúng ta có thể thấy rằng tiến bộ khi đó nhanh hơn trong một cuộc sống đầy bão tố và căng thẳng hơn khi điều kiện dễ dàng hơn. Trong quá trình rèn giũa tính cách đó, tất cả những rắc rối và khó khăn mà con người gặp phải và sự đối lập mà họ gặp phải chắc chắn dạy cho họ điều gì đó; họ học được bài học từ chúng. Nhưng ở giai đoạn cao hơn mà đệ tử đã đạt được, trạng thái đấu tranh đó không còn giá trị nữa. Để phát triển loại cao hơn, cần có hòa bình hoàn hảo. Một Chân sư từng viết: “Luật sinh tồn của kẻ thích nghi là luật cho sự tiến hóa của thú vật; nhưng luật hy sinh là luật cho sự tiến hóa của con người.” Nhiều người nghĩ rằng họ sẽ có được hòa bình khi những ham muốn điên cuồng của họ được thỏa mãn, nhưng họ nhận ra qua kinh nghiệm

experience that it is not so. They then begin to think what a sad thing it is that they have yielded to them, and they realize that they ought to have risen above them. There is no peace to be gained by the satisfaction of desire. Peace is to be attained in one way only: by putting aside the lower desires and developing the power which makes us "as nothing in the eyes of men."

rằng không phải vậy. Sau đó, họ bắt đầu nghĩ rằng thật đáng buồn khi họ đã nhượng bộ chúng, và họ nhận ra rằng họ đáng lẽ phải vượt lên trên chúng. Không có hòa bình nào có thể đạt được bằng sự thỏa mãn của ham muốn. Hòa bình chỉ có thể đạt được bằng một cách duy nhất: bằng cách gạt bỏ những ham muốn thấp hơn và phát triển sức mạnh khiến chúng ta "như không có gì trong mắt người đời."

It is said here that the holy flower grows upon the still lagoons. It is only in still water that the lotus can unfold itself to its best; it cannot do so if it is buffeted about by wind and storm. It is only in peace that the soul can unfold. Storms of passion and desire are just like storms that beat down the flowers on the physical plane. All developments of the higher kind are like very delicate flowers, and if they are subjected to violent storms of passion they become crushed out, and disappear. People who are always in royal rages, who constantly brood over all kinds of foolish personal matters, who are always thinking about their own feelings and are filled with jealousy and envy of others, cannot develop all the fine and delicate fronds and tendrils that mean progress.

Ở đây nói rằng hoa thiêng phát triển trên những đầm nước tĩnh lặng. Chỉ trong nước tĩnh, hoa sen mới có thể nở rộ nhất; nó không thể làm như vậy nếu bị gió và bão táp đánh bạt. Chỉ trong hòa bình, linh hồn mới có thể phát triển. Những cơn bão của đam mê và ham muốn giống như những cơn bão đánh bại hoa trên cõi hồng trần. Tất cả sự phát triển của loại cao hơn đều giống như những bông hoa rất tinh tế, và nếu chúng bị những cơn bão đam mê dữ dội tấn công, chúng sẽ bị nghiền nát và biến mất. Những người luôn trong cơn thịnh nộ, luôn suy nghĩ về những vấn đề cá nhân ngu ngốc, luôn nghĩ về cảm xúc của mình và đầy ghen tị và đố kỵ với người khác, không thể phát triển tất cả những nhánh và tua mảnh mai có nghĩa là tiến bộ.

People in general have very little scientific idea of what occult progress, real evolution, means. Their methods of education alone show that they do not understand it. There is a certain amount of the evolution through which we have gone—up to about the level of the savage and a little higher than that—which we may consider as fairly definitely estabished; that is to say, we could not very well fall back below that point under any circumstances. But the growth that comes beyond that—beyond the almost animal part, or at any rate the lower and emotional part, of man—is a question of exceedingly delicate development of many sorts. The things which

Người ta thường không có ý tưởng khoa học về tiến bộ huyền bí, tiến hóa thực sự, có nghĩa là gì. Phương pháp giáo dục của họ cho thấy rằng họ không hiểu điều đó. Có một mức độ tiến hóa nhất định mà chúng ta đã trải qua—đến khoảng mức độ của người man rợ và cao hơn một chút—mà chúng ta có thể coi là khá chắc chắn; tức là, chúng ta không thể dễ dàng rơi xuống dưới điểm đó trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Nhưng sự phát triển vượt ra ngoài đó—vượt ra ngoài phần gần như thú vật, hoặc ít nhất là phần thấp hơn và cảm xúc của con người—là một câu hỏi về sự phát triển vô cùng tinh tế của nhiều loại. Những điều phân biệt người có văn hóa cao và nghệ thuật với người

differentiate the highly cultured and artistic person from the quite coarse and undeveloped person are all of a very subtle nature—matters of long and slow and careful growth; they are tender shoots of great promise, which have hardly as yet blossomed forth, and have certainly not yet reached what they shall be in the future. The first blast of unfavourable conditions destroys that finer growth. The rough and tumble of modern education, in which children are frightened and sometimes even ill-treated, has the effect of crushing out all the delicate bloom of culture and refinement which souls that have come into these child bodies may have been acquiring for a very long time past—perhaps for twenty or thirty lives. In consequence the children become very much like primitive savages. They are often full of fear and hatred and a great sense of abiding injustice, and all the finer development which really marks the difference between a later and, an earlier sub-race is swept away.

thô thiển và chưa phát triển đều có bản chất rất tinh tế—những vấn đề của sự phát triển lâu dài và chậm rãi và cẩn thận; chúng là những chồi non đầy hứa hẹn, mà hầu như chưa nở rộ, và chắc chắn chưa đạt đến những gì chúng sẽ là trong tương lai. Cơn gió đầu tiên của điều kiện bất lợi phá hủy sự phát triển tinh tế đó. Sự giáo dục thô bạo và hỗn loạn hiện đại, trong đó trẻ em bị sợ hãi và đôi khi thậm chí bị ngược đãi, có tác dụng nghiền nát tất cả sự nở hoa tinh tế của văn hóa và tinh tế mà linh hồn đã đến trong những cơ thể trẻ em này có thể đã tích lũy trong một thời gian rất dài—có lẽ trong hai mươi hoặc ba mươi kiếp. Kết quả là trẻ em trở nên rất giống những người man rợ nguyên thủy. Chúng thường đầy sợ hãi và thù hận và một cảm giác bất công dai dẳng, và tất cả sự phát triển tinh tế thực sự đánh dấu sự khác biệt giữa một giống dân phụ sau và một giống dân phụ trước đó bị cuốn trôi.

People do not in the least realize what they are doing when they destroy these things, as they so often do. I constantly see boys and girls who belong perhaps to ordinary parents, but are themselves quite promising; if they were taken in hand and brought along in the right way, they would make distinct progress in this life. But their surroundings are utterly unsuited for such development and all the finer growth is lopped off and beaten back, and they go through life as quite ordinary people. I have seen cases where the same thing happened over and over again in as many as perhaps fifteen or twenty lives; the progress that might have been made in the first case was not made until the twentieth. Probably the accumulated karma of living a little better in a quiet way in each of those lives made it necessary at last that the ego should be given better surroundings, and then he got his

Người ta không hề nhận ra những gì họ đang làm khi họ phá hủy những điều này, như họ thường làm. Tôi thường thấy những cậu bé và cô gái có thể thuộc về cha mẹ bình thường, nhưng bản thân chúng lại rất hứa hẹn; nếu chúng được chăm sóc và phát triển đúng cách, chúng sẽ tiến bộ rõ rệt trong cuộc sống này. Nhưng môi trường của chúng hoàn toàn không phù hợp cho sự phát triển như vậy và tất cả sự phát triển tinh tế bị cắt bỏ và đẩy lùi, và chúng đi qua cuộc đời như những người hoàn toàn bình thường. Tôi đã thấy những trường hợp mà điều tương tự xảy ra lặp đi lặp lại trong nhiều kiếp, có lẽ là mười lăm hoặc hai mươi kiếp; tiến bộ có thể đã được thực hiện trong trường hợp đầu tiên không được thực hiện cho đến kiếp thứ hai mươi. Có lẽ nghiệp quả tích lũy của việc sống tốt hơn một chút theo cách yên tĩnh trong mỗi kiếp đó cuối cùng đã làm cho cần thiết rằng chân ngã phải được

opportunity. But so far as we can see that same development could just as well have been made twenty lives before, if only the environment had been a little better.

cung cấp môi trường tốt hơn, và sau đó y có cơ hội của mình. Nhưng theo như chúng ta có thể thấy, sự phát triển tương tự có thể đã được thực hiện tốt hơn hai mươi kiếp trước, nếu chỉ có môi trường tốt hơn một chút.

It is a sad thing for the people who repress those delicate touches. I suppose there is no greater crime f than the repression of those who are trying to make progress. That is one of the things which the Christ meant when He spoke of the sin against the Holy Ghost which should not be forgiven either in this world or in the world to come. That word "forgiven" is, however, a mistranslation—"to abandon", "to put aside", gives a better idea of the meaning. What is meant is perfectly clear. The sin against the Holy Ghost is the repression of the divine spirit in man; it produces a karmic result which could nor be put right in this dispensation—neither in this world-period, nor perhaps in the next, so serious is it.

Đó là một điều đáng buồn cho những người đàn áp những nét tinh tế đó. Tôi cho rằng không có tội ác nào lớn hơn việc đàn áp những người đang cố gắng tiến bộ. Đó là một trong những điều mà Đức Christ đã nói khi Ngài nói về tội lỗi chống lại Chúa Thánh Thần mà sẽ không được tha thứ cả trong thế giới này và thế giới sắp tới. Tuy nhiên, từ "tha thứ" đó là một bản dịch sai—"bỏ qua", "gạt sang một bên", cho một ý tưởng tốt hơn về ý nghĩa. Ý nghĩa là hoàn toàn rõ ràng. Tội lỗi chống lại Chúa Thánh Thần là sự đàn áp tinh thần thiêng liêng trong con người; nó tạo ra một kết quả nghiệp quả không thể được sửa chữa trong sự phân phối này—không phải trong thời kỳ thế giới này, cũng có thể không phải trong thời kỳ tiếp theo, nghiêm trọng đến mức đó.

Many people commit this crime against themselves as well as against their children. They do not give the higher part of themselves an opportunity to grow. Children are often able to see nature-spirits and other beautiful things which older people cannot see. There is no reason why the older people should not see them also, if their sensitiveness had not been destroyed by the sort of life into which they have so often been plunged. Sometimes later on in life with great difficulty they begin to recover the power, not only of clairvoyance, but also the power to appreciate all that is artistic and beautiful, all the subtle shades of feeling and perception that mean culture and real education.

Nhiều người phạm tội ác này chống lại chính mình cũng như chống lại con cái của họ. Họ không cho phần cao hơn của bản thân cơ hội để phát triển. Trẻ em thường có thể nhìn thấy các linh hồn thiên nhiên và những điều đẹp đẽ khác mà người lớn không thể thấy. Không có lý do gì mà người lớn không thể thấy chúng, nếu sự nhạy cảm của họ không bị phá hủy bởi loại cuộc sống mà họ thường xuyên bị đẩy vào. Đôi khi sau này trong cuộc sống với rất nhiều khó khăn, họ bắt đầu khôi phục lại sức mạnh, không chỉ của thông nhãn, mà còn cả khả năng đánh giá cao tất cả những gì là nghệ thuật và đẹp đẽ, tất cả những sắc thái tinh tế của cảm giác và nhận thức có nghĩa là văn hóa và giáo dục thực sự.

The things which affect the higher progress are all exceedingly delicate—so carefully, so exactly balanced, that the least touch in the

Những điều ảnh hưởng đến tiến bộ cao hơn đều vô cùng tinh tế—được cân bằng cẩn thận, chính xác đến mức chỉ cần một chạm nhẹ sai

wrong direction will throw them back for weeks and months. It is possible to throw back the growth of months in a single day. Therefore very much depends upon surroundings. One cannot always calculate upon obtaining again the same surroundings, so the occultist always strives to make the utmost use of whatever conditions he has at any time, while he is also watchful that none of them shall drag him down. One of the *Puranas* says:

hướng sẽ đẩy lùi chúng trong nhiều tuần và tháng. Có thể đẩy lùi sự phát triển của nhiều tháng chỉ trong một ngày. Do đó, rất nhiều phụ thuộc vào môi trường. Người ta không thể luôn tính toán để có được lại cùng một môi trường, vì vậy nhà huyền bí học luôn cố gắng tận dụng tối đa bất kỳ điều kiện nào mà y có vào bất kỳ lúc nào, trong khi y cũng cảnh giác rằng không điều nào trong số đó sẽ kéo y xuống. Một trong những Puranas nói:

Without a body no one attains the object of the soul; therefore should one take care of his body as a treasure, and perform good deeds. A village or a field or possessions or a house, or good and bad pieces of karma may be obtained again—but this body never again.[40]

Không có thân thể, không ai đạt được mục tiêu của linh hồn; do đó, người ta nên chăm sóc thân thể của mình như một kho báu, và thực hiện những việc làm tốt. Một ngôi làng hoặc một cánh đồng hoặc tài sản hoặc một ngôi nhà, hoặc những mảnh nghiệp tốt và xấu có thể được lấy lại—nhưng thân thể này không bao giờ nữa.

People sometimes say: I cannot do much in this life; I shall try what I can do in the next." It is always well to keep before us the idea of the next life and what we can do in it, but it is not safe to depend too much on that, because the karma behind each person is sure to be more or less mixed and it sometimes asserts itself in waves. We may have karma at a certain time which will give us good surroundings. It does not follow that in the next life we shall have conditions equally good. On the whole the probabilities are that our karma will flow on in much the same groove, but on the other hand there might be a block of unpleasant karma which the karmic authorities do not think the man strong enough to bear this time, and in the next life they might let that loose upon him, so that he might not get such good opportunities.

Người ta đôi khi nói: Tôi không thể làm nhiều trong cuộc sống này; tôi sẽ thử những gì tôi có thể làm trong kiếp sau." Luôn luôn tốt để giữ trước chúng ta ý tưởng về kiếp sau và những gì chúng ta có thể làm trong đó, nhưng không an toàn để phụ thuộc quá nhiều vào điều đó, bởi vì nghiệp quả đằng sau mỗi người chắc chắn sẽ ít nhiều hỗn hợp và đôi khi nó tự khẳng định mình trong những đợt sóng. Chúng ta có thể có nghiệp quả vào một thời điểm nhất định sẽ mang lại cho chúng ta môi trường tốt. Không có nghĩa là trong kiếp sau chúng ta sẽ có điều kiện tốt như vậy. Trên toàn bộ, khả năng là nghiệp quả của chúng ta sẽ tiếp tục trong cùng một rãnh, nhưng mặt khác có thể có một khối nghiệp quả không dễ chịu mà các vị thần nghiệp quả không nghĩ rằng người đàn ông đủ mạnh để chịu đựng lần này, và trong kiếp sau họ có thể để điều đó xảy ra với y, để y có thể không có cơ hội tốt như vậy.

[40] *Garuda Purana Saroddhara,* xvi, 17, 18.

It is eminently wise to take all the opportunities available in this life. If we do that, and thus show the Lords of Karma that we are taking advantage of them, that will seriously influence the incidence of karma upon us in the next life. It will constitute a sort of claim for good surroundings. It is not wise because we have many opportunities in this life, to assume that we shall have them again in our next life. We may or we may not. I do not like to hear people say: "I am too old to do anything in this life." If we make good use of what we have, and advance ourselves as far as possible, we create a condition of affairs in which it would be difficult for the karmic deities not to give us opportunities again; we can make such karma along a particular line that we may take the kingdom of heaven by storm—we can force the Lords of Karma to so arrange our karma that the opportunity must come because the causes we have set in motion cannot work themselves out except along a similar line. Most assuredly it is well to make full use of every good opportunity that comes to us, lest by chance by neglecting it we might make a difference of a few thousand years in our evolution.

Rất khôn ngoan để tận dụng tất cả các cơ hội có sẵn trong cuộc sống này. Nếu chúng ta làm điều đó, và do đó cho thấy các Chúa Tể của Nghiệp rằng chúng ta đang tận dụng chúng, điều đó sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự xuất hiện của nghiệp quả đối với chúng ta trong kiếp sau. Nó sẽ tạo thành một loại yêu cầu cho môi trường tốt. Không khôn ngoan vì chúng ta có nhiều cơ hội trong cuộc sống này, để giả định rằng chúng ta sẽ có chúng một lần nữa trong kiếp sau. Chúng ta có thể hoặc không thể. Tôi không thích nghe người ta nói: "Tôi quá già để làm bất cứ điều gì trong cuộc sống này." Nếu chúng ta tận dụng tốt những gì chúng ta có, và tiến bộ bản thân càng xa càng tốt, chúng ta tạo ra một điều kiện trong đó sẽ khó khăn cho các vị thần nghiệp quả không cho chúng ta cơ hội một lần nữa; chúng ta có thể tạo ra nghiệp quả dọc theo một dòng cụ thể mà chúng ta có thể chiếm lấy vương quốc của thiên đàng bằng bão tố—chúng ta có thể buộc các Chúa Tể của Nghiệp phải sắp xếp nghiệp quả của chúng ta sao cho cơ hội phải đến vì các nguyên nhân mà chúng ta đã khởi động không thể tự thực hiện ngoại trừ dọc theo một dòng tương tự. Chắc chắn là tốt để tận dụng tối đa mọi cơ hội tốt đến với chúng ta, kẻo tình cờ bằng cách bỏ qua nó, chúng ta có thể tạo ra sự khác biệt vài ngàn năm trong tiến hóa của chúng ta.

A few thousand years are as nothing in the long life of the soul, but we do not want to be delayed in that way. In the *Lives of Alcyone* we find, for example, the case of one young man who had remarkably good opportunities in connection with one, of the great Masters in a temple in Egypt.

Vài ngàn năm chẳng là gì trong cuộc sống dài của linh hồn, nhưng chúng ta không muốn bị trì hoãn theo cách đó. Trong Cuộc sống của Alcyone, chúng ta thấy, ví dụ, trường hợp của một chàng trai trẻ có cơ hội rất tốt liên quan đến một trong những Chân sư vĩ đại trong một ngôi đền ở Ai Cập.

He foolishly wasted his time, threw away his opportunities and lost them. The Master said then that He would always be ready to take him again when he came back. It is only in this life, six thousand years later, that he has come

Y đã lãng phí thời gian một cách ngu ngốc, vứt bỏ cơ hội của mình và mất chúng. Chân sư khi đó đã nói rằng Ngài sẽ luôn sẵn sàng đón nhận y một lần nữa khi y quay trở lại. Chỉ trong cuộc sống này, sáu ngàn năm sau, y mới quay trở

back. That carelessness lost him a good deal of time. Think of what might have been done in that six thousand years, if he had taken the offer. At that time the Master who made it had not yet attained Adeptship. Certainly if the pupil had accepted, he might have now been very far on the road to Adeptship himself. It cannot be a matter of indifference whether a man takes such a step as that six thousand years earlier or later. The man who took it so much earlier would have all the work of intervening years on the very highest levels to his credit—it seems impossible that it can be the same thing.

lại. Sự bất cẩn đó đã làm y mất rất nhiều thời gian. Hãy nghĩ về những gì có thể đã được thực hiện trong sáu ngàn năm đó, nếu y đã chấp nhận lời đề nghị. Vào thời điểm đó, Chân sư đã đưa ra lời đề nghị chưa đạt được Đạo quả. Chắc chắn nếu học trò đã chấp nhận, y có thể đã rất xa trên con đường đến Đạo quả. Không thể là một vấn đề thờ ơ liệu một người có thực hiện một bước như vậy sớm hơn hay muộn hơn sáu ngàn năm. Người đã thực hiện nó sớm hơn rất nhiều sẽ có tất cả công việc của những năm can thiệp ở các cấp độ cao nhất để y tín dụng—dường như không thể rằng nó có thể là cùng một điều.

I do not know how far in the counsels of the Eternal what we call time matters. There is a point of view to which one may rise in which past and present and future all seem one eternal now, but even in that eternal now there are some things which are more opened and others which are less opened, and therefore the acceptance or the neglect of an opportunity must make a difference, though there may be some way in which a mistake of that kind may be adjusted in the future, in which somehow the man's regret that he did not succeed may be a force enabling him to work doubly well to try to overtake the past. One can only guess at it, only attempt to imagine how such a thing would work; but there is very distinct reason to suppose that there will be a position in which the past can be rectified.

Tôi không biết trong các hội đồng của Vĩnh cửu thời gian mà chúng ta gọi là quan trọng đến mức nào. Có một quan điểm mà người ta có thể vươn lên trong đó quá khứ, hiện tại và tương lai đều dường như là một hiện tại vĩnh cửu, nhưng ngay cả trong hiện tại vĩnh cửu đó cũng có một số điều được mở ra nhiều hơn và những điều khác ít được mở ra hơn, và do đó sự chấp nhận hoặc sự bỏ qua một cơ hội phải tạo ra sự khác biệt, mặc dù có thể có một cách nào đó mà một sai lầm như vậy có thể được điều chỉnh trong tương lai, trong đó bằng cách nào đó sự hối tiếc của người đàn ông rằng y đã không thành công có thể là một lực lượng cho phép y làm việc gấp đôi để cố gắng vượt qua quá khứ. Người ta chỉ có thể đoán về nó, chỉ cố gắng tưởng tượng làm thế nào một điều như vậy sẽ hoạt động; nhưng có lý do rất rõ ràng để cho rằng sẽ có một vị trí trong đó quá khứ có thể được sửa chữa.

It envisages itself on higher levels in a way something like this. We say the past was so-and-so and we cannot alter it. That was how it was when we were at it. How do we know what it is now that we have passed away from it? That past still exists; it is the present to someone else somewhere. That idea is difficult to understand. On the physical plane, we

Nó tự hình dung ở các cấp độ cao hơn theo cách gì đó như thế này. Chúng ta nói quá khứ là như vậy và chúng ta không thể thay đổi nó. Đó là cách nó đã xảy ra khi chúng ta ở đó. Làm sao chúng ta biết nó là gì bây giờ khi chúng ta đã rời khỏi nó? Quá khứ đó vẫn tồn tại; nó là hiện tại đối với ai đó ở đâu đó. Ý tưởng đó khó hiểu. Trên cõi hồng trần, chúng ta biết rằng chúng

know that we see an object; we know of it by the light which comes from it. The light which showed us something yesterday is now many millions of miles away, and it is now showing that same thing far away; our yesterday may be the present for someone else as far as the message of that light is concerned. Whether that analogy holds good I do not know, but something like that seems to be true. The past is somehow progressing.

ta thấy một vật thể; chúng ta biết về nó nhờ ánh sáng phát ra từ nó. Ánh sáng đã cho chúng ta thấy điều gì đó ngày hôm qua hiện đang cách xa hàng triệu dặm, và hiện đang cho thấy điều đó ở xa; ngày hôm qua của chúng ta có thể là hiện tại đối với ai đó khác xa như thông điệp của ánh sáng đó. Liệu phép ẩn dụ đó có đúng hay không tôi không biết, nhưng có vẻ như điều gì đó như vậy là đúng. Quá khứ bằng cách nào đó đang tiến triển.

Looking down from the higher plane on the life down here is something like standing on a mountain and watching a' railway train moving in the valley below. The train has passed certain points as far as the people in it are concerned. The points are passed, but they are still there. The trees and animals they saw at those points are still alive. The past is still active, but because they are not in it any more most people imagine that their share in it is done with. I am not sure of that. I do not think that it is very profitable to try to understand that point, because one cannot make any coherent sense of it down here. But I believe that the past is not irrevocable, and that when we in our turn reach the stage where we can look down upon it all, it will appear very much better than our present memory of it would indicate, because somehow all that past also is moving onward as part of the divine reality of things, and that also will become glorified and will blossom out into what it should have been —I cannot pretend to say how. Still the idea is a stimulating one—the possibility that the things which we have failed to do, the mistakes which we have made, may not be so in the end, though they are so to us now. It is an idea which is difficult to understand down here, but I am sure there is some truth behind it.

Nhìn xuống từ cõi cao hơn vào cuộc sống ở đây giống như đứng trên một ngọn núi và quan sát một đoàn tàu đang di chuyển trong thung lũng bên dưới. Đoàn tàu đã đi qua một số điểm nhất định theo như những người trong đó quan tâm. Các điểm đã qua, nhưng chúng vẫn còn đó. Những cây cối và động vật mà họ đã thấy ở những điểm đó vẫn còn sống. Quá khứ vẫn đang hoạt động, nhưng vì họ không còn ở trong đó nữa, hầu hết mọi người tưởng tượng rằng phần của họ trong đó đã kết thúc. Tôi không chắc về điều đó. Tôi không nghĩ rằng rất có lợi để cố gắng hiểu điểm đó, bởi vì người ta không thể tạo ra bất kỳ ý nghĩa mạch lạc nào từ nó ở đây. Nhưng tôi tin rằng quá khứ không phải là không thể thay đổi, và khi chúng ta đến lượt mình đạt đến giai đoạn mà chúng ta có thể nhìn xuống tất cả, nó sẽ xuất hiện tốt hơn nhiều so với ký ức hiện tại của chúng ta về nó sẽ chỉ ra, bởi vì bằng cách nào đó tất cả quá khứ đó cũng đang tiến lên như một phần của thực tại thiêng liêng của mọi thứ, và điều đó cũng sẽ trở nên vinh quang và sẽ nở rộ thành những gì nó nên là—tôi không thể giả vờ nói làm thế nào. Tuy nhiên, ý tưởng đó là một ý tưởng kích thích—khả năng rằng những điều mà chúng ta đã không làm được, những sai lầm mà chúng ta đã mắc phải, có thể không phải là như vậy cuối cùng, mặc dù chúng là như vậy đối với chúng ta bây giờ. Đó là một ý tưởng khó hiểu ở đây, nhưng tôi chắc chắn có một số sự thật đằng sau nó.

15. Desire possessions above all.

But those possessions must belong to the pure soul only, and be possessed therefore by all pure souls equally, and thus be the especial property of the/ whole only when united. Hunger for such possessions as can be held by the pure soul, that you may accumulate wealth for that united spirit of life which is your only true Self.

C.W.L.—The possessions which we are to desire are qualities which shall be of use to all humanity. Every victory we gain is to be gained for humanity, not for ourselves. The desire to possess must be one to possess with all others—a desire that all shall share the same inheritance. That is the old story of impersonality in another form. We see that beautifully illustrated in the lives of the Masters. I remember long ago feeling considerable wonder as to how it could be that the Masters appear without karma. They are even spoken of in some of the sacred books of the East as having risen above karma. I could not understand it, because karma is a law just as much as gravitation is. We might rise as far as the sun itself, but we should not get beyond gravitation; on the contrary we should feel it very much more strongly. It seemed to me just as impossible to escape from the law of cause and effect, since under its operation every person receives according to what he does. If the great Masters are all the time doing good on a scale which we cannot in the least hope to equal, and yet They make no karma, what then becomes of the stupendous result of all Their outpourings of energy?

15. Khao khát sở hữu trên hết.

Nhưng những sở hữu đó phải thuộc về linh hồn thuần khiết duy nhất, và do đó được sở hữu bởi tất cả các linh hồn thuần khiết như nhau, và do đó là tài sản đặc biệt của toàn thể chỉ khi hợp nhất. Khao khát những sở hữu có thể được giữ bởi linh hồn thuần khiết, để bạn có thể tích lũy sự giàu có cho tinh thần sống hợp nhất đó, vốn là Chân Ngã duy nhất của bạn.

C.W.L.—Những sở hữu mà chúng ta nên khao khát là những phẩm chất sẽ có ích cho toàn nhân loại. Mỗi chiến thắng mà chúng ta đạt được là để đạt được cho nhân loại, không phải cho bản thân chúng ta. Mong muốn sở hữu phải là một mong muốn sở hữu cùng với tất cả những người khác—một mong muốn rằng tất cả sẽ chia sẻ cùng một di sản. Đó là câu chuyện cũ về sự vô ngã dưới một hình thức khác. Chúng ta thấy điều đó được minh họa đẹp đẽ trong cuộc sống của các Chân sư. Tôi nhớ rất lâu trước đây cảm thấy khá ngạc nhiên về việc làm thế nào mà các Chân sư xuất hiện mà không có nghiệp quả. Các Ngài thậm chí được nói đến trong một số sách thánh của phương Đông như đã vượt lên trên nghiệp quả. Tôi không thể hiểu được, bởi vì nghiệp quả là một luật cũng giống như lực hấp dẫn. Chúng ta có thể vươn lên xa như mặt trời, nhưng chúng ta sẽ không vượt qua lực hấp dẫn; ngược lại, chúng ta sẽ cảm thấy nó mạnh mẽ hơn nhiều. Dường như đối với tôi cũng không thể thoát khỏi luật nhân quả, vì dưới sự vận hành của nó, mỗi người nhận được theo những gì y làm. Nếu các Chân sư vĩ đại luôn làm điều tốt trên một quy mô mà chúng ta không thể hy vọng sánh kịp, và tuy nhiên Các Ngài không tạo ra nghiệp quả, thì kết quả to lớn của tất cả những lần tuôn đổ năng lượng của Các Ngài sẽ ra sao?

Presently, after studying the problem, we began to see how it worked. If I describe what karma looks like clairvoyantly, it will perhaps help to make the matter more intelligible. The appearance of the working of the law of karma on higher planes is something as follows. Every man is the centre of an incredibly vast series of concentric spheres—some of them quite near, others reaching to a prodigious distance into the far empyrean. Every thought or word or action, whether good or bad, selfish or unselfish, sends out a stream of force which rushes towards the surfaces of these spheres. This force strikes the interior surface of one or other of the spheres at right angles to it, and is reflected back to the point from which it came. From which sphere it is reflected seems to depend upon the character of the force, and this also regulates the time of its return. The force which is generated by some actions strikes a sphere which is comparatively near at hand and flies back again very quickly, while other forces rush on almost to infinity and return only after many lives—why we cannot tell. All we know is that in any case they inevitably return, and they can return nowhere but to the centre from which they came forth.

Hiện tại, sau khi nghiên cứu vấn đề, chúng ta bắt đầu thấy cách nó hoạt động. Nếu tôi mô tả karma trông như thế nào dưới góc nhìn thông nhãn, có lẽ nó sẽ giúp làm cho vấn đề trở nên dễ hiểu hơn. Sự xuất hiện của hoạt động của định luật karma trên các cõi cao hơn là như sau. Mỗi người là trung tâm của một loạt các hình cầu đồng tâm vô cùng rộng lớn—một số khá gần, số khác vươn tới một khoảng cách khổng lồ vào vùng trời xa xôi. Mỗi ý nghĩ, lời nói hay hành động, dù tốt hay xấu, ích kỷ hay vô tư, đều phát ra một dòng mãnh lực lao về phía bề mặt của những hình cầu này. Mãnh lực này va chạm vào bề mặt bên trong của một trong những hình cầu ở góc vuông với nó, và được phản chiếu trở lại điểm mà nó xuất phát. Hình cầu nào phản chiếu nó dường như phụ thuộc vào tính chất của mãnh lực, và điều này cũng điều chỉnh thời gian của sự trở lại của nó. Mãnh lực được tạo ra bởi một số hành động va chạm vào một hình cầu tương đối gần và bay trở lại rất nhanh, trong khi các mãnh lực khác lao đi gần như vô tận và chỉ trở lại sau nhiều kiếp sống—tại sao chúng ta không thể nói. Tất cả những gì chúng ta biết là trong bất kỳ trường hợp nào chúng cũng không thể tránh khỏi trở lại, và chúng không thể trở lại đâu khác ngoài trung tâm từ nơi chúng xuất phát.

All these forces thrown out from the man must recoil upon him so long as he projects them from himself in that way. However, every man has an interior connection with the Deity which is not through any of these concentric spheres, but through the centre itself. By turning within he can reach the Logos himself, and so long as he sends all the force of his thought and desire in that way, it is not reflected back to him at all, but goes to reinforce the great outwelling of divine power which the Deity is always sending through His universe, by which He keeps it alive. His force wells up in the centre; it does not come from without. If we look at a number of

Tất cả những mãnh lực này phát ra từ con người phải dội lại lên y chừng nào y còn phóng chiếu chúng từ chính mình theo cách đó. Tuy nhiên, mỗi người đều có một kết nối nội tại với Thượng đế không thông qua bất kỳ hình cầu đồng tâm nào, mà thông qua chính trung tâm. Bằng cách quay vào bên trong, y có thể tiếp cận Thượng đế, và chừng nào y gửi tất cả mãnh lực của suy nghĩ và mong muốn theo cách đó, nó sẽ không phản chiếu lại y chút nào, mà đi để củng cố dòng chảy mãnh lực thiêng liêng mà Thượng đế luôn gửi qua vũ trụ của Ngài, nhờ đó Ngài giữ cho nó sống động. Mãnh lực của Ngài trào lên từ trung tâm; nó không đến từ bên ngoài. Nếu chúng ta nhìn vào một số

physical atoms clairvoyantly we shall see some drawing in force and others pouring it out. They must receive that force from somewhere. It does not go in at one side and out at the other; it wells up in the centre apparently from nowhere but is in reality coming from some higher dimension which we cannot see. Thus the communication with God lies in the very heart of things, and the man who turns his eyes always upon the Deity, and thinks only of Him in the work that he is doing, pours all his force along that line. It disappears so far as he is concerned but, as I said before, goes to reinforce the divine strength which is always being outpoured everywhere. There is no personal result for the man on lower planes, but with every such effort he draws nearer to the divine Truth within him—becomes a better and fuller expression of it and so it would not be true to say that he obtains no result. In a universe of law nothing could be without result, but there is no outward result such as would bring him back to earth.

nguyên tử vật lý dưới góc nhìn thông nhãn, chúng ta sẽ thấy một số hút mãnh lực vào và số khác phóng mãnh lực ra. Chúng phải nhận mãnh lực đó từ đâu đó. Nó không đi vào từ một bên và ra từ bên kia; nó trào lên từ trung tâm dường như từ hư không nhưng thực ra đến từ một chiều cao hơn mà chúng ta không thể thấy. Do đó, sự giao tiếp với Thượng đế nằm ngay trong lòng của mọi thứ, và người nào luôn hướng mắt về Thượng đế, và chỉ nghĩ về Ngài trong công việc mà y đang làm, sẽ đổ tất cả mãnh lực của mình theo hướng đó. Nó biến mất đối với y nhưng, như tôi đã nói trước đó, đi để củng cố sức mạnh thiêng liêng luôn được tuôn đổ khắp nơi. Không có kết quả cá nhân nào cho người đó trên các cõi thấp hơn, nhưng với mỗi nỗ lực như vậy, y tiến gần hơn đến Chân lý thiêng liêng bên trong mình—trở thành một biểu hiện tốt hơn và đầy đủ hơn của nó và do đó không đúng khi nói rằng y không đạt được kết quả nào. Trong một vũ trụ của định luật, không có gì có thể không có kết quả, nhưng không có kết quả bên ngoài nào có thể đưa y trở lại trái đất.

That, I think, is what is meant when it is said that the Great Ones escape from the law of karma. They spend the whole of Their mighty spiritual force upon doing good in the name of humanity and as units of humanity, and so They escape from the binding of the law. “Whatever result there is comes to humanity, not to Them. The karma of all the glorious actions of the Master is not held back that He may receive the result; it goes to humanity as a whole.

Đó, tôi nghĩ, là ý nghĩa khi nói rằng các Đấng Cao Cả thoát khỏi định luật karma. Các Ngài dành toàn bộ mãnh lực tinh thần vĩ đại của mình để làm điều tốt nhân danh nhân loại và như những đơn vị của nhân loại, và do đó Các Ngài thoát khỏi sự ràng buộc của định luật. "Bất kỳ kết quả nào có được đều đến với nhân loại, không phải với Các Ngài. Karma của tất cả những hành động vinh quang của Chân sư không bị giữ lại để Ngài nhận kết quả; nó đến với nhân loại như một tổng thể.

It is in that spirit of impersonality that we also should perform action. If we do anything, even a good action, thinking: “I am doing this; I want the credit of this,” or even if we do not think of receiving the credit for it, but only think: “am doing this,” like the Pharisees of old, we shall have our reward. The result will

Chúng ta cũng nên thực hiện hành động trong tinh thần vô ngã đó. Nếu chúng ta làm bất cứ điều gì, thậm chí là một hành động tốt, nghĩ rằng: "Tôi đang làm điều này; tôi muốn được công nhận điều này," hoặc thậm chí nếu chúng ta không nghĩ đến việc nhận được công nhận cho nó, mà chỉ nghĩ: "Tôi đang làm điều

come back to the personal self, and it will bind us back to earth just as surely as though it were an evil result. But if we have forgotten the personal self altogether and are acting merely as part of humanity, it is to the humanity of which each is a part that the result of the action will come. The more truly we can act without thought of self the nearer we shall be drawing to the divine heart of things. That is how the Logos Himself looks upon everything. There could be no thought of self for Him; He acts always for the good of the whole and as representing the whole. If we act thinking only of Him, then the result will flow out in His divine force and will not come to us as anything that will bind, but rather as something which will make us a greater and greater expression of Him, and will raise us more and more into the peace of God which passeth all understanding.

này," như những người Pharisee xưa, chúng ta sẽ nhận được phần thưởng của mình. Kết quả sẽ trở lại với phàm ngã, và nó sẽ ràng buộc chúng ta trở lại trái đất chắc chắn như thể đó là một kết quả xấu. Nhưng nếu chúng ta đã quên phàm ngã hoàn toàn và chỉ hành động như một phần của nhân loại, thì kết quả của hành động sẽ đến với nhân loại mà mỗi người là một phần. Càng thực sự chúng ta có thể hành động mà không nghĩ đến bản thân, chúng ta càng gần gũi với trái tim thiêng liêng của mọi thứ. Đó là cách mà Thượng đế tự nhìn nhận mọi thứ. Không thể có ý nghĩ về bản thân đối với Ngài; Ngài luôn hành động vì lợi ích của toàn thể và như đại diện cho toàn thể. Nếu chúng ta hành động chỉ nghĩ đến Ngài, thì kết quả sẽ chảy ra trong mãnh lực thiêng liêng của Ngài và sẽ không đến với chúng ta như bất cứ điều gì sẽ ràng buộc, mà đúng hơn là như một điều gì đó sẽ làm cho chúng ta trở thành một biểu hiện ngày càng lớn hơn của Ngài, và sẽ nâng chúng ta ngày càng lên cao vào sự bình an của Thượng đế vượt qua mọi sự hiểu biết.

CHAPTER 8

RULES 17 TO 19—QUY LUẬT 17 ĐẾN 19

17. Seek out the way.

17. Tìm kiếm con đường.

C.W.L.—The three short aphorisms to which we have now come are closely intertwined, and both in the comment by the Chohan and the notes by the Master Hilarion they are practically taken together. For this reason it is hardly possible to arrange them in separate groups as has been done hitherto, and so I shall take them in the order in which they appear in the book. It is evident that we have come to a very important part of the teaching,

C.W.L.—Ba câu châm ngôn ngắn mà chúng ta đã đến bây giờ được đan xen chặt chẽ, và cả trong bình luận của Đức Đế Quân và các ghi chú của Chân sư Hilarion, chúng thực tế được xem xét cùng nhau. Vì lý do này, khó có thể sắp xếp chúng thành các nhóm riêng biệt như đã làm trước đây, và do đó tôi sẽ xem xét chúng theo thứ tự xuất hiện trong sách. Rõ ràng là chúng ta đã đến một phần rất quan trọng của giáo lý, vì có một bình luận dài hơn từ mỗi

because there is a longer comment from each of these Great Ones than on any of the previous sentences.

Đấng Cao Cả này so với bất kỳ câu nào trước đó.

The Master Hilarion's note to the seventeenth rule begins as follows:

Ghi chú của Chân sư Hilarion cho Quy luật thứ mười bảy bắt đầu như sau:

> These four words seem, perhaps, too slight to stand alone. The disciple may say: "Should I study these thoughts at all did I not seek out the way?" Yet do not pass on hastily. Pause and consider awhile. Is it the way you desire, or is it that there is a dim perspective in your visions of great heights to be scaled by yourself, of a great future for you to compass? Be warned. The way is to be sought for its own sake, not with regard to your feet that shall tread it.

> Bốn từ này có vẻ, có lẽ, quá nhẹ để đứng một mình. Đệ tử có thể nói: "Tôi có nên nghiên cứu những ý tưởng này không nếu tôi không tìm kiếm con đường?" Tuy nhiên, đừng vội vàng đi qua. Hãy dừng lại và suy ngẫm một lúc. Có phải đó là con đường bạn mong muốn, hay là có một viễn cảnh mờ nhạt trong tầm nhìn của bạn về những đỉnh cao lớn lao mà bạn sẽ tự mình chinh phục, về một tương lai lớn lao mà bạn sẽ đạt được? Hãy cảnh giác. Con đường phải được tìm kiếm vì chính nó, không phải với sự quan tâm đến đôi chân của bạn sẽ bước đi trên đó.

The spirit in which we should approach the Path is beautifully expressed in these words. All the way through the personality must be put aside, and one must work from the point of view of the Higher Self. To do that is to seek the way. We have already seen that even when the man has left ordinary ambition behind, he finds it again and again in subtler forms. His ambition now is to reach a higher level; he has made up his mind to desire no longer *anything* for the personal self, to put whatever power he has *entirely* at the service of the Great White Lodge. He thinks only of being a good instrument, of bringing himself into such a position in relation to the Master that His forces may play through him with as little hindrance as possible.

Tinh thần mà chúng ta nên tiếp cận Thánh Đạo được thể hiện một cách tuyệt đẹp trong những lời này. Suốt cả con đường, phàm ngã phải được đặt sang một bên, và người ta phải làm việc từ quan điểm của Chân ngã. Làm điều đó là tìm kiếm con đường. Chúng ta đã thấy rằng ngay cả khi người đã bỏ lại tham vọng thông thường phía sau, y lại tìm thấy nó lần nữa và lần nữa dưới những hình thức tinh vi hơn. Tham vọng của y bây giờ là đạt đến một cấp độ cao hơn; y đã quyết định không còn mong muốn bất cứ điều gì cho phàm ngã, để đặt bất kỳ quyền lực nào y có hoàn toàn vào sự phục vụ của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo. Y chỉ nghĩ đến việc trở thành một công cụ tốt, đưa mình vào một vị trí trong mối quan hệ với Chân sư để các mãnh lực của Ngài có thể hoạt

động qua y với ít trở ngại nhất có thể.

All forces coming down from higher planes naturally meet with great constriction when they come to work on a lower plane. The force which comes through any disciple can never be more than a very small part of the influence which some Great One may send through him. That must be so by the very nature of the case, but one who makes himself, with all the imperfections that naturally cling to us on the physical plane, as perfect an instrument as possible for the Master's force, can do very useful work. The object of the disciple is to let as much as possible of that force flow through him, and to discolour it as little as he can.

Tất cả các mãnh lực đi xuống từ các cõi cao hơn tự nhiên gặp phải sự co thắt lớn khi chúng đến làm việc trên một cõi thấp hơn. Mãnh lực đi qua bất kỳ đệ tử nào không bao giờ có thể nhiều hơn một phần rất nhỏ của ảnh hưởng mà một Đấng Cao Cả có thể gửi qua y. Điều đó phải như vậy bởi bản chất của vấn đề, nhưng người nào làm cho mình, với tất cả những khiếm khuyết tự nhiên bám vào chúng ta trên cõi hồng trần, trở thành một công cụ hoàn hảo nhất có thể cho mãnh lực của Chân sư, có thể làm công việc rất hữu ích. Mục tiêu của đệ tử là để càng nhiều mãnh lực đó chảy qua y càng tốt, và làm biến màu nó càng ít càng tốt.

The force is poured through him in order that he may disseminate it, but he is not expected to be a mere machine in its distribution. He does lend to it something of himself, something of his own colouring; that is intended and expected, but it must be in perfect harmony with the Master's attitude and feeling. That is possible because the pupil becomes one with the Master in a very wonderful way, as I have explained in *The Masters and the Path*.[41] (It is not only that all that is in the consciousness of the pupil is also in the consciousness of the Master, but that everything that takes place in the presence of the pupil is also in the Master's consciousness —not necessarily when it is happening, unless He chooses, but quite certainly within His memory. If the Master happens to be busily engaged in some of His higher work for the moment, it does not necessarily follow that He is attending to a conversation which the pupil is carrying on at the time; but we have startling evidence that sometimes He may be,

Mãnh lực được đổ qua y để y có thể phân tán nó, nhưng y không được mong đợi chỉ là một cái máy trong việc phân phối nó. Y thực sự đóng góp một phần của mình, một phần màu sắc của chính mình; điều đó được dự định và mong đợi, nhưng nó phải hoàn toàn hòa hợp với thái độ và cảm xúc của Chân sư. Điều đó có thể vì học trò trở thành một với Chân sư theo một cách rất tuyệt vời, như tôi đã giải thích trong cuốn "Các Chân sư và Thánh Đạo". (Không chỉ tất cả những gì có trong tâm thức của học trò cũng có trong tâm thức của Chân sư, mà mọi thứ diễn ra trước mặt học trò cũng có trong tâm thức của Chân sư—không nhất thiết khi nó đang xảy ra, trừ khi Ngài chọn, nhưng chắc chắn trong ký ức của Ngài. Nếu Chân sư tình cờ đang bận rộn với một số công việc cao hơn của Ngài vào lúc đó, không nhất thiết Ngài đang chú ý đến một cuộc trò chuyện mà học trò đang thực hiện vào lúc đó; nhưng chúng ta có bằng chứng đáng kinh ngạc rằng đôi khi Ngài có thể, vì thỉnh thoảng Ngài xen vào một ý nghĩ hoặc một nhận xét, và sửa chữa

[41] *Op. cit.*, Ch. V.

because occasionally He interjects a thought or a remark, and corrects something that is being said.

điều gì đó đang được nói.

As I have explained elsewhere, any feeling which the pupil allows himself to have will react upon the Master; if it were such a feeling as annoyance or anger, the Master would shut it out in a moment; naturally the pupil does not want to give Him the trouble of doing that, though, perhaps, if one may say it with all reverence, it is not a very great trouble. Possibly the Master does this very quickly, in a single thought, but yet one does not wish to cause even that trifling interruption of His work.

Như tôi đã giải thích ở nơi khác, bất kỳ cảm giác nào mà học trò cho phép mình có sẽ phản ứng lên Chân sư; nếu đó là một cảm giác như khó chịu hoặc giận dữ, Chân sư sẽ loại bỏ nó ngay lập tức; tự nhiên học trò không muốn gây phiền hà cho Ngài làm điều đó, mặc dù, có lẽ, nếu có thể nói điều đó với tất cả sự tôn kính, đó không phải là một phiền hà lớn. Có thể Chân sư làm điều này rất nhanh chóng, trong một ý nghĩ duy nhất, nhưng dù sao người ta không muốn gây ra ngay cả sự gián đoạn nhỏ đó trong công việc của Ngài.

Naturally also the pupil wants to avoid the shutting off of himself which necessarily happens at the same time: therefore he tries, as far as he may, to prevent any undesirable thought or feeling from entering his consciousness. He would keep away from a noisy crowd or from any place with exceedingly bad magnetism, unless he had to go there to do the Master's work. In that case he would put a shell round himself and see that no unpleasantness reached the Master. Still, purely physical things in the consciousness of the pupil are also in the consciousness of the Master. If, for example, the pupil is startled by a sudden sound, it gives him a little shock. That little shock is communicated to the Master. He cares nothing for it; He puts it aside, but the fact remains that it is communicated, and that shows how close is the tie. A pupil who is wise tries to avoid any kind of shock; he is generally rather a gentle and quiet sort of person, for that reason.

Tự nhiên cũng vậy, học trò muốn tránh việc tự mình bị loại bỏ mà nhất thiết xảy ra cùng lúc: do đó y cố gắng, trong khả năng của mình, ngăn chặn bất kỳ ý nghĩ hoặc cảm giác không mong muốn nào xâm nhập vào tâm thức của mình. Y sẽ tránh xa một đám đông ồn ào hoặc bất kỳ nơi nào có từ trường cực kỳ xấu, trừ khi y phải đến đó để làm công việc của Chân sư. Trong trường hợp đó, y sẽ đặt một vỏ bọc quanh mình và đảm bảo rằng không có điều gì khó chịu đến được Chân sư. Tuy nhiên, những điều hoàn toàn vật lý trong tâm thức của học trò cũng có trong tâm thức của Chân sư. Nếu, ví dụ, học trò bị giật mình bởi một âm thanh đột ngột, nó sẽ gây cho y một cú sốc nhỏ. Cú sốc nhỏ đó được truyền đến Chân sư. Ngài không quan tâm đến nó; Ngài đặt nó sang một bên, nhưng thực tế vẫn là nó được truyền đi, và điều đó cho thấy mối liên kết gần gũi như thế nào. Một học trò khôn ngoan cố gắng tránh bất kỳ loại cú sốc nào; y thường là một người khá nhẹ nhàng và yên tĩnh, vì lý do đó.

It is one of the distinguishing marks of the

Đó là một trong những dấu hiệu phân biệt của

pupil that he never forgets his Master, or the presence of his Master. So he does not allow within himself, if he can help it, except by inadvertence, any thought or feeling that he does not want recorded in the Master's thought or feeling, and he even tries to avoid, as far as may be, exterior disturbances which might also be of a kind that would cause him to be temporarily shut off.

học trò rằng y không bao giờ quên Chân sư của mình, hoặc sự hiện diện của Chân sư. Vì vậy, y không cho phép trong mình, nếu có thể, trừ khi vô tình, bất kỳ ý nghĩ hoặc cảm giác nào mà y không muốn được ghi lại trong ý nghĩ hoặc cảm giác của Chân sư, và y thậm chí cố gắng tránh, trong khả năng có thể, những xáo trộn bên ngoài có thể cũng là loại có thể khiến y bị tạm thời loại bỏ.

The delight to the pupil of that close union with the Master is intense. The joy of being in touch with so glorious an intelligence, with such splendid emotions, or rather powers—because such things as devotion, love and sympathy, in a Master cannot be called emotions; they are great powers—is wonderful, beautiful beyond words. The more the pupil lays himself open to those higher influences the more do they flow into him, and the more does he become like the Master whom he serves. It is a matter of steady growth, but this growth is much helped by the constant flow of force between the Master and the pupil.

Niềm vui của học trò trong sự kết hợp gần gũi đó với Chân sư là mãnh liệt. Niềm vui của việc tiếp xúc với một trí tuệ vinh quang như vậy, với những cảm xúc tuyệt vời như vậy, hay đúng hơn là những quyền năng—bởi vì những thứ như sự tận tụy, tình thương và sự đồng cảm, trong một Chân sư không thể được gọi là cảm xúc; chúng là những quyền năng lớn—là tuyệt vời, đẹp đẽ không thể diễn tả bằng lời. Càng nhiều học trò mở lòng mình với những ảnh hưởng cao hơn đó, càng nhiều chúng chảy vào y, và càng nhiều y trở nên giống Chân sư mà y phục vụ. Đó là một quá trình phát triển ổn định, nhưng sự phát triển này được hỗ trợ rất nhiều bởi dòng chảy mãnh lực liên tục giữa Chân sư và học trò.

This union is a kind of foretaste on a lower scale of the higher unity that comes when the buddhic consciousness is fully developed; but short of that development I think there is nothing so close as the relation between pupil and Master. Those who want to be in the privileged position of a pupil should already live as far as they can in the way they will feel it incumbent upon them to live when they do become pupils. The more we can bring that general calmness and serenity of action, feeling and thought into our lives, the more nearly we shall be fit for the closer association when it comes. Unquestionably the way to deserve such a privilege is to live as though we

Sự kết hợp này là một loại dự vị ở quy mô thấp hơn của sự hợp nhất cao hơn xảy ra khi tâm thức Bồ đề được phát triển đầy đủ; nhưng ngắn gọn của sự phát triển đó, tôi nghĩ không có gì gần gũi như mối quan hệ giữa học trò và Chân sư. Những ai muốn ở trong vị trí đặc quyền của một học trò nên sống như xa nhất có thể theo cách mà họ sẽ cảm thấy cần thiết để sống khi họ trở thành học trò. Càng nhiều chúng ta có thể mang lại sự bình tĩnh và thanh thản chung của hành động, cảm giác và suy nghĩ vào cuộc sống của mình, chúng ta càng gần gũi hơn để phù hợp cho sự kết hợp gần gũi hơn khi nó đến. Không thể phủ nhận rằng cách để xứng đáng với một đặc quyền như vậy là sống như thể

had it even already. I know people often think that the small external things do not matter. They sometimes say: “Oh, perhaps such-and-such a thing keeps one back in evolution, but it cannot matter very much, it is such a small thing.” I have heard that said about meat-eating and smoking. But we are not in a position where we can afford to neglect the slightest thing that is of help. The undertaking before us is one of considerable magnitude, and it is no easy task. That being so, it is not the part of the wise man to neglect even the smallest help. And these things are not small in reality. The Master further says, in His note:

chúng ta đã có nó ngay cả bây giờ. Tôi biết mọi người thường nghĩ rằng những điều nhỏ nhặt bên ngoài không quan trọng. Đôi khi họ nói: "Ồ, có lẽ một điều như vậy giữ một người lại trong tiến hóa, nhưng nó không thể quan trọng lắm, đó là một điều nhỏ nhặt." Tôi đã nghe điều đó nói về việc ăn thịt và hút thuốc. Nhưng chúng ta không ở trong một vị trí mà chúng ta có thể bỏ qua điều nhỏ nhất có thể giúp ích. Nhiệm vụ trước mắt chúng ta là một nhiệm vụ có quy mô đáng kể, và đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Điều đó là như vậy, không phải là phần của người khôn ngoan để bỏ qua ngay cả sự giúp đỡ nhỏ nhất. Và những điều này không nhỏ thực sự. Chân sư còn nói thêm trong ghi chú của Ngài:

> There is a correspondence between this rule and the seventeenth of the second series. When after ages of struggle and many victories the final battle is won, the final secret demanded, then you are prepared for a further path.

> Có một sự tương ứng giữa Quy luật này và Quy luật thứ mười bảy của loạt thứ hai. Khi sau nhiều thời đại đấu tranh và nhiều chiến thắng, trận chiến cuối cùng được thắng, bí mật cuối cùng được yêu cầu, thì bạn đã sẵn sàng cho một con đường xa hơn.

The seventeenth rule in the second part of the book, to which the Master refers, runs thus: “Enquire of the inmost, the One, of its final secret, which it holds for you through the ages.” That means that just as now we must seek out the Higher Self, when we have reached that higher level we must seek out the one, the Monad. The final secret is always how to do more and higher work. Many persons seem to think that rather a dreary prospect. There are large numbers of people whose great desire is rest; there is so much strain and stress and over-work all about us that they look forward to complete rest. That is a point of view which belongs exclusively to the physical body. On higher planes we are never tired.[42] () I have known people who have remained in the astral world for a number of

Quy luật thứ mười bảy trong phần thứ hai của cuốn sách, mà Chân sư đề cập, chạy như sau: "Hãy hỏi về điều sâu thẳm nhất, Đấng Duy Nhất, về bí mật cuối cùng của nó, mà nó giữ cho bạn qua các thời đại." Điều đó có nghĩa là cũng như bây giờ chúng ta phải tìm kiếm Chân ngã, khi chúng ta đã đạt đến cấp độ cao hơn đó, chúng ta phải tìm kiếm Đấng Duy Nhất, Chân Thần. Bí mật cuối cùng luôn là cách làm nhiều công việc hơn và cao hơn. Nhiều người dường như nghĩ rằng đó là một triển vọng buồn tẻ. Có rất nhiều người mà mong muốn lớn nhất là nghỉ ngơi; có quá nhiều căng thẳng và áp lực và làm việc quá sức xung quanh chúng ta khiến họ mong đợi sự nghỉ ngơi hoàn toàn. Đó là một quan điểm thuộc về cơ thể vật lý. Trên các cõi cao hơn, chúng ta không bao giờ mệt mỏi. Tôi đã biết những người đã ở lại trong thế

years waiting for a body which the Master thought suitable. In one case a man had to wait twenty-five years, in another, twenty. Both were devoting themselves absolutely without cessation to the Master's work for the whole of that time. Certainly neither of them had the slightest sense of fatigue, nor was he in any way less eager to work at the end of that time. So if there be such a thing as fatigue on the astral plane, it must be far removed beyond any time with which we have to deal.

giới cảm dục trong một số năm chờ đợi một cơ thể mà Chân sư cho là phù hợp. Trong một trường hợp, một người đàn ông phải chờ đợi hai mươi lăm năm, trong một trường hợp khác, hai mươi năm. Cả hai đều cống hiến mình hoàn toàn không ngừng nghỉ cho công việc của Chân sư trong suốt thời gian đó. Chắc chắn không ai trong số họ có cảm giác mệt mỏi nhỏ nhất, cũng không ai trong số họ ít háo hức làm việc vào cuối thời gian đó. Vì vậy, nếu có một điều như mệt mỏi trên cõi cảm dục, nó phải xa hơn bất kỳ thời gian nào mà chúng ta phải đối phó.

When the final secret of this great lesson is told, in it is opened the mystery of the new way—a path which leads out of all human experience, and which is utterly beyond human perception or imagination. At each of these points it is needful to pause long and consider well. At each of these points it is necessary to be sure that the way is chosen for its own sake. The way and the truth come first, then follows the life.

Khi bí mật cuối cùng của bài học vĩ đại này được kể, trong đó mở ra bí ẩn của con đường mới—một con đường dẫn ra khỏi tất cả kinh nghiệm nhân loại, và hoàn toàn vượt ra ngoài nhận thức hoặc tưởng tượng của con người. Tại mỗi điểm này, cần phải dừng lại lâu và suy ngẫm kỹ. Tại mỗi điểm này, cần phải chắc chắn rằng con đường được chọn vì chính nó. Con đường và chân lý đến trước, sau đó là cuộc sống.

A.B.—When the liberated soul has completed the stages of progress to Arhatship, and is passing onward to the first of the great Initiations beyond, he makes a choice from a variety of paths open to him. They are of the sacred number of seven—he has seven ways of choice before him.[43] () People often say that at that point there can be only one possibility —that a man *must* choose to be a Master—the underlying idea being that if he decides rightly he will choose to return to help the world. Such a decision recommends itself when humanity itself is thought of, but I must remind you that this is a hasty conclusion. A hint is thrown out as to the nature of the

A.B.—Khi linh hồn giải thoát đã hoàn thành các giai đoạn tiến bộ đến A-la-hán, và đang tiến tới cuộc Điểm Đạo lớn đầu tiên vượt ra ngoài, y thực hiện một sự lựa chọn từ nhiều con đường mở ra trước y. Chúng thuộc số thiêng liêng bảy—y có bảy con đường lựa chọn trước mặt. Mọi người thường nói rằng tại điểm đó chỉ có một khả năng duy nhất—rằng một người phải chọn trở thành một Chân sư—ý tưởng cơ bản là nếu y quyết định đúng, y sẽ chọn trở lại để giúp đỡ thế giới. Một quyết định như vậy tự đề xuất khi nhân loại được nghĩ đến, nhưng tôi phải nhắc bạn rằng đây là một kết luận vội vàng. Một gợi ý được đưa ra về bản chất của sự lựa chọn, nơi ghi chú nói: "Tại mỗi

[42] *Ante.,* Vol. I, Part III, Ch. 2: *The One Good Desire.* Vol. II p. 216, 347.

[43] Ante., Vol. II, p. 217, 375.

choice, where the note says.: “At each of these points it is necessary to be sure that the way is chosen for its own sake.” The words “own sake” give the key. The choice is to be made for the sake of the way only. The fact that there are more ways than one, ought to prevent our laying down the law as to our choice; still more should it stop any person from using the words: “If he chooses rightly,” as if any one could choose wrongly when the soul is liberated.

điểm này, cần phải chắc chắn rằng con đường được chọn vì chính nó." Những từ "vì chính nó" đưa ra chìa khóa. Sự lựa chọn phải được thực hiện vì lợi ích của con đường mà thôi. Thực tế là có nhiều con đường hơn một, nên ngăn chúng ta đặt ra luật lệ về sự lựa chọn của mình; càng nên ngăn bất kỳ ai sử dụng từ: "Nếu y chọn đúng," như thể bất kỳ ai có thể chọn sai khi linh hồn được giải thoát.

Yet an idea—a very subtle one—runs through us, that we can dictate the choice. We sometimes find ourselves choosing for our own future—for the far-off future—what to be and what to do; and that is really the lower consciousness choosing for the higher. This subtle tendency runs through our life. Part of our consciousness feels itself as the ‘I’, and naturally inclines to choose the path of the future as it looks at it, forgetting that it is thereby choosing for the higher consciousness, in whose hands alone the choice really lies. Making up your minds as to what is to be done at the close of the Arhat stage, would be like a child choosing his profession in life. His selection, not being guided by knowledge, would certainly not be one that his mature judgment would approve. A young child can have no choice as to his career in the future, and it is the same in these matters. The higher ego will choose, without regard to the lower; indeed, the lower will perish before the choice comes. All that is important to put before the lower, then, is the idea of service—of its being made an instrument to serve. Unless it does this it becomes an obstacle to the higher consciousness. Remember it can throw obstacles in the way of that consciousness; as has often been said, it crucifies the higher ego.

Tuy nhiên, một ý tưởng—rất tinh tế—chạy qua chúng ta, rằng chúng ta có thể quyết định sự lựa chọn. Đôi khi chúng ta thấy mình chọn cho tương lai của chính mình—cho tương lai xa—sẽ là gì và sẽ làm gì; và điều đó thực sự là ý thức thấp hơn chọn cho ý thức cao hơn. Xu hướng tinh tế này chạy qua cuộc sống của chúng ta. Một phần của ý thức của chúng ta cảm thấy mình là 'Tôi', và tự nhiên nghiêng về việc chọn con đường của tương lai khi nó nhìn vào nó, quên rằng nó đang chọn cho ý thức cao hơn, trong tay của nó mà sự lựa chọn thực sự nằm. Quyết định về những gì sẽ được thực hiện vào cuối giai đoạn A-la-hán, sẽ giống như một đứa trẻ chọn nghề nghiệp của mình trong cuộc sống. Sự lựa chọn của nó, không được hướng dẫn bởi kiến thức, chắc chắn sẽ không phải là một lựa chọn mà sự phán xét trưởng thành của nó sẽ chấp thuận. Một đứa trẻ nhỏ không thể có sự lựa chọn về sự nghiệp của mình trong tương lai, và điều đó cũng giống trong những vấn đề này. Chân ngã sẽ chọn, không quan tâm đến phàm ngã; thực sự, phàm ngã sẽ tiêu tan trước khi sự lựa chọn đến. Tất cả những gì quan trọng để đặt trước phàm ngã, sau đó, là ý tưởng về sự phục vụ—về việc nó trở thành một công cụ để phục vụ. Trừ khi nó làm điều này, nó trở thành một trở ngại cho ý thức cao hơn. Hãy nhớ rằng nó có thể đặt ra những trở ngại trên con đường của ý thức đó; như đã thường được nói, nó đóng đinh Chân ngã.

Another thing to remember is that we cannot judge of any stage of consciousness that we have not experienced, and of which we do not know the relative value. When thinking of a higher condition of consciousness that you have not experienced, there is no possibility of your being able to form any judgment about it. When you reach that state the universe alters for you, bringing about a change in your nature, and causing you to know how such consciousness can act. You must experience this change before you can know. So in forming any opinion as to a path in the future, it is a case of judging a state of consciousness of which you have no knowledge, and your judgment is worthless.

Một điều khác cần nhớ là chúng ta không thể đánh giá bất kỳ giai đoạn ý thức nào mà chúng ta chưa trải qua, và mà chúng ta không biết giá trị tương đối. Khi nghĩ về một trạng thái ý thức cao hơn mà bạn chưa trải qua, không có khả năng bạn có thể hình thành bất kỳ phán đoán nào về nó. Khi bạn đạt đến trạng thái đó, vũ trụ thay đổi đối với bạn, mang lại một sự thay đổi trong bản chất của bạn, và khiến bạn biết cách ý thức đó có thể hành động. Bạn phải trải qua sự thay đổi này trước khi bạn có thể biết. Vì vậy, trong việc hình thành bất kỳ ý kiến nào về một con đường trong tương lai, đó là một trường hợp đánh giá một trạng thái ý thức mà bạn không có kiến thức, và phán đoán của bạn là vô giá trị.

Looking at it from a higher standpoint, there is but one thing that decides our choice, and that is the necessity of the world at the time. Where a place is empty, where help is needed —there are the things which decide the choice. Out of the different ways before him, the purified soul will go where help is wanted. Self-determined, he takes that course where help is needed by the Hierarchy, for the expression of the Will of the Logos. I was told by a Great One that it was a blunder to think that choice could be made at all down here; that the choice is always made to give the help which is wanted for the expression of the Will of the Logos.

Nhìn từ một quan điểm cao hơn, chỉ có một điều quyết định sự lựa chọn của chúng ta, đó là nhu cầu của thế giới vào thời điểm đó. Nơi nào trống rỗng, nơi nào cần sự giúp đỡ—đó là những điều quyết định sự lựa chọn. Trong số những con đường khác nhau trước mặt, linh hồn thanh tịnh sẽ đi đến nơi cần sự giúp đỡ. Tự quyết định, y chọn con đường mà Thánh Đoàn cần sự giúp đỡ, để thể hiện Ý Chí của Thượng đế. Tôi đã được một Đấng Cao Cả nói rằng đó là một sai lầm khi nghĩ rằng có thể lựa chọn ở đây; rằng sự lựa chọn luôn được thực hiện để cung cấp sự giúp đỡ cần thiết cho việc thể hiện Ý Chí của Thượng đế.

One group of workers stands for help in the world. Only when re-inforcement is needed amongst Them, only when a channel is wanted, would the choice turn to the world's work. I have emphasized this because it was given as a warning to myself, not to let my thoughts turn from useful activity to other lines of work not yet given us to do. In the *Bhagavad Gita* we are warned that the dharma of another is full of danger—our work lies where our dharma lies.

Một nhóm công nhân đứng ra giúp đỡ thế giới. Chỉ khi cần sự củng cố giữa Các Ngài, chỉ khi cần một kênh, sự lựa chọn mới chuyển sang công việc của thế giới. Tôi đã nhấn mạnh điều này vì nó được đưa ra như một lời cảnh báo cho bản thân tôi, không để suy nghĩ của mình chuyển từ hoạt động hữu ích sang các dòng công việc khác chưa được giao cho chúng ta thực hiện. Trong Bhagavad Gita, chúng ta được cảnh báo rằng dharma của người khác đầy nguy hiểm—công việc của chúng ta nằm ở

nơi dharma của chúng ta nằm.

C.W.L.—The path which leads out of all human experience is the path of the Adept, which opens up before Him with a choice of seven ways, as we have already seen. I have heard many members say: “Oh, of course there is no question at all about what we should choose; we should remain to serve humanity.” It is wiser not to waste our strength in such decisions, because as a matter of fact we do not know anything about it. It is like a little boy making up his mind what he will do when he is a man. He wants to be a pirate or an engine-driver. We know as little now about the conditions that will determine our choice as the little child does of those which will determine his future. No one of the seven paths can possibly be in itself more desirable than another, though they all lead to work of different kinds.

C.W.L.—Con đường dẫn ra khỏi mọi trải nghiệm của con người là con đường của Chân sư, mở ra trước Ngài với sự lựa chọn bảy con đường, như chúng ta đã thấy. Tôi đã nghe nhiều thành viên nói: "Ồ, tất nhiên không có câu hỏi nào về việc chúng ta nên chọn gì; chúng ta nên ở lại để phục vụ nhân loại." Khôn ngoan hơn là không lãng phí sức mạnh của chúng ta vào những quyết định như vậy, vì thực tế chúng ta không biết gì về nó. Nó giống như một cậu bé nhỏ quyết định mình sẽ làm gì khi trở thành người lớn. Cậu muốn trở thành cướp biển hoặc người lái tàu. Chúng ta hiện tại biết ít về các điều kiện sẽ quyết định sự lựa chọn của chúng ta như đứa trẻ nhỏ biết về những điều sẽ quyết định tương lai của nó. Không có con đường nào trong bảy con đường có thể tự nó đáng mong muốn hơn con đường khác, mặc dù tất cả đều dẫn đến công việc của các loại khác nhau.

Quite surely the idea that will be most prominent when the time of choice comes will be: “Where can I be of most use?” What we might perhaps safely prophesy of our action is that we shall say: “Here am I, Lord; send me wherever help is most wanted.” But even so it may well be that as we unfold we shall develop some special aptitude for one or other of these lines, and thus it will be obviously best for the whole system that we should be used in the line where we can do most good.

Chắc chắn rằng ý tưởng sẽ nổi bật nhất khi thời điểm lựa chọn đến sẽ là: "Tôi có thể hữu ích nhất ở đâu?" Điều mà chúng ta có thể tiên đoán một cách an toàn về hành động của mình là chúng ta sẽ nói: "Đây là tôi, Chúa; gửi tôi đến bất cứ nơi nào cần sự giúp đỡ nhất." Nhưng ngay cả như vậy, có thể khi chúng ta phát triển, chúng ta sẽ phát triển một số khả năng đặc biệt cho một trong những dòng này, và do đó rõ ràng là tốt nhất cho toàn bộ hệ thống rằng chúng ta nên được sử dụng trong dòng mà chúng ta có thể làm được nhiều điều tốt nhất.

Whenever a higher level of consciousness is reached, our view of the world is so much widened that it becomes an entirely new thing to us. When we reach Adeptship we shall have an immeasurably wider horizon. We shall understand exactly what we are doing because we shall be able to see the solar

Bất cứ khi nào đạt được một mức độ tâm thức cao hơn, cái nhìn của chúng ta về thế giới được mở rộng đến mức nó trở thành một điều hoàn toàn mới đối với chúng ta. Khi chúng ta đạt đến Địa vị Chân sư, chúng ta sẽ có một chân trời rộng lớn không thể đo lường. Chúng ta sẽ hiểu chính xác những gì chúng ta đang làm vì

system as does its Maker, from above, instead of from below: we shall seethe pattern that is being woven, and what it all means. Every additional step, every extension of consciousness brings us nearer to seeing the meaning of everything, so as we go on we become less and less likely to make mistakes and to misunderstand, but the perfect knowledge can only be that of the Adept, whose consciousness has become one with that of the Logos of the system, even though it be only as yet in one of His lower manifestations.

chúng ta sẽ có thể nhìn thấy hệ mặt trời như Đấng Tạo Hóa của nó, từ trên cao, thay vì từ bên dưới: chúng ta sẽ thấy mô hình đang được dệt, và tất cả điều đó có ý nghĩa gì. Mỗi bước tiến thêm, mỗi sự mở rộng tâm thức đưa chúng ta đến gần hơn với việc nhìn thấy ý nghĩa của mọi thứ, vì vậy khi chúng ta tiếp tục, chúng ta càng ít có khả năng mắc sai lầm và hiểu lầm, nhưng kiến thức hoàn hảo chỉ có thể là của Chân sư, người có tâm thức đã trở thành một với tâm thức của Thượng đế của hệ thống, mặc dù nó chỉ mới là một trong những biểu hiện thấp hơn của Ngài.

In any case, that choice is in the hands of the Monad, so we certainly need not trouble ourselves about it now. There is always a possibility that the Monad may have decided all that even now, and when such a choice is made the lower representatives or parts of him will.imply fall into their place when the time comes, whatever ideas they may previously have been forming. All that is important for us to put before the personality now with regard to such choice is the idea of service. It we can get it to understand that idea of always watching to serve it will very readily become a perfect channel for the ego and that will influence the individuality in turn to be a perfect channel or instrument for the Monad. Service is the highest ideal in life; did not the Christ Himself say: “Whosoever will be chief among you, let him be your servant.”?[44]

Dù sao đi nữa, sự lựa chọn đó nằm trong tay của Chân thần, vì vậy chúng ta chắc chắn không cần phải lo lắng về nó bây giờ. Luôn có khả năng rằng Chân thần có thể đã quyết định tất cả điều đó ngay cả bây giờ, và khi một sự lựa chọn như vậy được thực hiện, các đại diện hoặc phần thấp hơn của y sẽ đơn giản rơi vào vị trí của chúng khi thời điểm đến, bất kể ý tưởng nào mà chúng có thể đã hình thành trước đó. Tất cả những gì quan trọng đối với chúng ta để đặt trước phàm ngã bây giờ liên quan đến sự lựa chọn như vậy là ý tưởng về phụng sự. Nếu chúng ta có thể khiến nó hiểu ý tưởng luôn theo dõi để phụng sự, nó sẽ rất dễ dàng trở thành một kênh hoàn hảo cho chân ngã và điều đó sẽ ảnh hưởng đến cá nhân để trở thành một kênh hoặc công cụ hoàn hảo cho Chân thần. Phụng sự là lý tưởng cao nhất trong cuộc sống; chẳng phải chính Đức Christ đã nói: "Ai muốn làm đầu trong các ngươi, hãy làm đầy tớ của các ngươi."?

18. Seek the way by retreating within.	18. Tìm kiếm con đường bằng cách rút lui vào bên trong.
19. Seek the way by advancing boldly	19. Tìm kiếm con đường bằng cách tiến

[44] S. Matthew, 20, 27.

without.

lên mạnh mẽ ra bên ngoài.

C.W.L.—To seek the way by retreating within means in the beginning to seek out and follow the guidance of the Higher Self. As has been explained before, the first stage on the wa3' is the unification of the personality with the ego. Later the ego becomes a perfect expression of the Monad, and the man is then ready for the Asekha Initiation. Beyond that the Adept is striving to raise the consciousness of his Monad into the consciousness of the Logos. It is always himself at higher and higher levels that he seeks.

C.W.L.—Tìm kiếm con đường bằng cách rút lui vào bên trong có nghĩa là bắt đầu tìm kiếm và theo dõi sự hướng dẫn của Chân ngã. Như đã được giải thích trước đây, giai đoạn đầu tiên trên con đường là sự hợp nhất của phàm ngã với chân ngã. Sau đó, chân ngã trở thành biểu hiện hoàn hảo của Chân thần, và con người lúc đó sẵn sàng cho Cuộc Điểm Đạo Asekha. Vượt ra ngoài điều đó, Chân sư đang cố gắng nâng cao tâm thức của Chân thần của mình vào tâm thức của Thượng đế. Luôn luôn là chính mình ở các cấp độ cao hơn mà y tìm kiếm.

Whenever a man at any stage tries to pour devotion up into a higher level, such a flood of the divine power descends upon him that it quite overwhelms his effort, and the effect is not so much that he has reached up, as that power has been poured down on him. The same thing happens between the pupil and the Master. The pupil sends out his love towards the Master, but it is surpassed by the response of the Master's love, so that to him it seems that he has received a vast flood of love, though in the first place it was his action that made the downpouring possible.

Bất cứ khi nào một người ở bất kỳ giai đoạn nào cố gắng đổ dồn sự tận tâm lên một cấp độ cao hơn, một dòng sức mạnh thiêng liêng đổ xuống y đến mức nó hoàn toàn áp đảo nỗ lực của y, và hiệu quả không phải là y đã vươn lên, mà là sức mạnh đã được đổ xuống y. Điều tương tự xảy ra giữa học trò và Chân sư. Học trò gửi tình yêu của mình về phía Chân sư, nhưng nó bị vượt qua bởi sự đáp lại của tình yêu của Chân sư, đến mức đối với y, dường như y đã nhận được một dòng tình yêu lớn lao, mặc dù ban đầu đó là hành động của y đã làm cho sự tuôn đổ trở nên khả thi.

Such, at a higher level, is the pouring down upon the Adept of the Holy Ghost, the power of the Third Aspect of the Logos, symbolized in the "cloven tongues, like as of fire" of Pentecost.[45] Thus in due course the Adept becomes one with the Third Aspect of the Logos manifesting on the nirvanic plane. His next step is to become one with that Aspect which is represented by the Christ in the bosom of the Father. Later on, though I know nothing about it, I am quite sure that he will draw ever nearer and nearer to the Deity of

Như vậy, ở một cấp độ cao hơn, là sự đổ xuống trên Chân sư của Chúa Thánh Thần, sức mạnh của Phương diện Thứ Ba của Thượng đế, được biểu tượng trong "những lưỡi lửa chia đôi" của Lễ Ngũ Tuần. Do đó, theo thời gian, Chân sư trở thành một với Phương diện Thứ Ba của Thượng đế biểu hiện trên cõi Niết Bàn. Bước tiếp theo của Ngài là trở thành một với Phương diện được đại diện bởi Đức Christ trong lòng Cha. Sau đó, mặc dù tôi không biết gì về điều đó, tôi hoàn toàn chắc chắn rằng Ngài sẽ ngày càng tiến gần hơn đến Thượng đế của hệ mặt

[45] Acts, 2, 3

our Solar system. We shall ever approach the Light, but we shall never touch the Flame. Not that we shall not rise one day to the height where He stands, but He does not stand still to receive us. He also is evolving, and therefore we shall not touch the Flame, though we shall ever draw nearer and nearer to it. The wonderful bliss of that experience cannot be described down here, because it is all of a nature which has no counterpart in the lower world.

trời của chúng ta. Chúng ta sẽ luôn tiến gần đến Ánh sáng, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ chạm vào Ngọn lửa. Không phải là chúng ta sẽ không vươn lên một ngày nào đó đến độ cao nơi Ngài đứng, nhưng Ngài không đứng yên để đón nhận chúng ta. Ngài cũng đang tiến hóa, và do đó chúng ta sẽ không chạm vào Ngọn lửa, mặc dù chúng ta sẽ luôn tiến gần hơn và gần hơn đến nó. Niềm hạnh phúc tuyệt vời của trải nghiệm đó không thể được mô tả ở đây, vì nó hoàn toàn thuộc về một bản chất không có đối tác trong thế giới thấp hơn.

In every man there is much to be found by seeking within. The personality, which most people think of as themselves, is only a very small fraction of the man. We are much larger people than we show ourselves to be. The ego can only put down one small part or facet of himself in a particular incarnation and even if that part is manifesting perfectly it is only a small part. A great man is a fine and beautiful thing to see, even down here, but we may be sure that the whole is very much greater than the part which we can see. No one personality could express all the multiplicity of possibilities which lie within the ego, which has within it the essence of the experience of all the lives it has led. The highest and very best of us down here might be taken as a fair average sample of the qualities we should discover in the ego if we were able to see it.

Trong mỗi người có rất nhiều điều để tìm kiếm bên trong. Phàm ngã, mà hầu hết mọi người nghĩ là chính mình, chỉ là một phần rất nhỏ của con người. Chúng ta là những người lớn hơn nhiều so với những gì chúng ta thể hiện. Chân ngã chỉ có thể đặt xuống một phần nhỏ hoặc một khía cạnh của mình trong một kiếp sống cụ thể và ngay cả khi phần đó biểu hiện hoàn hảo, nó chỉ là một phần nhỏ. Một người vĩ đại là một điều tuyệt vời và đẹp đẽ để thấy, ngay cả ở đây, nhưng chúng ta có thể chắc chắn rằng toàn bộ lớn hơn rất nhiều so với phần mà chúng ta có thể thấy. Không một phàm ngã nào có thể biểu hiện tất cả sự đa dạng của các khả năng nằm trong chân ngã, vốn chứa đựng tinh hoa của kinh nghiệm của tất cả các kiếp sống mà nó đã trải qua. Những điều cao nhất và tốt nhất của chúng ta ở đây có thể được coi là một mẫu trung bình công bằng của các phẩm chất mà chúng ta sẽ khám phá trong chân ngã nếu chúng ta có thể thấy nó.

We get these samples sometimes, and should try to understand them as such; we often find, for example, quite an ordinary person showing great heroism when a sudden emergence arises. A workman will sacrifice his life to save his fellow-man. Now the possibility of doing that shows that the man inside is really at that level. Whatever is the highest a man can touch is in reality the man

Chúng ta đôi khi nhận được những mẫu này, và nên cố gắng hiểu chúng như vậy; chúng ta thường thấy, chẳng hạn, một người bình thường thể hiện sự anh hùng lớn lao khi một tình huống khẩn cấp bất ngờ xảy ra. Một công nhân sẽ hy sinh mạng sống của mình để cứu đồng loại. Bây giờ khả năng làm điều đó cho thấy rằng người bên trong thực sự ở mức đó. Bất cứ điều gì là cao nhất mà một người có thể

himself, because he could not touch it, could not think it, if it were not himself. All the lower expression—the storms of passion, the baser feelings—belongs to the personality. They should not be there—that goes without saying—but they are not the real man. If sometimes he touches great heights, that is the level at which he ought always to strive to keep himself.

chạm tới thực sự là chính người đó, bởi vì y không thể chạm tới nó, không thể nghĩ về nó, nếu nó không phải là chính y. Tất cả các biểu hiện thấp hơn—những cơn bão của đam mê, những cảm xúc thấp hèn—thuộc về phàm ngã. Chúng không nên có ở đó—điều đó không cần phải nói—nhưng chúng không phải là con người thực sự. Nếu đôi khi y chạm tới những độ cao lớn, đó là mức độ mà y nên luôn cố gắng giữ mình.

The high and noble things for which a man yearns must be to some extent developed in the ego, otherwise he could not be longing for them down here. The people who do not wish for such ideals are those in whom those particular qualities do not exist even in germ. If we yearn for higher things they are in us not as a mere possibility but a living fact, and it remains for us to live at our highest level and in that way reach one still higher. The whole object of the ego in putting himself down is that he may become more definite, that all his vaguely beautiful feelings may crystallize into a definite resolution to act. All his incarnations form a process by means of which he may gain precision and definiteness. Therefore specialization is our way of advancement. We come down into each race or sub-race in order that we may acquire the qualities for the perfection of which that sub-race is working. The fragment of the ego which is put down is highly specialized. It is intended to develop a certain quality, and when that is done the ego absorbs it into himself in due course, and he does that over and over again. The personality scatters something of its special achievement over the whole when it is withdrawn into the ego, so that he thus becomes a little less vague than before.

Những điều cao cả và cao quý mà một người khao khát phải được phát triển ở một mức độ nào đó trong chân ngã, nếu không y không thể khao khát chúng ở đây. Những người không mong muốn những lý tưởng như vậy là những người mà những phẩm chất cụ thể đó không tồn tại ngay cả ở dạng mầm mống. Nếu chúng ta khao khát những điều cao hơn, chúng ở trong chúng ta không phải là một khả năng đơn thuần mà là một thực tế sống động, và điều còn lại cho chúng ta là sống ở mức cao nhất của mình và theo cách đó đạt đến một mức cao hơn nữa. Toàn bộ mục tiêu của chân ngã khi đặt mình xuống là để trở nên rõ ràng hơn, để tất cả những cảm xúc đẹp đẽ mơ hồ của nó có thể kết tinh thành một quyết tâm rõ ràng để hành động. Tất cả các kiếp sống của nó tạo thành một quá trình mà qua đó nó có thể đạt được sự chính xác và rõ ràng. Do đó, chuyên môn hóa là con đường tiến bộ của chúng ta. Chúng ta đến mỗi giống dân hoặc giống dân phụ để có thể tiếp thu các phẩm chất mà giống dân phụ đó đang làm việc để hoàn thiện. Mảnh của chân ngã được đặt xuống là rất chuyên biệt. Nó được dự định để phát triển một phẩm chất nhất định, và khi điều đó được thực hiện, chân ngã hấp thụ nó vào chính mình theo thời gian, và y làm điều đó lặp đi lặp lại. Phàm ngã phân tán một phần thành tựu đặc biệt của nó lên toàn bộ khi nó được rút vào chân ngã, để y trở nên ít mơ hồ hơn trước.

The ego, with all its mighty powers, is very

Chân ngã, với tất cả sức mạnh vĩ đại của nó, ít

much less accurate than the lower mind, and the personality, valuing above all the discriminating powers of the lower mind which it is intended to develop, often comes in consequence to despise the far higher but vaguer self, and acquires a habit of thinking of itself as independent of the ego.

chính xác hơn nhiều so với hạ trí, và phàm ngã, coi trọng trên hết các khả năng phân biện của hạ trí mà nó được dự định phát triển, thường do đó mà coi thường cái tôi cao hơn nhưng mơ hồ hơn, và có thói quen nghĩ về mình như độc lập với chân ngã.

Though the ego is vague in the earlier stages of its evolution and is therefore unsatisfactory to that extent, there is in him nothing that is evil —no moral defect. There is no matter in the causal body which could respond to the lower vibrations, but wherever there is a gap in its development there is always a possibility that the lower vehicles will run into some sort of evil action. It sometimes happens in such a case that when an emergency arises the astral elemental takes possession of the man and he madly stabs another man, or, being in great need of money, he finds himself in some position where he can obtain it dishonestly, and succumbs to the temptation. The ego is then not sufficiently awake to step in and prevent the action, or perhaps he does not understand that the passion or greed of the astral body may force the lower self into the commission of a crime. When we find evil turning up unexpectedly in a man's character we must not think that it comes from the Higher Self. Yet it comes from a lack in the Higher Self; because if the ego were more developed he would check the man on the brink of the evil thought, and the crime would not be committed.

Mặc dù chân ngã mơ hồ trong các giai đoạn đầu của sự tiến hóa của nó và do đó không thỏa mãn đến mức đó, nhưng trong nó không có gì là xấu xa—không có khuyết điểm đạo đức. Không có chất liệu nào trong thể nhân quả có thể đáp ứng với các rung động thấp hơn, nhưng bất cứ nơi nào có một khoảng trống trong sự phát triển của nó, luôn có khả năng rằng các thể thấp hơn sẽ rơi vào một số hành động xấu xa. Đôi khi xảy ra trong trường hợp như vậy khi một tình huống khẩn cấp xảy ra, tinh linh cảm dục chiếm lấy con người và y điên cuồng đâm một người khác, hoặc, khi đang rất cần tiền, y thấy mình ở một vị trí nào đó mà y có thể có được nó một cách không trung thực, và chịu thua sự cám dỗ. Chân ngã lúc đó không đủ tỉnh táo để can thiệp và ngăn chặn hành động, hoặc có lẽ y không hiểu rằng đam mê hoặc tham lam của thể cảm dục có thể buộc phàm ngã vào việc phạm tội. Khi chúng ta thấy cái ác xuất hiện bất ngờ trong tính cách của một người, chúng ta không nên nghĩ rằng nó đến từ Chân ngã. Tuy nhiên, nó đến từ một sự thiếu sót trong Chân ngã; bởi vì nếu chân ngã phát triển hơn, y sẽ ngăn chặn người đó trên bờ vực của ý nghĩ xấu xa, và tội ác sẽ không được thực hiện.

To seek the way by retreating within means for us that we must always endeavour to live up to our highest level, so that we may be able to bring down more and more of the treasures which the ego has garnered during innumerable incarnations. But while seeking thus to realize the Higher Self we must remember that we must also seek the way by

Tìm kiếm con đường bằng cách rút lui vào bên trong có nghĩa là chúng ta phải luôn cố gắng sống ở mức cao nhất của mình, để có thể mang xuống ngày càng nhiều kho báu mà chân ngã đã thu thập trong vô số kiếp sống. Nhưng trong khi tìm cách nhận ra Chân ngã, chúng ta phải nhớ rằng chúng ta cũng phải tìm kiếm con đường bằng cách tiến lên ra bên ngoài.

advancing *without.* We cannot afford to be ignorant of what is outside us, and we must do our best to study and to become acquainted with the world and what is going on in it.

Chúng ta không thể để mình không biết về những gì bên ngoài chúng ta, và chúng ta phải cố gắng hết sức để nghiên cứu và làm quen với thế giới và những gì đang diễn ra trong đó.

CHAPTER 9

RULE 20—QUY LUẬT 20

20. Seek it not by any one road. To each temperament there is one road which seems the most desirable. But the way is not found by devotion alone, by religious contemplation alone, by ardent progress, by self-sacrificing labour, by studious observation of life. None alone can take the disciple more than one step onwards. All steps are necessary to make up the ladder.

20. Đừng tìm kiếm nó bằng bất kỳ con đường nào. Đối với mỗi tính khí, có một con đường dường như là đáng mong muốn nhất. Nhưng con đường không được tìm thấy chỉ bằng sự tận tâm, chỉ bằng sự chiêm ngưỡng tôn giáo, chỉ bằng sự tiến bộ nhiệt thành, chỉ bằng lao động tự hy sinh, chỉ bằng sự quan sát học hỏi về cuộc sống. Không có con đường nào có thể đưa đệ tử tiến xa hơn một bước. Tất cả các bước đều cần thiết để tạo thành chiếc thang.

A.B.—Rule 20 is the comment by the Chohan on the three short aphorisms 17 to 19, which were considered in the last chapter. It tells us that a man has not to develop only on that line where he finds the least resistance, but must unfold his powers on every line before he reaches the universal goal of usefulness. His aim is to be a perfect instrument of the Good Law, and no man can become that unless he grows along every line. Each type or temperament must therefore supply what is lacking in itself before perfection can be achieved. Humanity reaches the goal not by devotion, nor by religious contemplation, nor by self-sacrificing labour, nor by observation and deep thought alone. Ultimately we shall all need to have all these things, but while on the way people are limited by their temperaments, and for a long time to come the work of each disciple in helping humanity is likely to be limited chiefly to one of these ways.

A.B.—Quy luật 20 là lời bình luận của Đức Đế Quân về ba câu châm ngôn ngắn 17 đến 19, đã được xem xét trong chương trước. Nó cho chúng ta biết rằng một người không chỉ phát triển trên dòng mà y thấy ít trở ngại nhất, mà phải phát triển sức mạnh của mình trên mọi dòng trước khi đạt đến mục tiêu phổ quát của sự hữu ích. Mục tiêu của y là trở thành một công cụ hoàn hảo của Luật Thiện, và không ai có thể trở thành điều đó trừ khi y phát triển trên mọi dòng. Mỗi loại hoặc tính khí do đó phải cung cấp những gì còn thiếu trong chính nó trước khi sự hoàn hảo có thể đạt được. Nhân loại đạt đến mục tiêu không phải bằng sự tận tâm, cũng không phải bằng sự chiêm ngưỡng tôn giáo, cũng không phải bằng lao động tự hy sinh, cũng không phải bằng sự quan sát và suy nghĩ sâu sắc một mình. Cuối cùng, tất cả chúng ta sẽ cần có tất cả những điều này, nhưng trong khi trên đường đi, mọi người bị giới hạn bởi tính khí của họ, và trong một thời gian dài sắp tới, công việc của mỗi đệ tử trong việc giúp đỡ nhân loại có khả năng bị giới hạn chủ yếu vào một trong những cách này.

It is clear why we must master all the ways. As

Rõ ràng tại sao chúng ta phải làm chủ tất cả các

men advance they must draw nearer together, must become welded into an organic whole. So if a man possessed great power of religious contemplation, but very little of the other powers it would be of little use for him to come into contact with a man possessing chiefly the quality of self-sacrificing labour. He could not meet him on that ground, and that would limit his usefulness. So it is desirable that while the disciple is striving to perfect himself on his special line of work, is seeking to learn everything about something, he should at the same time not neglect to learn something about everything, so as to be able to make full contact with people of different temperaments with whom he must work.

con đường. Khi con người tiến bộ, họ phải tiến gần nhau hơn, phải trở thành một tổng thể hữu cơ. Vì vậy, nếu một người sở hữu sức mạnh lớn về sự chiêm ngưỡng tôn giáo, nhưng rất ít các sức mạnh khác, thì sẽ ít có ích lợi cho y khi tiếp xúc với một người chủ yếu sở hữu phẩm chất của lao động tự hy sinh. Y không thể gặp người đó trên cơ sở đó, và điều đó sẽ hạn chế sự hữu ích của y. Vì vậy, điều mong muốn là trong khi đệ tử đang cố gắng hoàn thiện mình trên dòng công việc đặc biệt của mình, đang tìm cách học mọi thứ về một điều gì đó, y cũng không nên bỏ qua việc học một chút về mọi thứ, để có thể tiếp xúc đầy đủ với những người có tính khí khác nhau mà y phải làm việc cùng.

The key-note is balance; we must be able to work to some extent on all lines. Toleration also is wanted, that we may be able to help all. We must see each man's way as right *for him*—as one of the roads leading onwards it has to be recognized as good. We must have respect for all types of people, and until we are able to help them all ourselves we should try to guide those whom we cannot help, to others who can help them, and not disparage the roads on which they are going, and seek to turn them into our own.

Chìa khóa là sự cân bằng; chúng ta phải có khả năng làm việc ở một mức độ nào đó trên tất cả các dòng. Sự khoan dung cũng cần thiết, để chúng ta có thể giúp đỡ tất cả. Chúng ta phải thấy con đường của mỗi người là đúng đối với họ—như một trong những con đường dẫn tới phía trước, nó phải được công nhận là tốt. Chúng ta phải tôn trọng tất cả các loại người, và cho đến khi chúng ta có thể tự mình giúp đỡ tất cả, chúng ta nên cố gắng hướng dẫn những người mà chúng ta không thể giúp đỡ, đến những người có thể giúp họ, và không chê bai các con đường mà họ đang đi, và tìm cách chuyển họ sang con đường của chúng ta.

C.W.L.—People are almost always lop-sided in their development. Some are strong in devotion, some in intellect, some along the line of work. Each man, according to his temperament, is taken naturally along the line which is easiest for him, yet he must not forget that all-round development is necessary before he can reach Adeptship. The Adept is above all things an all-round man, and if we are putting Him before us as an ideal,

C.W.L.—Mọi người hầu như luôn phát triển không cân đối. Một số mạnh mẽ trong sự tận tâm, một số trong trí tuệ, một số theo dòng công việc. Mỗi người, theo tính khí của mình, được dẫn dắt tự nhiên theo dòng dễ dàng nhất đối với họ, nhưng y không được quên rằng sự phát triển toàn diện là cần thiết trước khi y có thể đạt đến Địa vị Chân sư. Chân sư trên hết là một người toàn diện, và nếu chúng ta đặt Ngài trước chúng ta như một lý tưởng, chúng ta

we,must do what we can to develop ourselves in various directions. It is a fine thing to be full of devotion, but we must have knowledge along with it, because the man who is merely blindly devoted is of little use. The converse is true of those who advance by intellect. They must also take care to acquire devotion, otherwise their intellectual development will lead them astray. It is better to develop along one line than not to develop at all, but while every man should pursue his own line, he should nevertheless remember that there are other lines. Often the tendency is to criticize other paths, and to feel that they may be less useful than our own. They would be less useful to us, perhaps, but are not at all so to those who are following them. Wherever we may be at present in our development we shall certainly have to become balanced, so if now we appreciate only the idea of work we shall nevertheless presently have to realize the position of the man who advances by wisdom, and again that of him who progresses by devotion, and not allow ourselves to think them less immediately useful than we are. I am afraid that the people who advance by devotion are often a little intolerant of those who wish to study and to work. They sometimes say: “All that you are doing belongs to the outer plane or to the purely intellectual side of things, whereas the heart side of everything is always the more important, and if you neglect that you can make no real progress.” It is perfectly true that the heart side must be developed, but nevertheless there are those who advance best through definite work, and others who cannot evoke from themselves the best that is within them without careful study and full understanding.

phải làm những gì có thể để phát triển bản thân theo nhiều hướng khác nhau. Đó là một điều tuyệt vời để tràn đầy sự tận tâm, nhưng chúng ta phải có kiến thức cùng với nó, bởi vì người chỉ đơn thuần tận tâm mù quáng thì ít có ích lợi. Điều ngược lại cũng đúng với những người tiến bộ bằng trí tuệ. Họ cũng phải chú ý phát triển sự tận tâm, nếu không sự phát triển trí tuệ của họ sẽ dẫn họ đi lạc. Tốt hơn là phát triển theo một dòng hơn là không phát triển chút nào, nhưng trong khi mỗi người nên theo đuổi dòng của mình, y nên nhớ rằng có những dòng khác. Thường thì xu hướng là chỉ trích các con đường khác, và cảm thấy rằng chúng có thể ít hữu ích hơn con đường của chúng ta. Chúng có thể ít hữu ích hơn đối với chúng ta, có lẽ, nhưng không phải đối với những người đang theo chúng. Dù chúng ta có thể đang ở đâu trong sự phát triển của mình, chúng ta chắc chắn sẽ phải trở nên cân bằng, vì vậy nếu bây giờ chúng ta chỉ đánh giá cao ý tưởng về công việc, chúng ta sẽ sớm phải nhận ra vị trí của người tiến bộ bằng minh triết, và một lần nữa là của người tiến bộ bằng sự tận tâm, và không cho phép mình nghĩ rằng chúng ít hữu ích ngay lập tức hơn chúng ta. Tôi e rằng những người tiến bộ bằng sự tận tâm thường hơi không khoan dung với những người muốn học hỏi và làm việc. Họ đôi khi nói: "Tất cả những gì bạn đang làm thuộc về cõi bên ngoài hoặc thuộc về mặt trí tuệ thuần túy của mọi thứ, trong khi mặt trái tim của mọi thứ luôn quan trọng hơn, và nếu bạn bỏ qua điều đó, bạn không thể tiến bộ thực sự." Điều đó hoàn toàn đúng rằng mặt trái tim phải được phát triển, nhưng dù sao cũng có những người tiến bộ tốt nhất thông qua công việc cụ thể, và những người khác không thể khơi dậy từ bản thân những gì tốt nhất trong họ mà không có sự nghiên cứu cẩn thận và sự hiểu biết đầy đủ.

Men sometimes feel drawn to the higher life,

Đôi khi con người cảm thấy bị thu hút đến

and devote themselves to contemplation only. There are occultists who hold that to be the best way, at least in the early stages. A man might say: “I must first develop myself in order that I may be able to serve. When I am an Adept I shall serve perfectly; I shall make no mistakes.” But there is work to do at all levels, and the man who has qualified as an Adept has to work at very much higher levels than any we can reach; therefore if we wait until Adeptship is attained before we are willing to work for the world, a great deal of the lower work will in the meantime be left undone. Our Masters are working chiefly on the nirvanic level, on the egos of men by the million. They are doing at that higher level what we could not do, but there is a very great deal to do on the lower planes which we can do.

cuộc sống cao hơn, và chỉ dành mình cho sự chiêm ngưỡng. Có những nhà huyền bí học cho rằng đó là cách tốt nhất, ít nhất là trong giai đoạn đầu. Một người có thể nói: "Tôi phải phát triển bản thân trước để có thể phục vụ. Khi tôi là một Chân sư, tôi sẽ phục vụ hoàn hảo; tôi sẽ không mắc sai lầm." Nhưng có công việc cần làm ở mọi cấp độ, và người đã đủ điều kiện làm Chân sư phải làm việc ở các cấp độ cao hơn nhiều so với bất kỳ cấp độ nào chúng ta có thể đạt tới; do đó, nếu chúng ta chờ đợi cho đến khi đạt được Địa vị Chân sư trước khi sẵn sàng làm việc cho thế giới, rất nhiều công việc thấp hơn sẽ trong thời gian đó bị bỏ lại chưa hoàn thành. Các Chân sư của chúng ta đang làm việc chủ yếu trên cấp độ Niết Bàn, trên các chân ngã của con người hàng triệu. Các Ngài đang làm ở cấp độ cao hơn mà chúng ta không thể làm, nhưng có rất nhiều việc cần làm trên các cõi thấp hơn mà chúng ta có thể làm.

People have sometimes been disposed to think that the Masters ought to be doing this lower work, that They should, for example, be working with individuals down here. I have explained before that They do not do that, except in the comparatively rare cases of those who They see will very shortly repay Them for their effort. It is so entirely a case of what is best for the work that no sentiment of any sort enters into the matter at all. They will work with a pupil if he can do good work in return, and if the amount of energy spent in teaching and guiding him will produce more result in that way in a given time than would be produced by the same amount of energy expended along higher and wider lines; that is, only if the man is apt to learn, and prepared to do a great deal himself whenever opportunity offers. Up to that point Their interest in him would be what one might call a general concern.

Người ta đôi khi có xu hướng nghĩ rằng các Chân sư nên thực hiện công việc thấp kém này, rằng Các Ngài nên, ví dụ, làm việc với các cá nhân ở đây. Tôi đã giải thích trước rằng Các Ngài không làm điều đó, ngoại trừ trong những trường hợp hiếm hoi mà Các Ngài thấy rằng họ sẽ sớm đền đáp công sức của Các Ngài. Đó hoàn toàn là một trường hợp của điều gì là tốt nhất cho công việc mà không có bất kỳ cảm tính nào tham gia vào vấn đề này. Các Ngài sẽ làm việc với một đệ tử nếu y có thể làm công việc tốt để đáp lại, và nếu lượng năng lượng dành cho việc dạy dỗ và hướng dẫn y sẽ tạo ra nhiều kết quả hơn theo cách đó trong một thời gian nhất định so với lượng năng lượng tương tự được sử dụng theo các hướng cao hơn và rộng hơn; nghĩa là, chỉ khi người đó có khả năng học hỏi và sẵn sàng tự mình làm rất nhiều khi có cơ hội. Đến mức đó, sự quan tâm của Các Ngài đối với y có thể gọi là một mối quan tâm chung.

There is much work to be done at these lower levels, and it is a fact that a great amount and variety of it has not been done previously. New ways of service are constantly being opened up as mankind advances in brotherhood. Our Masters had many pupils before the Theosophical Society came into existence, but most of them were Orientals, chiefly Hindus and Buddhists, Sufis and Zoroastrians. The trend of the Oriental mind is not quite the same as ours. I think without offence we may say it is less practical in some directions than ours, and the majority of Indian pupils have occupied themselves chiefly with their own studies, of which they had an immense amount to do, and only when they had advanced a considerable way on that line did they then turn aside to help others. They had not the incentive that we have for the work of the invisible helpers. Nobody in

Có rất nhiều công việc cần phải làm ở những cấp độ thấp hơn này, và thực tế là một lượng lớn và đa dạng của nó chưa được thực hiện trước đây. Những cách phụng sự mới liên tục được mở ra khi nhân loại tiến bộ trong tình huynh đệ. Các Chân sư của chúng ta đã có nhiều đệ tử trước khi Hội Thông Thiên Học ra đời, nhưng phần lớn trong số họ là người phương Đông, chủ yếu là người Hindu và Phật tử, Sufi và Zoroastrian. Xu hướng của tâm trí phương Đông không hoàn toàn giống như của chúng ta. Tôi nghĩ rằng không có gì xúc phạm khi nói rằng nó ít thực tế hơn trong một số hướng so với của chúng ta, và phần lớn các đệ tử Ấn Độ đã chủ yếu tập trung vào việc học của họ, mà họ có một lượng lớn phải làm, và chỉ khi họ đã tiến xa đáng kể trên con đường đó thì họ mới quay sang giúp đỡ người khác. Họ không có động lực mà chúng ta có cho công việc của những người trợ giúp vô hình. Không ai ở Ấn

India—not even a coolie—is quite as ignorant as the average Christian about after-death states, so there is not the same need for rescuing them from the delusions created by the idea of eternal hell. As soon as our students began to see what astral work involved they realized that there was a crying need for help. Here were people by the thousand suffering intensely from a nightmare, a sort of bogey, which they had made for themselves simply on account of foolish teaching. A sight of that kind urges one at once to make some effort to relieve all that distress, consequently the work of the invisible helpers began, and increased like a rolling snowball. Every one who is helped sets to work to help others, so it has happened that in about thirty-five years, since the work was regularly taken in hand, the effect produced has been very great indeed.

Độ—thậm chí không phải là một người lao động—lại hoàn toàn không biết gì như người Kitô hữu trung bình về các trạng thái sau khi chết, vì vậy không có nhu cầu tương tự để cứu họ khỏi những ảo tưởng do ý tưởng về địa ngục vĩnh cửu tạo ra. Ngay khi các sinh viên của chúng ta bắt đầu thấy công việc cảm dục liên quan đến điều gì, họ nhận ra rằng có một nhu cầu cấp thiết cần được giúp đỡ. Đây là những người hàng ngàn người đang chịu đựng đau khổ dữ dội từ một cơn ác mộng, một loại ma quỷ, mà họ đã tự tạo ra chỉ vì những lời dạy dại dột. Một cảnh tượng như vậy thúc giục người ta ngay lập tức nỗ lực để giảm bớt tất cả nỗi đau khổ đó, do đó công việc của những người trợ giúp vô hình bắt đầu, và tăng lên như một quả cầu tuyết lăn. Mỗi người được giúp đỡ đều bắt tay vào giúp đỡ người khác, vì vậy đã xảy ra rằng trong khoảng ba mươi lăm năm, kể từ khi công việc được thực hiện một cách đều đặn, hiệu quả tạo ra đã rất lớn.

A man may reach great heights by attending only to his own development, but along that line he will not reach Adeptship. The man who waits to attain Adeptship before he serves the world will never be an Adept. He may escape into nirvana, or obtain liberation, but because he has not realized what the Logos wants of him, he will presently be overtaken by numbers of less advanced and less talented people who have realized that one important thing. Then he will have to give up his life on higher planes and come back to learn what he has not learnt before—that humanity is one, and that a man who does not realize that fact cannot scale the loftiest heights of progress.

Một người có thể đạt đến những đỉnh cao lớn bằng cách chỉ chú ý đến sự phát triển của chính mình, nhưng theo con đường đó, y sẽ không đạt đến Địa vị Chân sư. Người chờ đợi để đạt đến Địa vị Chân sư trước khi phụng sự thế giới sẽ không bao giờ trở thành Chân sư. Y có thể thoát vào niết bàn, hoặc đạt được giải thoát, nhưng vì y chưa nhận ra điều mà Thượng đế muốn ở y, y sẽ sớm bị vượt qua bởi những người ít tiến bộ và ít tài năng hơn, những người đã nhận ra điều quan trọng đó. Sau đó, y sẽ phải từ bỏ cuộc sống của mình trên các cõi cao hơn và quay trở lại để học những gì y chưa học trước đây—rằng nhân loại là một, và một người không nhận ra điều đó không thể leo lên những đỉnh cao nhất của sự tiến bộ.

But, as is said here, self-sacrificing labour alone is not sufficient to gain for the man the highest development. He also needs to

Nhưng, như đã nói ở đây, lao động tự hy sinh một mình không đủ để đạt được sự phát triển cao nhất cho người đó. Y cũng cần phát triển

develop his devotion, and above all to develop his power of response to the inner light, because without that he will not be a perfect instrument. Without that he might be working away most energetically, but would be unable to respond to the touch, the hint from above, sufficiently quickly. He would need, as it were, to be pulled round energetically, instead of requiring just a gentle touch, which is all that should be necessary, and so would cause more trouble to his Master in training him. He must also learn something of the great plan, because, glorious as the work is, the man cannot do it perfectly unless he has knowledge. Therefore he must make a definite effort in the way of study to attain that. Much knowledge comes in actually doing the work, but there is every reason for us to take advantage of the accumulated experience of our forerunners and learn whatever we can by study, so that our work may be better done.

sự tận tụy của mình, và trên hết là phát triển khả năng đáp ứng với ánh sáng bên trong, vì nếu không có điều đó, y sẽ không phải là một công cụ hoàn hảo. Nếu không có điều đó, y có thể đang làm việc rất năng động, nhưng sẽ không thể đáp ứng đủ nhanh với sự chạm nhẹ, gợi ý từ trên cao. Y sẽ cần, như thể, bị kéo quay mạnh mẽ, thay vì chỉ cần một cái chạm nhẹ, điều đó là tất cả những gì cần thiết, và do đó sẽ gây ra nhiều rắc rối hơn cho Chân sư của y trong việc đào tạo y. Y cũng phải học một chút về kế hoạch lớn, bởi vì, dù công việc có vinh quang đến đâu, người đó không thể làm nó hoàn hảo trừ khi y có kiến thức. Do đó, y phải nỗ lực rõ ràng trong việc học tập để đạt được điều đó. Nhiều kiến thức đến từ việc thực hiện công việc thực tế, nhưng có mọi lý do để chúng ta tận dụng kinh nghiệm tích lũy của những người đi trước và học bất cứ điều gì chúng ta có thể thông qua học tập, để công việc của chúng ta có thể được thực hiện tốt hơn.

> The vices of men become steps in the ladder, one by one, as they are surmounted. The virtues of men are steps indeed, necessary—not by any means to be dispensed with. Yet, though they create a fair atmosphere and a happy future, they are useless if they stand alone.

> Những thói xấu của con người trở thành những bậc thang trong chiếc thang, từng bước một, khi chúng được vượt qua. Những đức tính của con người thực sự là những bậc thang cần thiết—không thể thiếu. Tuy nhiên, mặc dù chúng tạo ra một bầu không khí tốt đẹp và một tương lai hạnh phúc, chúng vô dụng nếu đứng một mình.

A.B.—Here both vices and virtues are called steps. This broad view cannot harm *students,* and is indeed necessary for the disciple, but it would be right in the world to take the narrow view, for vice must mean vices, and virtue must mean virtues, to undeveloped people. The broad view would confuse their ideas of morality; they cannot apply principles with understanding, and think of the moral

A.B.—Ở đây cả thói xấu và đức tính đều được gọi là những bậc thang. Quan điểm rộng này không thể gây hại cho các sinh viên, và thực sự cần thiết cho đệ tử, nhưng sẽ đúng trong thế giới để có cái nhìn hẹp, vì thói xấu phải có nghĩa là thói xấu, và đức tính phải có nghĩa là đức tính, đối với những người chưa phát triển. Quan điểm rộng sẽ làm rối loạn ý tưởng của họ về đạo đức; họ không thể áp dụng các nguyên

bearing of each action, so they must have a list of things that are bad, for their avoidance, a set of religious and social commandments for their guidance., It would be a mistake to upset the popular view of vice and virtue, although it permits many actions the disciple has outgrown.

tắc với sự thấu hiểu, và suy nghĩ về ý nghĩa đạo đức của mỗi hành động, vì vậy họ phải có một danh sách những điều xấu, để tránh, một bộ các điều răn tôn giáo và xã hội để hướng dẫn họ. Sẽ là một sai lầm khi làm xáo trộn quan điểm phổ biến về thói xấu và đức tính, mặc dù nó cho phép nhiều hành động mà đệ tử đã vượt qua.

But esotericists should learn to understand what they both mean, as manifestations of the Divine. The way to regard it is to think of every soul as a divine being, as a centre of outgoing energies pouring into the world. The life of man consists in the expression of the life of atma, and it finds expression outwards. In the earlier stages of its evolution there was nothing to be called vice or virtue, but simply an outrush of energies, very largely along lines which the standards achieved by society to-day would not approve. It is true that from the beginning of our human career most of us, especially those who had individualized at a high point from the animal kingdom, were in a position to use our intelligence to some extent, and so were able to learn many things by observation of others. But it remains a fact that nevertheless all of us in earlier stages must have done many things which would now be accounted evil. Those experiences taught us to do better, so they were steps or means of progress. And they also helped to make it possible for us to understand and help others who are going through such experiences now. All types of experiences are equally necessary; we could not know even partly what they are without every kind of expression, and should never be able to help other people if we did not understand.

Nhưng các nhà huyền bí học nên học cách hiểu ý nghĩa của cả hai, như là sự biểu hiện của Thiêng Liêng. Cách để xem xét nó là nghĩ về mỗi linh hồn như một thực thể thiêng liêng, như một trung tâm của các năng lượng đang tuôn đổ vào thế giới. Cuộc sống của con người bao gồm việc biểu hiện cuộc sống của atma, và nó tìm thấy sự biểu hiện ra bên ngoài. Trong những giai đoạn đầu của sự tiến hóa của nó, không có gì được gọi là thói xấu hay đức tính, mà chỉ đơn giản là một sự tuôn trào của các năng lượng, rất nhiều theo những hướng mà các tiêu chuẩn đạt được bởi xã hội ngày nay sẽ không chấp nhận. Đúng là từ khi bắt đầu sự nghiệp nhân loại của chúng ta, hầu hết chúng ta, đặc biệt là những người đã biệt ngã hóa ở một điểm cao từ giới động vật, đã ở trong một vị trí để sử dụng trí thông minh của mình ở một mức độ nào đó, và do đó có thể học được nhiều điều bằng cách quan sát người khác. Nhưng vẫn là một thực tế rằng dù sao tất cả chúng ta trong những giai đoạn đầu phải đã làm nhiều điều mà bây giờ sẽ được coi là xấu. Những kinh nghiệm đó đã dạy chúng ta làm tốt hơn, vì vậy chúng là những bước hoặc phương tiện tiến bộ. Và chúng cũng giúp làm cho chúng ta có thể hiểu và giúp đỡ những người khác đang trải qua những kinh nghiệm như vậy bây giờ. Tất cả các loại kinh nghiệm đều cần thiết như nhau; chúng ta không thể biết ngay cả một phần chúng là gì nếu không có mọi loại biểu hiện, và sẽ không bao giờ có thể giúp đỡ người khác nếu chúng ta không

hiểu.

In former times we may have been murderers or drunkards; if these things have been our particular experience, we now know them as wrong because we did them before we knew better, and found that their results brought suffering. At a further stage we learned that such things delay our progress, and are therefore wrong, but without some experience we should never have realized this consciously. No amount of advice could have given us the vivid knowledge we have gained from experience. Having learnt our lesson along one line we never again under any stress of temptation make that particular mistake. You would never be safe if there were any possibility of your falling. You must have conscious knowledge of these things; the typical thing you have to know, the fundamental experience you must have, if you wish to be safe and helpful.

Trong những thời kỳ trước, chúng ta có thể đã là kẻ giết người hoặc kẻ say rượu; nếu những điều này đã là kinh nghiệm đặc biệt của chúng ta, bây giờ chúng ta biết chúng là sai vì chúng ta đã làm chúng trước khi chúng ta biết tốt hơn, và nhận thấy rằng kết quả của chúng mang lại đau khổ. Ở một giai đoạn xa hơn, chúng ta học rằng những điều như vậy làm chậm tiến trình của chúng ta, và do đó là sai, nhưng nếu không có một số kinh nghiệm, chúng ta sẽ không bao giờ nhận ra điều này một cách có ý thức. Không có lời khuyên nào có thể mang lại cho chúng ta kiến thức sống động mà chúng ta đã đạt được từ kinh nghiệm. Sau khi học được bài học của mình theo một hướng, chúng ta không bao giờ lại mắc sai lầm cụ thể đó dưới bất kỳ áp lực cám dỗ nào. Bạn sẽ không bao giờ an toàn nếu có bất kỳ khả năng nào bạn có thể sa ngã. Bạn phải có kiến thức có ý thức về những điều này; điều điển hình mà bạn phải biết, kinh nghiệm cơ bản mà bạn phải có, nếu bạn muốn an toàn và hữu ích.

C.W.L.—Here again the Chohan reminds us that the object of occult training is not to produce merely good men, but great spiritual powers who can work intelligently for the Logos. Moral goodness is certainly a prerequisite, but it is useless alone.

C.W.L.—Ở đây một lần nữa Đức Đế Quân nhắc nhở chúng ta rằng mục tiêu của huấn luyện huyền bí không phải là chỉ tạo ra những người tốt, mà là những quyền năng tinh thần vĩ đại có thể làm việc một cách thông minh cho Thượng đế. Sự tốt lành đạo đức chắc chắn là một điều kiện tiên quyết, nhưng nó vô dụng nếu đứng một mình.

When a man begins his evolution in the quite primitive stage he has no ideas of right and wrong, so we could hardly speak of him as having vices and virtues. The salvage is after all nothing more than a centre of outrushing energy—the irresponsible kind of outrush of which we see so much in the lower kingdoms. A creature like a fly has a very tiny body, but it

Khi một người bắt đầu sự tiến hóa của mình ở giai đoạn hoàn toàn nguyên thủy, y không có ý niệm về đúng và sai, vì vậy chúng ta khó có thể nói về y như có thói xấu và đức tính. Sự cứu rỗi cuối cùng chỉ là một trung tâm của năng lượng đang tuôn trào—loại tuôn trào vô trách nhiệm mà chúng ta thấy rất nhiều trong các giới thấp hơn. Một sinh vật như một con ruồi

is a mass of energy which is terrible as compared with its size. Imagine an entity of our own size endowed with as much energy in proportion and as little idea of what to do with it—it would be a terrible, wild thing, a source of danger to all around.

có một cơ thể rất nhỏ, nhưng nó là một khối năng lượng khủng khiếp so với kích thước của nó. Hãy tưởng tượng một thực thể có kích thước của chúng ta được ban cho nhiều năng lượng theo tỷ lệ và ít ý tưởng về việc phải làm gì với nó—nó sẽ là một thứ khủng khiếp, hoang dã, một nguồn nguy hiểm cho tất cả xung quanh.

The savage has that kind of energy. It bursts out in fighting and in lusts of all kinds, which are certainly vices from our point of view, although we are hardly justified in regarding them as such in him. He does not murder from any sort of unholy, vitiated pleasure in murder, as has happened with people of higher races. He certainly has a kind of pride in being able to dominate and kill other people, and in that way he works off a vast amount of energy which, many thousands of years later, will be directed into useful channels. He has to learn how to handle that energy; how to let it run through him without doing hurt to himself or others, but that is a matter of long training and development, and of gaining control of the vehicles by the ego.

Người man rợ có loại năng lượng đó. Nó bùng nổ trong chiến đấu và trong các dục vọng đủ loại, chắc chắn là thói xấu từ quan điểm của chúng ta, mặc dù chúng ta khó có thể coi chúng như vậy ở y. Y không giết người vì bất kỳ loại khoái cảm không thánh thiện, bị hủy hoại nào trong việc giết người, như đã xảy ra với những người thuộc các chủng tộc cao hơn. Y chắc chắn có một loại tự hào trong việc có thể thống trị và giết người khác, và theo cách đó y giải phóng một lượng lớn năng lượng mà, nhiều ngàn năm sau, sẽ được hướng vào các kênh hữu ích. Y phải học cách xử lý năng lượng đó; cách để cho nó chảy qua y mà không gây hại cho bản thân hoặc người khác, nhưng đó là một vấn đề của sự huấn luyện và phát triển lâu dài, và của việc giành quyền kiểm soát các hiện thể bởi chân ngã.

We see the same thing at a very much higher stage working out in the case of an immensely powerful man, an American millionaire of the old type, for example, who made a great amount of money very often by ruining other people. He was doing a very wicked thing, but he was developing tremendous powers of concentration and generalship. Having learnt in that position how to do all this and how to manage his fellow-men, he might perhaps in another life be a general of an army. Very likely at first he would use his generalship as Napoleon did—for his own advancement and to gratify his ambition. Later on he would

Chúng ta thấy điều tương tự ở một giai đoạn cao hơn rất nhiều đang diễn ra trong trường hợp của một người đàn ông cực kỳ quyền lực, một triệu phú người Mỹ kiểu cũ, chẳng hạn, người đã kiếm được một số tiền lớn rất thường xuyên bằng cách hủy hoại người khác. Y đã làm một điều rất xấu xa, nhưng y đã phát triển những quyền năng tập trung và lãnh đạo to lớn. Sau khi học được trong vị trí đó cách làm tất cả những điều này và cách quản lý đồng loại của mình, y có thể trong một kiếp khác trở thành một tướng quân của một đội quân. Rất có thể lúc đầu y sẽ sử dụng khả năng lãnh đạo của mình như Napoleon đã làm—cho sự thăng

learn to use his powers for the service of his fellow-men. In that way it is clear that the very vices of men are steps on the way to something higher and better. The advance from vice to virtue is very largely a matter of learning to control our energies and directing them aright. We begin to transmute our vices into virtues when we realize that the energy which is going so to waste and doing so much harm might be applied for good purposes. Each time an evil quality is finally conquered, it is changed into the opposite virtue, and so becomes a definite step raising us higher in evolution.

tiến của bản thân và để thỏa mãn tham vọng của mình. Sau đó, y sẽ học cách sử dụng quyền năng của mình để phục vụ đồng loại. Theo cách đó, rõ ràng là chính những thói xấu của con người là những bước trên con đường đến một điều gì đó cao hơn và tốt hơn. Sự tiến bộ từ thói xấu đến đức tính phần lớn là vấn đề học cách kiểm soát năng lượng của chúng ta và hướng chúng đúng đắn. Chúng ta bắt đầu chuyển hóa thói xấu của mình thành đức tính khi chúng ta nhận ra rằng năng lượng đang bị lãng phí và gây hại có thể được áp dụng cho các mục đích tốt. Mỗi khi một phẩm chất xấu cuối cùng bị chinh phục, nó được chuyển đổi thành đức tính đối lập, và do đó trở thành một bước cụ thể nâng chúng ta lên cao hơn trong sự tiến hóa.

The whole nature of man must be used wisely by the one who desires to enter the way.

Toàn bộ bản chất của con người phải được sử dụng một cách khôn ngoan bởi người muốn bước vào con đường.

A.B.—The word “way” here means the real spiritual life. Man is a spiritual being, so in living the spiritual life he is being his true self. If he would tread that way he must use all his faculties and powers, the whole of himself. What man is in his essence, that he becomes in truth—a manifestation of the divine. When the disciple is at a certain stage he is told: “Thou art the Path.” Before this time his Master is to him his Path—he sees the divine manifesting in the Master; but when the divine in him manifests, he himself is the Path. He becomes the Path in proportion as he advances. Therefore the whole nature of the man is to be used wisely. When that is done the divine fragment, with the help of the thing which he has created for his own use, may unfold its latent powers into active and positive life.

A.B.—Từ "con đường" ở đây có nghĩa là cuộc sống tinh thần thực sự. Con người là một thực thể tinh thần, vì vậy khi sống cuộc sống tinh thần, y đang là chính mình thực sự. Nếu y muốn bước đi trên con đường đó, y phải sử dụng tất cả các khả năng và quyền năng của mình, toàn bộ bản thân mình. Con người là gì trong bản chất của mình, điều đó y trở thành trong sự thật—một biểu hiện của thiêng liêng. Khi đệ tử đạt đến một giai đoạn nhất định, y được nói: "Ngươi là Con Đường." Trước thời điểm này, Chân sư của y là con đường của y—y thấy thiêng liêng biểu hiện trong Chân sư; nhưng khi thiêng liêng trong y biểu hiện, chính y là Con Đường. Y trở thành Con Đường theo tỷ lệ với sự tiến bộ của mình. Do đó, toàn bộ bản chất của con người phải được sử dụng một cách khôn ngoan. Khi điều đó được thực hiện, mảnh vỡ thiêng liêng, với sự giúp đỡ của thứ mà y đã tạo ra để sử dụng cho chính mình, có thể phát triển các quyền năng tiềm ẩn của

nó thành cuộc sống tích cực và chủ động.

The words “divine fragment” are not used merely as a poetic phrase; they contain a truth we cannot afford to forget, which any other words would be inadequate to express. The same idea is found in the Catechism quoted in *The Secret Doctrine,*[46] where the Guru asks the pupil what he sees. He sees countless sparks, which appear as though detached; the ignorant look upon them as separate, but by the wise they are seen as one Flame. Such a fragment, inasmuch as it is a centre of consciousness, is a point without magnitude; it cannot be separate. All centres are fundamentally one, since there is only one ultimate sphere, one universe. But the mystery of the unity of being cannot be understood below the nirvanic plane; it cannot be expressed in the lower worlds, and all attempts to symbolize it must be imperfect.

Các từ "mảnh vỡ thiêng liêng" không chỉ được sử dụng như một cụm từ thơ mộng; chúng chứa đựng một sự thật mà chúng ta không thể quên, mà bất kỳ từ nào khác cũng không đủ để diễn đạt. Ý tưởng tương tự được tìm thấy trong Giáo lý Bí Nhiệm, nơi Guru hỏi đệ tử y thấy gì. Y thấy vô số tia lửa, dường như như thể tách rời; những người không biết nhìn chúng như những thứ riêng biệt, nhưng bởi những người khôn ngoan, chúng được thấy như một Ngọn Lửa. Một mảnh vỡ như vậy, vì nó là một trung tâm của tâm thức, là một điểm không có kích thước; nó không thể tách rời. Tất cả các trung tâm về cơ bản là một, vì chỉ có một quả cầu tối thượng, một vũ trụ. Nhưng bí ẩn của sự thống nhất của tồn tại không thể được hiểu dưới cõi niết bàn; nó không thể được biểu hiện trong các cõi thấp hơn, và mọi nỗ lực để tượng trưng cho nó đều phải không hoàn hảo.

The divine fragment is the Monad, which is reproduced in the triple spirit on the nirvanic plane. There atma is threefold, and it puts down one of its powers into the buddhic and another into the mental plane. It contains the possibilities of the Logos, but is at first quite incapable of expressing them. Atma pouring itself forth appears in Manas as the individualizing principle, the “I”-making faculty that gives rise to individuality in time, as the opposite to Eternity. It draws round it matter to express itself on the upper manasic plane, and thus creates as its vehicle the causal body, which lasts.throughout the long series of human incarnations. That is the body created with pain, by means of which the man purposes to develop.

Mảnh vỡ thiêng liêng là Chân thần, được tái tạo trong tinh thần tam phân trên cõi niết bàn. Ở đó atma là ba phần, và nó đặt xuống một trong những quyền năng của nó vào cõi Bồ đề và một quyền năng khác vào cõi trí tuệ. Nó chứa đựng các khả năng của Thượng đế, nhưng lúc đầu hoàn toàn không có khả năng biểu hiện chúng. Atma tuôn trào ra ngoài xuất hiện trong Manas như nguyên lý biệt ngã hóa, khả năng "Tôi" tạo ra cá nhân trong thời gian, như đối lập với Vĩnh cửu. Nó thu hút xung quanh nó vật chất để biểu hiện bản thân trên cõi thượng trí, và do đó tạo ra như hiện thể của nó thể nguyên nhân, kéo dài suốt chuỗi dài các lần nhập thể của con người. Đó là hiện thể được tạo ra với đau đớn, thông qua đó con người có ý định phát triển.

Think of Atma as pouring itself forth on to the third plane downwards, the manasic plane. It

Hãy nghĩ về Atma như tuôn trào ra ngoài trên cõi thứ ba xuống dưới, cõi trí tuệ. Nó thu hút

[46] *Op.cit,,* Vol. I, p. 145

draws around itself matter of the highest level of that plane, and forms the causal body. That body is then its vehicle for the expression of the manasic aspect of itself on that plane. It is manas working through the causal body. This manas becomes dual in incarnation. It reaches down into the lower levels of the mental plane, and forms there a vehicle—the lower manas—which in turn builds the astral body. In its turn that provides the force which builds the etheric and physical bodies. Each body on its own plane is a means for gathering experience, which when suitable is handed on to that which formed the vehicle; so after the personal incarnation is over the lower manas hands on to the causal body all the experience that it has gained, and the personality perishes. The causal body takes whatever experiences are of a nature to help its growth, and they remain with it through all its future incarnations.

xung quanh nó vật chất của cấp độ cao nhất của cõi đó, và hình thành thể nguyên nhân. Hiện thể đó sau đó là hiện thể của nó để biểu hiện khía cạnh trí tuệ của nó trên cõi đó. Đó là manas hoạt động thông qua thể nguyên nhân. Manas này trở nên nhị phân trong nhập thể. Nó vươn xuống các cấp độ thấp hơn của cõi trí tuệ, và hình thành ở đó một hiện thể—hạ trí—mà lần lượt xây dựng thể cảm dục. Đến lượt nó, điều đó cung cấp lực lượng xây dựng thể dĩ thái và thể xác. Mỗi hiện thể trên cõi của nó là một phương tiện để thu thập kinh nghiệm, khi thích hợp được chuyển giao cho thứ đã hình thành hiện thể; vì vậy sau khi nhập thể cá nhân kết thúc, hạ trí chuyển giao cho thể nguyên nhân tất cả kinh nghiệm mà nó đã đạt được, và phàm ngã tiêu tan. Thể nguyên nhân lấy bất kỳ kinh nghiệm nào có tính chất giúp sự phát triển của nó, và chúng vẫn còn với nó qua tất cả các lần nhập thể tương lai của nó.

The causal body also has a relation to what is above it. What happens on the inner or upper side of that vehicle is the passing on into the third aspect of atma of the essence of all experiences which may have entered into it; what is thus poured into the manasic aspect of atma renders it capable of acting without the causal body—that is, without a permanent vehicle which limits it.

Thể nguyên nhân cũng có một mối quan hệ với những gì ở trên nó. Những gì xảy ra ở phía bên trong hoặc phía trên của hiện thể đó là sự chuyển giao vào khía cạnh thứ ba của atma của tinh hoa của tất cả các kinh nghiệm có thể đã đi vào nó; những gì được tuôn vào khía cạnh trí tuệ của atma làm cho nó có khả năng hành động mà không cần thể nguyên nhân—tức là, không cần một hiện thể trường tồn giới hạn nó.

The student who thinks this out, will find that it will throw light on the perishing of the individuality. The same idea appears in the Hindu and Buddhist scriptures. The causal body is the individuality,, that which persists throughout the cycle of incarnation. It comes into existence at a certain period of- time; it has to perish at another period. It is born and it dies. As the *Gita* says: “Certain is death for the born.”[47] This is true not only in the outer world, but in the widest sense; as there is birth

Sinh viên suy nghĩ về điều này sẽ thấy rằng nó sẽ làm sáng tỏ sự tiêu tan của cá nhân. Ý tưởng tương tự xuất hiện trong các kinh điển Hindu và Phật giáo. Thể nguyên nhân là cá nhân, thứ tồn tại suốt chu kỳ nhập thể. Nó xuất hiện vào một thời điểm nhất định; nó phải tiêu tan vào một thời điểm khác. Nó được sinh ra và nó chết đi. Như Gita nói: "Chắc chắn là cái chết cho những gì được sinh ra." Điều này đúng không chỉ trong thế giới bên ngoài, mà trong ý nghĩa rộng nhất; như có sự sinh ra của thể nguyên

of the causal body, so must it perish. It is the thing which the divine fragment has built for himself with much pain. It is the “I” to the disciple. In some the “I” is thought of as even lower, in the personality, but this is the “I” which has to be reached at the beginning of the Path. It is finally transcended at the close of the Arhat stage of growth, at the real liberation. Up to that time it is diminishing and changing in character as the Arhat grows. It will ultimately be found to be a defective I”, not the real “I” at all, but at this stage of human evolution any attempt to describe its future condition would be misleading.

nhân, vì vậy nó phải tiêu tan. Đó là thứ mà mảnh vỡ thiêng liêng đã xây dựng cho chính mình với nhiều đau đớn. Đó là "Tôi" đối với đệ tử. Trong một số người, "Tôi" được nghĩ đến như thậm chí thấp hơn, trong phàm ngã, nhưng đây là "Tôi" phải được đạt đến ở đầu Con Đường. Nó cuối cùng được vượt qua ở cuối giai đoạn Arhat của sự phát triển, ở sự giải thoát thực sự. Đến thời điểm đó, nó đang giảm dần và thay đổi tính chất khi Arhat phát triển. Cuối cùng, nó sẽ được tìm thấy là một "Tôi" khiếm khuyết, không phải là "Tôi" thực sự, nhưng ở giai đoạn tiến hóa của con người này, bất kỳ nỗ lực nào để mô tả tình trạng tương lai của nó sẽ gây hiểu lầm.

The disciple rightly puts before himself, as his aim, the realization and purification of the individuality. It is a thing created for the use of its creator. Sometimes it is technically called a creature; then we hear of the man—the true man—meeting his creature. So also the individual, the creature, meets his own creator. This meeting occurs only in a high stage of evolution. When a man meets his creature be is perfect and transcends individuality.

Đệ tử đúng đắn đặt trước mình, như mục tiêu của mình, sự nhận thức và thanh lọc của cá nhân. Đó là thứ được tạo ra để sử dụng cho người tạo ra nó. Đôi khi nó được gọi kỹ thuật là một sinh vật; sau đó chúng ta nghe về con người—con người thực sự—gặp gỡ sinh vật của mình. Vì vậy, cũng có cá nhân, sinh vật, gặp gỡ người tạo ra của mình. Cuộc gặp gỡ này chỉ xảy ra ở một giai đoạn tiến hóa cao. Khi một người gặp gỡ sinh vật của mình, y hoàn hảo và vượt qua cá nhân.

The creation of the individuality takes place at a lower stage; the man is busy building it up for a very long time. The less evolved members of humanity are for a long period shut up in their lower vehicles—that is necessary for their progress, before the individual is fully built—so the causal body remains an unconscious shell for a long time, while activities are busy in, the personality. Think of the ages taken in building the physical vehicle; think of the rounds and the stages that the pitris went through on the moon chain before becoming fit to pass into human evolution. There is an immense

Sự tạo ra của cá nhân diễn ra ở một giai đoạn thấp hơn; con người bận rộn xây dựng nó trong một thời gian rất dài. Các thành viên ít tiến hóa của nhân loại bị giam cầm trong các hiện thể thấp hơn của họ trong một thời gian dài—điều đó cần thiết cho sự tiến bộ của họ, trước khi cá nhân được xây dựng hoàn chỉnh—vì vậy thể nguyên nhân vẫn là một vỏ bọc vô thức trong một thời gian dài, trong khi các hoạt động bận rộn trong phàm ngã. Hãy nghĩ về các thời đại đã mất trong việc xây dựng hiện thể vật lý; hãy nghĩ về các vòng và các giai đoạn mà các tổ phụ đã trải qua trên dãy mặt trăng trước khi trở nên phù hợp để tiến vào sự

[47] *Op. cit.,* II, 27

difference in the time that human beings take in building the individual, though all take long. The building goes on more rapidly in the higher stages under the inspiration of the more evolved ego than in the lower stages; when the intelligence reaches a high stage it is utilizing higher forces and learning not to waste them, and then the building goes on with immense rapidity. This gives us great encouragement; for in looking back to the moon chain and thinking of the time we have taken to advance, it would seem very long if it had to be repeated, but looking forward we see that progress may become almost incredibly swift.

tiến hóa của con người. Có một sự khác biệt lớn về thời gian mà con người mất trong việc xây dựng cá nhân, mặc dù tất cả đều mất thời gian dài. Việc xây dựng diễn ra nhanh hơn ở các giai đoạn cao hơn dưới sự cảm hứng của chân ngã tiến hóa hơn so với các giai đoạn thấp hơn; khi trí tuệ đạt đến một giai đoạn cao, nó đang sử dụng các lực lượng cao hơn và học cách không lãng phí chúng, và sau đó việc xây dựng diễn ra với tốc độ nhanh chóng. Điều này mang lại cho chúng ta sự khích lệ lớn; vì khi nhìn lại dãy mặt trăng và nghĩ về thời gian chúng ta đã mất để tiến bộ, nó sẽ có vẻ rất dài nếu phải lặp lại, nhưng khi nhìn về phía trước, chúng ta thấy rằng tiến bộ có thể trở nên gần như không thể tin được nhanh chóng.

The divine fragment can do nothing by itself; all its development must come by contact with outside forces, and through the vehicles —it cannot grow without them. As H.P.B. said, spirit is senseless on the lower planes. It cannot bring forth any power without a vehicle of expression on the plane in which it has to act. Further it can only have control of the vehicles when they are perfected. The work of bringing the vehicles to perfection develops the powers of the spirit to perfection, so the two developments go on together. And when that work is complete, spirit has in itself the power to disintegrate its individual vehicles the moment it leaves them, and to reintegrate them in a moment when it chooses to do so.

Mảnh vỡ thiêng liêng không thể làm gì một mình; tất cả sự phát triển của nó phải đến từ sự tiếp xúc với các lực lượng bên ngoài, và thông qua các hiện thể—nó không thể phát triển nếu không có chúng. Như H.P.B. đã nói, tinh thần là vô cảm trên các cõi thấp hơn. Nó không thể mang lại bất kỳ quyền năng nào nếu không có một hiện thể biểu hiện trên cõi mà nó phải hành động. Hơn nữa, nó chỉ có thể kiểm soát các hiện thể khi chúng được hoàn thiện. Công việc đưa các hiện thể đến sự hoàn thiện phát triển các quyền năng của tinh thần đến sự hoàn thiện, vì vậy hai sự phát triển diễn ra cùng nhau. Và khi công việc đó hoàn thành, tinh thần có trong chính nó quyền năng để phân rã các hiện thể cá nhân của nó ngay khi nó rời khỏi chúng, và để tái hợp chúng trong một khoảnh khắc khi nó chọn làm như vậy.

Think of the perfected Spiritual Beings. Only while they were evolving at and below our human stage were vehicles necessary for Their growth, but when such a one, having drawn all the experiences of that evolution into His essence, wishes to manifest, He can at any time create what He wants for manifestation, and after having utilized the

Hãy nghĩ về các Đấng Tinh Thần Hoàn Thiện. Chỉ khi các Ngài đang tiến hóa ở và dưới giai đoạn nhân loại của chúng ta thì các vận cụ mới cần thiết cho sự phát triển của các Ngài, nhưng khi một Đấng như vậy, đã thu thập tất cả những kinh nghiệm của sự tiến hóa đó vào bản chất của Ngài, muốn biểu hiện, Ngài có thể tạo ra bất cứ điều gì Ngài muốn để biểu hiện, và

forces of the plane, can withdraw the vehicle again. When speaking of the Planetary Spirits, H.P.B. mentions that They have come through humanity. They could not appear as helpers if They had not through the human stages drawn up into their essence the experience necessary. Thus Beings exist who may not be manifest, but who can manifest Themselves, by drawing from Their essence the experience They require and creating a vehicle in which to work.

sau khi đã sử dụng các mãnh lực của cõi, có thể rút lại vận cụ. Khi nói về các Đấng Tinh Thần Hành Tinh, H.P.B. đề cập rằng Các Ngài đã đi qua nhân loại. Các Ngài không thể xuất hiện như những người trợ giúp nếu Các Ngài không qua các giai đoạn nhân loại mà thu thập vào bản chất của mình những kinh nghiệm cần thiết. Do đó, có những Đấng tồn tại mà có thể không biểu hiện, nhưng có thể tự biểu hiện, bằng cách rút từ bản chất của Các Ngài những kinh nghiệm cần thiết và tạo ra một vận cụ để làm việc.

It is not difficult to understand how the vehicles are for their “own use”. As we advance we rise above the bondage of each vehicle manifesting outwardly, and learn to use it only for the higher work, without any consideration of self. Doing this as far’ as the physical body is concerned should be the disciple’s daily practice. The physical body must be mastered so that it cannot throw its own reflection upon you; it exists only for you to use, and you must learn to control it completely, so that it cannot compel you to attend to any experience that you do not want. It should be only an instrument for use; you are training it to hand on its experience to the ego. There will come a time when you no longer want to hand on any experience at all; then the “I” takes what it wants for its own purpose. This is a high condition to reach, for it is the stage of the Adept.

Không khó để hiểu cách các vận cụ là để "sử dụng riêng" của họ. Khi chúng ta tiến bộ, chúng ta vượt lên trên sự ràng buộc của mỗi vận cụ biểu hiện ra bên ngoài, và học cách sử dụng nó chỉ cho công việc cao hơn, mà không có bất kỳ sự cân nhắc nào về bản thân. Làm điều này đối với thể xác nên là thực hành hàng ngày của đệ tử. Thể xác phải được làm chủ để nó không thể phản chiếu lại bạn; nó chỉ tồn tại để bạn sử dụng, và bạn phải học cách kiểm soát nó hoàn toàn, để nó không thể buộc bạn phải chú ý đến bất kỳ kinh nghiệm nào mà bạn không muốn. Nó chỉ nên là một công cụ để sử dụng; bạn đang huấn luyện nó để truyền đạt kinh nghiệm của nó cho chân ngã. Sẽ đến lúc bạn không còn muốn truyền đạt bất kỳ kinh nghiệm nào nữa; khi đó "Tôi" lấy những gì nó muốn cho mục đích riêng của mình. Đây là một trạng thái cao để đạt được, vì đó là giai đoạn của Chân sư.

In *The Secret Doctrine* it is said that a Master’s body is illusory. That means only that the physical body cannot affect or disturb Him. The forces playing around cannot influence Him through it, except in so far as He allows them; they cannot throw Him off His centre. H.P.B. has also said that a Master’s physical body is a mere vehicle. It hands nothing on, but is simply a point of contact with the physical plane, a body kept as an instrument

Trong Giáo Lý Bí Nhiệm, có nói rằng thân thể của một Chân sư là ảo tưởng. Điều đó chỉ có nghĩa là thể xác không thể ảnh hưởng hoặc làm phiền Ngài. Các mãnh lực xung quanh không thể ảnh hưởng đến Ngài thông qua nó, trừ khi Ngài cho phép; chúng không thể làm Ngài mất trung tâm. H.P.B. cũng đã nói rằng thể xác của một Chân sư chỉ là một vận cụ. Nó không truyền đạt gì, mà chỉ là một điểm tiếp xúc với cõi hồng trần, một thân thể được giữ

needed for the work He does, and dropped when done with. The same thing is true of the astral and mental bodies. When the causal body becomes an instrument only, the individuality perishes, atma having acquired the power of manifesting its third aspect on the mental plane at will, and no longer needing a permanent vehicle thereon.

như một công cụ cần thiết cho công việc Ngài làm, và bỏ đi khi đã xong. Điều tương tự cũng đúng với thể cảm dục và thể trí. Khi thể nguyên nhân trở thành một công cụ duy nhất, cá nhân tính tiêu tan, atma đã có được khả năng biểu hiện khía cạnh thứ ba của nó trên cõi trí theo ý muốn, và không còn cần một vận cụ trường tồn ở đó.

C.W.L.—This statement seems at first sight to contradict some of the earlier ones. For example, we were told to kill out desire—to kill out various parts of ourselves. It is said in *The Voice of the Silence* that the pupil must learn to slay the lunar form[48] () at will—to get rid of his astral body. The words "at will" give us the key to the expression. We must not destroy the astral body, because if we did so we should become monsters, with great mental development but without any sympathy. Many people find emotion a great trouble to them because it overwhelms them, but they must try not to destroy it, but to purify and control it. It must be a force which we can use and not something which overwhelms us. We must not kill it out, because without it we could never understand emotion in others, and we could therefore never help people who are along that line; but it must be refined and all self must be weeded out from it.

C.W.L.—Lời tuyên bố này thoạt nhìn có vẻ mâu thuẫn với một số lời trước đó. Ví dụ, chúng ta được bảo phải tiêu diệt dục vọng—tiêu diệt các phần khác nhau của bản thân. Trong Tiếng Nói của Im Lặng có nói rằng học trò phải học cách tiêu diệt hình thức nguyệt tinh theo ý muốn—để loại bỏ thể cảm dục của mình. Các từ "theo ý muốn" cho chúng ta chìa khóa để hiểu. Chúng ta không được tiêu diệt thể cảm dục, vì nếu làm vậy chúng ta sẽ trở thành quái vật, với sự phát triển trí tuệ lớn nhưng không có sự đồng cảm. Nhiều người thấy cảm xúc là một rắc rối lớn đối với họ vì nó áp đảo họ, nhưng họ phải cố gắng không tiêu diệt nó, mà phải thanh lọc và kiểm soát nó. Nó phải là một mãnh lực mà chúng ta có thể sử dụng và không phải là thứ áp đảo chúng ta. Chúng ta không được tiêu diệt nó, vì nếu không có nó chúng ta không bao giờ có thể hiểu được cảm xúc ở người khác, và do đó không bao giờ có thể giúp đỡ những người đi theo con đường đó; nhưng nó phải được tinh lọc và tất cả cái tôi phải được loại bỏ khỏi nó.

In the same way the intellectual people must not destroy intellect, but must bridle it and guide it. It is quite true that intellect like devotion may run away with people. They do not always realize that; they say that the intellect in itself is a guarantee against anything extreme, but I am afraid it is not. Many people make a kind of god of intellect; they say: "Our reason is the only thing we

Tương tự, những người trí thức không được tiêu diệt trí tuệ, mà phải kiềm chế và hướng dẫn nó. Đúng là trí tuệ như lòng sùng mộ có thể cuốn đi con người. Họ không phải lúc nào cũng nhận ra điều đó; họ nói rằng trí tuệ tự nó là một đảm bảo chống lại bất cứ điều gì cực đoan, nhưng tôi e rằng không phải vậy. Nhiều người coi trí tuệ như một vị thần; họ nói: "Lý trí của chúng ta là thứ duy nhất chúng ta có để

[48] *Ante.,* Vol. I, Part I, Ch. 2: *Initiation and the approach thereto.* Vol. II, p, 128.

have to guide us and we must always follow that out to its logical conclusion." That would be quite true if all their premises were always right to begin with, but usually they are remarkably deficient. They are generally considering the physical side of the problem only and leaving out of account the far more important hidden side, and therefore their conclusions are inevitably wrong. As I said before, we must be balanced; we must learn to see all sides of a question, and we must endeavour to avoid developing any one quality, however good, to such excess that it is altogether out of proportion to all the other qualities, because often the most admirable quality may become dangerous if it is taken in that way apart from the whole. The man who possesses keen intellect is much to be congratulated because of that intellectual development, but all the more if he has that should he be careful that the other side, that of love and sympathy, is not neglected nor forgotten.

hướng dẫn và chúng ta phải luôn theo đuổi nó đến kết luận logic của nó." Điều đó sẽ hoàn toàn đúng nếu tất cả các tiền đề của họ luôn đúng từ đầu, nhưng thường thì chúng rất thiếu sót. Họ thường chỉ xem xét khía cạnh vật chất của vấn đề và bỏ qua khía cạnh ẩn giấu quan trọng hơn nhiều, và do đó kết luận của họ không thể tránh khỏi sai lầm. Như tôi đã nói trước đây, chúng ta phải cân bằng; chúng ta phải học cách nhìn thấy tất cả các mặt của một vấn đề, và chúng ta phải cố gắng tránh phát triển bất kỳ phẩm chất nào, dù tốt đến đâu, đến mức quá mức mà nó hoàn toàn không cân xứng với tất cả các phẩm chất khác, vì thường thì phẩm chất đáng ngưỡng mộ nhất có thể trở nên nguy hiểm nếu nó được tách ra khỏi tổng thể. Người sở hữu trí tuệ sắc bén rất đáng được chúc mừng vì sự phát triển trí tuệ đó, nhưng càng nhiều hơn nếu anh ta có điều đó thì anh ta càng phải cẩn thận để không bỏ qua hoặc quên đi khía cạnh khác, đó là tình thương và sự đồng cảm.

In exactly the same way those who possess the power of love and sympathy must see to it that they develop the intellectual side of their natures, so that they will not be led away by their sympathy into foolish action which will not help, but hinder. A person with the keenest sympathy but no knowledge is often perfectly helpless, just as many a man would be in the presence of some sad accident, lacking the knowledge which a doctor would have. Many people, though full of sympathy and anxious to help, do not know what to do, and the efforts which they make, if ignorant, may be just as likely to do harm as good. Very clearly, there is the need of knowledge as well as emotion.

Tương tự, những người có sức mạnh của tình thương và sự đồng cảm phải đảm bảo rằng họ phát triển khía cạnh trí tuệ của bản chất mình, để họ không bị cuốn đi bởi sự đồng cảm của mình vào những hành động dại dột không giúp ích mà còn cản trở. Một người có sự đồng cảm sâu sắc nhất nhưng không có kiến thức thường hoàn toàn bất lực, giống như nhiều người sẽ như vậy khi đối mặt với một tai nạn đau buồn, thiếu kiến thức mà một bác sĩ sẽ có. Nhiều người, dù đầy sự đồng cảm và mong muốn giúp đỡ, không biết phải làm gì, và những nỗ lực mà họ thực hiện, nếu thiếu hiểu biết, có thể gây hại nhiều như lợi. Rõ ràng, cần có kiến thức cũng như cảm xúc.

Emotion is the driving force in our natures. It is said in the old Indian books that the emotions are the horses, but the mind is the

Cảm xúc là mãnh lực thúc đẩy trong bản chất của chúng ta. Trong các sách cổ Ấn Độ có nói rằng cảm xúc là những con ngựa, nhưng trí

guide; the mind takes the reins; therefore we need to develop both. We must have our horses, because they are the means of progress, our storage of force; but we must also have reasonable guidance, or else they will run away with us. All that is perpetually inculcated in all occult study, yet it cannot be said too often, because people forget. There are always those who develop one side only and are sadly lacking in the other, and that is one of the ways in which even an advanced person may come to grief.

tuệ là người hướng dẫn; trí tuệ nắm giữ dây cương; do đó chúng ta cần phát triển cả hai. Chúng ta phải có những con ngựa của mình, vì chúng là phương tiện tiến bộ, kho lưu trữ mãnh lực của chúng ta; nhưng chúng ta cũng phải có sự hướng dẫn hợp lý, nếu không chúng sẽ cuốn đi chúng ta. Tất cả những điều đó được nhấn mạnh liên tục trong tất cả các nghiên cứu huyền bí, nhưng không thể nói quá nhiều lần, vì mọi người quên. Luôn có những người chỉ phát triển một mặt và thiếu hụt nghiêm trọng ở mặt khác, và đó là một trong những cách mà ngay cả một người tiến bộ cũng có thể gặp rắc rối.

Each man is to himself absolutely the way, the truth, and the life. But he is only so when he grasps his whole individuality firmly, and by the force of his awakened spiritual will, recognizes this individuality as not himself, but that thing which he has with pain created for his own use and by means of which he purposes, as his growth slowly develops his intelligence, to reach to the life beyond individuality. When he knows that for this his wonderful complex, separated life exists, then, indeed, and then only, he is upon the way.

Mỗi người là con đường, sự thật và sự sống tuyệt đối cho chính mình. Nhưng anh ta chỉ như vậy khi anh ta nắm bắt toàn bộ cá nhân tính của mình một cách chắc chắn, và bằng mãnh lực của ý chí tinh thần thức tỉnh của mình, nhận ra cá nhân tính này không phải là bản thân mình, mà là thứ mà anh ta đã tạo ra với đau đớn để sử dụng cho riêng mình và bằng cách đó anh ta dự định, khi sự phát triển của mình từ từ phát triển trí tuệ, để đạt đến sự sống vượt qua cá nhân tính. Khi anh ta biết rằng cuộc sống phức tạp, tách biệt này tồn tại vì điều này, thì, thực sự, và chỉ khi đó, anh ta mới đang trên con đường.

C.W.L.—The way—meaning the true spiritual life—can only be found after the experience of building up the individuality. The expression used here by the Venetian Master—that complex thing which man has built with much trouble and pain for his own use—is true of the individuality, and again, of each personality. The individuality itself is so built by the Monad; it builds in turn its various personalities, but all for the use of the higher, and for that alone; the mistake all men make

C.W.L.—Con đường—nghĩa là cuộc sống tinh thần chân chính—chỉ có thể được tìm thấy sau khi trải qua kinh nghiệm xây dựng cá nhân tính. Biểu hiện được sử dụng ở đây bởi Chân sư Venetian—thứ phức tạp mà con người đã xây dựng với nhiều khó khăn và đau đớn để sử dụng cho riêng mình—là đúng với cá nhân tính, và một lần nữa, với mỗi phàm ngã. Chính cá nhân tính được xây dựng bởi Chân thần; nó lần lượt xây dựng các phàm ngã khác nhau của mình, nhưng tất cả đều để sử dụng cho cái cao

is that of identifying themselves with the lower nature, and allowing it to delude them into supposing that it is the “I”, instead of which the “I” is in reality the Monad far behind, which is using all these vehicles.

hơn, và chỉ cho điều đó; sai lầm mà tất cả mọi người mắc phải là đồng hóa mình với bản chất thấp hơn, và để nó lừa dối họ cho rằng nó là "Tôi", thay vì "Tôi" thực sự là Chân thần ở xa phía sau, đang sử dụng tất cả các vận cụ này.

The whole evolution of man can be stated as a withdrawing into himself, but always bringing his sheaves with him, never returning empty-handed. This process of handing up the result of experience by the lower to the higher is going on at all levels all the time. There are many ways in which we are doing that in every-day life, only we do not think of it in that light. For example, we know how to read; we gained that power in this incarnation by passing very slowly through a long process of learning. Now we can take up a book and understand its meaning at once, without having to think of being able to read. We have forgotten the details of that experience, and it would be of no value to us to remember them. Some of us have learnt to read music, and can play it off at sight, but at first when we were learning we bad to look carefully at each note and then look down at the piano to find it. Now the fact that we had to pass through all that labour is forgotten. We do not need to remember all the separate music lessons in order to be able to play, which was the object of the whole process.

Toàn bộ sự tiến hóa của con người có thể được tuyên bố là một sự rút lui vào chính mình, nhưng luôn mang theo bó lúa của mình, không bao giờ trở về tay không. Quá trình này của việc truyền đạt kết quả của kinh nghiệm từ cái thấp hơn lên cái cao hơn đang diễn ra ở tất cả các cấp độ mọi lúc. Có nhiều cách mà chúng ta đang làm điều đó trong cuộc sống hàng ngày, chỉ là chúng ta không nghĩ về nó theo cách đó. Ví dụ, chúng ta biết cách đọc; chúng ta đã đạt được khả năng đó trong kiếp này bằng cách trải qua một quá trình học tập rất chậm. Bây giờ chúng ta có thể cầm một cuốn sách và hiểu ngay ý nghĩa của nó, mà không cần phải nghĩ về việc có thể đọc. Chúng ta đã quên đi chi tiết của kinh nghiệm đó, và việc nhớ lại chúng sẽ không có giá trị gì đối với chúng ta. Một số người trong chúng ta đã học cách đọc nhạc, và có thể chơi ngay khi nhìn thấy, nhưng lúc đầu khi chúng ta đang học, chúng ta phải nhìn kỹ từng nốt nhạc và sau đó nhìn xuống piano để tìm nó. Bây giờ thực tế là chúng ta đã phải trải qua tất cả công việc đó đã bị lãng quên. Chúng ta không cần phải nhớ tất cả các bài học nhạc riêng lẻ để có thể chơi, đó là mục tiêu của toàn bộ quá trình.

It is just the same with the memory of past lives. People who believe in reincarnation often have a sense of resentment at the back of their minds, because they do not remember that for which they are now suffering, even while they are ready to admit that it is the result of wrong doing in the past. That feeling is perhaps quite natural, but it really does not matter in the least; the soul does know, and has made a note of that which has brought the evil result, and will do all it can to influence

Điều đó cũng giống như với ký ức về các kiếp sống trước. Những người tin vào luân hồi thường có cảm giác bất mãn trong tâm trí, vì họ không nhớ được những gì mà họ đang chịu đựng bây giờ, ngay cả khi họ sẵn sàng thừa nhận rằng đó là kết quả của những hành động sai trái trong quá khứ. Cảm giác đó có lẽ là hoàn toàn tự nhiên, nhưng thực sự nó không quan trọng chút nào; linh hồn biết, và đã ghi chú lại những gì đã mang lại kết quả xấu, và sẽ làm tất cả những gì có thể để ảnh hưởng đến

the personality so as to prevent the same mistake from occurring again.

People think it would simplify their lives if the personality could remember all those past incarnations. In some ways it might, but I think that if in the personality we had the full remembrance of all our past lives before we had reached Adeptship, it would do more harm than good. In the first place, we have not the power to weigh all these things calmly. We should find it distinctly depressing to look back at the ghastly crimes we had committed in the past lives. I have long ago learnt how to look back at my own past lives, but it is by no means a pleasure to do so. There are certain beautiful actions, some fine incidents in the past lives of everyone, and one is able to look back with a certain degree of pleasure on those, but we have found that in looking back upon a past life the thing that immediately strikes one most forcibly is the number of opportunities which one did not see. Here, there, everywhere, we were surrounded by opportunities, and we cannot help feeling amazed that we took advantage of so few of them. It was not, usually, that we failed to take them because we did not want to do so; our intentions were good, though rather feebly good, perhaps, and if we had seen the opportunities we should have taken them. Now we look back and wonder at our own blindness. We say: “If only I had taken this or that course of action certain results would have followed, and by this time I might have reached Adeptship.” But we did not. When we rise to that level the power to look back will be useful to us, but with the amount of intellect and free-will we have now it would certainly not be an unmixed pleasure.

phàm ngã để ngăn chặn sai lầm tương tự xảy ra lần nữa.

Mọi người nghĩ rằng cuộc sống của họ sẽ đơn giản hơn nếu phàm ngã có thể nhớ tất cả các kiếp sống trước. Trong một số cách có thể, nhưng tôi nghĩ rằng nếu trong phàm ngã chúng ta có đầy đủ ký ức về tất cả các kiếp sống trước khi chúng ta đạt đến Địa vị Chân sư, nó sẽ gây hại nhiều hơn là lợi. Trước hết, chúng ta không có khả năng cân nhắc tất cả những điều này một cách bình tĩnh. Chúng ta sẽ thấy rõ ràng rằng việc nhìn lại những tội ác ghê tởm mà chúng ta đã phạm phải trong các kiếp sống trước là điều đáng sợ. Tôi đã từ lâu học cách nhìn lại các kiếp sống trước của mình, nhưng không phải lúc nào cũng là niềm vui để làm điều đó. Có những hành động đẹp đẽ, một số sự kiện tốt đẹp trong các kiếp sống trước của mọi người, và người ta có thể nhìn lại với một mức độ hài lòng nhất định về những điều đó, nhưng chúng tôi đã phát hiện ra rằng khi nhìn lại một kiếp sống trước, điều đầu tiên đập vào mắt một cách mạnh mẽ nhất là số lượng cơ hội mà người ta đã không thấy. Ở đây, đó, khắp nơi, chúng ta đã bị bao quanh bởi cơ hội, và chúng ta không thể không cảm thấy ngạc nhiên rằng chúng ta đã tận dụng rất ít trong số chúng. Thường thì không phải là chúng ta không tận dụng chúng vì chúng ta không muốn làm như vậy; ý định của chúng ta là tốt, mặc dù có thể hơi yếu ớt, và nếu chúng ta đã thấy cơ hội, chúng ta sẽ tận dụng chúng. Bây giờ chúng ta nhìn lại và tự hỏi về sự mù quáng của chính mình. Chúng ta nói: "Nếu chỉ tôi đã chọn hành động này hay hành động kia, những kết quả nhất định sẽ xảy ra, và đến thời điểm này tôi có thể đã đạt đến Địa vị Chân sư." Nhưng chúng ta đã không làm vậy. Khi chúng ta đạt đến cấp độ đó, khả năng nhìn lại sẽ hữu ích cho chúng ta, nhưng với lượng trí tuệ và ý chí tự do mà chúng ta có hiện nay, chắc chắn đó sẽ không phải là một niềm vui không pha trộn.

Let us consider the general principles involved. The whole of this scheme of which we are a part is intended to further the evolution of man, therefore there can be no doubt whatever that if it were best for him that a personality should remember all his past lives, most certainly that would have been so arranged. As that has not been done, we should at least have faith enough to see that it is best as it is. When a man has the power to look back he also gains with it a wider insight and a more balanced view of things, and by that time he is so imbued with the certainty of justice in the scheme that if he cannot see exactly how a result followed from its cause he will say: “Well, I do not see the reason for this, but I am sure I shall do so presently.” It would not occur to him to think that he had been unjustly treated. The person who is always talking of being unjustly treated and is perpetually accusing high heaven of neglecting him, does not understand the rudiments of the case. We know that the law is absolutely just—as just as the law of gravitation—but it does not follow that we can always tell exactly how it will work itself out.

Hãy xem xét các nguyên tắc chung liên quan. Toàn bộ kế hoạch mà chúng ta là một phần được thiết kế để thúc đẩy sự tiến hóa của con người, do đó không có nghi ngờ gì rằng nếu tốt nhất cho anh ta là phàm ngã nên nhớ tất cả các kiếp sống trước của mình, chắc chắn điều đó đã được sắp xếp như vậy. Vì điều đó chưa được thực hiện, chúng ta nên ít nhất có đủ niềm tin để thấy rằng nó tốt nhất như hiện tại. Khi một người có khả năng nhìn lại, anh ta cũng đạt được với nó một cái nhìn sâu rộng hơn và một cái nhìn cân bằng hơn về mọi thứ, và vào thời điểm đó anh ta đã thấm nhuần sự chắc chắn về công lý trong kế hoạch đến mức nếu anh ta không thể thấy chính xác cách một kết quả theo sau từ nguyên nhân của nó, anh ta sẽ nói: "Chà, tôi không thấy lý do cho điều này, nhưng tôi chắc chắn tôi sẽ thấy ngay." Anh ta sẽ không nghĩ rằng mình đã bị đối xử bất công. Người luôn nói về việc bị đối xử bất công và liên tục buộc tội trời cao bỏ rơi mình, không hiểu những điều cơ bản của vấn đề. Chúng ta biết rằng luật pháp là hoàn toàn công bằng—công bằng như luật hấp dẫn—nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta luôn có thể biết chính xác cách nó sẽ tự thực hiện.

As I have said, the ego makes a note of that which produces evil results. Warned by past experience, he tries to influence the personality before it becomes so strong, so definite and decided that it will not be guided by the vaguer touch from the ego behind. It distinctly thinks that it knows best along its own line. Very often it declines to be helped from above, and so the ego cannot influence it to the full extent that he would like. But he tries to gain control, and as we go on we shall feel this higher self more and more endeavouring to take the reins. If we will identify ourselves with him, we shall find that then he can do Very much more for us. His chief difficulty is the fact that the average

Như tôi đã nói, chân ngã ghi chú lại những gì gây ra kết quả xấu. Được cảnh báo bởi kinh nghiệm quá khứ, nó cố gắng ảnh hưởng đến phàm ngã trước khi nó trở nên mạnh mẽ, rõ ràng và quyết đoán đến mức nó sẽ không được hướng dẫn bởi sự chạm nhẹ từ chân ngã phía sau. Nó rõ ràng nghĩ rằng nó biết rõ nhất theo cách của riêng mình. Rất thường xuyên nó từ chối được giúp đỡ từ trên cao, và do đó chân ngã không thể ảnh hưởng đến nó đến mức mà nó muốn. Nhưng nó cố gắng giành quyền kiểm soát, và khi chúng ta tiếp tục, chúng ta sẽ cảm thấy cái tôi cao hơn này ngày càng cố gắng nắm giữ dây cương. Nếu chúng ta đồng hóa mình với nó, chúng ta sẽ thấy rằng khi đó nó có thể làm được nhiều hơn cho chúng ta. Khó

personality identifies itself with the lower vehicles and rather resents his interference, but if it can be persuaded to identify itself with him, then at once the whole difficulty is very much lessened.

khăn chính của nó là thực tế rằng phàm ngã trung bình đồng hóa mình với các vận cụ thấp hơn và khá phản đối sự can thiệp của nó, nhưng nếu nó có thể được thuyết phục để đồng hóa mình với nó, thì ngay lập tức toàn bộ khó khăn sẽ giảm đi rất nhiều.

When in addition to this there is complete control of the astral and mental bodies, progress may be swift indeed. Normally, when the ego wants to deal with one thing through his lower vehicles they persist in bringing in a hundred others, in sending in reports which are not asked for and not desired by the ego. Control of the mind has to be gained so that it will report to the ego only what he wants to know. Then, when the ego turns some problem over to his mind, and says: “Think that out and give me the information I want,” the controlled mind obeys perfectly, whereas under similar circumstances the average mind reports a hundred things which are useless to the ego, because all sorts of wandering thoughts break in and assert themselves.

Khi ngoài điều này có sự kiểm soát hoàn toàn của thể cảm dục và thể trí, tiến bộ có thể thực sự nhanh chóng. Thông thường, khi chân ngã muốn xử lý một điều gì đó thông qua các vận cụ thấp hơn của mình, chúng kiên trì đưa vào hàng trăm thứ khác, gửi các báo cáo không được yêu cầu và không được chân ngã mong muốn. Phải đạt được sự kiểm soát của trí tuệ để nó chỉ báo cáo cho chân ngã những gì nó muốn biết. Sau đó, khi chân ngã chuyển một vấn đề nào đó cho trí tuệ của mình, và nói: "Hãy suy nghĩ điều đó và cho tôi thông tin tôi muốn," trí tuệ được kiểm soát tuân theo hoàn hảo, trong khi trong hoàn cảnh tương tự, trí tuệ trung bình báo cáo hàng trăm thứ vô ích cho chân ngã, vì tất cả các loại suy nghĩ lang thang xen vào và khẳng định mình.

The system of yielding up the results of the lower work, but not the detailed experience, is going on all the time until we attain Adeptship. As the ego develops, the first decided change that the man makes is to draw up the intellect, the manas, to the buddhic level; he still remains triple, but instead, of being on the three planes he is now on two, with atma developed on its own plane, buddhi on its own plane, and manas level with buddhi, drawn up into the intuition. Then he discards the causal body because he has no further need of it. When he wishes to come down and manifest on the mental plane again he has to make a new causal body, but otherwise he does not need one.

Hệ thống nhượng lại kết quả của công việc thấp hơn, nhưng không phải là kinh nghiệm chi tiết, đang diễn ra mọi lúc cho đến khi chúng ta đạt đến Địa vị Chân sư. Khi chân ngã phát triển, sự thay đổi quyết định đầu tiên mà con người thực hiện là nâng cao trí tuệ, manas, lên cấp độ bồ đề; anh ta vẫn còn là tam phân, nhưng thay vì ở trên ba cõi, anh ta bây giờ ở trên hai, với atma phát triển trên cõi của nó, bồ đề trên cõi của nó, và manas ngang với bồ đề, được nâng lên thành trực giác. Sau đó, anh ta loại bỏ thể nguyên nhân vì anh ta không cần nó nữa. Khi anh ta muốn xuống và biểu hiện trên cõi trí một lần nữa, anh ta phải tạo ra một thể nguyên nhân mới, nhưng ngoài ra anh ta không cần một cái.

Much in the same way those two

Tương tự, hai biểu hiện trên cõi bồ đề—bồ đề

manifestations on the buddhic plane—the buddhi and the glorified intellect which is intuition—will be drawn up presently into the nirvanic or atmic plane, and the triple spirit on that plane will be fully vivified. Then the three manifestations will converge into one. That is a power within the reach of the Adept, because He unifies the Monad and the ego, just as the disciple is trying to unite the ego with the personality.

và trí tuệ được tôn vinh là trực giác—sẽ được nâng lên cõi niết bàn hoặc atmic, và tinh thần tam phân trên cõi đó sẽ được sống động hoàn toàn. Sau đó, ba biểu hiện sẽ hội tụ thành một. Đó là một sức mạnh trong tầm tay của Chân sư, vì Ngài hợp nhất Chân thần và chân ngã, giống như đệ tử đang cố gắng hợp nhất chân ngã với phàm ngã.

This drawing up of the higher manas from the causal body, so that it is on the buddhic plane side by side with the buddhi, is the aspect or condition of the ego which Madame Blavatsky called the spiritual ego. It is difficult to work out the comparisons in detail with the state through which the Christian mystics described themselves as having passed, because they approach it from so different a point of view, but that condition seems to correspond with what they used to call ‘ spiritual illumination”—that is, the state of the Arhat. It is the unfolding of the Christ principle. We speak of the birth of the Christ principle when there is the first stirring of the buddhic consciousness in the man, but when it is said the Christ is fully unfolded within him, I think it must mean this state.

Việc nâng cao manas cao hơn từ thể nguyên nhân, để nó ở trên cõi bồ đề bên cạnh bồ đề, là khía cạnh hoặc trạng thái của chân ngã mà Madame Blavatsky gọi là chân ngã tinh thần. Rất khó để làm rõ các so sánh chi tiết với trạng thái mà các nhà thần bí Kitô giáo mô tả mình đã trải qua, vì họ tiếp cận nó từ một góc nhìn rất khác, nhưng trạng thái đó dường như tương ứng với những gì họ từng gọi là "sự soi sáng tinh thần"—đó là trạng thái của Arhat. Đó là sự khai mở của nguyên lý Christ. Chúng ta nói về sự ra đời của nguyên lý Christ khi có sự khuấy động đầu tiên của tâm thức bồ đề trong con người, nhưng khi nói rằng Christ được khai mở hoàn toàn trong anh ta, tôi nghĩ rằng nó phải có nghĩa là trạng thái này.

When people once reach some of these higher levels the rate of their progress is very greatly increased. I remember once being asked in India whether a man’s progress on the Path might be measured by arithmetical progression. I replied: “I think when once progress is definitely started it is very much more like geometrical progression.” That was rather doubted. The Indians seemed to feel that that was an extreme statement, so I asked the Master Kuthumi whether geometrical progression would be a fair statement of the progress of one who had entered upon the Path. “No,” He said, “that would not be a fair

Khi mọi người một khi đạt đến một số cấp độ cao hơn này, tốc độ tiến bộ của họ tăng lên rất nhiều. Tôi nhớ một lần được hỏi ở Ấn Độ liệu tiến bộ của một người trên Đạo có thể được đo bằng cấp số cộng hay không. Tôi trả lời: "Tôi nghĩ khi một khi tiến bộ được bắt đầu rõ ràng, nó giống như cấp số nhân hơn nhiều." Điều đó đã bị nghi ngờ. Người Ấn Độ dường như cảm thấy rằng đó là một tuyên bố cực đoan, vì vậy tôi đã hỏi Chân sư Kuthumi liệu cấp số nhân có phải là một tuyên bố công bằng về tiến bộ của một người đã bước vào Đạo hay không. "Không," Ngài nói, "đó sẽ không phải là một tuyên bố công bằng. Khi một người bước vào

statement. When once a person enters upon the Path, if he converges all his energies upon it, his progress will be neither by arithmetical nor geometrical progression, but by powers." So it would not be in the ratio 2, 4, 8, 16, etc., but as 2, 4, 16, 256, etc. That throws a very different light on the matter, and we begin to see that what is before us is not so impossible and not so wearisome as it sometimes seems. We have taken all these thousands of years to reach our present stage, and it does not seem a great achievement when we consider the time spent upon it. If our future evolution were to be equally slow the mind would fall back appalled before the contemplation of the aeons needed for us to reach the goal. It is encouraging to think that when we definitely begin to tread the Path we make progress with very great rapidity indeed.

Đạo, nếu anh ta tập trung tất cả năng lượng của mình vào đó, tiến bộ của anh ta sẽ không phải bằng cấp số cộng hay cấp số nhân, mà bằng lũy thừa." Vì vậy, nó sẽ không theo tỷ lệ 2, 4, 8, 16, v.v., mà là 2, 4, 16, 256, v.v. Điều đó mang lại một ánh sáng rất khác cho vấn đề, và chúng ta bắt đầu thấy rằng những gì trước mắt chúng ta không phải là không thể và không mệt mỏi như đôi khi nó có vẻ. Chúng ta đã mất hàng ngàn năm để đạt đến giai đoạn hiện tại của mình, và nó không có vẻ là một thành tựu lớn khi chúng ta xem xét thời gian đã dành cho nó. Nếu sự tiến hóa trong tương lai của chúng ta cũng chậm như vậy, tâm trí sẽ rút lui kinh hoàng trước sự chiêm ngưỡng của những kỷ nguyên cần thiết để chúng ta đạt đến mục tiêu. Thật khích lệ khi nghĩ rằng khi chúng ta bắt đầu đi trên Đạo, chúng ta tiến bộ với tốc độ rất nhanh.

I suppose that the average good person is devoting a hundredth part of his mind to making himself a little better. Many people are not doing even that. We who are studying and trying to live by the principles of occultism have gone further, and are beginning to devote a reasonable part of our time to it. When once the stage is reached where all our force and thought is concentrated upon this great task we shall go ahead by leaps and bounds; however backward we are now, when we can devote all our powers to the work to be done we shall be able to do it much more perfectly than now seems at all possible.

Tôi cho rằng người tốt trung bình đang dành một phần trăm tâm trí của mình để làm cho bản thân tốt hơn một chút. Nhiều người thậm chí không làm được điều đó. Chúng ta, những người đang nghiên cứu và cố gắng sống theo các nguyên tắc của huyền bí học, đã tiến xa hơn, và đang bắt đầu dành một phần hợp lý thời gian của mình cho nó. Khi một khi giai đoạn được đạt đến mà tất cả sức mạnh và suy nghĩ của chúng ta tập trung vào nhiệm vụ lớn lao này, chúng ta sẽ tiến lên bằng những bước nhảy vọt; dù chúng ta có lùi lại đến đâu, khi chúng ta có thể dành tất cả sức mạnh của mình cho công việc cần làm, chúng ta sẽ có thể làm điều đó hoàn hảo hơn nhiều so với bây giờ có vẻ có thể.

Seek it by plunging into the mysterious and glorious depths of your own inmost being. Seek it by testing all experience, by utilizing the senses in order to understand the growth and meaning of individuality, and the beauty and

Tìm kiếm nó bằng cách đắm mình vào những chiều sâu huyền bí và vinh quang của bản thể sâu thẳm nhất của bạn. Tìm kiếm nó bằng cách thử nghiệm mọi trải nghiệm, bằng cách sử dụng các giác quan để hiểu sự phát triển và ý nghĩa của cá

obscurity of those other divine fragments which are struggling side by side with you, and form the race to which you belong. Seek it by study of the laws of being, the laws of nature, the laws of the supernatural; and seek it by making the profound obeisance of the soul to the dim star that burns within. Steadily, as you watch and worship, its light will grow stronger. Then you may know you have found the beginning of the way. And when you have found the end its light will suddenly become the infinite light.

nhân, và vẻ đẹp cũng như sự mờ mịt của những mảnh vỡ thiêng liêng khác đang đấu tranh bên cạnh bạn, và hình thành nên nhân loại mà bạn thuộc về. Tìm kiếm nó bằng cách nghiên cứu các định luật của sự tồn tại, các định luật của tự nhiên, các định luật của siêu nhiên; và tìm kiếm nó bằng cách thực hiện sự cúi đầu sâu sắc của linh hồn trước ngôi sao mờ nhạt đang cháy bên trong. Kiên định, khi bạn quan sát và tôn thờ, ánh sáng của nó sẽ trở nên mạnh mẽ hơn. Sau đó, bạn có thể biết rằng bạn đã tìm thấy khởi đầu của con đường. Và khi bạn đã tìm thấy kết thúc, ánh sáng của nó sẽ đột ngột trở thành ánh sáng vô hạn.

A.B.—In this comment we again consider the triple method of seeking the way.

A.B.—Trong bình luận này, chúng ta lại xem xét phương pháp ba phần để tìm kiếm con đường.

A division may be made for purposes of classification, by taking the laws of nature as covering the world of phenomena, the world of observation, the laws of super-nature as those of the higher manas and buddhi, and the laws of being as those of the real existence of nirvana. By the laws of nature we then mean the laws which work on the physical and astral planes and the rupa sub-planes of manas.

Một sự phân chia có thể được thực hiện cho mục đích phân loại, bằng cách lấy các định luật của tự nhiên bao phủ thế giới hiện tượng, thế giới quan sát, các định luật của siêu nhiên là những định luật của hạ trí và bồ đề, và các định luật của sự tồn tại là những định luật của sự tồn tại thực sự của niết bàn. Bằng các định luật của tự nhiên, chúng ta có nghĩa là các định luật hoạt động trên các cõi hồng trần và cảm dục và các cõi phụ rupa của manas.

The laws that are above these, but below those of “being”, may be called the laws of supernature. This includes both the arupa planes of manas and the buddhic plane. That is the region where life expresses itself more than form, where matter is subordinated to life, altering at every moment. There is nothing there to represent a definitely outlined entity. The entity changes form with every change of thought; matter is an instrument of his life and is no expression of

Các định luật nằm trên những điều này, nhưng dưới những định luật của "sự tồn tại", có thể được gọi là các định luật của siêu nhiên. Điều này bao gồm cả các cõi arupa của manas và cõi bồ đề. Đó là vùng mà sự sống thể hiện nhiều hơn hình tướng, nơi mà vật chất bị phụ thuộc vào sự sống, thay đổi từng khoảnh khắc. Không có gì ở đó để đại diện cho một thực thể được phác thảo rõ ràng. Thực thể thay đổi hình dạng với mỗi thay đổi của tư tưởng; vật chất là công cụ của sự sống của y và không

himself; the form is made momentarily—it changes with every change of his life. This is true on the arupa plane of manas, and also in a subtle way on the buddhic plane. It is true also of the spiritual ego, which is buddhi plus the manasic aspect of the One, which was drawn up into buddhi when the causal vehicle was cast aside. That state is called by Christian mystics that of spiritual illumination; it is the stage of the Arhat, of the Christ in man.

phải là biểu hiện của chính y; hình tướng được tạo ra tạm thời—nó thay đổi với mỗi thay đổi của sự sống của y. Điều này đúng trên cõi arupa của manas, và cũng theo một cách tinh tế trên cõi bồ đề. Nó cũng đúng với chân ngã tinh thần, vốn là bồ đề cộng với phương diện manasic của Đấng Duy Nhất, vốn được nâng lên thành bồ đề khi thể nguyên nhân bị loại bỏ. Trạng thái đó được các nhà thần bí học Cơ Đốc gọi là sự soi sáng tinh thần; đó là giai đoạn của Arhat, của Đức Christ trong con người.

The word supernatural is commonly used to cover anything that cannot be explained by the common experience of the- world. Anything that appears irregular or out of accord with the laws of nature has been so ticketed, much to the confusion of thoughtful people. There is a wide-spread revolt in the world against all that is called supernatural; people feel that there cannot be anything supernatural, because there is no irregularity or disorder in nature, no region where law does not exist. The law is working everywhere and it is one. “As above, so below” is the universal truth. One nature is expressing itself in different ways, but is itself the same always. But when we come to what is here called supernatural, we arrive at a state beyond all that can be touched by the senses—even using the term in its fullest meaning. We pass altogether beyond everything which is phenomenal, into the spiritual worlds themselves.

Từ siêu nhiên thường được sử dụng để bao phủ bất cứ điều gì không thể giải thích bằng kinh nghiệm thông thường của thế giới. Bất cứ điều gì có vẻ không đều đặn hoặc không phù hợp với các định luật của tự nhiên đã được gán nhãn như vậy, gây nhiều nhầm lẫn cho những người suy nghĩ. Có một cuộc nổi dậy rộng rãi trên thế giới chống lại tất cả những gì được gọi là siêu nhiên; mọi người cảm thấy rằng không thể có bất cứ điều gì siêu nhiên, vì không có sự không đều đặn hay rối loạn trong tự nhiên, không có vùng nào mà luật không tồn tại. Luật đang hoạt động ở khắp mọi nơi và nó là một. "Trên sao, dưới vậy" là chân lý phổ quát. Một tự nhiên đang thể hiện chính mình theo những cách khác nhau, nhưng bản thân nó luôn luôn giống nhau. Nhưng khi chúng ta đến với những gì ở đây được gọi là siêu nhiên, chúng ta đạt đến một trạng thái vượt ra ngoài tất cả những gì có thể được chạm tới bởi các giác quan—ngay cả khi sử dụng thuật ngữ này theo nghĩa đầy đủ nhất của nó. Chúng ta hoàn toàn vượt qua mọi thứ hiện tượng, vào chính các thế giới tinh thần.

The plane of atma, beyond that, is nirvana, the region of being, where all is reality, where true consciousness resides. We are to seek this way by study of our inmost being. Not until we can reach the nirvanic plane in higher meditation can we get a touch of true atmic consciousness; but it may be sought for. We

Cõi atma, vượt ra ngoài đó, là niết bàn, vùng của sự tồn tại, nơi mà tất cả đều là thực tại, nơi mà tâm thức thực sự cư trú. Chúng ta phải tìm kiếm con đường này bằng cách nghiên cứu bản thể sâu thẳm nhất của chúng ta. Chỉ khi chúng ta có thể đạt đến cõi niết bàn trong thiền định cao hơn, chúng ta mới có thể chạm

begin to search for it by trying to realize its existence. Think of it as in a region where all is reality, where all limitations have vanished, where unity is recognized. In meditation try to imagine it, try to figure it to yourself. You can only do so by a series of negatives. You think: “Is it phenomenal? It is not so. Is it intellectual? It is not so.” You seek it by eliminating what it is not. You then say: “It is not a thing that the senses can perceive; it is not what the intelligence can imagine; it is not found even by the illuminated intelligence, with its vast extent,” and so on.

tới tâm thức atmic thực sự; nhưng nó có thể được tìm kiếm. Chúng ta bắt đầu tìm kiếm nó bằng cách cố gắng nhận ra sự tồn tại của nó. Hãy nghĩ về nó như ở một vùng mà tất cả đều là thực tại, nơi mà mọi giới hạn đã biến mất, nơi mà sự hợp nhất được công nhận. Trong thiền định, hãy cố gắng hình dung nó, cố gắng hình dung nó cho chính bạn. Bạn chỉ có thể làm điều đó bằng một loạt các phủ định. Bạn nghĩ: "Nó có phải là hiện tượng không? Không phải vậy. Nó có phải là trí tuệ không? Không phải vậy." Bạn tìm kiếm nó bằng cách loại bỏ những gì nó không phải là. Sau đó, bạn nói: "Nó không phải là thứ mà các giác quan có thể nhận thức; nó không phải là những gì trí tuệ có thể hình dung; nó không được tìm thấy ngay cả bởi trí tuệ soi sáng, với phạm vi rộng lớn của nó," và cứ thế.

It may be asked: “Why seek it by what it is not, if you can have a touch of atmic consciousness?” Frankly speaking, it is not atmic consciousness you get in the brain, but a little vibration from the manasic aspect of atma differing from any other vibration in the manasic consciousness. Vibrations started on higher planes are different from those that begin on the manasic plane. When a person attains to the highest stage of the Path proper —the fourth or Arhat Path—then, in meditation out of the body, he can pass into samadhi and reach the atmic consciousness in nirvana.

Có thể có người hỏi: "Tại sao tìm kiếm nó bằng những gì nó không phải là, nếu bạn có thể có một chút chạm tới tâm thức atmic?" Thẳng thắn mà nói, đó không phải là tâm thức atmic mà bạn nhận được trong bộ não, mà là một chút rung động từ phương diện manasic của atma khác biệt với bất kỳ rung động nào khác trong tâm thức manasic. Những rung động bắt đầu trên các cõi cao hơn khác với những rung động bắt đầu trên cõi manasic. Khi một người đạt đến giai đoạn cao nhất của Thánh Đạo thực sự—Con Đường Arhat thứ tư—thì, trong thiền định ngoài thân xác, y có thể đi vào samadhi và đạt đến tâm thức atmic trong niết bàn.

C.W.L.—This twofold triple division, of the methods by which we are to seek the way and the laws which correspond with those methods, is illuminating and without a doubt intentional. Plunging into the depths of one’s inmost being leads to the study of the laws of being—the laws of that plane which lies beyond all that is manifestation for us, that is to say, nirvana. The higher planes are, of

C.W.L.—Sự phân chia ba phần hai lần này, của các phương pháp mà chúng ta phải tìm kiếm con đường và các định luật tương ứng với những phương pháp đó, là sự soi sáng và không nghi ngờ gì là có chủ ý. Đắm mình vào chiều sâu của bản thể sâu thẳm nhất của một người dẫn đến việc nghiên cứu các định luật của sự tồn tại—các định luật của cõi nằm ngoài tất cả những gì là biểu hiện đối với chúng ta,

course, still planes of manifestation, and even what lies beyond them is not really unmanifested, but it is so to us, at our present stage. Only by study of the laws of being shall we be able to fulfil the real purpose of plunging into the depths of our inmost being, which is to “make obeisance to the dim star which burns within”. Clearly that is a very high stage in development—when we look for the atma and follow only that.

tức là niết bàn. Các cõi cao hơn, tất nhiên, vẫn là các cõi của biểu hiện, và ngay cả những gì nằm ngoài chúng cũng không thực sự không biểu hiện, nhưng nó là như vậy đối với chúng ta, ở giai đoạn hiện tại của chúng ta. Chỉ bằng cách nghiên cứu các định luật của sự tồn tại, chúng ta mới có thể thực hiện được mục đích thực sự của việc đắm mình vào chiều sâu của bản thể sâu thẳm nhất của chúng ta, đó là "thực hiện sự cúi đầu trước ngôi sao mờ nhạt đang cháy bên trong". Rõ ràng đó là một giai đoạn rất cao trong sự phát triển—khi chúng ta tìm kiếm atma và chỉ theo đuổi điều đó.

The testing of all experience corresponds with the study of the laws of nature, that is to say, the laws of the phenomenal world, those which work on the physical, astral and mental planes into which the personality plunges. Then we are to learn to understand the individuality by the study of the laws of the supernatural, by which evidently are meant the laws of those worlds in which the ego, as such, moves, that is to say, the laws of the buddhic plane and the higher part of the mental plane. Of course there is nothing supernatural, but that word is used here evidently in a somewhat technical sense. Through all the planes it is the one Life which expresses itself in different ways, and there is no break of natural law and order in the whole scheme; only when we come to a region beyond anything that any of our physical, astral or mental senses can touch, are we reaching up into something beyond the nature which most of us know, where other and wider laws operate. I think it is in that sense that the Chohan uses this word “supernatural”. Beyond the sphere of these senses we pass into a region above the phenomenal, to what the Greeks called the noumenal world, which is the source and cause of the phenomenal worlds. So the meaning of this passage appears to be that

Việc thử nghiệm mọi trải nghiệm tương ứng với việc nghiên cứu các định luật của tự nhiên, tức là các định luật của thế giới hiện tượng, những định luật hoạt động trên các cõi hồng trần, cảm dục và trí tuệ mà phàm ngã đắm mình vào. Sau đó, chúng ta phải học cách hiểu cá nhân bằng cách nghiên cứu các định luật của siêu nhiên, mà rõ ràng là các định luật của những thế giới mà chân ngã, như vậy, di chuyển, tức là các định luật của cõi bồ đề và phần cao hơn của cõi trí tuệ. Tất nhiên không có gì là siêu nhiên, nhưng từ đó được sử dụng ở đây rõ ràng theo một nghĩa kỹ thuật nào đó. Qua tất cả các cõi, đó là một Sự sống thể hiện chính mình theo những cách khác nhau, và không có sự gián đoạn của luật tự nhiên và trật tự trong toàn bộ kế hoạch; chỉ khi chúng ta đến một vùng vượt ra ngoài bất cứ điều gì mà bất kỳ giác quan hồng trần, cảm dục hay trí tuệ nào của chúng ta có thể chạm tới, chúng ta mới đang vươn lên vào một điều gì đó vượt ra ngoài tự nhiên mà hầu hết chúng ta biết, nơi mà các định luật khác và rộng hơn hoạt động. Tôi nghĩ rằng đó là theo nghĩa đó mà Đức Đế Quân sử dụng từ "siêu nhiên" này. Vượt ra ngoài phạm vi của những giác quan này, chúng ta đi vào một vùng trên hiện tượng, đến những gì người Hy Lạp gọi là thế giới noumenal, vốn là nguồn gốc và nguyên nhân của các thế giới hiện tượng. Vì vậy, ý nghĩa của đoạn này

when we thoroughly understand the personality we shall have grasped “the laws of nature”; when we are seeking to understand the individuality, we shall be dealing with the “laws of the supernatural”, and when, beyond that, we try to realize the atma, we shall be studying the “laws of being”.

dường như là khi chúng ta hiểu thấu phàm ngã, chúng ta sẽ nắm bắt được "các định luật của tự nhiên"; khi chúng ta đang tìm cách hiểu cá nhân, chúng ta sẽ đang xử lý "các định luật của siêu nhiên", và khi, vượt ra ngoài điều đó, chúng ta cố gắng nhận ra atma, chúng ta sẽ đang nghiên cứu "các định luật của sự tồn tại".

The differences at these levels are sufficiently great to warrant such a classification. On the physical plane everything depends very much upon its form, and that is also true in the astral and lower mental worlds. At the level of the causal body, though it is not quite true that we are without form, at least the forms are different and more direct. The thought of the causal body is like a flash of lightning darting directly to its object; instead of making a definite separated form, it is simply an out-rush, straight ‘to the object, of the impulse which the thought has given.

Sự khác biệt ở những cấp độ này đủ lớn để đảm bảo một sự phân loại như vậy. Trên cõi hồng trần, mọi thứ phụ thuộc rất nhiều vào hình tướng của nó, và điều đó cũng đúng trong các thế giới cảm dục và trí tuệ thấp hơn. Ở cấp độ của thể nguyên nhân, mặc dù không hoàn toàn đúng rằng chúng ta không có hình tướng, ít nhất các hình tướng là khác nhau và trực tiếp hơn. Tư tưởng của thể nguyên nhân giống như một tia chớp lao thẳng đến đối tượng của nó; thay vì tạo ra một hình tướng tách biệt rõ ràng, nó chỉ đơn giản là một sự tuôn trào, thẳng đến đối tượng, của xung lực mà tư tưởng đã tạo ra.

When we rise above that to the buddhic we reach a condition which, as I have explained before, can hardly be described in words. There the thought of each person is a pulsation of the whole plane, so that every person at that level enfolds within himself the thought of all the others and can learn from it and can experience through it, as it were. One cannot hope to make it very clear; one can only suggest.

Khi chúng ta vươn lên trên điều đó đến bồ đề, chúng ta đạt đến một trạng thái mà, như tôi đã giải thích trước đây, khó có thể được mô tả bằng lời. Ở đó, tư tưởng của mỗi người là một sự rung động của toàn bộ cõi, để mỗi người ở cấp độ đó bao bọc trong chính mình tư tưởng của tất cả những người khác và có thể học hỏi từ nó và có thể trải nghiệm thông qua nó, như thể. Người ta không thể hy vọng làm cho nó rất rõ ràng; người ta chỉ có thể gợi ý.

It is well for us to try to understand those higher states. Almost the only way in which we can do this is by the method adopted in the Hindu books, which is always a negation. They do not describe a state of consciousness; they gradually eliminate all the things that it is not. After doing that, if we can manage to retain a sort of sublimated essence of the thought of the thing, we are coming a little nearer to what it really is. The followers of the

Điều tốt cho chúng ta là cố gắng hiểu những trạng thái cao hơn đó. Gần như cách duy nhất mà chúng ta có thể làm điều này là bằng phương pháp được áp dụng trong các sách Hindu, vốn luôn là một sự phủ định. Họ không mô tả một trạng thái tâm thức; họ dần dần loại bỏ tất cả những thứ mà nó không phải là. Sau khi làm điều đó, nếu chúng ta có thể quản lý để giữ lại một loại tinh hoa tinh tế của tư tưởng về điều đó, chúng ta đang tiến gần hơn một chút

Buddha often asked: “What is nirvana?”, or sometimes they would say: “Is nirvana, or is it not?”—that is to say, has it an existence, or has it not? The Buddha on one occasion answered: “Nirvana is; beyond a doubt it exists, and yet if you ask me if it is, I can only say that it is neither a state of being nor of not-being in the sense in which you understand those words.” Perhaps even He could not make it clear to us at our level. In our own far smaller way we have the same kind of experience. I can bear witness that when one develops the buddhic consciousness and uses it, much which we now cannot make clear becomes absolutely plain; but the moment one drops back from that condition of consciousness one can no longer express that which one has understood. That it is not readily to be expressed is shown by the fact that the Buddha Himself, so very much greater, was yet unable to put it into words to be understood down here, except by negatives.

đến những gì nó thực sự là. Những người theo Đức Phật thường hỏi: "Niết bàn là gì?", hoặc đôi khi họ sẽ nói: "Niết bàn có tồn tại hay không?"—tức là, nó có tồn tại hay không? Đức Phật vào một dịp đã trả lời: "Niết bàn là; không nghi ngờ gì nó tồn tại, và tuy nhiên nếu bạn hỏi tôi nếu nó là, tôi chỉ có thể nói rằng nó không phải là một trạng thái của sự tồn tại cũng không phải là không tồn tại theo nghĩa mà bạn hiểu những từ đó." Có lẽ ngay cả Ngài cũng không thể làm cho nó rõ ràng với chúng ta ở cấp độ của chúng ta. Trong cách nhỏ bé hơn nhiều của chúng ta, chúng ta có cùng loại trải nghiệm. Tôi có thể làm chứng rằng khi một người phát triển tâm thức bồ đề và sử dụng nó, nhiều điều mà bây giờ chúng ta không thể làm rõ trở nên hoàn toàn rõ ràng; nhưng ngay khi một người rơi trở lại từ trạng thái tâm thức đó, người ta không thể diễn đạt được những gì người ta đã hiểu. Rằng nó không dễ dàng để được diễn đạt được thể hiện qua thực tế rằng chính Đức Phật, lớn hơn rất nhiều, vẫn không thể đưa nó vào lời để được hiểu ở đây, ngoại trừ bằng những phủ định.

CHAPTER 10

THE NOTE ON RULE 20—GHI CHÚ VỀ QUY LUẬT 20

A.B.—The Master Hilarion adds the following note to Rule 20.

A.B.—Chân sư Hilarion thêm ghi chú sau đây vào Quy luật 20.

> Seek it by testing all experiences; and remember that when I say this I do not say: "Yield to the seductions of sense in order to know it." Before you have become on Occultist you may do this; but not afterwards. When you have chosen and entered the Path you cannot yield to these seductions without shame. Yet you can experience them without horror: can weigh, observe, and test them, and wait with the patience of confidence for the hour when they shall affect you no longer.

> Tìm kiếm nó bằng cách thử nghiệm mọi trải nghiệm; và nhớ rằng khi tôi nói điều này, tôi không nói: "Nhượng bộ những cám dỗ của giác quan để biết nó." Trước khi bạn trở thành một nhà huyền bí học, bạn có thể làm điều này; nhưng không phải sau đó. Khi bạn đã chọn và bước vào Thánh Đạo, bạn không thể nhượng bộ những cám dỗ này mà không cảm thấy xấu hổ. Tuy nhiên, bạn có thể trải nghiệm chúng mà không cảm thấy kinh hoàng: có thể cân nhắc, quan sát và thử nghiệm chúng, và chờ đợi với sự kiên nhẫn của niềm tin cho đến khi chúng không còn ảnh hưởng đến bạn nữa.

In the earlier stages of human evolution the *ego* is not sufficiently developed to know right from wrong. But the moment he has learned to distinguish between them, to know them as different, morality begins. When, for example, he begins to understand the difference between destroying life and guarding it, there is for him the birth of morality on that line. The kind of experience which taught him that knowledge is then not wanted any longer. But though the man no longer needs to test that experience, there is still sometimes a rush of the senses, compelling him to some wrong action, and that afterwards causes him to suffer, because he recognizes that it was wrong to yield to it. The saying of the pseudo-occultist, that a man may do wrong in order to gain experience, is never justified. When an act is done while a man is unconscious of its being wrong he is

Trong những giai đoạn đầu của sự tiến hóa nhân loại, chân ngã không đủ phát triển để biết đúng sai. Nhưng ngay khi y đã học cách phân biệt giữa chúng, để biết chúng là khác nhau, đạo đức bắt đầu. Khi, ví dụ, y bắt đầu hiểu sự khác biệt giữa việc hủy diệt sự sống và bảo vệ nó, có sự ra đời của đạo đức trên dòng đó. Loại trải nghiệm đã dạy y kiến thức đó sau đó không còn cần thiết nữa. Nhưng mặc dù người đó không còn cần phải thử nghiệm trải nghiệm đó, đôi khi vẫn có một sự xô đẩy của các giác quan, buộc y phải thực hiện một hành động sai trái nào đó, và điều đó sau đó khiến y phải chịu đựng, vì y nhận ra rằng đó là sai lầm khi nhượng bộ nó. Câu nói của nhà huyền bí giả, rằng một người có thể làm sai để có được kinh nghiệm, không bao giờ được biện minh. Khi một hành động được thực hiện trong khi một người không ý thức được rằng nó sai, y đang có được kinh nghiệm cần thiết; nhưng

gaining necessary experience; but when there is knowledge that it is wrong, then each yielding means a fall, and keen suffering must follow.

khi có kiến thức rằng nó sai, thì mỗi lần nhượng bộ có nghĩa là một sự sa ngã, và sự đau khổ sắc bén phải theo sau.

The condition of yielding under stress of circumstances lasts for many lives; even after a man has entered on the Path the conflict with the desires of the senses often continues. Before one can make rapid progress there are long stages of conflict between the wish that works through the astral and mental bodies, and the knowledge that its gratification is a hindrance to the higher life. The conflict on the lower stages is long, and when it passes on into a higher stage, and arises when mental images are mixed up with the desires of the senses, temptations become more subtle, for the mind idealizes the sense-objects, refines the grosser impulses, and presents desires in their most alluring aspect. Another stage comes when the aspirant is on the Path proper, for even there the keen force of old temptations is sufficiently strong to assail him. It is in this connection that we have the statement in the Master's note, which shows the disciple how he may utilize them; he can weigh, observe, and test these seductions, waiting patiently for the time when they shall affect him no longer.

Tình trạng nhượng bộ dưới áp lực của hoàn cảnh kéo dài trong nhiều kiếp; ngay cả sau khi một người đã bước vào Thánh Đạo, cuộc xung đột với những ham muốn của các giác quan thường tiếp tục. Trước khi một người có thể tiến bộ nhanh chóng, có những giai đoạn xung đột dài giữa mong muốn hoạt động qua các thể cảm dục và trí tuệ, và kiến thức rằng sự thỏa mãn của nó là một trở ngại cho cuộc sống cao hơn. Cuộc xung đột ở các giai đoạn thấp hơn là dài, và khi nó chuyển sang một giai đoạn cao hơn, và nảy sinh khi các hình ảnh trí tuệ bị trộn lẫn với những ham muốn của các giác quan, những cám dỗ trở nên tinh tế hơn, vì thể trí lý tưởng hóa các đối tượng giác quan, tinh lọc các xung lực thô thiển hơn, và trình bày những ham muốn ở khía cạnh hấp dẫn nhất của chúng. Một giai đoạn khác đến khi người chí nguyện đang trên Thánh Đạo thực sự, vì ngay cả ở đó sức mạnh sắc bén của những cám dỗ cũ đủ mạnh để tấn công y. Chính trong bối cảnh này mà chúng ta có tuyên bố trong ghi chú của Chân sư, vốn chỉ cho đệ tử cách y có thể sử dụng chúng; y có thể cân nhắc, quan sát và thử nghiệm những cám dỗ này, chờ đợi kiên nhẫn cho đến khi chúng không còn ảnh hưởng đến y nữa.

When the centre of consciousness has separated itself from the body of desire and moved to the manasic plane, a considerable advance has been made. The man no longer looks on the body of desire as himself, but as merely a vehicle. Yet its vibrations can still affect him, for it has a life of its own, and sometimes it is as if the horses had run away with him. That is the stage spoken of in the *Kathopanishat,* when the driver has reined in the horses and they are going quietly, but are

Khi trung tâm của tâm thức đã tách ra khỏi thể dục vọng và di chuyển đến cõi manasic, một tiến bộ đáng kể đã được thực hiện. Người đó không còn nhìn nhận thể dục vọng là chính mình, mà chỉ là một vận cụ. Tuy nhiên, những rung động của nó vẫn có thể ảnh hưởng đến y, vì nó có một sự sống riêng của nó, và đôi khi như thể những con ngựa đã chạy trốn với y. Đó là giai đoạn được nói đến trong Kathopanishat, khi người lái xe đã kiềm chế những con ngựa và chúng đang đi một cách

still liable to rush away now and then. The disciple knows when they have run away by the excitement of the senses. It is a stage of great trial. The whole nature of the man is shamed and pained by the degradation; he cannot yield without suffering. In his normal condition of consciousness the senses do not attract him, he does not feel the temptations of the body, which are really astral. Yet times come when he *does* feel them. This happens because the old mould of desire is not broken up, and it has been vivified from outside. The channel has not disappeared, though it is wearing out, and the danger exists that it may suddenly be filled from the outside, and then the desire-form is revivified. Astral influences cause vibrations in it strong enough to affect the man's consciousness again; left to itself it would not affect him; but he comes to a place, time or person on account of which strong influences from outside vibrate through him and revivify this old form.

yên tĩnh, nhưng vẫn có khả năng chạy trốn bây giờ và sau đó. Đệ tử biết khi nào chúng đã chạy trốn bởi sự kích động của các giác quan. Đó là một giai đoạn thử thách lớn. Toàn bộ bản chất của người đó bị xấu hổ và đau đớn bởi sự suy đồi; y không thể nhượng bộ mà không chịu đựng. Trong trạng thái tâm thức bình thường của y, các giác quan không thu hút y, y không cảm thấy những cám dỗ của thể xác, vốn thực sự là cảm dục. Tuy nhiên, có những lúc y cảm thấy chúng. Điều này xảy ra vì khuôn mẫu cũ của dục vọng chưa bị phá vỡ, và nó đã được làm sống động từ bên ngoài. Kênh chưa biến mất, mặc dù nó đang mòn đi, và nguy hiểm tồn tại rằng nó có thể đột ngột được lấp đầy từ bên ngoài, và sau đó hình thức dục vọng được làm sống lại. Các ảnh hưởng cảm dục gây ra những rung động trong nó đủ mạnh để ảnh hưởng đến tâm thức của người đó một lần nữa; nếu để tự nó, nó sẽ không ảnh hưởng đến y; nhưng y đến một nơi, thời gian hoặc người mà do đó những ảnh hưởng mạnh mẽ từ bên ngoài rung động qua y và làm sống lại hình thức cũ này.

They are to be recognized as coming from outside, not from himself, so the disciple ought to understand what they are. With shame, degradation and horror he feels this thing, and wonders how he can feel it. The answer is that there is a stage in growth when seductions coming from the senses may be experienced but need not be yielded to. The man then passes them by. He says: "I feel you; I recognize you; I weigh you; but I refuse to be moved." That is the meaning of the passage in the *Kathopanishat,* where it says the man has come to the point where he can hold the horses in. He can hold the senses under control. It is the last lesson with regard to the temptation of the senses. When it is learned, their power over the man has passed for ever. Never again will they have the power to affect him; it is the last struggle with them,

Chúng cần được nhận ra là đến từ bên ngoài, không phải từ chính y, vì vậy đệ tử nên hiểu chúng là gì. Với sự xấu hổ, suy đồi và kinh hoàng, y cảm thấy điều này, và tự hỏi làm thế nào y có thể cảm thấy nó. Câu trả lời là có một giai đoạn trong sự phát triển khi những cám dỗ đến từ các giác quan có thể được trải nghiệm nhưng không cần phải nhượng bộ. Người đó sau đó vượt qua chúng. Y nói: "Tôi cảm thấy bạn; tôi nhận ra bạn; tôi cân nhắc bạn; nhưng tôi từ chối bị lay động." Đó là ý nghĩa của đoạn trong Kathopanishat, nơi nó nói rằng người đó đã đến điểm mà y có thể giữ những con ngựa lại. Y có thể giữ các giác quan dưới sự kiểm soát. Đó là bài học cuối cùng liên quan đến sự cám dỗ của các giác quan. Khi nó được học, sức mạnh của chúng đối với người đó đã qua mãi mãi. Không bao giờ nữa chúng sẽ có sức mạnh để ảnh hưởng đến y; đó là cuộc

and when it is over the soul has escaped.

đấu tranh cuối cùng với chúng, và khi nó kết thúc, linh hồn đã thoát khỏi.

When that time of struggle comes, and it will come to every one, after the centre of consciousness is moved on to the manasic plane, it is an immense help to realize its nature and to know how to deal with it, to be able to say: “It is not I; it is simply a vibration from the lower nature sent out to me; I reject it; that is my answer.” The moment you repudiate it, the sense of horror goes; you refuse to feel its influence. When you have done that, you can test yourself, and see what part of your nature it is working upon. Then you will wait with patience for the time when you will feel it no more. You trust in the law; you sit down and patiently wait, and presently it will be unable to set up any vibrations; the senses cannot make you respond to them. You say: “I can wait patiently for the time when I shall not feel this thing. It is a dead form revivified that I feel, and it will soon be broken up and will fade away.” There is nothing left but to wait so—perhaps for months or for years. The victory is won when you are able to do that—the mould is broken. Recognition of your patience gives the last blow to shatter it, and never again can it affect you, unless you turn your back upon the goal, which seems an impossibility.

Khi thời gian đấu tranh đó đến, và nó sẽ đến với mọi người, sau khi trung tâm của tâm thức được chuyển lên cõi manasic, đó là một sự trợ giúp to lớn để nhận ra bản chất của nó và biết cách xử lý nó, để có thể nói: "Đó không phải là tôi; đó chỉ là một rung động từ bản chất thấp hơn gửi đến tôi; tôi từ chối nó; đó là câu trả lời của tôi." Ngay khi bạn từ chối nó, cảm giác kinh hoàng biến mất; bạn từ chối cảm nhận ảnh hưởng của nó. Khi bạn đã làm điều đó, bạn có thể kiểm tra bản thân, và xem phần nào của bản chất của bạn mà nó đang hoạt động. Sau đó, bạn sẽ chờ đợi kiên nhẫn cho đến khi bạn không còn cảm thấy nó nữa. Bạn tin tưởng vào luật; bạn ngồi xuống và kiên nhẫn chờ đợi, và ngay sau đó nó sẽ không thể thiết lập bất kỳ rung động nào; các giác quan không thể khiến bạn đáp ứng với chúng. Bạn nói: "Tôi có thể chờ đợi kiên nhẫn cho đến khi tôi không cảm thấy điều này nữa. Đó là một hình thức chết được làm sống lại mà tôi cảm thấy, và nó sẽ sớm bị phá vỡ và sẽ phai nhạt." Không còn gì ngoài việc chờ đợi như vậy—có thể trong nhiều tháng hoặc nhiều năm. Chiến thắng đạt được khi bạn có thể làm điều đó—khuôn mẫu bị phá vỡ. Sự công nhận sự kiên nhẫn của bạn mang lại cú đánh cuối cùng để phá vỡ nó, và không bao giờ nữa nó có thể ảnh hưởng đến bạn, trừ khi bạn quay lưng lại với mục tiêu, điều này dường như là không thể.

There is one other thing for which this experience is valuable; until you have passed through it you cannot help the person who yields. You cannot help any human being unless you are above him, and yet you cannot lift anyone unless you understand what he is feeling. There is a stage where you yourself are in the grip of desire; you cannot then help others who are in the same difficulty. Later, you escape. You repel desire, and reach a point

Có một điều khác mà trải nghiệm này có giá trị; cho đến khi bạn đã trải qua nó, bạn không thể giúp người nhượng bộ. Bạn không thể giúp bất kỳ con người nào trừ khi bạn ở trên y, và tuy nhiên bạn không thể nâng ai đó trừ khi bạn hiểu những gì y đang cảm thấy. Có một giai đoạn mà chính bạn đang bị kìm kẹp bởi dục vọng; bạn không thể giúp người khác đang gặp khó khăn tương tự. Sau đó, bạn thoát ra. Bạn đẩy lùi dục vọng, và đạt đến một điểm mà

where you cannot understand why another man should fall into temptation; not understanding his feelings, you cannot help him; you can point out the evil to him, but you cannot give spiritual help. You cannot pour strength into him because you are outside him, and as you are not feeling with him you feel a shock of horror. When you get that horror you are useless. You can never help anyone from whom you are repelled; it is better to leave him alone when you feel like that. You must be able to feel *with* a person in order to help him.

bạn không thể hiểu tại sao người khác lại rơi vào cám dỗ; không hiểu cảm giác của y, bạn không thể giúp y; bạn có thể chỉ ra điều xấu cho y, nhưng bạn không thể cung cấp sự giúp đỡ tinh thần. Bạn không thể truyền sức mạnh vào y vì bạn ở ngoài y, và vì bạn không cảm thấy với y, bạn cảm thấy một cú sốc kinh hoàng. Khi bạn có cảm giác kinh hoàng đó, bạn trở nên vô dụng. Bạn không bao giờ có thể giúp ai đó mà bạn bị đẩy lùi; tốt hơn là để y một mình khi bạn cảm thấy như vậy. Bạn phải có khả năng cảm nhận với một người để giúp y.

Even though you can feel with a person you cannot help him if he makes a wall about himself; in such a case, it is better to drop him for a time, for help given from the outside is of no use. You may have to give up trying to help a person on the physical plane, but you need not stop doing so from the inside. To help from the inside requires more courage than to do so from without. It is far more gratifying to give outside counsel and advice; it is much more satisfying to the lower nature than giving inside and unseen help.

Ngay cả khi bạn có thể cảm nhận với một người, bạn không thể giúp y nếu y tạo ra một bức tường xung quanh mình; trong trường hợp như vậy, tốt hơn là bỏ y một thời gian, vì sự giúp đỡ từ bên ngoài không có ích. Bạn có thể phải từ bỏ việc cố gắng giúp một người trên cõi hồng trần, nhưng bạn không cần phải ngừng làm điều đó từ bên trong. Giúp đỡ từ bên trong đòi hỏi nhiều can đảm hơn là làm từ bên ngoài. Nó thỏa mãn hơn nhiều khi đưa ra lời khuyên và chỉ dẫn từ bên ngoài; nó thỏa mãn hơn nhiều cho bản chất thấp hơn so với việc cung cấp sự giúp đỡ từ bên trong và không thấy được.

Another thing—if you can help a person, do not be turned away by the opinion of someone else that he does not deserve help, nor by his own idea that you are not helping him. H.P.B. was sometimes condemned by her own pupils. They said harsh things of her, but she was good and strong, and did not repel them, but went on helping them from the inside, leaving them to think what they would. By helping from the inside we wear away antagonism. When you have felt antagonism, antipathy of mind, to others, possibly even to your own teacher, as you do sometimes, you perhaps blame them. Where you have felt a wall you have thought it was *their* wall, but

Một điều khác—nếu bạn có thể giúp một người, đừng bị ảnh hưởng bởi ý kiến của người khác rằng anh ta không xứng đáng được giúp đỡ, cũng như bởi ý tưởng của chính anh ta rằng bạn không đang giúp anh ta. H.P.B. đôi khi bị chính học trò của mình chỉ trích. Họ nói những điều khắc nghiệt về bà, nhưng bà tốt và mạnh mẽ, và không đẩy họ ra xa, mà tiếp tục giúp đỡ họ từ bên trong, để họ tự nghĩ những gì họ muốn. Bằng cách giúp đỡ từ bên trong, chúng ta làm mòn đi sự đối kháng. Khi bạn cảm thấy sự đối kháng, sự ác cảm của thể trí, đối với người khác, có thể thậm chí đối với chính thầy của bạn, như bạn đôi khi làm, bạn có thể đổ lỗi cho họ. Khi bạn cảm thấy một bức

later on you realize that the wall was an illusion—a thing you had yourself created on, the mental plane. When going through this stage we have built wall after wall, and have suffered by the existence of the walls, until we threw them down.

tường, bạn đã nghĩ đó là bức tường của họ, nhưng sau đó bạn nhận ra rằng bức tường đó là một ảo tưởng—một thứ bạn đã tự tạo ra trên cõi trí tuệ. Khi trải qua giai đoạn này, chúng ta đã xây dựng bức tường này sau bức tường khác, và đã chịu đựng bởi sự tồn tại của các bức tường, cho đến khi chúng ta phá bỏ chúng.

There is a still higher stage, which is difficult to explain. There are men who make a link between the Great Ones and the mass of humanity. As was said of Jesus, they feel the sufferings of men and their temptations and yet they are without sin. It is the stage where the person is in an absolutely pure desire-body; all dead matter has been cleared away from it, and only the power of reflecting images is retained. The man is incapable of sin.

Có một giai đoạn cao hơn nữa, khó giải thích. Có những người tạo ra một liên kết giữa các Đấng Cao Cả và quần chúng nhân loại. Như đã nói về Đức Jesus, họ cảm nhận được những đau khổ của con người và những cám dỗ của họ nhưng họ không có tội lỗi. Đó là giai đoạn mà người đó ở trong một thể dục vọng hoàn toàn trong sạch; tất cả vật chất chết đã được loại bỏ khỏi nó, và chỉ còn lại khả năng phản chiếu hình ảnh. Người đó không thể phạm tội.

Suppose such persons did not exist; there would be no link between humanity and the Great Ones. They preserve a link, and in Their perfect purity They feel in Themselves the sufferings of others. This stage comes immediately before that of the Master; it is the last stage of the Arhat. A Master cannot suffer pain, His consciousness is so perfect; He can image past experiences without suffering. The experience is to Him a perfect image, without pain. But in the advanced condition of the stage before that, though the man cannot sin, and the personality is pure, it yet transmits a sense of suffering.

Giả sử những người như vậy không tồn tại; sẽ không có liên kết nào giữa nhân loại và các Đấng Cao Cả. Họ duy trì một liên kết, và trong sự tinh khiết hoàn hảo của Họ, Họ cảm nhận trong chính mình những đau khổ của người khác. Giai đoạn này đến ngay trước giai đoạn của Chân sư; đó là giai đoạn cuối cùng của Arhat. Một Chân sư không thể chịu đau đớn, tâm thức của Ngài hoàn hảo đến mức; Ngài có thể hình dung những trải nghiệm quá khứ mà không đau khổ. Trải nghiệm đối với Ngài là một hình ảnh hoàn hảo, không có đau đớn. Nhưng trong tình trạng tiến bộ của giai đoạn trước đó, mặc dù người đó không thể phạm tội, và phàm ngã trong sạch, nó vẫn truyền tải một cảm giác đau khổ.

In exoteric books this stage is sometimes confused with that of the Masters, and a feeling of suffering is attributed to Them. It is in the stage before that that there is suffering, where those in the stage of Arhatship are sharing the work of the Master, without having lost the susceptibility of feeling pain.

Trong các sách ngoại môn, giai đoạn này đôi khi bị nhầm lẫn với giai đoạn của các Chân sư, và một cảm giác đau khổ được gán cho Họ. Đó là trong giai đoạn trước đó mà có sự đau khổ, nơi những người trong giai đoạn Arhatship đang chia sẻ công việc của Chân sư, mà không mất đi khả năng cảm nhận đau đớn. Chân sư

The Master transcends all suffering. The Arhats take part in building the “guardian wall”, but they build it with pain. People are apt to apply to the Master what is true of higher disciples only, who are still in a stage where sin is transcended, though the power to suffer is left.

Vị Chân sư vượt qua mọi đau khổ. Các Arhat tham gia vào việc xây dựng "bức tường bảo vệ", nhưng họ xây dựng nó với đau đớn. Mọi người có xu hướng áp dụng cho Chân sư những gì chỉ đúng với các đệ tử cao hơn, những người vẫn đang ở giai đoạn mà tội lỗi đã được vượt qua, mặc dù khả năng chịu đau đớn vẫn còn.

At the lower level we may sympathize with friends until we lose all sense of difference, and we must suffer if we sympathize thus deeply. Until ahamkara is transcended sympathy and suffering must go hand in hand. If we go out of this stage too soon we lose our power of sympathy; that is one of the temptations on the Path. Great Ones fall back even when they have reached the last stage, because if they lose suffering altogether, they lose sympathy, and if sympathy is not perfect, the wall of separateness is not thrown down.

Ở cấp độ thấp hơn, chúng ta có thể đồng cảm với bạn bè cho đến khi chúng ta mất đi mọi cảm giác khác biệt, và chúng ta phải chịu đau khổ nếu chúng ta đồng cảm sâu sắc như vậy. Cho đến khi ahamkara được vượt qua, sự đồng cảm và đau khổ phải đi đôi với nhau. Nếu chúng ta ra khỏi giai đoạn này quá sớm, chúng ta sẽ mất đi khả năng đồng cảm; đó là một trong những cám dỗ trên Thánh Đạo. Các Đấng Cao Cả thậm chí còn lùi lại khi họ đã đạt đến giai đoạn cuối cùng, bởi vì nếu họ mất đi hoàn toàn đau khổ, họ mất đi sự đồng cảm, và nếu sự đồng cảm không hoàn hảo, bức tường của sự tách biệt không bị phá bỏ.

> But do not condemn the man that yields; stretch out your hand to him as a brother pilgrim whose feet have become heavy with mire. Remember, O disciple, that great though the gulf may be between the good man and the sinner, it is greater between the good man and the man who has attained knowledge; it is immeasurable between the good man and the one on the threshold of divinity. Therefore be wary lest too soon you fancy yourself a thing apart from the mass.

> Nhưng đừng lên án người đàn ông đã nhượng bộ; hãy đưa tay ra cho anh ta như một người hành hương huynh đệ có đôi chân đã trở nên nặng nề với bùn lầy. Hãy nhớ, ôi đệ tử, rằng dù khoảng cách có lớn giữa người tốt và kẻ tội lỗi, nó còn lớn hơn giữa người tốt và người đã đạt được tri thức; nó không thể đo lường được giữa người tốt và người đang đứng trên ngưỡng cửa của thần thánh. Vì vậy, hãy cẩn thận để không quá sớm tưởng rằng mình là một thứ tách biệt khỏi quần chúng.

A.B.—Here we are told that we must not condemn the man who yields to temptation. When you have passed through the stage of trial, there is no fear of your condemning anyone. When temptations are transcended, and you think of the time when you still felt

A.B.—Ở đây chúng ta được nói rằng chúng ta không nên lên án người đàn ông đã nhượng bộ trước cám dỗ. Khi bạn đã vượt qua giai đoạn thử thách, không có nỗi sợ nào về việc bạn lên án ai đó. Khi những cám dỗ đã được vượt qua, và bạn nghĩ về thời gian khi bạn vẫn còn cảm

them, you will not condemn the man who yields.

The difference between the virtuous and the vicious man is comparatively little; both are struggling in the early stages, and when looked at from either side the difference is small. But when a man has attained knowledge and has seen the meaning of virtue and vice, he has made an enormous step. When he sees virtue and vice only as the pair of opposites, he has transcended knowledge; he stands on the threshold of divinity, and the difference is immeasurable. We have the warning here that if we too soon think ourselves apart from the mass there will come the temptation to despise those below us, and then we shall fall. A person who has reached divinity looks down on no one; he can feel with all, and is one with the lowest.

nhận chúng, bạn sẽ không lên án người đàn ông đã nhượng bộ.

Sự khác biệt giữa người đức hạnh và người xấu xa là tương đối nhỏ; cả hai đều đang đấu tranh trong những giai đoạn đầu, và khi nhìn từ cả hai phía, sự khác biệt là nhỏ. Nhưng khi một người đã đạt được tri thức và đã thấy ý nghĩa của đức hạnh và tội lỗi, anh ta đã thực hiện một bước tiến lớn. Khi anh ta thấy đức hạnh và tội lỗi chỉ là cặp đối lập, anh ta đã vượt qua tri thức; anh ta đứng trên ngưỡng cửa của thần thánh, và sự khác biệt là không thể đo lường được. Chúng ta có lời cảnh báo ở đây rằng nếu chúng ta quá sớm nghĩ mình tách biệt khỏi quần chúng, sẽ có cám dỗ để khinh thường những người dưới chúng ta, và sau đó chúng ta sẽ sa ngã. Một người đã đạt đến thần thánh không coi thường ai; anh ta có thể cảm nhận với tất cả, và là một với người thấp nhất.

When you have found the beginning of the way the star of your soul will show its light; and by that light you will perceive how great is the darkness in which it burns. Mind, heart, brain, all are obscure and dark until the first great battle has been won. Be not appalled and terrified by the sight; keep your eyes fixed on the small light and it will grow. But let the darkness within help you to understand the helplessness of those who have seen no light, whose souls are in profound gloom.

Khi bạn đã tìm thấy khởi đầu của con đường, ngôi sao của linh hồn bạn sẽ chiếu sáng; và bởi ánh sáng đó, bạn sẽ nhận ra bóng tối lớn lao mà nó đang cháy trong đó. Thể trí, trái tim, bộ não, tất cả đều mờ mịt và tối tăm cho đến khi trận chiến lớn đầu tiên đã được thắng. Đừng kinh hoàng và sợ hãi bởi cảnh tượng; hãy giữ mắt bạn tập trung vào ánh sáng nhỏ và nó sẽ lớn lên. Nhưng hãy để bóng tối bên trong giúp bạn hiểu sự bất lực của những người chưa thấy ánh sáng, những linh hồn của họ đang trong bóng tối sâu thẳm.

A.B.—When we look up to the region of atma and worship the light within, we shall see the light as it grows stronger. When you first see that light you get a touch of consciousness by which you see the darkness in which it burns; the contrast shows it to you. It is then that darkness within that will help you to

A.B.—Khi chúng ta nhìn lên vùng atma và tôn thờ ánh sáng bên trong, chúng ta sẽ thấy ánh sáng khi nó trở nên mạnh mẽ hơn. Khi bạn lần đầu tiên thấy ánh sáng đó, bạn nhận được một chút tâm thức nhờ đó bạn thấy bóng tối mà nó đang cháy trong đó; sự tương phản cho bạn thấy điều đó. Chính bóng tối bên trong đó sẽ

understand the helplessness of those who have seen no light. It is for them that real compassion is necessary. There is no need to feel suffering for people after they know that there is light. Compassion is needed for those who do not know that they are in darkness, but are immersed in trivial things, and yet think themselves wise. Their darkness is so great that they really do not know what causes them so much suffering. They are the people to whom the Great Ones send compassion.

giúp bạn hiểu sự bất lực của những người chưa thấy ánh sáng. Đối với họ, lòng từ bi thực sự là cần thiết. Không cần phải cảm thấy đau khổ cho những người sau khi họ biết rằng có ánh sáng. Lòng từ bi cần thiết cho những người không biết rằng họ đang trong bóng tối, nhưng đang chìm đắm trong những điều tầm thường, và vẫn nghĩ mình khôn ngoan. Bóng tối của họ lớn đến mức họ thực sự không biết điều gì gây ra cho họ nhiều đau khổ như vậy. Họ là những người mà các Đấng Cao Cả gửi lòng từ bi.

Those who have seen even a little light are making progress in things of which men in the world have not caught a glimpse. When once the light is seen this kind of compassion is not wanted. If such a man is seen to be suffering, it is recognized that he is breaking down the wall quickly, and that it is good for him that he is able to do it.

Những người đã thấy dù chỉ một chút ánh sáng đang tiến bộ trong những điều mà con người trong thế giới chưa từng thấy. Khi ánh sáng đã được thấy, loại lòng từ bi này không còn cần thiết. Nếu một người như vậy được thấy đang đau khổ, điều đó được công nhận rằng anh ta đang phá vỡ bức tường nhanh chóng, và điều đó tốt cho anh ta khi anh ta có thể làm điều đó.

C.W.L.—When we begin to have knowledge of the existence of the soul, we realize a great fact of which the vast majority of mankind knows nothing. Most people—even so-called religious people—have no certainty of the existence of the soul. Most of them are living entirely with a view to this world. They may hold a theoretical belief in the immortality of the soul, but the things of the world are more important to them and their lives are only in comparatively few cases guided by this belief.

C.W.L.—Khi chúng ta bắt đầu có tri thức về sự tồn tại của linh hồn, chúng ta nhận ra một sự thật lớn mà phần lớn nhân loại không biết. Hầu hết mọi người—thậm chí những người được gọi là tôn giáo—không có sự chắc chắn về sự tồn tại của linh hồn. Hầu hết họ sống hoàn toàn với quan điểm về thế giới này. Họ có thể giữ một niềm tin lý thuyết vào sự bất tử của linh hồn, nhưng những điều của thế giới quan trọng hơn đối với họ và cuộc sống của họ chỉ trong một số ít trường hợp được hướng dẫn bởi niềm tin này.

That the “star of the soul” may show itself we must first be sure of the existence of the soul, we must know it as within ourselves. When we have set our affections on things above, when we know certain truths within ourselves and nothing can shake their reality for us, the star is beginning to show its light—there is a faint reflection of it. By that tiny

Để "ngôi sao của linh hồn" có thể tự hiện ra, trước tiên chúng ta phải chắc chắn về sự tồn tại của linh hồn, chúng ta phải biết nó như là bên trong chính mình. Khi chúng ta đã đặt tình cảm của mình vào những điều cao hơn, khi chúng ta biết những sự thật nhất định bên trong chính mình và không gì có thể lay chuyển thực tế của chúng đối với chúng ta,

gleam we see how densely ignorant we have been and still are; that is the first feeling we get when we gain a little more knowledge.

ngôi sao bắt đầu chiếu sáng—có một phản chiếu mờ nhạt của nó. Bởi ánh sáng nhỏ bé đó, chúng ta thấy mình đã ngu dốt đến mức nào và vẫn còn; đó là cảm giác đầu tiên chúng ta có khi chúng ta có thêm một chút tri thức.

"The first great battle" is the battle with the senses. In his steady fight against them the man has arrayed himself against his lower nature, and has won through. When the gleam of light comes we see how dark the way has been, how all our actions, and even our affections, have been without that direction which makes them real. The little light makes all seem hopelessly wrong; it makes us feel helpless, but we must not be appalled by the sight.

"Trận chiến lớn đầu tiên" là trận chiến với các giác quan. Trong cuộc chiến kiên định chống lại chúng, người đó đã tự trang bị chống lại bản chất thấp hơn của mình, và đã chiến thắng. Khi ánh sáng lóe lên, chúng ta thấy con đường đã tối tăm đến mức nào, tất cả hành động của chúng ta, và thậm chí cả tình cảm của chúng ta, đã không có sự chỉ dẫn nào làm cho chúng trở nên thực sự. Ánh sáng nhỏ bé làm cho tất cả dường như sai lầm một cách vô vọng; nó làm cho chúng ta cảm thấy bất lực, nhưng chúng ta không nên kinh hoàng bởi cảnh tượng đó.

Blame them not. Shrink not from them, but try to lift a little of the heavy karma of the world; give your aid to the few strong hands that hold back the powers of darkness from obtaining complete victory.

Đừng trách họ. Đừng tránh xa họ, mà hãy cố gắng nâng đỡ một chút nghiệp quả nặng nề của thế giới; hãy giúp đỡ những bàn tay mạnh mẽ ít ỏi đang giữ lại các thế lực bóng tối khỏi chiến thắng hoàn toàn.

C.W.L.—We must be careful not to misunderstand this passage. The few strong hands are the Great White Brotherhood. The struggle is not against the devil as the Christian puts it, nor must we think of the black magicians as holding the powers of evil. It is the overpowering strength of matter which is meant here by the powers of darkness. Our help in the effort to overcome them is needed and is calculated upon—it is part of the scheme.

C.W.L.—Chúng ta phải cẩn thận để không hiểu sai đoạn này. Những bàn tay mạnh mẽ ít ỏi là Huynh đệ Đoàn Chánh đạo. Cuộc đấu tranh không phải chống lại ma quỷ như người Kitô hữu nói, cũng không nên nghĩ rằng các nhà hắc thuật đang nắm giữ các thế lực ác. Đó là sức mạnh áp đảo của vật chất được ám chỉ ở đây bởi các thế lực bóng tối. Sự giúp đỡ của chúng ta trong nỗ lực vượt qua chúng là cần thiết và được tính đến—nó là một phần của kế hoạch.

There are only a few strong hands helping at present because our humanity has as yet evolved very few Adepts. The Logos has based His plan on the idea that as soon as there are

Hiện tại chỉ có một số ít bàn tay mạnh mẽ đang giúp đỡ vì nhân loại của chúng ta vẫn chưa phát triển được nhiều Chân sư. Thượng đế đã dựa trên kế hoạch của Ngài trên ý tưởng rằng

those who understand it they will co-operate with it. That is shown by the fact that up to the middle of the fourth root-race, indeed, even a little past that time, all the great offices in connection with the evolution of the world were held by people who did not belong to our humanity. Some came to us from Venus, others from the Moon. These were great Adepts who were really free, who might have gone off altogether into higher realms. But after the middle point of evolution we ourselves were expected to develop our own Teachers, and the Lord Gautama Buddha was the first of These. It is clearly intended that we not only furnish the very great officials, such as the Buddhas and Christs, but also that all of us at our very much lower level should be intelligently co-operating, and trying to push on evolution as much as we can.

ngay khi có những người hiểu nó, họ sẽ hợp tác với nó. Điều đó được thể hiện qua thực tế rằng cho đến giữa giống dân gốc thứ tư, thực sự, thậm chí một chút sau thời điểm đó, tất cả các chức vụ lớn liên quan đến sự tiến hóa của thế giới đều do những người không thuộc về nhân loại của chúng ta nắm giữ. Một số đến với chúng ta từ Sao Kim, những người khác từ Mặt Trăng. Đây là những Chân sư vĩ đại thực sự tự do, những người có thể đã hoàn toàn đi vào các cõi cao hơn. Nhưng sau điểm giữa của sự tiến hóa, chúng ta tự mình được kỳ vọng phát triển các Huấn sư của mình, và Đức Phật Gautama là người đầu tiên trong số này. Rõ ràng là chúng ta không chỉ cung cấp các quan chức rất lớn, như các Đức Phật và Đức Christ, mà còn tất cả chúng ta ở cấp độ thấp hơn nhiều của mình cũng nên hợp tác một cách thông minh, và cố gắng thúc đẩy sự tiến hóa càng nhiều càng tốt.

> Then do you enter into a partnership of joy, which brings indeed terrible toil and profound sadness, but also a great and ever-increasing delight.

> Sau đó, bạn bước vào một mối quan hệ đối tác của niềm vui, điều này thực sự mang lại công việc nặng nhọc và nỗi buồn sâu sắc, nhưng cũng là một niềm vui lớn và ngày càng tăng.

A.B.—This means that we have come into relation with Those whose life is bliss, but side by side with that experience there is still sadness because we feel the darkness people are in. You have sadness for people, because you are not yet at the point to say, when you see suffering: “Yes, it is well.” At this stage there comes a subtle feeling about pleasure and pain that does not exist in the lower world; you feel the more keenly until the light has become perfectly clear, because the light shows up the darkness. Yet an increasing delight will come, by recognition of the law. More than that, no being is unhappy in the fundamental depths of his consciousness, because all are parts of the divine life, which is

A.B.—Điều này có nghĩa là chúng ta đã thiết lập mối quan hệ với Những Người có cuộc sống là hạnh phúc, nhưng song song với trải nghiệm đó vẫn có nỗi buồn vì chúng ta cảm nhận được bóng tối mà mọi người đang ở trong đó. Bạn có nỗi buồn cho mọi người, vì bạn chưa ở điểm có thể nói, khi bạn thấy đau khổ: "Vâng, điều đó là tốt." Ở giai đoạn này, có một cảm giác tinh tế về niềm vui và nỗi đau không tồn tại trong thế giới thấp hơn; bạn cảm nhận sâu sắc hơn cho đến khi ánh sáng trở nên hoàn toàn rõ ràng, vì ánh sáng cho thấy bóng tối. Tuy nhiên, một niềm vui ngày càng tăng sẽ đến, nhờ sự nhận thức về luật. Hơn thế nữa, không có sinh vật nào không hạnh phúc trong những chiều sâu cơ bản của tâm thức của

happiness itself. More and more as he progresses does the disciple contact those depths, until at last he realizes, to use the words of the *Gita,* that he was grieving for those who should not be grieved for, that the wise grieve neither for the living nor for the dead. Why should one grieve for a being who is fundamentally happy?

mình, vì tất cả đều là một phần của sự sống thiêng liêng, vốn là hạnh phúc tự thân. Càng tiến bộ, đệ tử càng tiếp xúc với những chiều sâu đó, cho đến khi cuối cùng anh ta nhận ra, để sử dụng lời của Gita, rằng anh ta đã đau buồn cho những người không nên đau buồn, rằng người khôn ngoan không đau buồn cho người sống cũng như người chết. Tại sao một người lại đau buồn cho một sinh vật vốn hạnh phúc cơ bản?

The disciple enters into a partnership of joy, but this very partnership brings toil and profound sadness, because he oscillates from one condition to the other. He must learn to feel the inner joy, and yet not lose touch with the lower principles of others, in which their sorrow is felt. He must feel that too, but must not be overwhelmed by it. The Path is as narrow as the edge of a razor, but we are to maintain perfect equilibrium upon it, while the pairs of opposites play upon us. One great function of the Master is to preserve our balance. The pupil will be swaying from one side to the other. When the gloom comes the Guru will send to him remembrance of the partnership of joy: when he tends to lose complete touch with the sorrows of the world the reminder of sorrow will come.

Đệ tử bước vào một mối quan hệ đối tác của niềm vui, nhưng chính mối quan hệ này mang lại công việc nặng nhọc và nỗi buồn sâu sắc, vì anh ta dao động từ một trạng thái này sang trạng thái khác. Anh ta phải học cách cảm nhận niềm vui bên trong, và không mất liên lạc với các nguyên tắc thấp hơn của người khác, trong đó nỗi buồn của họ được cảm nhận. Anh ta phải cảm nhận điều đó, nhưng không được bị áp đảo bởi nó. Thánh Đạo hẹp như lưỡi dao cạo, nhưng chúng ta phải duy trì sự cân bằng hoàn hảo trên đó, trong khi các cặp đối lập tác động lên chúng ta. Một chức năng lớn của Chân sư là duy trì sự cân bằng của chúng ta. Học trò sẽ dao động từ bên này sang bên kia. Khi bóng tối đến, Guru sẽ gửi đến anh ta sự nhắc nhở về mối quan hệ đối tác của niềm vui: khi anh ta có xu hướng mất hoàn toàn liên lạc với những nỗi buồn của thế giới, sự nhắc nhở về nỗi buồn sẽ đến.

For a long time the disciple is subject to these oscillations. We should not attain perfection unless we experienced the different things separately, before we reached equilibrium. It is the experience of mankind that we have to learn one lesson at a time, that we may give it full attention. The disciple who is treading the path is thrown from one side to the other, until he learns to keep the balance. Sometimes an entirely causeless gloom comes down, and he finds himself deep in the shadow. He finds no reason for it; he only knows that it is there

Trong một thời gian dài, đệ tử bị ảnh hưởng bởi những dao động này. Chúng ta không thể đạt được sự hoàn hảo trừ khi chúng ta trải nghiệm những điều khác nhau một cách riêng biệt, trước khi chúng ta đạt được sự cân bằng. Đó là kinh nghiệm của nhân loại rằng chúng ta phải học một bài học tại một thời điểm, để chúng ta có thể chú ý đầy đủ đến nó. Đệ tử đang đi trên con đường bị ném từ bên này sang bên kia, cho đến khi anh ta học cách giữ cân bằng. Đôi khi một nỗi buồn hoàn toàn không có nguyên nhân xuất hiện, và anh ta thấy

—a gloom that he cannot shake off. If he has learned the lesson rightly he will accept that quietly and patiently, and will not try to escape from it. He will then learn sympathy and patience, and other lessons which can be learned in the gloom, not in the light. Accepted in this spirit the period of gloom is not such an unwelcome thing, for all the worry and trouble have gone out of it. We should take the lessons, and learn without suffering. People do not suffer so much from gloom as from images. Like a child afraid of the dark, we fill the darkness of the soul with shapes of horror. The darkness is simple darkness and nothing else; it contains nothing more than the lessons which it has to teach us, and all the phantoms will, in time, disappear. The darkness can never crush us; at first it paralyzes us with fear, but at last we learn its lesson.

mình chìm sâu trong bóng tối. Anh ta không tìm thấy lý do cho nó; anh ta chỉ biết rằng nó ở đó—một nỗi buồn mà anh ta không thể rũ bỏ. Nếu anh ta đã học bài học đúng cách, anh ta sẽ chấp nhận điều đó một cách yên lặng và kiên nhẫn, và sẽ không cố gắng trốn thoát khỏi nó. Anh ta sẽ học được sự đồng cảm và kiên nhẫn, và những bài học khác có thể học được trong bóng tối, không phải trong ánh sáng. Được chấp nhận trong tinh thần này, giai đoạn bóng tối không phải là một điều không mong muốn, vì tất cả lo lắng và rắc rối đã biến mất khỏi nó. Chúng ta nên lấy những bài học, và học mà không đau khổ. Mọi người không đau khổ nhiều từ bóng tối như từ những hình ảnh. Như một đứa trẻ sợ bóng tối, chúng ta lấp đầy bóng tối của linh hồn bằng những hình dạng kinh hoàng. Bóng tối chỉ là bóng tối và không có gì khác; nó không chứa gì hơn những bài học mà nó phải dạy chúng ta, và tất cả những bóng ma sẽ, theo thời gian, biến mất. Bóng tối không bao giờ có thể nghiền nát chúng ta; lúc đầu nó làm tê liệt chúng ta với nỗi sợ hãi, nhưng cuối cùng chúng ta học được bài học của nó.

At the last Initiation, that of the Master, the atma is seen as a clear light, a star, and when it spreads out, at the last breaking down of the wall, it becomes the infinite light. Before that the Arhat can feel the underlying peace of atma when in meditative mood, but constantly he returns to the sorrow. But when a man rises to the atmic plane in full consciousness, and the buddhic consciousness merges into that, there is but one light seen. This is beautifully put in *The Voice of the Silence*: “The Three that dwell in glory and in bliss ineffable, now in the world of Maya have lost their names. They have become one star, the fire that burns but scorches not, that fire which is the Upadhi of the flame.”

Tại lần Điểm Đạo cuối cùng, của Chân sư, atma được thấy như một ánh sáng rõ ràng, một ngôi sao, và khi nó lan rộng ra, tại lần phá vỡ cuối cùng của bức tường, nó trở thành ánh sáng vô hạn. Trước đó, Arhat có thể cảm nhận được sự bình an tiềm ẩn của atma khi ở trong trạng thái thiền định, nhưng liên tục anh ta trở lại với nỗi buồn. Nhưng khi một người vươn lên cõi atmic với đầy đủ tâm thức, và tâm thức Bồ đề hòa nhập vào đó, chỉ có một ánh sáng được thấy. Điều này được diễn tả một cách đẹp đẽ trong Tiếng Nói của Im Lặng: "Ba Đấng ngự trong vinh quang và trong hạnh phúc không thể tả, giờ đây trong thế giới của Maya đã mất tên của mình. Họ đã trở thành một ngôi sao, ngọn lửa cháy nhưng không thiêu đốt, ngọn lửa đó là Upadhi của ngọn lửa."

While the man was in the causal body, he saw

Trong khi người đó còn ở trong thể nguyên

the Sacred Three as separate, but now he sees Them as the three aspects of the triple atma. Buddhi and manas, which were "twins upon a line" in the buddhic consciousness of the previous stage, are now one with atma, the star which burns overhead, the fire which is the vehicle of the monadic flame. Then says the Teacher: Where is thy individuality, Lanoo, where the Lanoo himself? It is the spark lost in the fire, the drop within the ocean, the ever present ray become the All and the eternal Radiance." He who was disciple is now a Master. He stands in the centre, and the triple atma radiates from him.

nhân, anh ta thấy Ba Đấng Thiêng Liêng như những thực thể riêng biệt, nhưng bây giờ anh ta thấy Họ như ba phương diện của atma tam phân. Bồ đề và manas, vốn là "cặp song sinh trên một đường" trong tâm thức Bồ đề của giai đoạn trước, giờ đây là một với atma, ngôi sao cháy sáng trên đầu, ngọn lửa là vận cụ của ngọn lửa chân thần. Sau đó, Huấn sư nói: "Cá nhân của ngươi ở đâu, Lanoo, Lanoo tự thân ở đâu? Đó là tia lửa mất trong ngọn lửa, giọt nước trong đại dương, tia sáng luôn hiện diện trở thành Tất cả và Sự Rạng Rỡ vĩnh cửu." Người từng là đệ tử giờ đây là một Chân sư. Anh ta đứng ở trung tâm, và atma tam phân tỏa sáng từ anh ta.

C.W.L.—You enter into a partnership of joy, but it brings also terrible toil and profound sadness, says the Master's note. All of that is true, but it is also true that the ever-increasing joy counterbalances the sadness.

C.W.L.—Bạn bước vào một mối quan hệ đối tác của niềm vui, nhưng nó cũng mang lại công việc nặng nề và nỗi buồn sâu sắc, ghi chú của Chân sư nói. Tất cả điều đó là đúng, nhưng cũng đúng rằng niềm vui ngày càng tăng bù đắp cho nỗi buồn.

Every student who has developed his faculties fully is, by the hypothesis, a sympathetic man; he must pass through a period of sadness and almost of despair, because of all the sorrow and suffering which he sees. Because people are backward in evolution and are not yet reasonable, there is in evidence much more of suffering and sorrow, of anger, hatred, jealousy, envy and the like than of high virtues, so that there is a preponderance of unpleasant vibrations from humanity. This shows itself in the astral world, so that any man who becomes fully developed astrally becomes at the same time aware of the sorrow and trouble of the world—aware of it only in a vague way, but it is ever present with him as a weight resting upon him. Constantly individual instances of the astral sorrow and suffering which happen to occur in his neighbourhood also press strongly upon him. In addition any catastrophe involving a great

Mỗi đạo sinh đã phát triển đầy đủ các khả năng của mình, theo giả thuyết, là một người đồng cảm; anh ta phải trải qua một giai đoạn buồn bã và gần như tuyệt vọng, vì tất cả nỗi đau khổ và đau đớn mà anh ta thấy. Bởi vì mọi người còn lạc hậu trong sự tiến hóa và chưa hợp lý, có nhiều bằng chứng về đau khổ và đau đớn, sự giận dữ, thù hận, ghen tị, đố kỵ và những điều tương tự hơn là những đức hạnh cao, vì vậy có một sự áp đảo của những rung động khó chịu từ nhân loại. Điều này thể hiện trong thế giới cảm dục, vì vậy bất kỳ người nào phát triển đầy đủ về mặt cảm dục cũng đồng thời nhận thức được nỗi đau khổ và đau đớn của thế giới—nhận thức về nó chỉ một cách mơ hồ, nhưng nó luôn hiện diện với anh ta như một gánh nặng đè lên anh ta. Liên tục, những trường hợp cá nhân của nỗi đau khổ và đau đớn cảm dục xảy ra trong khu vực của anh ta cũng đè nặng lên anh ta. Ngoài ra, bất kỳ thảm họa nào liên quan đến rất nhiều đau khổ cho

deal of sorrow to a large number of people distinctly influences the astral atmosphere of the world.

một số lượng lớn người rõ ràng ảnh hưởng đến bầu không khí cảm dục của thế giới.

The student has to learn how to receive that without being weighed down by it, and that takes a considerable time. He gradually learns to look more deeply, and as time goes on he begins to see that all this trouble is necessary under the circumstances which men themselves have created. The suffering that comes is a necessity because of their great carelessness and laxity. If men had been a little more careful a very great part of it could easily have been avoided. I have mentioned before that the real suffering brought to us by karma from past lives is perhaps a tenth of that which comes to us, and the other nine-tenths is the result of our own wrong attitude here and now, in this life. In that sense there is a vast amount of entirely unnecessary suffering. But the other side of the shield is that while people persist in taking the wrong attitude, in thinking and acting foolishly, under the eternal law suffering must come upon them; in an indirect way that is distinctly good, because it is bringing them to a sense of their own folly. The pity is that they need so very much reminding, that they cannot at once take the hint and alter their attitude—so much suffering might be saved if that could be.

Đạo sinh phải học cách tiếp nhận điều đó mà không bị đè nặng bởi nó, và điều đó mất một thời gian đáng kể. Anh ta dần dần học cách nhìn sâu hơn, và theo thời gian, anh ta bắt đầu thấy rằng tất cả những rắc rối này là cần thiết trong những hoàn cảnh mà con người tự tạo ra. Nỗi đau khổ đến là một sự cần thiết vì sự bất cẩn và lỏng lẻo lớn của họ. Nếu con người cẩn thận hơn một chút, một phần rất lớn của nó có thể dễ dàng tránh được. Tôi đã đề cập trước đó rằng nỗi đau khổ thực sự mang đến cho chúng ta bởi nghiệp quả từ những kiếp trước có lẽ chỉ là một phần mười của những gì đến với chúng ta, và chín phần mười còn lại là kết quả của thái độ sai lầm của chúng ta ở đây và bây giờ, trong cuộc sống này. Theo nghĩa đó, có một lượng lớn nỗi đau khổ hoàn toàn không cần thiết. Nhưng mặt khác của vấn đề là trong khi mọi người vẫn kiên trì giữ thái độ sai lầm, suy nghĩ và hành động một cách ngu ngốc, theo luật vĩnh cửu, nỗi đau khổ phải đến với họ; theo một cách gián tiếp, điều đó rõ ràng là tốt, bởi vì nó đang đưa họ đến nhận thức về sự ngu ngốc của chính họ. Điều đáng tiếc là họ cần rất nhiều lời nhắc nhở, rằng họ không thể ngay lập tức nhận ra gợi ý và thay đổi thái độ của mình—rất nhiều nỗi đau khổ có thể được cứu nếu điều đó có thể.

This seems to all of us who have studied the matter very easy to see. I cherish a hope, therefore, and I think a well-founded hope, that the suffering of the world will diminish very rapidly as soon as the common-sense view of things is accepted by a fairly large minority of people. They will come to see that they are making their own trouble for themselves, and in process of time they will refrain from all that is undesirable, purely from the common-sense point of view.

Điều này dường như rất dễ thấy đối với tất cả chúng ta, những người đã nghiên cứu vấn đề này. Tôi nuôi hy vọng, và tôi nghĩ đó là một hy vọng có cơ sở, rằng sự đau khổ của thế giới sẽ giảm đi rất nhanh chóng ngay khi quan điểm thông thường về mọi thứ được chấp nhận bởi một thiểu số khá lớn. Họ sẽ nhận ra rằng họ đang tự tạo ra rắc rối cho chính mình, và theo thời gian họ sẽ tránh xa tất cả những gì không mong muốn, chỉ từ quan điểm thông thường. Các thành viên của Hội Thông Thiên Học nên

Members of the Theosophical Society ought to be displaying before the world an example of the Theosophical attitude towards life, but there are many of them who, although they know these truths, find it hard to put them into practice. That is only natural, but at the same time one does feel that many of them might take up the new ideas a little more quickly, and it is certain that things of this sort do spread in a definite sort of ratio. One man can state a view and make a little impression; ten men can make more than ten times the impression; a hundred men can make vastly more than a hundred times the impression that one man could, unless he happened to be a rare genius. We have some thirty thousand members in our Society; I think if all of them were really taking this higher philosophical view of life, and were thereby obviously avoiding a great amount of suffering, they would form a powerful and striking example. In that way we could help a vast number who as yet do not know anything about the higher side of things.

thể hiện trước thế giới một ví dụ về thái độ Thông Thiên Học đối với cuộc sống, nhưng có nhiều người trong số họ, mặc dù họ biết những chân lý này, lại thấy khó thực hành chúng. Điều đó chỉ là tự nhiên, nhưng đồng thời người ta cảm thấy rằng nhiều người trong số họ có thể tiếp nhận những ý tưởng mới nhanh hơn một chút, và chắc chắn rằng những điều như thế này lan truyền theo một tỷ lệ nhất định. Một người có thể trình bày một quan điểm và tạo ra một chút ấn tượng; mười người có thể tạo ra nhiều hơn mười lần ấn tượng; một trăm người có thể tạo ra nhiều hơn rất nhiều lần ấn tượng mà một người có thể, trừ khi người đó tình cờ là một thiên tài hiếm có. Chúng ta có khoảng ba mươi nghìn thành viên trong Hội của chúng ta; tôi nghĩ nếu tất cả họ thực sự tiếp nhận quan điểm triết học cao hơn về cuộc sống, và do đó rõ ràng tránh được một lượng lớn đau khổ, họ sẽ tạo thành một ví dụ mạnh mẽ và nổi bật. Bằng cách đó, chúng ta có thể giúp đỡ một số lượng lớn những người chưa biết gì về mặt cao hơn của mọi thứ.

When we begin to see that what is being done is always the best—the best under the circumstances for everybody—our sorrow is no longer of the same kind as before. We are just as sympathetic towards others, but we are no longer overwhelmed by their suffering; we sympathize with them but do not share their feelings. The Masters are profoundly sympathetic with people who are suffering, and yet we could not say that They Themselves share in that suffering, because of Their insight. As I have said before, a Master is never sad, never depressed. It has seemed to me sometimes, however, as though even They could be disappointed with people. I do not know that I ought to say even as much as that, but I know this, that They make very strong efforts sometimes to bring about certain results, and yet those results, through the

Khi chúng ta bắt đầu thấy rằng những gì đang được thực hiện luôn là tốt nhất—tốt nhất trong hoàn cảnh cho mọi người—nỗi buồn của chúng ta không còn cùng loại như trước. Chúng ta vẫn đồng cảm với người khác, nhưng chúng ta không còn bị choáng ngợp bởi sự đau khổ của họ; chúng ta đồng cảm với họ nhưng không chia sẻ cảm xúc của họ. Các Chân sư rất đồng cảm với những người đang đau khổ, nhưng chúng ta không thể nói rằng Các Ngài tự mình chia sẻ trong sự đau khổ đó, bởi vì sự thấu hiểu của Các Ngài. Như tôi đã nói trước đây, một Chân sư không bao giờ buồn, không bao giờ chán nản. Tuy nhiên, đôi khi tôi cảm thấy như thể ngay cả Các Ngài cũng có thể thất vọng với con người. Tôi không biết rằng tôi nên nói nhiều như vậy, nhưng tôi biết điều này, rằng Các Ngài đôi khi nỗ lực rất mạnh mẽ để mang lại những kết quả nhất định, và

failure of Their instruments, are not brought about. I do not know whether They foresee from the beginning that those efforts will fail. I cannot but feel that in many cases They do, but yet They make them precisely as though They expected them to succeed. For example, much work was done before the great war in an attempt to avoid it. That effort failed, but whether the Adepts who inaugurated it knew from the beginning that such would be the result I do not know: They worked at it as though They expected it to be successful.

những kết quả đó, do sự thất bại của các công cụ của Các Ngài, không được thực hiện. Tôi không biết liệu Các Ngài có tiên đoán từ đầu rằng những nỗ lực đó sẽ thất bại hay không. Tôi không thể không cảm thấy rằng trong nhiều trường hợp Các Ngài biết, nhưng Các Ngài vẫn thực hiện chúng như thể Các Ngài mong đợi chúng thành công. Ví dụ, nhiều công việc đã được thực hiện trước cuộc chiến lớn để cố gắng tránh nó. Nỗ lực đó đã thất bại, nhưng liệu các Chân sư đã khởi xướng nó có biết từ đầu rằng đó sẽ là kết quả hay không, tôi không biết: Các Ngài đã làm việc như thể Các Ngài mong đợi nó thành công.

Madame Blavatsky in many cases offered people opportunities in a similar way. Sometimes she made every endeavour to persuade them to take them, when she knew from the beginning that they would not do so. I well remember one occasion on which some people came to her to make enquiries. They seemed to me obviously unsuited for any Theosophic knowledge or -work, since they were not at all in the frame of mind in which it would be of use to them. She spoke to these mere casual strangers, and told them about quite intimate things which she hoped to do in the Society. They were rather sneering people, who did not seem in the least worthy of such confidence, and when they went away the Countess Wachtmeister said: "Madame, why did you tell those people these things? It seems certain they are not the sort of people to whom it would do any good. They will only go away and sneer, and perhaps do us harm." Madame Blavatsky replied: "Well, my dear, some karma has brought them to me, and I must give them their chance, and do all I can for them." She thought that to take them to some extent into her confidence in that way was giving them a chance. I cannot tell, and she could, how near they may have been inwardly to taking it, but on the surface their attitude was the

Bà Blavatsky trong nhiều trường hợp đã đưa ra cho mọi người cơ hội theo cách tương tự. Đôi khi bà đã nỗ lực hết sức để thuyết phục họ chấp nhận, khi bà biết từ đầu rằng họ sẽ không làm như vậy. Tôi nhớ rõ một dịp khi một số người đến gặp bà để hỏi thăm. Họ dường như rõ ràng không phù hợp với bất kỳ kiến thức hay công việc Thông Thiên Học nào, vì họ hoàn toàn không ở trong trạng thái tâm trí mà nó sẽ có ích cho họ. Bà đã nói chuyện với những người lạ mặt này, và nói với họ về những điều khá thân mật mà bà hy vọng sẽ thực hiện trong Hội. Họ là những người khá chế giễu, không có vẻ gì là xứng đáng với sự tin tưởng như vậy, và khi họ ra đi, Nữ bá tước Wachtmeister nói: "Thưa bà, tại sao bà lại nói với những người đó những điều này? Có vẻ như chắc chắn họ không phải là loại người mà điều đó sẽ có ích. Họ chỉ sẽ ra đi và chế giễu, và có thể gây hại cho chúng ta." Bà Blavatsky trả lời: "Chà, bạn thân mến, một số nghiệp quả đã đưa họ đến với tôi, và tôi phải cho họ cơ hội của họ, và làm tất cả những gì tôi có thể cho họ." Bà nghĩ rằng việc đưa họ vào một mức độ nào đó trong sự tin tưởng của bà theo cách đó là cho họ một cơ hội. Tôi không thể nói, và bà có thể, họ có thể đã gần gũi nội tâm đến mức nào để chấp nhận nó, nhưng trên bề mặt thái độ của họ là thái độ chế giễu thông thường. Chúng tôi không bao giờ

conventional sneering attitude. We never heard any more of them, but they had had their chance. Some past karma had evidently given them the right to the opportunity, and though it meant nothing to them then, it may possibly help them a little towards taking it when another such chance comes to them.

nghe thêm gì về họ, nhưng họ đã có cơ hội của mình. Một số nghiệp quả trong quá khứ rõ ràng đã cho họ quyền có cơ hội, và mặc dù điều đó không có ý nghĩa gì với họ lúc đó, nhưng có thể nó sẽ giúp họ một chút khi một cơ hội tương tự khác đến với họ.

On this occasion Madame Blavatsky carried out very fully the idea of not blaming people who are in darkness. She knew that the more self-satisfied they were the more they were to be pitied. It is useless to blame anybody for being what he habitually is, because that is his level in evolution; that is as far as he has got. If he falls below his average level we may reasonably say: "You know, that is wrong; you ought not to have done that," and it may possibly help him not to do it again. But the level where a man habitually is shows where he is in evolution, and however far back he is there is nothing to be gained by blaming him. It would be as foolish as to blame a child of five years old because he is not yet ten.

Trong dịp này, Bà Blavatsky đã thực hiện rất đầy đủ ý tưởng không trách móc những người đang trong bóng tối. Bà biết rằng càng tự mãn, họ càng đáng thương. Thật vô ích khi trách móc ai đó vì là những gì anh ta thường xuyên là, bởi vì đó là cấp độ của anh ta trong tiến hóa; đó là mức độ mà anh ta đã đạt được. Nếu anh ta rơi xuống dưới mức trung bình của mình, chúng ta có thể hợp lý nói: "Bạn biết đấy, điều đó là sai; bạn không nên làm điều đó," và có thể giúp anh ta không làm điều đó lần nữa. Nhưng mức độ mà một người thường xuyên là cho thấy anh ta đang ở đâu trong tiến hóa, và dù anh ta có lùi xa đến đâu cũng không có gì để đạt được bằng cách trách móc anh ta. Điều đó sẽ ngu ngốc như trách móc một đứa trẻ năm tuổi vì nó chưa mười tuổi.

Then again, those very people who frequently exhibit the least pleasant characteristics have in them the potentiality of the high and noble things as well, and sometimes these come out in a great burst when an emergency arises. As I explained before, there are men whose ordinary lives are certainly at- a very low level, yet in some great emergency they may show an unselfishness which enables them to throw away their lives for the sake of a comrade. Man always has the god within, and it shows out sometimes when we least expect it. Because it is there, it is always possible to appeal to it. We cannot always reach it, because it is so deeply buried, yet in most cases we are able to catch a glimpse of it in some way.

Rồi lại nữa, những người thường xuyên thể hiện những đặc điểm ít dễ chịu nhất cũng có trong họ tiềm năng của những điều cao quý và cao cả, và đôi khi những điều này bùng nổ trong một cơn bùng phát lớn khi có tình huống khẩn cấp. Như tôi đã giải thích trước đây, có những người mà cuộc sống thường ngày chắc chắn ở mức rất thấp, nhưng trong một tình huống khẩn cấp lớn, họ có thể thể hiện một sự vị tha cho phép họ hy sinh cuộc sống của mình vì lợi ích của một đồng đội. Con người luôn có vị thần bên trong, và nó thể hiện ra đôi khi khi chúng ta ít mong đợi nhất. Bởi vì nó ở đó, luôn có thể kêu gọi nó. Chúng ta không thể luôn luôn tiếp cận nó, bởi vì nó bị chôn vùi quá sâu, nhưng trong hầu hết các trường hợp, chúng ta có thể thoáng thấy nó theo một cách nào đó.

The sight of the suffering of the world also brings, it is said here, terrible toil; once having seen this vast mass of backwardness and misery we cannot help working all the time to alter it. There is nothing else to be done. We can never go back into the world and be careless of the existence of the suffering and sorrow when once we have really felt it. Yet behind the toil is a great and ever-increasing delight. This comes from the recognition of the law; we see the meaning of suffering and the good that is to come out of it. Note the words: "You enter into a partnership of joy." That is the real beauty of this higher life. We come into partnership with the greater people. We feel ourselves to be working for and with Them, and that is of itself so great a joy that it supports us through work which otherwise we might feel it impossible to carry out.

Cảnh tượng đau khổ của thế giới cũng mang lại, như đã nói ở đây, công việc khủng khiếp; một khi đã thấy khối lượng lớn của sự lạc hậu và đau khổ này, chúng ta không thể không làm việc suốt thời gian để thay đổi nó. Không có gì khác để làm. Chúng ta không bao giờ có thể quay trở lại thế giới và thờ ơ với sự tồn tại của đau khổ và buồn bã khi một khi chúng ta thực sự cảm nhận được nó. Tuy nhiên, đằng sau công việc là một niềm vui lớn và ngày càng tăng. Điều này đến từ sự nhận thức về luật; chúng ta thấy ý nghĩa của đau khổ và điều tốt đẹp sẽ đến từ nó. Hãy chú ý đến những từ: "Bạn bước vào một mối quan hệ đối tác của niềm vui." Đó là vẻ đẹp thực sự của cuộc sống cao hơn này. Chúng ta bước vào mối quan hệ đối tác với những người lớn hơn. Chúng ta cảm thấy mình đang làm việc cho và với Các Ngài, và điều đó tự nó là một niềm vui lớn đến mức nó hỗ trợ chúng ta qua công việc mà nếu không chúng ta có thể cảm thấy không thể thực hiện được.

CHAPTER 11

RULE 21—QUY LUẬT 21

21. Look for the flower to bloom in the silence that follows the storm: not till them.

21. Hãy tìm kiếm bông hoa nở trong sự im lặng sau cơn bão: không phải trước đó.

It shall grow, it will shoot up, it will make branches and leaves and form buds, while the storm continues, while the battle lasts. But not till the whole personality of the man is dissolved and melted—not until it is held by the divine fragment which has created it, as a mere subject for grave experiment and experience—not until the whole nature has yielded and become subject unto its

Nó sẽ phát triển, nó sẽ vươn lên, nó sẽ tạo ra cành và lá và hình thành nụ, trong khi cơn bão tiếp tục, trong khi trận chiến kéo dài. Nhưng không phải cho đến khi toàn bộ phàm ngã của con người được hòa tan và tan chảy—không phải cho đến khi nó được giữ bởi mảnh thiêng liêng đã tạo ra nó, như một đối tượng cho thí nghiệm và trải nghiệm nghiêm túc—không phải cho đến khi toàn bộ bản chất đã nhượng

Higher Self, can the bloom open. Then will come a calm such as comes in a tropical country after the heavy rain, when nature works so swiftly that one may see her action. Such a calm will come to the harassed spirit. And in the deep silence the mysterious event will occur which will prove that the way has been found. Call it by what name you will, it is a voice that speaks where there is none to speak—it is a messenger that comes, a messenger without form or substance; or it is the flower of the soul that has opened. It cannot be described by any metaphor. But it can be felt after, looked for, and desired, even amid the raging of the storm.

bộ và trở thành đối tượng cho Chân Ngã của nó, bông hoa mới có thể nở. Rồi sẽ đến một sự bình yên như đến trong một quốc gia nhiệt đới sau cơn mưa lớn, khi thiên nhiên hoạt động nhanh chóng đến mức người ta có thể thấy hành động của nó. Một sự bình yên như vậy sẽ đến với tinh thần bị quấy rối. Và trong sự im lặng sâu sắc, sự kiện bí ẩn sẽ xảy ra, chứng minh rằng con đường đã được tìm thấy. Gọi nó bằng bất kỳ tên nào bạn muốn, đó là một giọng nói nói nơi không có ai để nói—đó là một sứ giả đến, một sứ giả không có hình dạng hay chất liệu; hoặc đó là bông hoa của linh hồn đã nở. Nó không thể được mô tả bằng bất kỳ phép ẩn dụ nào. Nhưng nó có thể được cảm nhận sau đó, tìm kiếm, và mong muốn, ngay cả giữa cơn bão đang gào thét.

C.W.L.—The blooming of the flower is the development, the unfoldment of the soul. The worst feature of sorrow and suffering down here is the feeling that one is helpless. People engage in all sorts of struggles, and in many cases think they are predestined to fail. They will say: "I have heard of certain people making rapid progress, but there is no chance for me." They are hopeless about it because they do not know. We can never again have that feeling when once the soul has unfolded

C.W.L.—Sự nở hoa là sự phát triển, sự mở rộng của linh hồn. Đặc điểm tồi tệ nhất của nỗi buồn và đau khổ ở đây là cảm giác rằng một người bất lực. Mọi người tham gia vào mọi loại đấu tranh, và trong nhiều trường hợp nghĩ rằng họ được định sẵn để thất bại. Họ sẽ nói: "Tôi đã nghe nói về một số người tiến bộ nhanh chóng, nhưng không có cơ hội cho tôi." Họ tuyệt vọng về điều đó vì họ không biết. Chúng ta không bao giờ có thể có cảm giác đó nữa khi một khi linh hồn đã tự mở rộng, bởi vì

itself, because we know. We shall still have struggles and troubles and difficulties, but we know for certain that as souls we are invincible.

chúng ta biết. Chúng ta vẫn sẽ có những cuộc đấu tranh và rắc rối và khó khăn, nhưng chúng ta biết chắc chắn rằng với tư cách là linh hồn, chúng ta là bất khả chiến bại.

As is said here, it is in the silence and the calm that the soul grows. People tell us, and I think that they often emphasize it quite unduly, that the soul grows through suffering. Put that way the statement is not quite correct. It is by making mistakes and correcting them that the soul learns how to grow, and suffering invariably comes as the result of the mistakes; but as I have explained before, the growth does not take place during the suffering, but afterwards. A person may be very much better after a surgical operation, but the improvement does not take place while the operation is being performed[49]..) In like manner while people are in the throes of all sorts of terrible difficulties they are not growing, but by the way in which they meet those difficulties they may be learning to grow after they have surmounted them. It is in the silence which follows the storm that the flower grows. It is possible that plants may develop strength within themselves by enduring a storm, but growth can come only when the buffeting of the storm is over. We must have gone through the turmoil of battle before we gain that great reward of victory,

Như đã nói ở đây, chính trong sự im lặng và bình yên mà linh hồn phát triển. Mọi người nói với chúng ta, và tôi nghĩ rằng họ thường nhấn mạnh điều đó một cách không cần thiết, rằng linh hồn phát triển thông qua đau khổ. Nói theo cách đó thì tuyên bố không hoàn toàn đúng. Chính bằng cách mắc sai lầm và sửa chữa chúng mà linh hồn học cách phát triển, và đau khổ luôn đến như kết quả của những sai lầm; nhưng như tôi đã giải thích trước đây, sự phát triển không diễn ra trong khi đau khổ, mà là sau đó. Một người có thể tốt hơn rất nhiều sau một cuộc phẫu thuật, nhưng sự cải thiện không diễn ra trong khi cuộc phẫu thuật đang được thực hiện. Tương tự như vậy, trong khi mọi người đang trong cơn đau khổ của mọi loại khó khăn khủng khiếp, họ không phát triển, nhưng bằng cách mà họ đối mặt với những khó khăn đó, họ có thể học cách phát triển sau khi họ đã vượt qua chúng. Chính trong sự im lặng sau cơn bão mà bông hoa phát triển. Có thể rằng cây cối có thể phát triển sức mạnh bên trong chính mình bằng cách chịu đựng một cơn bão, nhưng sự phát triển chỉ có thể đến khi sự va đập của cơn bão kết thúc. Chúng ta phải trải qua sự hỗn loạn của trận

[49] *Ante.* p. 100

the real unfoldment of the soul, which brings with it a calm certainty which nothing again can ever shake.

chiến trước khi chúng ta đạt được phần thưởng lớn của chiến thắng, sự mở rộng thực sự của linh hồn, mang lại cho chúng ta một sự chắc chắn bình yên mà không gì có thể lay chuyển được.

The whole world is crying out, as it were, for that certainty about the higher things. So eager are the people that any charlatan who professes to have direct knowledge is at once assured of a following. Any teacher who is in earnest always draws people round him, because the religions of the world have failed sadly to give any real satisfaction. The weak point of most religious teaching in regard to all the subjects is that it does not explain; it simply lays down the law—perfectly good law—such as "Thou shalt not kill," but it does not explain in detail why all these things are wrong. For example, as regards anger and evil thought, nothing is taught as to the wrong done in that way so long as it does not show itself either in speech or in action. Yet Christ spoke plainly enough on matters of that sort. He declared emphatically with regard to the seventh commandment that a man who looked in the wrong way upon a woman had already committed the sin in his heart, but there is no record of His having given any explanation as to the way in which the thought-form acts, which would have made His teaching on that point far more

Toàn thế giới đang kêu gọi, như thể, cho sự chắc chắn đó về những điều cao hơn. Mọi người háo hức đến mức bất kỳ kẻ lừa đảo nào tuyên bố có kiến thức trực tiếp ngay lập tức được đảm bảo có người theo dõi. Bất kỳ giáo viên nào thực sự nghiêm túc luôn thu hút mọi người xung quanh mình, bởi vì các tôn giáo của thế giới đã thất bại một cách đáng buồn trong việc mang lại bất kỳ sự thỏa mãn thực sự nào. Điểm yếu của hầu hết các giáo lý tôn giáo liên quan đến tất cả các chủ đề là nó không giải thích; nó chỉ đơn giản đặt ra luật—luật hoàn toàn tốt—như "Ngươi không được giết người," nhưng nó không giải thích chi tiết tại sao tất cả những điều này là sai. Ví dụ, về sự giận dữ và suy nghĩ xấu, không có gì được dạy về sự sai trái theo cách đó miễn là nó không thể hiện ra trong lời nói hay hành động. Tuy nhiên, Đức Christ đã nói rõ ràng về những vấn đề như vậy. Ngài tuyên bố mạnh mẽ về điều răn thứ bảy rằng một người đàn ông nhìn một cách sai trái vào một người phụ nữ đã phạm tội trong lòng mình, nhưng không có ghi chép nào về việc Ngài đã đưa ra bất kỳ giải thích nào về cách mà hình tư tưởng hoạt động, điều này sẽ làm cho giáo lý của Ngài về điểm đó dễ hiểu hơn nhiều.

comprehensible.

The first step towards gaining direct certainty about spiritual or superphysical truth is that which is in effect—the first step in all occult progress—the dominating of the personality. When we have achieved that, peace comes at once, and we then find we have been living in the midst of an atmosphere of peace and did not know it; because we ourselves made a little storm around us for us the peace was not, even though some of our neighbours may have been living in it all the time When this soul faculty, this certainty, is attained, nothing ever seems the same again, because then we can no longer have any sense of hopelessness. That which we merely believe may fail us at a critical time, because the basis of belief which satisfies a man at one time does not always satisfy him at another, when perhaps he is under tremendous strain. But this certainty always satisfies. When once we have seen and known for ourselves, even though that sight and knowledge may fall away from us and we may no longer be able to cling to them, we can always say: "I have seen; I have known; just now I am not able to see or to know but I have seen, I have known," and that certainty carries us through.

Bước đầu tiên để đạt được sự chắc chắn trực tiếp về chân lý tinh thần hoặc siêu vật lý là điều đó thực sự là—bước đầu tiên trong tất cả tiến bộ huyền bí—sự thống trị của phàm ngã. Khi chúng ta đạt được điều đó, sự bình yên đến ngay lập tức, và chúng ta nhận thấy rằng chúng ta đã sống trong một bầu không khí của sự bình yên mà không biết; bởi vì chúng ta tự tạo ra một cơn bão nhỏ xung quanh chúng ta, sự bình yên không có, mặc dù một số người hàng xóm của chúng ta có thể đã sống trong đó suốt thời gian. Khi khả năng linh hồn này, sự chắc chắn này, được đạt được, không có gì dường như giống như trước nữa, bởi vì khi đó chúng ta không còn có bất kỳ cảm giác tuyệt vọng nào. Điều mà chúng ta chỉ tin có thể thất bại chúng ta vào thời điểm quan trọng, bởi vì cơ sở của niềm tin thỏa mãn một người vào một thời điểm không phải lúc nào cũng thỏa mãn anh ta vào một thời điểm khác, khi có lẽ anh ta đang chịu áp lực lớn. Nhưng sự chắc chắn này luôn thỏa mãn. Khi một khi chúng ta đã thấy và biết cho chính mình, mặc dù cái nhìn và kiến thức đó có thể rời xa chúng ta và chúng ta có thể không còn bám vào chúng, chúng ta luôn có thể nói: "Tôi đã thấy; tôi đã biết; ngay bây giờ tôi không thể thấy hoặc biết nhưng tôi đã thấy, tôi đã biết," và sự chắc chắn đó mang chúng ta qua.

Indeed, when we have had this direct

Thật vậy, khi chúng ta đã có trải nghiệm trực

experience we find it very difficult to think ourselves back into the condition m which we were before. It changes our whole attitude towards everything in the world. Happenings which seemed of great importance before are seen to be of much less significance; now that we know the great inner truth of the life which really matters, the outer life which does not matter takes its proper place. Yet we have to remember that most people whom we meet are still where we were before we had that expansion of consciousness, and it is sometimes a little difficult not to lack sympathy with them, because they are pursuing will-o'-the-wisps. We forget that until yesterday we were doing the same thing.

tiếp này, chúng ta thấy rất khó để nghĩ lại vào tình trạng mà chúng ta đã ở trước đó. Nó thay đổi toàn bộ thái độ của chúng ta đối với mọi thứ trên thế giới. Những sự kiện dường như rất quan trọng trước đây được thấy là ít ý nghĩa hơn nhiều; bây giờ chúng ta biết sự thật bên trong lớn lao của cuộc sống thực sự quan trọng, cuộc sống bên ngoài không quan trọng chiếm vị trí thích hợp của nó. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng hầu hết những người chúng ta gặp vẫn đang ở nơi chúng ta đã ở trước khi chúng ta có sự mở rộng tâm thức đó, và đôi khi hơi khó để không thiếu sự đồng cảm với họ, bởi vì họ đang theo đuổi những điều không thực. Chúng ta quên rằng cho đến ngày hôm qua chúng ta cũng đã làm điều tương tự.

> The silence may last a moment of time or it may last a thousand years. But it will end. Yet you will carry its strength with you. Again and again the battle must be fought and won. It is only for an interval that nature can be still.

> Sự im lặng có thể kéo dài một khoảnh khắc hoặc có thể kéo dài một nghìn năm. Nhưng nó sẽ kết thúc. Tuy nhiên, bạn sẽ mang theo sức mạnh của nó với bạn. Lần này qua lần khác trận chiến phải được chiến đấu và chiến thắng. Chỉ trong một khoảng thời gian mà thiên nhiên có thể yên tĩnh.

The actual moment of complete unfoldment may take place at any point of a man's career; that is to say, when the time comes for the soul to unfold it can do so whether it has a physical body or not at the time; the silence would last only a moment, or only a very short time, here

Khoảnh khắc thực sự của sự mở rộng hoàn toàn có thể diễn ra tại bất kỳ điểm nào trong sự nghiệp của một người; nghĩa là, khi thời điểm đến để linh hồn mở rộng, nó có thể làm như vậy dù có một thể xác hay không vào thời điểm đó; sự im lặng sẽ chỉ kéo dài một khoảnh khắc,

on the physical plane, but it might well last a thousand years if the man were in the heaven-world. It will come at some time to all, and once attained it can never be lost. Yet it is only for a moment that-nature can be still, because evolution is steadily going on, and to stand still is not to evolve. It has been said that in occultism no man stands still, that he is always either retrograding or advancing. I do not know whether that is actually so, but it is quite certain that if he is not advancing he should examine himself, and try to find out why. There ought to be steady and continuous progress.

hoặc chỉ một thời gian rất ngắn, ở đây trên cõi hồng trần, nhưng nó có thể kéo dài một nghìn năm nếu người đó đang ở trong cõi thượng thiên. Nó sẽ đến vào một thời điểm nào đó với tất cả, và một khi đạt được, nó không bao giờ có thể bị mất. Tuy nhiên, chỉ trong một khoảnh khắc mà thiên nhiên có thể yên tĩnh, bởi vì tiến hóa đang diễn ra đều đặn, và đứng yên không phải là tiến hóa. Người ta đã nói rằng trong huyền bí học không ai đứng yên, rằng anh ta luôn hoặc là thụt lùi hoặc tiến lên. Tôi không biết liệu điều đó có thực sự như vậy không, nhưng hoàn toàn chắc chắn rằng nếu anh ta không tiến lên, anh ta nên tự kiểm tra, và cố gắng tìm ra lý do tại sao. Phải có sự tiến bộ đều đặn và liên tục.

We come now to the Master Hilarion's note on Rule 21.

Chúng ta đến bây giờ với ghi chú của Chân sư Hilarion về Quy luật 21.

> The opening of the bloom is the glorious moment when perception awakes; with it comes confidence, knowledge, certainty. The pause of the soul is the moment of wonder, and the next moment of satisfaction—that is the silence.

> Sự nở hoa là khoảnh khắc vinh quang khi nhận thức thức tỉnh; cùng với nó đến sự tự tin, kiến thức, sự chắc chắn. Sự tạm dừng của linh hồn là khoảnh khắc của sự kỳ diệu, và khoảnh khắc tiếp theo của sự thỏa mãn—đó là sự im lặng.

The opening of the bloom is a gradual process. Even while the bud is still tightly shut it is slowly swelling under the influence of the sun and rain and the manifold influences that play

Sự nở hoa là một quá trình dần dần. Ngay cả khi nụ hoa vẫn còn đóng chặt, nó đang từ từ phồng lên dưới ảnh hưởng của mặt trời và mưa và những ảnh hưởng đa dạng tác động lên nó.

upon it. The actual bursting of the bud is comparatively sudden, but the growth is continuous. The growth has been progressing before that; it will go on after. To take another analogy: the growth of the chicken has been taking place inside the egg before, and it continues after, the breaking of the shell; there is a particular point when the shell is broken that is for us the dramatic moment, though it is really only part of a steady growth. It is the same with the growth of the soul.

Sự nở bung thực sự của nụ hoa là tương đối đột ngột, nhưng sự phát triển là liên tục. Sự phát triển đã tiến triển trước đó; nó sẽ tiếp tục sau đó. Để lấy một phép ẩn dụ khác: sự phát triển của con gà đã diễn ra bên trong quả trứng trước đó, và nó tiếp tục sau khi vỏ trứng bị vỡ; có một điểm cụ thể khi vỏ trứng bị vỡ, đó là khoảnh khắc kịch tính đối với chúng ta, mặc dù thực sự chỉ là một phần của sự phát triển đều đặn. Nó cũng giống như vậy với sự phát triển của linh hồn.

This passage refers also to a particular stage in the disciple's life. It describes the feelings of the man when the first great truth of Initiation is put before him. People are apt to think that the things that will be taught at Initiation are many and various. I violate no pledge in saying that the great truths are not all given at the same time. At each stage one single fact is communicated—a fact that changes the face of the earth for the man, in the same way that the knowledge of reincarnation and karma has changed our lives. One would expect that, having a new fact put before him, it would be necessary for the Initiate to grow into it and prove it. It is not so. The moment the man has the truth he recognizes it at once as true: he needs no proof. Then comes the moment of wonder; he marvels at the beauty and perfection of it.

Đoạn văn này cũng đề cập đến một giai đoạn cụ thể trong cuộc đời của đệ tử. Nó mô tả cảm giác của người đàn ông khi chân lý lớn đầu tiên của Điểm đạo được đặt trước mặt anh ta. Mọi người có xu hướng nghĩ rằng những điều sẽ được dạy tại Điểm đạo là nhiều và đa dạng. Tôi không vi phạm bất kỳ lời hứa nào khi nói rằng những chân lý lớn không được đưa ra cùng một lúc. Tại mỗi giai đoạn, một sự thật duy nhất được truyền đạt—một sự thật thay đổi bộ mặt của trái đất đối với người đàn ông, theo cách mà kiến thức về luân hồi và nghiệp quả đã thay đổi cuộc sống của chúng ta. Người ta sẽ mong đợi rằng, khi có một sự thật mới được đặt trước mặt anh ta, sẽ cần thiết cho Điểm đạo đồ phát triển vào nó và chứng minh nó. Không phải vậy. Ngay khi người đàn ông có sự thật, anh ta nhận ra ngay lập tức rằng nó là đúng: anh ta không cần bằng chứng. Rồi đến khoảnh

Only later does he see that this is not everything. Later vision brings more into view, but for the moment it is perfection. He wonders also that what is so obvious has escaped his notice before. Then comes the moment of satisfaction that is the silence.

khắc của sự kỳ diệu; anh ta ngạc nhiên trước vẻ đẹp và sự hoàn hảo của nó. Chỉ sau đó anh ta mới thấy rằng đây không phải là tất cả. Tầm nhìn sau đó mang lại nhiều hơn vào tầm nhìn, nhưng trong khoảnh khắc đó, nó là sự hoàn hảo. Anh ta cũng ngạc nhiên rằng điều gì đó rõ ràng như vậy đã thoát khỏi sự chú ý của anh ta trước đây. Rồi đến khoảnh khắc của sự thỏa mãn đó là sự im lặng.

Know, O disciple, that those who have passed through the silence, and felt its peace and retained its strength, they long that you shall pass through it also.

Hãy biết, hỡi đệ tử, rằng những người đã trải qua sự im lặng, và cảm nhận được sự bình yên của nó và giữ được sức mạnh của nó, họ mong muốn rằng bạn cũng sẽ trải qua nó.

Certainly they do, because those who have unfolded the faculties of the soul know the whole system, and see it all in action before them, and because they see it, they yearn that every one shall see it. They realize that part of that plan is that we should all help. Therefore they desire that every one as soon as possible should be brought to see that his duty is to assist, that that is the real work of the world. We all have subsidiary work to do; we have our part to play on the stage of the physical world, and we must play that part as well, as nobly, as we can; it does not matter what it is, it matters only that we should play it well. But we must remember that behind that is the real soul-life, and that is the thing of greatest

Chắc chắn họ làm, bởi vì những người đã mở rộng các khả năng của linh hồn biết toàn bộ hệ thống, và thấy tất cả trong hành động trước mặt họ, và bởi vì họ thấy nó, họ khao khát rằng mọi người sẽ thấy nó. Họ nhận ra rằng một phần của kế hoạch đó là chúng ta nên tất cả giúp đỡ. Do đó, họ mong muốn rằng mọi người càng sớm càng tốt sẽ được đưa đến để thấy rằng nhiệm vụ của anh ta là hỗ trợ, rằng đó là công việc thực sự của thế giới. Chúng ta đều có công việc phụ để làm; chúng ta có vai trò của mình để đóng trên sân khấu của thế giới vật chất, và chúng ta phải đóng vai đó tốt nhất, cao quý nhất có thể; không quan trọng đó là gì, chỉ quan trọng là chúng ta nên đóng vai đó tốt. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng đằng sau đó là

importance.

cuộc sống linh hồn thực sự, và đó là điều quan trọng nhất.

We live in an atmosphere where the means is taken for the end. Most of our education is built on that plan. For example, people are taught geometry and mathematics, but are never shown that these lead to a comprehension of how the great Architect has constructed His universe. So long as we take them as ends in themselves they lead nowhere in particular; but if we follow them up as did the ancients who invented them, we shall find they are of great use. Pythagoras taught the value of numbers and of geometry, but he taught it to the *physikoi,* that is, to those who were learning the secrets of life. They learnt them in order to comprehend life better, and it is from that point of view that we should study all things, not merely to make material and commercial calculations.

Chúng ta sống trong một bầu không khí nơi phương tiện được coi là mục đích. Hầu hết giáo dục của chúng ta được xây dựng trên kế hoạch đó. Ví dụ, mọi người được dạy hình học và toán học, nhưng không bao giờ được chỉ ra rằng những điều này dẫn đến sự hiểu biết về cách mà Kiến trúc sư vĩ đại đã xây dựng vũ trụ của Ngài. Miễn là chúng ta coi chúng là mục đích tự thân, chúng không dẫn đến đâu cả; nhưng nếu chúng ta theo đuổi chúng như những người cổ đại đã phát minh ra chúng, chúng ta sẽ thấy chúng rất hữu ích. Pythagoras đã dạy giá trị của số và hình học, nhưng ông đã dạy nó cho các physikoi, tức là những người đang học các bí mật của cuộc sống. Họ học chúng để hiểu cuộc sống tốt hơn, và đó là từ quan điểm đó mà chúng ta nên nghiên cứu mọi thứ, không chỉ để thực hiện các tính toán vật chất và thương mại.

Therefore, in the Hall of Learning, when he is capable of entering there, the disciple will always find his Master.

Do đó, trong Phòng Học Hỏi, khi y có khả năng bước vào đó, đệ tử sẽ luôn tìm thấy Chân sư của mình.

There has been a great deal of misunderstanding about those words, “the Hall of Learning”. They are used also in *The Voice of the Silence.* The three halls mentioned there may be taken in more than one way, as I have already explained.[50]

Đã có rất nhiều sự hiểu lầm về những từ ngữ đó, "Phòng Học Hỏi". Chúng cũng được sử dụng trong Tiếng Nói của Im Lặng. Ba phòng được đề cập ở đó có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, như tôi đã giải thích.

Mabel Collins, who wrote down *Light on the Path,* took the hall of learning in a very literal sense as an actual building. She speaks of having astrally entered this building and seen some of these precepts written there in golden letters on the wall. She may be perfectly right in making this statement. This experience

Mabel Collins, người đã viết Ánh sáng trên Đường Đạo, đã hiểu phòng học hỏi theo nghĩa đen là một tòa nhà thực sự. Bà nói về việc đã nhập vào tòa nhà này bằng thể cảm dục và thấy một số giáo lý này được viết bằng chữ vàng trên tường. Bà có thể hoàn toàn đúng khi đưa ra tuyên bố này. Trải nghiệm này có thể

[50] *Ante.* Vol. II, p. 89ss.

may belong to the particular method by which she was taught, and those who taught her may have had such a temple. I do not know whether that is so; I can only say that I have never seen it. But it is quite obvious that much of what is said here about the hall of learning clearly refers to the astral plane, where the aspirant at first learns most of his lessons. Few men have yet developed the astral body fully; most are still learning how to use it; therefore a great deal of work is being done at that level. Men are also gradually developing the mental body, but are not yet able to use that as a vehicle even after death. Anyone who has developed the faculties of the mental body and can look at dead people, finds them each shut up in a shell of his own thought, with certain avenues open from that shell—but only a very few, and only to a very limited degree. The dead man lives in that shell, and not in the mental world at all. That is why he is perfectly happy with his very limited ideas. Undoubtedly his capacity for bliss would be far greater if he had the whole mental plane at his disposal and had developed the faculties which would enable him to function fully on it. As it is, he is in the midst of it all, but because of his limitations he can touch only a small amount of what might otherwise be attained.

thuộc về phương pháp cụ thể mà bà đã được dạy, và những người đã dạy bà có thể đã có một ngôi đền như vậy. Tôi không biết điều đó có đúng không; tôi chỉ có thể nói rằng tôi chưa bao giờ thấy nó. Nhưng rõ ràng là nhiều điều được nói ở đây về phòng học hỏi rõ ràng ám chỉ đến cõi cảm dục, nơi mà người chí nguyện ban đầu học hầu hết các bài học của mình. Rất ít người đã phát triển thể cảm dục đầy đủ; hầu hết vẫn đang học cách sử dụng nó; do đó, rất nhiều công việc đang được thực hiện ở cấp độ đó. Con người cũng đang dần phát triển thể trí, nhưng vẫn chưa thể sử dụng nó như một vận cụ ngay cả sau khi chết. Bất kỳ ai đã phát triển các khả năng của thể trí và có thể nhìn vào người chết, đều thấy họ mỗi người bị nhốt trong một vỏ bọc của tư tưởng riêng của mình, với một số lối đi mở ra từ vỏ bọc đó—nhưng chỉ rất ít, và chỉ ở mức độ rất hạn chế. Người chết sống trong vỏ bọc đó, và không sống trong thế giới trí tuệ chút nào. Đó là lý do tại sao y hoàn toàn hạnh phúc với những ý tưởng rất hạn chế của mình. Chắc chắn khả năng hạnh phúc của y sẽ lớn hơn nhiều nếu y có toàn bộ cõi trí tuệ trong tầm tay và đã phát triển các khả năng cho phép y hoạt động đầy đủ trên đó. Như hiện tại, y đang ở giữa tất cả, nhưng vì những hạn chế của mình, y chỉ có thể chạm vào một lượng nhỏ những gì có thể đạt được.

Few people have developed the mental body to a point at which it can be used as a vehicle. Pupils of the Masters are in due course taught to travel in their mental bodies, and to form what is called the *mayavi rupa* when they wish to work on the astral plane. One who has learnt to do this leaves his astral and physical bodies lying on the bed, and when he wishes to work on the astral plane he materializes a temporary astral body for that purpose and lets it dissolve again as soon as the necessity for it has passed. The Master first teaches the pupil how it is done, and after that he can do it

Rất ít người đã phát triển thể trí đến mức có thể sử dụng nó như một vận cụ. Các học trò của Chân sư theo thời gian được dạy cách du hành trong thể trí của họ, và hình thành cái gọi là mayavi rupa khi họ muốn làm việc trên cõi cảm dục. Một người đã học cách làm điều này sẽ để lại thể cảm dục và thể xác của mình nằm trên giường, và khi y muốn làm việc trên cõi cảm dục, y sẽ hiện hình một thể cảm dục tạm thời cho mục đích đó và để nó tan biến ngay khi nhu cầu cho nó đã qua. Chân sư đầu tiên dạy học trò cách thực hiện điều đó, và sau đó y có thể tự làm điều đó, như tôi đã giải thích

for himself, as I have explained in *The Masters and the Path?*[51]

trong Các Chân sư và Con Đường.

The assurance that the disciple will find his Master in the hall of learning seems to be a direct contradiction to the direction given in *The Voice of the Silence*—"Look not for thy Guru in those mayavic regions "[52] The two passages are perfectly reconcilable if one understands what each means. The meaning here is that in the astral world the man will always find someone representing the Master. The Master Himself will deal with him probably only on special occasions, and he will work on the astral plane generally under the direction of one of the older pupils of the Master.

Sự đảm bảo rằng đệ tử sẽ tìm thấy Chân sư của mình trong phòng học hỏi dường như là một mâu thuẫn trực tiếp với chỉ dẫn được đưa ra trong Tiếng Nói của Im Lặng—"Đừng tìm kiếm Guru của ngươi trong những vùng ảo ảnh đó." Hai đoạn văn này hoàn toàn có thể hòa giải được nếu người ta hiểu mỗi đoạn có ý nghĩa gì. Ý nghĩa ở đây là trong thế giới cảm dục, người đó sẽ luôn tìm thấy ai đó đại diện cho Chân sư. Chân sư tự mình sẽ xử lý với y có lẽ chỉ trong những dịp đặc biệt, và y sẽ làm việc trên cõi cảm dục nói chung dưới sự chỉ đạo của một trong những học trò lớn tuổi hơn của Chân sư.

The statement in *The Voice of the Silence* is merely a warning to us not to accept any casual astral entity as a guide, without knowing exactly who he is, for there are numbers of astral beings of various kinds who are ready in the most praiseworthy way to appoint themselves as teachers, and they are not in the least deterred by the fact that they often know very much less than the people whom they propose to teach.

Tuyên bố trong Tiếng Nói của Im Lặng chỉ đơn thuần là một cảnh báo cho chúng ta không nên chấp nhận bất kỳ thực thể cảm dục nào một cách tình cờ làm người hướng dẫn, mà không biết chính xác y là ai, vì có rất nhiều thực thể cảm dục thuộc nhiều loại khác nhau sẵn sàng tự bổ nhiệm mình làm giáo viên, và họ không hề bị ngăn cản bởi thực tế rằng họ thường biết rất ít hơn những người mà họ đề xuất dạy.

> Those that ask shall have. But though the ordinary man asks perpetually, his voice is not heard. For he asks with his mind only; and the voice of the mind is only heard on that plane on which the mind acts. Therefore, not until the first twenty-one rules are passed do I say that those that ask shall have.

> Những ai hỏi sẽ được nhận. Nhưng mặc dù người bình thường hỏi liên tục, giọng nói của y không được nghe thấy. Vì y chỉ hỏi bằng trí tuệ của mình; và giọng nói của trí tuệ chỉ được nghe thấy trên cõi mà trí tuệ hoạt động. Do đó, chỉ khi vượt qua hai mươi mốt Quy luật đầu tiên, tôi mới nói rằng những ai hỏi sẽ được nhận.

The first sentence in the above passage recalls a very similar one in the Gospels, in which the

Câu đầu tiên trong đoạn trên gợi nhớ đến một câu rất giống trong Phúc Âm, trong đó Đức

[51] *Op. cit.,* Ch. IX.

[52] *Ante,* Vol. II, p. 102

Christ says; “Ask, and it shall be given you; seek, and ye shall find; knock, and it shall be opened unto you.”[53] People generally take this to mean that their prayers will be answered and that if they knock at the door of heaven it will be opened to them. They vaguely think that if they try to obtain salvation it will be vouchsafed to them. This passage takes a higher standpoint, and refers quite clearly to truth and occult development. It does not apply to the ordinary man, but to the pupil who, when the first twenty-one rules are passed, has reached the first Initiation.

Christ nói: “Hãy xin, và sẽ được ban cho ngươi; hãy tìm, và ngươi sẽ thấy; hãy gõ, và sẽ được mở ra cho ngươi.” Mọi người thường hiểu điều này có nghĩa là lời cầu nguyện của họ sẽ được đáp lại và nếu họ gõ cửa thiên đàng, nó sẽ được mở ra cho họ. Họ mơ hồ nghĩ rằng nếu họ cố gắng đạt được sự cứu rỗi, nó sẽ được ban cho họ. Đoạn văn này lấy một quan điểm cao hơn, và ám chỉ rõ ràng đến sự thật và sự phát triển huyền bí. Nó không áp dụng cho người bình thường, mà cho học trò, người khi vượt qua hai mươi mốt Quy luật đầu tiên, đã đạt đến lần điểm đạo thứ nhất.

The man who asks with his mind only is endeavouring to gain occult knowledge, trying to peer into the mysteries of life and nature, merely by his mental powers, and the Master says quite clearly that that is not enough. That man will get his reply, but only at the level on which the mind acts. That is, he will acquire only an intellectual conception of certain matters. Still, that is a very fine thing to have, and is not at all to be despised. The man who in studying Theosophy obtains a firm intellectual grasp of its teaching has done exceedingly well. He then accepts it as true, because it satisfies the demands of his intellect. That is already a valuable result, but it is not actual knowledge; it is not at all the same thing as the absolute certainty which comes from knowledge gained on the intuitional plane, and the occultist thinks only of that knowledge as marking a really important advance.

Người hỏi chỉ bằng trí tuệ của mình đang cố gắng đạt được kiến thức huyền bí, cố gắng nhìn thấu những bí ẩn của cuộc sống và thiên nhiên, chỉ bằng sức mạnh trí tuệ của mình, và Chân sư nói rõ ràng rằng điều đó là không đủ. Người đó sẽ nhận được câu trả lời của mình, nhưng chỉ ở cấp độ mà trí tuệ hoạt động. Đó là, y sẽ chỉ đạt được một khái niệm trí tuệ về một số vấn đề nhất định. Tuy nhiên, đó là một điều rất tốt để có, và không nên bị coi thường. Người học Thông Thiên Học đạt được sự nắm bắt trí tuệ vững chắc về giáo lý của nó đã làm rất tốt. Y sau đó chấp nhận nó là đúng, vì nó đáp ứng được yêu cầu của trí tuệ của y. Đó đã là một kết quả có giá trị, nhưng nó không phải là kiến thức thực sự; nó không giống như sự chắc chắn tuyệt đối đến từ kiến thức đạt được trên cõi trực giác, và nhà huyền bí chỉ nghĩ đến kiến thức đó như là một bước tiến thực sự quan trọng.

One cannot have too keen an intellect; we may take that quite definitely for granted. It is well that we should endeavour to add to our knowledge, to develop our intellects by doing something definite, because, as I have explained before, no great progress can be

Không ai có thể có trí tuệ quá sắc bén; chúng ta có thể hoàn toàn tin tưởng vào điều đó. Điều tốt là chúng ta nên cố gắng bổ sung kiến thức của mình, phát triển trí tuệ của mình bằng cách làm điều gì đó cụ thể, vì, như tôi đã giải thích trước đây, không thể tiến bộ lớn trước

[53] S. Matthew, 7, 7

made before there is mental as well as astral development. In some cases the man who gains an intellectual grasp of the Theosophical system may run a considerable risk of exalting his intellect unduly. He may be tempted to criticize, to feel that he could have planned the universe much better than it is at present arranged. The man who does that is making an entirely wrong use of his intellect and will do himself harm. It would be much better for him if he were able to acquire some development along the line of feeling more deeply and keenly. But if along with his intellectual development the man can retain humility, if, while he grasps as much as he can of the system, he can yet, within himself and without, refrain from sitting in judgment upon it, then only good will result from his development.

khi có sự phát triển trí tuệ cũng như cảm dục. Trong một số trường hợp, người đạt được sự nắm bắt trí tuệ về hệ thống Thông Thiên Học có thể gặp rủi ro đáng kể khi đề cao trí tuệ của mình quá mức. Y có thể bị cám dỗ để chỉ trích, cảm thấy rằng y có thể đã sắp xếp vũ trụ tốt hơn nhiều so với hiện tại. Người làm điều đó đang sử dụng trí tuệ của mình một cách hoàn toàn sai lầm và sẽ gây hại cho bản thân. Sẽ tốt hơn nhiều cho y nếu y có thể phát triển một số khả năng theo hướng cảm nhận sâu sắc và sắc bén hơn. Nhưng nếu cùng với sự phát triển trí tuệ của mình, người đó có thể giữ được sự khiêm tốn, nếu, trong khi nắm bắt được càng nhiều càng tốt của hệ thống, y vẫn có thể, trong bản thân và bên ngoài, kiềm chế không phán xét nó, thì chỉ có điều tốt sẽ đến từ sự phát triển của y.

We are always told that we must follow our own conscience. The dictates of conscience come from above and represent usually the knowledge of the ego on the subject. But the ego himself is only partially developed as yet. His knowledge on any given subject may be quite small, or even inaccurate, and he can reason only from the information before him. Because of this a man's conscience often misleads him. It sometimes happens that an ego who is young and knows but little may nevertheless be able to impress his will upon the personality. As a general rule, the undeveloped ego is also undeveloped in his power of impressing himself upon his lower vehicles, and perhaps that is just as well. Sometimes, however, an ego who lacks development in tolerance and wide knowledge may yet have a will sufficiently strong to impress upon his physical brain orders which would show that he was a very young ego and did not understand.[54]

Chúng ta luôn được bảo rằng phải theo lương tâm của mình. Những mệnh lệnh của lương tâm đến từ trên cao và thường đại diện cho kiến thức của chân ngã về vấn đề đó. Nhưng chính chân ngã cũng chỉ mới phát triển một phần. Kiến thức của y về bất kỳ chủ đề nào có thể rất nhỏ, hoặc thậm chí không chính xác, và y chỉ có thể lý luận từ thông tin trước mặt. Vì lý do này, lương tâm của một người thường dẫn dắt y sai lầm. Đôi khi xảy ra trường hợp một chân ngã trẻ và biết rất ít nhưng vẫn có thể áp đặt ý chí của mình lên phàm ngã. Theo quy luật chung, chân ngã chưa phát triển cũng chưa phát triển trong khả năng áp đặt bản thân lên các vận cụ thấp hơn của mình, và có lẽ điều đó cũng tốt. Tuy nhiên, đôi khi, một chân ngã thiếu phát triển trong sự khoan dung và kiến thức rộng lớn vẫn có thể có ý chí đủ mạnh để áp đặt lên bộ não thể xác của mình những mệnh lệnh cho thấy y là một chân ngã rất trẻ và không hiểu biết.

We cannot but obey our conscience, yet surely we might try to check and verify it by certain broad facts which no one can dispute. It may be that the Inquisitors were acting under the dictates of their conscience sometimes, but if they had compared the great broad rules that they should love one another which their supposed leader, Christ, had given them, with the conscience which dictated murders and tortures and burnings, they would have waited and said: "Manifestly something is wrong. Let us at least take counsel before we follow our instincts in this particular matter." They would have been quite right to take such counsel, to test that conscience, by the general rules coming from One whom they themselves acknowledged as infinitely greater than themselves. They did not think of it; so came much evil into the world. Very few

Chúng ta không thể không tuân theo lương tâm của mình, nhưng chắc chắn chúng ta có thể cố gắng kiểm tra và xác minh nó bằng những sự thật rộng lớn mà không ai có thể tranh cãi. Có thể rằng các Inquisitors đôi khi hành động theo mệnh lệnh của lương tâm của họ, nhưng nếu họ đã so sánh những Quy luật lớn mà họ nên yêu thương nhau mà người lãnh đạo giả định của họ, Đức Christ, đã ban cho họ, với lương tâm đã chỉ đạo các vụ giết người và tra tấn và thiêu sống, họ sẽ đã chờ đợi và nói: "Rõ ràng có điều gì đó sai. Hãy ít nhất tham khảo ý kiến trước khi chúng ta theo bản năng của mình trong vấn đề cụ thể này." Họ sẽ hoàn toàn đúng khi tham khảo ý kiến như vậy, để kiểm tra lương tâm đó, bằng những Quy luật chung đến từ Một người mà họ tự nhận là vô cùng lớn hơn chính họ. Họ đã không nghĩ đến điều đó; vì vậy đã có nhiều điều ác đến với

[54] *Ante.,* Vol. I, Part IV, Ch. 6: *Confidence.*

people will pause and consider in a case of that sort, yet one can easily see that it is the only safe thing to do.

thế giới. Rất ít người sẽ dừng lại và suy nghĩ trong một trường hợp như vậy, nhưng người ta có thể dễ dàng thấy rằng đó là điều an toàn duy nhất để làm.

So we must use our intellect in such a way that it will be an instrument of the ego, and will not be an obstacle in the path of his development. Therefore, when conscience seems to dictate to us something which is clearly against the great laws of mercy and truth and justice, we shall do well to think carefully whether the universal rule is not a greater thing than this particular application which seems to conflict with it.

Vì vậy, chúng ta phải sử dụng trí tuệ của mình theo cách mà nó sẽ là một công cụ của chân ngã, và sẽ không phải là một trở ngại trên con đường phát triển của y. Do đó, khi lương tâm dường như chỉ đạo chúng ta điều gì đó rõ ràng trái ngược với những luật lớn của lòng thương xót và sự thật và công lý, chúng ta sẽ làm tốt khi suy nghĩ cẩn thận liệu Quy luật phổ quát có phải là một điều lớn hơn so với ứng dụng cụ thể này dường như mâu thuẫn với nó.

Even before we have any definite consciousness on the intuitional plane we often receive reflections from it. Intuitions occasionally come through into our daily life, and although most of those impressions from the higher self which are genuine come rather from the causal world than from the buddhic, still now and then we receive a flash of the real knowledge of the spirit which cannot express itself on any level lower than the buddhic plane. These priceless flashes bring us a knowledge which we feel to be absolutely certain, though in many cases we cannot give any intellectual reason for it.

Ngay cả trước khi chúng ta có bất kỳ tâm thức rõ ràng nào trên cõi trực giác, chúng ta thường nhận được những phản ánh từ nó. Những trực giác đôi khi xuất hiện trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, và mặc dù hầu hết những ấn tượng từ chân ngã cao hơn vốn là chân thực đến từ thế giới nhân thể hơn là từ Bồ đề, nhưng thỉnh thoảng chúng ta nhận được một tia sáng của kiến thức thực sự của tinh thần vốn không thể biểu hiện ở bất kỳ cấp độ nào thấp hơn cõi Bồ đề. Những tia sáng vô giá này mang đến cho chúng ta một kiến thức mà chúng ta cảm thấy là hoàn toàn chắc chắn, mặc dù trong nhiều trường hợp chúng ta không thể đưa ra bất kỳ lý do trí tuệ nào cho nó.

We are right in feeling confident about it, if the thing is a real intuition. The difficulty for most of us at the earlier stages is that we cannot always distinguish between intuition and impulse. Dr. Besant has given one or two rules for that distinction. She says: “If you have time to wait and see, let the matter remain for a while—sleep on it, as people sometimes say. If it be merely an impulse, the probability is that it will die away; if it is a real intuition it will remain as strong as ever. Then, again, the intuition is always connected

Chúng ta đúng khi cảm thấy tự tin về điều đó, nếu điều đó là một trực giác thực sự. Khó khăn đối với hầu hết chúng ta ở giai đoạn đầu là chúng ta không thể luôn phân biệt giữa trực giác và xung động. Tiến sĩ Besant đã đưa ra một hoặc hai Quy luật cho sự phân biệt đó. Bà nói: “Nếu bạn có thời gian để chờ đợi và xem, hãy để vấn đề đó lại một thời gian—hãy ngủ trên nó, như người ta đôi khi nói. Nếu đó chỉ là một xung động, khả năng là nó sẽ tan biến; nếu đó là một trực giác thực sự, nó sẽ vẫn mạnh mẽ như trước. Sau đó, một lần nữa, trực giác luôn

with something unselfish. If there is any touch of selfishness shown in some impulse coming from a higher plane you may be sure that it is only an astral impulse and not a true buddhic intuition."

liên quan đến điều gì đó không ích kỷ. Nếu có bất kỳ dấu hiệu nào của sự ích kỷ được thể hiện trong một số xung động đến từ một cõi cao hơn, bạn có thể chắc chắn rằng đó chỉ là một xung động cảm dục và không phải là một trực giác Bồ đề thực sự."

Both the astral impulses and the intuitions from above enter the etheric part of the physical brain from the astral plane, but the intuition would come originally either from the causal or from the buddhic body, as the case may be. Since both descend from above it is often difficult to distinguish between them. We shall be able to distinguish infallibly at a later stage, because then we shall have our consciousness opened above the astral level and will know certainly whether these promptings arise in the astral body or come from a higher plane. At present most people have not that advantage, and consequently they have to exercise their best judgment with such mind as they have succeeded in developing.

Cả xung động cảm dục và trực giác từ trên cao đều đi vào phần dĩ thái của bộ não thể xác từ cõi cảm dục, nhưng trực giác sẽ đến từ thể nhân thể hoặc từ thể Bồ đề, tùy trường hợp. Vì cả hai đều đi xuống từ trên cao nên thường khó phân biệt giữa chúng. Chúng ta sẽ có thể phân biệt một cách không thể sai lầm ở giai đoạn sau, vì khi đó chúng ta sẽ có tâm thức của mình mở ra trên cõi cao hơn cõi cảm dục và sẽ biết chắc chắn liệu những thúc đẩy này phát sinh trong thể cảm dục hay đến từ một cõi cao hơn. Hiện tại, hầu hết mọi người không có lợi thế đó, và do đó họ phải sử dụng sự phán đoán tốt nhất của mình với trí tuệ mà họ đã phát triển.

When the twenty-one rules are passed and the disciple at Initiation receives a touch of buddhic consciousness, the knowledge of unity appears to him as a great spiritual fact. After that experience there is a difference between him and the ordinary man who asks with his mind. It has often been said that unity is the characteristic of the buddhic plane. That, perhaps, requires a little more explanation. One may know something fairly completely in one's causal body—know the essence of the thing, because the ego, working through the causal body, thinks abstract thoughts. He does not need to descend to examples, for his thoughts pierce through to the heart of the matter. But all that, however wonderful it is, is still done from the outside.

Khi hai mươi mốt Quy luật được vượt qua và đệ tử tại Điểm Đạo nhận được một chút tâm thức Bồ đề, kiến thức về sự hợp nhất xuất hiện với y như một sự thật tinh thần lớn. Sau trải nghiệm đó, có sự khác biệt giữa y và người bình thường hỏi bằng trí tuệ của mình. Người ta thường nói rằng sự hợp nhất là đặc điểm của cõi Bồ đề. Điều đó, có lẽ, cần được giải thích thêm một chút. Người ta có thể biết điều gì đó khá hoàn toàn trong thể nhân thể của mình—biết được bản chất của sự việc, vì chân ngã, làm việc thông qua thể nhân thể, suy nghĩ những tư tưởng trừu tượng. Y không cần phải hạ xuống các ví dụ, vì tư tưởng của y xuyên thấu đến cốt lõi của vấn đề. Nhưng tất cả những điều đó, dù tuyệt vời đến đâu, vẫn được thực hiện từ bên ngoài.

The great characteristic of the buddhic plane

Đặc điểm lớn của cõi Bồ đề là công việc của nó

is that its work is done from the inside. If we want to sympathize with a man, to understand him fully in order to help him, and are working in the causal body, we, metaphorically speaking, turn the limelight upon his causal body, and study all his peculiarities; they are quite well marked and plainly to be seen, but they are always seen from without. If we want the same knowledge, possessing the faculty of the buddhic plane, we raise our consciousness to the buddhic plane, and there we find the consciousness of this other man as part of ourselves. We find a point of consciousness there which represents him—we might call it a hole rather than a point. We can pour ourselves down that hole and enter into his consciousness at any lower level that we wish, and therefore we can see everything precisely as he sees it—from inside him, as it were, instead of looking at him from outside. It will be easily understood how much more that lends itself to perfect understanding and sympathy.

được thực hiện từ bên trong. Nếu chúng ta muốn đồng cảm với một người, để hiểu y hoàn toàn nhằm giúp đỡ y, và đang làm việc trong thể nhân thể, chúng ta, nói một cách ẩn dụ, chiếu ánh sáng vào thể nhân thể của y, và nghiên cứu tất cả những đặc điểm của y; chúng được đánh dấu rõ ràng và dễ thấy, nhưng chúng luôn được nhìn từ bên ngoài. Nếu chúng ta muốn có cùng kiến thức, sở hữu khả năng của cõi Bồ đề, chúng ta nâng tâm thức của mình lên cõi Bồ đề, và ở đó chúng ta tìm thấy tâm thức của người khác này như một phần của chính mình. Chúng ta tìm thấy một điểm tâm thức ở đó đại diện cho y—chúng ta có thể gọi nó là một lỗ hơn là một điểm. Chúng ta có thể đổ mình xuống lỗ đó và nhập vào tâm thức của y ở bất kỳ cấp độ thấp hơn nào mà chúng ta muốn, và do đó chúng ta có thể thấy mọi thứ chính xác như y thấy nó—từ bên trong y, như thể, thay vì nhìn vào y từ bên ngoài. Sẽ dễ dàng hiểu được điều đó mang lại sự thấu hiểu và đồng cảm hoàn hảo như thế nào.

When we have the wider view which such knowledge gives, and, having become one with all these different entities and all their different problems, we are studying them from within instead of from without, we can see the direction in which we ought to bring our force to bear. That is another and very great advantage—that we know how to approach problems down here. I do not mean that a man who has had a glimpse of that unity would not make mistakes on a lower plane; but he would not make such mistakes if he were able to raise his consciousness to that plane, look at the thing from that point of view, and then bring the remembrance clearly down into his physical brain and act upon it. He might not always have time to go through that proceeding, or he might not think of doing it at the moment; therefore, at times he

Khi chúng ta có cái nhìn rộng hơn mà kiến thức như vậy mang lại, và, đã trở thành một với tất cả những thực thể khác nhau này và tất cả những vấn đề khác nhau của họ, chúng ta đang nghiên cứu họ từ bên trong thay vì từ bên ngoài, chúng ta có thể thấy hướng mà chúng ta nên đưa lực của mình vào. Đó là một lợi thế khác và rất lớn—rằng chúng ta biết cách tiếp cận các vấn đề ở đây. Tôi không có ý nói rằng một người đã có cái nhìn thoáng qua về sự hợp nhất đó sẽ không mắc sai lầm ở cõi thấp hơn; nhưng y sẽ không mắc những sai lầm như vậy nếu y có thể nâng tâm thức của mình lên cõi đó, nhìn vào sự việc từ quan điểm đó, và sau đó mang ký ức rõ ràng xuống bộ não thể xác của mình và hành động theo nó. Y có thể không phải lúc nào cũng có thời gian để thực hiện quy trình đó, hoặc y có thể không nghĩ đến việc làm điều đó vào lúc đó; do đó, đôi khi y sẽ mắc

would make errors like other men, but certainly he would have very great advantage in the possession of that power, not only because of the greater knowledge it gave him at the moment, but also because of the wider view which would enable him to see in what direction his forces could best be used to produce the desired results.

sai lầm như những người khác, nhưng chắc chắn y sẽ có lợi thế rất lớn trong việc sở hữu sức mạnh đó, không chỉ vì kiến thức lớn hơn mà nó mang lại cho y vào lúc đó, mà còn vì cái nhìn rộng hơn sẽ cho phép y thấy hướng nào lực lượng của y có thể được sử dụng tốt nhất để tạo ra kết quả mong muốn.

To read, in the occult sense, is to read with the eyes of the spirit. To ask is to feel the hunger within—the yearning of spiritual aspiration. To be able to read means having obtained the power in a small degree of gratifying that hunger.

Đọc, theo nghĩa huyền bí, là đọc bằng mắt của tinh thần. Hỏi là cảm thấy sự khao khát bên trong—sự khao khát của khát vọng tinh thần. Có thể đọc có nghĩa là đã đạt được sức mạnh ở mức độ nhỏ để thỏa mãn sự khao khát đó.

The yearning of spiritual aspiration is not the mere desire to know and understand, which we might have in connection with the causal body. It belongs rather to the higher manifestation of the buddhic level, and it is only there that it can be fully satisfied. As I have explained, what happens in the buddhic vehicle, if brought down to the personality, is reflected in the astral body. People consequently often mistake an emotional outrush which belongs to the astral plane for real spiritual aspiration.

Sự khao khát của khát vọng tinh thần không phải là mong muốn đơn thuần để biết và hiểu, mà chúng ta có thể có liên quan đến thể nhân thể. Nó thuộc về sự biểu hiện cao hơn của cấp độ Bồ đề, và chỉ ở đó nó mới có thể được thỏa mãn hoàn toàn. Như tôi đã giải thích, những gì xảy ra trong vận cụ Bồ đề, nếu được đưa xuống phàm ngã, sẽ được phản ánh trong thể cảm dục. Do đó, mọi người thường nhầm lẫn một sự bùng nổ cảm xúc thuộc về cõi cảm dục với khát vọng tinh thần thực sự.

Those who have studied occultism ought not to make that mistake, but beginners frequently do so. We very often see examples of that during religious revivalist meetings, when quite uneducated and undeveloped people are worked up into a high condition of ecstasy for the time by the preaching of some person who is full of strong emotion himself, and therefore is able to awaken it in his hearers. Some of the great emotional preachers of the past had that power very strongly indeed. I do not for a moment say that they did not accomplish a great deal of good; no doubt they did, but most of their

Những người đã nghiên cứu huyền bí học không nên mắc sai lầm đó, nhưng người mới bắt đầu thường làm như vậy. Chúng ta rất thường thấy những ví dụ về điều đó trong các buổi họp phục hưng tôn giáo, khi những người hoàn toàn không có học thức và chưa phát triển được kích động đến một trạng thái ngây ngất cao độ trong thời gian ngắn bởi sự giảng dạy của một người đầy cảm xúc mạnh mẽ, và do đó có thể đánh thức nó trong những người nghe. Một số nhà giảng đạo cảm xúc lớn trong quá khứ đã có sức mạnh đó rất mạnh mẽ. Tôi không nói rằng họ không đạt được rất nhiều điều tốt; không nghi ngờ gì họ đã làm, nhưng

work was confessedly what we should call astral—it was aimed at the feelings of the people.

hầu hết công việc của họ rõ ràng là những gì chúng ta gọi là cảm dục—nó nhằm vào cảm xúc của mọi người.

Undoubtedly there are people in whom the higher aspiration can be evoked by working from below, but they are very few and they would be little likely to be found among the less cultured classes. This is not a narrow or illiberal view to take, because conditions of birth result from karma; if a person is born in a class of life in which he is uncultured and uneducated, it is because he has deserved that birth, and therefore the strong probabilities are that he is a younger soul than one who is born with greater advantages. That is not invariably so, because there are many exceptions and special cases, but broadly speaking it is true. So when evangelists of the Moody and Sankey type address themselves chiefly to the less educated people it is on the whole to be expected that they will arouse their emotions only, and it is uncertain whether the results will or will not be permanent. If the impression made is strong enough, the memory of it will survive even when the emotion dies down, and the person who has been what they call "saved" may remain in his new and more exalted frame of mind.

Chắc chắn có những người mà khát vọng cao hơn có thể được khơi dậy bằng cách làm việc từ bên dưới, nhưng họ rất ít và họ sẽ ít có khả năng được tìm thấy trong các tầng lớp ít văn hóa hơn. Đây không phải là một quan điểm hẹp hòi hay không khoan dung, vì điều kiện sinh ra là kết quả của nghiệp quả; nếu một người sinh ra trong một tầng lớp sống mà y không có văn hóa và không có học thức, đó là vì y đã xứng đáng với sự sinh ra đó, và do đó khả năng mạnh mẽ là y là một linh hồn trẻ hơn một người sinh ra với những lợi thế lớn hơn. Điều đó không phải lúc nào cũng đúng, vì có nhiều ngoại lệ và trường hợp đặc biệt, nhưng nói chung là đúng. Vì vậy, khi các nhà truyền giáo kiểu Moody và Sankey chủ yếu hướng đến những người ít học hơn, nhìn chung có thể dự đoán rằng họ sẽ chỉ khơi dậy cảm xúc của họ, và không chắc chắn liệu kết quả có tồn tại lâu dài hay không. Nếu ấn tượng tạo ra đủ mạnh, ký ức về nó sẽ tồn tại ngay cả khi cảm xúc lắng xuống, và người đã được gọi là "được cứu" có thể duy trì trong trạng thái tâm trí mới và cao hơn của mình.

These great emotional upheavals are sometimes beneficial, but in many instances they are harmful. Against the cases of people who have thereby permanently abandoned their evil life we have to set those ethers in which serious harm is done, in which people, for example, are altogether driven off their mental balance, and become weak-minded or even violently insane. Cases in which lasting benefit results are not very common; the great majority are affected only temporarily: the excitement passes and no very definite good remains. Nevertheless it is a good thing in

Những cuộc biến động cảm xúc lớn này đôi khi có lợi, nhưng trong nhiều trường hợp chúng có hại. Đối với những trường hợp người đã từ bỏ cuộc sống xấu xa của mình một cách vĩnh viễn, chúng ta phải đối mặt với những trường hợp khác trong đó gây hại nghiêm trọng, trong đó người, chẳng hạn, hoàn toàn mất cân bằng tinh thần, và trở nên yếu đuối hoặc thậm chí điên loạn. Các trường hợp trong đó lợi ích lâu dài là kết quả không phổ biến; phần lớn chỉ bị ảnh hưởng tạm thời: sự kích động qua đi và không có điều tốt đẹp rõ ràng nào còn lại. Tuy nhiên, đó là một điều tốt trong những trường

those cases in which people are raised even temporarily to a higher level.

Such emotionalism is not permissible, however, to students of occultism, because they are beyond the stage at which such excitement could advance their progress. There must be no confusion between emotion of that sort and the exaltation of the higher planes. People at such revivals often pass into an ecstatic condition in which they certainly lose control for the time. I have myself seen cases in which people stamped about, shouted loudly, and were so carried out of themselves that they did not know what they were doing. They say it is all joy; I suppose that they certainly do feel that, but it is an uncontrolled emotion, and therefore is to be avoided by the student of occultism.

The man who experiences buddhic consciousness is also carried out of himself, with a bliss so intense that words altogether fail to express it: but he never loses the knowledge that he is himself. He is on a higher level: he is more himself than he ever was before; he does not lose his self-control. The ecstasy which he feels may indeed produce by reflection a certain emotion in the personality —a feeling of most intense joy on all levels, but never an uncontrolled emotion. It would never lead him into rash or ill-considered actions, to forget himself or lose his dignity. With the intense exaltation, with the indescribable bliss of the higher experience, there comes an utter peace which seems to fill the earth, whereas the lower emotions disturb the equilibrium to a most extraordinary extent.

A clairvoyant watching a revivalist meeting will generally see that non-human entities are gathered round it in order to take advantage of

hợp mà người được nâng lên một cấp độ cao hơn ngay cả tạm thời.

Tuy nhiên, sự cảm xúc như vậy không được phép đối với các học viên huyền bí học, vì họ đã vượt qua giai đoạn mà sự kích động như vậy có thể thúc đẩy sự tiến bộ của họ. Không được có sự nhầm lẫn giữa cảm xúc kiểu đó và sự thăng hoa của các cõi cao hơn. Những người tại các buổi phục hưng thường rơi vào trạng thái ngây ngất trong đó họ chắc chắn mất kiểm soát trong thời gian ngắn. Tôi đã tự mình thấy những trường hợp trong đó người dậm chân, la hét lớn, và bị cuốn ra khỏi bản thân đến mức họ không biết mình đang làm gì. Họ nói đó là tất cả niềm vui; tôi cho rằng họ chắc chắn cảm thấy điều đó, nhưng đó là một cảm xúc không kiểm soát, và do đó cần tránh bởi học viên huyền bí học.

Người trải nghiệm tâm thức Bồ đề cũng được đưa ra khỏi chính mình, với một niềm hạnh phúc mãnh liệt đến mức ngôn từ hoàn toàn không thể diễn tả được: nhưng y không bao giờ mất đi nhận thức rằng y là chính mình. Y đang ở một cấp độ cao hơn: y là chính mình hơn bao giờ hết; y không mất đi sự tự chủ. Sự ngây ngất mà y cảm nhận có thể thực sự tạo ra một cảm xúc nhất định trong phàm ngã—một cảm giác vui sướng mãnh liệt nhất trên mọi cấp độ, nhưng không bao giờ là một cảm xúc không kiểm soát được. Nó sẽ không bao giờ dẫn y đến những hành động liều lĩnh hoặc thiếu suy nghĩ, quên đi bản thân hoặc mất đi phẩm giá. Với sự thăng hoa mãnh liệt, với niềm hạnh phúc không thể tả của trải nghiệm cao hơn, có một sự bình an tuyệt đối dường như lấp đầy trái đất, trong khi những cảm xúc thấp hơn làm xáo trộn sự cân bằng đến mức độ phi thường nhất.

Một người thông nhãn quan sát một buổi họp phục hưng sẽ thường thấy rằng các thực thể phi nhân loại tụ tập xung quanh để lợi dụng

the vast waves of uncontrolled emotion. Emotion is a tremendous force and these waves are, if we consider actual measurement, things of enormous size and power. They dash and rush about through the astral world in the neighbourhood, and produce all the effect there that a great tempest would show on the physical plane. There are many astral creatures who revel in that. They plunge in and feel the greatest delight and excitement because of it. They neither know nor care whether the emotion is religious feeling or hatred or love; they want only the tremendous vibration, the swirl and sway of the storm. These beings take the greatest delight in sweeping round in its vortices, and being carried away by it, very much in the same way that surf-bathers do in the sea. For that purpose these entities will stir up emotion among human beings as much as they can; they simply know that here is something which they enjoy tremendously, so they go to work to intensify it as much as possible. Very largely they are responsible for the great outbursts of force on such occasions, and these creatures make it greater just as a school of whales rushing about in rough water would make it rougher. They have just about the same amount of intelligence as those animals, so there is nothing very spiritual about it. It is not, as many people think, a divine afflatus, nor is it exactly dignified to allow oneself to be the sport of creatures at that level.

những làn sóng cảm xúc không kiểm soát được. Cảm xúc là một mãnh lực khổng lồ và những làn sóng này, nếu chúng ta xem xét đo lường thực tế, là những thứ có kích thước và sức mạnh khổng lồ. Chúng lao và chạy quanh qua thế giới cảm dục ở vùng lân cận, và tạo ra tất cả hiệu ứng ở đó mà một cơn bão lớn sẽ thể hiện trên cõi hồng trần. Có nhiều sinh vật cảm dục thích thú với điều đó. Chúng lao vào và cảm thấy niềm vui và phấn khích lớn nhất vì điều đó. Chúng không biết cũng không quan tâm liệu cảm xúc đó là cảm giác tôn giáo hay thù hận hay tình yêu; chúng chỉ muốn sự rung động mãnh liệt, sự xoáy và lắc lư của cơn bão. Những thực thể này thích thú nhất khi quét quanh trong các xoáy của nó, và bị cuốn đi bởi nó, rất giống như những người tắm biển trong biển cả. Vì mục đích đó, những thực thể này sẽ khuấy động cảm xúc trong con người nhiều nhất có thể; chúng chỉ biết rằng đây là điều mà chúng thích thú vô cùng, vì vậy chúng làm việc để tăng cường nó nhiều nhất có thể. Chúng chịu trách nhiệm rất lớn cho những bùng nổ mãnh lực lớn trong những dịp như vậy, và những sinh vật này làm cho nó lớn hơn giống như một đàn cá voi lao quanh trong nước động sẽ làm cho nó động hơn. Chúng có mức độ thông minh tương đương với những động vật đó, vì vậy không có gì rất tinh thần về điều đó. Nó không phải, như nhiều người nghĩ, là một cảm hứng thiêng liêng, cũng không phải là điều đáng kính để cho phép bản thân trở thành trò chơi của những sinh vật ở cấp độ đó.

Only if with intense exaltation and bliss there comes at the same time a sense of uttermost calm and peace is one touching higher levels; when there is excitement and disturbance, and a loss of self-control, one is certainly down on a lower level.

Chỉ khi với sự thăng hoa mãnh liệt và niềm hạnh phúc có đồng thời một cảm giác bình an và yên tĩnh tuyệt đối thì người ta mới chạm đến các cấp độ cao hơn; khi có sự phấn khích và xáo trộn, và mất đi sự tự chủ, người ta chắc chắn đang ở cấp độ thấp hơn.

When the disciple is ready to learn, then	Khi đệ tử sẵn sàng học hỏi, thì y được

he is accepted, acknowledged, recognized. It must be so, for he has lit his lamp, and it cannot be hidden.

chấp nhận, công nhận, thừa nhận. Phải như vậy, vì y đã thắp sáng ngọn đèn của mình, và nó không thể bị che giấu.

This is a comforting saying. Disciples are always watched, though many people find difficulty in realizing this. The Great Ones Themselves have explained that when They look over the world the man who has lit his lamp shows out like a great flame in the general darkness. They could not miss seeing it. Carefully They are watching wherever the light is beginning to glow and are trying to help each little glow to kindle into flame, so that these also may become bearers of light, to the world.

Đây là một câu nói an ủi. Các đệ tử luôn được theo dõi, mặc dù nhiều người gặp khó khăn trong việc nhận ra điều này. Các Đấng Cao Cả Tự Mình đã giải thích rằng khi Các Ngài nhìn qua thế giới, người đã thắp sáng ngọn đèn của mình hiện ra như một ngọn lửa lớn trong bóng tối chung. Các Ngài không thể không nhìn thấy nó. Cẩn thận Các Ngài đang theo dõi bất cứ nơi nào ánh sáng bắt đầu phát sáng và đang cố gắng giúp mỗi ánh sáng nhỏ bùng cháy thành ngọn lửa, để những người này cũng có thể trở thành người mang ánh sáng, cho thế giới.

People are apt sometimes to criticize unwisely in this matter. Perhaps it is natural; but it would be better for *them* if they did not. I have myself known cases in which members—generally keenly intellectual people, who were very sharp in discriminating faults and failings in others—have said: “So-and-so is a pupil of the Master; I do not see that he is in any way more fit for such a position than I am myself. I have been so many years in the Society; I have done such-and-such work, and if such-and-such a man with certain obvious failings may be accepted, why should not I?”

Đôi khi mọi người có xu hướng chỉ trích không khôn ngoan trong vấn đề này. Có lẽ đó là tự nhiên; nhưng sẽ tốt hơn cho họ nếu họ không làm vậy. Tôi đã tự mình biết những trường hợp trong đó các thành viên—thường là những người rất sắc sảo về trí tuệ, rất sắc bén trong việc phân biệt lỗi lầm và thiếu sót của người khác—đã nói: "Người nào đó là học trò của Chân sư; tôi không thấy rằng y có bất kỳ cách nào phù hợp hơn cho vị trí đó so với tôi. Tôi đã ở trong Hội nhiều năm; tôi đã làm những công việc như vậy, và nếu một người nào đó với những thiếu sót rõ ràng có thể được chấp nhận, tại sao tôi không thể?"

People who make remarks like those forget the general principle which lies at the back of all occult progress. Their objection is exactly the same in nature as that which is so often brought against the law of karma. People say they cannot see the justice of certain things that have happened to them, and therefore there is no law of justice. “Justice is not to be had—it is a delusion.” That is precisely what it would be to say, “I have made a machine to go

Những người đưa ra những nhận xét như vậy quên đi nguyên tắc chung nằm ở phía sau tất cả tiến bộ huyền bí. Sự phản đối của họ hoàn toàn giống như điều thường được đưa ra chống lại luật nghiệp quả. Mọi người nói rằng họ không thể thấy sự công bằng của những điều đã xảy ra với họ, và do đó không có luật công bằng. "Công bằng không thể có—đó là một ảo tưởng." Đó chính xác là điều mà nó sẽ là khi nói, "Tôi đã chế tạo một máy chạy bằng

by hydraulic power, and it does not work; therefore there is no such thing as hydraulic pressure." No sane man would say that; he would begin to look for the fault in his machine, knowing that the laws of nature are invariable, and mistakes are not made along that line. No one would take that attitude with regard to a law of physical science, yet people will do it in connection with the law of karma. If they would begin with the hypothesis that the law of karma exists, and that it invariably works, then, when they cannot see how it operates in a particular case, they would attribute the fault to themselves and their limited vision, and not make so foolish a mistake as to say that there is no such thing as the law of karma.

năng lượng thủy lực, và nó không hoạt động; do đó không có thứ gọi là áp lực thủy lực." Không ai tỉnh táo sẽ nói như vậy; y sẽ bắt đầu tìm kiếm lỗi trong máy của mình, biết rằng các định luật tự nhiên là không thay đổi, và không có sai lầm nào được thực hiện theo hướng đó. Không ai sẽ có thái độ đó đối với một định luật khoa học vật lý, nhưng mọi người sẽ làm điều đó liên quan đến luật nghiệp quả. Nếu họ bắt đầu với giả thuyết rằng luật nghiệp quả tồn tại, và rằng nó luôn hoạt động, thì khi họ không thể thấy nó hoạt động như thế nào trong một trường hợp cụ thể, họ sẽ quy lỗi cho chính mình và tầm nhìn hạn chế của họ, và không mắc sai lầm ngớ ngẩn như nói rằng không có thứ gọi là luật nghiệp quả.

In exactly the same way, if people think themselves better in various ways than others who are selected by the Masters as pupils, they should remember that the Master makes His selections with unerring judgment. There are no doubt many things on higher planes which even a Master does not yet know, but quite certainly with regard to all these lower planes with which we have anything to do, His knowledge may be accepted as infallible. There are higher Adepts who stand above the Masters, such as the Manu and the Bodhisattva, the Buddha and the great Lord of the World, who must know certain things which even our Masters do not know: that is clear. The Logos of the solar system must know still more, and beyond that there must be higher Logoi who have yet wider knowledge. But we may be quite sure of the Master's judgment and accuracy with regard to these planes which He has fully and finally mastered. Therefore, if He chooses a man He is not making a mistake.

Cũng theo cách đó, nếu mọi người nghĩ rằng mình tốt hơn theo nhiều cách so với những người khác được Chân sư chọn làm học trò, họ nên nhớ rằng Chân sư thực hiện sự lựa chọn của Ngài với sự phán đoán không sai lầm. Không nghi ngờ gì có nhiều điều trên các cõi cao hơn mà ngay cả một Chân sư cũng chưa biết, nhưng chắc chắn với tất cả những cõi thấp hơn mà chúng ta có liên quan, kiến thức của Ngài có thể được chấp nhận là không thể sai lầm. Có những Chân sư cao hơn đứng trên các Chân sư, như Manu và Bồ Tát, Đức Phật và Đại Chúa Tể Thế Giới, những người phải biết những điều mà ngay cả các Chân sư của chúng ta cũng không biết: điều đó rõ ràng. Thái dương Thượng đế của hệ mặt trời phải biết nhiều hơn nữa, và ngoài ra phải có các Thượng đế cao hơn có kiến thức rộng hơn. Nhưng chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn về sự phán đoán và độ chính xác của Chân sư liên quan đến những cõi mà Ngài đã hoàn toàn và cuối cùng làm chủ. Do đó, nếu Ngài chọn một người, Ngài không mắc sai lầm.

Even in the rare case when a man afterwards falls away and acts unworthily it does not

Ngay cả trong trường hợp hiếm hoi khi một người sau đó sa ngã và hành động không xứng

follow that the Master made a mistake in selecting such a man. The man must have had the right to that splendid opportunity, and because he had earned that right the opportunity had to be given him. A vast amount of trouble may have been taken in the training of such a pupil, and it looks as though it were wasted; but that is not so. It will all count somewhere, somehow, in the course of his evolution; that is certain. The Master sometimes offers an opportunity to a man because he has earned it, although there may be in that man along with certain good qualities others less desirable, which would make him unsuitable if they happened to get the upper hand. Nevertheless the offer is made because it is just that it should be made.

đáng, điều đó không có nghĩa là Chân sư đã mắc sai lầm khi chọn người đó. Người đó phải có quyền đối với cơ hội tuyệt vời đó, và vì y đã kiếm được quyền đó, cơ hội phải được trao cho y. Một lượng lớn công sức có thể đã được bỏ ra trong việc đào tạo một học trò như vậy, và có vẻ như nó đã bị lãng phí; nhưng không phải vậy. Tất cả sẽ được tính ở đâu đó, bằng cách nào đó, trong quá trình tiến hóa của y; điều đó là chắc chắn. Đôi khi Chân sư đưa ra cơ hội cho một người vì y đã kiếm được nó, mặc dù có thể trong người đó cùng với những phẩm chất tốt nhất định có những phẩm chất kém mong muốn hơn, điều này sẽ khiến y không phù hợp nếu chúng xảy ra chiếm ưu thế. Tuy nhiên, lời đề nghị được đưa ra vì công bằng là nó nên được thực hiện.

Sometimes there are special links between egos which many lives later culminate in the close relationship of Master and pupil. There is the well-known case of our late Vice-President, Mr. Sinnett. Long ago he was a powerful nobleman in Egypt. His father had built and endowed a great temple; therefore he had a vast amount of influence, and was practically the controlling power of that temple. One of those who are now our Masters was a prisoner of war in Egypt at the time, and Mr. Sinnett and I were soliders in the army which captured Him. He was a person of distinction in His own country, and consequently He was assigned to our care, because captives of high rank were very well treated in Egypt, and were entertained by people of rank corresponding with their own, so long as they did not try to escape. So He lived in the house of Mr. Sinnett for two years, and in the course of that time became keenly interested in the occult work of the Temple, and wished to take part in it. Mr. Sinnett was able to give Him the desired introduction to occult study. He made the most astonishing progress in it, and in every life thereafter He

Đôi khi có những liên kết đặc biệt giữa các chân ngã mà nhiều kiếp sau đỉnh điểm trong mối quan hệ gần gũi của Chân sư và học trò. Có trường hợp nổi tiếng của Phó Chủ tịch quá cố của chúng ta, Ông Sinnett. Lâu rồi, ông là một quý tộc quyền lực ở Ai Cập. Cha ông đã xây dựng và tài trợ một ngôi đền lớn; do đó ông có ảnh hưởng rất lớn, và thực tế là quyền lực kiểm soát của ngôi đền đó. Một trong những người hiện nay là Chân sư của chúng ta đã là một tù nhân chiến tranh ở Ai Cập vào thời điểm đó, và Ông Sinnett và tôi là những người lính trong quân đội đã bắt giữ Ngài. Ngài là một người có địa vị ở đất nước của Ngài, và do đó Ngài được giao cho chúng tôi chăm sóc, vì những tù nhân có địa vị cao được đối xử rất tốt ở Ai Cập, và được tiếp đãi bởi những người có địa vị tương ứng với họ, miễn là họ không cố gắng trốn thoát. Vì vậy, Ngài sống trong nhà của Ông Sinnett trong hai năm, và trong thời gian đó Ngài trở nên rất quan tâm đến công việc huyền bí của Ngôi đền, và muốn tham gia vào nó. Ông Sinnett đã có thể giới thiệu Ngài đến việc học huyền bí mong muốn. Ngài đã tiến bộ đáng kinh ngạc trong đó, và trong mỗi kiếp sau đó Ngài tiếp tục các nghiên cứu bắt đầu ở Khem

continued the studies begun in ancient Khem. In a later life He became an Adept, while His benefactor of Egypt had by no means reached that level. When in this incarnation He found that He wanted to spread Theosophical truths in the world, because the time was come when the world was ripe to receive them, He looked round for someone to do it, and saw His old friend and benefactor as the editor of a great daily newspaper, and well qualified to do this very piece of work. He discharged this old debt by giving him that opportunity. We know how well and nobly he took it. That shows that one may have made a link far away in the past with one who has since become an Adept, and that His discharge of the debt naturally takes the form of giving help and information, and of drawing the man close to Him.

cổ đại. Trong một kiếp sau, Ngài trở thành một Chân sư, trong khi ân nhân của Ngài ở Ai Cập chưa đạt đến cấp độ đó. Khi trong kiếp này Ngài thấy rằng Ngài muốn truyền bá những chân lý Thông Thiên Học ra thế giới, vì thời điểm đã đến khi thế giới đã sẵn sàng để tiếp nhận chúng, Ngài tìm kiếm một người để làm điều đó, và thấy người bạn cũ và ân nhân của Ngài là biên tập viên của một tờ báo hàng ngày lớn, và đủ điều kiện để làm công việc này. Ngài đã trả món nợ cũ đó bằng cách cho ông cơ hội đó. Chúng ta biết ông đã thực hiện nó tốt và cao quý như thế nào. Điều đó cho thấy rằng người ta có thể đã tạo ra một liên kết từ xa trong quá khứ với một người đã trở thành một Chân sư, và việc Ngài trả món nợ đó tự nhiên diễn ra dưới hình thức cung cấp sự giúp đỡ và thông tin, và kéo người đó gần Ngài.

So in various ways links may be made, and it may well be that the person who is chosen as a disciple is by no means perfect, but he could not be chosen in that particular way if he were not worthy. That he has still certain faults and failings does not debar him if he has other and greater recommendations, if the advantages overbalance the disadvantages. There are many circumstances which may operate in the taking of a particular pupil by a Master. We may be quite sure that he cannot be taken unless he deserves it, but we may not be able to see how he has deserved it. The converse of that proposition is equally certain—that no one who deserves it can fail to be observed and be taken. It is not wise to use this lower mind, which we have developed with so much pain and trouble, in criticizing the actions of the Masters, who know far more than we. We may not always be able to understand why They do this or that, but those who follow Them should at least so far trust Them as to say: “I know the Master must be right. I do not see plainly why. As far as I am concerned I know that I shall be taken when I am ready. My

Vì vậy, theo nhiều cách khác nhau, các liên kết có thể được tạo ra, và có thể người được chọn làm đệ tử không hoàn hảo, nhưng y không thể được chọn theo cách cụ thể đó nếu y không xứng đáng. Rằng y vẫn còn những lỗi lầm và thiếu sót nhất định không ngăn cản y nếu y có những khuyến nghị khác và lớn hơn, nếu những lợi thế vượt trội hơn những bất lợi. Có nhiều hoàn cảnh có thể ảnh hưởng đến việc chọn một học trò cụ thể bởi một Chân sư. Chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng y không thể được chọn trừ khi y xứng đáng, nhưng chúng ta có thể không thấy y đã xứng đáng như thế nào. Điều ngược lại của đề xuất đó cũng chắc chắn—rằng không ai xứng đáng có thể không được quan sát và được chọn. Không khôn ngoan khi sử dụng hạ trí này, mà chúng ta đã phát triển với rất nhiều đau đớn và khó khăn, để chỉ trích hành động của các Chân sư, những người biết nhiều hơn chúng ta. Chúng ta có thể không luôn hiểu tại sao Các Ngài làm điều này hay điều kia, nhưng những người theo Các Ngài ít nhất nên tin tưởng Các Ngài đến mức nói: "Tôi biết Chân sư phải đúng. Tôi không thấy rõ tại sao. Đối với tôi, tôi biết

business is to make myself fit for it. In the meantime, I have no concern with what the Master does with regard to other people."

rằng tôi sẽ được chọn khi tôi sẵn sàng. Công việc của tôi là làm cho mình phù hợp với điều đó. Trong khi chờ đợi, tôi không quan tâm đến những gì Chân sư làm liên quan đến người khác."

That is much the wisest. It is the same with the work we are given to do. If it seems outwardly to be a failure, we should not allow that to discourage us. We may not have achieved the result that we expected,' but we may have achieved exactly the result which the Master intended. He does not always tell us all that is in His mind. He will set us a piece of work to do, and we think that what is to us the obvious result of that work is necessarily what He is aiming to get from it. It may be that He has in His mind quite another idea. He may even wish to train the worker in a particular way—not to be disappointed by failure, for example; or it might have reference to something else of which the worker knew nothing at all. I have had several instances of that in the course of my experience of occultism. We were told to do certain things, and supposed them to be aimed at a certain result, which did not come. We wondered; but in after years it has been seen that something quite different would not have been attained when it was, if that work had not been done. I have no doubt at all that in that case the Master gave us the work, not with the object we supposed, but with the other object of which we knew nothing.

Đó là điều khôn ngoan nhất. Nó cũng giống với công việc mà chúng ta được giao để làm. Nếu nó dường như bên ngoài là một thất bại, chúng ta không nên để điều đó làm nản lòng chúng ta. Chúng ta có thể không đạt được kết quả mà chúng ta mong đợi, nhưng chúng ta có thể đã đạt được chính xác kết quả mà Chân sư dự định. Ngài không phải lúc nào cũng nói cho chúng ta biết tất cả những gì trong tâm trí Ngài. Ngài sẽ giao cho chúng ta một công việc để làm, và chúng ta nghĩ rằng điều rõ ràng đối với chúng ta là kết quả của công việc đó nhất thiết là điều Ngài đang nhắm đến. Có thể Ngài có trong tâm trí một ý tưởng hoàn toàn khác. Ngài thậm chí có thể muốn đào tạo người làm việc theo một cách cụ thể—không bị thất vọng bởi thất bại, chẳng hạn; hoặc nó có thể liên quan đến điều gì đó khác mà người làm việc không biết gì cả. Tôi đã có một số trường hợp như vậy trong quá trình trải nghiệm của tôi về huyền bí học. Chúng tôi được bảo làm những điều nhất định, và cho rằng chúng nhằm vào một kết quả nhất định, điều đó không đến. Chúng tôi tự hỏi; nhưng sau nhiều năm, đã thấy rằng một điều gì đó hoàn toàn khác sẽ không đạt được khi nó đã, nếu công việc đó không được thực hiện. Tôi hoàn toàn không nghi ngờ rằng trong trường hợp đó Chân sư đã giao cho chúng tôi công việc, không phải với mục tiêu mà chúng tôi cho rằng, mà với mục tiêu khác mà chúng tôi không biết gì cả.

So I would say to those who grumble at what they consider faults in disciples, and say they ought not to be chosen: "You must be taking a partial view; you are using your intellect in a line where it is not useful. If you know of the existence of the Masters, and understand

Vì vậy, tôi muốn nói với những người phàn nàn về những gì họ coi là lỗi lầm trong các đệ tử, và nói rằng họ không nên được chọn: "Bạn phải đang có một cái nhìn phiến diện; bạn đang sử dụng trí tuệ của mình theo một hướng mà nó không hữu ích. Nếu bạn biết về sự tồn

anything of Their powers, you may be very sure that They know exactly what They are doing; and if you do not see what it is, after all it is not essential that you should. *They* know; that is the important thing." The recognition is not always made known at once to the disciple. The ordinary course is that a man who has shown himself worthy of the high honour of discipleship is brought somehow into close touch with one who is already a disciple of his future Master, and the Master through that disciple usually gives some instructions to him. [55] Probably the Master will say to the older disciple: "Bring so-and-so to me astrally one night." The man is brought, and then the Master says to him: I have been watching your work, and I think that you can perhaps make a further advancement. I offer you the position of a probationary pupil if you will undertake to devote all your energies, or as much as you can, to the service of humanity, in a direction which I shall indicate." That is the most usual procedure, but sometimes such a recognition as that comes only after a very long period. And even then there may be reasons why the man should know nothing of it in his waking consciousness.

tại của các Chân sư, và hiểu bất cứ điều gì về quyền năng của Các Ngài, bạn có thể rất chắc chắn rằng Các Ngài biết chính xác những gì Các Ngài đang làm; và nếu bạn không thấy đó là gì, sau tất cả, không cần thiết bạn phải biết. Các Ngài biết; đó là điều quan trọng." Sự công nhận không phải lúc nào cũng được thông báo ngay lập tức cho đệ tử. Quá trình thông thường là một người đã chứng tỏ mình xứng đáng với vinh dự cao của địa vị đệ tử được đưa vào tiếp xúc gần gũi với một người đã là đệ tử của Chân sư tương lai của mình, và Chân sư thông qua đệ tử đó thường đưa ra một số chỉ dẫn cho y. Có lẽ Chân sư sẽ nói với đệ tử lớn tuổi hơn: "Đưa người nào đó đến với ta về mặt cảm dục một đêm." Người đó được đưa đến, và sau đó Chân sư nói với y: Ta đã theo dõi công việc của ngươi, và Ta nghĩ rằng ngươi có thể tiến xa hơn. Ta đề nghị ngươi vị trí của một học trò dự bị nếu ngươi sẽ cam kết dành tất cả năng lượng của mình, hoặc nhiều nhất có thể, để phục vụ nhân loại, theo hướng mà Ta sẽ chỉ định." Đó là quy trình phổ biến nhất, nhưng đôi khi sự công nhận như vậy chỉ đến sau một thời gian rất dài. Và ngay cả khi đó có thể có những lý do khiến người đó không biết gì về điều đó trong tâm thức tỉnh của mình.

I remember a peculiar case in India. There was an old man, an orthodox Hindu, who had been living an exceedingly good, useful, and busy life. He was a man who had shown no selfishness, and had devoted himself as far as he could to the welfare of humanity. He had first dealt very admirably with all his family duties, and had then used all his time and money in doing good from his point of view. He had always held, before the Theosophical Society came to his notice, that the great Rishis not only must have existed in the past, but must also exist in the present, and he

Tôi nhớ một trường hợp đặc biệt ở Ấn Độ. Có một ông già, một người Hindu chính thống, đã sống một cuộc đời vô cùng tốt đẹp, hữu ích và bận rộn. Ông là một người không thể hiện sự ích kỷ, và đã cống hiến mình hết mức có thể cho phúc lợi của nhân loại. Ông đã xử lý rất tốt tất cả các nghĩa vụ gia đình của mình, và sau đó đã sử dụng tất cả thời gian và tiền bạc của mình để làm điều tốt từ quan điểm của ông. Ông luôn tin rằng, trước khi Hội Thông Thiên Học đến với ông, rằng các Rishi vĩ đại không chỉ phải tồn tại trong quá khứ, mà còn phải tồn tại trong hiện tại, và ông hy vọng một ngày

[55] *Ante,* Vol. II, p. 66, 103

hoped some day to come near Them, but was quite humble about it. He would say: “I know it is for Them to make the advance, not me. I have sought Them, and tried to carry out what must be Their will all these years.” At last, one day, one of our Masters spoke to this man, and said: “For forty years I have watched your work, and in many cases have guided you, although you knew nothing of it. Now the time has come when it is best for you that you should know it.”

nào đó sẽ đến gần Các Ngài, nhưng rất khiêm tốn về điều đó. Ông sẽ nói: "Tôi biết đó là Các Ngài phải tiến tới, không phải tôi. Tôi đã tìm kiếm Các Ngài, và cố gắng thực hiện những gì phải là ý chí của Các Ngài trong suốt những năm qua." Cuối cùng, một ngày nọ, một trong những Chân sư của chúng ta đã nói chuyện với người đàn ông này, và nói: "Trong bốn mươi năm, Ta đã theo dõi công việc của ngươi, và trong nhiều trường hợp đã hướng dẫn ngươi, mặc dù ngươi không biết gì về điều đó. Bây giờ thời điểm đã đến khi tốt nhất cho ngươi là ngươi nên biết điều đó."

That is a very striking example, and it does seem to show that there may be many altruistic people doing work under the direction of our Masters, although they know nothing of such direction. There may be reasons which in this life make it undesirable that they should know. We may be very sure that the Master knows best, and, if he does not choose to declare Himself, we need not therefore suppose that He is not watching.

Đó là một ví dụ rất đáng chú ý, và dường như cho thấy rằng có thể có nhiều người vị tha đang làm việc dưới sự chỉ đạo của các Chân sư của chúng ta, mặc dù họ không biết gì về sự chỉ đạo đó. Có thể có những lý do khiến trong cuộc sống này không nên biết. Chúng ta có thể rất chắc chắn rằng Chân sư biết rõ nhất, và nếu Ngài không chọn để tự tuyên bố, chúng ta không cần phải cho rằng Ngài không đang theo dõi.

In these relations the Master always does exactly what is best for the man as well as what is best for the work, because He has the enormous advantage of dealing with these things at higher levels, where one has not to balance good against evil, as in the lower planes, where very often one can do good in one direction only when one does some harm in another way. This recondite matter was alluded to by the Manu, when He said that there was no fire without smoke. But there is fire without smoke, pure good without any adverse consequences or associations, on the higher levels, because all is working together for the good of the whole, and the advancement of the whole includes the advancement of the unit also. Even though it may seem in some cases that harm is done, that a person is checked, it is because it is best

Trong những mối quan hệ này, Chân sư luôn làm chính xác những gì tốt nhất cho người đó cũng như những gì tốt nhất cho công việc, vì Ngài có lợi thế to lớn khi xử lý những điều này ở các cấp độ cao hơn, nơi người ta không phải cân nhắc điều tốt chống lại điều xấu, như ở các cõi thấp hơn, nơi rất thường người ta chỉ có thể làm điều tốt theo một hướng khi người ta làm một số điều xấu theo cách khác. Vấn đề sâu sắc này đã được Manu đề cập, khi Ngài nói rằng không có lửa mà không có khói. Nhưng có lửa không có khói, điều tốt thuần khiết không có bất kỳ hậu quả hoặc liên kết bất lợi nào, ở các cấp độ cao hơn, vì tất cả đều hoạt động cùng nhau vì lợi ích của toàn bộ, và sự tiến bộ của toàn bộ bao gồm cả sự tiến bộ của đơn vị. Ngay cả khi có vẻ như trong một số trường hợp có hại được gây ra, rằng một người bị ngăn cản, đó là vì tốt nhất cho sự tiến bộ của y mà sự

for his progress that such a check should then come—like the pruning of a tree, which might easily be thought by the tree to be a cruel act, and yet is emphatically intended for its benefit.

ngăn cản đó nên đến lúc đó—giống như việc cắt tỉa một cái cây, điều mà cây có thể dễ dàng nghĩ là một hành động tàn nhẫn, nhưng lại được nhấn mạnh là có ý định cho lợi ích của nó.

> But to learn is impossible until the first great battle has been won. The mind may recognize truth, but the spirit cannot receive it.

> Nhưng để học hỏi là không thể cho đến khi trận chiến lớn đầu tiên đã được thắng. Tâm trí có thể nhận ra sự thật, nhưng tinh thần không thể tiếp nhận nó.

The ego sends impressions through to the lower planes as soon as he begins to become awakened, but there are many things that stand in his way. He can do nothing until the astral body is controlled; because if it is a mass of surging emotions, how; can the ego send down through that body any coherent or rational instruction? The first great battle is with the passions, with the senses, and he must conquer them; but when that is done he has still the mind to meet, and it may be that the mind will prove a more formidable adversary even than the astral body.

Chân ngã gửi những ấn tượng xuống các cõi thấp hơn ngay khi y bắt đầu thức tỉnh, nhưng có nhiều điều cản trở y. Y không thể làm gì cho đến khi thể cảm dục được kiểm soát; bởi vì nếu nó là một khối cảm xúc dâng trào, làm sao chân ngã có thể gửi xuống qua thể đó bất kỳ chỉ dẫn mạch lạc hay hợp lý nào? Trận chiến lớn đầu tiên là với những đam mê, với các giác quan, và y phải chinh phục chúng; nhưng khi điều đó được thực hiện, y vẫn còn phải đối mặt với tâm trí, và có thể tâm trí sẽ chứng tỏ là một đối thủ đáng gờm hơn cả thể cảm dục.

Then the Master goes on to speak about the knowledge which is attained by this intuition. I have already explained that at each Initiation the candidate receives a key of knowledge which puts a different complexion upon life for him, shows him a deeper depth, a fuller unfolding, as it were, of the meaning of the occult teaching. [56] Each time, as he receives it, it seems to the man to be final. He says: “Now I have all knowledge; this is so satisfying, so complete, it is impossible that there could be more.” There is an infinity yet to be learnt; he is only on the road of learning. As he goes on, more and more will be unfolded before him. The Master knows precisely at what stage it is most useful to give certain information.

Sau đó, Chân sư tiếp tục nói về kiến thức đạt được nhờ trực giác này. Tôi đã giải thích rằng tại mỗi lần Điểm đạo, ứng viên nhận được một chìa khóa kiến thức đặt một sắc thái khác lên cuộc sống của y, cho y thấy một chiều sâu sâu hơn, một sự mở rộng đầy đủ hơn, như thể, về ý nghĩa của giáo lý huyền bí. Mỗi lần, khi y nhận được nó, dường như đối với người đó là cuối cùng. Y nói: "Bây giờ tôi có tất cả kiến thức; điều này thật thỏa mãn, thật hoàn chỉnh, không thể có gì hơn." Có một vô tận vẫn còn phải học; y chỉ đang trên con đường học hỏi. Khi y tiếp tục, ngày càng nhiều sẽ được mở ra trước y. Chân sư biết chính xác ở giai đoạn nào là hữu ích nhất để cung cấp thông tin nhất định. Mọi người thường nghĩ rằng họ nên có

[56] *Ante.*, Vol. II, p. 351

People often think they ought to have it all at once. That is just as foolish as it would be to expect a teacher to explain the differential calculus to a child who was only just learning the multiplication table. He must go through many intervening stages before he can know even remotely what it means.

tất cả cùng một lúc. Điều đó cũng ngớ ngẩn như việc mong đợi một giáo viên giải thích phép tính vi phân cho một đứa trẻ chỉ mới học bảng cửu chương. Y phải trải qua nhiều giai đoạn trung gian trước khi có thể biết thậm chí từ xa điều đó có nghĩa là gì.

It is exactly so with us. We are a little apt often —again comes that intellectual conceit—to think that we know at least enough to be trusted with all possible knowledge. I can only say that They know better than we what is best for us, and whatever is best for each one is also that which is best for the whole.

Nó hoàn toàn giống với chúng ta. Chúng ta thường có xu hướng—lại xuất hiện sự kiêu ngạo trí tuệ đó—nghĩ rằng chúng ta biết ít nhất đủ để được tin tưởng với tất cả kiến thức có thể. Tôi chỉ có thể nói rằng Các Ngài biết rõ hơn chúng ta điều gì là tốt nhất cho chúng ta, và bất cứ điều gì tốt nhất cho mỗi người cũng là điều tốt nhất cho toàn bộ.

While many people recognize that that must be so, and that of course the whole must take precedence over any part, they do sometimes feel a little that the parts are being ignored, that while everything is working for the good of the whole, yet individual parts often suffer by the way. The world is better managed than that; actually, that which is best for the whole is also best for each one of the parts, and not only is justice done to humanity as a whole, but it is so done as to involve no injustice to any of the units of humanity. Let us be sure of that, and realize it with absolute certainty; then we shall have no feeling of doubt or dismay, and whatever happens we shall be able serenely to trust that it is being done for the best.

Trong khi nhiều người nhận ra rằng điều đó phải như vậy, và rằng tất nhiên toàn thể phải được ưu tiên hơn bất kỳ phần nào, họ đôi khi cảm thấy rằng các phần đang bị bỏ qua, rằng trong khi mọi thứ đang hoạt động vì lợi ích của toàn thể, thì các phần riêng lẻ thường chịu đựng trên đường đi. Thế giới được quản lý tốt hơn thế; thực tế, điều gì tốt nhất cho toàn thể cũng là tốt nhất cho từng phần, và không chỉ công lý được thực hiện cho nhân loại như một toàn thể, mà nó còn được thực hiện sao cho không gây ra bất công cho bất kỳ đơn vị nào của nhân loại. Hãy chắc chắn về điều đó, và nhận thức nó với sự chắc chắn tuyệt đối; sau đó chúng ta sẽ không có cảm giác nghi ngờ hay lo lắng, và bất kể điều gì xảy ra, chúng ta sẽ có thể tin tưởng một cách bình thản rằng nó đang được thực hiện vì điều tốt nhất.

Once having passed through the storm and attained the peace, it is then always possible to learn, even though the disciple waver, hesitate, and turn aside. The Voice of the Silence, remains within him, and though he leave the Path utterly, yet one day it will resound, and

Một khi đã vượt qua cơn bão và đạt được sự bình yên, thì luôn có thể học hỏi, ngay cả khi đệ tử dao động, do dự và quay đi. Tiếng Nói của Im Lặng vẫn còn trong y, và dù y có rời bỏ Đường Đạo hoàn toàn, thì một ngày nào đó nó sẽ vang lên, và xé toạc y ra và tách rời những đam mê của y

rend him asunder and separate his passions from his divine possibilities. Then, with pain and desperate cries from the deserted lower self, he will return.

khỏi những khả năng thiêng liêng của y. Sau đó, với nỗi đau và những tiếng kêu tuyệt vọng từ phàm ngã bị bỏ rơi, y sẽ trở lại.

In such a case there would be indeed a terrible struggle. Let. us not submit ourselves to that; it is better, while yet we may, to keep ourselves well in hand and not make ourselves the subjects of such a surgical operation as that of the tearing apart of the higher and lower self. The struggle with the lower self goes on all the time. If the disciple allows it to fasten its fangs into the higher and to draw him away from his greater possibilities, he must inevitably suffer terribly when the time of separation comes, as it must come, for those who have entered the stream can leave it only by reaching the further shore.

Trong trường hợp như vậy, sẽ thực sự có một cuộc đấu tranh khủng khiếp. Chúng ta không nên tự đặt mình vào điều đó; tốt hơn là, trong khi chúng ta còn có thể, giữ mình trong tầm kiểm soát và không biến mình thành đối tượng của một cuộc phẫu thuật như việc xé toạc phàm ngã và chân ngã. Cuộc đấu tranh với phàm ngã diễn ra mọi lúc. Nếu đệ tử cho phép nó cắm răng vào chân ngã và kéo y ra khỏi những khả năng lớn hơn của y, y chắc chắn sẽ phải chịu đựng khủng khiếp khi thời điểm tách rời đến, như nó phải đến, vì những ai đã bước vào dòng chảy chỉ có thể rời khỏi nó bằng cách đạt đến bờ bên kia.

Therefore I say, Peace be with you, “My peace I give unto you,” can only be said by the Master to the beloved disciples who are as Himself.

Vì vậy, tôi nói, Bình an ở cùng bạn, "Bình an của Ta ban cho các ngươi," chỉ có thể được nói bởi Chân sư với những đệ tử yêu quý vốn như Ngài.

There is a very interesting point in regard to the distinction the Master makes here. “Peace be with you” is only an ordinary Eastern salutation, though a beautiful one. When we say “Good-bye,” which means “God be with you,” it is the same thing, for God is Peace. The “salaam” of the Muhammadans is again the same as “salem” in Jerusalem, and Jerusalem means the abode of peace. The Hindus have the word “shanti” which means peace, and their “namaste,” which means “greetings—or reverence—to Thee” is generally answered by the word “shanti”.

Có một điểm rất thú vị liên quan đến sự phân biệt mà Chân sư đưa ra ở đây. "Bình an ở cùng bạn" chỉ là một lời chào thông thường của phương Đông, mặc dù rất đẹp. Khi chúng ta nói "Tạm biệt," có nghĩa là "Thượng đế ở cùng bạn," đó là điều tương tự, vì Thượng đế là Bình an. "Salaam" của người Hồi giáo lại giống như "salem" trong Jerusalem, và Jerusalem có nghĩa là nơi ở của bình an. Người Hindu có từ "shanti" có nghĩa là bình an, và "namaste" của họ, có nghĩa là "chào mừng—hoặc tôn kính—đến Ngài" thường được đáp lại bằng từ "shanti".

It is customary to write “Peace be with you” at the end of books in the East as a kind of final

Thông thường, người ta viết "Bình an ở cùng bạn" ở cuối sách ở phương Đông như một loại

greeting or leave-taking from the author to the reader. But, as the Master says here, "My Peace I give unto you" can only be said under special circumstances. When Christ said: Peace I leave with you, my peace I give unto you: not as the world giveth, give I unto you,"[57] He was speaking to His own special disciples only. It is said here that the disciple who can receive the peace of the Master is only that one who is as the Master Himself, that is, an accepted pupil—perhaps even more, he who is the "son" of the Master. He receives not merely a good wish for peace and blessing, which would most certainly be an effective thing when pronounced by one who had the power to pronounce it, but more than that. The Master gives His own peace, the peace which nothing can disturb, to those who are as Himself, who are His own sons, part of His own nature, sharing with Him all that He is in so far as they are able to receive it. This does not mean, of course, that the pupil is able to share all that the Master is and has—to do that would mean that the pupil was himself an Adept—but at least he shares as much as possible.

lời chào cuối cùng hoặc lời từ biệt từ tác giả đến người đọc. Nhưng, như Chân sư nói ở đây, "Bình an của Ta ban cho các ngươi" chỉ có thể được nói trong những hoàn cảnh đặc biệt. Khi Đức Christ nói: "Bình an Ta để lại cho các ngươi, bình an của Ta ban cho các ngươi: không như thế gian ban cho, Ta ban cho các ngươi," Ngài chỉ nói với những đệ tử đặc biệt của Ngài. Ở đây nói rằng đệ tử có thể nhận được bình an của Chân sư chỉ là người vốn như Chân sư, tức là một học trò được chấp nhận—có lẽ thậm chí hơn thế, người vốn là "con" của Chân sư. Y không chỉ nhận được một lời chúc tốt đẹp cho bình an và phước lành, điều chắc chắn sẽ là một điều hiệu quả khi được phát âm bởi một người có quyền lực để phát âm nó, mà còn hơn thế nữa. Chân sư ban cho bình an của Ngài, bình an mà không gì có thể làm xáo trộn, cho những ai vốn như Ngài, vốn là con của Ngài, một phần của bản chất của Ngài, chia sẻ với Ngài tất cả những gì Ngài là trong chừng mực họ có thể nhận được. Điều này không có nghĩa là, tất nhiên, học trò có thể chia sẻ tất cả những gì Chân sư là và có—để làm điều đó có nghĩa là học trò tự mình là một Chân sư—nhưng ít nhất y chia sẻ càng nhiều càng tốt.

There are some even among those who are ignorant of the Eastern Wisdom, to whom this can be said, and to whom it can daily be said with more completeness.

Có một số người thậm chí trong số những người không biết về Minh Triết Phương Đông, mà điều này có thể được nói, và mà điều này có thể được nói hàng ngày với sự hoàn thiện hơn.

This is a very interesting and remarkable message, which may well seem strange to us, because there are a great many of us who do know something of the Eastern Wisdom, who pay reverence to the great Masters, who have for many years belonged to an organization specially devoted to Them and Their service, and yet to most of us the Master cannot say,

Đây là một thông điệp rất thú vị và đáng chú ý, có thể dường như kỳ lạ đối với chúng ta, bởi vì có rất nhiều người trong chúng ta biết một chút về Minh Triết Phương Đông, vốn tôn kính các Chân sư vĩ đại, vốn trong nhiều năm đã thuộc về một tổ chức đặc biệt dành riêng cho Các Ngài và sự phụng sự của Các Ngài, và tuy nhiên đối với hầu hết chúng ta, Chân sư không

[57] S. John, 15, 27

“My Peace I give unto you,” but only to those very few whom He has taken into a much closer relation to Himself. That being so, we yet read that to some who do not know the Eastern Wisdom at all this inner blessing can be given.

How is that, and who would they be to whom such a privilege is given? They would be few only, at the present stage of evolution, but still a few there undoubtedly are. In order to understand that, let us think what it is that enables a Master to take a pupil as close to Him as that. It is that the pupil has come into the Master’s world, has learnt to look at things as the Master looks at them, and to put himself into the Master’s attitude towards the world and all that belongs to it. A man may do that without knowing anything about the Eastern Wisdom or about the Master at all; he may yet without that knowledge be such a man as would take that high view. The special characteristic of the Master’s attitude is that it is utterly unselfish, that the lower self does not come into it at all. He looks at everything from the standpoint of the plan of the Deity, and He never for one moment brings His own personality into the matter; if anything is helpful for human evolution it is good; if it is a hindrance to human evolution it is an evil thing. Although the Eastern Wisdom must bring us perfectly into that attitude if we understand it quite fully, yet we can see that others ignorant of it might also reach such an attitude. To be near enough to the Master to receive His peace, utter unselfishness is the first and greatest prerequisite. One may be near the Master, one may receive His peace even, and yet of two who stand beside Him and receive it, one may receive it far more fully than the other. The ignorant though utterly saintly and unselfish person will receive from the peace of the Master all he can

thể nói, "Bình an của Ta ban cho các ngươi," mà chỉ với những người rất ít mà Ngài đã đưa vào một mối quan hệ gần gũi hơn nhiều với Ngài. Điều đó là như vậy, chúng ta vẫn đọc rằng đối với một số người không biết gì về Minh Triết Phương Đông, phước lành nội tại này có thể được ban cho.

Làm thế nào mà điều đó có thể, và họ là ai mà được ban cho đặc ân như vậy? Họ sẽ chỉ là một số ít, ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, nhưng vẫn có một số ít chắc chắn tồn tại. Để hiểu điều đó, hãy nghĩ về điều gì cho phép một Chân sư đưa một học trò đến gần Ngài như vậy. Đó là học trò đã bước vào thế giới của Chân sư, đã học cách nhìn nhận mọi thứ như Chân sư nhìn nhận chúng, và đặt mình vào thái độ của Chân sư đối với thế giới và tất cả những gì thuộc về nó. Một người có thể làm điều đó mà không biết gì về Minh Triết Phương Đông hoặc về Chân sư cả; y có thể mà không có kiến thức đó vẫn là một người vốn có cái nhìn cao cả đó. Đặc điểm đặc biệt của thái độ của Chân sư là nó hoàn toàn vô ngã, rằng phàm ngã không hề tham gia vào đó. Ngài nhìn nhận mọi thứ từ quan điểm của kế hoạch của Thượng đế, và Ngài không bao giờ trong một khoảnh khắc nào đưa phàm ngã của Ngài vào vấn đề; nếu điều gì đó có ích cho sự tiến hóa của nhân loại thì nó là tốt; nếu nó là một trở ngại cho sự tiến hóa của nhân loại thì nó là một điều xấu. Mặc dù Minh Triết Phương Đông phải đưa chúng ta hoàn toàn vào thái độ đó nếu chúng ta hiểu nó một cách hoàn toàn, nhưng chúng ta có thể thấy rằng những người khác không biết về nó cũng có thể đạt được thái độ như vậy. Để đủ gần với Chân sư để nhận được bình an của Ngài, sự vô ngã hoàn toàn là điều kiện tiên quyết đầu tiên và lớn nhất. Một người có thể gần gũi với Chân sư, có thể nhận được bình an của Ngài thậm chí, và tuy nhiên trong số hai người đứng bên Ngài và nhận được nó, một người có thể nhận được nó đầy đủ hơn nhiều so với người kia. Người không biết nhưng hoàn

receive, but the man who, equal to him in this respect, possesses in addition the higher wisdom, will receive from that peace infinitely more.

toàn thánh thiện và vô ngã sẽ nhận được từ bình an của Chân sư tất cả những gì y có thể nhận được, nhưng người mà, ngang bằng với y trong khía cạnh này, sở hữu thêm minh triết cao hơn, sẽ nhận được từ bình an đó vô cùng nhiều hơn.

Δ Regard the three truths. They are equal.

Δ Hãy xem xét ba chân lý. Chúng đều bình đẳng.

This line is preceded by a triangle which is used as a kind of signature of Him who wrote it, just as the cross is prefixed by Catholic Bishops to their letters and documents. It is done here to attract special attention.

Dòng này được đặt trước bởi một tam giác được sử dụng như một loại chữ ký của Ngài vốn đã viết nó, giống như thập giá được đặt trước bởi các Giám mục Công giáo trong các lá thư và tài liệu của họ. Nó được thực hiện ở đây để thu hút sự chú ý đặc biệt.

The three truths to which the Master Hilarion refers are those which He Himself enunciated in another book which He dictated—*The Idyll of the White Lotus*—which has not received quite the attention which it deserves. It is an account of a previous life of His own, which He spent in Egypt when the great Egyptian religion was in its decadence and was no longer understood. Its splendid and impersonal worship had degenerated into the following of a goddess who demanded not so much perfect purity as perfect passion from her people, and so there was much corruption.

Ba chân lý mà Chân sư Hilarion đề cập đến là những chân lý mà Ngài tự mình đã tuyên bố trong một cuốn sách khác mà Ngài đã viết—The Idyll of the White Lotus—vốn chưa nhận được sự chú ý xứng đáng. Đó là một câu chuyện về một kiếp trước của Ngài, vốn Ngài đã trải qua ở Ai Cập khi tôn giáo vĩ đại của Ai Cập đang suy tàn và không còn được hiểu nữa. Sự thờ phượng tuyệt vời và vô ngã của nó đã suy đồi thành việc theo đuổi một nữ thần vốn không đòi hỏi sự trong sạch hoàn hảo mà là sự đam mê hoàn hảo từ dân chúng của bà, và do đó có nhiều sự tha hóa.

The Master, whose name at that time was Sensa, was a clairvoyant pupil in an Egyptian temple. The priests of the temple recognized his value as a clairvoyant and as a medium, but did not wish him to teach true religion to the people, because that would have interfered with the existent ecclesiastical system, and eventually they killed him. In the course of the story, after going through many trials he found himself surrounded by a group of Adepts, among whom was his own Master, who then told him what to teach to the people

Chân sư, vốn tên lúc đó là Sensa, là một đệ tử thông nhãn trong một ngôi đền Ai Cập. Các thầy tu của ngôi đền nhận ra giá trị của y như một người thông nhãn và như một đồng tử, nhưng không muốn y dạy tôn giáo chân chính cho dân chúng, vì điều đó sẽ can thiệp vào hệ thống giáo hội hiện tại, và cuối cùng họ đã giết y. Trong quá trình câu chuyện, sau khi trải qua nhiều thử thách, y thấy mình được bao quanh bởi một nhóm các Chân sư, trong đó có Chân sư của y, người sau đó đã nói với y những gì cần dạy cho dân chúng—cho những người đã

—to those who had been misled by wrong teaching. They told him to preach broad truths only. We have the form in which the three great truths were then given. They are prefaced by the words: “There are three truths which are absolute and cannot be lost, but yet may remain silent for lack of speech.” That means they can never be lost because they are held by the Great Brotherhood, although they may not at a given time be known in the world because there is no one to speak them.

bị lừa dối bởi sự giảng dạy sai lầm. Họ bảo y chỉ giảng dạy những chân lý rộng lớn. Chúng ta có hình thức mà ba chân lý vĩ đại đã được đưa ra lúc đó. Chúng được đặt trước bởi những lời: "Có ba chân lý vốn là tuyệt đối và không thể mất, nhưng vẫn có thể im lặng vì thiếu lời nói." Điều đó có nghĩa là chúng không bao giờ có thể mất vì chúng được giữ bởi Đại Huynh Đệ, mặc dù chúng có thể không được biết đến vào một thời điểm nhất định trong thế giới vì không có ai để nói chúng.

The first great truth is: “The soul of man is immortal, and its future is the future of a thing whose growth and splendour have no limit.” This great truth at once does away with all fear of bell and of the necessity of salvation, because there is absolute certainty of final attainment for every human soul, no matter how far he may seem to have strayed from the path of evolution.

Chân lý vĩ đại đầu tiên là: "Linh hồn của con người là bất tử, và tương lai của nó là tương lai của một thứ mà sự phát triển và huy hoàng không có giới hạn." Chân lý vĩ đại này ngay lập tức loại bỏ mọi nỗi sợ hãi về địa ngục và sự cần thiết của sự cứu rỗi, vì có sự chắc chắn tuyệt đối về sự đạt được cuối cùng cho mọi linh hồn con người, bất kể y có vẻ như đã lạc xa khỏi con đường tiến hóa đến đâu.

The second great truth is: “The principle which gives life dwells in us, and without us, is undying and eternally beneficent, is not heard, or seen, or smelt, but is perceived by the man who desires perception.” That means that the world is an expression of God, that man is part of Him and can know it for himself when he is able to raise Himself to the level at which it can be revealed to him, and that all things are definitely and intelligently moving together for good.

Chân lý vĩ đại thứ hai là: "Nguyên lý vốn ban sự sống cư ngụ trong chúng ta, và bên ngoài chúng ta, là bất tử và vĩnh viễn có lợi, không được nghe thấy, hoặc nhìn thấy, hoặc ngửi thấy, nhưng được nhận thức bởi người vốn khao khát nhận thức." Điều đó có nghĩa là thế giới là một biểu hiện của Thượng đế, rằng con người là một phần của Ngài và có thể tự mình biết điều đó khi y có thể nâng mình lên mức độ mà điều đó có thể được tiết lộ cho y, và rằng mọi thứ đang di chuyển một cách rõ ràng và thông minh cùng nhau vì điều tốt.

The third great truth is: “Each man is his own absolute law-giver, the dispenser of glory or gloom to himself; the decreer of his life, his reward, his punishment.” Here we have a clear statement of the law of karma, the law of re-adjustment, of balance.

Chân lý vĩ đại thứ ba là: "Mỗi người là người lập pháp tuyệt đối của chính mình, người phân phát vinh quang hoặc u ám cho chính mình; người quyết định cuộc sống của mình, phần thưởng của mình, sự trừng phạt của mình." Ở đây chúng ta có một tuyên bố rõ ràng về luật nghiệp quả, luật điều chỉnh lại, của sự cân bằng.

Then follow the words: “These truths, which are as great as is life itself, are as simple as the simplest mind of man. Feed the hungry with them.”

Here we have a scheme of religion that can be taught to every one. It consists of three main points of belief, simply formulated, yet very carefully expressed to guard against misunderstanding. They might briefly be stated thus: “Man is immortal”, “God is good” and “As a man sows so shall he reap”. In this simpler form they are suitable for those who are at the stage where they must have simple dogma laid down for them. A more developed soul will want to understand it all. To him can be given the details, and there is enough in those details to occupy the minds of the wisest of men.

These three truths can be seen; they could be deduced from experience even if it were possible that they should be lost. Many egos know them. Some know them for themselves at first-hand, but there are many others who at present, so far at least as their personalities are concerned, are only in the position of believing. They accept them because they are told they are true by those whom they trust, and because they seem to be self-evident—because they cannot otherwise in any reasonable way account for life as they see it. That is a stage, and a very useful stage, on the way to actual knowing, but of course it is not direct knowledge. I can say to you, for example, “I know those truths are really so, because on many planes and through many years I have made investigations and have carried out experiments which could not have resulted as they did unless these basic laws were true.” So far only a few can say “I have seen,” but all should work on towards that point, because actual knowledge gives one a far greater power than even the most definite

Sau đó là những lời: "Những chân lý này, vốn lớn như chính sự sống, đơn giản như tâm trí đơn giản nhất của con người. Hãy nuôi dưỡng những người đói khát bằng chúng."

Ở đây chúng ta có một kế hoạch tôn giáo có thể được dạy cho mọi người. Nó bao gồm ba điểm chính của niềm tin, được hình thành đơn giản, nhưng được diễn đạt rất cẩn thận để tránh sự hiểu lầm. Chúng có thể được tóm tắt ngắn gọn như sau: "Con người là bất tử", "Thượng đế là tốt" và "Như một người gieo, người đó sẽ gặt". Ở dạng đơn giản hơn này, chúng phù hợp cho những người đang ở giai đoạn mà họ phải có giáo điều đơn giản được đặt ra cho họ. Một linh hồn phát triển hơn sẽ muốn hiểu tất cả. Đối với y có thể được cung cấp các chi tiết, và có đủ trong những chi tiết đó để chiếm lĩnh tâm trí của những người khôn ngoan nhất.

Ba chân lý này có thể được nhìn thấy; chúng có thể được suy luận từ kinh nghiệm ngay cả khi có thể rằng chúng sẽ bị mất. Nhiều chân ngã biết chúng. Một số biết chúng cho chính mình từ đầu, nhưng có nhiều người khác hiện tại, ít nhất là về phần phàm ngã của họ, chỉ ở vị trí của niềm tin. Họ chấp nhận chúng vì họ được nói rằng chúng là sự thật bởi những người mà họ tin tưởng, và vì chúng có vẻ tự hiển nhiên—vì họ không thể giải thích cuộc sống theo cách hợp lý nào khác như họ thấy. Đó là một giai đoạn, và một giai đoạn rất hữu ích, trên con đường đến sự biết thực sự, nhưng tất nhiên đó không phải là kiến thức trực tiếp. Tôi có thể nói với bạn, ví dụ, "Tôi biết những chân lý đó thực sự là như vậy, vì trên nhiều cõi và qua nhiều năm tôi đã thực hiện các cuộc điều tra và đã thực hiện các thí nghiệm mà không thể có kết quả như chúng đã có nếu những luật cơ bản này không đúng." Cho đến nay chỉ có một số ít có thể nói "Tôi đã thấy," nhưng tất cả nên làm việc để đạt đến điểm đó, vì kiến thức thực sự mang lại cho một người sức mạnh lớn hơn nhiều so với ngay cả sự thuyết phục trí tuệ

intellectual conviction.

When a man is speaking of these facts, it is always evident whether he is speaking of that which he himself knows or only of that which he has heard. It makes a difference in the magnetic effect. Therefore, for the sake of others it is of importance that we should know something for ourselves as soon as possible. It may be but a very small part of the great truth, but if we know it by our own experience that at once makes it more than probable that all the rest is also true, and gives us additional confidence. Those who have the perfect confidence born of knowledge can give help to others which cannot be given until one knows. It is that which makes our fragments of personal experience so useful.

There are many people who have at one time or other in vision, in sleep, or in meditation seen the Master. That is, perhaps, something which could not be proved to anyone else. People might say to a man who has had this experience: “Perhaps it was only an hallucination, or imagination”; but he knows perfectly well that it was not anything of the kind. He knows that he did see, and that he also felt something which made him certain that this was one of our Great Masters. That is a piece of experience, small, yet far-reaching in its effects. Those who have been so fortunate as to have had such an experience as that may be deeply thankful. They know that much at least, and to know one fact belonging to the higher world at once makes all the rest of the teaching more luminous, and clearer to follow. So such experiences are not at all to be despised.

There is no harm in the fact that we do not know perfectly. It must be so; it is in the nature of things. It is when we suppose our

rõ ràng nhất.

Khi một người đang nói về những sự thật này, luôn rõ ràng liệu y đang nói về điều mà y tự biết hay chỉ về điều mà y đã nghe. Nó tạo ra sự khác biệt trong hiệu ứng từ tính. Do đó, vì lợi ích của người khác, điều quan trọng là chúng ta nên biết điều gì đó cho chính mình càng sớm càng tốt. Nó có thể chỉ là một phần rất nhỏ của chân lý vĩ đại, nhưng nếu chúng ta biết nó qua kinh nghiệm của chính mình, điều đó ngay lập tức làm cho nó có khả năng hơn rằng tất cả phần còn lại cũng đúng, và mang lại cho chúng ta sự tự tin bổ sung. Những người có sự tự tin hoàn hảo sinh ra từ kiến thức có thể giúp đỡ người khác mà không thể được thực hiện cho đến khi một người biết. Đó là điều làm cho những mảnh kinh nghiệm cá nhân của chúng ta trở nên hữu ích.

Có nhiều người đã từng một lần hoặc khác trong tầm nhìn, trong giấc ngủ, hoặc trong tham thiền đã thấy Chân sư. Đó có lẽ là điều không thể chứng minh cho bất kỳ ai khác. Người ta có thể nói với một người đã có trải nghiệm này: "Có lẽ đó chỉ là một ảo giác, hoặc sự tưởng tượng"; nhưng y biết rất rõ rằng đó không phải là bất kỳ điều gì như vậy. Y biết rằng y đã thấy, và rằng y cũng cảm thấy điều gì đó khiến y chắc chắn rằng đây là một trong những Chân sư Vĩ đại của chúng ta. Đó là một mảnh kinh nghiệm, nhỏ, nhưng có ảnh hưởng sâu rộng. Những người đã may mắn có được trải nghiệm như vậy có thể cảm thấy biết ơn sâu sắc. Họ biết ít nhất điều đó, và biết một sự thật thuộc về thế giới cao hơn ngay lập tức làm cho tất cả phần còn lại của giáo lý trở nên sáng tỏ hơn, và dễ dàng hơn để theo dõi. Vì vậy, những trải nghiệm như vậy không hề bị coi thường.

Không có hại gì trong việc chúng ta không biết hoàn hảo. Nó phải như vậy; đó là bản chất của sự việc. Đó là khi chúng ta cho rằng kiến thức

knowledge to be complete, when it is pitifully incomplete, when we think that we know everything and condemn other men who think differently, not realizing that they may be seeing another side of a many-sided truth, that we go wrong. Let us by all means cling to our imperfect knowledge, but, while trying to increase it whenever we get an opportunity, let us never forget that it is imperfect, lest we should be led into the mistake of condemning someone who perhaps knows more than we do. Truth is deep; truth is often mysterious. It cannot be grasped in its entirety by any one man nor by any one body or sect of men. We must gradually learn to appreciate truth, before we can know it in any of its aspects. The truth about anything is the way in which that thing presents itself to the Logos, to the Maker, of the whole system. He who made it alone understands all, knows all things as they are. His view is the only perfect view. For us truth is relative. We cannot see the whole as He sees it; but although our knowledge must be imperfect at least it need not be wrong as far as it goes. We may have so much of the truth about a certain thing chat when we come to know all about it, when we reach Adeptship, we shall not have to correct what we have previously known, but only to add to it.

của mình là hoàn chỉnh, khi nó đáng thương không hoàn chỉnh, khi chúng ta nghĩ rằng chúng ta biết mọi thứ và lên án những người khác nghĩ khác, không nhận ra rằng họ có thể đang nhìn thấy một khía cạnh khác của một chân lý nhiều mặt, mà chúng ta đi sai. Hãy bằng mọi cách bám vào kiến thức không hoàn hảo của chúng ta, nhưng, trong khi cố gắng tăng cường nó bất cứ khi nào chúng ta có cơ hội, đừng bao giờ quên rằng nó không hoàn hảo, kẻo chúng ta bị dẫn vào sai lầm của việc lên án ai đó có thể biết nhiều hơn chúng ta. Chân lý sâu sắc; chân lý thường bí ẩn. Nó không thể được nắm bắt hoàn toàn bởi bất kỳ người nào cũng như bởi bất kỳ nhóm hay giáo phái nào. Chúng ta phải dần dần học cách đánh giá chân lý, trước khi chúng ta có thể biết nó trong bất kỳ khía cạnh nào của nó. Chân lý về bất kỳ điều gì là cách mà điều đó tự thể hiện với Thượng đế, với Đấng Tạo Hóa, của toàn bộ hệ thống. Ngài vốn tạo ra nó mới hiểu tất cả, biết mọi thứ như chúng vốn có. Quan điểm của Ngài là quan điểm hoàn hảo duy nhất. Đối với chúng ta, chân lý là tương đối. Chúng ta không thể thấy toàn bộ như Ngài thấy; nhưng mặc dù kiến thức của chúng ta phải không hoàn hảo, ít nhất nó không cần phải sai lầm trong chừng mực nó đi. Chúng ta có thể có nhiều chân lý về một điều nào đó mà khi chúng ta biết tất cả về nó, khi chúng ta đạt đến Chân sư, chúng ta sẽ không phải sửa chữa những gì chúng ta đã biết trước đó, mà chỉ cần bổ sung vào đó.

It is a very difficult thing to know what one may teach people outside. It is good, therefore, to have this authoritative statement from a Master, of certain things which may be taught generally. We often have to speak about Theosophy to people who do not in the least take our point of view. In lecturing to the public one feels at times that it would help to make things clear if one revealed something of their inner meaning, and yet one hesitates lest one should do harm.

Đó là một điều rất khó để biết những gì một người có thể dạy cho người khác bên ngoài. Do đó, thật tốt khi có tuyên bố có thẩm quyền này từ một Chân sư, về những điều nhất định có thể được dạy chung. Chúng ta thường phải nói về Thông Thiên Học với những người không hề có quan điểm của chúng ta. Khi giảng cho công chúng, đôi khi người ta cảm thấy rằng nó sẽ giúp làm rõ mọi thứ nếu người ta tiết lộ một chút về ý nghĩa bên trong của chúng, và tuy nhiên người ta do dự vì sợ rằng người ta có thể

gây hại.

It is quite obvious that if we attempted to teach them all we know about Theosophy, many people who heard would not understand a great deal of it. There are people to whom one feels at once that one could not speak of the Masters, because the idea would be quite foreign to them. They would be likely to make some flippant or jeering remark with regard to it, and that would pain us and would bring exceedingly bad karma to them. The man who speaks evil of the Great Ones takes upon himself a very serious responsibility, and the fact that he does not believe in Them has simply nothing to do with the result. We may not believe that a certain piece of metal is hot, but if we take hold of it we shall be burnt. People who speak evil of Those who are devoting all Their lives and strength to the helping of the world, are guilty of the great sin of ingratitude, as well as of that of making a mock of holy things, which is blasphemy; and the fact that they do not know that the things are holy does not come into the question at all. So we have to balance rather carefully what we say, because the only object in speaking at all is to do good to the person addressed. We may do him harm instead of good if we put before him something at which he will jeer or mock.

Rõ ràng là nếu chúng ta cố gắng dạy họ tất cả những gì chúng ta biết về Thông Thiên Học, nhiều người nghe sẽ không hiểu nhiều về nó. Có những người mà người ta cảm thấy ngay lập tức rằng người ta không thể nói về Các Chân sư, vì ý tưởng đó sẽ hoàn toàn xa lạ với họ. Họ có thể sẽ đưa ra một nhận xét hời hợt hoặc chế giễu về điều đó, và điều đó sẽ làm chúng ta đau lòng và mang lại nghiệp quả cực kỳ xấu cho họ. Người nói xấu về Các Đấng Cao Cả tự mình gánh lấy một trách nhiệm rất nghiêm trọng, và thực tế là y không tin vào Các Ngài không liên quan gì đến kết quả. Chúng ta có thể không tin rằng một mảnh kim loại nào đó là nóng, nhưng nếu chúng ta cầm lấy nó, chúng ta sẽ bị bỏng. Những người nói xấu về Những Đấng vốn dành cả cuộc đời và sức mạnh của Các Ngài để giúp đỡ thế giới, phạm tội lớn về sự vô ơn, cũng như tội chế giễu những điều thiêng liêng, đó là sự báng bổ; và thực tế là họ không biết rằng những điều đó là thiêng liêng không liên quan gì đến vấn đề này. Vì vậy, chúng ta phải cân nhắc khá cẩn thận những gì chúng ta nói, vì mục đích duy nhất khi nói là để làm điều tốt cho người được nói đến. Chúng ta có thể làm hại họ thay vì tốt nếu chúng ta đưa ra trước họ điều gì đó mà họ sẽ chế giễu hoặc chế nhạo.

Remember the saying of the Christ, which is often not well understood, about casting pearls before swine. This is often taken quite wrongly as a comparison of the people to swine. That was surely not in the mind of the great Master. He simply meant that to give the inner truths to people who have not yet the knowledge to enable them to appreciate them would be as foolish as to cast pearls before swine. They would probably rush forward expecting to receive something to eat, and finding that the pearls were not edible, they

Hãy nhớ lời nói của Đức Christ, vốn thường không được hiểu rõ, về việc ném ngọc trai trước lợn. Điều này thường bị hiểu sai hoàn toàn như một sự so sánh của người với lợn. Điều đó chắc chắn không nằm trong tâm trí của Chân sư vĩ đại. Ngài chỉ đơn giản muốn nói rằng việc đưa ra những chân lý nội tại cho những người chưa có kiến thức để đánh giá cao chúng sẽ là ngu ngốc như việc ném ngọc trai trước lợn. Chúng có thể sẽ lao tới mong nhận được thứ gì đó để ăn, và khi phát hiện ra rằng ngọc trai không thể ăn được, chúng sẽ giẫm

would trample them in the mire, and then turn and rend the giver of the pearls because they had been disappointed in their expectation of food. The pearls would be of no use to them, however valuable they might be to us. That is generally the attitude of ordinary people, when we put before them truths which are not comprehensible to them. They do not see their value; they cast them aside, and are usually angry with us for giving them something which they regard as useless.

đạp chúng trong bùn, và sau đó quay lại và xé nát người cho ngọc trai vì chúng đã thất vọng trong kỳ vọng của mình về thức ăn. Ngọc trai sẽ không có ích gì cho chúng, dù chúng có giá trị đến đâu đối với chúng ta. Đó thường là thái độ của những người bình thường, khi chúng ta đưa ra trước họ những chân lý mà họ không thể hiểu được. Họ không thấy giá trị của chúng; họ vứt bỏ chúng, và thường tức giận với chúng ta vì đã đưa cho họ thứ mà họ coi là vô dụng.

It has always been recognized that only simple truths can be given to the great mass of men, who are as yet not highly evolved. All great religions have had some special truth which they strongly inculcated, and if any of these truths be taken in its entirety it will be found that it covers most of the ground. It is very necessary that certain ideas should be implanted in the minds of the evolving human egos, so they pass through religion after religion, race after race, learning something from each.

Nó luôn được công nhận rằng chỉ có những chân lý đơn giản mới có thể được đưa ra cho đại đa số người, vốn chưa tiến hóa cao. Tất cả các tôn giáo lớn đều có một số chân lý đặc biệt mà họ đã nhấn mạnh mạnh mẽ, và nếu bất kỳ chân lý nào trong số này được lấy toàn bộ, nó sẽ được phát hiện rằng nó bao phủ hầu hết các khía cạnh. Rất cần thiết rằng một số ý tưởng nhất định nên được cấy vào tâm trí của các chân ngã đang tiến hóa, vì vậy họ đi qua tôn giáo này đến tôn giáo khác, chủng tộc này đến chủng tộc khác, học hỏi điều gì đó từ mỗi cái.

In Hinduism, for example, the great idea of duty was specially emphasized. It is obvious that when the thought of duty fills a man's mind it must lead to a good and carefully ordered life. The Greek religion was one which laid stress on beauty. The great cardinal fact that was impressed upon the Greek all through his life was that beauty was an expression of God, and that in so far as a man could make himself and his surroundings beautiful he brought them nearer to what the Deity wished them to be, and thus allowed the divine power to manifest itself more fully through him. So even the smallest object in every-day life was always beautiful—not necessarily expensive, not difficult to get, but beautiful in shape and colour. That was the fact which Greece impressed upon the world —the power of beauty.

Trong Ấn Độ giáo, chẳng hạn, ý tưởng lớn về bổn phận được nhấn mạnh đặc biệt. Rõ ràng là khi ý tưởng về bổn phận lấp đầy tâm trí của một người, nó phải dẫn đến một cuộc sống tốt đẹp và được sắp xếp cẩn thận. Tôn giáo Hy Lạp là một tôn giáo nhấn mạnh vào vẻ đẹp. Sự thật chủ yếu lớn lao được khắc sâu vào người Hy Lạp suốt cuộc đời là vẻ đẹp là biểu hiện của Thượng đế, và trong chừng mực một người có thể làm cho bản thân và môi trường xung quanh trở nên đẹp đẽ, người đó đã đưa chúng đến gần hơn với những gì Thượng đế mong muốn chúng trở thành, và do đó cho phép sức mạnh thiêng liêng thể hiện đầy đủ hơn qua người đó. Vì vậy, ngay cả những vật nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày cũng luôn đẹp đẽ—không nhất thiết phải đắt tiền, không khó để có được, nhưng đẹp về hình dáng và màu sắc. Đó là sự thật mà Hy Lạp đã khắc sâu vào thế

giới—sức mạnh của vẻ đẹp.

In Christianity the central idea is devotion. The Christian Church has for centuries set before itself the idea of producing saints, holy men, good people, and it felicitates itself and rests its claim to attention upon the saints already produced. It celebrates their days, and in every way places them on the highest possible pinnacle.

Trong Kitô giáo, ý tưởng trung tâm là sự sùng kính. Giáo hội Kitô giáo trong nhiều thế kỷ đã đặt ra cho mình ý tưởng tạo ra các thánh, những người thánh thiện, những người tốt, và nó tự hào và dựa vào các thánh đã được tạo ra để thu hút sự chú ý. Nó kỷ niệm những ngày của họ, và bằng mọi cách đặt họ lên đỉnh cao nhất có thể.

Our examination of the history of these saints shows that among them were included individuals of many different types. Some of them were unquestionably great, learned and capable men. Others were not that at all, but were quite ordinary and ignorant, their great virtue being that they were good. Only when we come to study it deeply do we realize that the Christian religion is intended not only to feed the fire of devotion, but also to assist its people at all levels and along all lines.

Khi chúng ta xem xét lịch sử của những vị thánh này, chúng ta thấy rằng trong số họ có những cá nhân thuộc nhiều loại khác nhau. Một số trong số họ không thể phủ nhận là những người vĩ đại, học thức và có khả năng. Những người khác không phải như vậy, mà là những người bình thường và thiếu hiểu biết, đức tính lớn của họ là họ tốt. Chỉ khi chúng ta nghiên cứu sâu sắc, chúng ta mới nhận ra rằng tôn giáo Kitô giáo không chỉ nhằm nuôi dưỡng ngọn lửa sùng kính, mà còn hỗ trợ người dân của nó ở mọi cấp độ và trên mọi phương diện.

When we examine other great religions, such as Buddhism or Hinduism, we find them also prepared to meet their people everywhere. Each of these religions has certain precepts for the uneducated, by virtue of which they will be helped, if they follow them truly, to lead a good life. It has also much metaphysical and philosophical teaching for those who need it. Christianity in its present form does not really give that. True, there are the writings of the Fathers, and if we go back to Origen and Clement of Alexandria we find hints of those higher teachings; we find, for example, the statement that Christianity has its Mysteries. But the Christianity put before people by any of the great Churches, such as the Greek, the Roman or the Anglican, is certainly a maimed representation of what it originally was.

Khi chúng ta xem xét các tôn giáo lớn khác, chẳng hạn như Phật giáo hoặc Ấn Độ giáo, chúng ta cũng thấy chúng sẵn sàng đáp ứng người dân của mình ở mọi nơi. Mỗi tôn giáo này có những giáo lý nhất định cho những người chưa được giáo dục, nhờ đó họ sẽ được giúp đỡ, nếu họ thực sự tuân theo, để sống một cuộc sống tốt đẹp. Nó cũng có nhiều giáo lý siêu hình và triết học cho những người cần nó. Kitô giáo trong hình thức hiện tại của nó thực sự không cung cấp điều đó. Đúng là có những tác phẩm của các Giáo phụ, và nếu chúng ta quay lại với Origen và Clement của Alexandria, chúng ta tìm thấy những gợi ý về những giáo lý cao hơn đó; chúng ta tìm thấy, chẳng hạn, tuyên bố rằng Kitô giáo có những Bí ẩn của nó. Nhưng Kitô giáo được đưa ra trước mọi người bởi bất kỳ Giáo hội lớn nào, chẳng hạn như Hy Lạp, La Mã hoặc Anh giáo, chắc chắn là một sự đại diện bị tổn thương của

những gì nó ban đầu là.

Every true religion must be capable of adapting itself to people at all levels, of meeting the wise and learned, as well as the ignorant devotee. It certainly must not exalt the ignorant but devoted man above the wiser, who wants to understand. Unfortunately there has been a distinct tendency on the part of Christianity to condemn the people who have wanted to know, to disparage their wisdom as merely the wisdom of this world, and to regard those who take the attitude of a little child as likely to make more rapid progress. The child soul must behave as such, and every religion must be prepared to meet and to feed the child soul, but that is no reason why it should have no stronger food for those who are more advanced. The souls who have passed through the earlier stages of growth long ago in other lives now wish to understand the great Plan—to know something about the world in which they live and the scheme by which it was made and is kept going. Many of our Christian brothers have found, with great relief and a certain amount of surprise, that Theosophy was capable of supplying them with that knowledge, without destroying their Christianity in any way. There is nothing in the original Christian teaching which in any way contradicts any science, although there has been an anti-scientific tendency coupled with ecclesiastical teaching ever since the Middle Ages. Originally Christianity answered its purpose quite as well as any of the other faiths; it is only because it happens to have been especially unfortunate in the loss of the higher teaching that it distinctly needs supplementing at the present day.

Mọi tôn giáo chân chính phải có khả năng thích ứng với mọi người ở mọi cấp độ, đáp ứng người khôn ngoan và học thức, cũng như người sùng kính nhưng thiếu hiểu biết. Nó chắc chắn không được tôn vinh người thiếu hiểu biết nhưng sùng kính hơn người khôn ngoan, người muốn hiểu. Thật không may, đã có một xu hướng rõ ràng từ phía Kitô giáo để lên án những người muốn biết, để coi thường sự khôn ngoan của họ như chỉ là sự khôn ngoan của thế giới này, và coi những người có thái độ như một đứa trẻ nhỏ là có khả năng tiến bộ nhanh hơn. Linh hồn trẻ em phải hành xử như vậy, và mọi tôn giáo phải sẵn sàng đáp ứng và nuôi dưỡng linh hồn trẻ em, nhưng đó không phải là lý do tại sao nó không nên có thức ăn mạnh mẽ hơn cho những người tiến bộ hơn. Những linh hồn đã trải qua các giai đoạn phát triển sớm hơn từ lâu trong các kiếp sống khác giờ đây mong muốn hiểu Thiên Cơ vĩ đại—để biết điều gì đó về thế giới mà họ đang sống và hệ thống mà nó được tạo ra và duy trì. Nhiều anh em Kitô giáo của chúng ta đã tìm thấy, với sự nhẹ nhõm lớn và một chút ngạc nhiên, rằng Thông Thiên Học có khả năng cung cấp cho họ kiến thức đó, mà không phá hủy Kitô giáo của họ theo bất kỳ cách nào. Không có gì trong giáo lý Kitô giáo nguyên thủy mâu thuẫn với bất kỳ khoa học nào, mặc dù đã có một xu hướng chống khoa học kết hợp với giáo lý giáo hội từ thời Trung Cổ. Ban đầu Kitô giáo đã đáp ứng mục đích của nó cũng như bất kỳ tôn giáo nào khác; chỉ vì nó đã đặc biệt không may trong việc mất đi giáo lý cao hơn mà nó rõ ràng cần được bổ sung trong ngày nay.

The Chohan then concludes Part I with the words:

Đức Đế Quân sau đó kết thúc Phần I với những lời:

These written above are the first of the rules which are written on the walls of the Hall of Learning. Those that ask shall have. Those that desire to read shall read. Those who desire to learn shall learn.

Những điều được viết trên đây là những Quy luật đầu tiên được viết trên các bức tường của Phòng Hiểu Biết. Những ai hỏi sẽ có. Những ai muốn đọc sẽ đọc. Những ai muốn học sẽ học.

PEACE BE WITH YOU

BÌNH AN Ở CÙNG BẠN

PART II

LIGHT ON THE PATH

CHAPTER 1

THE PRELIMINARY COMMENT—BÌNH LUẬN SƠ BỘ

C.W.L.—The second part of *Light on the Path* assumes that the student has passed the First Initiation; it carries the man on through the steps of the Path leading up to the Adept level. But a second and higher interpretation of it begins beyond that, and helps to guide the man who has already become an Adept on to His next stage. Swarm T. Subba Row, who knew a great deal about these matters, told me once that there were really seven meanings for this book—seven ways in which it could be interpreted—all apparently at different levels, and he said that the highest interpretations carried a man up to the Initiation of the Mahachohan. That, of course, is dealing with matters which are absolutely beyond our ken. We could not possibly understand to what it refers at such a high level, so it is useless for us even to seek for such an interpretation. It is possible that we may be able to form some idea of a double meaning, but anything beyond that will certainly be quite out of our reach.

C.W.L.—Phần thứ hai của Ánh sáng trên Đường Đạo giả định rằng học sinh đã vượt qua lần điểm đạo thứ nhất; nó dẫn dắt người đó qua các bước của Đường Đạo dẫn đến cấp độ Chân sư. Nhưng một cách giải thích thứ hai và cao hơn của nó bắt đầu từ đó, và giúp hướng dẫn người đã trở thành Chân sư đến giai đoạn tiếp theo của Ngài. Swarm T. Subba Row, người biết rất nhiều về những vấn đề này, đã từng nói với tôi rằng thực sự có bảy ý nghĩa cho cuốn sách này—bảy cách mà nó có thể được giải thích—tất cả dường như ở các cấp độ khác nhau, và ông nói rằng những cách giải thích cao nhất đưa một người lên đến Cuộc Điểm Đạo của MahaĐức Đế Quân. Điều đó, tất nhiên, là xử lý những vấn đề hoàn toàn vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Chúng ta không thể hiểu được nó đề cập đến điều gì ở một cấp độ cao như vậy, vì vậy việc tìm kiếm một cách giải thích như vậy là vô ích. Có thể chúng ta có thể hình thành một số ý tưởng về một ý nghĩa kép, nhưng bất cứ điều gì vượt quá điều đó chắc chắn sẽ hoàn toàn ngoài tầm với của chúng ta.

In what we have already studied we have been told to cast off the lower self—the personality. In the higher interpretation, that would mean casting off the individuality. Just as the first part in its lowest interpretation was thus intended to produce the union of the higher and lower self, so in its second interpretation it aims at the unity of the ego with the Monad; that which is the second interpretation of the first part must be the first interpretation of the second part, since it follows from the first. It would be well for us to bear that in mind; then here and there we may be able to catch a glimpse of what must be the meaning of the next interpretation higher still.

Trong những gì chúng ta đã nghiên cứu, chúng ta đã được bảo phải từ bỏ phàm ngã—phàm ngã. Trong cách giải thích cao hơn, điều đó có nghĩa là từ bỏ cá nhân. Cũng như phần đầu tiên trong cách giải thích thấp nhất của nó được dự định để tạo ra sự hợp nhất của chân ngã và phàm ngã, thì trong cách giải thích thứ hai của nó, nó nhằm vào sự hợp nhất của chân ngã với Chân Thần; điều đó vốn là cách giải thích thứ hai của phần đầu tiên phải là cách giải thích đầu tiên của phần thứ hai, vì nó theo sau từ phần đầu tiên. Sẽ tốt cho chúng ta nếu ghi nhớ điều đó; sau đó ở đây và đó chúng ta có thể bắt gặp một cái nhìn thoáng qua về ý nghĩa của cách giải thích tiếp theo cao hơn nữa.

Out of the silence that is peace a resonant voice shall arise. And this voice will say: It is not well; thou has reaped, now thou must sow. And knowing this voice to be the silence itself thou wilt obey.

Từ sự im lặng vốn là hòa bình, một giọng nói vang dội sẽ nổi lên. Và giọng nói này sẽ nói: Điều đó không tốt; ngươi đã gặt hái, bây giờ ngươi phải gieo. Và biết rằng giọng nói này chính là sự im lặng, ngươi sẽ tuân theo.

Thou who art now a disciple, able to stand, able to hear, able to see, able to speak, who hast conquered desire and attained to self-knowledge, who hast seen thy soul in its bloom and recognized it, and heard the Voice of the Silence—go thou to the Hall of Learning and read what is written there for thee.

Ngươi, người hiện là đệ tử, có khả năng đứng, có khả năng nghe, có khả năng thấy, có khả năng nói, người đã chinh phục được dục vọng và đạt được tự tri, người đã thấy linh hồn của ngươi trong sự nở hoa và nhận ra nó, và nghe thấy Tiếng Nói của Im Lặng—hãy đi đến Phòng Hiểu Biết và đọc những gì được viết ở đó cho ngươi.

That is the introduction to this second part, written by the Venetian Master. First of all, perhaps, one ought to refer to those opening words: "Out of the silence that is peace a resonant voice shall arise. And knowing this voice to be the silence itself thou wilt obey." There has been much speculation among Theosophists as to the exact meaning of the voice of the silence, but it is now generally understood that the expression does not always mean the same thing. The silence is always that which lies just above the point which the man has reached, and the voice of the silence is the voice coming down to him from above, the voice of the inner self, as we have already seen.[58]

Đó là phần giới thiệu cho phần thứ hai này, được viết bởi Chân sư Venetian. Trước hết, có lẽ, người ta nên đề cập đến những lời mở đầu đó: "Từ sự im lặng vốn là hòa bình, một giọng nói vang dội sẽ nổi lên. Và biết rằng giọng nói này chính là sự im lặng, ngươi sẽ tuân theo." Đã có nhiều suy đoán trong giới Thông Thiên Học về ý nghĩa chính xác của tiếng nói của sự im lặng, nhưng hiện nay người ta thường hiểu rằng biểu hiện này không phải lúc nào cũng có nghĩa giống nhau. Sự im lặng luôn là điều nằm ngay trên điểm mà người đó đã đạt được, và tiếng nói của sự im lặng là tiếng nói đến với người đó từ trên cao, tiếng nói của nội ngã, như chúng ta đã thấy.

In all cases this voice which speaks from above is that which when heard must be obeyed, and to the newly initiated man (if we take the lower interpretation), or to him who has attained Adeptship (if we consider the higher interpretation), this voice says that while he is resting in the enjoyment of this wonderful peace, it is not well to rest too long. In the

Trong mọi trường hợp, tiếng nói này vốn nói từ trên cao là điều khi nghe thấy phải tuân theo, và đối với người mới được điểm đạo (nếu chúng ta lấy cách giải thích thấp hơn), hoặc đối với người đã đạt được Chân sư (nếu chúng ta xem xét cách giải thích cao hơn), tiếng nói này nói rằng trong khi người đó đang nghỉ ngơi trong sự tận hưởng của hòa bình tuyệt vời

[58] *Ante.*, pp. 62-3. 20

resting in the enjoyment of this wonderful peace, it is not well to rest too long. In the silence the man has remained in wonder at the glory of all he has received by Initiation; he will rest in contemplation awhile; he will spend some little time in studying everything in the new light that has come to him. He is now recalled by the voice, which tells him that he has reaped, and now he must sow again. Since the man has reached this level and gained all that it means in knowledge and certainty and peace, he must try to communicate these gifts to others. He must not rest satisfied with having attained them himself.

này nói rằng trong khi người đó đang nghỉ ngơi trong sự tận hưởng của hòa bình tuyệt vời này, không tốt để nghỉ ngơi quá lâu. Trong sự im lặng, người đó đã ở trong sự ngạc nhiên trước vinh quang của tất cả những gì người đó đã nhận được qua Điểm Đạo; người đó sẽ nghỉ ngơi trong sự chiêm ngưỡng một thời gian; người đó sẽ dành một chút thời gian để nghiên cứu mọi thứ trong ánh sáng mới đã đến với người đó. Người đó hiện được nhắc nhở bởi tiếng nói, vốn nói với người đó rằng người đó đã gặt hái, và bây giờ người đó phải gieo lại. Vì người đó đã đạt đến cấp độ này và đạt được tất cả những gì nó có nghĩa là trong kiến thức và sự chắc chắn và hòa bình, người đó phải cố gắng truyền đạt những món quà này cho người khác. Người đó không được nghỉ ngơi hài lòng với việc đã đạt được chúng cho bản thân.

The Chohan goes on to remind the student of his qualifications: “Thou art now a disciple, able to stand, able to hear, able to see, able to speak.” And the explanation of the Master is that to be able to stand is to have confidence. Now, the man has that confidence because he knows. At the First Initiation the disciple has received a definite touch with the buddhic plane. He has had experience in connection with that, not necessarily of very long duration, but it has been definite, so that he knows for himself that there is such a reality, and that life is one.

Đức Đế Quân tiếp tục nhắc nhở học sinh về những phẩm chất của mình: “Ngươi hiện là đệ tử, có khả năng đứng, có khả năng nghe, có khả năng thấy, có khả năng nói.” Và lời giải thích của Chân sư là có khả năng đứng là có sự tự tin. Bây giờ, người đó có sự tự tin đó vì người đó biết. Tại lần Điểm Đạo thứ nhất, đệ tử đã nhận được một sự tiếp xúc rõ ràng với cõi Bồ đề. Người đó đã có kinh nghiệm liên quan đến điều đó, không nhất thiết phải kéo dài, nhưng nó đã rõ ràng, để người đó biết cho bản thân rằng có một thực tại như vậy, và rằng sự sống là một.

Then comes a long note by the Master Hilarion, and we can see at once from looking at that note that He is dealing with the whole matter very differently in this second part. Before, He gave us what we might call a general comment upon what was said; here He explains practically every word of the text, so that evidently He regards this as something much more difficult to understand, requiring explanation rather than mere comment.

Sau đó, có một ghi chú dài của Chân sư Hilarion, và chúng ta có thể thấy ngay từ việc nhìn vào ghi chú đó rằng Ngài đang xử lý toàn bộ vấn đề rất khác nhau trong phần thứ hai này. Trước đây, Ngài đã cho chúng ta những gì chúng ta có thể gọi là một bình luận chung về những gì đã được nói; ở đây Ngài giải thích thực tế từng từ của văn bản, vì vậy rõ ràng Ngài coi đây là điều khó hiểu hơn nhiều, cần giải thích hơn là chỉ bình luận.

He says to begin with:

> To be able to stand is to have confidence; to be able to hear is to have opened the doors of the soul.

The expression "doors of the soul" reminds one of the Pali name given to the first qualification on the probationary path, which is discrimination between the real and the unreal. In Pali it is called manodwaravaj-jana, which means "the opening the doors of the mind".[59] The man's mind becomes open to the difference between the things which are worth following and the things which are not, and so they say his mind has opened its doors to receive the truth. At Initiation he has to open more doors, those of the soul; in other words, he has to acquire buddhic consciousness. Then for -the first time the man is really a soul, and is looking at things from the point of view of a soul. Below that level there is separation, due to matter, so even in the causal body he is still a long way from the real meaning of existence as the soul looks at it. But with the realization of buddhic consciousness the man is drawn into a condition which differs in kind, not only in degree, from what has gone before. Therefore so much importance is attached to it. Therefore it is made part of the First Initiation, though it is quite open to us to attain that consciousness apart from and before we reach Initiation.

> To be able to see is to have attained perception.

Although it is true that the initiate directly sees considerably more than the ordinary man of the physical world does, it is also true that from what he sees he can infer very much

Ngài nói để bắt đầu:

> Có khả năng đứng là có sự tự tin; có khả năng nghe là đã mở cửa linh hồn.

Biểu hiện "cửa linh hồn" nhắc nhở người ta về tên Pali được đặt cho phẩm chất đầu tiên trên con đường dự bị, vốn là sự phân biện giữa cái thực và cái không thực. Trong tiếng Pali, nó được gọi là manodwaravaj-jana, có nghĩa là "mở cửa tâm trí". Tâm trí của người đó trở nên mở ra sự khác biệt giữa những điều đáng theo đuổi và những điều không đáng, và vì vậy họ nói rằng tâm trí của người đó đã mở cửa để nhận sự thật. Tại Điểm Đạo, người đó phải mở thêm nhiều cửa, những cửa của linh hồn; nói cách khác, người đó phải đạt được tâm thức Bồ đề. Sau đó, lần đầu tiên người đó thực sự là một linh hồn, và đang nhìn mọi thứ từ quan điểm của một linh hồn. Dưới cấp độ đó có sự phân cách, do vật chất, vì vậy ngay cả trong thể nhân quả, người đó vẫn còn cách xa ý nghĩa thực sự của sự tồn tại như linh hồn nhìn nhận nó. Nhưng với sự nhận thức về tâm thức Bồ đề, người đó được kéo vào một trạng thái khác biệt về loại, không chỉ về mức độ, so với những gì đã xảy ra trước đó. Do đó, rất nhiều tầm quan trọng được gắn liền với nó. Do đó, nó được làm thành một phần của lần Điểm Đạo thứ nhất, mặc dù hoàn toàn mở cho chúng ta để đạt được tâm thức đó ngoài và trước khi chúng ta đạt đến Điểm Đạo.

> Có khả năng thấy là đã đạt được sự nhận thức.

Mặc dù đúng là điểm đạo đồ trực tiếp thấy nhiều hơn đáng kể so với người bình thường của thế giới vật chất, nhưng cũng đúng là từ những gì người đó thấy, người đó có thể suy

[59] *Ante.*, Vol. I, Part I, Ch. 2: *Initiation and the Approach Thereto*

man of the physical world does, it is also true that from what he sees he can infer very much more than can be easily told or accurately understood. Thoughtful men have long been wondering and discussing and arguing as to whether or not God exists. No trained clairvoyant ever argues that question, because he knows. I do not mean to say that he sees God. "No man hath seen God at any time," you will read in the Christian Scriptures.[60] That is not quite true if you speak of the Solar Logos; but even so it is true for the vast majority of students. But though most men have never seen electricity they have plenty of proof that there is such a thing; that we have light, and that our tram-cars are driven by its agency, proves to us that there is such a force, though we have never seen it. Just in the same way the clairvoyant who has never seen the solar Deity has yet seen sufficient evidence of His work to prove that He must exist. That is our position with regard to many Theosophical doctrines referring to higher matters. We do not always know directly, but we see results.

của thế giới vật chất, nhưng cũng đúng là từ những gì người đó thấy, người đó có thể suy luận rất nhiều hơn những gì có thể dễ dàng nói hoặc hiểu chính xác. Những người suy nghĩ đã lâu tự hỏi và thảo luận và tranh luận về việc liệu Thượng đế có tồn tại hay không. Không có nhà thông nhãn nào được đào tạo từng tranh luận về câu hỏi đó, vì người đó biết. Tôi không có ý nói rằng người đó thấy Thượng đế. "Không ai đã thấy Thượng đế vào bất kỳ thời điểm nào," bạn sẽ đọc trong Kinh Thánh Kitô giáo. Điều đó không hoàn toàn đúng nếu bạn nói về Thái dương Thượng đế; nhưng ngay cả như vậy, điều đó đúng với đại đa số học sinh. Nhưng mặc dù hầu hết mọi người chưa bao giờ thấy điện, họ có rất nhiều bằng chứng rằng có một thứ như vậy; rằng chúng ta có ánh sáng, và rằng xe điện của chúng ta được điều khiển bởi tác nhân của nó, chứng minh cho chúng ta rằng có một lực như vậy, mặc dù chúng ta chưa bao giờ thấy nó. Cũng giống như vậy, nhà thông nhãn chưa bao giờ thấy Thái dương Thượng đế đã thấy đủ bằng chứng về công việc của Ngài để chứng minh rằng Ngài phải tồn tại. Đó là vị trí của chúng ta đối với nhiều giáo lý Thông Thiên Học liên quan đến những vấn đề cao hơn. Chúng ta không phải lúc nào cũng biết trực tiếp, nhưng chúng ta thấy kết quả.

No one below the rank of the Adept can see the Monad, but the Arhat may know of its existence. On the nirvanic plane, which is that next below the habitat of the Monad, we see a triple manifestation, which we call the triple spirit.[61] The rays which make that threefold manifestation are obviously converging as they rise to the highest point. We can see that they must become one, though the actual unity is out of our sight. The phenomena which we see with regard to them indicate

Không ai dưới cấp độ của Chân sư có thể thấy Chân Thần, nhưng Arhat có thể biết về sự tồn tại của nó. Trên cõi Niết Bàn, vốn là cõi ngay dưới nơi cư trú của Chân Thần, chúng ta thấy một biểu hiện ba ngôi, mà chúng ta gọi là tinh thần ba ngôi. Những tia sáng tạo ra biểu hiện ba ngôi đó rõ ràng đang hội tụ khi chúng tăng lên điểm cao nhất. Chúng ta có thể thấy rằng chúng phải trở thành một, mặc dù sự thống nhất thực sự nằm ngoài tầm nhìn của chúng ta. Các hiện tượng mà chúng ta thấy liên quan

[60] S. John, 1, 18

[61] *Ante,* Vol. I, Part V, Ch. 1: *Liberation, Nirvana and Moksha.* Vol. Ill, p. 212, 248

that they can be only three facets of one great body, or great light. So although we do not actually know by our own sight that the Monad exists, we accept it on the evidence which we can utterly trust—the testimony of our Masters—and the phenomena which we can see on the highest plane we can reach demand that there shall be such a reality as that.

đến chúng chỉ ra rằng chúng chỉ có thể là ba mặt của một cơ thể lớn, hoặc ánh sáng lớn. Vì vậy, mặc dù chúng ta không thực sự biết bằng tầm nhìn của chính mình rằng Chân Thần tồn tại, chúng ta chấp nhận nó dựa trên bằng chứng mà chúng ta có thể hoàn toàn tin tưởng —lời chứng của các Chân sư của chúng ta—và các hiện tượng mà chúng ta có thể thấy trên cõi cao nhất mà chúng ta có thể đạt tới đòi hỏi rằng phải có một thực tại như vậy.

We have been told by these Great Ones of certain things which as yet are out of our reach, but in every case when we have taken an additional step we have been able to realize more of those things which have been told. This has happened to us over and over again. So although when one attains the level to which this text refers I do not say that he will see the Logos, I do say he will see such evidence of His existence as will make it quite impossible to doubt it. Seeing that/and also the working of the evolutionary law, one gains absolute certainty that all is well.

Chúng ta đã được các Đấng Cao Cả này nói về những điều mà cho đến nay vẫn nằm ngoài tầm với của chúng ta, nhưng trong mọi trường hợp khi chúng ta đã tiến thêm một bước, chúng ta đã có thể nhận ra nhiều hơn về những điều đã được nói. Điều này đã xảy ra với chúng ta nhiều lần. Vì vậy, mặc dù khi một người đạt đến cấp độ mà văn bản này đề cập, tôi không nói rằng người đó sẽ thấy Thượng đế, tôi nói rằng người đó sẽ thấy bằng chứng về sự tồn tại của Ngài đến mức không thể nghi ngờ. Thấy điều đó và cũng thấy sự hoạt động của định luật tiến hóa, người ta đạt được sự chắc chắn tuyệt đối rằng mọi thứ đều tốt.

A little of the higher sight does bring the certainty that all is well, and that is a very great thing indeed. I suppose that until one reaches it he hardly knows what it is—the absolute certainty that nothing can finally go wrong, that however dark things, may seem it is only seeming, and presently the clouds will break and the everlasting sunshine which has been there all the time will show through once more.

Một chút tầm nhìn cao hơn mang lại sự chắc chắn rằng mọi thứ đều tốt, và đó thực sự là một điều rất lớn. Tôi cho rằng cho đến khi một người đạt được điều đó, người đó hầu như không biết nó là gì—sự chắc chắn tuyệt đối rằng không có gì có thể sai lầm cuối cùng, rằng dù mọi thứ có vẻ tối tăm đến đâu, đó chỉ là vẻ bề ngoài, và chẳng bao lâu nữa những đám mây sẽ tan và ánh nắng vĩnh cửu vốn đã ở đó suốt thời gian sẽ lại xuất hiện.

It is perhaps not so hard with a little practice to think that all is going well for oneself. As we go through life we meet with all sorts of troubles and difficulties, and even apart from occultism the theosophically minded man soon comes to recognize that it is not so much what happens to him that matters as his own

Có lẽ không quá khó với một chút thực hành để nghĩ rằng mọi thứ đang diễn ra tốt đẹp cho bản thân. Khi chúng ta đi qua cuộc sống, chúng ta gặp phải đủ loại rắc rối và khó khăn, và ngay cả ngoài huyền bí học, người có tư tưởng Thông Thiên Học sớm nhận ra rằng điều quan trọng không phải là điều gì xảy ra

attitude towards the happening—that he can make himself very happy under circumstances which would make many other people miserable. The reverse is also true; a man may contrive to make himself unhappy amid circumstances which would make most other people happy. So it may not be so difficult to come to believe that all is working for good so far as oneself is concerned; but it is much harder to believe it for those we love, if we see them getting into trouble, making mistakes and suffering in various ways. It is much harder to believe that all is being properly managed as regards them, because one naturally feels a protective interest; one wants to shield them from these blows of karma.

với người đó mà là thái độ của người đó đối với sự việc xảy ra—rằng người đó có thể làm cho bản thân rất hạnh phúc trong những hoàn cảnh mà nhiều người khác sẽ cảm thấy khổ sở. Điều ngược lại cũng đúng; một người có thể xoay sở để làm cho bản thân không hạnh phúc trong những hoàn cảnh mà hầu hết những người khác sẽ cảm thấy hạnh phúc. Vì vậy, có thể không quá khó để tin rằng mọi thứ đang hoạt động tốt cho bản thân; nhưng khó hơn nhiều để tin điều đó cho những người mà chúng ta yêu thương, nếu chúng ta thấy họ gặp rắc rối, mắc sai lầm và chịu đựng theo nhiều cách khác nhau. Khó hơn nhiều để tin rằng mọi thứ đang được quản lý đúng đắn đối với họ, bởi vì người ta tự nhiên cảm thấy một sự quan tâm bảo vệ; người ta muốn bảo vệ họ khỏi những cú đánh của nghiệp quả.

They say that love is blind. It may perhaps blind one a little in that way. My own personal experience, however, is the other way—that strong affection makes a person particularly keen-eyed with regard to a fault, in order that one may help to get it out of the way. The proverb is taken to mean that one does not see the faults of the person loved; however that may be, when something of the sense of reality is attained one of the great benefits that one gains from it is that he is then quite sure, both for himself and for those whom he loves, that all things are working together for good, and that the eventual result will in every case be the best that could be gained. It is a great source of peace to have that certainty.

Người ta nói rằng tình yêu là mù quáng. Có lẽ nó có thể làm mù một chút theo cách đó. Tuy nhiên, kinh nghiệm cá nhân của tôi là ngược lại—rằng tình cảm mạnh mẽ làm cho một người đặc biệt tinh tường đối với một lỗi, để người ta có thể giúp loại bỏ nó. Tục ngữ được hiểu là người ta không thấy lỗi của người được yêu; dù thế nào đi nữa, khi một chút cảm giác thực tế được đạt tới, một trong những lợi ích lớn mà người ta đạt được từ nó là người đó hoàn toàn chắc chắn, cả cho bản thân và cho những người mà người đó yêu thương, rằng mọi thứ đang hoạt động cùng nhau vì điều tốt, và rằng kết quả cuối cùng trong mọi trường hợp sẽ là tốt nhất có thể đạt được. Đó là một nguồn hòa bình lớn để có được sự chắc chắn đó.

> To be able to speak is to have attained the power of helping others.

> Có khả năng nói là đã đạt được sức mạnh giúp đỡ người khác.

It is significant that He chooses speaking as the way in which we can most easily help others. It is true for most of us. We can do

Điều đáng chú ý là Ngài chọn nói như là cách mà chúng ta có thể dễ dàng nhất giúp đỡ người khác. Điều đó đúng với hầu hết chúng ta.

various things on the physical plane in the way of helping others, but perhaps the greatest help which we as Theosophists can give to others is by speech, or writing, which is only another form of speech. We can put before them what we know. Very few of us have direct knowledge of these matters, but we have a certain interior conviction for which we could not, if pressed back to the ultimate, give an actual reason. What gives such tremendous power to what Dr. Besant says is that people feel when she speaks that she is speaking of that which she knows. She has in addition the most marvellous eloquence. One cannot hope to attain to that in a short time, for eloquence is not a gift. It has been earned, by very hard work continued through many lives. She has turned a great deal of her intellectual power through many lives in the direction of speech. The result of such practice is that she can do it well. I remember someone complimenting her on her wonderful eloquence. She replied: "Well, I have been speaking in public for twelve thousand years; I suppose I ought to know something about it by this time." It is exactly that practice that has given her such remarkable power, and it is only by a commensurate amount of work that we can hope to gain it. However, any of us, without that marvellous eloquence, can speak about the things which we know, and our conviction will carry confidence to others.

Chúng ta có thể làm nhiều việc khác nhau trên cõi vật chất để giúp đỡ người khác, nhưng có lẽ sự giúp đỡ lớn nhất mà chúng ta với tư cách là Thông Thiên Học có thể mang lại cho người khác là qua lời nói, hoặc viết, vốn chỉ là một hình thức khác của lời nói. Chúng ta có thể đưa ra trước họ những gì chúng ta biết. Rất ít người trong chúng ta có kiến thức trực tiếp về những vấn đề này, nhưng chúng ta có một sự thuyết phục nội tâm nhất định mà nếu bị đẩy lùi đến cùng, chúng ta không thể đưa ra một lý do thực sự. Điều mang lại sức mạnh to lớn cho những gì Tiến sĩ Besant nói là mọi người cảm thấy khi bà nói rằng bà đang nói về những gì bà biết. Bà có thêm sự hùng biện tuyệt vời nhất. Người ta không thể hy vọng đạt được điều đó trong một thời gian ngắn, vì hùng biện không phải là một món quà. Nó đã được kiếm được, bằng công việc rất chăm chỉ kéo dài qua nhiều kiếp. Bà đã chuyển rất nhiều sức mạnh trí tuệ của mình qua nhiều kiếp theo hướng lời nói. Kết quả của sự thực hành như vậy là bà có thể làm điều đó tốt. Tôi nhớ có ai đó khen ngợi bà về sự hùng biện tuyệt vời của bà. Bà trả lời: "Chà, tôi đã nói trước công chúng trong mười hai ngàn năm; tôi cho rằng tôi nên biết điều gì đó về nó vào lúc này." Chính xác là sự thực hành đó đã mang lại cho bà sức mạnh đáng chú ý như vậy, và chỉ bằng một lượng công việc tương xứng mà chúng ta có thể hy vọng đạt được nó. Tuy nhiên, bất kỳ ai trong chúng ta, mà không có sự hùng biện tuyệt vời đó, có thể nói về những điều mà chúng ta biết, và sự thuyết phục của chúng ta sẽ mang lại sự tự tin cho người khác.

Just in so far as we feel sure ourselves can we impart our conviction to others and be a real help to them; therefore if it were for that reason alone it is worth while to seek to attain that conviction. We should study more and more fully, and not be satisfied with merely superficial views of Theosophical ideas; we need to live into them. I know there are

Chỉ khi nào chúng ta cảm thấy chắc chắn về bản thân, chúng ta mới có thể truyền đạt niềm tin của mình cho người khác và thực sự giúp đỡ họ; do đó, nếu chỉ vì lý do đó thôi, thì cũng đáng để tìm kiếm sự xác tín đó. Chúng ta nên nghiên cứu ngày càng sâu sắc hơn, và không nên hài lòng với những quan điểm hời hợt về các ý tưởng Thông Thiên Học; chúng ta cần

members of the Theosophical Society who have belonged to it for twenty years and do not know any more now than the day they joined. But I also know that a great many of the older members have gradually lived into the teachings until these have become, as it were, part of themselves and they are able to speak with certainty and indeed, to feel a certainty which the newer students, however enthusiastic, do not readily acquire. It remains true now, as it was in the days of old: "If any man will do His will, he shall know of the doctrine, whether it be of God.[62]".) The only way to attain certainty before one can see at all for oneself is to live as though it were true. In doing that, evidences will gradually accumulate round one that this is so, and though each one of those may perhaps seem small in itself, taken together they will constitute a testimony which one cannot doubt or deny.

sống với chúng. Tôi biết có những thành viên của Hội Thông Thiên Học đã thuộc về nó trong hai mươi năm và không biết nhiều hơn bây giờ so với ngày họ gia nhập. Nhưng tôi cũng biết rằng rất nhiều thành viên lâu năm đã dần dần sống với các giáo lý cho đến khi chúng trở thành, như thể, một phần của chính họ và họ có thể nói với sự chắc chắn và thực sự cảm nhận được sự chắc chắn mà các học viên mới, dù nhiệt tình đến đâu, cũng không dễ dàng đạt được. Điều này vẫn đúng bây giờ, như đã từng trong những ngày xưa: "Nếu ai làm theo ý Ngài, người đó sẽ biết về giáo lý, liệu nó có phải của Thượng đế hay không." Cách duy nhất để đạt được sự chắc chắn trước khi một người có thể tự mình thấy là sống như thể nó là sự thật. Khi làm điều đó, các bằng chứng sẽ dần dần tích tụ xung quanh một người rằng điều này là như vậy, và mặc dù mỗi bằng chứng có thể dường như nhỏ bé tự nó, nhưng khi kết hợp lại, chúng sẽ tạo thành một chứng cứ mà một người không thể nghi ngờ hay phủ nhận.

To have conquered desire is to have learned how to use and control the self; to have attained to self-knowledge is to have retreated to the inner fortress whence the personal man can be viewed with impartiality.

Chiến thắng được dục vọng là học cách sử dụng và kiểm soát bản thân; đạt được sự tự tri là rút lui vào pháo đài nội tâm từ đó người cá nhân có thể được nhìn nhận một cách vô tư.

The inner fortress is, of course, the ego in this case. There is a further stage where the inner fortress is the Monad, with which the ego must be unified. I have already explained how the ego puts himself down into the personality. Let us have it clearly in mind. The Monad puts down a ray of himself—that is about as near a simile as we can find for it—into the nirvanic plane, the next below his own. That breaks into three rays and becomes the triple atma, or triple spirit, and the three aspects of that descend[1] and manifest on lower planes until it appears as atma-buddhi-manas, which taken together make the ego. Now that ego is only a partial manifestation of

Pháo đài nội tâm, tất nhiên, trong trường hợp này là chân ngã. Có một giai đoạn xa hơn nơi pháo đài nội tâm là Chân Thần, với đó chân ngã phải được hợp nhất. Tôi đã giải thích cách chân ngã đặt mình xuống phàm ngã. Hãy để chúng ta rõ ràng trong tâm trí. Chân Thần đặt xuống một tia sáng của chính mình—đó là một phép so sánh gần nhất mà chúng ta có thể tìm thấy cho nó—vào cõi Niết Bàn, cõi kế tiếp dưới cõi của Ngài. Điều đó phân tách thành ba tia và trở thành tam nguyên atma, hoặc tam nguyên tinh thần, và ba phương diện đó hạ xuống và biểu hiện trên các cõi thấp hơn cho đến khi nó xuất hiện như atma-buddhi-manas, mà khi kết hợp lại tạo thành chân ngã.

[62] S. John, 7, 17

manas, which taken together make the ego. Now that ego is only a partial manifestation of the Monad, a small fragment of him, as it were, but nevertheless it behaves as though it were an entirely separate entity,, just as the ordinary person thinks of himself as the separate entity, and is inclined to think of the soul as something which floats vaguely over him, like a captive balloon.

đến khi nó xuất hiện như atma-buddhi-manas, mà khi kết hợp lại tạo thành chân ngã. Bây giờ chân ngã đó chỉ là một biểu hiện một phần của Chân Thần, một mảnh nhỏ của Ngài, như thể, nhưng dù sao nó cũng hành xử như thể nó là một thực thể hoàn toàn riêng biệt, giống như người bình thường nghĩ về bản thân như một thực thể riêng biệt, và có xu hướng nghĩ về linh hồn như một thứ gì đó lơ lửng mơ hồ trên mình, như một quả bóng bay bị giữ lại.

I believe that all Theosophists who have not already done so, would do well to read *Human Personality* by Prof. Myers, because it is a most remarkable exposition of the relation between the higher and the lower, and it is especially interesting to our members, because he began as a sceptic and ended by having to admit apparitions, and in point of fact all that necessarily follows. I have seen him often. He used to be with Madame Blavatsky a great deal. He was much impressed by what she told him, but never got entire satisfaction. He was always seeking something definite from his intellectual point of view, and that is what practically cannot be given; it is at any rate overwhelmingly difficult to give in regard to anything on higher planes. One cannot express the functions or powers or conditions of the higher planes in terms of the lower at all. This is as impossible as to give the contents of a cube in square measure. The difference is precisely that kind of difference.

Tôi tin rằng tất cả những người Thông Thiên Học chưa làm điều đó, nên đọc cuốn "Nhân cách Con người" của Giáo sư Myers, vì đó là một sự trình bày đáng chú ý về mối quan hệ giữa cái cao và cái thấp, và đặc biệt thú vị đối với các thành viên của chúng ta, vì ông bắt đầu như một người hoài nghi và kết thúc bằng việc phải thừa nhận các hiện tượng, và thực tế là tất cả những điều đó nhất thiết phải theo sau. Tôi đã gặp ông nhiều lần. Ông thường ở cùng Madame Blavatsky rất nhiều. Ông rất ấn tượng với những gì bà nói với ông, nhưng không bao giờ hoàn toàn hài lòng. Ông luôn tìm kiếm điều gì đó cụ thể từ quan điểm trí tuệ của mình, và đó là điều mà thực tế không thể được đưa ra; ít nhất là vô cùng khó khăn để đưa ra liên quan đến bất cứ điều gì trên các cõi cao hơn. Không thể diễn tả các chức năng hoặc quyền năng hoặc điều kiện của các cõi cao hơn bằng các thuật ngữ của cõi thấp hơn. Điều này cũng không thể như việc đưa nội dung của một khối lập phương vào đơn vị đo diện tích. Sự khác biệt chính xác là loại khác biệt đó.

Prof. Myers was seeking the expression of the higher world in terms of the lower. We can approximate; we can aim at it, and try to stimulate the intuition in our readers and hearers, but we cannot tell it in so many words —not because we are told we must not, but because it cannot be done. People must develop the higher faculties in order to see on

Giáo sư Myers đang tìm kiếm sự diễn đạt của thế giới cao hơn bằng các thuật ngữ của thế giới thấp hơn. Chúng ta có thể tiếp cận; chúng ta có thể nhắm đến nó, và cố gắng kích thích trực giác trong độc giả và thính giả của chúng ta, nhưng chúng ta không thể nói ra bằng nhiều từ—không phải vì chúng ta được bảo rằng không được, mà vì không thể làm được.

the higher planes. We may tell them all we can about the astral world; when they reach that astral world in full consciousness, they will say: “The half has not been told me.” That is true, because it cannot be told. These higher things cannot really be known down here, but at least partially to know them is already a very great comfort and advantage. We may not fully understand, but we know enough to be sure there is no need for fear and doubt, and that at least is a great and glorious benefit which Theosophical study gives us.

Mọi người phải phát triển các khả năng cao hơn để có thể thấy trên các cõi cao hơn. Chúng ta có thể nói cho họ tất cả những gì chúng ta có thể về thế giới cảm dục; khi họ đạt đến thế giới cảm dục đó với đầy đủ tâm thức, họ sẽ nói: "Một nửa chưa được kể cho tôi." Điều đó đúng, vì không thể kể ra. Những điều cao hơn này không thực sự có thể được biết đến ở đây, nhưng ít nhất biết một phần về chúng đã là một sự an ủi và lợi ích rất lớn. Chúng ta có thể không hoàn toàn hiểu, nhưng chúng ta biết đủ để chắc chắn rằng không cần phải sợ hãi và nghi ngờ, và ít nhất đó là một lợi ích lớn và vinh quang mà việc nghiên cứu Thông Thiên Học mang lại cho chúng ta.

> To have seen thy soul in its bloom is to have obtained a momentary glimpse in thyself of the transfiguration which shall eventually make thee more than man.

> Để thấy linh hồn của ngươi trong sự nở rộ của nó là có được một cái nhìn thoáng qua trong ngươi về sự biến hình mà cuối cùng sẽ làm cho ngươi hơn cả con người.

When a man reaches the buddhic consciousness he gains that wider insight which is more than insight because it is also feeling. And it is so wonderful, something so entirely new in the man’s experience, that the Master here refers to it again and again in different ways, approaching it from different points of view. To have the first glimpse of that which shall make thee more than man is to have this first touch of the unity with the Logos, that is, with the God of the solar system. But it must be remembered that at Initiation a man does not attain the full buddhic consciousness, nor does he in any way develop a buddhic vehicle.

Khi một người đạt đến tâm thức Bồ đề, y đạt được cái nhìn sâu rộng hơn, điều này không chỉ là cái nhìn sâu sắc vì nó cũng là cảm giác. Và nó thật tuyệt vời, một điều gì đó hoàn toàn mới trong trải nghiệm của con người, đến nỗi Chân sư ở đây nhắc đến nó nhiều lần theo nhiều cách khác nhau, tiếp cận nó từ các góc độ khác nhau. Để có cái nhìn đầu tiên về điều đó sẽ làm cho ngươi hơn cả con người là có được sự chạm đầu tiên của sự hợp nhất với Thượng đế, tức là với Thượng đế của hệ mặt trời. Nhưng cần nhớ rằng tại Điểm Đạo, một người không đạt được đầy đủ tâm thức Bồ đề, cũng không phát triển một hiện thể Bồ đề.

The pupil has already practised himself in the development of the buddhic consciousness so that he has usually had experiences at that level. But if he has not, his first experience now takes place, and that is directly related to

Học trò đã tự rèn luyện mình trong việc phát triển tâm thức Bồ đề để y thường có những trải nghiệm ở cấp độ đó. Nhưng nếu y chưa có, trải nghiệm đầu tiên của y bây giờ diễn ra, và điều đó liên quan trực tiếp đến những xiềng xích

the fetters which he is beginning to cast off. The first three which have to go are the delusion of self, doubt and superstition. These are all dispelled by that glimpse. He can have no delusion of separateness when he has recognized the unity. He can no longer doubt the facts. He is told he must not doubt evolution, the great law of karma, and the fact that the highest advance is to be attained by holiness. It is assuredly true—the man cannot doubt those things. He can see them in operation, and because he is standing there where many ways meet he knows that there are many roads and that they all lead to the one Bliss; he can no longer hold to the superstition that any one form of belief is necessary to one who has attained that level. He stands upon the mountain peak and sees all the roads which lead up to it, and sees that all are good. So great stress is laid upon this buddhic experience; from any points of view it is the attainment of "a glimpse of that which shall make thee more than man".

mà y đang bắt đầu loại bỏ. Ba xiềng xích đầu tiên phải loại bỏ là ảo tưởng về bản thân, nghi ngờ và mê tín. Những điều này đều bị xua tan bởi cái nhìn thoáng qua đó. Y không thể có ảo tưởng về sự tách biệt khi y đã nhận ra sự hợp nhất. Y không còn nghi ngờ các sự kiện. Y được bảo rằng y không được nghi ngờ tiến hóa, định luật nghiệp quả vĩ đại, và thực tế rằng sự tiến bộ cao nhất sẽ đạt được bằng sự thánh thiện. Điều đó chắc chắn đúng—người không thể nghi ngờ những điều đó. Y có thể thấy chúng đang hoạt động, và vì y đang đứng ở nơi nhiều con đường gặp nhau, y biết rằng có nhiều con đường và tất cả đều dẫn đến một Niềm Vui duy nhất; y không còn giữ mê tín rằng bất kỳ hình thức niềm tin nào là cần thiết cho một người đã đạt đến cấp độ đó. Y đứng trên đỉnh núi và thấy tất cả các con đường dẫn lên đó, và thấy rằng tất cả đều tốt. Vì vậy, rất nhiều nhấn mạnh được đặt vào trải nghiệm Bồ đề này; từ bất kỳ góc độ nào, đó là sự đạt được "một cái nhìn thoáng qua về điều đó sẽ làm cho ngươi hơn cả con người".

For one who has attained Adeptship it means still very much more than that, because He has definitely become One with a certain manifestation of the Deity. As He shows Himself in that set of planes which all taken together make the prakritic plane, the lowest of the great cosmic planes, He shows Himself as Three and yet One, the Ever Blessed Trinity which is yet a glorious Unity.

Đối với một người đã đạt được Địa vị Chân sư, điều đó có nghĩa là nhiều hơn thế rất nhiều, vì Ngài đã chắc chắn trở thành Một với một biểu hiện nhất định của Thượng đế. Khi Ngài tự thể hiện mình trong bộ các cõi mà tất cả kết hợp lại tạo thành cõi prakritic, cõi thấp nhất của các cõi vũ trụ vĩ đại, Ngài tự thể hiện mình như Ba và vẫn là Một, Ba Ngôi Chân Phúc mà vẫn là một Sự Hợp Nhất vinh quang.

Again and again we are told that we must keep these two ideas always in our minds when we think of Him, that we must "neither confound the Persons nor divide the Substance", but must try as well as we may to grasp the idea of this great Mystery of the Three who yet are One, which cannot be perfectly understood or explained. So much importance has at all times and in almost all religions been attached to a comprehension of that Mystery that it is

Lặp đi lặp lại, chúng ta được bảo rằng chúng ta phải giữ hai ý tưởng này luôn trong tâm trí khi nghĩ về Ngài, rằng chúng ta không được "lẫn lộn các Ngôi Vị cũng không được chia tách Bản Chất", mà phải cố gắng hết sức để nắm bắt ý tưởng về Bí Ẩn vĩ đại này của Ba mà vẫn là Một, điều không thể được hiểu hoặc giải thích hoàn hảo. Rất nhiều tầm quan trọng đã được gắn liền với sự hiểu biết về Bí Ẩn đó trong mọi thời đại và hầu như trong tất cả các tôn giáo, rõ

clearly of great practical importance. Many thousands of people have said that all such doctrines as these are merely of theoretical value, that they make no difference in practical life. That is not quite true. It is unquestionably a necessity that one should understand a little of this at least. All of it we cannot grasp, but at least we should know that there are these three lines of force, and yet that all the force is one and the same; without knowing that we cannot grasp the method by which our world came into existence nor can we understand man, because "God made man in His own image" and man therefore has this same characteristic—that he is three and yet one. Now the Three and the One in our cosmic prakritic plane show themselves by an arrangement very similar to the atma-buddhi-manas in man—or, it would be more correct to say that ours resembles That.

ràng là có tầm quan trọng thực tiễn lớn. Hàng ngàn người đã nói rằng tất cả các giáo lý như thế này chỉ có giá trị lý thuyết, rằng chúng không tạo ra sự khác biệt trong cuộc sống thực tiễn. Điều đó không hoàn toàn đúng. Không thể phủ nhận rằng cần phải hiểu ít nhất một chút về điều này. Tất cả chúng ta không thể nắm bắt được, nhưng ít nhất chúng ta nên biết rằng có ba dòng mãnh lực này, và rằng tất cả mãnh lực đều là một và giống nhau; nếu không biết điều đó, chúng ta không thể nắm bắt được phương pháp mà thế giới của chúng ta đã ra đời cũng như không thể hiểu được con người, vì "Thượng đế đã tạo ra con người theo hình ảnh của Ngài" và do đó con người có đặc điểm này—rằng y là ba và vẫn là một. Bây giờ Ba và Một trong cõi prakritic vũ trụ của chúng ta tự thể hiện bằng một sắp xếp rất giống với atma-buddhi-manas trong con người—hoặc, sẽ chính xác hơn khi nói rằng của chúng ta giống với Điều Đó.

We have the highest Spirit on the highest of our planes, and then the second Aspect of that Spirit which descends one plane—and so has within itself two qualities, that on the higher plane and that on the lower. People speak of it as dual; in Christianity we hear of Christ as God and man ", and in *The Secret Doctrine* we read that "Father-Mother spin a web".[63] That aspect is always two-sided: it is equal to the Father as touching His Godhead, yet when it descends one plane it is inferior to the Father as touching His Manhood. Yet these two are not separate, but they make one Christ, and this Christ is one with the Father.

Chúng ta có Tinh thần cao nhất trên cõi cao nhất của chúng ta, và sau đó là Phương diện thứ hai của Tinh thần đó hạ xuống một cõi—và do đó có trong chính nó hai phẩm chất, phẩm chất trên cõi cao hơn và phẩm chất trên cõi thấp hơn. Mọi người nói về nó như là kép; trong Kitô giáo, chúng ta nghe nói về Christ như là Thượng đế và con người, và trong Giáo Lý Bí Nhiệm, chúng ta đọc rằng "Cha-Mẹ quay một mạng lưới". Phương diện đó luôn có hai mặt: nó bằng với Cha khi chạm đến Thần Tính của Ngài, nhưng khi nó hạ xuống một cõi, nó thấp hơn Cha khi chạm đến Nhân Tính của Ngài. Tuy nhiên, hai điều này không tách biệt, mà chúng tạo thành một Christ, và Christ này là một với Cha.

Then there is the Third Person of the Blessed Trinity. Descending to the second plane and standing there level with the Son, and then

Sau đó, có Ngôi Thứ Ba của Ba Ngôi Chân Phúc. Hạ xuống cõi thứ hai và đứng đó ngang hàng với Con, và sau đó hạ xuống một giai đoạn nữa

[63] [1] *Op. cit.*, Vol. I. pp. 59, 111

descending one stage further and manifesting in the higher part of what we sometimes call the nirvanic or atmic plane, still beyond anything we can reach, He abides there. Then it will be seen that there are three lines making all together a triangle. We have the horizontal line which connects the three Aspects or Persons at their own level, then there is the perpendicular of the triangle—but coming down in this case from what we may call the base instead of going up to it—which links together the three different states or aspects of the Three Persons; then there is the hypotenuse of the triangle. Now that line, the hypotenuse of the triangle, the square of which is equal to the sum of the squares on the other two sides, represents the Deity. To us down below it represents the Three Persons as Persons, and yet links them together into one.

và biểu hiện trong phần cao hơn của cái mà đôi khi chúng ta gọi là cõi Niết Bàn hoặc cõi Atma, vẫn vượt xa bất cứ điều gì chúng ta có thể đạt tới, Ngài ở đó. Sau đó, sẽ thấy rằng có ba dòng tạo thành một tam giác. Chúng ta có đường ngang kết nối ba Phương diện hoặc Ngôi Vị ở cấp độ của chúng, sau đó có đường thẳng đứng của tam giác—nhưng trong trường hợp này đi xuống từ cái mà chúng ta có thể gọi là đáy thay vì đi lên đến nó—liên kết ba trạng thái hoặc phương diện khác nhau của Ba Ngôi Vị; sau đó có cạnh huyền của tam giác. Bây giờ, đường đó, cạnh huyền của tam giác, bình phương của nó bằng tổng của các bình phương trên hai cạnh khác, đại diện cho Thượng đế. Đối với chúng ta ở dưới đây, nó đại diện cho Ba Ngôi Vị như là Ngôi Vị, và vẫn liên kết chúng lại thành một.

A man attains Adeptship when he raises His ordinary consciousness to the nirvanic level, and the very fact which differentiates Him and an Adept is that He has unified the Monad with the ego. Since, then, He has become one with the Monad, He has already reached the level of the third or lowest manifestation of the Deity. Therefore that showers itself upon Him in the manner which is typified by the description of Pentecost. After He has passed through the crucifixion and the resurrection which typify the Arhat level, he has before him the ascension, and after the ascension comes the descent of the Holy Ghost. In the symbol as it is given to us the Christ ascended; and the Holy Ghost descended upon the apostles, according to the story in which it is put before us, independently of the Christ, and after He had left. But in the great Gnostic doctrine in the *Pistis Sophia* it is said that Christ stayed eleven years after His ascension, teaching His people, whence it will be seen that the descent of the Holy Ghost took place not after but very decidedly during His

Một người đạt được Địa vị Chân sư khi y nâng cao tâm thức thông thường của mình lên cấp độ Niết Bàn, và chính thực tế đó phân biệt y và một Chân sư là y đã hợp nhất Chân Thần với chân ngã. Vì vậy, khi y đã trở thành một với Chân Thần, y đã đạt đến cấp độ của biểu hiện thứ ba hoặc thấp nhất của Thượng đế. Do đó, điều đó tuôn đổ lên y theo cách được mô tả bởi sự miêu tả về Lễ Ngũ Tuần. Sau khi y đã trải qua sự đóng đinh và sự phục sinh tượng trưng cho cấp độ A La Hán, y có trước mặt sự thăng thiên, và sau sự thăng thiên là sự giáng xuống của Chúa Thánh Thần. Trong biểu tượng như được đưa ra cho chúng ta, Christ đã thăng thiên; và Chúa Thánh Thần đã giáng xuống các tông đồ, theo câu chuyện được đặt trước chúng ta, độc lập với Christ, và sau khi Ngài đã rời đi. Nhưng trong giáo lý Gnostic vĩ đại trong Pistis Sophia, người ta nói rằng Christ đã ở lại mười một năm sau khi Ngài thăng thiên, dạy dỗ dân Ngài, từ đó sẽ thấy rằng sự giáng xuống của Chúa Thánh Thần đã diễn ra không phải sau mà rất rõ ràng trong thời gian Ngài hiện diện với giáo hội của Ngài. Điều đó phải đại

presence with His church. It must represent the attainment of Adeptship of all those who are typified as the apostles (whoever they really may have been), because “tongues of fire sat upon them”; a statement which points very closely to certain phenomena well known in the East.

diện cho sự đạt được Địa vị Chân sư của tất cả những người được tượng trưng như các tông đồ (dù họ thực sự có thể là ai), vì "những lưỡi lửa đã ngự trên họ"; một tuyên bố chỉ rất gần với một số hiện tượng được biết đến ở phương Đông.

Those who have seen statues of the Lord Buddha or any of the great saints or deities of India will have noticed that there is often a curious little double dome at the top of the head. Very few have any conception of what it really means. There is at the top of the head a certain chakra spoken of sometimes as “the thousand-petalled lotus”. In the ordinary man it is a vortex or depression in the etheric body, but when a man attains to a certain high level he is able to turn that outward instead of inward, and make of it a mound instead of a depression. That is what they are trying to represent when they depict the Lord Buddha with that curious little double dome rising on the top of the head. That would glow and would give much the impression of a flame of fire. So “tongues of fire” is by no means a bad poetical description.

Những người đã thấy các bức tượng của Đức Phật hoặc bất kỳ vị thánh lớn nào của Ấn Độ sẽ nhận thấy rằng thường có một mái vòm nhỏ kép kỳ lạ trên đỉnh đầu. Rất ít người có bất kỳ khái niệm nào về ý nghĩa thực sự của nó. Trên đỉnh đầu có một luân xa nhất định đôi khi được gọi là "hoa sen ngàn cánh". Ở người bình thường, nó là một xoáy hoặc chỗ lõm trong thể dĩ thái, nhưng khi một người đạt đến một cấp độ cao nhất định, y có thể xoay nó ra ngoài thay vì vào trong, và biến nó thành một gò thay vì một chỗ lõm. Đó là điều họ đang cố gắng thể hiện khi họ miêu tả Đức Phật với mái vòm nhỏ kép kỳ lạ đó nổi lên trên đỉnh đầu. Điều đó sẽ phát sáng và sẽ tạo ra ấn tượng như một ngọn lửa. Vì vậy, "những lưỡi lửa" không phải là một mô tả thơ ca tồi.

The other strange phenomenon which is described in connection with that descent, the fact that they who spoke were heard by every man in his own tongue, is not, so far as we know now, a necessary concomitant of Adeptship, but it does belong to a higher stage. I myself have known one instance of this phenomenon. It would appear that it descended upon those apostles at that time, if we are to take the record as representing an historical fact.

Hiện tượng kỳ lạ khác được mô tả liên quan đến sự giáng xuống đó, thực tế là những người nói được nghe bởi mọi người trong ngôn ngữ của mình, không phải, theo như chúng ta biết bây giờ, là một điều kiện cần thiết của Địa vị Chân sư, nhưng nó thuộc về một giai đoạn cao hơn. Bản thân tôi đã biết một trường hợp của hiện tượng này. Có vẻ như nó đã giáng xuống những tông đồ đó vào thời điểm đó, nếu chúng ta coi bản ghi chép như đại diện cho một sự kiện lịch sử.

Clairvoyantly we have not seen the apostles arranged in that way. It is not that there was no such person as Peter, but there were many Peters. That was the title given to the head of

Bằng cách nhìn thấu thị, chúng ta không thấy các tông đồ được sắp xếp theo cách đó. Không phải là không có người nào như Peter, nhưng có nhiều Peter. Đó là danh hiệu được trao cho

each church—*petros,* a rock upon which the church was built—because the leader of the church was the rock upon which it arose. It is not an inapt symbol; for we know how very often Theosophical Lodges and other organizations depend upon one person in just that way. It would seem that in the old days the same thing held good. There were those who could lead, and where there is a leader there will always be followers. So his knowledge is the rock on which that particular church is built. For the rest, we have not investigated sufficiently closely to speak with precision, but one cannot but doubt very much of this story, especially as Origen especially warned us not to take it as history, and compared it with the story of Hagar and Ishmael, of which it is written in the Bible: "Which things are an allegory".[64] We obtain a much wider and more useful view of all these things if we apply that idea to them, because, as Origen puts it, "Whether these things happened in Judea or not, it is at least certain that through all eternity they are happening in the lives of Christian men," and that is the important side of the occurrence, not the material event.

người đứng đầu mỗi giáo hội—petros, một tảng đá mà giáo hội được xây dựng trên đó—bởi vì người lãnh đạo của giáo hội là tảng đá mà nó nổi lên. Đó không phải là một biểu tượng không phù hợp; vì chúng ta biết rất thường xuyên các Hội Thông Thiên Học và các tổ chức khác phụ thuộc vào một người theo cách đó. Có vẻ như trong những ngày xưa, điều tương tự cũng đúng. Có những người có thể lãnh đạo, và nơi có một người lãnh đạo, sẽ luôn có những người theo sau. Vì vậy, kiến thức của y là tảng đá mà giáo hội cụ thể đó được xây dựng trên đó. Về phần còn lại, chúng ta chưa điều tra đủ kỹ để nói một cách chính xác, nhưng người ta không thể không nghi ngờ rất nhiều về câu chuyện này, đặc biệt là khi Origen đặc biệt cảnh báo chúng ta không nên coi nó như lịch sử, và so sánh nó với câu chuyện về Hagar và Ishmael, mà trong Kinh Thánh có viết: "Những điều này là một ẩn dụ". Chúng ta có được một cái nhìn rộng hơn và hữu ích hơn về tất cả những điều này nếu chúng ta áp dụng ý tưởng đó cho chúng, bởi vì, như Origen nói, "Dù những điều này có xảy ra ở Judea hay không, ít nhất là chắc chắn rằng qua mọi thời đại chúng đang xảy ra trong cuộc sống của những người Kitô hữu," và đó là khía cạnh quan trọng của sự kiện, không phải sự kiện vật chất.

Thus the Adept becomes one in consciousness with the Third Person of the Blessed Trinity. That must be something like the way in which, a whole plane lower, we find ourselves attaining to unity of consciousness; we find that others seem part of ourselves when we reach the full consciousness of that nirvanic level; all alike are then seen as facets of the One.

Do đó, Chân sư trở thành một trong tâm thức với Ngôi Thứ Ba của Ba Ngôi Chân Phúc. Điều đó phải giống như cách mà, ở một cõi thấp hơn, chúng ta thấy mình đạt được sự hợp nhất của tâm thức; chúng ta thấy rằng những người khác dường như là một phần của chính mình khi chúng ta đạt đến đầy đủ tâm thức của cấp độ Niết Bàn đó; tất cả đều được thấy như những mặt của Một.

To recognize is to achieve the great task of gazing upon the blazing light without

Nhận ra là hoàn thành nhiệm vụ lớn lao của việc nhìn vào ánh sáng rực rỡ mà không hạ

[64] Galatians, 4. 24

dropping the eyes, and not falling back in terror, as though before some ghastly phantom. This happens to some, and so when the victory is all but won it is lost.

mắt xuống, và không lùi lại trong sợ hãi, như thể trước một bóng ma kinh khủng. Điều này xảy ra với một số người, và vì vậy khi chiến thắng gần như đã đạt được, nó lại bị mất.

It sounds very strange that any at such a height should fall, and yet some do. Before that level is reached all possibility of fear ought to have been entirely transcended, but there are those who shrink from these magnificent developments because they fear to lose their individuality. The same thing at a much lower level confronts a man after death. There are many who cling intensely to physical life, feeling certain of no other life than that. When the etheric double, which is composed of physical matter, is drawn out from the dense body, such a man, in his astral body, clings to the etheric counterpart, which still surrounds him, instead of letting it dissipate as it should, and so he lays up much trouble for himself. He lives in the “grey world”, as it is sometimes called.

Nghe có vẻ rất lạ khi bất kỳ ai ở độ cao như vậy lại có thể ngã, nhưng một số người vẫn làm. Trước khi đạt đến cấp độ đó, mọi khả năng sợ hãi đáng lẽ phải được vượt qua hoàn toàn, nhưng có những người rút lui khỏi những phát triển tuyệt vời này vì họ sợ mất đi cá tính của mình. Điều tương tự ở một cấp độ thấp hơn nhiều đối mặt với một người sau khi chết. Có nhiều người bám chặt vào cuộc sống vật chất, cảm thấy chắc chắn không có cuộc sống nào khác ngoài cuộc sống đó. Khi thể dĩ thái, vốn được cấu thành từ vật chất vật lý, được rút ra khỏi thể đậm đặc, một người như vậy, trong thể cảm dục của mình, bám vào đối phần dĩ thái, vốn vẫn bao quanh y, thay vì để nó tiêu tan như nó nên, và do đó y tự gây ra nhiều rắc rối cho mình. Y sống trong "thế giới xám", như đôi khi nó được gọi.

We find the same phenomenon at this higher level. The man through all his incarnations has had a causal body; he identifies that causal body with his individuality, and shrinks from losing it. The bliss and the infinite light of the buddhic plane loom before him, but he can reach it only by dropping his causal body, and that terrifies him sometimes. He is afraid that in losing that he will lose all, and will be merged into that infinite light, so he falls back at the very threshold. He fears the entire novelty of merging in union. He does not know that when he has so merged he will still feel himself just as much as before, and will feel not that the drop has been merged into the ocean but that the ocean has been poured into the drop.

Chúng ta tìm thấy hiện tượng tương tự ở cấp độ cao hơn này. Người qua tất cả các kiếp sống của mình đã có một thể nhân quả; y đồng hóa thể nhân quả đó với cá tính của mình, và rút lui khỏi việc mất nó. Niềm vui và ánh sáng vô hạn của cõi Bồ đề hiện ra trước y, nhưng y chỉ có thể đạt được nó bằng cách buông bỏ thể nhân quả của mình, và điều đó đôi khi làm y sợ hãi. Y sợ rằng khi mất điều đó, y sẽ mất tất cả, và sẽ bị hòa tan vào ánh sáng vô hạn đó, vì vậy y lùi lại ngay ngưỡng cửa. Y sợ sự mới lạ hoàn toàn của việc hòa nhập trong sự hợp nhất. Y không biết rằng khi y đã hòa nhập như vậy, y vẫn sẽ cảm thấy mình như trước, và sẽ cảm thấy không phải rằng giọt nước đã hòa tan vào đại dương mà là đại dương đã được đổ vào giọt nước.

Occasionally we have other examples of that at lower levels. The man functioning in his

Đôi khi chúng ta có những ví dụ khác về điều đó ở các cấp độ thấp hơn. Người hoạt động

mind body is sometimes afraid to let it go and to sink back into the causal body, which is no longer concrete, but abstract; so at that stage he halts and hesitates, and fears to pass. The progress of the person in any of these cases depends upon the power behind, the tremendous enthusiasm and devotion which is carrying him through; since that is the propelling force, for the man to hesitate means that that enthusiasm fails, since fear and enthusiasm of that kind cannot exist together. The moment he allows himself to fear, by that very thought he shrinks back and falls away, and has no longer the place which he had attained.

trong thể trí của mình đôi khi sợ buông bỏ nó và chìm trở lại vào thể nhân quả, vốn không còn cụ thể, mà là trừu tượng; vì vậy ở giai đoạn đó y dừng lại và do dự, và sợ hãi để vượt qua. Tiến trình của người trong bất kỳ trường hợp nào trong số này phụ thuộc vào sức mạnh phía sau, sự nhiệt tình và lòng tận tụy mãnh liệt đang đưa y qua; vì đó là lực đẩy, đối với người để do dự có nghĩa là sự nhiệt tình đó thất bại, vì sợ hãi và nhiệt tình loại đó không thể tồn tại cùng nhau. Ngay khi y cho phép mình sợ hãi, bằng chính suy nghĩ đó y rút lui và ngã xuống, và không còn vị trí mà y đã đạt được.

There is a certain justification for the shrinking back in some cases, and I think that the ground for it is that if a man goes beyond the level at which he can be conscious he falls into a trance and loses himself. In India men talk of going into samadhi. We wondered what stage this could be, and identified it with various levels, one after another, and then found that it was not constant. It took a long time to discover that samadhi is a different thing for different people. It means the condition just beyond the level where the man is capable of retaining consciousness. For a savage whose consciousness is clear only on the physical plane, the astral plane would be samadhi. For most of those of our race who have not studied these matters, to enter into the causal body would be samadhi, because they would not be sufficiently conscious for the experience to be of any use to them. Many of us, if we could succeed in forcing ourselves into the buddhic plane, would be unconscious at that level. That would mean that when we presently drifted back into our lower vehicles, we should come back without any definite additional knowledge. We should arrive with the sense of great bliss, a sensation of having bathed in all sorts of intangible glories, but

Có một sự biện minh nhất định cho việc rút lui trong một số trường hợp, và tôi nghĩ rằng lý do cho điều đó là nếu một người vượt qua cấp độ mà y có thể có ý thức, y sẽ rơi vào trạng thái xuất thần và mất mình. Ở Ấn Độ, người ta nói về việc đi vào samadhi. Chúng tôi tự hỏi giai đoạn này có thể là gì, và xác định nó với các cấp độ khác nhau, lần lượt, và sau đó phát hiện ra rằng nó không hằng định. Phải mất một thời gian dài để phát hiện ra rằng samadhi là một điều khác nhau đối với những người khác nhau. Nó có nghĩa là trạng thái ngay ngoài cấp độ mà người có khả năng duy trì ý thức. Đối với một người man rợ mà ý thức chỉ rõ ràng trên cõi vật lý, cõi cảm dục sẽ là samadhi. Đối với hầu hết những người trong chủng tộc của chúng ta chưa nghiên cứu những vấn đề này, việc đi vào thể nhân quả sẽ là samadhi, vì họ sẽ không đủ ý thức để trải nghiệm đó có ích cho họ. Nhiều người trong chúng ta, nếu chúng ta có thể thành công trong việc buộc mình vào cõi Bồ đề, sẽ không có ý thức ở cấp độ đó. Điều đó có nghĩa là khi chúng ta trôi dạt trở lại vào các hiện thể thấp hơn của mình, chúng ta sẽ trở lại mà không có bất kỳ kiến thức bổ sung cụ thể nào. Chúng ta sẽ đến với cảm giác hạnh phúc lớn lao, một cảm giác như đã tắm trong mọi loại vinh quang không thể nắm bắt,

with no definite knowledge and no new power of doing anything of use.

nhưng không có kiến thức cụ thể và không có quyền năng mới để làm bất cứ điều gì có ích.

This kind of samadhi—a condition just beyond your consciousness—is not encouraged by our Masters. Those Great Ones would say: “By all means attain the very highest level you can reach, but do it consciously; work your way up gradually, do not leap into it. Be careful; push steadily up, keeping your consciousness all the time you do it.” There are possibilities which might be said to be dangerous; nothing is actually dangerous, because at those higher levels one has not a separate life to lose in the same way that one has down here, but it is quite possible to be swept out of the line of evolution if one makes rash experiments. Yet this is not probable for the ordinary student, because he is working steadily away at levels which he knows, and aims at attaining.

Loại samadhi này—một trạng thái chỉ vượt qua tâm thức của bạn—không được các Chân sư của chúng ta khuyến khích. Các Đấng Cao Cả sẽ nói: "Bằng mọi cách hãy đạt đến cấp độ cao nhất mà bạn có thể đạt được, nhưng hãy làm điều đó một cách có ý thức; hãy làm việc của bạn lên dần dần, đừng nhảy vọt vào đó. Hãy cẩn thận; đẩy mạnh lên, giữ tâm thức của bạn suốt thời gian bạn làm điều đó." Có những khả năng có thể nói là nguy hiểm; không có gì thực sự nguy hiểm, vì ở những cấp độ cao hơn đó, người ta không có một cuộc sống riêng biệt để mất theo cách mà người ta có ở đây, nhưng hoàn toàn có thể bị cuốn ra khỏi dòng tiến hóa nếu người ta thực hiện những thí nghiệm liều lĩnh. Tuy nhiên, điều này không có khả năng xảy ra đối với học sinh bình thường, vì y đang làm việc đều đặn ở các cấp độ mà y biết, và nhắm đến việc đạt được.

The fact of the possibility of falling back—fearing to face the higher developments—was put strongly before us in the initiations of the ancient Egyptian Mysteries. The candidates were taught that in the pursuit of knowledge they must be neither rash nor fearful; when the candidate was brought to the door of the crypt or underground hall in which these great ceremonies were held he received a practical lesson in that way, for, as he entered, a sword was held in front of him touching his breast, to typify that he must not rush rashly forward in search of those mysteries, and at the same time his conductor led him by means of a rope thrown round his neck, so that if he had been frightened and rushed backward he would have injured himself. Afterwards this was explained to him. He was told that a man must have quiet confidence; he must never rush rashly into something which he did not understand, nor on the other hand must he

Khả năng rơi lại—sợ hãi đối mặt với những phát triển cao hơn—đã được đặt mạnh mẽ trước chúng ta trong các cuộc điểm đạo của các Bí ẩn Ai Cập cổ đại. Các ứng viên được dạy rằng trong việc theo đuổi tri thức, họ không được liều lĩnh cũng không được sợ hãi; khi ứng viên được đưa đến cửa của hầm mộ hoặc hội trường ngầm nơi những nghi lễ lớn này được tổ chức, y nhận được một bài học thực tế theo cách đó, vì khi y bước vào, một thanh kiếm được giữ trước mặt y chạm vào ngực y, để tượng trưng rằng y không được lao vào tìm kiếm những bí ẩn đó một cách liều lĩnh, và đồng thời người dẫn dắt y dẫn y bằng một sợi dây quấn quanh cổ y, để nếu y bị sợ hãi và lao ngược lại, y sẽ tự làm tổn thương mình. Sau đó, điều này được giải thích cho y. Y được nói rằng một người phải có sự tự tin yên tĩnh; y không bao giờ được lao vào điều gì mà y không hiểu, cũng không được rút lui trong sợ hãi khi y gặp điều gì đó có vẻ đáng sợ đối với y.

draw back in fear when he encountered something which seemed terrible to him.

Our great founder, Madame Blavatsky herself, whom none could accuse of lack of courage, who dressed as a man and fought under Garibaldi in 1864, told me that when she was first taken into the presence of the Lord of the World, the One Initiator, the great Spiritual King of the World, she fell upon her face and could not look at Him, because of the tremendous power and majesty in His face. It does not affect all candidates in at all the same way, but yet, if that were the result on a person so entirely dauntless as Madame Blavatsky, one may understand that it is no slight test to be brought face to face with the representative of the Solar Logos on this planet; it is a tremendous experience.

Người sáng lập vĩ đại của chúng ta, Bà Blavatsky, người mà không ai có thể buộc tội thiếu can đảm, người đã mặc như một người đàn ông và chiến đấu dưới quyền Garibaldi vào năm 1864, đã nói với tôi rằng khi bà lần đầu tiên được đưa vào sự hiện diện của Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, Vị Vua Tinh Thần Vĩ Đại của Thế Giới, bà đã ngã xuống mặt đất và không thể nhìn Ngài, vì sức mạnh và uy nghiêm khủng khiếp trong khuôn mặt Ngài. Điều này không ảnh hưởng đến tất cả các ứng viên theo cùng một cách, nhưng nếu đó là kết quả đối với một người hoàn toàn không sợ hãi như Bà Blavatsky, người ta có thể hiểu rằng đó không phải là một thử thách nhỏ khi được đưa đối mặt với đại diện của Thái dương Thượng đế trên hành tinh này; đó là một trải nghiệm khủng khiếp.

Those who become pupils of the Master will one day in due course be led by the Master up the path which leads to Initiation, and then they must face the One Initiator, not indeed at the first step, nor even at the second, but at the third and fourth. But before that comes they will have had so many experiences on the way to it that probably they will be to a great extent prepared; so had Madame Blavatsky, yet what I have said is what she told me. Although I entirely agree with her that that face is full of majesty and might—quite incredible power, beyond anything that you can imagine of power—yet it is also so full of love that it seems to me that one could not feel fear in His presence, nor I think did Madame Blavatsky, but simply awe so great that she felt as though the light were dazzling and not to be faced—she felt it too great for her.

Những người trở thành học trò của Chân sư sẽ một ngày nào đó theo đúng trình tự được Chân sư dẫn dắt lên con đường dẫn đến Điểm Đạo, và sau đó họ phải đối mặt với Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, không phải ở bước đầu tiên, cũng không phải ở bước thứ hai, mà ở bước thứ ba và thứ tư. Nhưng trước khi điều đó xảy ra, họ sẽ có rất nhiều trải nghiệm trên đường đến đó mà có lẽ họ sẽ được chuẩn bị phần lớn; Bà Blavatsky cũng vậy, nhưng những gì tôi đã nói là những gì bà đã nói với tôi. Mặc dù tôi hoàn toàn đồng ý với bà rằng khuôn mặt đó đầy uy nghi và sức mạnh—sức mạnh không thể tin nổi, vượt xa bất cứ điều gì bạn có thể tưởng tượng về sức mạnh—nhưng nó cũng đầy tình thương đến mức tôi nghĩ rằng người ta không thể cảm thấy sợ hãi trong sự hiện diện của Ngài, và tôi nghĩ Bà Blavatsky cũng không, mà chỉ đơn giản là sự kính sợ lớn đến mức bà cảm thấy như ánh sáng đang chói lóa và không thể đối mặt—bà cảm thấy nó quá lớn đối với bà.

But what is spoken of here is not the meeting with the One Initiator, but the meeting with one's own higher self—the entrance into that wider spiritual realm. Men do shrink back from that, as I have said, because they fear that when they plunge into that shining sea they may never come back again, that the individuality may be lost. A man who thinks would know that many others have plunged into it and have not been lost, but one does not always think at such moments, but acts perhaps rather by instinct. One must endeavour so to arrange one's instinctive action that it will be reasonable and right action. We $_s$ must not shrink back before the divine, whether it shows itself in ourselves or in any other. It says here that some have done that; and so, when the victory was almost won, it was lost. That would be sad. But we should not let ourselves be deceived by the manner in which it is put.

Nhưng điều được nói đến ở đây không phải là cuộc gặp gỡ với Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, mà là cuộc gặp gỡ với chân ngã cao hơn của chính mình—sự bước vào cõi tinh thần rộng lớn hơn đó. Con người thường rút lui khỏi điều đó, như tôi đã nói, vì họ sợ rằng khi họ lao vào biển sáng đó, họ có thể không bao giờ quay lại, rằng cá nhân tính có thể bị mất. Một người suy nghĩ sẽ biết rằng nhiều người khác đã lao vào đó và không bị mất, nhưng người ta không phải lúc nào cũng suy nghĩ trong những khoảnh khắc như vậy, mà có thể hành động theo bản năng. Người ta phải cố gắng sắp xếp hành động bản năng của mình sao cho đó là hành động hợp lý và đúng đắn. Chúng ta không được rút lui trước điều thiêng liêng, dù nó thể hiện trong chính chúng ta hay trong bất kỳ ai khác. Nó nói ở đây rằng một số đã làm điều đó; và vì vậy, khi chiến thắng gần như đã đạt được, nó đã bị mất. Điều đó sẽ rất buồn. Nhưng chúng ta không nên để mình bị lừa bởi cách mà nó được diễn đạt.

Often we are warned that the higher a man rises the further he may fall. There are several reasons for that. One is that he may misuse the divine force which has come to him; the other is that he may fall into such a condition as to cause a leak in the channel which is composed of a number of disciples, including himself. The Great Ones send out a huge wave of force through such a channel, and cannot recall it. If the channel becomes defective a great portion of the force may be lost. It is not always a vast outpouring in one direction—sometimes some of it goes in one way and some in another, to do different things—and only if all the various people who form the channel stand firm in their special lines is success assured. It would be a sad thing if one should fail, and so cause a leakage, which would be very serious on account of the great pressure of the force behind, and would result in a fall for that man. Again, for one to shrink

Thường thì chúng ta được cảnh báo rằng càng lên cao, người ta càng có thể rơi xa hơn. Có nhiều lý do cho điều đó. Một là người ta có thể lạm dụng sức mạnh thiêng liêng đã đến với mình; lý do khác là người ta có thể rơi vào tình trạng gây ra rò rỉ trong kênh được tạo thành từ một số đệ tử, bao gồm cả chính mình. Các Đấng Cao Cả gửi ra một làn sóng mãnh lực lớn qua một kênh như vậy, và không thể thu hồi nó. Nếu kênh trở nên khiếm khuyết, một phần lớn mãnh lực có thể bị mất. Không phải lúc nào cũng là một lần tuôn đổ lớn theo một hướng—đôi khi một phần của nó đi theo một cách và một phần khác theo cách khác, để làm những việc khác nhau—và chỉ khi tất cả những người khác nhau tạo thành kênh đứng vững trong các dòng đặc biệt của họ thì thành công mới được đảm bảo. Sẽ là một điều buồn nếu một người thất bại, và do đó gây ra rò rỉ, điều này sẽ rất nghiêm trọng do áp lực lớn của mãnh lực phía sau, và sẽ dẫn đến sự rơi cho người đó.

back from good work within one's power through fear of the responsibility also involves a fall.

Một lần nữa, việc rút lui khỏi công việc tốt trong khả năng của mình vì sợ trách nhiệm cũng dẫn đến sự rơi.

The further a man climbs the further he may fall, if he falls to the bottom; it would be a very sad thing that a man should fall back at this high point, but it is very unlikely that one who had climbed so high would fall to the bottom. We must not get the impression that a fall even such as is described in our text is fatal. "Who mounts may fall, who falls will mount; the wheel goes round, unceasingly." There is no fatal fall, because it is God's will that every man shall progress; therefore every man will do so, and it is only a question of the rate at which he moves[65].

Càng leo cao, người ta càng có thể rơi xa hơn, nếu người ta rơi xuống đáy; sẽ là một điều rất buồn nếu một người rơi lại ở điểm cao này, nhưng rất khó có khả năng một người đã leo cao như vậy sẽ rơi xuống đáy. Chúng ta không nên có ấn tượng rằng một sự rơi thậm chí như được mô tả trong văn bản của chúng ta là chết người. "Ai leo lên có thể rơi, ai rơi sẽ leo lên; bánh xe quay vòng, không ngừng nghỉ." Không có sự rơi chết người, vì đó là ý muốn của Thượng đế rằng mọi người đều tiến bộ; do đó mọi người sẽ làm như vậy, và chỉ là vấn đề tốc độ mà người đó di chuyển.

For such a man to lose his position would be a great waste of high opportunity, but it would not throw him back to the beginning. It would mean that he must work deliberately to develop within himself the consciousness of his own divinity, and learn to trust it.

Đối với một người như vậy, việc mất vị trí của mình sẽ là một sự lãng phí lớn cơ hội cao, nhưng nó sẽ không đẩy người đó trở lại điểm bắt đầu. Nó có nghĩa là người đó phải làm việc có chủ ý để phát triển trong chính mình tâm thức về thiên tính của mình, và học cách tin tưởng vào nó.

That would not be at all easy, of course, because a man who had lost control of himself at a critical moment, who had lost his nerve, would find it difficult to regain it. In climbing, if a man looks down and sees a great gulf below him, he will probably become frightened and fall, but the man who has never been frightened would be very likely to go on to the end and not have any fear whatever. The man who has once lost his nerve through looking down will take a long time to go safely on his way, but I do not want anyone to think that the man who falls will not recover. It is a sad pity; he ought to have known better; one cannot help seeing and saying that; but he will recover himself and go

Điều đó sẽ không hề dễ dàng, tất nhiên, vì một người đã mất kiểm soát bản thân vào một thời điểm quan trọng, người đã mất tinh thần, sẽ thấy khó khăn để lấy lại nó. Khi leo trèo, nếu một người nhìn xuống và thấy một vực thẳm lớn bên dưới mình, người đó có thể sẽ sợ hãi và rơi xuống, nhưng người chưa bao giờ sợ hãi sẽ rất có khả năng đi đến cuối cùng và không có bất kỳ nỗi sợ nào. Người đã từng mất tinh thần vì nhìn xuống sẽ mất nhiều thời gian để đi an toàn trên con đường của mình, nhưng tôi không muốn ai nghĩ rằng người rơi sẽ không hồi phục. Đó là một điều đáng tiếc; người đó đáng lẽ phải biết rõ hơn; người ta không thể không thấy và nói điều đó; nhưng người đó sẽ hồi phục và tiếp tục đi tiếp sớm hay muộn.

[65] *The Light of Asia,* Book the Eighth.

on again sooner or later.

It is very easy to say that one should have perfect confidence in one's divinity, but it is a more difficult matter when one comes face to face with some of these great trials; if there is a fall at least one may be sure that the work done still counts, so there is no possibility of a fatal final fall. It is something like failing for an examination on the physical plane. It means a good deal of trouble, but the man still has all the knowledge he gained in working for the examination. When he is able to try again he is tolerably certain to succeed.

Rất dễ dàng để nói rằng người ta nên có sự tự tin hoàn hảo vào thiên tính của mình, nhưng đó là một vấn đề khó khăn hơn khi người ta đối mặt với một số thử thách lớn này; nếu có một sự rơi, ít nhất người ta có thể chắc chắn rằng công việc đã làm vẫn được tính, vì vậy không có khả năng có một sự rơi cuối cùng chết người. Nó giống như thất bại trong một kỳ thi trên cõi hồng trần. Nó có nghĩa là rất nhiều rắc rối, nhưng người đó vẫn có tất cả kiến thức mà người đó đã đạt được khi làm việc cho kỳ thi. Khi người đó có thể thử lại, người đó khá chắc chắn sẽ thành công.

It sometimes seems very sad when a man who is making good occult progress suddenly dies; one is apt to say: "What a pity; if he had continued at that rate he would probably have reached Initiation in this life." But what happens is karma and is for the best, and he will not lose what he has gained. The Self retains all it has achieved. What it will have to do is to bring a fresh physical vehicle into subjection, but it will be very easy for it to do so up to the point it has reached, and only after that the difficulties will commence again.

Đôi khi có vẻ rất buồn khi một người đang tiến bộ huyền bí tốt đột ngột qua đời; người ta có xu hướng nói: "Thật đáng tiếc; nếu người đó tiếp tục với tốc độ đó, người đó có lẽ đã đạt được Điểm Đạo trong cuộc đời này." Nhưng những gì xảy ra là nghiệp quả và là điều tốt nhất, và người đó sẽ không mất những gì đã đạt được. Chân ngã giữ lại tất cả những gì đã đạt được. Những gì nó sẽ phải làm là đưa một hiện thể hồng trần mới vào sự phục tùng, nhưng sẽ rất dễ dàng cho nó làm điều đó đến điểm mà nó đã đạt được, và chỉ sau đó những khó khăn mới bắt đầu lại.

To hear the Voice of the Silence is to understand that from within comes the only true guidance: to go to the Hall of Learning is to enter the state in which learning becomes possible. Then will many words be written there for thee, and written in fiery letters for thee easily to read. For when the disciple is ready, the Master is ready also.

Nghe Tiếng Nói của Im Lặng là hiểu rằng từ bên trong đến sự hướng dẫn duy nhất đúng đắn: đi vào Phòng Hiểu Biết là bước vào trạng thái mà việc học trở nên khả thi. Sau đó, nhiều lời sẽ được viết ở đó cho bạn, và được viết bằng những chữ lửa để bạn dễ dàng đọc. Vì khi đệ tử đã sẵn sàng, Chân sư cũng sẵn sàng.

We have already seen that the ball of learning begins on the astral plane, the lowest plane upon which you can learn anything

Chúng ta đã thấy rằng quả cầu học tập bắt đầu trên cõi cảm dục, cõi thấp nhất mà bạn có thể học bất cứ điều gì thực tế liên quan đến các

practically with regard to the higher states. That does not mean that there is nothing to be learnt on the higher levels, in the heaven-world, for example; there is very much to be learnt, but for the ordinary man the astral plane is his hall of learning, and when out of his physical body in that astral world he will receive much of the teaching that must be given to him. There are very many students who do not quite understand what it means to be taken as a pupil by a Master. Some seem to expect that if that great privilege came to them they would be constantly in receipt of teaching from the Master, that He would especially instruct them with regard to minute details of their progress. When the Master takes pupils on probation, it means much more that He watches them in ordinary life than that He specially teaches them anything. One main object, then, is to have the whole detail of the pupil's life and thoughts and feelings before Him, so that He may know whether He can usefully take that pupil into the closer relationship. He must know that before He takes a further step, otherwise it might cause Him a great deal of trouble, and it would not be worth His while from the point of view of the work. While he is on probation the pupil may be used as a channel for force—that often happens—but it is only when the closer link is made that he is in constant communication with the Master, and even then he will not necessarily know of the communication. He may feel sometimes that the force is flowing through him, and a wonderful experience it is, a great privilege and delight to be used for the dissemination of the Master's force, but he will not be instructed by the Master except on very rare occasions.

trạng thái cao hơn. Điều đó không có nghĩa là không có gì để học ở các cấp độ cao hơn, trong thế giới thiên đường, chẳng hạn; có rất nhiều điều để học, nhưng đối với người bình thường, cõi cảm dục là phòng học của y, và khi ra khỏi thể xác của mình trong thế giới cảm dục đó, y sẽ nhận được nhiều sự giảng dạy mà phải được truyền đạt cho y. Có rất nhiều học sinh không hoàn toàn hiểu ý nghĩa của việc được Chân sư nhận làm học trò. Một số dường như mong đợi rằng nếu đặc ân lớn đó đến với họ, họ sẽ liên tục nhận được sự giảng dạy từ Chân sư, rằng Ngài sẽ đặc biệt hướng dẫn họ về các chi tiết nhỏ của tiến trình của họ. Khi Chân sư nhận học trò vào giai đoạn dự bị, điều đó có nghĩa là Ngài theo dõi họ trong cuộc sống bình thường hơn là Ngài đặc biệt dạy họ điều gì. Một mục tiêu chính, sau đó, là có toàn bộ chi tiết về cuộc sống và suy nghĩ và cảm xúc của học trò trước Ngài, để Ngài có thể biết liệu Ngài có thể sử dụng học trò đó một cách hữu ích trong mối quan hệ gần gũi hơn hay không. Ngài phải biết điều đó trước khi Ngài tiến thêm một bước, nếu không, điều đó có thể gây ra cho Ngài rất nhiều rắc rối, và nó sẽ không đáng để Ngài từ quan điểm của công việc. Trong khi học trò đang trong giai đoạn dự bị, y có thể được sử dụng như một kênh cho mãnh lực—điều đó thường xảy ra—nhưng chỉ khi mối liên kết gần gũi hơn được thiết lập thì y mới có sự giao tiếp liên tục với Chân sư, và ngay cả khi đó y cũng không nhất thiết phải biết về sự giao tiếp. Y có thể cảm thấy đôi khi mãnh lực đang chảy qua y, và đó là một trải nghiệm tuyệt vời, một đặc ân và niềm vui lớn khi được sử dụng để truyền bá mãnh lực của Chân sư, nhưng y sẽ không được Chân sư hướng dẫn ngoại trừ trong những dịp rất hiếm hoi.

In most cases an elder pupil is appointed to look after the neophyte and to give him such instruction as is necessary. In my own case,

Trong hầu hết các trường hợp, một học trò lớn tuổi hơn được chỉ định để chăm sóc người sơ cơ và cung cấp cho y những hướng dẫn cần

Madame Blavatsky taught me very much on behalf of the Master, but I was separated from her for some five years and sent out to India when she was in Europe. Consequently, it was impossible for her, except by occasional letters and on the astral plane sometimes, to give me any help. Therefore I was put into the care of Swami T. Subba Row. He was an exceptionally patient teacher as to all the detail, and so I was greatly helped by him[66].

thiết. Trong trường hợp của tôi, Bà Blavatsky đã dạy tôi rất nhiều thay mặt cho Chân sư, nhưng tôi đã bị tách khỏi bà trong khoảng năm năm và được gửi đến Ấn Độ khi bà ở Châu Âu. Do đó, bà không thể giúp tôi, ngoại trừ bằng những lá thư thỉnh thoảng và đôi khi trên cõi cảm dục. Vì vậy, tôi đã được giao cho Swami T. Subba Row chăm sóc. Ông là một giáo viên vô cùng kiên nhẫn về tất cả các chi tiết, và vì vậy tôi đã được ông giúp đỡ rất nhiều.

In those days I saw my own Master only occasionally, and even when I did see Him it was not usually anything in the way of teaching that He gave me, but rather instructions as to something He wanted me to do. But in process of doing the work one gained a vast amount of knowledge and training. The attempt to do some service, even without knowing how at first, shows one in what directions one is lacking. One then sets to work to fill those gaps, so as to be able to do the next piece of work better; and I think I may say for myself that it was in that way that I learnt most of what came to me. I would invent a way somehow or other to do the thing, and then see where the method might be improved, until I came to know how to put into practice the higher methods such as Swami T. Subba Row could give me. But it meant a great deal of hard work, of strain, and often very slow development. Still, it had to be done and it was done, and I think that is the way all pupils are trained. They will be given a piece of work to do and in the doing of the work they will learn how to do greater work. But on this great subject of the relation between Master and pupil I have written at length in *The Masters and the Path.*

Trong những ngày đó, tôi chỉ thỉnh thoảng gặp Chân sư của mình, và ngay cả khi tôi gặp Ngài, thường không phải là bất kỳ sự giảng dạy nào mà Ngài dành cho tôi, mà là những chỉ dẫn về điều gì đó Ngài muốn tôi làm. Nhưng trong quá trình thực hiện công việc, người ta đã đạt được một lượng lớn kiến thức và đào tạo. Nỗ lực thực hiện một số phụng sự, ngay cả khi không biết cách làm lúc đầu, cho thấy người ta thiếu sót ở những hướng nào. Sau đó, người ta bắt tay vào làm việc để lấp đầy những khoảng trống đó, để có thể làm công việc tiếp theo tốt hơn; và tôi nghĩ tôi có thể nói cho bản thân mình rằng đó là cách mà tôi đã học được hầu hết những gì đến với tôi. Tôi sẽ phát minh ra một cách nào đó để làm điều đó, và sau đó xem phương pháp có thể được cải thiện ở đâu, cho đến khi tôi biết cách áp dụng các phương pháp cao hơn mà Swami T. Subba Row có thể cung cấp cho tôi. Nhưng điều đó có nghĩa là rất nhiều công việc khó khăn, căng thẳng, và thường phát triển rất chậm. Tuy nhiên, nó phải được thực hiện và đã được thực hiện, và tôi nghĩ đó là cách mà tất cả các học trò được đào tạo. Họ sẽ được giao một công việc để làm và trong quá trình thực hiện công việc, họ sẽ học cách làm công việc lớn hơn. Nhưng về chủ đề lớn này của mối quan hệ giữa Chân sư và học trò, tôi đã viết chi tiết trong cuốn "Các

[66] [1] *Ante.,* Vol. II, p. 67, 103.

Chân sư và Con Đường".

Various possibilities of learning open before the pupil. Many of them are equally open to any of us on the astral plane if we choose to take advantage of them. We sometimes go to lectures on the physical plane in order to learn something about Theosophy, because some people learn more easily by having facts told to them in that way, whereas other people learn more easily by taking a book and reading on the subject. For those who like the spoken word there are always lecturers in occultism.

Nhiều khả năng học tập mở ra trước học trò. Nhiều trong số đó cũng mở ra cho bất kỳ ai trong chúng ta trên cõi cảm dục nếu chúng ta chọn tận dụng chúng. Đôi khi chúng ta đi nghe giảng trên cõi hồng trần để học điều gì đó về Thông Thiên Học, vì một số người học dễ dàng hơn khi được kể cho họ những sự kiện theo cách đó, trong khi những người khác học dễ dàng hơn bằng cách lấy một cuốn sách và đọc về chủ đề đó. Đối với những người thích lời nói, luôn có những giảng viên về huyền bí học.

Some of those who are workers and helpers in the astral world devote most of their time to that branch of work. Our former Vice-President, Mr. A. P. Sinnett, used to take that as his share of the astral plane duties. He did not as a rule plunge into the ordinary work of the invisible helpers, but instead of that he had a department of his own, and was always to be found giving instruction upon Theosophy to anyone who in that vast astral world would care to listen. In that way he brought many, people, both dead and living, into touch with these great truths, for he happened to have a certain dogmatic method of stating his points which many people found very useful and easy to follow.

Một số người trong số những người làm việc và giúp đỡ trong thế giới cảm dục dành phần lớn thời gian của họ cho nhánh công việc đó. Cựu Phó Chủ tịch của chúng ta, Ông A. P. Sinnett, thường đảm nhận phần trách nhiệm của mình trên cõi cảm dục. Ông không thường xuyên lao vào công việc bình thường của những người trợ giúp vô hình, mà thay vào đó, ông có một bộ phận riêng của mình, và luôn có mặt để giảng dạy về Thông Thiên Học cho bất kỳ ai trong thế giới cảm dục rộng lớn đó muốn lắng nghe. Theo cách đó, ông đã đưa nhiều người, cả người đã qua đời và người còn sống, tiếp xúc với những chân lý lớn này, vì ông tình cờ có một phương pháp trình bày điểm của mình một cách giáo điều mà nhiều người thấy rất hữu ích và dễ theo dõi.

CHAPTER 2

RULES 1 TO 4—QUY LUẬT 1 ĐẾN 4

C.W.L.—In the last chapter we considered what is really a preface to the second part of the book, but now we come to the rules. Up to Rule 12 these are numbered in the same manner as in Part I: Rules 1 to 3, 5 to 7, and 9 to 11 belong in sets of three to the ancient palm-leaf manuscript, and Rules 4, 8 and 12

C.W.L.—Trong chương trước, chúng ta đã xem xét những gì thực sự là lời nói đầu cho phần thứ hai của cuốn sách, nhưng bây giờ chúng ta đến với các Quy luật. Đến Quy luật 12, chúng được đánh số theo cùng một cách như trong Phần I: Quy luật 1 đến 3, 5 đến 7, và 9 đến 11 thuộc về các bộ ba của bản thảo lá cọ cổ, và Quy

are comments by the Chohan. Further on the numbering follows a different plan.

luật 4, 8 và 12 là những bình luận của Đức Đế Quân. Tiếp theo, việc đánh số theo một kế hoạch khác.

In this chapter we will take Rules 1 to 3, and I will divide up the comment of the Chohan, which is Rule 4, into its three portions, and deal with them along with the rules to which they apply.

Trong chương này, chúng ta sẽ lấy Quy luật 1 đến 3, và tôi sẽ chia bình luận của Đức Đế Quân, vốn là Quy luật 4, thành ba phần của nó, và xử lý chúng cùng với các Quy luật mà chúng áp dụng.

> Stand aside in the coming battle, and though thou fightest be not thou the warrior.

> Đứng sang một bên trong trận chiến sắp tới, và dù ngươi có chiến đấu, đừng là chiến binh.

> He is thyself. Yet thou art but finite and liable to error. He is eternal and is sure. He is eternal truth. When once He has entered thee and become thy Warrior, He will never utterly desert thee; and at the day of the great peace He will become one with thee.

> Ngài là chính ngươi. Tuy nhiên, ngươi chỉ là hữu hạn và dễ mắc sai lầm. Ngài là vĩnh cửu và chắc chắn. Ngài là chân lý vĩnh cửu. Khi Ngài đã bước vào ngươi và trở thành Chiến binh của ngươi, Ngài sẽ không bao giờ hoàn toàn rời bỏ ngươi; và vào ngày của hòa bình lớn, Ngài sẽ trở thành một với ngươi.

The disciple must fight. He must throw himself into the evolution that is going on around him. He must struggle on the side of the spirit. Spirit is gradually learning to use matter; having mastered it at a certain level it rises out of that to conquer a higher plane of matter, and to learn to use that. It is in process of dominating matter at all levels. This is going on all around as well as within us; so we enlist ourselves in this struggle, to smooth the way of the evolutionary forces.

Đệ tử phải chiến đấu. Y phải dấn thân vào sự tiến hóa đang diễn ra xung quanh y. Y phải đấu tranh về phía tinh thần. Tinh thần đang dần học cách sử dụng vật chất; khi đã làm chủ nó ở một cấp độ nhất định, nó vươn lên từ đó để chinh phục một cõi vật chất cao hơn, và học cách sử dụng điều đó. Nó đang trong quá trình thống trị vật chất ở mọi cấp độ. Điều này đang diễn ra xung quanh cũng như bên trong chúng ta; vì vậy chúng ta tự nguyện tham gia vào cuộc đấu tranh này, để làm trơn tru con đường của các lực lượng tiến hóa.

We must make the personality stand aside in this strife for the progress of evolution; he must not come into the fight at all. The personality must be used, because it is only through that as an instrument that we can reach other people in the world, but we must not let the personal self obtrude itself. On each

Chúng ta phải làm cho phàm ngã đứng sang một bên trong cuộc đấu tranh này cho sự tiến bộ của tiến hóa; y không được tham gia vào cuộc chiến. Phàm ngã phải được sử dụng, vì chỉ thông qua nó như một công cụ mà chúng ta có thể tiếp cận người khác trên thế giới, nhưng chúng ta không được để cái tôi cá nhân

of the planes of personality one must get rid of the entanglement, while retaining the power. So we withdraw ourselves gradually from the physical, astral and mental bodies and yet retain the ability to function in them.

chen vào. Trên mỗi cõi của phàm ngã, người ta phải loại bỏ sự rối rắm, trong khi vẫn giữ được sức mạnh. Vì vậy, chúng ta rút lui dần dần khỏi các thể xác, cảm dục và trí tuệ nhưng vẫn giữ được khả năng hoạt động trong chúng.

The higher interpretation of this aphorism applies when the personality has been set aside, and the man is at one with the ego. Then he learns that the individuality must be put aside, and looks for the consciousness of the Monad. The Monad must be allowed to work through the ego.

Sự diễn giải cao hơn của châm ngôn này áp dụng khi phàm ngã đã được đặt sang một bên, và con người là một với chân ngã. Sau đó, y học rằng cá nhân tính phải được đặt sang một bên, và tìm kiếm tâm thức của Chân thần. Chân thần phải được phép làm việc thông qua chân ngã.

That the warrior is eternal and sure may be taken as relatively true of the ego in relation to the lower self. We may take it as absolutely true with regard to the Monad in relation to the ego. The ego, as has been said, may often make mistakes at an earlier stage, but he is far less likely to do so than is the personality. The Monad makes no mistakes; but on the other hand, if one may venture to speak of the Monad as though one understood him when really one does not, one might say that the Monad's knowledge of conditions down here would probably be somewhat vague. His instinct cannot but be on the side of right, for he is divine. He is eternal and is sure, as is said here, but it may be that the views taken both by the Monad and the ego are often general, and in our efforts to apply them on this plane we may make errors, because the whole purpose of descent into matter is to gain the precision and accuracy which result from perfect acquaintance with lower conditions. Since their evolution is not complete both the Monad and ego have not yet this accurate knowledge. They are for us the guides; one must not do other than obey them; but even these guides are themselves unfolding.

Rằng chiến binh là vĩnh cửu và chắc chắn có thể được coi là tương đối đúng đối với chân ngã trong mối quan hệ với phàm ngã. Chúng ta có thể coi nó là hoàn toàn đúng đối với Chân thần trong mối quan hệ với chân ngã. Chân ngã, như đã nói, có thể thường mắc sai lầm ở giai đoạn đầu, nhưng y ít có khả năng làm như vậy hơn là phàm ngã. Chân thần không mắc sai lầm; nhưng mặt khác, nếu người ta có thể mạo hiểm nói về Chân thần như thể người ta hiểu Ngài khi thực sự người ta không hiểu, người ta có thể nói rằng kiến thức của Chân thần về các điều kiện ở đây có lẽ sẽ hơi mơ hồ. Bản năng của Ngài không thể không đứng về phía đúng, vì Ngài là thiêng liêng. Ngài là vĩnh cửu và chắc chắn, như đã nói ở đây, nhưng có thể là quan điểm của cả Chân thần và chân ngã thường là tổng quát, và trong nỗ lực của chúng ta để áp dụng chúng trên cõi này, chúng ta có thể mắc sai lầm, vì toàn bộ mục đích của sự giáng hạ vào vật chất là để đạt được sự chính xác và chính xác mà kết quả từ sự quen thuộc hoàn hảo với các điều kiện thấp hơn. Vì sự tiến hóa của họ chưa hoàn thành, cả Chân thần và chân ngã đều chưa có kiến thức chính xác này. Họ là những người hướng dẫn cho chúng ta; người ta không được làm gì khác ngoài việc tuân theo họ; nhưng ngay cả những người hướng dẫn này cũng đang tự mở ra.

On the higher level the day of the great peace will be the attainment of nirvana. At the lower level it means the unification of the lower and the higher self.

Ở cấp độ cao hơn, ngày của hòa bình lớn sẽ là sự đạt được niết bàn. Ở cấp độ thấp hơn, nó có nghĩa là sự hợp nhất của phàm ngã và chân ngã.

2. Look for the Warrior, and let him fight in thee.

2. Tìm kiếm Chiến binh, và để Ngài chiến đấu trong ngươi.

Look for him, else in the fever and hurry of the fight thou mayest pass him; and he will not know thee unless thou knowest him. If thy cry reach his listening ear, then will he fight in thee, and fill the dull void within. And if this is so, then canst thou go through the fight cool and unwearied, standing aside and letting him battle for thee. Then it will be impossible for thee to strike one blow amiss.

Hãy tìm kiếm Ngài, nếu không trong cơn sốt và vội vã của trận chiến, ngươi có thể bỏ qua Ngài; và Ngài sẽ không nhận ra ngươi trừ khi ngươi nhận ra Ngài. Nếu tiếng kêu của ngươi đến tai Ngài, thì Ngài sẽ chiến đấu trong ngươi, và lấp đầy khoảng trống vô vị bên trong. Và nếu điều này xảy ra, thì ngươi có thể đi qua trận chiến một cách bình tĩnh và không mệt mỏi, đứng sang một bên và để Ngài chiến đấu cho ngươi. Khi đó, ngươi sẽ không thể đánh một đòn nào sai lầm.

That seems a curious thing to say about the higher self, but it is true; he is raying out splendidly, but indefinitely. Until one can see the ego in men one has no conception of how great a being an ego really is, how infinitely wiser and stronger than the incarnate entity. Still, there is no need for anyone to be proud or conceited about the fact that he is a very fine person, a magnificent person, at a much higher level, for so is every other soul of man. Every one is in reality very much better than he ever seems to be. The greatest saint can never fully express his ego; he is always on that higher plane a still greater saint than he can ever be down here. Therefore we must try to let this higher part of ourselves play through us. This ego is far finer, far better than the personality, but he puts forth the personality in order that he may evolve, to become himself more nearly perfect. He requires that evolution, so we must not make

Điều đó có vẻ là một điều kỳ lạ khi nói về chân ngã, nhưng đó là sự thật; Ngài đang tỏa sáng rực rỡ, nhưng không rõ ràng. Cho đến khi một người có thể thấy chân ngã trong con người, người đó không thể hình dung được chân ngã thực sự vĩ đại như thế nào, khôn ngoan và mạnh mẽ hơn vô hạn so với thực thể nhập thể. Tuy nhiên, không cần ai phải tự hào hay kiêu ngạo về việc mình là một người rất tốt, một người tuyệt vời, ở một cấp độ cao hơn nhiều, vì mọi linh hồn của con người đều như vậy. Mỗi người thực sự tốt hơn rất nhiều so với những gì họ từng thể hiện. Vị thánh vĩ đại nhất không bao giờ có thể hoàn toàn thể hiện chân ngã của mình; Ngài luôn ở trên cõi cao hơn, một vị thánh vĩ đại hơn nhiều so với những gì Ngài có thể là ở đây. Do đó, chúng ta phải cố gắng để phần cao hơn này của bản thân thể hiện qua chúng ta. Chân ngã này tốt hơn nhiều, tốt hơn nhiều so với phàm ngã, nhưng Ngài đưa ra phàm ngã để Ngài có thể tiến hóa, để trở nên

the mistake of regarding the ego as perfect; he is not. What he needs mainly for his evolution is definiteness, accuracy. He is magnificent but, if we may venture to say so, vague in his magnificence.

gần như hoàn hảo hơn. Ngài cần sự tiến hóa đó, vì vậy chúng ta không nên mắc sai lầm khi coi chân ngã là hoàn hảo; Ngài không phải. Điều Ngài cần chủ yếu cho sự tiến hóa của mình là sự rõ ràng, chính xác. Ngài tuyệt vời nhưng, nếu chúng ta dám nói, mơ hồ trong sự tuyệt vời của Ngài.

He desires to develop through that fragment of himself which is incarnated down here. He knows how to descend, but until he is himself to some extent developed he does not know how to guide the lower self. It is through the experiences of the lower self down here that he will learn how to do the things which he desires. His desire is evolution; he puts some of himself down, a tip of a finger, as it were into lower planes; that finger tip learns definiteness, but when it returns into him at the end of one short cycle of physical, astral, and mental life, what it takes back is only, if one might put it materially, a small amount of definiteness. Remember how the group soul has been gradually tinged by the experience of the different animals. [67] A lion, a cat or a dog may go through certain experiences and acquire certain qualities which may be very well marked in it as an individual. There may be enough of courage to make a remarkably courageous animal of that one cat, dog or lion, but when you put that amount into a group soul for a hundred there is only a hundredth part for each, so it needs a great many lives directed along similar lines in order that the quality may be strongly developed in the group soul as a whole.

Ngài mong muốn phát triển thông qua phần nhỏ của mình vốn đang nhập thể ở đây. Ngài biết cách hạ xuống, nhưng cho đến khi Ngài tự phát triển đến một mức độ nào đó, Ngài không biết cách hướng dẫn phàm ngã. Chính thông qua những trải nghiệm của phàm ngã ở đây mà Ngài sẽ học cách làm những điều mà Ngài mong muốn. Mong muốn của Ngài là tiến hóa; Ngài đặt một phần của mình xuống, như một đầu ngón tay, vào các cõi thấp hơn; đầu ngón tay đó học được sự rõ ràng, nhưng khi nó trở về với Ngài vào cuối một chu kỳ ngắn của cuộc sống thể xác, cảm dục và trí tuệ, những gì nó mang về chỉ là, nếu có thể nói một cách vật chất, một lượng nhỏ sự rõ ràng. Hãy nhớ cách hồn nhóm đã dần dần bị nhuốm màu bởi trải nghiệm của các loài động vật khác nhau. Một con sư tử, một con mèo hoặc một con chó có thể trải qua những trải nghiệm nhất định và có được những phẩm chất nhất định mà có thể rất rõ ràng trong nó như một cá thể. Có thể có đủ dũng cảm để làm cho một con mèo, chó hoặc sư tử đó trở thành một con vật dũng cảm đáng chú ý, nhưng khi bạn đặt lượng đó vào một hồn nhóm cho một trăm, chỉ có một phần trăm cho mỗi con, vì vậy cần rất nhiều cuộc sống được hướng dẫn theo các hướng tương tự để phẩm chất đó có thể phát triển mạnh mẽ trong hồn nhóm như một tổng thể.

Though the ego is an individual and is quite different from the group soul, yet in a way the same thing is true of him. He develops

Mặc dù chân ngã là một cá thể và hoàn toàn khác biệt với hồn nhóm, nhưng theo một cách nào đó, điều tương tự cũng đúng với Ngài. Ngài

[67] See *A Textbook of Theosophy,* Chap. IV, for an account of group souls. The subject is too big to be explained here

accuracy in a personality, but when that goes back into the ego the same amount has to be spread over the whole causal body. The amount which was quite sufficient to make one personality very accurate, when it goes into the ego is only a fractional part of his requirements. He may need many lives to develop enough of the quality to make it prominent in the next life, since the ego does not keep a particular piece of himself which is to be the personality, but out of the whole mass of himself he puts down something, yet not the same piece twice.

phát triển sự chính xác trong một phàm ngã, nhưng khi điều đó trở lại với chân ngã, cùng một lượng phải được trải rộng trên toàn bộ thể nguyên nhân. Lượng đó đủ để làm cho một phàm ngã rất chính xác, khi đi vào chân ngã chỉ là một phần nhỏ của yêu cầu của Ngài. Ngài có thể cần nhiều cuộc sống để phát triển đủ phẩm chất để làm cho nó nổi bật trong cuộc sống tiếp theo, vì chân ngã không giữ một phần cụ thể nào của mình để trở thành phàm ngã, mà từ toàn bộ khối lượng của mình, Ngài đặt xuống một cái gì đó, nhưng không phải cùng một phần hai lần.

A highly developed ego, who has already acquired a great deal of accuracy, will understand the personality, and will work through it intelligently and try to make it an efficient instrument. But for the ordinary man of the world that is not in the least so. Therefore the personality must call out to him and then look for this influence. If the man down here, wanting to help in the Plan, does this, the ego instantly responds, and immediately pours himself out through the personality, who should then stand aside and let the warrior fight in him.

Một chân ngã phát triển cao, người đã có được rất nhiều sự chính xác, sẽ hiểu phàm ngã, và sẽ làm việc thông qua nó một cách thông minh và cố gắng làm cho nó trở thành một công cụ hiệu quả. Nhưng đối với người bình thường trên thế giới, điều đó không hề như vậy. Do đó, phàm ngã phải kêu gọi Ngài và sau đó tìm kiếm ảnh hưởng này. Nếu người ở đây, muốn giúp đỡ trong Thiên Cơ, làm điều này, chân ngã ngay lập tức đáp ứng, và ngay lập tức tuôn đổ mình qua phàm ngã, người nên đứng sang một bên và để chiến binh chiến đấu trong mình.

The ego has many splendid possibilities, which only need awakening. That is one reason for the great advance which is often made by a rough man who goes to war and perhaps loses his life for his convictions, or in any case stands a very definite risk of doing so. To do a big thing like that—to set an ideal above his personal comfort, above the possibility, of frightful pain, above the possibility, nay, even the probability, of death, wakens in the ego a very large response.

Chân ngã có nhiều khả năng tuyệt vời, chỉ cần được đánh thức. Đó là một lý do cho sự tiến bộ lớn thường được thực hiện bởi một người thô lỗ đi ra chiến trường và có thể mất mạng vì niềm tin của mình, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào đứng trước một nguy cơ rất rõ ràng để làm như vậy. Để làm một việc lớn như vậy—đặt một lý tưởng lên trên sự thoải mái cá nhân của mình, trên khả năng chịu đựng đau đớn khủng khiếp, trên khả năng, không, thậm chí là xác suất, của cái chết, đánh thức trong chân ngã một phản ứng rất lớn.

I have heard people argue somewhat against that. People have written to me saying: “You say that a soldier gains spirituality, but how

Tôi đã nghe mọi người tranh luận chống lại điều đó. Mọi người đã viết cho tôi nói: "Bạn nói rằng một người lính đạt được tinh thần,

can that be, because the soldier goes out inspired rather by hatred than by any noble feeling?" Even if it be true that he has such a feeling against the enemy, if he has volunteered to fight for what he considers the right, he does a big, noble and unselfish thing, and that reacts on the ego and awakens it more than almost any other single action would be likely to do. Sometimes in private life a man has an opportunity for sacrifice which is greater than the risk of his life; he may, for example, devote the whole of his time to the uncomplaining and unselfish service of another, foregoing amusements and change, and watching by a sick bed, in a case of chronic illness. Such sacrifices are greater even than the dramatic heroism of the soldier. But they are only few, while in time of war many thousands go forth and take the large opportunity. The man makes a wonderful effort of self-sacrifice; then the ego is aroused, and he pours down in response a splendid flood of devotion, capable of causing still more consistent sacrifice in another life. An effort of courage is perhaps required; that evokes from the ego a steady stream of courage, and so the man who loses his life shall find it, as Christ said long ago. He who has lost his life in such a way as this has certainly gained a much fuller life for his next incarnation, which will unquestionably be a bigger personality. The ego will be able to put down more of his power, and will also be much more able to direct the personality.

nhưng làm sao có thể như vậy, vì người lính ra trận được truyền cảm hứng bởi sự thù hận hơn là bất kỳ cảm giác cao quý nào?" Ngay cả khi điều đó là đúng rằng anh ta có cảm giác như vậy đối với kẻ thù, nếu anh ta tình nguyện chiến đấu cho những gì anh ta coi là đúng, anh ta làm một việc lớn, cao quý và không ích kỷ, và điều đó phản ứng lên chân ngã và đánh thức nó nhiều hơn gần như bất kỳ hành động đơn lẻ nào khác có thể làm được. Đôi khi trong cuộc sống riêng tư, một người có cơ hội hy sinh lớn hơn nguy cơ mất mạng; anh ta có thể, ví dụ, dành toàn bộ thời gian của mình cho việc phục vụ không phàn nàn và không ích kỷ cho người khác, từ bỏ giải trí và thay đổi, và chăm sóc bên giường bệnh, trong trường hợp bệnh mãn tính. Những sự hy sinh như vậy thậm chí còn lớn hơn sự anh hùng kịch tính của người lính. Nhưng chúng chỉ có ít, trong khi thời chiến có hàng ngàn người ra đi và nắm lấy cơ hội lớn. Người đó thực hiện một nỗ lực tuyệt vời của sự hy sinh bản thân; sau đó chân ngã được đánh thức, và Ngài tuôn đổ xuống một dòng chảy tuyệt vời của sự tận tụy, có khả năng gây ra sự hy sinh nhất quán hơn nữa trong một cuộc sống khác. Có thể cần một nỗ lực của lòng can đảm; điều đó gợi lên từ chân ngã một dòng chảy ổn định của lòng can đảm, và vì vậy người mất mạng sẽ tìm thấy nó, như Đức Christ đã nói từ lâu. Người đã mất mạng theo cách này chắc chắn đã đạt được một cuộc sống đầy đủ hơn nhiều cho lần nhập thể tiếp theo của mình, điều này chắc chắn sẽ là một phàm ngã lớn hơn. Chân ngã sẽ có thể đặt xuống nhiều quyền lực hơn của mình, và cũng sẽ có khả năng chỉ đạo phàm ngã nhiều hơn.

Another way in which "in the fever and hurry of the fight thou mayest pass him" becomes possible when men are devoting themselves to good works^ and they permit the personality to come up in them. It ought never to happen with students of occultism, but it does. There is a vast amount of good work

Một cách khác mà "trong cơn sốt và vội vã của trận chiến ngươi có thể bỏ qua Ngài" trở nên khả thi khi con người cống hiến mình cho các công việc tốt và họ cho phép phàm ngã nổi lên trong họ. Điều này không bao giờ nên xảy ra với các đạo sinh của huyền bí học, nhưng nó vẫn xảy ra. Có một lượng lớn công việc tốt

being done in the Theosophical Society, and quite assuredly those who do it ought to be entirely above any sort of personal feeling in regard to it; but often they are not. A person feels: “This little bit of work is mine, and therefore it must take precedence of other work. It is not that I am doing, it for j my own satisfaction and therefore do not want to see anybody else doing it; but I want to do it because I am quite sure they could not do it as well.” Such an attitude is full of personal aggrandizement. To have any connection with work like ours develops a person, makes his feelings keener, and ought to make his intellect brighter: the very fact that it has this stimulating influence tends to accentuate the personality, but that is no excuse for the folly of permitting it so to do.

đang được thực hiện trong Hội Thông Thiên Học, và chắc chắn rằng những người làm điều đó nên hoàn toàn vượt lên trên bất kỳ loại cảm giác cá nhân nào liên quan đến nó; nhưng thường thì họ không như vậy. Một người cảm thấy: "Công việc nhỏ này là của tôi, và do đó nó phải được ưu tiên hơn công việc khác. Không phải là tôi đang làm điều đó vì sự hài lòng của riêng mình và do đó không muốn thấy ai khác làm điều đó; nhưng tôi muốn làm điều đó vì tôi hoàn toàn chắc chắn rằng họ không thể làm tốt như vậy." Thái độ như vậy đầy sự tự tôn cá nhân. Có bất kỳ mối liên hệ nào với công việc như của chúng ta phát triển một người, làm cho cảm giác của anh ta nhạy bén hơn, và nên làm cho trí tuệ của anh ta sáng hơn: chính thực tế rằng nó có ảnh hưởng kích thích này có xu hướng làm nổi bật phàm ngã, nhưng đó không phải là lý do cho sự ngu ngốc khi cho phép nó làm như vậy.

The same thing occurs in other organizations. In my younger days as a priest I had a great deal to do with church work of all sorts, including the training of choirs. The people concerned in that work are all labouring directly for the church of God, supposed to be devoting themselves to something higher than the average man outside, yet I think there is no other set of people among whom there is so much squabbling as there is among church workers and choirs. No one who has had to train them but will recognize that it is a fact. It is sad but true, and it ought not to be so. Yet it occurs precisely because they have been working in connection with something a little above the ordinary level, and in doing that the life in them has been roused more than is usual.

Điều tương tự xảy ra trong các tổ chức khác. Trong những ngày trẻ của tôi khi làm linh mục, tôi đã có rất nhiều việc phải làm với công việc nhà thờ các loại, bao gồm cả việc đào tạo các dàn hợp xướng. Những người liên quan đến công việc đó đều đang lao động trực tiếp cho nhà thờ của Thượng đế, được cho là cống hiến mình cho một điều gì đó cao hơn người bình thường bên ngoài, nhưng tôi nghĩ không có nhóm người nào khác mà trong đó có nhiều tranh cãi như có giữa các công nhân nhà thờ và các dàn hợp xướng. Không ai đã từng phải đào tạo họ mà không nhận ra rằng đó là một thực tế. Đó là điều đáng buồn nhưng đúng, và nó không nên như vậy. Tuy nhiên, nó xảy ra chính xác vì họ đã làm việc liên quan đến một điều gì đó cao hơn một chút so với mức bình thường, và khi làm điều đó, cuộc sống trong họ đã được đánh thức nhiều hơn bình thường.

The disciple has to take care that his personality does not come up in these good works, because if it does he will lose sight of

Đệ tử phải cẩn thận để phàm ngã của mình không nổi lên trong những công việc tốt này, vì nếu nó làm vậy, anh ta sẽ mất dấu người

the higher guide. The ego can fight in him and work through him only when he is devoted to the work, not to his personal share or part in it. He may forget the higher self in a rush of personality, and then he will not be in a condition to receive his help, to listen to a hint from him; thus he may for the time shut himself off from the ego and lose the great benefit of his help. The vagueness of the higher self, unless he is a developed ego, would perhaps preclude him from indicating a particular line of work, but when the personality, being more definite, has found the work, the ego can and does pour himself down into it, and does enable him to do it in a much better manner and in an altogether grander frame of mind than the personality could attain unaided.

hướng dẫn cao hơn. Chân ngã có thể chiến đấu trong anh ta và làm việc thông qua anh ta chỉ khi anh ta cống hiến cho công việc, không phải cho phần cá nhân của mình trong đó. Anh ta có thể quên chân ngã trong cơn vội vã của phàm ngã, và sau đó anh ta sẽ không ở trong tình trạng để nhận được sự giúp đỡ của Ngài, để lắng nghe một gợi ý từ Ngài; do đó, anh ta có thể tạm thời tự tách mình khỏi chân ngã và mất đi lợi ích lớn từ sự giúp đỡ của Ngài. Sự mơ hồ của chân ngã, trừ khi Ngài là một chân ngã phát triển, có thể ngăn cản Ngài chỉ ra một dòng công việc cụ thể, nhưng khi phàm ngã, rõ ràng hơn, đã tìm thấy công việc, chân ngã có thể và thực sự tuôn đổ mình vào đó, và thực sự cho phép anh ta làm điều đó theo một cách tốt hơn nhiều và trong một tâm trạng hoàn toàn vĩ đại hơn so với những gì phàm ngã có thể đạt được mà không có sự trợ giúp.

> But if thou look not for him, if thou pass him by, then there is no safeguard for thee. Thy brain will reel, thy heart grow uncertain, and in the dust of the battle-field thy sight and senses will fail, and thou wilt not know thy friends from thy enemies.

> Nhưng nếu ngươi không tìm kiếm Ngài, nếu ngươi bỏ qua Ngài, thì không có sự bảo vệ nào cho ngươi. Bộ não của ngươi sẽ quay cuồng, trái tim ngươi trở nên không chắc chắn, và trong bụi của chiến trường, thị giác và giác quan của ngươi sẽ thất bại, và ngươi sẽ không biết bạn bè của mình từ kẻ thù.

All that is described here does occur when the personality does not look for the higher guidance. He does not know his friends from his enemies; he is carried away by the swirl of passion, and under its influence will believe what is said by someone who is not in the least a real friend. One sees that often in daily life; if a person is excited or angry or jealous, he will listen to the ridiculous gossip of those who call themselves friends but in reality are not friends at all.

Tất cả những gì được mô tả ở đây xảy ra khi phàm ngã không tìm kiếm sự hướng dẫn cao hơn. Anh ta không biết bạn bè của mình từ kẻ thù; anh ta bị cuốn đi bởi cơn lốc của đam mê, và dưới ảnh hưởng của nó sẽ tin những gì được nói bởi ai đó không phải là một người bạn thực sự. Người ta thường thấy điều đó trong cuộc sống hàng ngày; nếu một người bị kích động hoặc tức giận hoặc ghen tuông, anh ta sẽ lắng nghe những lời đồn vô lý của những người tự xưng là bạn nhưng thực tế không phải là bạn chút nào.

A gossip, a mischief-maker, is no one's friend;

Một kẻ đồn đại, một kẻ gây rối, không phải là

he is the worst enemy to those to whom he speaks. It is a very sad thing indeed for one who contacts a person of that sort, and believes what is said by him. As soon as we hear a person beginning to speak censoriously about someone else it is best to avoid him as soon as possible, because we may be quite sure that we shall learn nothing of any good, and also that the person who speaks wrongly about another to us will speak in the same way about us to the next person whom he or she happens to meet. Therefore it is better to have nothing whatever to do with these gossiping people, and not to be in the least influenced by anything that they say. Often when a person hears what they say he replies, “I do not believe it; I will not pay attention to it,” but all the same he is somewhat affected by it; he lets it recur to bis mind again and again, and wonders whether what was said could have had any foundation in fact, instead of at once treating it with contempt, which is the only reasonable attitude to take.

bạn của ai cả; anh ta là kẻ thù tồi tệ nhất đối với những người mà anh ta nói chuyện. Đó thực sự là một điều rất buồn cho một người tiếp xúc với một người như vậy, và tin những gì được nói bởi anh ta. Ngay khi chúng ta nghe một người bắt đầu nói xấu về người khác, tốt nhất là tránh xa anh ta càng sớm càng tốt, vì chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng chúng ta sẽ không học được điều gì tốt đẹp, và cũng rằng người nói sai về người khác với chúng ta sẽ nói theo cách tương tự về chúng ta với người tiếp theo mà anh ta hoặc cô ta tình cờ gặp. Do đó, tốt hơn là không có bất kỳ liên quan gì với những người đồn đại này, và không bị ảnh hưởng chút nào bởi bất cứ điều gì họ nói. Thường khi một người nghe những gì họ nói, anh ta trả lời, "Tôi không tin điều đó; tôi sẽ không chú ý đến nó," nhưng dù sao anh ta cũng bị ảnh hưởng phần nào bởi nó; anh ta để nó lặp đi lặp lại trong tâm trí mình và tự hỏi liệu những gì đã nói có thể có cơ sở nào trong thực tế, thay vì ngay lập tức coi thường nó, đó là thái độ hợp lý duy nhất để có.

When once one knows a person well, one ought to be prepared to follow one’s own knowledge of him, and not be swept away by what is said by others who may know him less. There are among us different dispositions of all kinds, but broadly speaking one cannot go wrong if one keeps to one’s own knowledge of what a person is and thinks and does, until one sees quite clearly for oneself that that person has in some way changed, and even then one must not take a single example. One must wait and see, because often for the moment a person is changed by a little ill-health, or sleeplessness, and then he says and does things that he would not say or do under other circumstances. So one must not judge one’s friend hastily by a single word or action, but must wait and see how things really are with him.[68] To suppose him to be changed because somebody says he is, is absolutely

Khi một người đã biết rõ một người, người đó nên sẵn sàng theo dõi kiến thức của mình về người đó, và không bị cuốn đi bởi những gì được nói bởi những người khác có thể biết người đó ít hơn. Có những tính cách khác nhau trong chúng ta, nhưng nói chung, người ta không thể sai lầm nếu người ta giữ vững kiến thức của mình về một người là gì và nghĩ và làm gì, cho đến khi người ta thấy rõ ràng cho chính mình rằng người đó đã thay đổi theo một cách nào đó, và ngay cả khi đó người ta không nên chỉ lấy một ví dụ duy nhất. Người ta phải chờ đợi và xem, vì thường thì trong một khoảnh khắc, một người bị thay đổi bởi một chút sức khỏe kém, hoặc mất ngủ, và sau đó anh ta nói và làm những điều mà anh ta sẽ không nói hoặc làm trong những hoàn cảnh khác. Vì vậy, người ta không nên đánh giá bạn bè của mình một cách vội vàng chỉ bằng một lời nói hoặc hành động duy nhất, mà phải chờ

unfair. When you have a friend, stand by him and wait until he himself says something or does something which supports this idea of what he is supposed to be thinking or doing or saying; do not accept the evidence of other people who may be speaking under some mistake, made by carelessness or because they do not like him.

đợi và xem tình hình thực sự như thế nào với anh ta. Giả sử anh ta đã thay đổi vì ai đó nói rằng anh ta đã thay đổi là hoàn toàn không công bằng. Khi bạn có một người bạn, hãy đứng bên anh ta và chờ đợi cho đến khi chính anh ta nói điều gì đó hoặc làm điều gì đó hỗ trợ ý tưởng này về những gì anh ta được cho là đang nghĩ hoặc làm hoặc nói; đừng chấp nhận bằng chứng của người khác có thể đang nói dưới một số sai lầm, do bất cẩn hoặc vì họ không thích anh ta.

Just as a person who allows himself to be swayed in that way comes not to know his friends from his enemies and not to understand the facts at all, so also the very same happens to the man who lets his personality dominate him. If jealousy seizes upon him he becomes absolutely blinded. His normal senses are of no use to him; he does not listen to them at all; he makes up his mind beforehand on every subject and it is quite useless to try to turn him. It is very odd, and it is sad to see how ready people are to believe evil of others. The evil may be refuted; it may be clearly shown that there is no foundation for it; but still a certain suspicion remains.

Cũng như một người cho phép mình bị ảnh hưởng theo cách đó không biết bạn bè của mình từ kẻ thù và không hiểu các sự kiện chút nào, thì điều tương tự cũng xảy ra với người để phàm ngã chi phối mình. Nếu sự ghen tuông chiếm lấy anh ta, anh ta trở nên hoàn toàn mù quáng. Các giác quan bình thường của anh ta không có ích gì cho anh ta; anh ta không lắng nghe chúng chút nào; anh ta quyết định trước về mọi chủ đề và hoàn toàn vô ích khi cố gắng thay đổi anh ta. Thật kỳ lạ, và thật buồn khi thấy mọi người sẵn sàng tin vào điều xấu của người khác như thế nào. Điều xấu có thể bị bác bỏ; có thể rõ ràng rằng không có cơ sở nào cho nó; nhưng vẫn còn một sự nghi ngờ nhất định.

All this should not be so, but it comes partly from an excess of the development of the particular part of ourselves in the evolution of which humanity is at present engaged. The lower mind learns by discrimination, by distinguishing differences between this thing and that, and therefore it always pounces first of all upon differences. Therefore when a man comes into contact with a person whom he does not know, with any idea which is unfamiliar to him, or with a book which he has not seen before, the general tendency is to seize first upon the things he does, not like, those which are different from the things to

Tất cả điều này không nên như vậy, nhưng nó xuất phát một phần từ sự phát triển quá mức của phần cụ thể của bản thân chúng ta trong sự tiến hóa mà nhân loại hiện đang tham gia. Hạ trí học bằng cách phân biện, bằng cách phân biệt sự khác biệt giữa điều này và điều kia, và do đó nó luôn nhảy vào sự khác biệt trước tiên. Do đó, khi một người tiếp xúc với một người mà anh ta không biết, với bất kỳ ý tưởng nào không quen thuộc với anh ta, hoặc với một cuốn sách mà anh ta chưa từng thấy trước đây, xu hướng chung là nắm bắt trước tiên vào những điều anh ta không thích, những điều khác biệt với những điều mà anh

[68] *Ante,* Vol. I, Part III, Ch. 5: *Mind your own Business*

which he is accustomed, and then magnify them out of all proportion. The reason for this is that we have developed this discriminating faculty a little too much, or rather we have not yet developed the counterbalancing buddhic faculty sufficiently. It is very well to be able to discriminate. It is a necessity; but we ought to have as well the spirit of synthesis, which sees likenesses as well as differences.

ta đã quen thuộc, và sau đó phóng đại chúng ra khỏi mọi tỷ lệ. Lý do cho điều này là chúng ta đã phát triển khả năng phân biện này quá nhiều, hoặc đúng hơn là chúng ta chưa phát triển đủ khả năng bồ đề để cân bằng. Rất tốt khi có thể phân biện. Đó là một nhu cầu; nhưng chúng ta cũng nên có tinh thần tổng hợp, vốn thấy được sự giống nhau cũng như sự khác biệt.

The teaching given in this passage also appears very emphatically in *The Bhagavad-Gita:*

Giáo lý được đưa ra trong đoạn này cũng xuất hiện rất mạnh mẽ trong Bhagavad-Gita:

Man, musing on the objects of sense, conceiveth an attachment to these; from attachment ariseth desire; from desire anger cometh forth; from anger proceedeth delusion; from delusion confused memory; from confused memory the destruction of buddhi; from destruction of buddhi he perishes.[69]

Con người, suy ngẫm về các đối tượng của giác quan, hình thành một sự gắn bó với chúng; từ sự gắn bó nảy sinh ham muốn; từ ham muốn sinh ra sự giận dữ; từ sự giận dữ sinh ra ảo tưởng; từ ảo tưởng là trí nhớ rối loạn; từ trí nhớ rối loạn là sự phá hủy của bồ đề; từ sự phá hủy của bồ đề, anh ta diệt vong.

It is difficult, I know, for us to realize how the Monad can be divine and yet at the same time undeveloped, how he can be different at the end of his incarnation in the individuality from what he was at the beginning. Let us take an analogy, imperfect as it is. The human body is composed of millions upon millions of cells. Those are human cells because they are part of the man, and yet if there be any kind of evolution—and perhaps there is—by which the soul of the cell can one day become the soul of a human being, surely one would not say that in the end there had been no evolution, because the cell was human to begin with. That simile may suggest how the Monad is part of the Logos, yet not unfolded. It is not safe, I know, to make analogies of that kind from the lower to the higher, and then press them to fit into every detail, because usually they will not. There is a great occult saying: "As above, so below," but the converse of that: "As below, so above," is true only with

Tôi biết rằng rất khó để chúng ta nhận ra làm thế nào Chân Thần có thể thiêng liêng và đồng thời chưa phát triển, làm thế nào Ngài có thể khác biệt vào cuối lần nhập thể trong cá nhân so với lúc bắt đầu. Hãy lấy một phép tương tự, dù không hoàn hảo. Cơ thể con người được cấu thành từ hàng triệu triệu tế bào. Đó là những tế bào con người vì chúng là một phần của con người, và dù có bất kỳ loại tiến hóa nào—và có lẽ có—bằng cách mà linh hồn của tế bào có thể một ngày nào đó trở thành linh hồn của một con người, chắc chắn người ta sẽ không nói rằng cuối cùng không có sự tiến hóa nào, vì tế bào đã là con người ngay từ đầu. Phép so sánh đó có thể gợi ý làm thế nào Chân Thần là một phần của Thượng đế, nhưng chưa được mở ra. Tôi biết rằng không an toàn khi tạo ra những phép tương tự như vậy từ thấp lên cao, và sau đó ép chúng phù hợp với mọi chi tiết, vì thường thì chúng sẽ không. Có một câu nói huyền bí lớn: "Trên sao, dưới vậy," nhưng điều ngược lại: "Dưới sao, trên vậy," chỉ đúng với

[69] *Op. cit., II, 62-3.*

saying: “As above, so below,” but the converse of that: “As below, so above,” is true only with narrow and restricting limitations. I think we may safely reason *down,* as the Hindus do, from what they are told exists above, to what therefore they must find somewhere below, in a general way. But it is not quite safe to reverse the process, because the arrangements on the higher planes are obviously greater and wider, though we do not know the ways in which they are so. We may often mislead ourselves if we say that because a certain thing happens down here it must also happen up above. Something which is an expression of the same law must happen up above, but it may take some form which we should not recognize.

huyền bí lớn: "Trên sao, dưới vậy," nhưng điều ngược lại: "Dưới sao, trên vậy," chỉ đúng với những giới hạn hẹp và hạn chế. Tôi nghĩ chúng ta có thể an toàn suy luận xuống, như người Hindu làm, từ những gì họ được cho là tồn tại ở trên, đến những gì do đó họ phải tìm thấy ở đâu đó bên dưới, theo một cách tổng quát. Nhưng không hoàn toàn an toàn để đảo ngược quá trình, vì các sắp xếp trên các cõi cao hơn rõ ràng là lớn hơn và rộng hơn, mặc dù chúng ta không biết cách chúng như vậy. Chúng ta có thể thường tự lừa dối mình nếu chúng ta nói rằng vì một điều gì đó xảy ra ở đây, nó cũng phải xảy ra ở trên. Một điều gì đó là biểu hiện của cùng một luật phải xảy ra ở trên, nhưng nó có thể có một hình thức mà chúng ta không nhận ra.

The analogy of the cells within the body is not quite a safe one to follow far, but there are various points across which we come in our study which indicate that something of that kind is taking place. We know that the ensouling life of all the lower kingdoms becomes in its turn only a vehicle for a still higher life when man is individualized. The causal body that we are using now was the soul of some animal from which we individualized, so what is at one stage the ensouling life may later on become a vehicle. Stated in that way, however, this truth needs reservations, because although what is in man the causal body was all of the soul that could be seen with regard to the animal and the plant, yet it is matter on a definite level, and there must have been life from above, ensouling and vivifying that matter, unseen. We must remember always that the energy, the spirit, we can never really see, but only its manifestation in some form of matter. Let us take this physical body as an example. What is it that is ensouling that? It is the man in his astral body. That astral body we cannot see; therefore at this stage it is to us the soul. If

Phép so sánh của các tế bào trong cơ thể không hoàn toàn an toàn để theo đuổi xa, nhưng có nhiều điểm khác nhau mà chúng ta gặp phải trong nghiên cứu của mình chỉ ra rằng một điều gì đó như vậy đang diễn ra. Chúng ta biết rằng sự sống phú linh của tất cả các giới thấp hơn trở thành một vận cụ cho một sự sống cao hơn khi con người được biệt ngã hóa. Thể nguyên nhân mà chúng ta đang sử dụng bây giờ là linh hồn của một số động vật từ đó chúng ta đã biệt ngã hóa, vì vậy những gì ở một giai đoạn là sự sống phú linh có thể sau này trở thành một vận cụ. Tuy nhiên, được phát biểu theo cách đó, sự thật này cần có sự dè dặt, vì mặc dù những gì trong con người là thể nguyên nhân là tất cả linh hồn có thể được nhìn thấy liên quan đến động vật và thực vật, nhưng nó là vật chất trên một cấp độ xác định, và phải có sự sống từ trên cao, phú linh và làm sống động vật chất đó, không thấy được. Chúng ta phải luôn nhớ rằng năng lượng, tinh thần, chúng ta không bao giờ thực sự thấy, mà chỉ là sự biểu hiện của nó trong một hình thức vật chất nào đó. Hãy lấy cơ thể vật lý này làm ví dụ. Điều gì đang phú linh cho nó? Đó là con người trong thể cảm dục của mình. Thể cảm

astral sight is developed we find that it in turn is energized by something higher. That proves to be the mental body; and that in turn is energized by the ego—and so it goes on, all the way up. What to us appears the ensouling life is never the real spirit, but some manifestation of it. When we get to the highest that we can, the bubbles of koilon—in the true aether of space—to our present sight appear to be empty. Of course they are not so, because there is in them something which has power to hold the incredible force of the aether apart. Therefore very decidedly there is something in that apparently empty space. At present we cannot see it, but perhaps later developments may enable us to do so. Then what we see will not be the ensouling spirit, but some higher form of matter through which that ensouling spirit is manifesting. The higher force is never seen at all.

dục đó chúng ta không thể thấy; do đó ở giai đoạn này nó đối với chúng ta là linh hồn. Nếu thị giác cảm dục được phát triển, chúng ta thấy rằng nó lần lượt được tiếp năng lượng bởi một cái gì đó cao hơn. Điều đó chứng tỏ là thể trí; và nó lần lượt được tiếp năng lượng bởi chân ngã—và cứ thế tiếp tục, tất cả đều đi lên. Những gì đối với chúng ta xuất hiện là sự sống phú linh không bao giờ là tinh thần thực sự, mà là một biểu hiện nào đó của nó. Khi chúng ta đạt đến mức cao nhất mà chúng ta có thể, những bong bóng của koilon—trong chân không gian—đối với thị giác hiện tại của chúng ta dường như trống rỗng. Tất nhiên chúng không phải như vậy, vì có một cái gì đó trong chúng có sức mạnh để giữ lực không thể tin được của chân không gian tách ra. Do đó, rất rõ ràng có một cái gì đó trong không gian dường như trống rỗng đó. Hiện tại chúng ta không thể thấy nó, nhưng có lẽ những phát triển sau này có thể cho phép chúng ta làm như vậy. Sau đó, những gì chúng ta thấy sẽ không phải là tinh thần phú linh, mà là một hình thức vật chất cao hơn thông qua đó tinh thần phú linh đó đang biểu hiện. Lực cao hơn không bao giờ được nhìn thấy chút nào.

3. Take his orders for battle, and obey them.	3. Nhận lệnh chiến đấu của y, và tuân theo chúng.
Obey him, not as though he were a general, but as though he were thyself, and his spoken words were the utterance of thy secret desires; for he is thyself, yet infinitely wiser and stronger than thyself.	Tuân theo y, không phải như thể y là một vị tướng, mà như thể y là chính ngươi, và những lời nói của y là sự bày tỏ những khát vọng thầm kín của ngươi; vì y là chính ngươi, nhưng vô cùng khôn ngoan và mạnh mẽ hơn ngươi.

We must learn that whenever there is a conflict between the higher and the lower, we are the higher. At first we do not feel definitely that it is ourself. Believing that it is so from our teaching, we must act as though we felt it

Chúng ta phải học rằng bất cứ khi nào có xung đột giữa cái cao và cái thấp, chúng ta là cái cao. Ban đầu, chúng ta không cảm thấy rõ ràng rằng đó là chính mình. Tin rằng điều đó là đúng từ sự giảng dạy của chúng ta, chúng ta

to be so, and then very soon we shall find that it is true. Our danger is that we may identify ourselves with the lower and forsake the higher.

phải hành động như thể chúng ta cảm thấy điều đó là đúng, và rồi rất nhanh chóng chúng ta sẽ thấy rằng điều đó là sự thật. Nguy cơ của chúng ta là chúng ta có thể đồng hóa mình với cái thấp và từ bỏ cái cao.

CHAPTER 3

RULES 5 TO 8—QUY LUẬT 5 ĐẾN 8

C.W.L.—Rules 5, 6, 7 and 8 fall into one of our familiar groups. I will divide Rule 8, which consists of the comments by the Chohan, into the three portions appropriate to each of the shorter rules, and deal with them along with those rules, as in the last chapter. We have thus:

C.W.L.—Quy luật 5, 6, 7 và 8 rơi vào một trong những nhóm quen thuộc của chúng ta. Tôi sẽ chia Quy luật 8, vốn bao gồm các bình luận của Đức Đế Quân, thành ba phần phù hợp với từng Quy luật ngắn hơn, và xử lý chúng cùng với những Quy luật đó, như trong chương trước. Chúng ta có:

5. Listen to the song of life.	5. Lắng nghe bài ca của sự sống.
Life itself has speech and is never silent. And its utterance is not, as you that are deaf may suppose, a cry: it is a song. Learn from it that you are part of the harmony; learn from it to obey the laws of harmony.	Chính sự sống có lời nói và không bao giờ im lặng. Và sự bày tỏ của nó không phải, như bạn là người điếc có thể cho rằng, là một tiếng kêu: đó là một bài ca. Học từ nó rằng bạn là một phần của sự hòa hợp; học từ nó để tuân theo các định luật của sự hòa hợp.

On Aphorism 5 there is also a long note by the Master Hilarion, which begins:

Về Châm ngôn 5, có một ghi chú dài của Chân sư Hilarion, bắt đầu:

Look for it, and listen to it, first in your own heart. At first you may say, “It is not there; when I search I find only discord.” Look deeper. If again you are disappointed, pause and look deeper again. There is a natural melody, an obscure fount in every human heart. It	Tìm kiếm nó, và lắng nghe nó, trước tiên trong trái tim của chính bạn. Ban đầu bạn có thể nói, "Nó không có ở đó; khi tôi tìm kiếm, tôi chỉ thấy sự bất hòa." Hãy nhìn sâu hơn. Nếu một lần nữa bạn thất vọng, hãy dừng lại và nhìn sâu hơn nữa. Có một giai điệu tự nhiên, một nguồn mờ

may be hidden over and utterly concealed and silenced—but it is there. At the very base of your nature you will find faith, hope, and love.

nhạt trong mỗi trái tim con người. Nó có thể bị che giấu và hoàn toàn bị che đậy và im lặng—nhưng nó có ở đó. Ở tận đáy bản chất của bạn, bạn sẽ tìm thấy niềm tin, hy vọng và tình thương.

What is meant is that underneath all life, and exhibited more or less according to the state of development of each life, is the great force that moves all things. In Christianity we have been taught to call it the will of God, or the love of God, but people very often use these religious terms in a vague way, so that they lose much of their reality and power. In popular religion there are several of these expressions which have a certain historical or traditional connotation, but really do not actually mean much to the people who use them. People talk, for example, about the grace of God, but I think very often they have but little idea of what they really mean. Again, when in church the Litany is recited, people say: “Spare us, good Lord.” That is a most amazing and utterly illogical and impossible sentence, but nobody ever seems to think of it. They say spare us “and call Him “good Lord” at the same time—a contradiction in terms. A good Lord would never need to be asked to spare anybody. To ask that is worse than wrong, because it suggests evil in God. It is blasphemy even worse than that of using His name in casual swearing, as people sometimes do in the streets, though that is bad enough. They are attributing to Him human passions, and malignity at that, and are asking Him not to exercise His malignity upon them.

Điều được nói đến là dưới tất cả sự sống, và được thể hiện ít nhiều tùy theo trạng thái phát triển của mỗi sự sống, là lực lượng vĩ đại di chuyển mọi thứ. Trong Kitô giáo, chúng ta đã được dạy gọi nó là ý chí của Thượng đế, hoặc tình thương của Thượng đế, nhưng mọi người rất thường sử dụng những thuật ngữ tôn giáo này một cách mơ hồ, đến mức chúng mất đi nhiều thực tế và sức mạnh của chúng. Trong tôn giáo phổ biến, có một số biểu hiện này có một ý nghĩa lịch sử hoặc truyền thống nhất định, nhưng thực sự không có ý nghĩa nhiều đối với những người sử dụng chúng. Mọi người nói, chẳng hạn, về ân sủng của Thượng đế, nhưng tôi nghĩ rất thường họ có rất ít ý tưởng về ý nghĩa thực sự của chúng. Một lần nữa, khi trong nhà thờ, Kinh Cầu được đọc, mọi người nói: "Xin tha cho chúng con, lạy Chúa tốt lành." Đó là một câu hoàn toàn đáng kinh ngạc và hoàn toàn phi lý và không thể, nhưng không ai dường như nghĩ về nó. Họ nói xin tha cho chúng con "và gọi Ngài là" Chúa tốt lành "cùng một lúc—một mâu thuẫn trong thuật ngữ. Một Chúa tốt lành sẽ không bao giờ cần được yêu cầu tha cho ai đó. Yêu cầu điều đó còn tệ hơn sai lầm, vì nó gợi ý điều ác trong Thượng đế. Đó là sự báng bổ thậm chí còn tệ hơn việc sử dụng tên Ngài trong lời thề thông thường, như mọi người đôi khi làm trên đường phố, mặc dù điều đó cũng đủ tệ. Họ đang gán cho Ngài những đam mê con người, và sự ác ý ở đó, và đang yêu cầu Ngài không thực hiện sự ác ý của Ngài lên họ.

In the same way people speak of the mercy of God. That again contains very much the same idea, that He might do something quite

Cũng theo cách đó, mọi người nói về lòng thương xót của Thượng đế. Điều đó một lần nữa chứa đựng rất nhiều ý tưởng tương tự,

dreadful to you, but instead He elects to show mercy. Certainly all such phrases imply an utter misunderstanding of what the word God means; it is the grandest, the finest word that exists; it means the Good, and He who is good needs no entreaty to show mercy in a certain case, for He is always so full of love that the idea of anything else but mercy would be utterly unthinkable. God will certainly show love to all, irrespective of what they do. I do not know how people think a loving father would be likely to feel, if he found his children crawling to his feet and begging him to have mercy upon them.

rằng Ngài có thể làm điều gì đó khá khủng khiếp với bạn, nhưng thay vào đó Ngài chọn thể hiện lòng thương xót. Chắc chắn tất cả những cụm từ như vậy ngụ ý một sự hiểu lầm hoàn toàn về ý nghĩa của từ Thượng đế; đó là từ vĩ đại nhất, tốt đẹp nhất tồn tại; nó có nghĩa là Tốt, và Ngài là người tốt không cần cầu xin để thể hiện lòng thương xót trong một trường hợp nhất định, vì Ngài luôn đầy tình thương đến mức ý tưởng về bất cứ điều gì khác ngoài lòng thương xót sẽ hoàn toàn không thể tưởng tượng được. Thượng đế chắc chắn sẽ thể hiện tình thương với tất cả, bất kể họ làm gì. Tôi không biết mọi người nghĩ một người cha yêu thương sẽ có khả năng cảm thấy thế nào, nếu ông thấy con cái mình bò dưới chân ông và cầu xin ông thương xót chúng.

We have that difficulty to fight against when in Theosophy we try to talk about these higher forces. Those of us who have come through the various churches and chapels unfortunately have been accustomed to speak about such things freely, but to think of them as being utterly vague and meaning nothing in particular. People go to church and perhaps ask for the divine blessing, with a general idea that God will look after them, or something of that kind. I am afraid it is a very unscientific conception. What one ought to understand is that a church service is a means intended to convey a perfectly definite force. This thing—the blessing of God—is a force absolutely as definite as electricity, as real as the steam that moves our trains, and it flows through the channels appointed for it, through the priest or the Bishop. When he extends his hand a definite force flows from it over the people. There is a very definite raying out of force, which floods the whole church, and is received and appropriated by such people as have made themselves ready to receive it. It is true that some may sit there and not be influenced, but that is only because they have

Chúng ta có khó khăn đó để chống lại khi trong Thông Thiên Học chúng ta cố gắng nói về những lực lượng cao hơn này. Những người trong chúng ta đã trải qua các nhà thờ và nhà nguyện khác nhau không may đã quen nói về những điều như vậy một cách tự do, nhưng nghĩ về chúng như là hoàn toàn mơ hồ và không có ý nghĩa gì đặc biệt. Mọi người đi nhà thờ và có lẽ cầu xin phước lành thiêng liêng, với ý tưởng chung rằng Thượng đế sẽ chăm sóc họ, hoặc điều gì đó tương tự. Tôi e rằng đó là một khái niệm rất không khoa học. Điều mà người ta nên hiểu là một buổi lễ nhà thờ là một phương tiện nhằm truyền tải một lực lượng hoàn toàn xác định. Điều này—phước lành của Thượng đế—là một lực lượng hoàn toàn xác định như điện, thực như hơi nước di chuyển các đoàn tàu của chúng ta, và nó chảy qua các kênh được chỉ định cho nó, qua linh mục hoặc Giám mục. Khi Ngài giơ tay, một lực lượng xác định chảy từ đó qua mọi người. Có một sự phát ra lực lượng rất xác định, vốn tràn ngập toàn bộ nhà thờ, và được nhận và tiếp thu bởi những người đã chuẩn bị sẵn sàng để nhận nó. Đúng là một số có thể ngồi đó và không bị ảnh hưởng, nhưng đó chỉ là vì họ không chuẩn bị

not in any way previously prepared themselves.

trước đó theo bất kỳ cách nào.

So when people talk about the love and the grace of God they are usually thinking vaguely about things which are in reality very definite forces. It is sometimes hard for us to rid ourselves of this loose method of thought. It is not only those who have come along the line of the churches who suffer from it, but also those who have not, have lost something. Those who have *come* through this line have acquired in the process certain attitudes and powers of comprehension which those who have been free-thinkers have not so easily to hand. The orthodox church training is on the whole a good training, except for its bigotry and narrowness, and for the conception of God which it so often puts before its people. For the rest, the ideas of serving God by worship and by praise, and of gathering together so to worship Him, and to employ in that worship all such beauty as can be provided, are fine and beautiful, and I think that it is quite possible for them to co-exist with the widest and most liberal doctrine. They have not so co-existed for many centuries now, unfortunately, except in the case of a very few people, here and there. I have long believed that a church would sooner or later spring up which would combine these things, and now we have it in the Liberal Catholic Church. Those people who love the old church and her methods, her ritual and music, and all the beauty and gentleness of holiness, are now able to have all that, and yet at the same time to have with it a doctrine which is to all intents and purposes Theosophy.

Vì vậy, khi mọi người nói về tình thương và ân sủng của Thượng đế, họ thường nghĩ mơ hồ về những điều thực sự là những lực lượng rất xác định. Đôi khi khó khăn cho chúng ta để loại bỏ phương pháp suy nghĩ lỏng lẻo này. Không chỉ những người đã đi theo dòng các nhà thờ mới chịu đựng điều đó, mà cả những người không đi theo dòng đó cũng đã mất đi một điều gì đó. Những người đã đi qua dòng này đã đạt được trong quá trình đó những thái độ và khả năng thấu hiểu mà những người đã là những người tự do tư tưởng không dễ dàng có được. Đào tạo nhà thờ chính thống nói chung là một đào tạo tốt, ngoại trừ sự cố chấp và hẹp hòi của nó, và cho khái niệm về Thượng đế mà nó thường đặt trước mặt mọi người. Còn lại, ý tưởng phụng sự Thượng đế bằng cách thờ phượng và ca ngợi, và tụ họp lại để thờ phượng Ngài, và sử dụng trong việc thờ phượng đó tất cả vẻ đẹp có thể được cung cấp, là tốt đẹp và đẹp đẽ, và tôi nghĩ rằng hoàn toàn có thể cho chúng cùng tồn tại với giáo lý rộng rãi và tự do nhất. Chúng đã không cùng tồn tại như vậy trong nhiều thế kỷ nay, không may, ngoại trừ trong trường hợp của một số ít người, ở đây và đó. Tôi đã lâu tin rằng một nhà thờ sẽ sớm hay muộn xuất hiện kết hợp những điều này, và bây giờ chúng ta có nó trong Giáo hội Công giáo Tự do. Những người yêu thích nhà thờ cũ và các phương pháp của nó, nghi lễ và âm nhạc của nó, và tất cả vẻ đẹp và sự dịu dàng của sự thánh thiện, giờ đây có thể có tất cả điều đó, và đồng thời có với nó một giáo lý vốn về mọi ý định và mục đích là Thông Thiên Học.

So when in Theosophy we use terms corresponding to those which are commonly used in this vague way, we should understand that they are not cloudy or indefinite in any

Vì vậy, khi trong Thông Thiên Học chúng ta sử dụng các thuật ngữ tương ứng với những thuật ngữ thường được sử dụng một cách mơ hồ này, chúng ta nên hiểu rằng chúng không

sense. If I speak of giving to anyone the blessing of the Master I mean a definite pouring out of a spiritual influence. It uses as its vehicle matter at a higher level than the physical plane, in most cases, but nevertheless it employs matter through which it influences the matter of the causal or mental or astral body, as the case may be; so let us altogether divest our minds of the least fragment of thought that this is a vague good influence which does not mean anything much.

mơ hồ hay không xác định theo bất kỳ nghĩa nào. Nếu tôi nói về việc ban cho ai đó phước lành của Chân sư, tôi có ý nghĩa một sự tuôn đổ xác định của một ảnh hưởng tinh thần. Nó sử dụng như là vận cụ của nó chất liệu ở một cấp độ cao hơn cõi hồng trần, trong hầu hết các trường hợp, nhưng dù sao nó cũng sử dụng chất liệu qua đó nó ảnh hưởng đến chất liệu của thể nguyên nhân hoặc thể trí hoặc thể cảm dục, tùy trường hợp; vì vậy hãy hoàn toàn loại bỏ khỏi tâm trí chúng ta bất kỳ mảnh suy nghĩ nào rằng đây là một ảnh hưởng tốt mơ hồ không có ý nghĩa gì nhiều.

This great force that moves all things has another side to it, which is the law of sacrifice. Sacrifice is a grand word, but people generally use it wrongly. They talk about making a sacrifice when they give up something and it tears the heart to do so. If men want to know what sacrifice really means in religion, they will have to wipe that idea out of their minds. They must take an entirely new interpretation of a word they have known all their lives. They may sometimes think that they now hold the true interpretation and have set aside the other, when the shadow of the old idea is still upon them, and it comes up and clouds the mind without their being aware of it; only gradually will it fade away completely.

Lực lượng vĩ đại này di chuyển mọi thứ có một mặt khác, đó là định luật hy sinh. Hy sinh là một từ vĩ đại, nhưng mọi người thường sử dụng nó sai. Họ nói về việc thực hiện một sự hy sinh khi họ từ bỏ điều gì đó và điều đó làm đau lòng để làm như vậy. Nếu con người muốn biết hy sinh thực sự có nghĩa là gì trong tôn giáo, họ sẽ phải xóa bỏ ý tưởng đó khỏi tâm trí của họ. Họ phải có một sự giải thích hoàn toàn mới về một từ mà họ đã biết suốt đời. Đôi khi họ có thể nghĩ rằng họ hiện đang giữ sự giải thích đúng và đã gạt bỏ cái khác, khi bóng của ý tưởng cũ vẫn còn trên họ, và nó xuất hiện và che mờ tâm trí mà họ không nhận thức được; chỉ dần dần nó mới hoàn toàn phai nhạt.

The word “sacrifice” comes from the Latin *sacrificio*—“I make holy”. To sacrifice a thing is to offer it to God, thereby making it holy. The idea that when you offer it to Him you take it away from yourself is a secondary meaning introduced into it; if you want, as it is so often expressed in the Scriptures, to make yourself a perfect sacrifice unto God, there must in that be no idea of giving up anything at all. The truth is, though it sounds paradoxical, that as long as you feel anything to be a sacrifice it is not really so; it is not made holy at all. You are giving it but with a grudging hand. When you

Từ "hy sinh" xuất phát từ tiếng Latin sacrificio —"Tôi làm cho thánh thiện". Hy sinh một điều là dâng nó lên Thượng đế, do đó làm cho nó thánh thiện. Ý tưởng rằng khi bạn dâng nó lên Ngài, bạn lấy nó ra khỏi bản thân mình là một ý nghĩa thứ cấp được đưa vào; nếu bạn muốn, như nó thường được diễn đạt trong Kinh Thánh, làm cho bản thân mình trở thành một sự hy sinh hoàn hảo cho Thượng đế, không được có ý tưởng nào về việc từ bỏ bất cứ điều gì cả. Sự thật là, mặc dù nghe có vẻ nghịch lý, rằng miễn là bạn cảm thấy bất cứ điều gì là một sự hy sinh thì thực sự không phải vậy; nó

feel that you cannot do other than pour yourself out, as it were,^ at the feet of God or of Christ in perfect devotion; when you have no thought at all of giving up anything, because in the very nature of things you could not, do otherwise from the way in which you feel; when what you have within you makes it so that there is nothing else in the whole world that you could do but yield utterly to Him; perhaps then you are a perfect sacrifice. It is only when we have altogether forgotten the ideas that are ordinarily connected with the word that we can make a true sacrifice. It is a glorious word, but it does not mean to give up; it means to make holy.

không được làm cho thánh thiện chút nào. Bạn đang cho nó nhưng với một bàn tay miễn cưỡng. Khi bạn cảm thấy rằng bạn không thể làm gì khác ngoài việc đổ mình ra, như thể, dưới chân Thượng đế hoặc của Đức Christ trong sự tận hiến hoàn hảo; khi bạn không có ý nghĩ nào về việc từ bỏ bất cứ điều gì, bởi vì trong bản chất của mọi thứ bạn không thể làm khác đi từ cách bạn cảm nhận; khi những gì bạn có bên trong bạn làm cho nó như vậy rằng không có gì khác trên toàn thế giới mà bạn có thể làm ngoài việc hoàn toàn đầu hàng Ngài; có lẽ khi đó bạn là một sự hy sinh hoàn hảo. Chỉ khi chúng ta hoàn toàn quên đi những ý tưởng thường được kết nối với từ đó, chúng ta mới có thể thực hiện một sự hy sinh thực sự. Đó là một từ vinh quang, nhưng nó không có nghĩa là từ bỏ; nó có nghĩa là làm cho thánh thiện.

The Logos Himself makes the greatest sacrifice of all, for He pours Himself down into matter. He limits His power and sheds His glory; truly, “For us men and for our salvation He came down from Heaven”. Those are beautiful words, but the meaning that is attached to them in modern days is often far from that; it is often altogether a degradation of the real idea. When understood, these ideas are seen to be beautiful and glorious and entirely to be commended and admired—but we must understand first. So the Christ makes of all sacrifices the greatest, and we, in so far as we dedicate ourselves to His service, take part in that sacrifice and make ourselves one with it. If one has once seen the reality behind, one can do no other than this; but then the world would no longer think of it as a sacrifice, because it would seem to be following one’s own will. Then the man goes on working with the evolutionary force, but he has forgotten what he gave. It is no longer a matter of giving up anything, but of having reached the true realization of oneself, and of knowing what one is here for. The thought of the Logos is

Chính Thượng đế thực hiện sự hy sinh lớn nhất trong tất cả, vì Ngài đổ mình xuống vào chất liệu. Ngài giới hạn quyền năng của mình và tỏa sáng vinh quang của Ngài; thực sự, "Vì chúng ta và vì sự cứu rỗi của chúng ta, Ngài đã từ trời xuống". Đó là những lời đẹp đẽ, nhưng ý nghĩa được gán cho chúng trong thời hiện đại thường xa rời điều đó; nó thường hoàn toàn là một sự suy thoái của ý tưởng thực sự. Khi được hiểu, những ý tưởng này được thấy là đẹp đẽ và vinh quang và hoàn toàn đáng khen ngợi và ngưỡng mộ—nhưng trước tiên chúng ta phải hiểu. Vì vậy, Đức Christ thực hiện trong tất cả các sự hy sinh sự hy sinh lớn nhất, và chúng ta, trong chừng mực chúng ta dâng hiến bản thân mình cho sự phụng sự của Ngài, tham gia vào sự hy sinh đó và làm cho bản thân mình trở thành một với nó. Nếu một người đã từng thấy thực tế đằng sau, người đó không thể làm gì khác ngoài điều này; nhưng khi đó thế giới sẽ không còn nghĩ về nó như một sự hy sinh, bởi vì nó sẽ dường như là theo ý muốn của chính mình. Khi đó người đó tiếp tục làm việc với lực lượng tiến hóa, nhưng người đó đã quên những gì đã cho đi. Nó không còn là vấn

such as that, and we must be like Him if we would truly sacrifice.

để từ bỏ bất cứ điều gì, mà là đã đạt được sự nhận thức thực sự về bản thân, và biết mình ở đây để làm gì. Suy nghĩ của Thượng đế là như vậy, và chúng ta phải giống Ngài nếu chúng ta muốn thực sự hy sinh.

Dr. Besant has said that the fact that there is no religion in the world which is not full of ideas of sacrifice shows that there is some great esoteric truth underlying it. The Law of sacrifice has not been fully studied as yet, although a Master once said that it is as important as those of reincarnation and karma.

Bà Besant đã nói rằng thực tế là không có tôn giáo nào trên thế giới không đầy những ý tưởng về hy sinh cho thấy rằng có một sự thật huyền bí lớn nào đó nằm dưới nó. Định luật hy sinh chưa được nghiên cứu đầy đủ cho đến nay, mặc dù một Chân sư đã từng nói rằng nó quan trọng như những định luật về luân hồi và nghiệp quả.

To see that reality behind things is to listen to the song of life. The song of life is the force which is all the time running under life. All the different movements in nature have sound and colour as their expressions and accompaniments—there are others of which we know nothing, but at least sound and colour are within our experience. It is possible to learn to hear something of the harmony of nature and to see something of its beauty and glory and order, and it is in that way more than in any other that one may come to be quite certain that all things are working together for good, and that the order which underlies this apparent disorder is out of all proportion and in every way greater, more important, more effective. The disorder is nothing but a slight disturbance, foam on the surface; the real depth of the sea lies beneath, and that obeys the divine law perfectly, even though on the surface that law may seem to be set at naught.

Để thấy thực tế đằng sau mọi thứ là lắng nghe bài ca của sự sống. Bài ca của sự sống là lực lượng luôn chạy dưới sự sống. Tất cả các chuyển động khác nhau trong tự nhiên có âm thanh và màu sắc như là sự biểu hiện và đi kèm của chúng—có những thứ khác mà chúng ta không biết gì, nhưng ít nhất âm thanh và màu sắc nằm trong kinh nghiệm của chúng ta. Có thể học cách nghe một phần nào đó của sự hòa hợp của tự nhiên và thấy một phần nào đó của vẻ đẹp và vinh quang và trật tự của nó, và đó là cách mà một người có thể trở nên hoàn toàn chắc chắn rằng mọi thứ đang làm việc cùng nhau cho điều tốt, và rằng trật tự vốn nằm dưới sự rối loạn rõ ràng này là vượt trội về mọi mặt và theo mọi cách lớn hơn, quan trọng hơn, hiệu quả hơn. Sự rối loạn chỉ là một sự xáo trộn nhỏ, bọt trên bề mặt; độ sâu thực sự của biển nằm bên dưới, và điều đó tuân theo định luật thiêng liêng một cách hoàn hảo, mặc dù trên bề mặt định luật đó có thể dường như bị coi thường.

It is important for us to try, if we can, to sense the reality which lies behind, to feel that which is incapable of being turned aside or disturbed in any way. It is a great comfort, a great consolation, a great security, when once we can get into touch with this, and feel

Điều quan trọng đối với chúng ta là cố gắng, nếu có thể, cảm nhận thực tế nằm đằng sau, cảm nhận điều không thể bị lệch hướng hoặc bị xáo trộn theo bất kỳ cách nào. Đó là một sự an ủi lớn, một sự an ủi lớn, một sự an toàn lớn, khi một khi chúng ta có thể tiếp xúc với điều

absolutely sure that everything is marching steadily on its way, and that therefore it does not matter what happens on the surface, because it is at worst a small temporary annoyance, a little flutter. All the while we are moving onwards towards unity with the One. We are all the time part of it; we are moving towards the realization of that, and the One through us is developing His manifestation of Himself.

này, và cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng mọi thứ đang tiến bước đều đặn trên con đường của nó, và do đó không quan trọng điều gì xảy ra trên bề mặt, bởi vì đó là điều tồi tệ nhất là một sự phiền toái nhỏ tạm thời, một chút xáo trộn. Trong khi đó, chúng ta đang tiến tới sự hợp nhất với Đấng Duy Nhất. Chúng ta luôn là một phần của nó; chúng ta đang tiến tới sự nhận thức về điều đó, và Đấng Duy Nhất qua chúng ta đang phát triển sự biểu hiện của Ngài.

There is a song, a great chord of harmony, as it were, always sounding beyond the worlds. In classic days they spoke about the music of the spheres, the idea being that the sun, the planets and the stars, moving in their courses, produce a mighty harmony. In the Old Testament, too, we read that "The morning stars sang together, and all the sons of God shouted for joy."[70] Many people think of that as a beautiful expression, but merely poetic symbolism. A common proverb speaks of things as "too good to be true"; but everything good and beautiful must be true, because it is good and beautiful. Wherever there is a fine idea, there is a basis for it; one could not think it unless there were something corresponding to it on the higher levels. All the highest and noblest and greatest things are the divine thoughts; our thoughts are high and pure and true and noble just in proportion as they reach up towards that. We must try to acquire this idea—not as a poetical conception to play with, but as a real basic fact—that above all and in all and at the heart of all there is always the beautiful and the true. The ideas commonly put before us are man's thoughts about things; the realities behind things are God's thoughts about them; as God is greater than man so are His thoughts higher than our thoughts. Higher does not mean more austere,

Có một bài ca, một hợp âm lớn của sự hòa hợp, như thể, luôn vang lên vượt ra ngoài các cõi giới. Trong những ngày cổ điển, họ đã nói về âm nhạc của các thiên cầu, ý tưởng là mặt trời, các hành tinh và các ngôi sao, di chuyển trong quỹ đạo của chúng, tạo ra một sự hòa hợp mạnh mẽ. Trong Cựu Ước, chúng ta cũng đọc rằng "Các ngôi sao buổi sáng cùng nhau hát, và tất cả các con của Thượng đế reo hò vui mừng." Nhiều người nghĩ về điều đó như một biểu hiện đẹp, nhưng chỉ là biểu tượng thơ ca. Một câu tục ngữ phổ biến nói về những điều "quá tốt để trở thành sự thật"; nhưng mọi thứ tốt và đẹp phải là sự thật, bởi vì nó là tốt và đẹp. Bất cứ nơi nào có một ý tưởng tốt đẹp, có một cơ sở cho nó; người ta không thể nghĩ về nó trừ khi có điều gì đó tương ứng với nó ở các cấp độ cao hơn. Tất cả những điều cao nhất và cao quý nhất và vĩ đại nhất là những suy nghĩ thiêng liêng; suy nghĩ của chúng ta cao và trong sáng và đúng và cao quý chỉ trong chừng mực chúng vươn lên hướng tới điều đó. Chúng ta phải cố gắng tiếp thu ý tưởng này—không phải như một khái niệm thơ ca để chơi đùa, mà như một sự thật cơ bản thực sự—rằng trên tất cả và trong tất cả và ở trung tâm của tất cả luôn có điều đẹp và đúng. Những ý tưởng thường được đặt trước mặt chúng ta là những suy nghĩ của con người về mọi thứ; thực tế đằng sau mọi thứ là những suy nghĩ của Thượng đế về

[70] Job, 38, 7

or more unpractical, or more distant from ordinary life, but greater, more beautiful, more glorious.

chúng; như Thượng đế lớn hơn con người, nên suy nghĩ của Ngài cao hơn suy nghĩ của chúng ta. Cao hơn không có nghĩa là nghiêm khắc hơn, hay không thực tế hơn, hay xa cách hơn với cuộc sống thường ngày, mà là lớn hơn, đẹp hơn, vinh quang hơn.

We are listening to the song of life whenever we try to find in everything that which is best and most beautiful. All students of occultism must necessarily be optimists, because they know that the facts far more than justify the most optimistic view that we can possibly take. The truth behind is always grand. We misunderstand it and fall short of it; that is not the fault of the truth, but of our lack of comprehension. So in many ways—some of them small ways—in daily life we may listen to this song of life, and when once we do come to hear it we shall not entirely lose the sound again. It is to be heard on all the different planes; even if we could hear the entirety of the song on one plane we should still have only a very small part, one note. As we reach plane after plane we shall always find more and more of its beauty and glory. The more one hears of it the more perfect the harmony becomes. If one struck all the notes of an octave at once one would not get harmony, but discord; but on the higher planes there is what I can only describe in a somewhat paradoxical way—the possibility that the more notes you are able to strike the more perfect is the harmony, because there all things fit into one another in a way which down here one cannot in the least degree suggest.; If part of a melody is in one key and part in another we get an effect of disharmony. If we could imagine some kind of projection into space in which each of $_0$these parts would work itself out in perfect harmony within itself, and then a scheme in another direction in which those parts would blend together, in which each of those

Chúng ta đang lắng nghe bài ca của sự sống bất cứ khi nào chúng ta cố gắng tìm trong mọi thứ điều tốt nhất và đẹp nhất. Tất cả các học viên huyền bí học nhất thiết phải là những người lạc quan, bởi vì họ biết rằng các sự kiện còn hơn cả biện minh cho quan điểm lạc quan nhất mà chúng ta có thể có. Sự thật đằng sau luôn vĩ đại. Chúng ta hiểu sai nó và không đạt được nó; đó không phải là lỗi của sự thật, mà là do sự thiếu thấu hiểu của chúng ta. Vì vậy, trong nhiều cách—một số trong số đó là những cách nhỏ—trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta có thể lắng nghe bài ca của sự sống, và khi một khi chúng ta thực sự nghe thấy nó, chúng ta sẽ không hoàn toàn mất đi âm thanh đó nữa. Nó có thể được nghe trên tất cả các cõi khác nhau; ngay cả khi chúng ta có thể nghe toàn bộ bài ca trên một cõi, chúng ta vẫn chỉ có một phần rất nhỏ, một nốt nhạc. Khi chúng ta đạt đến cõi này sau cõi khác, chúng ta sẽ luôn tìm thấy nhiều hơn và nhiều hơn nữa vẻ đẹp và vinh quang của nó. Càng nghe nhiều về nó, sự hòa hợp càng trở nên hoàn hảo. Nếu người ta đánh tất cả các nốt của một quãng tám cùng một lúc, người ta sẽ không có được sự hòa hợp, mà là sự bất hòa; nhưng trên các cõi cao hơn có điều mà tôi chỉ có thể mô tả một cách nghịch lý—khả năng rằng càng nhiều nốt bạn có thể đánh, sự hòa hợp càng trở nên hoàn hảo, bởi vì ở đó mọi thứ đều phù hợp với nhau theo một cách mà ở đây người ta không thể gợi ý chút nào. Nếu một phần của giai điệu nằm trong một khóa và phần khác nằm trong một khóa khác, chúng ta sẽ có một hiệu ứng của sự bất hòa. Nếu chúng ta có thể tưởng tượng một loại phóng chiếu nào đó vào không gian trong đó mỗi phần này sẽ tự hoạt động trong sự hòa hợp

harmonies would be one note, it might give an idea of it; it is not possible to put it into words. But the effect of it is that you can so project a number of keys, which here would be discordant, that they make in higher worlds a perfect harmony.

hoàn hảo trong chính nó, và sau đó là một sơ đồ theo hướng khác trong đó những phần đó sẽ hòa quyện với nhau, trong đó mỗi sự hòa hợp đó sẽ là một nốt nhạc, nó có thể cho một ý tưởng về nó; không thể đặt nó thành lời. Nhưng hiệu ứng của nó là bạn có thể phóng chiếu một số khóa, vốn ở đây sẽ là bất hòa, để chúng tạo ra trong các cõi giới cao hơn một sự hòa hợp hoàn hảo.

Much modern music is less harmonious than the older music. It plunges into wild discords and seeks thereby somehow to produce a finer harmony. It does not succeed in doing so; but I believe that the people who are working at it are gaining glimpses of this of which I have been speaking, and are trying to express it. They are seeking for some method whereby discords will produce harmony. I do not think it can be done on the physical plane; but I must confess I do not like these curious later manifestations, and therefore I am probably far from understanding them. The people who compose all this weird music are probably aiming at something the astral and mental counterparts of which will not be discords but harmonies; but at this level they produce an effect which is not harmonious. I suppose those who have come to appreciate it have learned how to produce the effects in their higher bodies, and so they like that queer and inharmonious sound.

Nhiều âm nhạc hiện đại ít hài hòa hơn âm nhạc cổ điển. Nó lao vào những bất hòa hoang dã và tìm cách bằng cách nào đó tạo ra một sự hòa hợp tốt hơn. Nó không thành công trong việc làm như vậy; nhưng tôi tin rằng những người đang làm việc với nó đang có những cái nhìn thoáng qua về điều này mà tôi đã nói, và đang cố gắng thể hiện nó. Họ đang tìm kiếm một phương pháp nào đó mà qua đó những bất hòa sẽ tạo ra sự hòa hợp. Tôi không nghĩ rằng điều đó có thể được thực hiện trên cõi hồng trần; nhưng tôi phải thú nhận rằng tôi không thích những biểu hiện kỳ lạ sau này, và do đó tôi có lẽ còn xa việc hiểu chúng. Những người sáng tác tất cả âm nhạc kỳ lạ này có lẽ đang nhắm đến điều gì đó mà các đối phần cảm dục và trí tuệ của nó sẽ không phải là bất hòa mà là sự hòa hợp; nhưng ở cấp độ này, chúng tạo ra một hiệu ứng không hài hòa. Tôi cho rằng những người đã đến để đánh giá cao nó đã học cách tạo ra các hiệu ứng trong các thể cao hơn của họ, và do đó họ thích âm thanh kỳ lạ và không hài hòa đó.

Many of the curious modern manifestations of art, not only in music but also in painting, are definitely struggling towards the future, and they are producing effects beyond that which can be seen and heard. What can be seen and heard us very unbeautiful in many cases, but I can well imagine that they are aiming at something which will be very beautiful when the result is attained. One wishes that it might be reasonably

Nhiều biểu hiện kỳ lạ hiện đại của nghệ thuật, không chỉ trong âm nhạc mà còn trong hội họa, đang chắc chắn đấu tranh hướng tới tương lai, và chúng đang tạo ra các hiệu ứng vượt ra ngoài những gì có thể được nhìn thấy và nghe thấy. Những gì có thể được nhìn thấy và nghe thấy rất không đẹp trong nhiều trường hợp, nhưng tôi có thể tưởng tượng rằng họ đang nhắm đến điều gì đó sẽ rất đẹp khi kết quả đạt được. Người ta mong muốn rằng nó có

harmonious on all planes, so that even down here the thing might be beautiful in itself for those who do not understand the higher side!

I have heard a number of people say that one piece of music sounded much the same to them as another. There are many of us who get a certain amount of vague pleasure from music, but do not in any way understand it. There are others to whom a piece of music is not only pleasing to the ear, but to whom it is as definite as speech in a lecture would be, to whom it conveys a clear form, which they can see and appreciate. I have heard great musicians speaking among themselves, and I therefore realize that the thought-form with which a composer writes a certain piece of music can quite definitely be conveyed to another roan. I met with such a case when I was in Italy a few years ago. A man wrote a piece of music which was intended to represent a fountain in a garden, and this fountain had three basins one above the other. As he wrote his music describing this he had that thought-form in his mind. I know the same thought-form was conveyed to another musician who had never seen the fountain or the garden, and had no idea of what the music was intended to portray; when he played it, it called up the exact picture before him, so that he knew which parts referred to the different basins of the fountain and which part was descriptive of the garden. I could see certain correspondences, but until I had heard what it meant it did not call up the picture to me. That is a higher musical development; when we are at the level when we can sense a meaning like that in music, it will convey more than it does at present to most of us. The same thing is true of a picture. Precisely what it conveys to one differs from what is indicated to another. Some are like the man in Wordsworth's poem:

thể hài hòa hợp lý trên tất cả các cõi, để ngay cả ở đây điều đó có thể đẹp trong chính nó cho những người không hiểu mặt cao hơn!

Tôi đã nghe nhiều người nói rằng một bản nhạc nào đó nghe giống như một bản nhạc khác đối với họ. Có nhiều người trong chúng ta cảm thấy một niềm vui mơ hồ từ âm nhạc, nhưng không hiểu nó theo bất kỳ cách nào. Có những người khác mà một bản nhạc không chỉ làm hài lòng tai, mà còn rõ ràng như một bài giảng, truyền tải một hình thức rõ ràng mà họ có thể thấy và đánh giá cao. Tôi đã nghe các nhạc sĩ vĩ đại nói chuyện với nhau, và do đó tôi nhận ra rằng hình tư tưởng mà một nhà soạn nhạc viết một bản nhạc nhất định có thể được truyền tải rõ ràng đến một người khác. Tôi đã gặp một trường hợp như vậy khi tôi ở Ý vài năm trước. Một người đàn ông đã viết một bản nhạc nhằm đại diện cho một đài phun nước trong một khu vườn, và đài phun nước này có ba bồn nước chồng lên nhau. Khi ông viết nhạc mô tả điều này, ông đã có hình tư tưởng đó trong tâm trí. Tôi biết hình tư tưởng đó đã được truyền tải đến một nhạc sĩ khác chưa từng thấy đài phun nước hay khu vườn, và không biết bản nhạc nhằm miêu tả điều gì; khi ông chơi nó, nó đã gợi lên hình ảnh chính xác trước mắt ông, để ông biết phần nào liên quan đến các bồn nước khác nhau của đài phun và phần nào miêu tả khu vườn. Tôi có thể thấy một số tương ứng nhất định, nhưng cho đến khi tôi nghe thấy ý nghĩa của nó, nó không gợi lên hình ảnh cho tôi. Đó là một sự phát triển âm nhạc cao hơn; khi chúng ta đạt đến mức độ mà chúng ta có thể cảm nhận một ý nghĩa như vậy trong âm nhạc, nó sẽ truyền tải nhiều hơn so với hiện tại đối với hầu hết chúng ta. Điều tương tự cũng đúng với một bức tranh. Chính xác những gì nó truyền tải cho một người khác với những gì được chỉ ra cho người khác. Một số người giống như người đàn ông trong bài thơ của Wordsworth:

A primrose by the river's brink

A yellow primrose was to him,

And it was nothing more.

Một bông hoa anh thảo bên bờ sông

Một bông hoa anh thảo vàng đối với ông,

Và không có gì hơn.

But to the poet the primrose suggested a host of beautiful ideas. When this faculty is definitely established we shall arrive at a condition of thinking in symbols. The ego does that in his causal body; he thinks in symbols, not in concrete things, and quite evidently one way of psychic unfoldment is along that line, although it is very different from the more ordinary form of development.

Nhưng đối với nhà thơ, bông hoa anh thảo gợi lên một loạt ý tưởng đẹp. Khi khả năng này được thiết lập rõ ràng, chúng ta sẽ đạt đến một trạng thái suy nghĩ bằng biểu tượng. Chân ngã làm điều đó trong thể nguyên nhân của mình; y suy nghĩ bằng biểu tượng, không phải bằng những thứ cụ thể, và rõ ràng một cách phát triển tâm linh là theo hướng đó, mặc dù nó rất khác biệt so với hình thức phát triển thông thường hơn.

Many of the newer forms of art, such as the futurist and cubist pictures—things which are like nothing in heaven or earth, but may symbolize something at higher levels—are at present in a transition stage; it is half done work. They always say that children should not be allowed to see half done work. Some of us are only children in this respect, so we do not appreciate it; but when it is completed it may be a great success. The song of life is not one part, but a whole orchestra; it is a vast number of melodies all run together, and it may be that the votaries of the new art are reaching up towards another manifestation which as yet we do not see.

Nhiều hình thức nghệ thuật mới hơn, chẳng hạn như tranh tương lai và tranh lập thể—những thứ không giống bất cứ thứ gì trên trời hay đất, nhưng có thể tượng trưng cho điều gì đó ở các cấp độ cao hơn—hiện đang ở giai đoạn chuyển tiếp; đó là công việc làm dở dang. Họ luôn nói rằng trẻ em không nên được phép nhìn thấy công việc làm dở dang. Một số chúng ta chỉ là trẻ em trong khía cạnh này, vì vậy chúng ta không đánh giá cao nó; nhưng khi nó hoàn thành, nó có thể là một thành công lớn. Bài ca của sự sống không phải là một phần, mà là cả một dàn nhạc; đó là một số lượng lớn các giai điệu hòa quyện với nhau, và có thể rằng những người theo nghệ thuật mới đang vươn tới một biểu hiện khác mà chúng ta chưa thấy.

Great changes may take place in art and music, as well as in religion, social reform and politics, when the World-Teacher comes. We think habitually of Him as leading us in religion only. I do not know why we should confine our ideas to that, because surely there is a great deal of human evolution outside of actual religious teaching. I do not mean that religious teaching ought not to permeate our entire life; I think it should, but that very religion may manifest itself in many different

Những thay đổi lớn có thể xảy ra trong nghệ thuật và âm nhạc, cũng như trong tôn giáo, cải cách xã hội và chính trị, khi Huấn Sư Thế Giới đến. Chúng ta thường nghĩ về Ngài như chỉ dẫn dắt chúng ta trong tôn giáo. Tôi không biết tại sao chúng ta lại giới hạn ý tưởng của mình vào điều đó, bởi vì chắc chắn có rất nhiều sự tiến hóa của con người ngoài việc giảng dạy tôn giáo thực tế. Tôi không có ý nói rằng giảng dạy tôn giáo không nên thấm nhuần toàn bộ cuộc sống của chúng ta; tôi nghĩ nó nên,

lines. It may therefore be that the Teacher will show us how these things should be done, that He will inspire not only the priest, but also the poet, the artist, the sculptor, the musician, and the scientist. When we get a more modern presentation of religion, one more in harmony with the particular stage of evolution which humanity has now reached, it may well be that that new statement will give us a wonderful impulse along all these lines. Very truly, His message will bring us nearer to the comprehension of the song of life in all ways. It will show us more of the underlying glory, and beauty, and harmony and order.

nhưng chính tôn giáo đó có thể tự biểu hiện theo nhiều hướng khác nhau. Do đó, có thể rằng Huấn Sư sẽ chỉ cho chúng ta cách thực hiện những điều này, rằng Ngài sẽ truyền cảm hứng không chỉ cho linh mục, mà còn cho nhà thơ, nghệ sĩ, nhà điêu khắc, nhạc sĩ và nhà khoa học. Khi chúng ta có một sự trình bày tôn giáo hiện đại hơn, một sự hài hòa hơn với giai đoạn tiến hóa cụ thể mà nhân loại hiện đã đạt được, có thể rằng tuyên bố mới đó sẽ mang lại cho chúng ta một động lực tuyệt vời theo tất cả các hướng này. Rất đúng, thông điệp của Ngài sẽ đưa chúng ta đến gần hơn với sự thấu hiểu bài ca của sự sống theo mọi cách. Nó sẽ cho chúng ta thấy nhiều hơn về vinh quang, vẻ đẹp, sự hài hòa và trật tự tiềm ẩn.

It is important to realize order. We are now passing through a democratic phase of things, in connection with which it seems inevitable that there should be considerable manifestation of disorder; some people, in fact, rather glory in disorder, call it individualism, and say that every man must go his own way no matter what happens to the rest. It *is* necessary that people should learn to be able to go their own way; it is also necessary that, when they have done that, they should also learn to subordinate their wills to the Divine Will. Having developed the power to stand alone, and the powers to act and think, they must learn to use them only in the right direction. One must have a will to subordinate to the Divine Will. When a man has no will life is quite easy, because he lets everything drift and trusts in “Providence”. The people who have developed a will sometimes assert it against the Divine Will, and really it seems better for their evolution that people should be strong enough thus to go wrong in order that they may presently go right, because the people who have not the will to do either good or evil are not likely to be particularly useful, nor to go very far.[71]

Điều quan trọng là nhận ra trật tự. Chúng ta hiện đang trải qua một giai đoạn dân chủ của mọi thứ, trong đó dường như không thể tránh khỏi rằng sẽ có sự biểu hiện đáng kể của sự hỗn loạn; một số người, thực tế, khá tự hào về sự hỗn loạn, gọi đó là chủ nghĩa cá nhân, và nói rằng mỗi người phải đi theo con đường của riêng mình bất kể điều gì xảy ra với những người khác. Cần thiết là mọi người phải học cách có thể đi theo con đường của riêng mình; cũng cần thiết là, khi họ đã làm điều đó, họ cũng phải học cách phục tùng ý chí của mình cho Ý Chí Thiêng Liêng. Sau khi phát triển khả năng đứng một mình, và khả năng hành động và suy nghĩ, họ phải học cách chỉ sử dụng chúng theo hướng đúng đắn. Một người phải có ý chí để phục tùng Ý Chí Thiêng Liêng. Khi một người không có ý chí, cuộc sống khá dễ dàng, vì y để mọi thứ trôi đi và tin tưởng vào "Sự Quan Phòng". Những người đã phát triển ý chí đôi khi khẳng định nó chống lại Ý Chí Thiêng Liêng, và thực sự có vẻ tốt hơn cho sự tiến hóa của họ rằng mọi người nên đủ mạnh để đi sai đường để họ có thể đi đúng đường, bởi vì những người không có ý chí để làm điều tốt hay điều xấu không có khả năng đặc biệt hữu ích, cũng không đi xa.

To follow the Divine Will is to listen to the song of life. The more we seek it the more we shall discover it. As we reach plane after plane, we shall hear it more grandly and more fully. It is said here that even now we may form some faint idea, may see some dim reflection of the splendour of the whole, because this song of life is within us, and if we look deep down we shall find it. We have the divine spirit, the divine breath within us. It is crusted over by what we call our human nature, and so the melody does not readily come through —the spark burns low. But it is there, and that spark is never separate, as we thought it. It is always part of the totality of the divine flame, and our duty is to make these lower selves of ours lamps through which that can shine. There is always within us a manifestation of the divine which is not soiled or in any way clouded by its association with matter. If we can realize ourselves as that, matter will no longer have any power over us; but to do that fully means a very high development—perhaps even more than Adeptship. Always there is that manifestation, absolutely unstained, unclouded, untouched; if we can realize even a little our oneness with that, feel that that is "I", we shall hear the song of life always. However we may be surrounded by the struggle and clash of the lower worlds, that song will always be sung within us; we shall do our work in the outer world in utter peace and contentment, because we know that within is the only real truth and all the rest is merely a temporary manifestation. Some touch with our own higher consciousness or that of the Master is often the beginning of the hearing of this melody; it brings a sense of that inner life, of rejoicing, of bliss, of conquest, a feeling that you have been victorious in a

Theo Ý Chí Thiêng Liêng là lắng nghe bài ca của sự sống. Càng tìm kiếm nó, chúng ta càng khám phá ra nó. Khi chúng ta đạt đến cõi này sau cõi khác, chúng ta sẽ nghe thấy nó một cách hùng vĩ và đầy đủ hơn. Ở đây nói rằng ngay cả bây giờ chúng ta có thể hình thành một ý tưởng mờ nhạt, có thể thấy một phản chiếu mờ nhạt của sự huy hoàng của toàn bộ, bởi vì bài ca của sự sống nằm trong chúng ta, và nếu chúng ta nhìn sâu vào bên trong, chúng ta sẽ tìm thấy nó. Chúng ta có tinh thần thiêng liêng, hơi thở thiêng liêng trong chúng ta. Nó bị che phủ bởi những gì chúng ta gọi là bản chất con người của chúng ta, và do đó giai điệu không dễ dàng truyền qua—tia lửa cháy yếu. Nhưng nó ở đó, và tia lửa đó không bao giờ tách rời, như chúng ta đã nghĩ. Nó luôn là một phần của ngọn lửa thiêng liêng tổng thể, và nhiệm vụ của chúng ta là làm cho những phàm ngã thấp hơn của chúng ta trở thành những ngọn đèn qua đó nó có thể chiếu sáng. Luôn có trong chúng ta một biểu hiện của thiêng liêng không bị vấy bẩn hay bị che mờ bởi sự liên kết với vật chất. Nếu chúng ta có thể nhận ra bản thân mình là điều đó, vật chất sẽ không còn có quyền lực nào đối với chúng ta; nhưng để làm điều đó hoàn toàn có nghĩa là một sự phát triển rất cao—có lẽ thậm chí hơn cả Đạo đồ. Luôn có biểu hiện đó, hoàn toàn không bị vấy bẩn, không bị che mờ, không bị chạm đến; nếu chúng ta có thể nhận ra dù chỉ một chút sự hợp nhất của chúng ta với điều đó, cảm nhận rằng đó là "Tôi", chúng ta sẽ luôn nghe thấy bài ca của sự sống. Dù chúng ta có bị bao quanh bởi sự đấu tranh và va chạm của các cõi thấp, bài ca đó sẽ luôn được hát trong chúng ta; chúng ta sẽ làm công việc của mình trong thế giới bên ngoài trong sự bình yên và hài lòng tuyệt đối, bởi vì chúng ta biết rằng bên trong là sự thật duy nhất và tất cả những thứ khác chỉ là một biểu hiện tạm thời. Một số tiếp xúc với tâm

[71] *Ante,* Vol. II, p, 131.

great struggle.

thức cao hơn của chính chúng ta hoặc của Chân sư thường là sự khởi đầu của việc nghe thấy giai điệu này; nó mang lại một cảm giác về cuộc sống nội tâm đó, về niềm vui, về hạnh phúc, về sự chinh phục, một cảm giác rằng bạn đã chiến thắng trong một cuộc đấu tranh lớn.

The Master's note continues:

Ghi chú của Chân sư tiếp tục:

> He that chooses evil refuses to look within himself, shuts his ears to the melody of his heart, as he blinds his eyes to the light of his soul. He does this because he finds it easier to live in desires. But underneath all life is the strong current that cannot be checked; the great waters are there in reality. Find them and you will perceive that none, not the most wretched of creatures, but is a part of it, however he blind himself to the fact and build up for himself a phantasmal outer form of horror.

> Người chọn điều ác từ chối nhìn vào bên trong mình, đóng tai trước giai điệu của trái tim mình, như y che mắt trước ánh sáng của linh hồn mình. Y làm điều này vì y thấy dễ dàng hơn để sống trong những ham muốn. Nhưng bên dưới tất cả sự sống là dòng chảy mạnh mẽ không thể bị ngăn chặn; những dòng nước lớn thực sự ở đó. Tìm chúng và bạn sẽ nhận thấy rằng không ai, không phải là sinh vật khốn khổ nhất, mà không phải là một phần của nó, dù y có tự che mắt trước sự thật và xây dựng cho mình một hình thức bên ngoài đầy kinh hoàng.

If a man chooses evil it is because he refuses to look deep within himself. It is scarcely that he chooses evil intentionally, but as he never goes deep down into himself at all, he mistakes his astral vehicle for himself, and so lives in his desires, following the lower path because he wants to satisfy them. It is because he will not face the facts of life that he is working against the current of evolution. Long after he has reached the point where he could change over to the higher life he usually averts his face; it is too uncomfortable for him to realize that he has gone far on the wrong road, that he will have to turn round and face a great deal of hard work and trouble and sorrow, arising from the fact that he has set up an impetus in the wrong direction. It may not seem to be a very serious matter that there are many people in that state, but if a man having

Nếu một người chọn điều ác, đó là vì y từ chối nhìn sâu vào bên trong mình. Không hẳn là y chọn điều ác một cách có chủ ý, nhưng vì y không bao giờ đi sâu vào bên trong mình, y nhầm lẫn thể cảm dục của mình với bản thân, và do đó sống trong những ham muốn của mình, theo con đường thấp hơn vì y muốn thỏa mãn chúng. Đó là vì y không đối mặt với sự thật của cuộc sống mà y đang làm việc chống lại dòng chảy của tiến hóa. Lâu sau khi y đã đạt đến điểm mà y có thể chuyển sang cuộc sống cao hơn, y thường quay mặt đi; quá khó chịu cho y để nhận ra rằng y đã đi xa trên con đường sai, rằng y sẽ phải quay lại và đối mặt với rất nhiều công việc khó khăn và rắc rối và đau khổ, phát sinh từ thực tế rằng y đã tạo ra một động lực theo hướng sai. Có thể không có vẻ là một vấn đề rất nghiêm trọng rằng có nhiều người ở trạng thái đó, nhưng nếu một

those characteristics reaches a position in which he has it in his power to do much good or much evil, he is in very great danger from the point of view of occult progress.

When one reads passages like this, one thinks usually of a man who takes up black magic on a grand scale, but it is equally true with regard to smaller matters. The man who will not face facts is very liable to be led away into the easier but more dangerous path. He will do what is easy, instead of what is right. We have to see ourselves frankly as we are. The man who wilfully declines to do so has probably reason to fear that if he did see himself face to face he might not like the prospect. Still, it is possible to err in the opposite way; to fall into a condition of morbid introspection is really a serious trouble and difficulty, as we saw in studying *At the feet of the Master.*[72] The people who are always pulling themselves up by the roots to see how they are growing do not make progress. The great thing is to make sure that you are set in the right direction, that you are trying to work for good, and then go quietly and steadily on and do the best you can. Do not worry about your own progress. It is necessary, truly, that you should make progress, but the best progress is made when you are not thinking of it, when you have lost all thought of yourself in doing some good and useful work for others.[173] Such advance as I have myself been able to make in the course of the last forty-five years has come absolutely and entirely from throwing myself into any work that had to be done, and leaving the question of advancement to take care of itself.

It is true that the man who blinds himself to the fact that he is divine builds for himself a

người có những đặc điểm đó đạt đến một vị trí mà y có quyền lực để làm nhiều điều tốt hoặc nhiều điều ác, y đang gặp nguy hiểm rất lớn từ quan điểm tiến hóa huyền bí.

Khi đọc những đoạn như thế này, người ta thường nghĩ đến một người tham gia vào hắc thuật trên quy mô lớn, nhưng điều đó cũng đúng với những vấn đề nhỏ hơn. Người không đối mặt với sự thật rất dễ bị dẫn dắt vào con đường dễ dàng nhưng nguy hiểm hơn. Y sẽ làm những gì dễ dàng, thay vì những gì đúng. Chúng ta phải nhìn nhận bản thân một cách thẳng thắn như chúng ta đang có. Người cố ý từ chối làm điều đó có lẽ có lý do để sợ rằng nếu y nhìn thấy bản thân mình đối diện, y có thể không thích viễn cảnh. Tuy nhiên, có thể mắc sai lầm theo cách ngược lại; rơi vào tình trạng tự kiểm tra bệnh lý thực sự là một rắc rối và khó khăn nghiêm trọng, như chúng ta đã thấy khi nghiên cứu Dưới Chân Thầy. Những người luôn tự kéo mình lên để xem họ đang phát triển như thế nào không tiến bộ. Điều quan trọng là đảm bảo rằng bạn đang đi đúng hướng, rằng bạn đang cố gắng làm việc vì điều tốt, và sau đó tiếp tục một cách yên tĩnh và ổn định và làm tốt nhất có thể. Đừng lo lắng về sự tiến bộ của bản thân. Thực sự cần thiết là bạn phải tiến bộ, nhưng sự tiến bộ tốt nhất đạt được khi bạn không nghĩ về nó, khi bạn đã mất hết suy nghĩ về bản thân trong việc làm một số công việc tốt và hữu ích cho người khác. Sự tiến bộ mà tôi đã có thể đạt được trong suốt bốn mươi lăm năm qua hoàn toàn và hoàn toàn đến từ việc dấn thân vào bất kỳ công việc nào cần phải làm, và để lại câu hỏi về sự tiến bộ tự chăm sóc.

Đúng là người tự che mắt trước sự thật rằng y là thiêng liêng xây dựng cho mình một hình

[72] *Ante,* Vol. I, Part II, Ch. 5: *Unselfishness and the Divine Life*

[73] *Ante,* pp. 55, 162

form of horror. Our difficulty in dealing with him is that what we meet down here is the form of horror and not the soul behind. Nevertheless, we have to try to realize that that soul is there. I believe I have mentioned before that I had a certain amount of experience as a lay helper in the Church in my younger days in one of the worst parts of London. In the course of my experience there I met with people who were perhaps as low and degraded as any one would be likely to find in the world. They had no thought of gaining any sort of honest or reputable livelihood. Their only idea of life was to steal and to commit outrages of various kinds. They knew absolutely nothing more. Those who live under better conditions have very little conception of life among the real London poor. I have known five families living in one room—one in each corner and one in the middle. They got on fairly well in a curious pigsty sort of way, until the party in the middle took in a lodger, and then there was a fight. In the newer countries there is scarcely anything resembling the slums of Britain. In every race there are men more and less advanced, but in Britain we have produced extreme conditions, because we have not always lived up to our powers and responsibilities. In some cases we have massacred savage races, have slaughtered them as wild beasts, have gone out to shoot them as men shoot game. In many instances those who were so treated have in consequence incarnated in our own race, and become slum-dwellers. Though they are given the opportunity of a body of a superior race they are usually unable to take much advantage of it, especially while their surroundings are so bad.

thức kinh hoàng. Khó khăn của chúng ta trong việc đối phó với y là những gì chúng ta gặp ở đây là hình thức kinh hoàng chứ không phải linh hồn đằng sau. Tuy nhiên, chúng ta phải cố gắng nhận ra rằng linh hồn đó ở đó. Tôi tin rằng tôi đã đề cập trước đây rằng tôi đã có một số kinh nghiệm như một người trợ giúp giáo dân trong Nhà thờ khi còn trẻ ở một trong những khu vực tồi tệ nhất của London. Trong quá trình kinh nghiệm của tôi ở đó, tôi đã gặp những người có lẽ thấp kém và suy đồi như bất kỳ ai có thể tìm thấy trên thế giới. Họ không có ý nghĩ nào về việc kiếm sống một cách trung thực hay đáng kính. Ý tưởng duy nhất của họ về cuộc sống là ăn cắp và phạm tội ác dưới nhiều hình thức khác nhau. Họ hoàn toàn không biết gì hơn. Những người sống trong điều kiện tốt hơn rất ít có khái niệm về cuộc sống trong số những người nghèo thực sự của London. Tôi đã biết năm gia đình sống trong một phòng—một ở mỗi góc và một ở giữa. Họ sống khá tốt trong một cách kỳ lạ như chuồng lợn, cho đến khi bên ở giữa nhận một người thuê trọ, và sau đó có một cuộc chiến. Ở các nước mới hơn, hầu như không có gì giống như các khu ổ chuột của Anh. Trong mọi chủng tộc đều có những người tiến bộ hơn và kém tiến bộ hơn, nhưng ở Anh chúng ta đã tạo ra những điều kiện cực đoan, bởi vì chúng ta không phải lúc nào cũng sống đúng với khả năng và trách nhiệm của mình. Trong một số trường hợp, chúng ta đã tàn sát các chủng tộc man rợ, đã giết họ như những con thú hoang, đã ra ngoài để bắn họ như người ta bắn thú. Trong nhiều trường hợp, những người bị đối xử như vậy đã tái sinh trong chủng tộc của chúng ta, và trở thành cư dân khu ổ chuột. Mặc dù họ được trao cơ hội có một cơ thể của một chủng tộc cao cấp hơn, họ thường không thể tận dụng nhiều lợi thế của nó, đặc biệt là khi môi trường xung quanh của họ quá tồi tệ.

When people are living under conditions like that I do not think we can expect anything

Khi mọi người sống trong những điều kiện như vậy, tôi không nghĩ rằng chúng ta có thể

very high in the way of morality, or humanity. These people, with a record of crime behind them, with a heredity of crime from their fathers and mothers, and living under terrible conditions such as I have described, nevertheless always had some little spark of something better in them—a little kindness that they would show towards a sick neighbour, to a child, to a dog. I remember one man who was a very bad case indeed, and I think the only gleam of anything I saw of good in him was that he had a strong affection for a dog, and would share his last morsel with him. The divine spark exists in every one of those people, and will show through when you least expect it. You know it' is always there, and that is something to work upon. If there should ever be a case where you cannot find any trace of it, be sure all the same that it is there.

mong đợi điều gì đó rất cao về mặt đạo đức, hay nhân đạo. Những người này, với một hồ sơ tội phạm phía sau họ, với một di truyền tội phạm từ cha mẹ của họ, và sống trong những điều kiện khủng khiếp như tôi đã mô tả, tuy nhiên luôn có một tia sáng nhỏ của điều gì đó tốt hơn trong họ—một chút lòng tốt mà họ sẽ thể hiện đối với một người hàng xóm ốm yếu, với một đứa trẻ, với một con chó. Tôi nhớ một người đàn ông thực sự là một trường hợp rất tồi tệ, và tôi nghĩ tia sáng duy nhất của điều gì đó tốt mà tôi thấy ở y là y có một tình cảm mạnh mẽ đối với một con chó, và sẽ chia sẻ miếng ăn cuối cùng của mình với nó. Tia sáng thiêng liêng tồn tại trong mỗi người trong số những người đó, và sẽ thể hiện khi bạn ít mong đợi nhất. Bạn biết nó luôn ở đó, và đó là điều để làm việc. Nếu có trường hợp nào mà bạn không thể tìm thấy bất kỳ dấu vết nào của nó, hãy chắc chắn rằng nó vẫn ở đó.

While we should always try to remember the glory that is behind a man, and that it will be in evidence in some future life, we have yet to face the fact that the external presentment at present is often very defective. We must try to help the divine spark to manifest, though we shall find cases in which we can scarcely touch it. It is not given to every one to find the way. We meet with persons for whom we cannot do very much. We try; we do our best; it may not be the man's karma that we should be able to help him; it may not be our karma to be strong enough to find the way in that particular case. In these affairs we must always remember the importance of common sense, and must not permit ourselves to be swept away from that into helplessness or despair on the one side, or into any kind of sentimentality which will blind us to obvious facts on the other. It is often said that there is only one step between the sublime and the ridiculous, and one may sometimes make that which is noble and beautiful quite ridiculous by pursuing it too

Trong khi chúng ta luôn cố gắng nhớ đến vinh quang đằng sau một người, và rằng nó sẽ được thể hiện trong một cuộc sống tương lai nào đó, chúng ta vẫn phải đối mặt với thực tế rằng sự trình bày bên ngoài hiện tại thường rất khiếm khuyết. Chúng ta phải cố gắng giúp tia sáng thiêng liêng thể hiện, mặc dù chúng ta sẽ gặp những trường hợp mà chúng ta hầu như không thể chạm vào nó. Không phải ai cũng có thể tìm ra cách. Chúng ta gặp những người mà chúng ta không thể làm được nhiều. Chúng ta cố gắng; chúng ta làm hết sức mình; có thể không phải là nghiệp quả của người đó mà chúng ta có thể giúp y; có thể không phải là nghiệp quả của chúng ta để đủ mạnh để tìm ra cách trong trường hợp cụ thể đó. Trong những vấn đề này, chúng ta luôn phải nhớ tầm quan trọng của lẽ thường, và không được phép để mình bị cuốn đi khỏi điều đó vào sự bất lực hoặc tuyệt vọng ở một bên, hoặc vào bất kỳ loại tình cảm nào sẽ làm mờ mắt chúng ta trước những sự thật rõ ràng ở bên kia. Người ta thường nói rằng chỉ có một bước giữa sự cao cả

far, or carrying it to an exaggerated length. There are many such instances and possibilities in connection with our Theosophical teaching and work.

và sự lố bịch, và đôi khi người ta có thể làm cho điều gì đó cao quý và đẹp đẽ trở nên lố bịch bằng cách theo đuổi nó quá xa, hoặc mang nó đến một mức độ phóng đại. Có nhiều trường hợp và khả năng như vậy liên quan đến việc giảng dạy và công việc Thông Thiên Học của chúng ta.

The divine life is in every one, but in many cases it may be showing itself but poorly and dimly. We have then to deal with the matter as it stands. On the physical plane, for our life as a community, we must have certain laws. Those who offended against those laws, who become what is called habitual criminals, must be dealt with in some way that will help both them and the community. I know that some people carry the idea of the indwelling light so far that they say the criminal ought not to be restrained. That seems to me to be foolish, because we should then be delivering ourselves over into the hands of the criminal, and life and order and progress would become impossible for thousands of people whose opportunity of progress is very much better, who are far more important for the progress of the world than that criminal.

Cuộc sống thiêng liêng tồn tại trong mỗi người, nhưng trong nhiều trường hợp nó có thể chỉ thể hiện một cách nghèo nàn và mờ nhạt. Chúng ta phải đối phó với vấn đề như nó đang có. Trên cõi hồng trần, đối với cuộc sống của chúng ta như một cộng đồng, chúng ta phải có những luật lệ nhất định. Những người vi phạm những luật lệ đó, những người trở thành cái gọi là tội phạm thường xuyên, phải được xử lý theo cách nào đó sẽ giúp cả họ và cộng đồng. Tôi biết rằng một số người mang ý tưởng về ánh sáng nội tại đi xa đến mức họ nói rằng tội phạm không nên bị kiềm chế. Điều đó dường như đối với tôi là ngu ngốc, bởi vì chúng ta sẽ giao mình vào tay của tội phạm, và cuộc sống và trật tự và tiến bộ sẽ trở nên không thể đối với hàng ngàn người có cơ hội tiến bộ tốt hơn rất nhiều, những người quan trọng hơn nhiều đối với sự tiến bộ của thế giới so với tội phạm đó.

We must do no wrong to our criminal. We should treat him as a case, as a sick man, rather than as a wicked man, because the habitual criminal is a person who is mentally defective. Clever he may be along certain lines, but he is certainly deficient in other ways. He is unable to see the necessity for unselfishness and unity and solidarity, otherwise he could not be the habitual criminal. Those who have read the works of Prof. Lombroso will remember that, after a long series of experiments, he came to the conclusion that all habitual criminals were defective in brain, and that in all cases, clever though they may be, their brains weighed less than the brains of

Chúng ta không được làm sai đối với tội phạm của mình. Chúng ta nên đối xử với y như một trường hợp, như một người bệnh, hơn là như một người xấu xa, bởi vì tội phạm thường xuyên là một người bị khiếm khuyết về mặt tinh thần. Y có thể thông minh theo một số hướng nhất định, nhưng chắc chắn y thiếu sót theo những cách khác. Y không thể thấy sự cần thiết của sự vị tha và sự đoàn kết và sự đoàn kết, nếu không y không thể là tội phạm thường xuyên. Những người đã đọc các tác phẩm của Giáo sư Lombroso sẽ nhớ rằng, sau một loạt các thí nghiệm dài, ông đã đi đến kết luận rằng tất cả các tội phạm thường xuyên đều bị khiếm khuyết về não, và trong tất cả các

normal men. He said that certain parts of the brain were not yet in activity in them.

trường hợp, dù thông minh đến đâu, não của họ nặng hơn não của những người bình thường. Ông nói rằng một số phần của não chưa hoạt động trong họ.

The usual idea of taking revenge upon the criminal is surely quite the wrong way to approach the matter. It seems to me unworthy of a civilized body of people. We must protect ourselves against the attacks of the criminal classes, but since they are also men and brothers even though very much younger brothers, we should try in protecting ourselves to help and educate them, not to be revenged upon them. There is an idea that other crimes may be prevented by making an awful example of one person.[74] That is doing evil that good may come; history shows that good does not come in that way.

Ý tưởng thông thường về việc trả thù tội phạm chắc chắn là cách tiếp cận sai lầm đối với vấn đề. Điều đó dường như đối với tôi là không xứng đáng với một cơ thể văn minh của con người. Chúng ta phải bảo vệ mình khỏi các cuộc tấn công của các tầng lớp tội phạm, nhưng vì họ cũng là con người và huynh đệ dù là những huynh đệ trẻ hơn rất nhiều, chúng ta nên cố gắng trong việc bảo vệ mình để giúp đỡ và giáo dục họ, không phải để trả thù họ. Có một ý tưởng rằng các tội ác khác có thể được ngăn chặn bằng cách làm một ví dụ khủng khiếp của một người. Đó là làm điều ác để điều tốt có thể đến; lịch sử cho thấy rằng điều tốt không đến theo cách đó.

All these forms of horror are phantasmagoric. They have no existence in the divine reality. They say in China that evil is but a dark shadow of good. We have produced most of the evil in the world because we have not worked in harmony with the divine laws in this life or in past lives. If it were possible that we could all work in harmony with them, evil would be eliminated. It was necessary that some free will should be gained in order that we might learn how to use it, but quite naturally and with no blame attached to anybody we have used our free will wrongly about as often as rightly, and the consequence of that has been the introduction of what we call evil into the world. But always it is a mere surface disturbance, always in the deep waters behind are the great currents of the divine life, and the evolution which the Logos has mapped out for us. Those are the permanent realities of life. The other is only

Tất cả những hình thức kinh hoàng này đều là ảo ảnh. Chúng không tồn tại trong thực tế thiêng liêng. Họ nói ở Trung Quốc rằng điều ác chỉ là một cái bóng đen của điều tốt. Chúng ta đã tạo ra hầu hết điều ác trên thế giới bởi vì chúng ta không làm việc hài hòa với các luật thiêng liêng trong cuộc sống này hoặc trong các cuộc sống trước. Nếu có thể rằng tất cả chúng ta có thể làm việc hài hòa với chúng, điều ác sẽ bị loại bỏ. Cần thiết là một số ý chí tự do phải được đạt được để chúng ta có thể học cách sử dụng nó, nhưng hoàn toàn tự nhiên và không có lỗi gán cho bất kỳ ai, chúng ta đã sử dụng ý chí tự do của mình sai lầm khoảng như thường xuyên như đúng, và hậu quả của điều đó đã là sự giới thiệu của cái mà chúng ta gọi là điều ác vào thế giới. Nhưng luôn luôn đó chỉ là một sự xáo trộn bề mặt, luôn luôn trong những dòng nước sâu phía sau là những dòng chảy lớn của cuộc sống thiêng liêng, và sự tiến hóa mà Thượng đế đã vạch ra cho chúng ta. Đó

[74] *Ante.,* Vol. I, Part V, Ch. 4: *Cruelty*

superficial, though to us it often seems of tremendous importance and of very great power. In reality, as compared to the rest, it is not at all a powerful thing. The great waters are not affected by anything that we can see. In some mysterious way it is true that “Blindly the wicked work the righteous will of heaven,” as Southey said. In that sense it is that 1 say to you: All those beings among whom you struggle on are fragments of the Divine. And so deceptive is the illusion in which you live that it is hard to guess where you will first detect the sweet voice in the hearts of others. But know that it is certainly within yourself. Look for it there, and once having heard it, you will more readily recognize it around you.

là những thực tế vĩnh viễn của cuộc sống. Cái khác chỉ là bề mặt, mặc dù đối với chúng ta nó thường có vẻ rất quan trọng và rất mạnh mẽ. Thực tế, so với phần còn lại, nó không phải là một điều mạnh mẽ chút nào. Những dòng nước lớn không bị ảnh hưởng bởi bất cứ điều gì mà chúng ta có thể thấy. Một cách bí ẩn nào đó, điều đó đúng rằng "Mù quáng những kẻ ác làm việc ý chí công chính của thiên đường," như Southey đã nói. Theo nghĩa đó, tôi nói với bạn: Tất cả những sinh vật mà bạn đang đấu tranh cùng là những mảnh vỡ của Thiêng Liêng. Và ảo tưởng mà bạn sống trong đó rất lừa dối đến mức khó đoán được bạn sẽ phát hiện ra giọng nói ngọt ngào trong trái tim của người khác ở đâu trước tiên. Nhưng hãy biết rằng nó chắc chắn nằm trong chính bạn. Hãy tìm kiếm nó ở đó, và một khi đã nghe thấy nó, bạn sẽ dễ dàng nhận ra nó xung quanh bạn hơn.

If we can look at things from the point of view of the ego in the causal body, still more if we can penetrate to the next plane, the buddhic, we shall see the real meaning of all this. It is no longer one little part of.the lower side of it all that we then see, but the whole thing; and we can realize what the proportion is, and see how really small it is, how “The evil is null, is naught, is silence implying sound.” That is truer than perhaps Browning knew when he wrote it. Behind and beyond and above all the evil we may be very sure that the great current is steadily flowing, that the song of life is to be heard, if we go down deep enough to hear it, for the soul of things is sweet, and the heart of being is celestial rest as the Lord Buddha told us long ago.

Nếu chúng ta có thể nhìn mọi thứ từ góc độ của chân ngã trong thể nguyên nhân, và hơn nữa nếu chúng ta có thể thâm nhập vào cõi tiếp theo, cõi Bồ đề, chúng ta sẽ thấy ý nghĩa thực sự của tất cả điều này. Không còn là một phần nhỏ của mặt thấp hơn mà chúng ta thấy, mà là toàn bộ sự việc; và chúng ta có thể nhận ra tỷ lệ thực sự của nó, và thấy nó thực sự nhỏ bé như thế nào, như câu "Cái ác là vô nghĩa, là hư không, là sự im lặng ngụ ý âm thanh." Điều đó đúng hơn có lẽ Browning đã biết khi ông viết nó. Đằng sau và vượt lên trên tất cả cái ác, chúng ta có thể rất chắc chắn rằng dòng chảy lớn đang chảy đều đặn, rằng bài ca của sự sống có thể được nghe thấy, nếu chúng ta đi sâu đủ để nghe nó, vì linh hồn của mọi thứ là ngọt ngào, và trái tim của bản thể là sự nghỉ ngơi thiên đàng như Đức Phật đã nói với chúng ta từ lâu.

We have to find the way to God by the cultivation of the spark until it becomes a flame. It will then burn away the walls that

Chúng ta phải tìm đường đến Thượng đế bằng cách nuôi dưỡng tia lửa cho đến khi nó trở thành ngọn lửa. Nó sẽ thiêu đốt những bức

the individuality has built up, but in destroying them it will not lose the strength and definiteness which it gained in building and using them. So the power which it thus gains will enable it eventually to act not as a spark, but as a sun radiating life and light through a vast solar system, and then, indeed, man will have become as God.

tường mà cá nhân đã xây dựng, nhưng khi phá hủy chúng, nó sẽ không mất đi sức mạnh và sự rõ ràng mà nó đã đạt được khi xây dựng và sử dụng chúng. Vì vậy, sức mạnh mà nó đạt được sẽ cho phép nó cuối cùng hành động không phải như một tia lửa, mà như một mặt trời tỏa sáng sự sống và ánh sáng qua một hệ mặt trời rộng lớn, và khi đó, thực sự, con người sẽ trở thành như Thượng đế.

We may now consider the Chohan's comment on Rule 5:

Chúng ta có thể xem xét bình luận của Đức Đế Quân về Quy luật 5:

> Life itself has speech and is never silent. And its utterance is not, as you that are deaf may suppose, a cry: it is a song. Learn from it that you are part of the harmony; learn from it to obey the laws of the harmony.

> Chính sự sống có tiếng nói và không bao giờ im lặng. Và sự phát ngôn của nó không phải, như bạn là người điếc có thể cho rằng, là một tiếng kêu: đó là một bài ca. Hãy học từ nó rằng bạn là một phần của sự hài hòa; hãy học từ nó để tuân theo các luật của sự hài hòa.

Down here on the surface one sees plenty of confusion, of crying and sorrow and misery and grasping and overreaching and ill-will, and one might well think that if one could penetrate to the heart of life one would find it a cry for help, a cry of misery; but it is not—one will find it is not a cry, but a song. Whatever the spray on the surface may do, whatever currents and eddies may be seen here by our outward eyes, the mighty current goes steadily on, and it is that which counts, that which makes the mark.

Ở đây, trên bề mặt, người ta thấy rất nhiều sự hỗn loạn, tiếng kêu và nỗi buồn và khổ đau và tham lam và vượt quá và ác ý, và người ta có thể nghĩ rằng nếu có thể thâm nhập vào trái tim của sự sống, người ta sẽ thấy đó là một tiếng kêu cầu cứu, một tiếng kêu của khổ đau; nhưng không phải vậy—người ta sẽ thấy đó không phải là một tiếng kêu, mà là một bài ca. Dù cho bọt nước trên bề mặt có làm gì, dù cho dòng chảy và xoáy nước có thể được thấy ở đây bởi mắt ngoài của chúng ta, dòng chảy mạnh mẽ vẫn tiếp tục đều đặn, và đó là điều quan trọng, điều tạo nên dấu ấn.

The cry for rest and peace is often all that we can hear in the physical world. When we rise to the higher planes we realize that the whole current of life which flows from within is not uttering any cry for rest, but is singing a glorious song of triumph as it flows steadily onward in the way which God has appointed for it. You may learn from that song, as is said

Tiếng kêu cầu nghỉ ngơi và hòa bình thường là tất cả những gì chúng ta có thể nghe thấy trong thế giới vật chất. Khi chúng ta vươn lên các cõi cao hơn, chúng ta nhận ra rằng toàn bộ dòng chảy của sự sống chảy từ bên trong không phát ra bất kỳ tiếng kêu cầu nghỉ ngơi nào, mà đang hát một bài ca vinh quang của chiến thắng khi nó chảy đều đặn theo con

here—you are part of the harmony and you may learn from it to obey the laws of the harmony. All this wonderful and glorious universe is an expression of God's will.; it moves steadily on as He means it to move, and all that we have to do, if we would only understand it, is to make ourselves an intelligent part of that movement, to see what it is that He wants us to do, and then do it.

đường mà Thượng đế đã chỉ định cho nó. Bạn có thể học từ bài ca đó, như đã nói ở đây—bạn là một phần của sự hài hòa và bạn có thể học từ nó để tuân theo các luật của sự hài hòa. Tất cả vũ trụ tuyệt vời và vinh quang này là một biểu hiện của ý chí của Thượng đế; nó di chuyển đều đặn như Ngài muốn nó di chuyển, và tất cả những gì chúng ta phải làm, nếu chúng ta chỉ hiểu nó, là làm cho mình trở thành một phần thông minh của sự chuyển động đó, để thấy điều gì Ngài muốn chúng ta làm, và sau đó làm điều đó.

There is no difficulty and there never has been any difficulty in knowing what He wants us to do, for religion in the world from the earliest times of which we have any record has taught precisely this with regard to the actions of men. They have had as 'many forms of belief, and as many different names for things, as there have been religions, but all of them are agreed as to what a man should do. That is the important thing, and it is strange that people cannot be induced to see that idea and to work with it. They all agree that the good man is the man of generous heart, the unselfish man, the kindly man who does not oppress others but tries in all ways to help them on their way—the man who is charitable to the poor, who will give food to the hungry and drink to the thirsty and clothes to those who are naked, and will visit those who are sick and in prison. These are the things of which Christ is reported to have spoken as deciding the fates of men.[75] In Buddhism, the last of the religions-founded by His great predecessor, the Lord Gautama Buddha, you will find exactly the same virtues laid down. When the present World-Teacher came to us in His incarnation as Shri Krishna He preached the same doctrine. There is a variation in certain outward forms and names which do not

Không có khó khăn và chưa bao giờ có khó khăn trong việc biết Ngài muốn chúng ta làm gì, vì tôn giáo trên thế giới từ những thời kỳ sớm nhất mà chúng ta có bất kỳ ghi chép nào đã dạy chính xác điều này liên quan đến hành động của con người. Họ đã có nhiều hình thức niềm tin, và nhiều tên gọi khác nhau cho mọi thứ, như đã có các tôn giáo, nhưng tất cả đều đồng ý về những gì một người nên làm. Đó là điều quan trọng, và thật kỳ lạ rằng mọi người không thể được thuyết phục để thấy ý tưởng đó và làm việc với nó. Tất cả đều đồng ý rằng người tốt là người có trái tim rộng lượng, người không ích kỷ, người tốt bụng không áp bức người khác mà cố gắng bằng mọi cách giúp đỡ họ trên con đường của họ—người từ thiện với người nghèo, người sẽ cho thức ăn cho người đói và nước uống cho người khát và quần áo cho những người không có, và sẽ thăm những người bệnh và trong tù. Đây là những điều mà Đức Christ được cho là đã nói đến khi quyết định số phận của con người. Trong Phật giáo, tôn giáo cuối cùng được sáng lập bởi vị tiền bối vĩ đại của Ngài, Đức Phật Gautama, bạn sẽ thấy chính xác những đức tính tương tự được đặt ra. Khi vị Giáo chủ Thế giới hiện tại đến với chúng ta trong sự nhập thể của Ngài là Shri Krishna, Ngài đã giảng dạy cùng một giáo lý. Có sự biến đổi trong một số hình thức và tên

[75] S. Matthew, 25, 35-40

matter, but the teaching itself has ever been the same. Yet although men have always been told, have always known what was God's will, it is very hard to get them to do it.

gọi bên ngoài không quan trọng, nhưng giáo lý tự nó luôn luôn giống nhau. Tuy nhiên, mặc dù con người luôn được bảo, luôn biết ý chí của Thượng đế là gì, rất khó để khiến họ thực hiện điều đó.

We read much of the simple life; the simplest lives of all 1 suppose were led by the hermits of old, are led even today in India by people who go forth into the jungle absolutely without anything, and devote themselves entirely to following the higher life. I am well aware that that often deteriorates some of them, and those who are supposed to be devoting themselves to the higher life are sometimes in reality not yet able fully to do so, are not yet at the level where they can spend a whole life in meditation. Thus there are yogis who have caused yoga to be criticized, and hermits who have brought disgrace upon the religion for which they are working. Still, the fact remains that the highest and simplest life of all is in reality the fullest life—the life which is lived wholly upon higher planes.

Chúng ta đọc nhiều về cuộc sống đơn giản; cuộc sống đơn giản nhất mà tôi cho là do các ẩn sĩ xưa kia dẫn dắt, thậm chí ngày nay ở Ấn Độ do những người đi vào rừng hoàn toàn không có gì, và hoàn toàn cống hiến cho việc theo đuổi cuộc sống cao hơn. Tôi biết rõ rằng điều đó thường làm suy thoái một số người trong số họ, và những người được cho là cống hiến cho cuộc sống cao hơn đôi khi thực sự chưa thể hoàn toàn làm như vậy, chưa đạt đến mức độ mà họ có thể dành cả cuộc đời trong thiền định. Do đó, có những yogi đã khiến yoga bị chỉ trích, và những ẩn sĩ đã mang lại sự ô nhục cho tôn giáo mà họ đang làm việc. Tuy nhiên, thực tế vẫn là cuộc sống cao nhất và đơn giản nhất thực sự là cuộc sống đầy đủ nhất —cuộc sống được sống hoàn toàn trên các cõi cao hơn.

That is not for all; most of us are on the line of karma yoga, or active service; our business is to work for the benefit of the world on the physical plane. The man who retires from the world should be working for it far more decidedly and strongly, but at the higher level. He does not retire to meditate in a jungle or a cave merely because he wants to get away from the rest of the world and save his own soul more easily in that way. He goes because, being already a soul which is saved, radiant, rejoicing, strong, a spiritual power, he feels that he can do greater work on higher planes than he could in a city, amid interferences from the physical plane.[76]

Điều đó không dành cho tất cả mọi người; hầu hết chúng ta đang trên con đường karma yoga, hoặc phụng sự tích cực; công việc của chúng ta là làm việc vì lợi ích của thế giới trên cõi hồng trần. Người rút lui khỏi thế giới nên làm việc cho nó một cách quyết đoán và mạnh mẽ hơn, nhưng ở mức độ cao hơn. Y không rút lui để thiền định trong rừng hoặc hang động chỉ vì y muốn tránh xa phần còn lại của thế giới và cứu rỗi linh hồn của mình dễ dàng hơn theo cách đó. Y đi vì, đã là một linh hồn được cứu rỗi, rạng rỡ, vui mừng, mạnh mẽ, một sức mạnh tinh thần, y cảm thấy rằng y có thể làm công việc lớn hơn trên các cõi cao hơn so với trong một thành phố, giữa những can thiệp từ cõi hồng trần.

[76] *Ante.,* Vol. I, Part V, Ch. 2: *Love in Daily Life;* Ch. 6: *Service;* Vol. Ill, p. 74.

Sometimes men have retired to the jungle merely to avoid the responsibilities and difficulties of worldly duty; but the man who has transcended worldly duty will find that it will fade away from him, and when the way thus opens up for him, he may permit himself to try the higher life of the sannyasi or monk. Yet even then in this period of the world's history that monastic life does not seem to be the way generally indicated. There is so much to do in the world that at least we must fulfil all our duties there before we may feel ourselves at liberty to retire from it and leave that work to others. It may be that when the great World-Teacher comes He will choose those who are to work upon these different lines. It may well be that among those who are young some may be chosen to lead the life of the monk. We do not know; but it is quite certain that He will need loving, active, willing helpers on the physical plane. For the moment let us do that work, because that comes to our hand to do. If when He comes He chooses to draw some of us away to do some higher work, then He will give us the power to do it, but for the moment let us do that, which is obviously our duty, and do it with all our might as unto the Lord and not unto men.

Đôi khi con người đã rút lui vào rừng chỉ để tránh trách nhiệm và khó khăn của nhiệm vụ thế gian; nhưng người đã vượt qua nhiệm vụ thế gian sẽ thấy rằng nó sẽ phai nhạt khỏi y, và khi con đường mở ra cho y, y có thể cho phép mình thử cuộc sống cao hơn của sannyasi hoặc tu sĩ. Tuy nhiên, ngay cả khi đó trong giai đoạn lịch sử thế giới này, cuộc sống tu viện dường như không phải là con đường được chỉ định chung. Có quá nhiều việc phải làm trên thế giới mà ít nhất chúng ta phải hoàn thành tất cả các nhiệm vụ của mình ở đó trước khi chúng ta có thể cảm thấy mình được tự do rút lui khỏi nó và để lại công việc đó cho người khác. Có thể khi vị Giáo chủ Thế giới vĩ đại đến, Ngài sẽ chọn những người sẽ làm việc trên những dòng khác nhau này. Có thể trong số những người trẻ tuổi, một số có thể được chọn để dẫn dắt cuộc sống của tu sĩ. Chúng ta không biết; nhưng chắc chắn rằng Ngài sẽ cần những người trợ giúp yêu thương, tích cực, sẵn lòng trên cõi hồng trần. Trong lúc này, hãy làm công việc đó, vì đó là điều rõ ràng là nhiệm vụ của chúng ta, và làm điều đó với tất cả sức mạnh của mình như thể làm cho Thượng đế chứ không phải cho con người.

6. Store in your memory the melody you hear.

6. Lưu giữ trong trí nhớ của bạn giai điệu mà bạn nghe thấy.

Only fragments of the great song come to your ears while yet you are but man. But if you listen to it, remember it faithfully, so that none which has reached you is lost, and endeavour to learn from it the meaning of the mystery which surrounds you. In time you will need no teacher. For as the individual has voice, so has that in which the individual exists.

Chỉ có những mảnh vỡ của bài ca vĩ đại đến tai bạn khi bạn vẫn chỉ là con người. Nhưng nếu bạn lắng nghe nó, hãy nhớ nó một cách trung thành, để không có gì đã đến với bạn bị mất đi, và cố gắng học từ nó ý nghĩa của bí ẩn bao quanh bạn. Theo thời gian, bạn sẽ không cần giáo viên. Vì cũng như cá nhân có tiếng nói, thì cái mà cá nhân tồn tại trong đó cũng có.

If you listen you will hear the great song sometimes; then remember it and never forget what you have heard, so that nothing that has reached you may be lost; in that way, by piecing together the fragments of the great song you may gradually learn from it the meaning of the mystery that surrounds you.

Nếu bạn lắng nghe, đôi khi bạn sẽ nghe thấy bài ca vĩ đại; sau đó hãy nhớ nó và không bao giờ quên những gì bạn đã nghe, để không có gì đã đến với bạn bị mất đi; theo cách đó, bằng cách ghép lại các mảnh vỡ của bài ca vĩ đại, bạn có thể dần dần học từ nó ý nghĩa của bí ẩn bao quanh bạn.

Life is a mystery to those who do not see it as a whole, and none of us can see it fully until we become one with the Logos of the system, the Logos of whom all this life is the expression. Only He can see it fully. We, as minute fragments (I know that is not philosophical, but it comes nearer to the fact than any other expression, I think), as tiny parts, of His consciousness, may identify ourselves to a greater or less extent with that great consciousness. And just in proportion as we do so shall we be able to see this, to sense it, to know it. Each one of us who is trying to hear the song of life is trying to piece together the fragments which he sees here and there.

Cuộc sống là một bí ẩn đối với những người không thấy nó như một tổng thể, và không ai trong chúng ta có thể thấy nó đầy đủ cho đến khi chúng ta trở thành một với Thượng đế của hệ thống, Thượng đế mà tất cả cuộc sống này là biểu hiện. Chỉ có Ngài mới có thể thấy nó đầy đủ. Chúng ta, như những mảnh nhỏ (tôi biết điều đó không phải là triết học, nhưng nó gần với thực tế hơn bất kỳ biểu hiện nào khác, tôi nghĩ), như những phần nhỏ bé của tâm thức của Ngài, có thể đồng hóa mình ở mức độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn với tâm thức vĩ đại đó. Và chỉ trong tỷ lệ mà chúng ta làm như vậy, chúng ta mới có thể thấy điều này, cảm nhận nó, biết nó. Mỗi người trong chúng ta đang cố gắng nghe bài ca của cuộc sống đang cố gắng ghép lại các mảnh vỡ mà y thấy ở đây và đó.

Probably the whole of nature is the expression of something which is simple; a very few simple forces under different conditions account for all we see around us; but we are not yet in a position to see exactly what these forces are and how the conditions work.[77] It seems at first strange, therefore, that the further we inquire in a scientific way into nature the greater is the complexity we find. You put on higher and higher powers to your microscope, for example, and you find that what seemed only a simple little speck is in reality a wonderfully complex organism. Until recently chemists used to think of an element, such as gold or iron, as a simple thing, but years ago, by clairvoyant sight,

Có lẽ toàn bộ tự nhiên là biểu hiện của một cái gì đó đơn giản; một vài mãnh lực đơn giản dưới các điều kiện khác nhau giải thích cho tất cả những gì chúng ta thấy xung quanh mình; nhưng chúng ta chưa ở vị trí để thấy chính xác những mãnh lực này là gì và các điều kiện hoạt động như thế nào. Do đó, lúc đầu có vẻ lạ rằng càng điều tra theo cách khoa học vào tự nhiên, chúng ta càng thấy sự phức tạp lớn hơn. Bạn đặt các công suất cao hơn và cao hơn vào kính hiển vi của mình, chẳng hạn, và bạn thấy rằng những gì dường như chỉ là một đốm nhỏ đơn giản thực sự là một sinh vật phức tạp tuyệt vời. Cho đến gần đây, các nhà hóa học thường nghĩ về một nguyên tố, chẳng hạn như vàng hoặc sắt, như một thứ đơn giản, nhưng nhiều năm

[77] *Ante,* p. 162-3

which goes far beyond the power of the microscope, we saw that it was a most complex object. We saw, for example, that what is commonly called a chemical atom of gold contains three thousand five hundred and forty-six of the ultimate physical atoms, and that they are moving in groups round their own centre of gravity in close imitation of the solar system.

So it would appear that the more deeply we investigate the more complex we find everything. Yet ultimately that is not true, because if we go further and further still we at last find that all is built of bubbles in koilon—built of nothing—and the whole material universe is in **a** way an illusion. Indeed, the Indian books told us this, long ago—that there is an ultimate simplicity behind all the complexity. We cannot speak with certainty because as yet we have not seen it, but it seems so probable that we may almost take it as a certainty that that same rule will hold good everywhere: that while the complexities are quite infinitely greater than we have thought them to be, yet behind all that lies absolute simplicity.

trước, bằng thị giác thông nhãn, vượt xa sức mạnh của kính hiển vi, chúng tôi đã thấy rằng nó là một đối tượng phức tạp nhất. Chúng tôi đã thấy, chẳng hạn, rằng cái được gọi là nguyên tử hóa học của vàng chứa ba nghìn năm trăm bốn mươi sáu nguyên tử vật lý tối hậu, và chúng đang di chuyển trong các nhóm xung quanh trung tâm trọng lực của chúng, bắt chước gần như hệ mặt trời.

Vì vậy, có vẻ như càng điều tra sâu, chúng ta càng thấy mọi thứ phức tạp hơn. Tuy nhiên, cuối cùng điều đó không đúng, bởi vì nếu chúng ta đi xa hơn và xa hơn nữa, cuối cùng chúng ta sẽ thấy rằng tất cả đều được xây dựng từ các bong bóng trong koilon—xây dựng từ hư không—và toàn bộ vũ trụ vật chất theo một cách nào đó là một ảo tưởng. Thực sự, các sách Ấn Độ đã nói với chúng ta điều này từ lâu—rằng có một sự đơn giản tối hậu đằng sau tất cả sự phức tạp. Chúng ta không thể nói chắc chắn vì chúng ta chưa thấy nó, nhưng có vẻ rất có khả năng rằng chúng ta có thể gần như coi đó là một sự chắc chắn rằng Quy luật đó sẽ áp dụng ở khắp mọi nơi: rằng trong khi sự phức tạp lớn hơn vô hạn so với những gì chúng ta đã nghĩ, nhưng đằng sau tất cả điều đó là sự đơn giản tuyệt đối.

7. Learn from it the lesson of harmony.	7. Học từ nó bài học về sự hài hòa.
You can stand upright now, firm as a rock amid the turmoil, obeying the Warrior who is thyself and thy king. Unconcerned in the battle save to do his bidding, having no longer any care as to the result of the battle, for one thing only is important, that the Warrior shall win, and you know he is incapable of defeat—standing thus, cool and awakened, use the hearing you have acquired by pain and by the destruction of pain.	Bạn có thể đứng thẳng bây giờ, vững chắc như một tảng đá giữa sự hỗn loạn, tuân theo Chiến binh vốn là chính bạn và là vua của bạn. Không quan tâm đến trận chiến ngoại trừ để thực hiện mệnh lệnh của Ngài, không còn lo lắng về kết quả của trận chiến, vì chỉ có một điều quan trọng, đó là Chiến binh sẽ chiến thắng, và bạn biết Ngài không thể bị đánh bại—đứng như vậy, bình tĩnh và tỉnh thức, sử dụng khả năng nghe mà bạn đã đạt được

qua đau khổ và sự tiêu diệt của đau khổ.

The great Venetian Master is describing here the state at which the man ought to have arrived when the higher self is the warrior, the one who fights. When the man recognizes that he is that warrior in truth, that he is that higher self, and that it is divine and within the Logos, then he becomes unconcerned as to the battle of life, except to do the bidding of that higher self.

Chân sư Venetian vĩ đại đang mô tả ở đây trạng thái mà con người nên đạt được khi chân ngã là chiến binh, người chiến đấu. Khi con người nhận ra rằng y thực sự là chiến binh đó, rằng y là chân ngã đó, và rằng nó là thiêng liêng và nằm trong Thượng đế, thì y trở nên không quan tâm đến trận chiến của cuộc sống, ngoại trừ để thực hiện mệnh lệnh của chân ngã đó.

At first in our struggle in the world, in our endeavour to do our work and fulfil our duties, we are very much concerned about the result. We feel that unless we are able to work for it the right will not win. The right will always win in the end. It would be sad that any one of us should fail to do his part towards securing that end, but we may be-sure that whatever is done the right must eventually triumph, and so long as we do the bidding of the higher self, so long as we are making our utmost effort, the fact that that utmost effort appears to fail should not trouble or concern us. But we must be very sure that we are making the utmost effort and that we are **not** using the certainty that the right will win as an excuse for laziness.

Ban đầu trong cuộc đấu tranh của chúng ta trong thế giới, trong nỗ lực của chúng ta để làm công việc của mình và hoàn thành nhiệm vụ của mình, chúng ta rất quan tâm đến kết quả. Chúng ta cảm thấy rằng nếu chúng ta không thể làm việc cho nó, thì điều đúng đắn sẽ không chiến thắng. Điều đúng đắn sẽ luôn chiến thắng cuối cùng. Sẽ rất buồn nếu bất kỳ ai trong chúng ta không làm phần của mình để đảm bảo điều đó, nhưng chúng ta có thể chắc chắn rằng bất kể điều gì được thực hiện, điều đúng đắn cuối cùng phải chiến thắng, và miễn là chúng ta thực hiện mệnh lệnh của chân ngã, miễn là chúng ta đang nỗ lực tối đa, thực tế rằng nỗ lực tối đa đó dường như thất bại không nên làm chúng ta lo lắng hay quan tâm. Nhưng chúng ta phải rất chắc chắn rằng chúng ta đang nỗ lực tối đa và rằng chúng ta không sử dụng sự chắc chắn rằng điều đúng đắn sẽ chiến thắng như một cái cớ cho sự lười biếng.

Thousands of people said with regard to the great war: “O well, the right will win; why should we do anything?” Yes, the right did win; but it was a very sad thing for those who, having had the opportunity to help, deliberately refused. On them lies the karma of a great opportunity lost, and also the karma of all the additional evil that happened because of the delay. If more people had come

Hàng ngàn người đã nói về cuộc chiến lớn: "Ồ, điều đúng đắn sẽ chiến thắng; tại sao chúng ta phải làm bất cứ điều gì?" Vâng, điều đúng đắn đã chiến thắng; nhưng đó là một điều rất buồn cho những người, có cơ hội giúp đỡ, đã cố ý từ chối. Trên họ nằm nghiệp quả của một cơ hội lớn bị mất, và cũng là nghiệp quả của tất cả cái ác bổ sung đã xảy ra vì sự chậm trễ. Nếu nhiều người đã dũng cảm tiến lên và sẵn sàng hy

forward boldly and been willing to sacrifice themselves the right would have won much sooner and many lives would have been saved. Those who hung back were responsible for the lives of the additional people who had to die. I suppose there are many people, though it seems hard to believe it, who would rather send someone else to die for them than die themselves. It is a low stage in evolution, but there are those, apparently.

sinh bản thân, điều đúng đắn sẽ chiến thắng sớm hơn nhiều và nhiều mạng sống sẽ được cứu. Những người đã lùi lại chịu trách nhiệm cho mạng sống của những người bổ sung đã phải chết. Tôi cho rằng có nhiều người, mặc dù có vẻ khó tin, thà gửi người khác đi chết thay cho họ hơn là chết chính mình. Đó là một giai đoạn thấp trong tiến hóa, nhưng có những người như vậy, rõ ràng.

It is absolutely certain that in the great struggle of life the right will win, and also that all will evolve to perfection some day, somehow, not perhaps in this chain of worlds but in some other. Yet those who take that as an excuse for laziness, and say: “All will come out well; I need not exert myself; the ego will fight somewhere on some higher level; it does not matter what I, as a personality, do,” will be making very sad karma for themselves, because they are delaying the final triumph of good in this cycle of evolution.

Chắc chắn rằng trong cuộc đấu tranh lớn của cuộc sống, điều đúng đắn sẽ chiến thắng, và cũng chắc chắn rằng tất cả sẽ tiến hóa đến sự hoàn hảo một ngày nào đó, bằng cách nào đó, có thể không phải trong chuỗi thế giới này mà trong một chuỗi khác. Tuy nhiên, những người lấy điều đó làm cái cớ cho sự lười biếng, và nói: "Tất cả sẽ ổn thôi; tôi không cần phải cố gắng; chân ngã sẽ chiến đấu ở đâu đó trên một cấp độ cao hơn; không quan trọng tôi, như một phàm ngã, làm gì," sẽ tạo ra nghiệp quả rất buồn cho chính họ, vì họ đang trì hoãn chiến thắng cuối cùng của điều tốt trong chu kỳ tiến hóa này.

There is a great difference between knowing that the warrior within you must win, and the stage before that when you do not know for certain. In the latter case you feel only vaguely that he must win, and you are very much concerned about your part in the battle; this is a necessary stage, even though it is a mistake. But he who certainly knows attains to perfect calm even in the midst of failure—not the calm of inactivity, but of the divine will in the higher self. From the point of view of the great consummation no one’s work is insignificant. All the little efforts taken together make the mighty whole, but yet each man’s part in it is so small a part that he must not be unduly proud with regard to it. The right must win, but the question is whether we are going to form part of this conquering host now or

Có một sự khác biệt lớn giữa việc biết rằng chiến binh bên trong bạn phải chiến thắng, và giai đoạn trước đó khi bạn không biết chắc chắn. Trong trường hợp sau, bạn chỉ cảm thấy mơ hồ rằng y phải chiến thắng, và bạn rất quan tâm đến phần của mình trong trận chiến; đây là một giai đoạn cần thiết, mặc dù đó là một sai lầm. Nhưng người chắc chắn biết đạt đến sự bình tĩnh hoàn hảo ngay cả trong giữa thất bại—không phải sự bình tĩnh của sự không hoạt động, mà là của ý chí thiêng liêng trong chân ngã. Từ góc độ của sự hoàn thành vĩ đại, không ai công việc là không đáng kể. Tất cả những nỗ lực nhỏ bé kết hợp lại tạo nên toàn bộ vĩ đại, nhưng mỗi phần của con người trong đó là một phần nhỏ đến mức y không nên quá tự hào về nó. Điều đúng đắn phải chiến thắng, nhưng câu hỏi là liệu chúng ta có sẽ là một

whether we are to be one of those who are to be left. We must be among either the lifters or the lifted; each man must be one of those who are working for the world, or one of those for whom the work is being done.

phần của đội quân chiến thắng này bây giờ hay liệu chúng ta sẽ là một trong những người bị bỏ lại. Chúng ta phải là một trong những người nâng đỡ hoặc được nâng đỡ; mỗi người phải là một trong những người đang làm việc cho thế giới, hoặc một trong những người mà công việc đang được thực hiện.

The real Self will win; it is incapable of defeat. When the personality is thrown off and the warrior within the man fights he must win; when you have identified yourself fully with him, you stand cool and awakened, and you watch the contest in which you are taking part precisely as though you were not taking part in it. You try through it all to listen to that song of life; you use that hearing which you have acquired by pain and by the destruction of pain. So long as you have the pain, and feel it as such, you are still fighting, you are only on the way; but by the destruction of that you come into that state in which you have another sense, as it were, which enables you to hear and to see all the while what it is that lies behind. Amidst all the turmoil and the strife you hear the song of life; amidst the wild confusion you see the mighty current. You have come to know that this pain is only a temporary thing; you pass beyond it so that it is no longer woe to you; it is no longer suffering. You know its meaning, and its power to hurt you is therefore dead.

Chân ngã thực sự sẽ chiến thắng; nó không thể bị đánh bại. Khi phàm ngã bị loại bỏ và chiến binh bên trong con người chiến đấu, y phải chiến thắng; khi bạn đã đồng hóa hoàn toàn với y, bạn đứng bình tĩnh và tỉnh thức, và bạn quan sát cuộc chiến mà bạn đang tham gia chính xác như thể bạn không tham gia vào nó. Bạn cố gắng qua tất cả để lắng nghe bài ca của cuộc sống; bạn sử dụng khả năng nghe mà bạn đã đạt được qua đau khổ và sự tiêu diệt của đau khổ. Miễn là bạn có đau khổ, và cảm nhận nó như vậy, bạn vẫn đang chiến đấu, bạn chỉ đang trên đường; nhưng bằng cách tiêu diệt điều đó, bạn đi vào trạng thái mà bạn có một giác quan khác, như thể, cho phép bạn nghe và thấy suốt thời gian điều gì nằm đằng sau. Giữa tất cả sự hỗn loạn và xung đột, bạn nghe thấy bài ca của cuộc sống; giữa sự hỗn loạn hoang dã, bạn thấy dòng chảy mạnh mẽ. Bạn đã biết rằng đau khổ này chỉ là một điều tạm thời; bạn vượt qua nó để nó không còn là nỗi đau đối với bạn; nó không còn là sự đau khổ. Bạn biết ý nghĩa của nó, và sức mạnh của nó để làm tổn thương bạn do đó đã chết.

CHAPTER 4

RULES 9 TO 12—QUY LUẬT 9 ĐẾN 12

C.W.L.—We come now to the group of Rules 9 to 12. Once more we may put together each of the short rules with that portion of the Chohan's comment which goes with it.

C.W.L.—Chúng ta đến với nhóm Quy luật 9 đến 12. Một lần nữa, chúng ta có thể ghép mỗi quy luật ngắn với phần bình luận của Đức Đế Quân đi kèm với nó.

9. Regard earnestly all the life that surrounds you.

Regard the constantly changing and moving life which surrounds you, for it is formed by the hearts of men; and as you learn to understand their constitution and meaning, you will by degrees be able to read the larger word of life.

9. Hãy tôn trọng một cách nghiêm túc tất cả sự sống xung quanh bạn.

Hãy nhìn nhận sự sống luôn thay đổi và di chuyển xung quanh bạn, vì nó được hình thành bởi trái tim của con người; và khi bạn học cách hiểu cấu trúc và ý nghĩa của chúng, bạn sẽ dần dần có thể đọc được từ lớn của sự sống.

Most people spend their time regarding not the life but the form which surrounds them. They do not dwell to any extent upon the thought of the indwelling life. That is why they can be so rough and careless about vegetation, cutting down beautiful trees, and turning a delightful country-side into a dreadful manufacturing centre or an ugly city, without a thought for the preservation of as much natural beauty as possible at the same time. That is also why they can be so incredibly callous in their dealings with our younger brothers of the animal kingdom, and even with one another.

Hầu hết mọi người dành thời gian của mình không phải để nhìn nhận sự sống mà là hình tướng xung quanh họ. Họ không dừng lại để suy nghĩ về sự sống nội tại. Đó là lý do tại sao họ có thể thô lỗ và bất cẩn với thực vật, chặt phá những cây đẹp, và biến một vùng quê tuyệt đẹp thành một trung tâm sản xuất kinh khủng hoặc một thành phố xấu xí, mà không nghĩ đến việc bảo tồn càng nhiều vẻ đẹp tự nhiên càng tốt cùng lúc. Đó cũng là lý do tại sao họ có thể vô cảm đến không thể tin nổi trong cách đối xử với những người em nhỏ của giới động vật, và thậm chí với nhau.

It is also the reason why the evil in the world weighs so heavily upon the feelings of the better kind of people. If they looked beneath the surface of things and saw what is happening to the indwelling life, and how even the most distressing events are used to assist the life on its road to divine happiness, they would be less troubled. The disciple must turn his attention to the life in everything. The first thing to recognize in all life is that it is an expression of the Logos Himself. It is true that in much of the life around us we find many things that are repellant, things which we know as evil, and yet they too bear their part in the progress of the world, and because of that we may look everywhere for the

Đó cũng là lý do tại sao cái ác trên thế giới đè nặng lên cảm xúc của những người tốt hơn. Nếu họ nhìn dưới bề mặt của mọi thứ và thấy điều gì đang xảy ra với sự sống nội tại, và làm thế nào ngay cả những sự kiện đau khổ nhất cũng được sử dụng để hỗ trợ sự sống trên con đường đến hạnh phúc thiêng liêng, họ sẽ bớt lo lắng hơn. Đệ tử phải chuyển sự chú ý của mình đến sự sống trong mọi thứ. Điều đầu tiên cần nhận ra trong tất cả sự sống là nó là một biểu hiện của chính Thượng đế. Đúng là trong nhiều sự sống xung quanh chúng ta, chúng ta thấy nhiều điều đáng ghét, những điều mà chúng ta biết là ác, nhưng chúng cũng đóng vai trò của mình trong sự tiến bộ của thế giới, và vì điều đó, chúng ta có thể tìm kiếm ở khắp

manifestation of the Deity Himself.

mọi nơi sự biểu hiện của chính Thượng đế.

There is always some human good in every person, except, perhaps, in the case of a personality that has definitely broken away from the higher self. That is a thing which sometimes happens, though very rarely indeed. It sounds dreadful, and so it is, but it has been grossly exaggerated. The idea of what used to be called the lost soul was harped upon a great deal in early Theosophical literature, and two or three statements referring to quite different conditions were sometimes all taken together, and the mixture mislead a number of people, making them think that lost souls were quite numerous.

Luôn có một điều tốt đẹp nào đó trong mỗi con người, ngoại trừ, có lẽ, trong trường hợp một phàm ngã đã hoàn toàn tách rời khỏi chân ngã. Đó là điều đôi khi xảy ra, mặc dù rất hiếm. Nghe có vẻ kinh khủng, và thực sự là như vậy, nhưng điều này đã bị phóng đại quá mức. Ý tưởng về cái gọi là linh hồn lạc lối đã được nhấn mạnh rất nhiều trong văn học Thông Thiên Học thời kỳ đầu, và hai hoặc ba tuyên bố liên quan đến các điều kiện hoàn toàn khác nhau đôi khi được gộp lại với nhau, và sự pha trộn này đã làm nhiều người hiểu lầm, khiến họ nghĩ rằng linh hồn lạc lối rất nhiều.

There is a certain set of people in the world who are intensely attracted to anything gruesome; they always want to make the worst of anything and everything. This is quite strongly marked in the lower classes in England. One would judge from the fare that is provided by the newspapers that it is common also elsewhere. If they have bad news to tell, they seem to take a delight in telling it as vividly as possible, and adding numerous gruesome details to the tale. I suppose many people possess that temperament in varying degrees, and it is not confined to the lower classes, though it comes out very crudely in them.

Có một nhóm người nhất định trên thế giới bị thu hút mãnh liệt bởi bất cứ điều gì ghê rợn; họ luôn muốn làm cho mọi thứ trở nên tồi tệ nhất có thể. Điều này khá rõ ràng trong các tầng lớp thấp hơn ở Anh. Người ta có thể đánh giá từ những gì báo chí cung cấp rằng điều này cũng phổ biến ở nơi khác. Nếu họ có tin xấu để kể, họ dường như thích thú khi kể lại một cách sống động nhất có thể, và thêm nhiều chi tiết ghê rợn vào câu chuyện. Tôi cho rằng nhiều người có tính khí đó ở mức độ khác nhau, và nó không chỉ giới hạn ở các tầng lớp thấp hơn, mặc dù nó xuất hiện rất thô sơ ở họ.

I believe that we had in the Theosophical Society some people who were somewhat of that temperament, and they picked out very carefully all the references to subjects of this sort, to the eighth sphere and the possible loss of the soul, and wove out of them all a terrible story. Then they confused with that the remark of Madame Blavatsky's that we are elbowing lost souls by millions every day in the street. That is a statement which in any case would require a certain amount of

Tôi tin rằng trong Hội Thông Thiên Học, chúng ta có một số người có phần nào tính khí đó, và họ đã chọn lọc rất cẩn thận tất cả các tham chiếu đến các chủ đề như vậy, đến quả cầu thứ tám và khả năng mất linh hồn, và dệt nên từ chúng một câu chuyện kinh khủng. Sau đó, họ nhầm lẫn với nhận xét của Bà Blavatsky rằng chúng ta đang va chạm với linh hồn lạc lối hàng triệu mỗi ngày trên đường phố. Đó là một tuyên bố mà trong bất kỳ trường hợp nào cũng cần một mức độ sửa đổi nhất định. Để va

modification. To elbow a million people would take one rather more than a day. It is not an idea which can be taken literally, but is a picturesque way of speaking of the two-fifths of humanity who will drop out of our evolution in the middle of the fifth round. They can be described as lost souls only as distinguished from those who will pass on safely.

chạm với một triệu người sẽ mất nhiều hơn một ngày. Đó không phải là một ý tưởng có thể được hiểu theo nghĩa đen, mà là một cách nói hình ảnh về hai phần năm nhân loại sẽ rơi ra khỏi tiến hóa của chúng ta vào giữa vòng thứ năm. Họ có thể được mô tả là linh hồn lạc lối chỉ để phân biệt với những người sẽ tiếp tục an toàn.

They will be lost to this particular chain of worlds, but as has been explained, there is no eternal punishment for them; they will rest in drowsy contentment and be quite happy because they do not know anything better. They are not in the least to be pitied, unless it be because they will have another long cycle of lives to live in the next chain of worlds, and that is tiresome, as we all know. For those to whom it comes it is the best thing—far better and easier and pleasanter than it would be for them to remain in our evolution, when they are not fitted for it, and thus to be pushed on at the cost of very considerable strain, which would probably eventually break them down altogether. They have not wasted their time, because all that they have learned and acquired in this particular chain of worlds will stand to their credit and there is some progress for them in their interchain devachan. They will therefore take a high place in the next chain of worlds, because they will begin in advance of the new egos of that chain.

Họ sẽ mất đi chuỗi thế giới cụ thể này, nhưng như đã được giải thích, không có sự trừng phạt vĩnh cửu nào dành cho họ; họ sẽ nghỉ ngơi trong sự hài lòng mơ màng và hoàn toàn hạnh phúc vì họ không biết điều gì tốt hơn. Họ không đáng thương chút nào, trừ khi vì họ sẽ có một chu kỳ dài khác của cuộc sống để sống trong chuỗi thế giới tiếp theo, và điều đó thật mệt mỏi, như tất cả chúng ta đều biết. Đối với những người mà điều đó đến, đó là điều tốt nhất—tốt hơn và dễ dàng hơn nhiều so với việc họ ở lại trong tiến hóa của chúng ta, khi họ không phù hợp với nó, và do đó bị đẩy lên với cái giá của sự căng thẳng rất đáng kể, điều này có thể cuối cùng sẽ làm họ suy sụp hoàn toàn. Họ không lãng phí thời gian của mình, vì tất cả những gì họ đã học được và đạt được trong chuỗi thế giới cụ thể này sẽ được ghi nhận và có một số tiến bộ cho họ trong devachan giữa các chuỗi. Do đó, họ sẽ chiếm một vị trí cao trong chuỗi thế giới tiếp theo, vì họ sẽ bắt đầu trước các chân ngã mới của chuỗi đó.

Those, then, are the millions whom we jostle. That has nothing to do with the isolated cases in which the personality breaks away from the individuality. That is a dreadful thing, but it is very much better to regard it not as a colossal catastrophe, but only as an exaggerated case of something that is constantly happening, for, as I have explained,[78] at the end of each incarnation

Những người đó, sau đó, là hàng triệu người mà chúng ta va chạm. Điều đó không liên quan gì đến các trường hợp cô lập trong đó phàm ngã tách rời khỏi chân ngã. Đó là một điều kinh khủng, nhưng tốt hơn nhiều là coi nó không phải là một thảm họa khổng lồ, mà chỉ là một trường hợp phóng đại của điều gì đó đang xảy ra liên tục, vì, như tôi đã giải thích, vào cuối mỗi lần nhập thể, thường có điều gì

something is usually lost, though much may also have been gained. The loss of an entire personality would imply a life of most dreadful evil. Even then the ego does no evil intentionally, but he sometimes lets his personality get out of hand. He is responsible for that; he should not have allowed it; though that for which he is responsible is weakness rather than direct evil. Still, the ego of the man is going on. It has fallen back very terribly, but it does start afresh; though perhaps not immediately, because it seems to be stunned at first. After such an experience an ego would always be peculiar. He would always be dissatisfied, and would have recollections of something higher and greater which now he could not reach. It is a fearful condition, but still the man who casts himself so far back as that has to take the karma of it, and realize ultimately that he has brought it upon himself.

đó bị mất, mặc dù cũng có thể đã đạt được nhiều điều. Sự mất mát của toàn bộ phàm ngã sẽ ngụ ý một cuộc sống của điều ác kinh khủng nhất. Ngay cả khi đó, chân ngã không cố ý làm điều ác, nhưng đôi khi y để phàm ngã của mình vượt khỏi tầm kiểm soát. Y chịu trách nhiệm về điều đó; y không nên cho phép điều đó; mặc dù điều mà y chịu trách nhiệm là sự yếu đuối hơn là điều ác trực tiếp. Tuy nhiên, chân ngã của người đó vẫn tiếp tục. Nó đã rơi lại rất kinh khủng, nhưng nó bắt đầu lại từ đầu; mặc dù có lẽ không ngay lập tức, vì dường như lúc đầu nó bị choáng váng. Sau một trải nghiệm như vậy, một chân ngã sẽ luôn đặc biệt. Y sẽ luôn không hài lòng, và sẽ có những hồi ức về điều gì đó cao hơn và lớn hơn mà bây giờ y không thể đạt tới. Đó là một tình trạng đáng sợ, nhưng người đã tự đẩy mình lùi xa đến mức đó phải chịu lấy nghiệp quả của nó, và cuối cùng nhận ra rằng y đã tự mang nó đến cho mình.

I do not know for certain what further possibilities of loss there may have been in earlier days of the world's history. As things stand now it seems quite certain that the very worst that can happen to any ego is that he shall lose the whole of one personality. That is a serious matter indeed, and might throw him back from a fairly advanced civilization into almost a savage condition, but it could not now throw him back into the animal world. I am not prepared to say that there may not have been a time when it could have done even that, but it is not possible now, so far as we can see.

Tôi không biết chắc chắn những khả năng mất mát nào có thể đã xảy ra trong những ngày đầu của lịch sử thế giới. Như tình hình hiện tại, có vẻ như chắc chắn rằng điều tồi tệ nhất có thể xảy ra với bất kỳ chân ngã nào là y sẽ mất toàn bộ một phàm ngã. Đó thực sự là một vấn đề nghiêm trọng, và có thể đẩy y lùi từ một nền văn minh khá tiên tiến vào một tình trạng gần như hoang dã, nhưng bây giờ nó không thể đẩy y lùi vào thế giới động vật. Tôi không sẵn sàng nói rằng có thể đã có một thời điểm khi điều đó có thể xảy ra, nhưng bây giờ không thể, theo như chúng ta có thể thấy.

It is not so very long ago, as occultists consider time, since a great many of our present humanity left the animal state. When the time of the shutting of the door from the animal to the human kingdom was drawing

Không lâu trước đây, theo quan điểm của các nhà huyền bí học, một số lượng lớn nhân loại hiện tại của chúng ta đã rời khỏi trạng thái động vật. Khi thời điểm đóng cửa từ giới động vật sang giới nhân loại đang đến gần, một nỗ

[78] *Ante.,* Vol. II, p. 284

near, a great effort was made to get as many through as possible, to give the very last chance to every one. The Lords of the Flame came down from Venus expressly to stimulate things just at that period or a little before it, and all the efforts that were put forth then were chiefly with that aim in view, to give the opportunity to as many as possible to make the change from the animal to the human kingdom before the door was finally closed. Just as in infinitely smaller matters people make a special effort, when there is a big chance opening before them, whether it be to go to a bargain sale at a shop, or to pass an examination, so there seems to have been something of the same kind on an infinitely vaster scale, at the time of the last opportunity of leaving the animal kingdom and entering into the human in this particular incarnation of our chain of worlds.

lực lớn đã được thực hiện để đưa càng nhiều người qua càng tốt, để trao cơ hội cuối cùng cho mọi người. Các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa đã đến từ Sao Kim đặc biệt để kích thích mọi thứ ngay tại thời điểm đó hoặc một chút trước đó, và tất cả những nỗ lực được đưa ra lúc đó chủ yếu nhằm mục đích đó, để trao cơ hội cho càng nhiều người càng tốt để thực hiện sự chuyển đổi từ giới động vật sang giới nhân loại trước khi cánh cửa cuối cùng đóng lại. Cũng giống như trong những vấn đề nhỏ hơn vô cùng, mọi người thực hiện một nỗ lực đặc biệt, khi có một cơ hội lớn mở ra trước mắt họ, dù đó là để đi đến một cuộc bán hàng giảm giá tại một cửa hàng, hay để vượt qua một kỳ thi, dường như đã có điều gì đó tương tự trên một quy mô vô cùng lớn hơn, vào thời điểm cơ hội cuối cùng để rời khỏi giới động vật và bước vào giới nhân loại trong lần nhập thể cụ thể này của chuỗi thế giới của chúng ta.

There must then have been many who were not so very much above the animal kingdom, who only just scraped through. Several hundred of the incarnations of such people must have been spent in quite the lowest kind of savage condition, and with hardly any interval between them; they were practically in physical life all the time and only very gradually developed any astral possibilities. There may have been some of those who might almost as well not have got through, and at least such as those will be practically certain to drop out in the middle of the fifth round. Still they will have had a considerable experience of human life—from the middle of the fourth to the middle of the fifth round—so in the next chain of worlds they will come in not quite at the beginning. They will have passed through the primary classes and will be able to start again as very decent savages. People as low as they could not do anything to throw themselves very far back in evolution. They have not the power to make much

Khi đó phải có nhiều người không quá cao hơn giới động vật, chỉ vừa đủ vượt qua. Hàng trăm lần nhập thể của những người như vậy phải đã được trải qua trong tình trạng hoang dã thấp nhất, và hầu như không có khoảng cách giữa chúng; họ hầu như luôn ở trong cuộc sống vật chất và chỉ rất dần dần phát triển bất kỳ khả năng cảm dục nào. Có thể có một số người trong số đó gần như không nên vượt qua, và ít nhất những người như vậy sẽ gần như chắc chắn rơi ra vào giữa vòng thứ năm. Tuy nhiên, họ sẽ có một kinh nghiệm đáng kể về cuộc sống nhân loại—từ giữa vòng thứ tư đến giữa vòng thứ năm—vì vậy trong chuỗi thế giới tiếp theo, họ sẽ không hoàn toàn bắt đầu từ đầu. Họ sẽ đã vượt qua các lớp học sơ cấp và sẽ có thể bắt đầu lại như những người hoang dã khá tốt. Những người thấp như họ không thể làm gì để đẩy mình lùi xa trong tiến hóa. Họ không có khả năng tiến bộ nhiều, sự tiến bộ của họ phải chậm chạp; nhưng mặt khác, họ có quá ít sức mạnh trí tuệ để có thể đẩy mình lùi xa.

progress, their advance must necessarily be slow; but on the other hand they have so little brain power that they could not throw themselves very far back.

Much is said in some ancient scriptures about people sinking back into the animal kingdom. We have no direct evidence of any cases. There are other ways in which men may come into touch with animal consciousness and suffer very terribly through it, as I have explained in *The Inner Life,*[79] but to reincarnate as an animal is not possible now. We are now too far removed from the dividing line to be able to throw ourselves back across it, whatever may have been possible in the distant past. Not even the most determined black magicians can do it. We saw something of those beings in activity during the great war, because some of the Lords of the Dark Face of Atlantis came back into incarnation. That accounted for many of the horrors that took place. The karma which those people made for themselves was unquestionably ghastly. I have once or twice seen glimpses of the future karma of people who were much less guilty than some of those; it is a sight one does not forget—a hideous nightmare. There are people far short of these great meteors of crime who yet lay up for themselves futures of horror—those who beat children, and those who vivisect animals. At their future one looks with a shudder; but these are far worse. These have done the same thing on a colossal scale, and for insane selfishness have sacrificed half a world. Yet they do not become animals. In those rare cases in which a personality has broken away, it lives a life somewhat like that of Margrave in Bulwer Lytton's *A Strange Story*—the absolutely selfish man, without conscience, without a soul behind to guide him. He will be a terribly

Nhiều điều được nói trong một số kinh điển cổ về việc con người chìm trở lại vào giới động vật. Chúng tôi không có bằng chứng trực tiếp về bất kỳ trường hợp nào. Có những cách khác mà con người có thể tiếp xúc với ý thức động vật và chịu đựng rất khủng khiếp qua đó, như tôi đã giải thích trong Cuộc Sống Nội Tâm, nhưng để tái sinh làm động vật thì bây giờ không thể. Chúng ta hiện đã quá xa khỏi ranh giới phân chia để có thể đẩy mình lùi qua nó, bất kể điều gì có thể đã xảy ra trong quá khứ xa xôi. Ngay cả những nhà huyền thuật đen quyết tâm nhất cũng không thể làm điều đó. Chúng tôi đã thấy một số trong những thực thể đó hoạt động trong suốt cuộc chiến tranh lớn, vì một số Đấng Chúa Tể của Mặt Tối của Atlantis đã trở lại nhập thể. Điều đó giải thích cho nhiều điều kinh hoàng đã xảy ra. Nghiệp quả mà những người đó tự tạo ra cho mình chắc chắn là khủng khiếp. Tôi đã một hoặc hai lần thấy thoáng qua nghiệp quả tương lai của những người ít tội lỗi hơn một số trong số đó; đó là một cảnh tượng mà người ta không thể quên—một cơn ác mộng kinh hoàng. Có những người còn xa những thiên thạch tội ác lớn này nhưng vẫn tự tạo ra cho mình những tương lai kinh hoàng—những người đánh đập trẻ em, và những người mổ xẻ động vật. Nhìn vào tương lai của họ, người ta rùng mình; nhưng những người này còn tồi tệ hơn nhiều. Những người này đã làm điều tương tự trên quy mô khổng lồ, và vì sự ích kỷ điên rồ đã hy sinh nửa thế giới. Tuy nhiên, họ không trở thành động vật. Trong những trường hợp hiếm hoi mà một phàm ngã đã tách rời, nó sống một cuộc sống giống như của Margrave trong câu chuyện A Strange Story của Bulwer

[79] *Op. cit.*. Vol. II, Section 1

evil man, and may carry on his evil to a second incarnation. It was stated by Madame Blavatsky that such a personality may in some cases take another incarnation by seizing upon a baby body; there is no body provided for him, but he may seize upon that of some child who has just died, and revivify it and live in it, and so gain a second life. She spoke very little of these subjects, but when she did allude to them it was with a lively horror impressive to see. It was clear to us who heard her that she had herself at some time been brought into contact with cases of this kind, because she shrank from speaking of them at all.

Lytton—người đàn ông hoàn toàn ích kỷ, không có lương tâm, không có linh hồn phía sau để hướng dẫn y. Y sẽ là một người đàn ông cực kỳ ác độc, và có thể tiếp tục điều ác của mình đến một lần nhập thể thứ hai. Bà Blavatsky đã tuyên bố rằng một phàm ngã như vậy có thể trong một số trường hợp lấy một lần nhập thể khác bằng cách chiếm đoạt một cơ thể trẻ sơ sinh; không có cơ thể nào được cung cấp cho y, nhưng y có thể chiếm đoạt cơ thể của một đứa trẻ vừa chết, và hồi sinh nó và sống trong đó, và do đó có được một cuộc sống thứ hai. Bà đã nói rất ít về những chủ đề này, nhưng khi bà đề cập đến chúng, đó là với một nỗi kinh hoàng sống động ấn tượng để thấy. Rõ ràng với chúng tôi, những người đã nghe bà, rằng bà đã từng tiếp xúc với những trường hợp như vậy, vì bà ngại nói về chúng.

We understood from what she said that a second human reincarnation for such a thing was not possible, but that it might happen that this decaying personality, which still had a certain amount of the ego torn away and vivifying it, might then descend into the animal kingdom. She told us once a very ghastly story indeed of the way in which such a thing, still consciousness, might drift backwards in what she called devolution. She said, I remember, that some snakes were inhabited by such entities as these, and that some of these things were conscious that they had once been human. It is a horrible thing: it sounds a kind of nightmare, but we may be comforted by the fact that it is an exceptionally rare thing, that such a condition could be reached only by a determined devotion of life after life to positive evil.

Chúng tôi hiểu từ những gì bà nói rằng một lần tái sinh nhân loại thứ hai cho một điều như vậy là không thể, nhưng có thể xảy ra rằng phàm ngã đang phân rã này, vốn vẫn còn một phần nào đó của chân ngã bị xé ra và hồi sinh nó, có thể sau đó hạ xuống giới động vật. Bà đã kể cho chúng tôi một câu chuyện thực sự kinh khủng về cách mà một điều như vậy, vẫn còn ý thức, có thể trôi ngược lại trong cái mà bà gọi là sự thoái hóa. Bà nói, tôi nhớ, rằng một số con rắn bị chiếm giữ bởi những thực thể như vậy, và rằng một số trong những điều này ý thức rằng chúng đã từng là con người. Đó là một điều kinh khủng: nó nghe như một cơn ác mộng, nhưng chúng ta có thể được an ủi bởi thực tế rằng đó là một điều cực kỳ hiếm, rằng một tình trạng như vậy chỉ có thể đạt được bằng sự cống hiến quyết tâm của cuộc sống sau cuộc sống cho điều ác tích cực.

We have only a sprinkling of really wicked people in the world, and even they mostly excuse themselves in some way. The burglar who steals your plate has generally some theory that property is improperly

Chúng ta chỉ có một số ít người thực sự ác độc trên thế giới, và ngay cả họ cũng thường tự biện minh theo một cách nào đó. Tên trộm đột nhập vào nhà bạn thường có một lý thuyết rằng tài sản được phân phối không đúng cách,

distributed, and that he is only taking the share which the Government or someone else ought to have given him, that he is taking it from somebody who is unfairly in possession of a quantity of wealth which really ought to be distributed to all. People very rarely do a wrong thing knowing it to be wrong. They always excuse themselves in some way. They may see afterwards that the excuse was rather flimsy, but I believe that at the time when a man does the wrong thing he practically always justifies himself somehow. Much more than that is needed in order to attain to the horrors of being a lost soul. The man must devote himself quite definitely and intentionally to doing evil, must set himself against the current of evolution.

và rằng y chỉ đang lấy phần mà chính phủ hoặc ai đó khác đáng lẽ phải trao cho y, rằng y đang lấy nó từ ai đó đang sở hữu không công bằng một lượng tài sản thực sự nên được phân phối cho tất cả. Người ta rất hiếm khi làm điều sai trái khi biết rằng nó sai. Họ luôn tự biện minh theo một cách nào đó. Họ có thể thấy sau đó rằng lý do đó khá mỏng manh, nhưng tôi tin rằng vào thời điểm một người làm điều sai trái, y hầu như luôn tự biện minh bằng cách nào đó. Cần nhiều hơn thế để đạt được những kinh hoàng của việc trở thành một linh hồn lạc lối. Người đó phải cống hiến mình một cách rõ ràng và có chủ ý để làm điều ác, phải tự đặt mình chống lại dòng chảy của tiến hóa.

Such hideous possibilities are becoming rarer; humanity is making progress and gaining more and more knowledge, and it becomes less and less possible as time goes on for people of the dark side to obtain recruits. Even now they are really relics of the past. We have heard much of vampires and were-wolves; such creatures did exist and still are occasionally found. I have seen examples of both, but do not expect to see any more. It is becoming less possible that men should be able to sink into those depths. Instead of becoming vampires people now fall into the grey world; that is a condition which we have apparently, introduced instead of vampirism. It is better, certainly, though it is bad enough.

Những khả năng kinh khủng như vậy đang trở nên hiếm hơn; nhân loại đang tiến bộ và ngày càng có nhiều kiến thức hơn, và nó trở nên ít có khả năng hơn khi thời gian trôi qua để những người thuộc phe tối có thể thu hút thêm người. Ngay cả bây giờ họ thực sự là tàn dư của quá khứ. Chúng ta đã nghe nhiều về ma cà rồng và người sói; những sinh vật như vậy đã tồn tại và vẫn thỉnh thoảng được tìm thấy. Tôi đã thấy ví dụ của cả hai, nhưng không mong đợi sẽ thấy thêm nữa. Ngày càng ít có khả năng rằng con người có thể chìm vào những độ sâu đó. Thay vì trở thành ma cà rồng, người ta bây giờ rơi vào thế giới xám; đó là một tình trạng mà chúng ta dường như đã giới thiệu thay vì ma cà rồng. Nó chắc chắn tốt hơn, mặc dù nó đủ tồi tệ.

Life in the grey world after death is due to the entanglement of the astral body with the etheric double.[80] There are people who have no clear belief in life beyond death, who yet hunger for continued existence. They would vaguely tell you that they believed in an after-

Cuộc sống trong thế giới xám sau khi chết là do sự rối rắm của thể cảm dục với thể dĩ thái. Có những người không có niềm tin rõ ràng vào cuộc sống sau khi chết, nhưng vẫn khao khát sự tồn tại liên tục. Họ sẽ mơ hồ nói với bạn rằng họ tin vào một trạng thái sau đó, nhưng

[80] *Ante,* p. 321

state, but it amounts in reality to a very strong doubt. As no life but the physical means anything to them, they cling desperately to the physical body; so much so that after death the etheric matter cannot be fully drawn away from the dense physical matter, as it is in normal cases. Then you have a person for quite a long time after death in a condition which is neither one world nor the other. He retains an amount of etheric matter which prevents him from using his astral senses fully, so that he does not, as he should, slip into the astral world, and on the other hand he cannot keep hold of the physical world, because he has lost his grasp of that, though there is still some of the etheric matter left round him. Thus he is suspended in what is sometimes called the grey world. In this condition he obtains only little glimpses, occasional impressions of each world, but he is in a very unsettled condition, struggling always to obtain full life somewhere. All that might fall from him in a single moment if he would let it, but often it is a long time before he can do so.

thực tế đó là một sự nghi ngờ rất mạnh mẽ. Vì không có cuộc sống nào ngoài vật chất có ý nghĩa với họ, họ bám chặt vào cơ thể vật chất; đến mức sau khi chết, chất liệu dĩ thái không thể hoàn toàn tách rời khỏi chất liệu vật chất đậm đặc, như trong các trường hợp bình thường. Sau đó, bạn có một người trong một thời gian khá dài sau khi chết trong một tình trạng không thuộc về thế giới nào cả. Y giữ lại một lượng chất liệu dĩ thái ngăn cản y sử dụng đầy đủ các giác quan cảm dục của mình, vì vậy y không, như y nên, trượt vào thế giới cảm dục, và mặt khác y không thể giữ lấy thế giới vật chất, vì y đã mất đi sự nắm giữ của mình, mặc dù vẫn còn một số chất liệu dĩ thái xung quanh y. Do đó, y bị treo trong cái mà đôi khi được gọi là thế giới xám. Trong tình trạng này, y chỉ nhận được những cái nhìn thoáng qua, những ấn tượng thỉnh thoảng của mỗi thế giới, nhưng y ở trong một tình trạng rất không ổn định, luôn đấu tranh để đạt được cuộc sống đầy đủ ở đâu đó. Tất cả điều đó có thể rơi khỏi y trong một khoảnh khắc nếu y để nó, nhưng thường thì phải mất một thời gian dài trước khi y có thể làm như vậy.

The Chohan says that the changing life about us is formed by the hearts of men. It is true that our outward conditions result from our inward thoughts and feelings. Sometimes people complain about the state of society, government, politics, religion, trade and education, but these very well express the inner condition of the people who swarm in our cities. It is all formed by the hearts of men. And even the less immediately caused human conditions of suffering and joy, such as geological and climatic changes, even such as earthquakes and floods, become our environment on account of karma which is due to our own feeling and thinking. We thus put ourselves into our place in nature, according to our inward nature, our hearts, and then we are apt to misunderstand it

Đức Đế Quân nói rằng cuộc sống thay đổi xung quanh chúng ta được hình thành bởi trái tim của con người. Đúng là điều kiện bên ngoài của chúng ta là kết quả từ những suy nghĩ và cảm xúc bên trong của chúng ta. Đôi khi mọi người phàn nàn về tình trạng xã hội, chính phủ, chính trị, tôn giáo, thương mại và giáo dục, nhưng những điều này thể hiện rất rõ ràng tình trạng bên trong của những người đang sống trong các thành phố của chúng ta. Tất cả đều được hình thành bởi trái tim của con người. Và ngay cả những điều kiện đau khổ và vui sướng ít gây ra trực tiếp hơn của con người, chẳng hạn như thay đổi địa chất và khí hậu, thậm chí như động đất và lũ lụt, trở thành môi trường của chúng ta do nghiệp quả xuất phát từ cảm giác và suy nghĩ của chính chúng ta. Chúng ta do đó tự đặt mình vào vị trí của mình

because we look at the forms instead of at the life.

trong tự nhiên, theo bản chất bên trong của chúng ta, trái tim của chúng ta, và sau đó chúng ta có xu hướng hiểu lầm nó vì chúng ta nhìn vào hình thức thay vì vào sự sống.

A great deal of what seems to most men actively evil may yet have its good side. A physical plane example of this world be a terrible earthquake, like that which devastated a great part of Sicily and Calabria in 1908, and killed over a hundred and fifty thousand people, some suddenly, but others, I am afraid, with a great deal of suffering. Many people would look upon that as an evil. It is not evil for the world. It upheaves and changes the place of a great deal of the earth's crust, and renovates the soil, and in that it distinctly does good to the world. Look at Mount Vesuvius, in Italy, and you will see how after a certain time all the volcanic matter which is thrown out becomes the very finest fertile soil. But it destroys human life at the time. A thunderstorm, an earthquake, a great flood, are not evil at all. They may release some men from their physical bodies, but surely that does no harm to them, in any case; all that arises in such catastrophes is a matter of karma, and in the long run it assuredly works out for their good.

Rất nhiều điều mà đối với hầu hết mọi người có vẻ như là điều ác tích cực có thể vẫn có mặt tốt của nó. Một ví dụ trên cõi vật chất của thế giới này có thể là một trận động đất khủng khiếp, như trận đã tàn phá một phần lớn Sicily và Calabria vào năm 1908, và giết chết hơn một trăm năm mươi ngàn người, một số đột ngột, nhưng những người khác, tôi e rằng, với rất nhiều đau khổ. Nhiều người sẽ coi đó là một điều ác. Nó không phải là điều ác đối với thế giới. Nó làm rung chuyển và thay đổi vị trí của một phần lớn vỏ trái đất, và làm mới đất, và trong đó nó rõ ràng làm điều tốt cho thế giới. Nhìn vào núi Vesuvius, ở Ý, và bạn sẽ thấy sau một thời gian tất cả chất liệu núi lửa được phun ra trở thành đất đai màu mỡ tốt nhất. Nhưng nó phá hủy cuộc sống con người vào thời điểm đó. Một cơn bão, một trận động đất, một trận lũ lớn, không phải là điều ác chút nào. Chúng có thể giải phóng một số người khỏi cơ thể vật chất của họ, nhưng chắc chắn điều đó không gây hại cho họ, trong bất kỳ trường hợp nào; tất cả những gì phát sinh trong những thảm họa như vậy là vấn đề của nghiệp quả, và cuối cùng nó chắc chắn sẽ mang lại lợi ích cho họ.

The Theosophist ought to understand quite clearly that death is not in itself an evil, but is very often given as a reward. Our general attitude in this matter is due to wrong religious teaching. There is implanted in every one of us the desire for self-preservation, the instinct to try to save our physical body from injury or destruction. That is a very wise and necessary instinct. We ought to protect our physical bodies, to make them last as long as we can; because, if one may venture to express it so with all reverence, the Logos has taken

Người Thông Thiên Học nên hiểu rõ rằng cái chết không phải tự nó là một điều ác, mà thường được ban tặng như một phần thưởng. Thái độ chung của chúng ta trong vấn đề này là do giáo lý tôn giáo sai lầm. Có một mong muốn bảo tồn bản thân được cấy vào mỗi người trong chúng ta, bản năng cố gắng bảo vệ cơ thể vật chất của mình khỏi bị tổn thương hoặc phá hủy. Đó là một bản năng rất khôn ngoan và cần thiết. Chúng ta nên bảo vệ cơ thể vật chất của mình, làm cho chúng tồn tại lâu nhất có thể; bởi vì, nếu có thể nói như vậy với

the trouble to put us into this incarnation, it is clearly our duty to make of it as much as we can.[811]

tất cả sự tôn kính, Thượng đế đã bỏ công đưa chúng ta vào lần nhập thể này, rõ ràng là nhiệm vụ của chúng ta là làm được nhiều nhất có thể từ nó.

But there sometimes comes an opportunity when the very noblest use that we can make of our incarnation is to risk it, even to throw it away, as happens to a soldier who goes forth on a forlorn hope, knowing that he must be killed, and yet that his death is a necessary part of a great scheme which will end in victory. Such a man puts his incarnation to the noblest use when he lays it down voluntarily, when he throws it away; but for most of us and under ordinary conditions our duty is to take all reasonable precautions, and try to make our bodies last as long as we can; otherwise we cause a great deal of trouble by shortening our lives.

Nhưng đôi khi có một cơ hội khi việc sử dụng cao quý nhất mà chúng ta có thể làm với lần nhập thể của mình là mạo hiểm nó, thậm chí vứt bỏ nó, như xảy ra với một người lính ra trận với hy vọng mong manh, biết rằng y phải bị giết, và rằng cái chết của y là một phần cần thiết của một kế hoạch lớn sẽ kết thúc trong chiến thắng. Một người như vậy đặt lần nhập thể của mình vào việc sử dụng cao quý nhất khi y tự nguyện từ bỏ nó, khi y vứt bỏ nó; nhưng đối với hầu hết chúng ta và trong điều kiện bình thường, nhiệm vụ của chúng ta là thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý, và cố gắng làm cho cơ thể của chúng ta tồn tại lâu nhất có thể; nếu không, chúng ta gây ra rất nhiều rắc rối bằng cách rút ngắn cuộc sống của mình.

Some people have been a little foolish in their confidence in the protection which they expect the Masters to give to them. They say: “As long as I do the Master’s work I need not take any precautions against infection when I visit people who are ill. I am sure He will take care of me. I will plunge into the water although I cannot swim; I am sure He will support me.” Perhaps He will, if He thinks it worth while; but what right has anyone to put Him to the trouble of doing that which with a little ordinary common sense he might have done for himself? If it be our work to visit those suffering from infectious diseases, I think instead of blindly trusting to the Master to protect us, we ought to save Him trouble by taking ordinary precautions. We ought to do all we can on our side. If He chooses to supplement that, it is His affair. It would be very wrong of us to calculate upon it beforehand. Such interventions do happen,

Một số người đã hơi dại dột trong sự tự tin của họ vào sự bảo vệ mà họ mong đợi từ các Chân sư. Họ nói: "Miễn là tôi làm công việc của Chân sư, tôi không cần phải thực hiện bất kỳ biện pháp phòng ngừa nào chống lại nhiễm trùng khi tôi thăm những người bị bệnh. Tôi chắc chắn Ngài sẽ chăm sóc tôi. Tôi sẽ nhảy xuống nước mặc dù tôi không biết bơi; tôi chắc chắn Ngài sẽ nâng đỡ tôi." Có lẽ Ngài sẽ, nếu Ngài thấy điều đó đáng giá; nhưng ai có quyền đặt Ngài vào rắc rối để làm điều mà với một chút lẽ thường, người ta có thể tự làm cho mình? Nếu đó là công việc của chúng ta để thăm những người bị bệnh truyền nhiễm, tôi nghĩ thay vì mù quáng tin tưởng vào Chân sư để bảo vệ chúng ta, chúng ta nên tiết kiệm rắc rối cho Ngài bằng cách thực hiện các biện pháp phòng ngừa thông thường. Chúng ta nên làm tất cả những gì có thể từ phía mình. Nếu Ngài chọn bổ sung điều đó, đó là việc của Ngài. Sẽ rất sai lầm nếu chúng ta tính toán trước điều đó.

[81] *Ante,* p. 177.

very wrong of us to calculate upon it beforehand. Such interventions do happen, but we have no right to expect them. I have seen strange things myself along those lines, but I should never willingly put the Master to the trouble of having especially to protect me against anything, when I can reasonably guard myself.

bổ sung điều đó, đó là việc của Ngài. Sẽ rất sai lầm nếu chúng ta tính toán trước điều đó. Những can thiệp như vậy có xảy ra, nhưng chúng ta không có quyền mong đợi chúng. Tôi đã thấy những điều kỳ lạ dọc theo những dòng đó, nhưng tôi sẽ không bao giờ tự nguyện đặt Chân sư vào rắc rối phải đặc biệt bảo vệ tôi khỏi bất cứ điều gì, khi tôi có thể tự bảo vệ mình một cách hợp lý.

The instinct of self-preservation is for the advantage of the race. It is a right thing, but the brave man is always ready to risk pain and danger and even life itself for higher objects. The man who knows that death is not the greatest evil will be very willing to risk it for the sake of averting a greater evil—just what hundreds of thousands of our fellow-men did in the war. We know that death is not the end of everything, as people so often think, and for us a catastrophe like that of Messina is not terrible simply because a large number of people were suddenly thrown out of their bodies on to the astral plane. When I was in America there was a great fire in a theatre in Chicago, in which a large number of women and children were killed. Some of our members came to me and asked: "How can it be that Providence really governs the world, when all these innocent women and children have been killed?" I said to them: "Do you think that only men ever deserve the reward of a rapid release from the earth?" That was a new point of view to them, that this might really be a kindness releasing them from troublesome conditions of various kinds, so that they might start again in better circumstances. So we should not regard that great earthquake as an evil, merely because it suddenly threw a number of people on to the astral plane. The cases of those who were imprisoned and died slowly were comparatively few. There were some who were burned to death, and some who were

Bản năng tự bảo tồn là vì lợi ích của nhân loại. Đó là điều đúng đắn, nhưng người dũng cảm luôn sẵn sàng mạo hiểm đau đớn và nguy hiểm, thậm chí cả mạng sống của mình vì những mục tiêu cao cả hơn. Người biết rằng cái chết không phải là điều ác lớn nhất sẽ rất sẵn lòng mạo hiểm nó để ngăn chặn một điều ác lớn hơn—chính xác như hàng trăm ngàn đồng bào của chúng ta đã làm trong chiến tranh. Chúng ta biết rằng cái chết không phải là kết thúc của mọi thứ, như mọi người thường nghĩ, và đối với chúng ta, một thảm họa như ở Messina không đáng sợ chỉ vì một số lượng lớn người đã bị đẩy ra khỏi thể xác của họ lên cõi cảm dục. Khi tôi ở Mỹ, có một vụ cháy lớn trong một nhà hát ở Chicago, trong đó một số lượng lớn phụ nữ và trẻ em đã bị thiệt mạng. Một số thành viên của chúng ta đã đến gặp tôi và hỏi: "Làm sao có thể rằng Đấng Quan Phòng thực sự cai quản thế giới, khi tất cả những phụ nữ và trẻ em vô tội này đã bị giết?" Tôi nói với họ: "Bạn có nghĩ rằng chỉ có đàn ông mới xứng đáng được thưởng một sự giải thoát nhanh chóng khỏi Trái Đất không?" Đó là một góc nhìn mới đối với họ, rằng điều này thực sự có thể là một sự tử tế giải thoát họ khỏi những điều kiện phiền toái khác nhau, để họ có thể bắt đầu lại trong những hoàn cảnh tốt hơn. Vì vậy, chúng ta không nên coi trận động đất lớn đó là một điều ác, chỉ vì nó đột ngột đẩy một số người lên cõi cảm dục. Những trường hợp của những người bị giam cầm và chết chậm là tương đối ít. Có một số người bị thiêu chết, và một số người bị chôn vùi trong đống đổ nát.

buried among the ruins. Those would seem to us cases of very terrible suffering, but even then we must apply our Theosophy in the extreme cases as well as in the ordinary cases and realize that the great suffering of an occasional individual probably wiped out from his account karma which might have taken twenty ordinary lives to cancel. Therefore, while we should feel the greatest pity for the people who suffered in that way, and should do all in our power to help them, still we are not to mourn over them as though the whole thing were useless. It is a short but drastic way of getting rid of the result of a great deal of evil—truly terrible, but yet, when it is over, see how much has been gained.

Những trường hợp đó có vẻ như là những nỗi đau khổ rất khủng khiếp đối với chúng ta, nhưng ngay cả khi đó, chúng ta phải áp dụng Thông Thiên Học của mình trong những trường hợp cực đoan cũng như trong những trường hợp thông thường và nhận ra rằng nỗi đau khổ lớn của một cá nhân thỉnh thoảng có thể xóa sạch nghiệp quả mà có thể đã mất hai mươi cuộc sống bình thường để hủy bỏ. Do đó, trong khi chúng ta nên cảm thấy lòng thương xót lớn nhất đối với những người đã chịu đau khổ theo cách đó, và nên làm tất cả những gì có thể để giúp đỡ họ, chúng ta vẫn không nên than khóc cho họ như thể toàn bộ sự việc là vô ích. Đó là một cách ngắn nhưng quyết liệt để loại bỏ kết quả của rất nhiều điều ác—thực sự khủng khiếp, nhưng khi nó kết thúc, hãy xem đã đạt được bao nhiêu.

We have compared painful experiences roughly—it is not wise to press an analogy too far—to the slow natural curing of some serious disease in one case, and the curing of it in another case by a surgical operation. The surgical operation is dreadful to pass through but when it is over the trouble ought to be done with. A slow cure might mean in the aggregate even more suffering, distributed over many years. I suppose we must take terrible pieces of karma as karmic surgical operations. We do not sympathize, in the ordinary sense of the word, with the dead, because we know that they are far better off than before. With the relations who mourn their loss we do sympathize. But even then let us correct the mistake which causes people to feel horror at these things, and to think that God can no longer be good since He permits them. The experiences are terrible indeed but the result of the whole process is invariably good.

Chúng ta đã so sánh những trải nghiệm đau đớn một cách đại khái—không nên đẩy một sự tương đồng quá xa—với việc chữa trị tự nhiên chậm chạp của một số bệnh nghiêm trọng trong một trường hợp, và việc chữa trị nó trong một trường hợp khác bằng một cuộc phẫu thuật. Cuộc phẫu thuật là điều kinh khủng để trải qua nhưng khi nó kết thúc, vấn đề nên được giải quyết. Một sự chữa trị chậm có thể có nghĩa là tổng cộng thậm chí còn nhiều đau khổ hơn, phân bố qua nhiều năm. Tôi cho rằng chúng ta phải coi những mảnh nghiệp quả khủng khiếp như những cuộc phẫu thuật nghiệp quả. Chúng ta không đồng cảm, theo nghĩa thông thường của từ này, với người chết, vì chúng ta biết rằng họ đang ở trong tình trạng tốt hơn nhiều so với trước đây. Với những người thân đang than khóc sự mất mát của họ, chúng ta có đồng cảm. Nhưng ngay cả khi đó, hãy sửa chữa sai lầm khiến mọi người cảm thấy kinh hoàng trước những điều này, và nghĩ rằng Thượng đế không còn tốt nữa vì Ngài cho phép chúng xảy ra. Những trải nghiệm thực sự là khủng khiếp nhưng kết quả của toàn bộ quá trình luôn luôn là tốt.

We must rise altogether above personal points of view to see how all is working together for good, and how the life in others is threading its way through the maze of karma to the feet of the Eternal. The Chohan says we must read the larger word, take the larger view, of life. Doing this, we shall never classify people in the smaller way. We shall not, for example, think of religious men merely as churchmen and dissenters, but as devotional men. So also we shall think of statesmen not merely as tones or radicals. We shall take wider views, and regard our fellows as men of thought, or of love or of will, according to the type of human conscious activity that dominates their lives. We shall qualify them according to their rays; adopting this deeper classification, we get nearer to the heart of reality, and find ourselves better able to understand life.

Chúng ta phải vượt lên trên hoàn toàn các quan điểm cá nhân để thấy rằng tất cả đang hoạt động cùng nhau vì điều tốt, và làm thế nào sự sống trong người khác đang luồn lách qua mê cung của nghiệp quả đến chân của Đấng Vĩnh Cửu. Đức Đế Quân nói rằng chúng ta phải đọc từ lớn hơn, có cái nhìn lớn hơn về cuộc sống. Làm điều này, chúng ta sẽ không bao giờ phân loại mọi người theo cách nhỏ hơn. Chúng ta sẽ không, ví dụ, nghĩ về những người tôn giáo chỉ đơn thuần là những người nhà thờ và những người bất đồng, mà là những người sùng đạo. Cũng vậy, chúng ta sẽ nghĩ về các chính khách không chỉ đơn thuần là những người bảo thủ hay cấp tiến. Chúng ta sẽ có cái nhìn rộng hơn, và coi đồng bào của mình là những người của tư tưởng, hoặc của tình thương hoặc của ý chí, tùy theo loại hoạt động tâm thức con người chi phối cuộc sống của họ. Chúng ta sẽ phân loại họ theo các cung của họ; áp dụng sự phân loại sâu sắc này, chúng ta tiến gần hơn đến trái tim của thực tại, và thấy mình có khả năng hiểu cuộc sống tốt hơn.

It is very difficult to understand fully all the different types, but we should try to do so. The Adept does understand quite fully, and sympathizes with every possible type; but it takes an Adept to do that. Our duty is to try; however impossible the point of view of the other man may seem at first, one must try to understand it. This does not for a moment mean that one must adopt his outlook; we have just as much right to our own point of view as this other man has to his, but he has also just as much right to his standpoint as we have to ours. A man who can sympathize with those who entirely and radically differ from himself has already made a considerable step towards understanding at least a section of the world in which he lives.

Rất khó để hiểu đầy đủ tất cả các loại khác nhau, nhưng chúng ta nên cố gắng làm điều đó. Chân sư hiểu rất đầy đủ, và đồng cảm với mọi loại có thể có; nhưng cần một Chân sư để làm điều đó. Nhiệm vụ của chúng ta là cố gắng; dù quan điểm của người khác có vẻ không thể nào hiểu nổi lúc đầu, một người phải cố gắng hiểu nó. Điều này không có nghĩa là một người phải chấp nhận quan điểm của người khác; chúng ta có quyền có quan điểm của riêng mình cũng như người khác có quyền có quan điểm của họ, nhưng họ cũng có quyền có quan điểm của họ như chúng ta có quyền có quan điểm của mình. Một người có thể đồng cảm với những người hoàn toàn và căn bản khác biệt với mình đã thực hiện một bước đáng kể hướng tới việc hiểu ít nhất một phần của thế giới mà y đang sống.

It is very clear that what the Master says here is a definite command for the disciple—we must learn to understand every type of person as fully as we can; and whenever we can use influence in any way to get people out of their ruts, that is a good thing to do. It must always be done with understanding, however, for sometimes we may not be able to get a person out on our side of the rut; we may actually throw him into a less desirable condition by what we teach him. I have known that to happen.

Rõ ràng rằng những gì Chân sư nói ở đây là một mệnh lệnh rõ ràng cho đệ tử—chúng ta phải học cách hiểu mọi loại người càng đầy đủ càng tốt; và bất cứ khi nào chúng ta có thể sử dụng ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào để đưa mọi người ra khỏi lối mòn của họ, đó là điều tốt để làm. Tuy nhiên, điều đó phải luôn được thực hiện với sự hiểu biết, vì đôi khi chúng ta có thể không thể đưa một người ra khỏi lối mòn của họ về phía chúng ta; chúng ta có thể thực sự đẩy họ vào một tình trạng kém mong muốn hơn bằng những gì chúng ta dạy họ. Tôi đã biết điều đó xảy ra.

Those whose memories go back to the older Theosophical literature will perhaps remember that it was not very sympathetic to the Church. Madame Blavatsky herself was a little impatient of the orthodox presentation of religion. She had evidently seen a very great deal of the effect of ignorant religious belief in cramping the minds and souls of the people, and sometimes she made quite a severe attack against the narrow religious beliefs that were taught. I think she did not always stop to tell people that there was another and higher side to it all. She was a deadly foe to superstition in any and every form, and she was more concerned in shaking the people out of their superstitions than with providing them' with anything else Probably those people needed just that shaking out, and required to be treated in that drastic way. Probably they could not have been brought immediately to our outlook on life.

Những người có ký ức quay trở lại với văn học Thông Thiên Học cũ có thể nhớ rằng nó không rất đồng cảm với Giáo hội. Bà Blavatsky tự mình có chút thiếu kiên nhẫn với việc trình bày tôn giáo chính thống. Bà rõ ràng đã thấy rất nhiều tác động của niềm tin tôn giáo thiếu hiểu biết trong việc kìm hãm tâm trí và linh hồn của con người, và đôi khi bà đã thực hiện những cuộc tấn công khá nghiêm khắc chống lại những niềm tin tôn giáo hẹp hòi đã được dạy. Tôi nghĩ rằng bà không phải lúc nào cũng dừng lại để nói với mọi người rằng có một mặt khác và cao hơn của tất cả. Bà là một kẻ thù chết người đối với mê tín dưới mọi hình thức, và bà quan tâm nhiều hơn đến việc lay động mọi người ra khỏi mê tín của họ hơn là cung cấp cho họ bất cứ điều gì khác. Có lẽ những người đó cần chính sự lay động đó, và cần được đối xử theo cách quyết liệt đó. Có lẽ họ không thể được đưa ngay lập tức đến quan điểm của chúng ta về cuộc sống.

I knew Dr. Besant when her attacks on Christianity were even more slashing than Madame Blavatsky's. She would address large numbers of freethinkers in the Hall of Science in London, and when they had a Christian evidence man or a clergyman defending orthodoxy, it was interesting to listen to her, for she was probably the greatest debater of

Tôi đã biết Bà Besant khi những cuộc tấn công của bà vào Kitô giáo còn sắc bén hơn cả của Bà Blavatsky. Bà sẽ nói chuyện với một số lượng lớn những người tự do tư tưởng trong Phòng Khoa học ở London, và khi họ có một người bảo vệ chứng cứ Kitô giáo hoặc một giáo sĩ bảo vệ chính thống, thật thú vị khi nghe bà, vì bà có lẽ là nhà tranh luận vĩ đại nhất của thời đại.

the time. I have heard her debate before and after she came into Theosophy. The Theosophical debate was much more charitable than the previous type, but it was not nearly as interesting. She pointed out very gently and kindly the weak points of the other side, and dropped inconvenient questions as much as she could, out of consideration for the feelings of the other party. When first I heard her debate she pushed her advantage to the full, and made it much more interesting, though not pleasantly so for her opponent.

Tôi đã nghe bà tranh luận trước và sau khi bà tham gia Thông Thiên Học. Cuộc tranh luận Thông Thiên Học nhân từ hơn nhiều so với loại trước đó, nhưng nó không thú vị bằng. Bà chỉ ra rất nhẹ nhàng và tử tế những điểm yếu của phía bên kia, và bỏ qua những câu hỏi bất tiện nhiều nhất có thể, vì sự tôn trọng đối với cảm xúc của bên kia. Khi lần đầu tiên tôi nghe bà tranh luận, bà đã tận dụng lợi thế của mình đến mức tối đa, và làm cho nó thú vị hơn nhiều, mặc dù không dễ chịu đối với đối thủ của bà.

Her power is just as great today, but she uses it so much more mercifully that one does not see it in debate to anything like the same extent. She has now what perhaps in her free-thought days she had not, this faculty of understanding everybody. She has that very wonderful power; but she has acquired it by definite work. She has grown into it by making herself understand other people and by putting herself in their places. In her free-thought days, when I first heard her debate, she certainly did not put herself in the place of her opponent, whom she sometimes reduced to stuttering imbecility by the faultless logic and the violence of her attacks.

Sức mạnh của bà ngày nay vẫn lớn như vậy, nhưng bà sử dụng nó nhân từ hơn nhiều đến mức người ta không thấy nó trong tranh luận ở mức độ tương tự. Bà hiện có điều mà có lẽ trong những ngày tự do tư tưởng của mình bà không có, khả năng hiểu mọi người. Bà có sức mạnh rất tuyệt vời đó; nhưng bà đã đạt được nó bằng công việc cụ thể. Bà đã trưởng thành vào nó bằng cách làm cho mình hiểu người khác và đặt mình vào vị trí của họ. Trong những ngày tự do tư tưởng của mình, khi tôi lần đầu tiên nghe bà tranh luận, bà chắc chắn không đặt mình vào vị trí của đối thủ của mình, người mà bà đôi khi đã làm cho trở nên ngớ ngẩn bằng logic không thể sai lầm và sự tấn công mạnh mẽ của mình.

The man who wants to understand all, who wants fully to learn this larger view of life, must also identify himself with the lower kingdoms, must understand nature as a whole as far as he can. He must enter into a sympathetic attitude towards the great Devas, the nature-spirits, the spirits of the trees and of the country-side. We seem to have lost that in these modern civilizations, though here and there we find a poet, an author or an artist who has it. Because they had it, such men as Ruskin and Turner could write and paint as they did.

Người muốn hiểu tất cả, người muốn học đầy đủ cái nhìn lớn hơn về cuộc sống, cũng phải đồng hóa với các giới thấp hơn, phải hiểu thiên nhiên như một tổng thể càng xa càng tốt. Y phải bước vào một thái độ đồng cảm đối với các Đại Thiên Thần, các tinh linh thiên nhiên, các tinh linh của cây cối và của vùng quê. Chúng ta dường như đã mất điều đó trong những nền văn minh hiện đại này, mặc dù ở đây và đó chúng ta tìm thấy một nhà thơ, một tác giả hoặc một nghệ sĩ có điều đó. Vì họ có điều đó, những người như Ruskin và Turner có thể viết và vẽ như họ đã làm.

In ancient Greece we looked at things very differently from the way in which people regard them now. Everything in nature meant much more to us then than it does in these days, except to the few who are artistic. We thought less about money and business, and we enjoyed nature more. It is well to understand such a point of view as that. In the development of the lower mind, and in sharpening it on the business and practical side of life our modern races have lost very much, though unquestionably they have also gained a great deal—the faculty of managing a great many things at once and also that of concentration under exceedingly difficult circumstances, amid the fearful noise and racket and tear of this civilization. We had nothing like that in Greece; we could not travel about so quickly, but we saw very much more when we did travel.

Ở Hy Lạp cổ đại, chúng ta nhìn mọi thứ rất khác so với cách mà mọi người nhìn nhận chúng bây giờ. Mọi thứ trong thiên nhiên có ý nghĩa nhiều hơn đối với chúng ta khi đó so với bây giờ, ngoại trừ một số ít người có tính nghệ thuật. Chúng ta nghĩ ít hơn về tiền bạc và kinh doanh, và chúng ta tận hưởng thiên nhiên nhiều hơn. Điều đó tốt để hiểu một quan điểm như vậy. Trong sự phát triển của hạ trí, và trong việc mài sắc nó trên mặt kinh doanh và thực tế của cuộc sống, các chủng tộc hiện đại của chúng ta đã mất rất nhiều, mặc dù không thể phủ nhận rằng họ cũng đã đạt được rất nhiều—khả năng quản lý nhiều thứ cùng một lúc và cũng là khả năng tập trung dưới những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, giữa tiếng ồn ào và sự xé nát đáng sợ của nền văn minh này. Chúng ta không có gì giống như vậy ở Hy Lạp; chúng ta không thể di chuyển nhanh chóng như vậy, nhưng chúng ta đã thấy rất nhiều hơn khi chúng ta di chuyển.

I think we should try to recover the ancient outlook to some extent, by entering into the life and glory and beauty of the world which is all around us. The surroundings that man makes in these times are rarely beautiful, but in the days when men understood nature more, they did not spoil her forms nearly so much. The Greeks could build temples which were not out of place amidst the most beautiful natural surroundings. Perhaps we also will learn to combine beauty with usefulness; for example, we may learn to errect a building like a cathedral to be used as a factory; but in the meantime it is one of the weak points in this civilization that it is out of sympathy with nature in all her deeper aspects, so that we need cultivation to acquire what was inborn in the Greeks—sympathy with nature. When one reads Ruskin's *Queen of the Air* one begins to understand a little of it.

Tôi nghĩ rằng chúng ta nên cố gắng khôi phục một phần cái nhìn cổ xưa, bằng cách bước vào cuộc sống và vinh quang và vẻ đẹp của thế giới xung quanh chúng ta. Những môi trường mà con người tạo ra trong thời đại này hiếm khi đẹp, nhưng trong những ngày khi con người hiểu thiên nhiên hơn, họ không làm hỏng hình thức của nó nhiều như vậy. Người Hy Lạp có thể xây dựng những ngôi đền không bị lạc lõng giữa những môi trường tự nhiên đẹp nhất. Có lẽ chúng ta cũng sẽ học cách kết hợp vẻ đẹp với sự hữu ích; ví dụ, chúng ta có thể học cách dựng một tòa nhà như một nhà thờ để được sử dụng như một nhà máy; nhưng trong khi đó, đó là một trong những điểm yếu của nền văn minh này rằng nó không đồng cảm với thiên nhiên trong tất cả các khía cạnh sâu sắc của nó, vì vậy chúng ta cần sự tu dưỡng để có được điều mà người Hy Lạp đã có bẩm sinh—sự đồng cảm với thiên nhiên. Khi một người đọc "Nữ hoàng của Không khí" của Ruskin, người ta bắt đầu hiểu một chút về điều đó.

Let us try to make all-round progress. We have all lived in races of the past which made beauty their principal influence—which had leisure and largeness of life. We, therefore, have it all in the ego. Our present life crushes it down to a great extent, but it needs only to be appealed to, and it will break through the barrier. That can be done, and it is worth doing even if only from a selfish point of view, for we should then enjoy life far more fully.

Hãy cố gắng tiến bộ toàn diện. Chúng ta đã sống trong các chủng tộc của quá khứ mà đã làm cho vẻ đẹp trở thành ảnh hưởng chính của họ—những chủng tộc có sự nhàn rỗi và sự rộng lớn của cuộc sống. Do đó, chúng ta có tất cả điều đó trong chân ngã. Cuộc sống hiện tại của chúng ta đè nén nó rất nhiều, nhưng nó chỉ cần được kêu gọi, và nó sẽ phá vỡ rào cản. Điều đó có thể được thực hiện, và nó đáng để làm ngay cả khi chỉ từ một quan điểm ích kỷ, vì chúng ta sẽ tận hưởng cuộc sống đầy đủ hơn nhiều.

There are some people who feel disharmony with nature, who say that we are surrounded by “evil influences”, and that the world is full of scorpions and snakes and tigers. There is no inherent wickedness in a snake or a scorpion or a hornet, but they are all exceedingly easily irritated, and entirely—as we should say if they were human—unscrupulous as to the methods they employ. They simply run amuck, and sting or bite every one near by, if they happen to be a little annoyed; but you cannot call them wicked creatures, because they are not doing this with malignity. They are very full of life, so they plunge about and injure anyone who happens to come in their way.

Có một số người cảm thấy không hòa hợp với thiên nhiên, những người nói rằng chúng ta bị bao quanh bởi "những ảnh hưởng xấu", và rằng thế giới đầy rẫy bọ cạp và rắn và hổ. Không có sự ác độc vốn có trong một con rắn hay một con bọ cạp hay một con ong vò vẽ, nhưng tất cả chúng đều rất dễ bị kích thích, và hoàn toàn—như chúng ta sẽ nói nếu chúng là con người—không có lương tâm về các phương pháp mà chúng sử dụng. Chúng chỉ đơn giản là chạy loạn, và chích hoặc cắn bất kỳ ai gần đó, nếu chúng tình cờ bị làm phiền một chút; nhưng bạn không thể gọi chúng là những sinh vật ác độc, vì chúng không làm điều này với ác ý. Chúng rất đầy sức sống, vì vậy chúng lao vào và làm tổn thương bất kỳ ai tình cờ đi ngang qua.

It is the same in the astral and etheric regions as well. There are plenty of the lower types of nature-spirits who are not wicked, not seeking to do evil, but are very unpleasant creatures to deal with—the sort to be avoided. Fortunately it is easier to avoid these things on the astral plane than in the physical world, because a strong wish is sufficient there to drive them away from you. Creatures of that sort will take advantage of you if you lay yourself open to their influence. Many of them, as I have before explained, are delighted to find a man in a royal rage. They do not in the

Điều đó cũng tương tự trong các vùng cảm dục và dĩ thái. Có rất nhiều loại tinh linh thiên nhiên thấp hơn không ác độc, không tìm cách làm điều ác, nhưng là những sinh vật rất khó chịu để đối phó—loại cần tránh. May mắn thay, dễ dàng tránh những thứ này trên cõi cảm dục hơn là trong thế giới vật chất, vì một mong muốn mạnh mẽ là đủ để đẩy chúng ra xa bạn. Những sinh vật loại đó sẽ lợi dụng bạn nếu bạn để mình mở ra cho ảnh hưởng của chúng. Nhiều trong số chúng, như tôi đã giải thích trước đây, rất vui mừng khi thấy một người trong cơn thịnh nộ hoàng gia. Chúng

least care why he is angry—I am not at all sure that they know that a man is involved—but when they find a vortex of vivid coarse vibrations which happen to suit them they plunge in and enjoy it and stimulate it, and in every possible way make more and more of it.

không quan tâm tại sao y tức giận—tôi không chắc rằng chúng biết rằng có một người liên quan—nhưng khi chúng tìm thấy một xoáy của những rung động thô bạo sống động phù hợp với chúng, chúng lao vào và tận hưởng nó và kích thích nó, và bằng mọi cách có thể làm cho nó ngày càng nhiều hơn.

Vibrations of cruelty are greatly enjoyed by some of these creatures, and there is no doubt that they are eager to seize upon one who has this vice, and stir him up to greater cruelty than the man himself would ever have thought of. If you let anger take hold of you, you may do and say all kinds of things you would not wish to do in the least. The same is true of cruelty: certainly it is also true of jealousy, envy and hatred. When a man plunges into any one of these passions, it is as though the astral body suddenly became alive and vindictive, because it is seized upon by a quantity of these creatures. It is very difficult for us to feel at all kindly towards them. We naturally think of the bad effect that they produce upon us. Yet the poor thing is only enjoying himself after his kind. That does not, however, excuse our letting him get hold of us; we ought to have risen above it. But we have to remember that all kinds of intensifications of that sort do take place, and when we are studying our fellow-men we must constantly make allowances for them.

Những rung động của sự tàn ác được một số sinh vật này rất thích thú, và không có nghi ngờ gì rằng chúng háo hức nắm bắt một người có thói xấu này, và kích động y đến mức tàn ác hơn mà chính y chưa bao giờ nghĩ tới. Nếu bạn để sự tức giận chiếm lấy bạn, bạn có thể làm và nói đủ loại điều mà bạn không muốn làm chút nào. Điều tương tự cũng đúng với sự tàn ác: chắc chắn nó cũng đúng với sự ghen tuông, đố kỵ và hận thù. Khi một người lao vào bất kỳ một trong những đam mê này, nó giống như thể thể cảm dục đột nhiên trở nên sống động và thù địch, vì nó bị chiếm lấy bởi một số lượng lớn những sinh vật này. Rất khó để chúng ta cảm thấy chút nào thân thiện với chúng. Chúng ta tự nhiên nghĩ về tác động xấu mà chúng gây ra cho chúng ta. Tuy nhiên, sinh vật tội nghiệp chỉ đang tận hưởng bản thân theo cách của nó. Điều đó không, tuy nhiên, biện minh cho việc để nó chiếm lấy chúng ta; chúng ta nên vượt lên trên nó. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng tất cả các loại tăng cường như vậy đều xảy ra, và khi chúng ta đang nghiên cứu đồng bào của mình, chúng ta phải liên tục tạo ra sự khoan dung cho họ.

There are vast forces moving round us of which most men have very little idea. We all know that in a general sort of way. We know that forces such as public opinion press upon us without our feeling them but we do not quite realize, perhaps, the tremendous strength of the law of evolution and the many and diverse ways in which it is acting all about us. God hides Himself in matter, but He is not dead because He hides Himself there; all the

Có những lực lượng khổng lồ đang di chuyển xung quanh chúng ta mà hầu hết mọi người có rất ít ý tưởng. Tất cả chúng ta đều biết điều đó theo một cách chung chung. Chúng ta biết rằng những lực lượng như dư luận đang đè nén chúng ta mà không cảm nhận được chúng nhưng chúng ta có thể không hoàn toàn nhận ra, có lẽ, sức mạnh to lớn của định luật tiến hóa và nhiều cách đa dạng mà nó đang hoạt động xung quanh chúng ta. Thượng đế ẩn mình

time His activities, His forces, are playing upon all His creatures. When they are acting strongly on a man they stir him up, and that is somewhat like the stirring up of a pool. All the water is put into motion, and whatever there is in the pool is churned up and brought to the surface. The pool may become very muddy for the time being by the process, but by it one learns what was lying at the bottom; it is better that the water should be stirred up, even if there is mud, than to let it stagnate and go hopelessly to the bad. So sometimes all this disturbance which is a part of His divine life brings out in people qualities which are undesirable.

trong vật chất, nhưng Ngài không chết vì Ngài ẩn mình ở đó; mọi lúc các hoạt động của Ngài, các lực lượng của Ngài, đang tác động lên tất cả các sinh vật của Ngài. Khi chúng đang tác động mạnh mẽ lên một người, chúng khuấy động y lên, và điều đó giống như việc khuấy động một cái hồ. Tất cả nước được đưa vào chuyển động, và bất cứ thứ gì có trong hồ đều bị khuấy động và đưa lên bề mặt. Hồ có thể trở nên rất đục trong thời gian đó bởi quá trình này, nhưng nhờ đó người ta học được những gì đang nằm ở đáy; tốt hơn là nước nên được khuấy động lên, ngay cả khi có bùn, hơn là để nó trì trệ và trở nên vô vọng xấu đi. Vì vậy, đôi khi tất cả sự xáo trộn này, vốn là một phần của sự sống thiêng liêng của Ngài, mang lại trong con người những phẩm chất không mong muốn.

It might be suggested that it would be better for a person if he had not been stirred up, but that is not so. He has for the time being been made more alive—disagreeably so, but it is better that the unpleasant qualities should come to the surface. Then he will know of them, and his friends, who see them too, may help him; whereas otherwise they might remain unnoticed, and might produce seriously bad effects when an opportunity occurred for their being stirred up later on. So sometimes it is the very divine force itself which brings forth activities which seem undesirable. We may be very sure that He who doeth all things, doeth all things well. He knows what He is doing, and when He stirs up foul matter of some kind it is in order that it should be expelled, though at the time it does not always look well or hopeful for evolution. We have constantly to remember that every man we see is on a different rung of the ladder of evolution, so that what for one is very good, even necessary, is precisely that which would be harmful for another. We have to watch, and learn how to be entirely impartial and not

Có thể gợi ý rằng sẽ tốt hơn cho một người nếu y không bị khuấy động, nhưng điều đó không đúng. Y đã được làm cho sống động hơn trong thời gian đó—một cách khó chịu, nhưng tốt hơn là những phẩm chất không mong muốn nên nổi lên bề mặt. Sau đó y sẽ biết về chúng, và bạn bè của y, những người cũng thấy chúng, có thể giúp y; trong khi nếu không, chúng có thể vẫn không được chú ý, và có thể gây ra những tác động nghiêm trọng khi có cơ hội để chúng bị khuấy động sau này. Vì vậy, đôi khi chính lực lượng thiêng liêng đó mang lại những hoạt động có vẻ không mong muốn. Chúng ta có thể rất chắc chắn rằng Ngài, Đấng làm mọi việc, làm mọi việc tốt. Ngài biết Ngài đang làm gì, và khi Ngài khuấy động vật chất bẩn thỉu nào đó, đó là để nó được trục xuất, mặc dù lúc đó nó không phải lúc nào cũng trông tốt hoặc hy vọng cho tiến hóa. Chúng ta phải liên tục nhớ rằng mỗi người mà chúng ta thấy đang ở trên một bậc thang khác nhau của thang tiến hóa, vì vậy điều gì tốt cho một người, thậm chí cần thiết, chính là điều có thể gây hại cho người khác. Chúng ta phải quan sát, và học cách hoàn toàn vô tư và không

to judge hastily, whatever happens. All lives are in the Logos and are quite definitely part of His life; so it follows that all these things are really His aspects and expressions. In that way we have kinship with all these manifestations, and a duty towards them. We may have opportunities of helping one and not another; we must take what comes in our way to do.

phán xét vội vàng, bất kể điều gì xảy ra. Tất cả các sự sống đều nằm trong Thượng đế và là một phần rõ ràng của sự sống của Ngài; do đó, tất cả những điều này thực sự là các phương diện và biểu hiện của Ngài. Theo cách đó, chúng ta có mối quan hệ với tất cả những biểu hiện này, và có một nghĩa vụ đối với chúng. Chúng ta có thể có cơ hội giúp đỡ một người và không phải người khác; chúng ta phải làm những gì đến trong khả năng của mình để làm.

10. Learn to look intelligently into the hearts of men.

Học cách nhìn vào trái tim của con người một cách thông minh.

Study the hearts of men that you may know what is that world in which you live and of which you will to be a part.

Nghiên cứu trái tim của con người để bạn có thể biết thế giới mà bạn đang sống và mà bạn muốn trở thành một phần.

In this Rule the word heart is used symbolically; we must look into the whole nature of man as far as we can; not only into his feelings, which are usually represented by the heart, but into his mental processes as well. We are required to try to understand him deeply, and to do that we must search for the manifestation of the ego in him.

Trong Quy luật này, từ "trái tim" được sử dụng một cách tượng trưng; chúng ta phải nhìn vào toàn bộ bản chất của con người càng xa càng tốt; không chỉ vào cảm xúc của y, vốn thường được đại diện bởi trái tim, mà còn vào các quá trình trí tuệ của y. Chúng ta được yêu cầu cố gắng hiểu y sâu sắc, và để làm điều đó, chúng ta phải tìm kiếm sự biểu hiện của chân ngã trong y.

When we see men round us acting in ways different from our own we often exclaim: Whatever could have made the man do such a thing as that? We could not conceive of ourselves doing that particular thing under any circumstances, and we cannot see why our fellow-man should do it. Most of us have rather given up many such riddles long ago, because they seem almost impossible to understand. I cannot understand, for example, why huge crowds should go to see a boxing-match; I cannot see what is the interest in it, because to me the whole thing is a brutal exhibition. If it were a question of

Khi chúng ta thấy những người xung quanh hành động theo những cách khác với chúng ta, chúng ta thường thốt lên: Điều gì có thể khiến người đó làm một việc như vậy? Chúng ta không thể tưởng tượng mình làm điều đó trong bất kỳ hoàn cảnh nào, và chúng ta không thể hiểu tại sao đồng bào của mình lại làm điều đó. Hầu hết chúng ta đã từ bỏ nhiều câu đố như vậy từ lâu, vì chúng dường như gần như không thể hiểu được. Tôi không thể hiểu, ví dụ, tại sao đám đông khổng lồ lại đi xem một trận đấu quyền anh; tôi không thể thấy điều gì là thú vị trong đó, vì đối với tôi toàn bộ sự việc là một cuộc triển lãm tàn bạo. Nếu đó là một

paying, I should prefer to pay to go away somewhere not to see it. If I think over it carefully and try to reason it out, I find that perhaps the attraction is an exhibition of skill —of a certain brutal and degraded sort, but nevertheless it is skill—and perhaps there is also the idea of courage and staying power.

câu hỏi về việc trả tiền, tôi thà trả tiền để đi đâu đó không để xem nó. Nếu tôi suy nghĩ kỹ và cố gắng lý giải, tôi thấy rằng có lẽ sự hấp dẫn là một cuộc triển lãm kỹ năng—một loại kỹ năng tàn bạo và suy đồi, nhưng dù sao đó cũng là kỹ năng—và có lẽ cũng có ý tưởng về lòng dũng cảm và sức bền.

In the same way numbers of people stand about the corners of the streets, guffawing and talking in coarse and raucous voices. What pleasure they get out of it I do not understand in the very least; still, there they are, and they constitute a large section of human beings, whom we ought more or less to try to understand.

Tương tự, nhiều người đứng quanh các góc phố, cười khúc khích và nói chuyện bằng giọng thô lỗ và khàn khàn. Tôi không hiểu chút nào niềm vui mà họ có được từ đó; tuy nhiên, họ ở đó, và họ tạo thành một phần lớn của nhân loại, mà chúng ta nên cố gắng hiểu ít nhiều.

People do all kinds of strange things. Sometimes they fail into ecstasies of jealousy over nothing in particular. At others, one sees people acutely affected by what somebody else says about them. You apply reason, and say that it does not in the very least matter what other people say, because it does not do them any harm. But the fact remains that they are very strongly and seriously affected. We ought to understand why, to some extent, if we can. I quite admit it is out of the question in many cases; still manifestly it is our business to try to understand our fellow-men.

Mọi người làm đủ loại điều kỳ lạ. Đôi khi họ rơi vào trạng thái ghen tuông cuồng nhiệt vì không có gì đặc biệt. Lúc khác, người ta thấy mọi người bị ảnh hưởng sâu sắc bởi những gì người khác nói về họ. Bạn áp dụng lý trí, và nói rằng điều đó không quan trọng chút nào những gì người khác nói, vì nó không gây hại cho họ. Nhưng thực tế là họ bị ảnh hưởng rất mạnh mẽ và nghiêm trọng. Chúng ta nên hiểu tại sao, ở một mức độ nào đó, nếu có thể. Tôi hoàn toàn thừa nhận rằng điều đó là không thể trong nhiều trường hợp; tuy nhiên, rõ ràng là nhiệm vụ của chúng ta là cố gắng hiểu đồng bào của mình.

Some people might say that it is sot an interesting study. It is not interesting for us personally, if we are thinking about that; but it is interesting from the larger point of view. Since we think of ourselves as having evolved a little further than these people, it is very clearly our duty to help them, but without understanding our help will be futile. It is very true that the things in which most of these people are interested do not interest us, but that is only a symptom of our having grown a little beyond them in the age of the soul. The

Một số người có thể nói rằng đó không phải là một nghiên cứu thú vị. Nó không thú vị đối với chúng ta cá nhân, nếu chúng ta đang nghĩ về điều đó; nhưng nó thú vị từ quan điểm rộng lớn hơn. Vì chúng ta nghĩ rằng mình đã tiến hóa xa hơn một chút so với những người này, rõ ràng là nhiệm vụ của chúng ta là giúp đỡ họ, nhưng nếu không hiểu biết thì sự giúp đỡ của chúng ta sẽ vô ích. Rất đúng là những điều mà hầu hết những người này quan tâm không làm chúng ta quan tâm, nhưng đó chỉ là một triệu chứng của việc chúng ta đã phát triển một

soul grows, and people become more rational as they advance. Small children do all sorts of things that we cannot understand. Boys and girls of thirteen or fourteen have a set of motives which are somewhat nearer to ours, but still we do not know why they do what they do. We have to go back to our own youth before we can realize at all what they are doing and how things will strike them. It is always difficult; I know that well, because I have had very much to do at one time and another with boys and young people. If you put an idea before them in a certain way, in the hope that they may perhaps take it as you take it, sometimes they do, but often they approach it from quite another point of view, and decide upon it for reasons which would never have occurred to you. Sometimes you can make out what they are aiming at, but sometimes you cannot. Schoolmasters and other people who have much to do with boys and girls ought to make it part of their business to try to understand their bizarre lines of thought and feeling, because then they are more likely to avoid offending the young people.

chút vượt qua họ trong tuổi của linh hồn. Linh hồn phát triển, và con người trở nên lý trí hơn khi họ tiến bộ. Trẻ nhỏ làm đủ thứ mà chúng ta không thể hiểu được. Các cậu bé và cô gái mười ba hoặc mười bốn tuổi có một tập hợp động cơ gần gũi hơn với chúng ta, nhưng chúng ta vẫn không biết tại sao họ làm những gì họ làm. Chúng ta phải quay lại tuổi trẻ của mình trước khi có thể nhận ra những gì họ đang làm và cách mà mọi thứ sẽ ảnh hưởng đến họ. Điều đó luôn khó khăn; tôi biết điều đó rõ, vì tôi đã từng có rất nhiều việc phải làm với các cậu bé và thanh niên. Nếu bạn đưa ra một ý tưởng trước họ theo một cách nhất định, với hy vọng rằng họ có thể tiếp nhận nó như bạn, đôi khi họ làm, nhưng thường họ tiếp cận nó từ một quan điểm hoàn toàn khác, và quyết định về nó vì những lý do mà bạn không bao giờ nghĩ tới. Đôi khi bạn có thể hiểu được họ đang nhắm đến điều gì, nhưng đôi khi bạn không thể. Các thầy giáo và những người khác có nhiều việc phải làm với các cậu bé và cô gái nên coi đó là một phần công việc của họ để cố gắng hiểu các dòng suy nghĩ và cảm xúc kỳ lạ của họ, vì khi đó họ có nhiều khả năng tránh làm tổn thương thanh niên.

That is an extreme case, but you have to do the same thing with the adult people round you. If you are desirous to help them you must try to put yourself in their place; that is what is meant here by learning to look intelligently into the hearts of men. They have their prejudices and you have yours; it is highly probable that the prejudices are different in some ways, and so you have to discover the other person's point of view and make allowance for it. Endeavour to find how he arrives at his position and why his particular prejudice exists, so that perhaps you may be able to help him to surmount it.

Đó là một trường hợp cực đoan, nhưng bạn phải làm điều tương tự với những người trưởng thành xung quanh bạn. Nếu bạn mong muốn giúp đỡ họ, bạn phải cố gắng đặt mình vào vị trí của họ; đó là điều được nói đến ở đây khi học cách nhìn thông minh vào trái tim của con người. Họ có những định kiến của họ và bạn có của bạn; rất có thể rằng các định kiến khác nhau theo một số cách, và do đó bạn phải khám phá quan điểm của người khác và chấp nhận nó. Cố gắng tìm hiểu cách mà y đạt được vị trí của mình và tại sao định kiến cụ thể của y tồn tại, để có lẽ bạn có thể giúp y vượt qua nó.

Prejudice is indeed very subtle. It is so strong and so ingrained generally that the man does

Định kiến thực sự rất tinh vi. Nó mạnh mẽ và ăn sâu đến mức người ta không biết nó tồn tại;

not know it is there; he does not believe that he requires any help, and it is therefore often difficult to give it without offence. Still, it is a very great advantage to a man if he can be helped somehow to get rid of his prejudice. In order to succeed in that work and do it skilfully, you must find out just why the man thinks this or that, and how his prejudice arose. Your own prejudice in the matter will have to be put aside resolutely; otherwise you will be dragging him from one false point of view to another.

y không tin rằng y cần bất kỳ sự giúp đỡ nào, và do đó thường khó để giúp đỡ mà không gây xúc phạm. Tuy nhiên, đó là một lợi thế rất lớn cho một người nếu y có thể được giúp đỡ bằng cách nào đó để loại bỏ định kiến của mình. Để thành công trong công việc đó và làm nó một cách khéo léo, bạn phải tìm hiểu chính xác tại sao người đó nghĩ thế này hay thế kia, và định kiến của y đã phát sinh như thế nào. Định kiến của bạn trong vấn đề này sẽ phải được gạt sang một bên một cách kiên quyết; nếu không, bạn sẽ kéo y từ một quan điểm sai lầm này sang một quan điểm sai lầm khác.

Most of the causes of people's strange interests arise in their astral bodies. The mental body is only in process of being developed. This fact can be seen in all the phenomena that surround us in the mental plane after death. When the average better class man passes into the astral world he is fully capable of taking an intelligent part in the life of that plane, though some do and some do not, and some soon get the matter of their bodies rearranged, and thereby become greatly limited in capacity. The astral body has its faculties well developed; they are ready for use, though many people do not know what they ought to do and how they ought to use them. When those who have made some study of these matters pass to the astral plane, they find themselves in a vehicle which expresses them more fully than did the physical body; but when they reach the heaven-world it is generally not so.

Hầu hết các nguyên nhân của những sở thích kỳ lạ của con người phát sinh trong thể cảm dục của họ. Thể trí chỉ đang trong quá trình phát triển. Thực tế này có thể được thấy trong tất cả các hiện tượng xung quanh chúng ta trên cõi trí sau khi chết. Khi người đàn ông trung bình thuộc tầng lớp khá hơn đi vào thế giới cảm dục, y hoàn toàn có khả năng tham gia một cách thông minh vào cuộc sống của cõi đó, mặc dù một số làm và một số không, và một số sớm sắp xếp lại vật chất của cơ thể họ, và do đó trở nên hạn chế rất nhiều về khả năng. Thể cảm dục có các khả năng của nó phát triển tốt; chúng sẵn sàng để sử dụng, mặc dù nhiều người không biết họ nên làm gì và họ nên sử dụng chúng như thế nào. Khi những người đã nghiên cứu một số vấn đề này đi vào cõi cảm dục, họ thấy mình trong một vận cụ thể thể hiện họ đầy đủ hơn so với thể xác; nhưng khi họ đến thế giới thiên đường thì thường không như vậy.

There we usually find them working *inside* the mental body, and so very much shut up in it that it is really more of a shell for them than an expression of their life. That is what is meant by all that is written so strongly in the older books as to the fact that men in the heaven-world are shut away from all the rest. It is often spoken of as though it were a

Ở đó, chúng ta thường thấy họ làm việc bên trong thể trí, và bị giam cầm trong đó đến mức nó thực sự là một cái vỏ hơn là một sự biểu hiện của cuộc sống của họ. Đó là điều được nói đến trong tất cả những gì được viết rất mạnh mẽ trong các sách cũ về thực tế rằng con người trong thế giới thiên đường bị tách biệt khỏi tất cả những người khác. Nó thường được nói đến

reserved part of the mental plane. It is not that, but each man has shut himself up in his own shell, and therefore he takes no part in the life of the mental plane at all; he does not move about freely and deal with people as he does in the astral plane. The only openings in his shell through which life outside can reach him are those windows which he has made for himself by developing his mental body on certain lines. Whatever the man has done with his mental body lays him open to mental influences. Whatever it is, he will reap the result during his heaven-life, and he can to some extent communicate with the outside world through that. But the results.which he will be able to produce upon the inhabitants of that plane will be much less on the whole than those which they will produce upon him, because it is often only through very narrow channels that he is able to express himself at all on that plane.

That very fact, which for a long time in the earlier days of our Theosophical study we did not understand, shows that the mental body of the average man is only partially developed. When we come to look at the manifestations down here in the physical world we find that the same thing is true. Probably every one has experienced these limitations in other people; we can find them in ourselves if we wish, but we see these things more readily in others than in ourselves. When you talk to strangers about Theosophy, for example, you will find that some of them take it up with great eagerness, and others do not know what you are talking about. They listen to what you say, and they say: “Yes, yes,” but they are obviously not interested. The usual reason for this difference between people is that some of them have met ideas of this sort in previous lives and others have not. I think we should be justified in considering that all people who have been civilized for some thousands of

như thể đó là một phần được bảo lưu của cõi trí. Không phải vậy, nhưng mỗi người đã tự nhốt mình trong cái vỏ của mình, và do đó y không tham gia vào cuộc sống của cõi trí chút nào; y không di chuyển tự do và giao tiếp với mọi người như y làm trong cõi cảm dục. Những lỗ hổng duy nhất trong cái vỏ của y mà qua đó cuộc sống bên ngoài có thể tiếp cận y là những cửa sổ mà y đã tự tạo ra bằng cách phát triển thể trí của mình theo những đường nhất định. Bất cứ điều gì người đó đã làm với thể trí của mình đều mở ra cho y những ảnh hưởng trí tuệ. Dù đó là gì, y sẽ gặt hái kết quả trong cuộc sống thiên đường của mình, và y có thể đến một mức độ nào đó giao tiếp với thế giới bên ngoài thông qua điều đó. Nhưng những kết quả mà y có thể tạo ra đối với cư dân của cõi đó sẽ ít hơn nhiều so với những gì họ sẽ tạo ra đối với y, bởi vì thường chỉ qua những kênh rất hẹp mà y có thể tự biểu hiện chút nào trên cõi đó.

Chính thực tế đó, mà trong một thời gian dài trong những ngày đầu của nghiên cứu Thông Thiên Học của chúng ta, chúng ta không hiểu, cho thấy rằng thể trí của người đàn ông trung bình chỉ phát triển một phần. Khi chúng ta nhìn vào các biểu hiện ở đây trong thế giới hồng trần, chúng ta thấy rằng điều tương tự cũng đúng. Có lẽ mọi người đều đã trải qua những hạn chế này ở người khác; chúng ta có thể tìm thấy chúng trong chính mình nếu chúng ta muốn, nhưng chúng ta thấy những điều này dễ dàng hơn ở người khác hơn là ở chính mình. Khi bạn nói chuyện với người lạ về Thông Thiên Học, chẳng hạn, bạn sẽ thấy rằng một số người tiếp nhận nó với sự háo hức lớn, và những người khác không biết bạn đang nói về điều gì. Họ lắng nghe những gì bạn nói, và họ nói: "Vâng, vâng," nhưng rõ ràng họ không quan tâm. Lý do thông thường cho sự khác biệt này giữa mọi người là một số trong số họ đã gặp những ý tưởng như vậy trong các kiếp trước và những người khác thì không. Tôi

years have certainly met with these ideas in earlier lives. Anyone who had a birth in ancient India or ancient Egypt, or who was sufficiently respectable to enter the Mysteries in Greece or Rome, will already have had some touch with these ideas. Some will have gone deeply into the matter, and by doing so will have developed that part of their mental bodies which is able to think of ideas such as these. Others cannot understand, and they do not care about it. All they want is to have a good time, as they put it. Apart from these grosser and lower desires their brains are of no use to them. If you could get them to read a page about Theosophy they would not remember it.

nghĩ chúng ta nên được phép xem xét rằng tất cả những người đã được văn minh trong vài ngàn năm chắc chắn đã gặp những ý tưởng này trong các kiếp trước. Bất kỳ ai đã sinh ra ở Ấn Độ cổ đại hoặc Ai Cập cổ đại, hoặc đủ đáng kính để tham gia vào các Bí ẩn ở Hy Lạp hoặc La Mã, sẽ đã có một số tiếp xúc với những ý tưởng này. Một số sẽ đã đi sâu vào vấn đề, và bằng cách làm như vậy sẽ đã phát triển phần thể trí của họ có thể suy nghĩ về những ý tưởng như vậy. Những người khác không thể hiểu, và họ không quan tâm đến nó. Tất cả những gì họ muốn là có một thời gian vui vẻ, như họ nói. Ngoài những ham muốn thô thiển và thấp kém này, bộ não của họ không có ích gì cho họ. Nếu bạn có thể khiến họ đọc một trang về Thông Thiên Học, họ sẽ không nhớ nó.

The brain must be educated along the line in which we want it to work, and that is precisely what we do in Theosophy. Those people who take it up readily and eagerly do so partly because it answers many questions which they have been asking themselves, and partly because they have thought to some extent along such lines in other lives. Their brains are already opened so far as that part of them is concerned; it is very hard work for the person whose brain is not yet at all opened, as regards the philosophical part of it, to try to understand Theosophy. You give him a simple explanation and he probably assimilates only a very few of the broad ideas. The fact is that men need a great deal of preparation. The average man cannot see anything in it. I am not for the moment talking about his being clever or stupid, but simply of the fact that he is not conversant with this line of thought. He requires a good deal of preparation. He gains this for the most part through religion, and in religion he ought to be gradually trained. A fully developed religion ought to be able to meet all classes of people. All religions in the beginning do that, but as time goes on some of

Bộ não phải được giáo dục theo hướng mà chúng ta muốn nó hoạt động, và đó chính xác là những gì chúng ta làm trong Thông Thiên Học. Những người tiếp nhận nó một cách dễ dàng và háo hức làm như vậy một phần vì nó trả lời nhiều câu hỏi mà họ đã tự hỏi mình, và một phần vì họ đã suy nghĩ đến một mức độ nào đó theo những hướng như vậy trong các kiếp khác. Bộ não của họ đã được mở ra cho đến mức đó; rất khó khăn cho người có bộ não chưa được mở ra chút nào, về phần triết học của nó, để cố gắng hiểu Thông Thiên Học. Bạn đưa cho y một giải thích đơn giản và y có lẽ chỉ tiếp thu được một vài ý tưởng rộng lớn. Thực tế là con người cần rất nhiều sự chuẩn bị. Người đàn ông trung bình không thể thấy bất cứ điều gì trong đó. Tôi không nói về việc y thông minh hay ngu ngốc, mà chỉ đơn giản là thực tế rằng y không quen thuộc với dòng suy nghĩ này. Y cần rất nhiều sự chuẩn bị. Y đạt được điều này chủ yếu thông qua tôn giáo, và trong tôn giáo y nên được đào tạo dần dần. Một tôn giáo phát triển đầy đủ nên có thể đáp ứng tất cả các tầng lớp người. Tất cả các tôn giáo ban đầu đều làm điều đó, nhưng theo thời gian một số trong số họ mất đi một phần và một số khác, và đôi khi

them lose one part and some another, and sometimes they crystallize along undesirable lines.

họ kết tinh theo những hướng không mong muốn.

If we are to try to understand men we must remember the extent to which they are developed or undeveloped. We must remember that the mental body is not as yet fully developed, and therefore necessarily the causal body, which is higher, is still less developed, so that it is hardly working at all in the lower classes. Sometimes people who have studied Theosophy and have therefore understood a great deal about life and developed their minds along that line, are apt to rest upon their laurels and think that they have done all that is needful in the development of the mind. But often that is not the case, and sooner or later they must undertake some form of intellectual work or mental training.

Nếu chúng ta muốn cố gắng hiểu con người, chúng ta phải nhớ đến mức độ mà họ đã phát triển hoặc chưa phát triển. Chúng ta phải nhớ rằng thể trí chưa được phát triển đầy đủ, và do đó thể nguyên nhân, vốn cao hơn, vẫn còn kém phát triển hơn, đến mức nó hầu như không hoạt động chút nào trong các tầng lớp thấp hơn. Đôi khi những người đã nghiên cứu Thông Thiên Học và do đó đã hiểu rất nhiều về cuộc sống và phát triển trí tuệ của họ theo hướng đó, có xu hướng tự mãn và nghĩ rằng họ đã làm tất cả những gì cần thiết trong việc phát triển trí tuệ. Nhưng thường thì không phải vậy, và sớm hay muộn họ phải thực hiện một số hình thức công việc trí tuệ hoặc đào tạo trí tuệ.

What we should like to study in every man is the working of the soul, yet it is not every one who gives us that opportunity, and in our endeavours to understand we must bear that in mind. On the one hand we must always expect the highest from every man; we must confidently assume that he will do what we feel he ought to do, because the fact of our taking that mental attitude will very much help him to do it. Again and again one sees that if a man who has, perhaps, been mixed up in shady transactions is treated honourably, and shown that honour is expected from him, he will rise to it. On the other hand, if we meet him with suspicion, he will probably soon deserve that suspicion. Yet too much must not be expected from people; we should assume that they are going to do the highest,' and should try by our thought to help them to do it, but when they fail we should not be impatient or angry with them, because evolution is a very slow process and a man can

Điều chúng ta muốn nghiên cứu ở mỗi người là sự hoạt động của linh hồn, nhưng không phải ai cũng cho chúng ta cơ hội đó, và trong nỗ lực của chúng ta để hiểu, chúng ta phải ghi nhớ điều đó. Một mặt, chúng ta phải luôn mong đợi điều cao nhất từ mỗi người; chúng ta phải tự tin giả định rằng y sẽ làm những gì chúng ta cảm thấy y nên làm, bởi vì thực tế của việc chúng ta có thái độ tinh thần đó sẽ rất giúp y làm điều đó. Lặp đi lặp lại, người ta thấy rằng nếu một người đã, có lẽ, bị cuốn vào những giao dịch mờ ám được đối xử một cách danh dự, và được cho thấy rằng danh dự được mong đợi từ y, y sẽ vươn lên với điều đó. Mặt khác, nếu chúng ta gặp y với sự nghi ngờ, y có lẽ sẽ sớm xứng đáng với sự nghi ngờ đó. Tuy nhiên, không nên mong đợi quá nhiều từ mọi người; chúng ta nên giả định rằng họ sẽ làm điều cao nhất, và nên cố gắng bằng suy nghĩ của mình để giúp họ làm điều đó, nhưng khi họ thất bại, chúng ta không nên thiếu kiên nhẫn hay tức giận với họ, bởi vì tiến hóa là một

manifest only as much as he has developed.

quá trình rất chậm và một người chỉ có thể biểu hiện nhiều như y đã phát triển.

There is never any use in feeling annoyance because someone falls below our standard; we should not blame a man for being what he is, for being at the stage at which he has arrived in evolution. When a person is developed to a high standard and then fails in some way, one may feel: “That is a pity; because he knows so much better than that,” but there is no reason or use in being annoyed. While we must think the best of our fellow-men and must always try to help them to rise to the best that is in them, yet we must take it philosophically if they fail to do that. We must not show annoyance or impatience, but just try to help them where they are. That, I think, is the lesson we are meant to learn when we are told to look into their lives and hearts, and try to understand them.

Không bao giờ có ích gì khi cảm thấy khó chịu vì ai đó không đạt tiêu chuẩn của chúng ta; chúng ta không nên trách một người vì y là chính y, vì y đang ở giai đoạn mà y đã đạt được trong tiến hóa. Khi một người phát triển đến một tiêu chuẩn cao và sau đó thất bại theo một cách nào đó, người ta có thể cảm thấy: "Thật đáng tiếc; bởi vì y biết rõ hơn thế," nhưng không có lý do hay ích lợi gì khi tức giận. Trong khi chúng ta phải nghĩ tốt nhất về đồng loại của mình và phải luôn cố gắng giúp họ vươn lên với điều tốt nhất trong họ, nhưng chúng ta phải chấp nhận một cách triết học nếu họ không làm được điều đó. Chúng ta không nên thể hiện sự khó chịu hay thiếu kiên nhẫn, mà chỉ cố gắng giúp họ ở nơi họ đang ở. Đó, tôi nghĩ, là bài học mà chúng ta được dạy khi chúng ta được bảo nhìn vào cuộc sống và trái tim của họ, và cố gắng hiểu họ.

There now comes a long note by the Master Hilarion, which we may take up with advantage bit by bit. He says:

Bây giờ có một ghi chú dài của Chân sư Hilarion, mà chúng ta có thể tiếp nhận một cách có lợi từng chút một. Ngài nói:

> From an absolutely impersonal point of view, otherwise your sight is coloured. Therefore impersonality must first be understood.

> Từ một quan điểm hoàn toàn vô ngã, nếu không thì tầm nhìn của bạn sẽ bị màu sắc. Do đó, vô ngã phải được hiểu trước tiên.

We commonly speak of being impersonal when we mean being just or balanced, when we do not bring into our decision anything of our own likes or dislikes, when we act as a judge does on the bench. But the Master means more than that. He holds impersonality to mean the condition in which the personality is for the time entirely transcended, so that not only do we in the personal life regard everything with perfect impartiality, but also we look at things from the point of view of the

Chúng ta thường nói về việc vô ngã khi chúng ta có ý nghĩa là công bằng hoặc cân bằng, khi chúng ta không đưa vào quyết định của mình bất kỳ điều gì thuộc về sở thích hay không thích của mình, khi chúng ta hành động như một thẩm phán trên ghế. Nhưng Chân sư có ý nghĩa nhiều hơn thế. Ngài coi vô ngã là trạng thái trong đó phàm ngã tạm thời hoàn toàn vượt qua, để không chỉ trong cuộc sống cá nhân chúng ta nhìn mọi thứ với sự công bằng hoàn hảo, mà còn nhìn mọi thứ từ quan điểm

ego. That is a much more difficult achievement; to do it fully would mean having the causal body fully developed. Humanity at large is still developing the lower mental body. Students of occultism are trying to do something more than that, but as yet there are comparatively few among them who can use the causal body with any kind of certainty. In the beginning the student must therefore *reason,* out for himself what the view of the soul would be, and then follow it, eliminating everything else.

của chân ngã. Đó là một thành tựu khó khăn hơn nhiều; để làm điều đó đầy đủ sẽ có nghĩa là có thể nguyên nhân phát triển đầy đủ. Nhân loại nói chung vẫn đang phát triển thể trí thấp hơn. Các đạo sinh huyền bí học đang cố gắng làm điều gì đó hơn thế, nhưng cho đến nay có tương đối ít trong số họ có thể sử dụng thể nguyên nhân với bất kỳ sự chắc chắn nào. Ban đầu, đạo sinh phải tự mình lý luận ra quan điểm của linh hồn sẽ là gì, và sau đó theo đuổi nó, loại bỏ mọi thứ khác.

It is hard to be impersonal. If there is a dispute between two people, one of whom is a personal friend whom you know very thoroughly, while the other is a stranger, it is scarcely humanly possible to avoid a certain amount of bias in favour of the friend. The reason for that bias is quite a good one—you know more about that person, and the more you know of him the better you come to understand him and the more you will make allowances for him.

Thật khó để vô ngã. Nếu có một tranh chấp giữa hai người, một trong số đó là bạn thân mà bạn biết rất rõ, trong khi người kia là người lạ, thì hầu như không thể tránh khỏi một mức độ thiên vị nhất định đối với người bạn. Lý do cho sự thiên vị đó là một lý do khá tốt—bạn biết nhiều hơn về người đó, và càng biết nhiều về y, bạn càng hiểu y hơn và càng dễ dàng chấp nhận y hơn.

We can hardly help being a little prejudiced in favour of a friend. I do not think we always realize how very much we are the creatures of circumstances and surroundings. We happen to be born in a certain suburb of a certain big city. We grow up to know a certain small circle: out of that small circle we choose some friends. Presently one may move away and then acquire new friends in other places, but in the beginning the friendships which we form are a question generally of where we happen to be. If we had been born in another suburb, we should probably have had quite a different set of friends.

Chúng ta khó có thể không thiên vị một chút đối với một người bạn. Tôi không nghĩ rằng chúng ta luôn nhận ra mình là những sinh vật của hoàn cảnh và môi trường xung quanh. Chúng ta tình cờ được sinh ra ở một vùng ngoại ô nhất định của một thành phố lớn nhất định. Chúng ta lớn lên để biết một vòng tròn nhỏ nhất định: từ vòng tròn nhỏ đó, chúng ta chọn một số bạn bè. Hiện tại, một người có thể di chuyển đi và sau đó có được những người bạn mới ở những nơi khác, nhưng ban đầu những tình bạn mà chúng ta hình thành thường là câu hỏi về nơi chúng ta tình cờ ở. Nếu chúng ta đã được sinh ra ở một vùng ngoại ô khác, chúng ta có lẽ sẽ có một nhóm bạn hoàn toàn khác.

Sometimes people who have been brought together fall in love and marry. They cannot

Đôi khi những người đã được đưa lại gần nhau yêu nhau và kết hôn. Họ không thể hiểu rằng

understand that if they had happened to be born somewhere else they would probably have felt just the same to some other person. There is much in propinquity. I know karma comes in, too, in many cases, but these matters are quite often the result of propinquity. We are strongly influenced by our human as well as by our other surroundings. Therefore it is difficult to make this research into the hearts of other men, and finally into our own hearts.

nếu họ tình cờ được sinh ra ở nơi khác, họ có lẽ sẽ cảm thấy giống hệt với một người khác. Có nhiều điều trong sự gần gũi. Tôi biết nghiệp quả cũng có trong nhiều trường hợp, nhưng những vấn đề này thường là kết quả của sự gần gũi. Chúng ta bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi con người cũng như bởi môi trường xung quanh khác của chúng ta. Do đó, rất khó để thực hiện nghiên cứu này vào trái tim của người khác, và cuối cùng là vào trái tim của chính chúng ta.

We are in the habit of thinking of everything as it happens to affect us. Many people are incapable of taking the wider view, and seeing how it affects the nation as a whole. We have plenty of instances of that in these days when almost everybody has a vote. Quantities of people can think only how the result of the election is likely to affect them personally; they seem incapable of understanding that there is a duty to the community. It is not that they wilfully put the thought of themselves before the thought of the community, but that it never occurs to them that there is a wider point of view.

Chúng ta có thói quen nghĩ về mọi thứ khi nó ảnh hưởng đến chúng ta. Nhiều người không có khả năng nhìn nhận rộng hơn, và thấy nó ảnh hưởng đến quốc gia như một tổng thể như thế nào. Chúng ta có rất nhiều ví dụ về điều đó trong những ngày này khi hầu như mọi người đều có quyền bầu cử. Nhiều người chỉ có thể nghĩ về cách kết quả của cuộc bầu cử có khả năng ảnh hưởng đến họ cá nhân; họ dường như không thể hiểu rằng có một nghĩa vụ đối với cộng đồng. Không phải là họ cố ý đặt suy nghĩ về bản thân trước suy nghĩ về cộng đồng, mà là nó không bao giờ xảy ra với họ rằng có một quan điểm rộng hơn.

There are three ways in which the soul may be developed and may influence our lives, as I have explained before.[82] One is that of the great scientists and philosophers of the world, who have developed not only the lower mind, but to a considerable extent the higher as well, so that a great deal of its more abstract kind of thought, its wonderful comprehensive way of thinking, comes down into what they think, although they cannot perhaps express it in their writing. Those who have an attraction for that way, will have to pass through the stage of being the great scientist or philosopher; the buddhic development will come much later.

Có ba cách mà linh hồn có thể được phát triển và có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta, như tôi đã giải thích trước đây. Một là của các nhà khoa học và triết gia vĩ đại của thế giới, những người đã phát triển không chỉ thể trí thấp hơn, mà còn ở mức độ đáng kể thể trí cao hơn, để một phần lớn của loại tư duy trừu tượng hơn của nó, cách suy nghĩ toàn diện tuyệt vời của nó, đi vào những gì họ nghĩ, mặc dù họ có thể không thể hiện nó trong văn bản của họ. Những người có sự hấp dẫn đối với con đường đó, sẽ phải trải qua giai đoạn trở thành nhà khoa học hoặc triết gia vĩ đại; sự phát triển bồ đề sẽ đến muộn hơn nhiều.

Secondly, through the higher emotions, such as strong affection, devotion or sympathy, it is possible to awaken the buddhic principle to a great extent, without developing especially the intermediate causal body, yet not without affecting it, since all buddhic development reacts very powerfully on the causal. The method of working of most of our students is to use the higher emotions and work from them upon the buddhic vesture. I do not mean that they are yet developing a buddhic vehicle in which they can permanently live. That would be an eminently desirable thing to do, but it is perhaps beyond the reach of most as yet; but the use of the higher emotions unquestionably evokes vibrations in the buddhic matter. It stirs up the as yet unformed buddhic vehicle so that many of its vibrations come down and brood over the man's astral body; thus one may gain a considerable amount of influence from that plane before the vehicle is at all fully developed.

Thứ hai, thông qua các cảm xúc cao hơn, chẳng hạn như tình cảm mạnh mẽ, sự tận tụy hoặc sự đồng cảm, có thể đánh thức nguyên lý bồ đề đến một mức độ lớn, mà không phát triển đặc biệt thể nguyên nhân trung gian, nhưng không phải không ảnh hưởng đến nó, vì tất cả sự phát triển bồ đề phản ứng rất mạnh mẽ lên thể nguyên nhân. Phương pháp làm việc của hầu hết các đạo sinh của chúng ta là sử dụng các cảm xúc cao hơn và làm việc từ chúng lên áo bồ đề. Tôi không có ý nói rằng họ đang phát triển một vận cụ bồ đề mà họ có thể sống vĩnh viễn. Điều đó sẽ là một điều cực kỳ đáng mong muốn để làm, nhưng có lẽ nó vượt quá tầm với của hầu hết mọi người; nhưng việc sử dụng các cảm xúc cao hơn chắc chắn gợi lên những rung động trong vật chất bồ đề. Nó khuấy động vận cụ bồ đề chưa được hình thành để nhiều rung động của nó đi xuống và bao trùm lên thể cảm dục của người đó; do đó, người ta có thể đạt được một lượng ảnh hưởng đáng kể từ cõi đó trước khi vận cụ được phát triển đầy đủ.

There is also another and more obscure path in which the will is called into activity; just as the astral body reacts on the buddhic and the lower on the higher mental vehicle, so does

Cũng có một con đường khác và mờ mịt hơn trong đó ý chí được gọi vào hoạt động; giống như thể cảm dục phản ứng lên bồ đề và thể trí thấp hơn lên vận cụ trí tuệ cao hơn, thể xác

[82] *Ante,* Vol. II, pp. 332-3. Vol. Ill, p. 47

the astral body reacts on the buddhic and the lower on the higher mental vehicle, so does the physical somehow react on the nirvanic. I know very little indeed of how it works. But the way of most students is through devotion to the Masters and keen sympathy with their fellow-men.

như thể cảm dục phản ứng lên bồ đề và thể trí thấp hơn lên vận cụ trí tuệ cao hơn, thể xác cũng phản ứng lên niết bàn. Tôi biết rất ít về cách nó hoạt động. Nhưng con đường của hầu hết các đạo sinh là thông qua sự tận tụy với các Chân sư và sự đồng cảm mạnh mẽ với đồng loại của họ.

> Intelligence is impartial: no man is your enemy: no man is your friend. All alike are your teachers. Your enemy becomes a mystery that must be solved, even though it take ages: for man must be understood.

> Trí tuệ là vô tư: không ai là kẻ thù của bạn: không ai là bạn của bạn. Tất cả đều là thầy của bạn. Kẻ thù của bạn trở thành một bí ẩn cần được giải quyết, dù có mất hàng thế kỷ: vì con người phải được hiểu.

If you have friends you may indeed be very thankful, but in this particular matter you look on them impersonally, as from above, and say: “These are my friends; why have we as souls been thrown together?” Then probably you will find that either there are points of great similarity between you, or you are complementary to each other—you go well together in your vibrations and so make a satisfactory whole.

Nếu bạn có bạn bè, bạn có thể thực sự rất biết ơn, nhưng trong vấn đề cụ thể này, bạn nhìn họ một cách vô ngã, như từ trên cao, và nói: "Đây là bạn của tôi; tại sao chúng ta như những linh hồn lại được đưa lại gần nhau?" Sau đó, có lẽ bạn sẽ thấy rằng hoặc có những điểm tương đồng lớn giữa bạn, hoặc bạn bổ sung cho nhau —bạn hòa hợp tốt với nhau trong rung động của mình và do đó tạo thành một tổng thể thỏa mãn.

In the same way, from this impersonal point of view no man is your enemy. If anyone foolishly puts himself in that position, you say: “Why should he be doing this? He could not have these feelings towards me unless somewhere in the past I myself had given him cause for it. Let me see if I can discover the cause, and whether there is any way in which his attitude can be changed.”

Tương tự, từ quan điểm vô ngã này, không ai là kẻ thù của bạn. Nếu ai đó dại dột đặt mình vào vị trí đó, bạn nói: "Tại sao y lại làm điều này? Y không thể có những cảm giác này đối với tôi trừ khi ở đâu đó trong quá khứ tôi đã tự mình gây ra điều đó. Hãy để tôi xem liệu tôi có thể khám phá nguyên nhân, và liệu có cách nào để thay đổi thái độ của y không."

> Your friend becomes a part of yourself, an extension of yourself, a riddle hard to read. Only one thing is more difficult to know—your own heart. Not until the bonds of personality be loosed can that profound mystery of self begin to be

> Bạn của bạn trở thành một phần của chính bạn, một sự mở rộng của chính bạn, một câu đố khó giải. Chỉ có một điều khó biết hơn—trái tim của chính bạn. Chỉ khi các ràng buộc của phàm ngã được nới lỏng thì bí ẩn sâu sắc của bản thân mới

seen.

bắt đầu được nhìn thấy.

However well one knows a person, even after many years of friendship, one yet sometimes touches a layer of his consciousness which is strange. It has been said, and I think with great truth, that no human being ever perfectly knows another, not even after a long life together. The Adept must know. That is one of the great comforts of being associated with the Masters; we are so absolutely certain that They know much more about us than we know about ourselves, that They really know us all through. We see in ourselves weaknesses and failings, and we try so far as we can to deal effectively with them; but we may also have other failings that we have not seen, which may come out in great emergencies or moments of strain. It is then a comfort to think that, if there be such things, the Master knows about them, and He will sooner or later bring to the surface anything that we do not know already, and will thus help us to remove it. Those whom He draws nearer to Himself in the relation of discipleship at least have this consolation, that they cannot be hopelessly bad, even though well-justified modesty may make them think poorly enough of themselves[83].

Tuy nhiên, dù một người có biết rõ một người khác đến đâu, ngay cả sau nhiều năm tình bạn, đôi khi người ta vẫn chạm đến một tầng lớp tâm thức của người đó mà thấy lạ lẫm. Người ta đã nói, và tôi nghĩ rất đúng, rằng không có con người nào hoàn toàn biết rõ một người khác, ngay cả sau một cuộc sống dài bên nhau. Chân sư phải biết. Đó là một trong những niềm an ủi lớn khi được liên kết với các Chân sư; chúng ta hoàn toàn chắc chắn rằng Các Ngài biết nhiều hơn về chúng ta so với chính chúng ta, rằng Các Ngài thực sự biết rõ chúng ta. Chúng ta thấy trong bản thân mình những điểm yếu và sai lầm, và chúng ta cố gắng hết sức để xử lý chúng một cách hiệu quả; nhưng chúng ta cũng có thể có những sai lầm khác mà chúng ta chưa thấy, có thể xuất hiện trong những tình huống khẩn cấp hoặc căng thẳng lớn. Khi đó, thật an ủi khi nghĩ rằng, nếu có những điều như vậy, Chân sư biết về chúng, và Ngài sẽ sớm hay muộn đưa ra ánh sáng bất cứ điều gì mà chúng ta chưa biết, và do đó giúp chúng ta loại bỏ nó. Những người mà Ngài kéo gần hơn đến Ngài trong mối quan hệ địa vị đệ tử ít nhất có sự an ủi này, rằng họ không thể hoàn toàn xấu xa, dù sự khiêm tốn chính đáng có thể khiến họ nghĩ không tốt về bản thân mình.

At all stages of inner progress the necessary work must be done by us, and with our own will behind it. Even the Master himself cannot do it for us, though He can and does help us by His magnetism, affection and sympathy, as well as by indirect influence which He gives through various pupils of His. He can help us along the way only if we make such karma as allows Him to do it. We must make ourselves fit for the opportunity and then, when it is

Ở mọi giai đoạn của tiến bộ nội tại, công việc cần thiết phải được thực hiện bởi chúng ta, và với ý chí của chính chúng ta đứng sau nó. Ngay cả Chân sư cũng không thể làm điều đó thay cho chúng ta, dù Ngài có thể và thực sự giúp chúng ta bằng từ tính, tình cảm và sự đồng cảm của Ngài, cũng như bằng ảnh hưởng gián tiếp mà Ngài truyền qua các đệ tử khác của Ngài. Ngài chỉ có thể giúp chúng ta trên con đường nếu chúng ta tạo ra nghiệp quả cho

[83] *Ante,* Vol. I, Part V, Ch. 2: *Love in Daily Life.*

given, by taking it thoroughly we shall become ready for the next one.

phép Ngài làm điều đó. Chúng ta phải tự làm cho mình phù hợp với cơ hội và sau đó, khi nó được trao, bằng cách nắm bắt nó một cách triệt để, chúng ta sẽ trở nên sẵn sàng cho cơ hội tiếp theo.

Without this the Master has not the right to help, because He also is under the great law of karma, and however willing He may be to lift us straight up to the Adept level, He cannot do it. But that we shall receive His invaluable help on the road as soon as we deserve it is very certain; for even He is a friend in the common acceptance of the term. He cannot give us something which we have not earned; He can really help us only when we have become one with Him.

Nếu không có điều này, Chân sư không có quyền giúp đỡ, vì Ngài cũng nằm dưới định luật lớn của nghiệp quả, và dù Ngài có sẵn lòng nâng chúng ta lên cấp độ Chân sư đến đâu, Ngài cũng không thể làm điều đó. Nhưng rằng chúng ta sẽ nhận được sự giúp đỡ vô giá của Ngài trên con đường ngay khi chúng ta xứng đáng là điều rất chắc chắn; vì ngay cả Ngài cũng là một người bạn theo nghĩa thông thường của thuật ngữ. Ngài không thể cho chúng ta điều gì mà chúng ta chưa kiếm được; Ngài chỉ có thể thực sự giúp chúng ta khi chúng ta đã trở thành một với Ngài.

Not till you stand aside from it, will it in any way reveal itself to your understanding. Then, and not till then, can you grasp and guide it. Then, and not till then, can you use all its powers, and devote them to a worthy service.

Chỉ khi bạn đứng sang một bên, nó mới có thể tự tiết lộ cho sự thấu hiểu của bạn. Khi đó, và chỉ khi đó, bạn mới có thể nắm bắt và hướng dẫn nó. Khi đó, và chỉ khi đó, bạn mới có thể sử dụng tất cả các sức mạnh của nó, và cống hiến chúng cho một sự phụng sự xứng đáng.

The Master is clearly thinking here of the higher self, the ego in his causal body, grasping and guiding the lower self. As we have seen before, all of this is to be understood at different levels, according to whether you are dealing with those who are pupils or with the Adept Himself. For some the task is that the ego in his causal body shall learn to control and direct the personality down here. For others it is that the Monad shall take hold of and direct the ego. And when that has been achieved, which is the case of the Adept, even then He will still have to take whatever it may be that is next higher to that Monad and convert the Monad to be a perfect expression of that.[84]

Chân sư rõ ràng đang nghĩ đến chân ngã, chân ngã trong thể nguyên nhân của y, nắm bắt và hướng dẫn phàm ngã. Như chúng ta đã thấy trước đây, tất cả điều này cần được hiểu ở các cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào việc bạn đang xử lý với những người là đệ tử hay với chính Chân sư. Đối với một số người, nhiệm vụ là chân ngã trong thể nguyên nhân của y phải học cách kiểm soát và chỉ đạo phàm ngã ở đây. Đối với những người khác, đó là Chân Thần phải nắm bắt và chỉ đạo chân ngã. Và khi điều đó đã đạt được, đó là trường hợp của Chân sư, ngay cả khi đó Ngài vẫn phải nắm lấy bất cứ điều gì có thể là cao hơn tiếp theo đối với Chân Thần đó và chuyển hóa Chân Thần để trở thành một biểu hiện hoàn hảo của điều đó.

11. Regard most earnestly your own heart.

For through your own heart comes the one light which can illuminate life and make it clear to your eyes.

11. Hãy chú ý nhất đến trái tim của bạn.

Vì qua trái tim của bạn đến ánh sáng duy nhất có thể soi sáng cuộc sống và làm cho nó rõ ràng trước mắt bạn.

Unless you recognize God within yourself you can never find Him outside. Through your own heart comes the one light which can illuminate life and make it clear to your eyes. Its evocation can be very much helped from without. Your Master Himself cannot give you that light, though He can help you to awaken it within yourself; it must come from within, and it *is* within, whether you know it or not.

Trừ khi bạn nhận ra Thượng đế trong chính mình, bạn không bao giờ có thể tìm thấy Ngài bên ngoài. Qua trái tim của bạn đến ánh sáng duy nhất có thể soi sáng cuộc sống và làm cho nó rõ ràng trước mắt bạn. Sự gợi lên của nó có thể được giúp đỡ rất nhiều từ bên ngoài. Chính Chân sư của bạn không thể cho bạn ánh sáng đó, dù Ngài có thể giúp bạn đánh thức nó trong chính mình; nó phải đến từ bên trong, và nó ở bên trong, dù bạn có biết hay không.

It surely ought to be a very great blessing and encouragement to us when we find so strongly emphasized in Theosophical teaching the fact that the Divine is within us and we are essentially part of it. We forget it many times, and allow ourselves to fall away from the consciousness of it, so that temporarily we take short views and are unable to grasp the width and the depth and the glory of His plan. People forget, or perhaps never knew, that they are one with the Divine, and that it is only by coming nearer and nearer to the expression of that Divinity that they can ever attain real development or happiness, or indeed any truth which shall put them right with the rest of the world. It has been universally recognized by all mystics that it is only through the God within that we can come into touch truly with the God without. The Master has said in another place: “If you cannot see it within yourself then it is useless to look elsewhere.”

Chắc chắn rằng đó phải là một phước lành và sự khích lệ rất lớn đối với chúng ta khi chúng ta thấy trong giáo lý Thông Thiên Học nhấn mạnh mạnh mẽ rằng Thiêng Liêng ở trong chúng ta và chúng ta thực chất là một phần của nó. Chúng ta quên điều đó nhiều lần, và cho phép bản thân rời xa khỏi tâm thức về nó, để tạm thời chúng ta có cái nhìn ngắn hạn và không thể nắm bắt được chiều rộng và chiều sâu và vinh quang của Thiên Cơ của Ngài. Mọi người quên, hoặc có lẽ chưa bao giờ biết, rằng họ là một với Thiêng Liêng, và chỉ bằng cách đến gần hơn và gần hơn với biểu hiện của Thiên Tính đó, họ mới có thể đạt được sự phát triển thực sự hoặc hạnh phúc, hoặc thực sự bất kỳ sự thật nào có thể đặt họ đúng với phần còn lại của thế giới. Tất cả các nhà thần bí đều công nhận rằng chỉ qua Thượng đế bên trong, chúng ta mới có thể thực sự tiếp xúc với Thượng đế bên ngoài. Chân sư đã nói ở một nơi khác: "Nếu bạn không thể thấy nó trong chính mình thì vô ích khi tìm kiếm ở nơi khác."

[84] *Ante,* p. 196. 27

CHAPTER 5

RULE 13—QUY LUẬT 13

C.W.L.—At this point in Part II of *Light on the Path* the numbering of the rules undergoes a change. We have no longer sets of three aphorisms from the old manuscript, followed by a comment by the Chohan. Rule 13, to which we have now come, is given by the Chohan.

C.W.L.—Tại điểm này trong Phần II của Ánh sáng trên Đường Đạo, việc đánh số các quy luật có sự thay đổi. Chúng ta không còn các bộ ba châm ngôn từ bản thảo cũ, theo sau là một bình luận của Đức Đế Quân. Quy luật 13, mà chúng ta đã đến, được Đức Đế Quân đưa ra.

> 13. Speech comes only with knowledge. Attain to knowledge and you will attain to speech.

> 13. Lời nói chỉ đến với tri thức. Đạt được tri thức và bạn sẽ đạt được lời nói.

The Master Hilarion's note on that says:

Ghi chú của Chân sư Hilarion về điều đó nói rằng:

> It is impossible to help others till you have obtained some certainty of your own.

> Không thể giúp đỡ người khác cho đến khi bạn đạt được một số sự chắc chắn của riêng mình.

One may study the Theosophical system thoroughly, look at it from all points of view, compare it with other ideas which attempt to account for the state of affairs we see in the world, come to the definite conclusion that it is very much the best hypothesis before the world, and consequently accept it as true. I suppose one cannot quite call that knowledge, but it is at least a full and reasonable conviction upon which one can act with certainty.

Một người có thể nghiên cứu hệ thống Thông Thiên Học một cách kỹ lưỡng, nhìn nó từ mọi góc độ, so sánh nó với các ý tưởng khác cố gắng giải thích tình trạng của thế giới mà chúng ta thấy, đi đến kết luận rõ ràng rằng đó là giả thuyết tốt nhất trước thế giới, và do đó chấp nhận nó là sự thật. Tôi cho rằng người ta không thể gọi đó là tri thức, nhưng ít nhất đó là một niềm tin đầy đủ và hợp lý mà người ta có thể hành động với sự chắc chắn.

If we examine the orthodox Christian statement we see at once that it lacks stability and is inconsistent; though it professes to account for everything it can hardly be said to

Nếu chúng ta xem xét tuyên bố chính thống của Cơ đốc giáo, chúng ta sẽ thấy ngay rằng nó thiếu sự ổn định và không nhất quán; dù nó tuyên bố giải thích mọi thứ, khó có thể nói

offer a satisfactory theory. That is why many Christians fear to think. When we come to the Theosophical explanation of life, however, we see that we are on firm ground. Suppose someone comes from outside as an inquirer; he may feel that some of our statements are too strong, direct and positive, and may ask: “What evidence have you that these things are so?” He may doubt the accuracy of some particular statements. But no one could deny, taking the philosophy as a whole, that it is at least a coherent theory, and if it be true it does account for everything. That in many cases is all that can be claimed for scientific theories. We have before us a certain number of facts; the hypothesis has to account for those facts; here is one which is clearly better than the others, which explains better than the rest all that has been observed; therefore we accept that as provisionally true.

rằng nó đưa ra một lý thuyết thỏa đáng. Đó là lý do tại sao nhiều người Cơ đốc giáo sợ suy nghĩ. Tuy nhiên, khi chúng ta đến với sự giải thích Thông Thiên Học về cuộc sống, chúng ta thấy rằng chúng ta đang đứng trên nền tảng vững chắc. Giả sử có ai đó đến từ bên ngoài như một người tìm hiểu; y có thể cảm thấy rằng một số tuyên bố của chúng ta quá mạnh mẽ, trực tiếp và tích cực, và có thể hỏi: "Bạn có bằng chứng nào cho thấy những điều này là như vậy?" Y có thể nghi ngờ độ chính xác của một số tuyên bố cụ thể. Nhưng không ai có thể phủ nhận, khi xem xét triết lý như một tổng thể, rằng ít nhất đó là một lý thuyết nhất quán, và nếu nó đúng, nó giải thích mọi thứ. Đó là tất cả những gì có thể được tuyên bố cho các lý thuyết khoa học trong nhiều trường hợp. Chúng ta có trước mắt một số lượng nhất định các sự kiện; giả thuyết phải giải thích những sự kiện đó; đây là một giả thuyết rõ ràng tốt hơn những giả thuyết khác, giải thích tốt hơn tất cả những gì đã được quan sát; do đó chúng ta chấp nhận nó là đúng tạm thời.

When I came to a knowledge of Theosophy I was already a priest of the Anglican Church, yet I doubted a great many of the dogmas put forward by the Church, and always avoided preaching any dogma, but taught morality and illustrated it. Here in Theosophy was a reasonable theory, and because it was so reasonable I was very willing indeed to take it. I had then little proof, yet even at that stage I had as much proof for it as we have for a vast number of the facts in astronomy. I had as much evidence for it as we have, for example, for many widely-accepted theories in chemistry or physics. Certain experiments are explained by those theories, but there are a good many other things which are not yet explained.

Khi tôi đến với tri thức về Thông Thiên Học, tôi đã là một linh mục của Giáo hội Anh giáo, nhưng tôi nghi ngờ rất nhiều giáo điều mà Giáo hội đưa ra, và luôn tránh giảng dạy bất kỳ giáo điều nào, mà chỉ dạy đạo đức và minh họa nó. Ở đây trong Thông Thiên Học là một lý thuyết hợp lý, và vì nó rất hợp lý, tôi rất sẵn lòng chấp nhận nó. Khi đó tôi có ít bằng chứng, nhưng ngay cả ở giai đoạn đó tôi đã có nhiều bằng chứng cho nó như chúng ta có cho một số lượng lớn các sự kiện trong thiên văn học. Tôi có nhiều bằng chứng cho nó như chúng ta có, ví dụ, cho nhiều lý thuyết được chấp nhận rộng rãi trong hóa học hoặc vật lý. Một số thí nghiệm được giải thích bởi những lý thuyết đó, nhưng có rất nhiều điều khác chưa được giải thích.

Then came for me the further step of meeting Madame Blavatsky, seeing in relation with her

Sau đó, tôi đã tiến thêm một bước nữa là gặp Bà Blavatsky, thấy trong mối quan hệ với bà

certain things which proved some of her contentions. Of course that did not necessarily prove the truth of all the rest, but very soon, within three years after coming into the Society, I knew of my own knowledge of the existence of the Great Teachers whom she had described. To find that much true was very good evidence towards the truth of the other statements, especially as they all fitted in so beautifully and made so perfect a system.

một số điều chứng minh một số luận điểm của bà. Tất nhiên điều đó không nhất thiết chứng minh sự thật của tất cả những điều còn lại, nhưng rất nhanh chóng, trong vòng ba năm sau khi gia nhập Hội, tôi đã biết từ tri thức của chính mình về sự tồn tại của các Huấn Sư Vĩ Đại mà bà đã mô tả. Tìm thấy điều đó đúng rất tốt là bằng chứng cho sự thật của các tuyên bố khác, đặc biệt là khi tất cả chúng đều phù hợp một cách tuyệt đẹp và tạo thành một hệ thống hoàn hảo.

Later, I became able to investigate for myself many of these questions, and so far as I have yet gone I have found no error in any of the great truths which she laid before us. In her books she gave a vast mass of teaching; as to the meaning of some of it I am not yet in a position to speak from direct knowledge. There are also some statements which I cannot yet understand; but the more I have learnt myself the more I have realized how much she knew. Therefore, while she admitted that there were many mistakes in her books, I have given up looking for them. At first, when we came to anything we did not understand, we thought it was one of the mistakes; later we found the mistake was with ourselves—we had not fully understood. Errors exist, no doubt, and when we know a great deal more we shall probably come across them. I suspect certain statements of belonging to that class, but am unwilling to assume that they do until I know it to be so—one prefers to take her statements with great respect.

Sau đó, tôi đã có thể tự mình điều tra nhiều câu hỏi này, và cho đến nay tôi chưa tìm thấy sai lầm nào trong bất kỳ sự thật lớn nào mà bà đã trình bày trước chúng ta. Trong các cuốn sách của bà, bà đã đưa ra một khối lượng lớn giáo lý; về ý nghĩa của một số điều trong đó, tôi chưa ở vị trí để nói từ tri thức trực tiếp. Cũng có một số tuyên bố mà tôi chưa thể hiểu; nhưng càng học hỏi, tôi càng nhận ra bà biết nhiều như thế nào. Vì vậy, dù bà thừa nhận rằng có nhiều sai lầm trong các cuốn sách của bà, tôi đã từ bỏ việc tìm kiếm chúng. Ban đầu, khi chúng tôi gặp bất cứ điều gì chúng tôi không hiểu, chúng tôi nghĩ đó là một trong những sai lầm; sau đó chúng tôi phát hiện ra sai lầm là ở chính chúng tôi - chúng tôi chưa hiểu đầy đủ. Sai lầm tồn tại, không nghi ngờ gì, và khi chúng tôi biết nhiều hơn, chúng tôi có thể sẽ gặp phải chúng. Tôi nghi ngờ một số tuyên bố thuộc về loại đó, nhưng không muốn cho rằng chúng như vậy cho đến khi tôi biết chắc chắn - người ta thích chấp nhận các tuyên bố của bà với sự tôn trọng lớn.

Having definite knowledge ourselves, it is true that we can speak with greater conviction.[85] I have had that said with regard to myself. People have said that they found my conversation convincing. Others without

Có tri thức rõ ràng, chúng ta có thể nói với sự thuyết phục lớn hơn. Tôi đã được nói điều đó liên quan đến bản thân mình. Mọi người đã nói rằng họ thấy cuộc trò chuyện của tôi thuyết phục. Những người khác không có tri thức

[85] *Ante,* pp. 309-10

direct knowledge but far more eloquent than I have put these matters from their point of view; and yet people have said: “Yes, but do *you* know it?” I have replied: “Yes, I do, but how do you know I do, although I tell you it is so?” “We do not know,” they would answer, but somehow we feel when a man is speaking of that which he himself knows, and when he is speaking of that which he has merely read and studied.” There are all sorts of analogies for the idea that it is impossible to help others till you have obtained some certainty of your own. If you want to lift a person out of stormy waters your own feet must be on the rock.

trực tiếp nhưng hùng biện hơn tôi đã trình bày những vấn đề này từ quan điểm của họ; và mọi người vẫn nói: "Vâng, nhưng bạn có biết không?" Tôi đã trả lời: "Vâng, tôi biết, nhưng làm sao bạn biết tôi biết, dù tôi nói với bạn là như vậy?" "Chúng tôi không biết," họ sẽ trả lời, nhưng bằng cách nào đó chúng tôi cảm nhận được khi một người đang nói về điều mà chính y biết, và khi y đang nói về điều mà y chỉ đọc và nghiên cứu." Có rất nhiều sự tương đồng cho ý tưởng rằng không thể giúp đỡ người khác cho đến khi bạn đạt được một số sự chắc chắn của riêng mình. Nếu bạn muốn nâng một người ra khỏi vùng nước bão tố, chân của bạn phải đứng trên đá.

When one soul knows, it conveys its certainty to other souls, and they recognize that certainty; even though down on the physical plane and with the physical brain they probably could not give any reasons, they feel it when a man really knows. It would be impossible for a man to help others along the line of higher development, or to draw pupils nearer to their Masters, unless he knew for himself.

Khi một linh hồn biết, nó truyền đạt sự chắc chắn của nó cho các linh hồn khác, và họ nhận ra sự chắc chắn đó; dù trên cõi hồng trần và với bộ não hồng trần, họ có thể không thể đưa ra bất kỳ lý do nào, họ cảm nhận được khi một người thực sự biết. Sẽ là không thể cho một người giúp đỡ người khác trên con đường phát triển cao hơn, hoặc kéo các đệ tử gần hơn đến Chân sư của họ, trừ khi y biết cho chính mình.

This difference is clearly marked in the Theosophical Manuals, most of which were written by Dr. Besant. The first three—*The Seven Principles of Man, Reincarnation* and *Death and After*—were written before she could see any of these things, for herself. She very soon recognized that *The Secret Doctrine,* wonderful as it is, was most difficult for the average student, and that he would not get out of it one-tenth of what was there unless he could have some preliminary study to prepare for it. So she set to work with her characteristic energy and prepared certain epitomes for her people, simply writing them from her own study of the books, and from answers to questions which she had asked Madame Blavatsky. I doubt whether any other

Sự khác biệt này được đánh dấu rõ ràng trong các Sổ tay Thông Thiên Học, hầu hết được viết bởi Bà Besant. Ba cuốn đầu tiên - Bảy Nguyên Tắc của Con Người, Luân Hồi và Cái Chết và Sau Đó - được viết trước khi bà có thể tự mình thấy bất kỳ điều nào trong số này. Bà rất nhanh chóng nhận ra rằng Giáo Lý Bí Nhiệm, tuyệt vời như nó là, rất khó khăn cho học sinh trung bình, và rằng y sẽ không thể lấy ra một phần mười của những gì có ở đó trừ khi y có một số nghiên cứu sơ bộ để chuẩn bị cho nó. Vì vậy, bà đã bắt tay vào công việc với năng lượng đặc trưng của mình và chuẩn bị một số bản tóm tắt cho người của mình, chỉ đơn giản viết chúng từ nghiên cứu của chính bà về các cuốn sách, và từ các câu trả lời cho các câu hỏi mà bà đã hỏi Bà Blavatsky. Tôi nghi ngờ liệu có người

person could have taken *The Secret Doctrine* alone and got out of it what she did. She has a wonderful power of welding things together and making them clear. However, by the time she got to the fourth Manual, which was *Karma,* she was beginning to see the working of these things for herself. Then I wrote *The Astral Plane* and *The Devachanic Plane,* and she wrote the seventh Manual, *Man and His Bodies.* By the time she wrote the last she had fully learnt to see for herself. There is a' distinct difference in style in both *Karma* and in *Man and His Bodies.* Both those Manuals show that she knew what she was talking about at first hand. In the other books she was quoting, and although she wove in the different quotations with wonderful skill, the first three Manuals contain a great deal which is not quite clear, and is difficult to understand. She has often said she would like to rewrite them, but she is always writing other books, and has never had time. Also she has had the idea that they are historical documents, to show what we knew and what we did not know at that stage.

nào khác có thể lấy Giáo Lý Bí Nhiệm một mình và lấy ra từ nó những gì bà đã làm. Bà có một khả năng tuyệt vời trong việc hàn gắn mọi thứ lại với nhau và làm cho chúng rõ ràng. Tuy nhiên, đến khi bà viết cuốn Sổ tay thứ tư, đó là Nghiệp quả, bà đã bắt đầu thấy sự hoạt động của những điều này cho chính mình. Sau đó, tôi đã viết Cõi Cảm Dục và Cõi Devachanic, và bà đã viết cuốn Sổ tay thứ bảy, Con Người và Các Thể của Y. Đến khi bà viết cuốn cuối cùng, bà đã hoàn toàn học cách tự mình thấy. Có một sự khác biệt rõ ràng trong phong cách trong cả Nghiệp quả và trong Con Người và Các Thể của Y. Cả hai cuốn Sổ tay đó cho thấy bà biết những gì bà đang nói về từ đầu tiên. Trong các cuốn sách khác, bà đang trích dẫn, và dù bà đã kết hợp các trích dẫn khác nhau với kỹ năng tuyệt vời, ba cuốn Sổ tay đầu tiên chứa đựng rất nhiều điều không hoàn toàn rõ ràng, và khó hiểu. Bà đã nhiều lần nói rằng bà muốn viết lại chúng, nhưng bà luôn viết các cuốn sách khác, và chưa bao giờ có thời gian. Ngoài ra, bà đã có ý tưởng rằng chúng là các tài liệu lịch sử, để cho thấy những gì chúng ta biết và những gì chúng ta không biết ở giai đoạn đó.

In the early days most of us had a very incomplete idea of the scheme of things; there were many gaps in our theories. Mr. A.P. Sinnett's *Esoteric Buddhism* was the first effort to make a fairly complete and orderly statement. That book was based entirely upon a vast number of letters which were received by Mr. Sinnett through pupils of the Master Kuthumi. At first we attributed all the answers directly to the Master Himself, but afterwards we found that they came, if one may put it so, from His office, from His entourage. There was a vast amount of information in the letters, which were largely answers to questions propounded by Mr. Sinnett. It was out of those that Mr. Sinnett's earlier books were written.

Trong những ngày đầu, hầu hết chúng ta có một ý tưởng rất không hoàn chỉnh về kế hoạch của mọi thứ; có nhiều khoảng trống trong các lý thuyết của chúng ta. Esoteric Buddhism của Ông A.P. Sinnett là nỗ lực đầu tiên để đưa ra một tuyên bố khá hoàn chỉnh và có trật tự. Cuốn sách đó hoàn toàn dựa trên một số lượng lớn các lá thư mà Ông Sinnett nhận được qua các đệ tử của Chân sư Kuthumi. Ban đầu, chúng tôi cho rằng tất cả các câu trả lời đều trực tiếp từ Chân sư, nhưng sau đó chúng tôi phát hiện ra rằng chúng đến, nếu có thể nói như vậy, từ văn phòng của Ngài, từ đoàn tùy tùng của Ngài. Có một lượng lớn thông tin trong các lá thư, phần lớn là câu trả lời cho các câu hỏi do Ông Sinnett đặt ra. Chính từ những điều đó mà các cuốn sách đầu tiên của Ông Sinnett được viết ra.

It is Dr. Besant who has done most of the work of tabulating Theosophical knowledge for us, who has arranged facts and made them so that he who runs may read. In those earlier days we had to study much harder in order to grasp Theosophical truths. But one can see the difference between even her work, splendid as it was, at a time when she was guided only by the books, and when she saw the things for herself. Madame Blavatsky saw many things for herself, but her mind, so far as we could understand it, for it was a very gigantic mind, worked somewhat differently from ours. If one may say it with respect and reverence, it was of an Atlantean type in that it massed together vast accumulations of facts but did not make much effort at arranging them. Swami T. Subba Row said that *The Secret Doctrine* was a heap of precious stones. There is no question that they are precious stones, but one must classify them for oneself; she did not attempt to do that for us, for she did not feel the need of it at all.

Chính Bà Besant đã làm hầu hết công việc lập bảng tri thức Thông Thiên Học cho chúng ta, đã sắp xếp các sự kiện và làm cho chúng dễ đọc. Trong những ngày đầu đó, chúng tôi phải học tập chăm chỉ hơn nhiều để nắm bắt được các chân lý Thông Thiên Học. Nhưng người ta có thể thấy sự khác biệt giữa ngay cả công việc của bà, tuyệt vời như nó là, vào thời điểm bà chỉ được hướng dẫn bởi các cuốn sách, và khi bà tự mình thấy các điều đó. Bà Blavatsky đã thấy nhiều điều cho chính mình, nhưng tâm trí của bà, theo như chúng tôi có thể hiểu, vì nó là một tâm trí rất khổng lồ, hoạt động hơi khác so với chúng tôi. Nếu có thể nói điều đó với sự tôn trọng và kính trọng, nó thuộc loại Atlantis ở chỗ nó tập hợp một lượng lớn các sự kiện nhưng không nỗ lực nhiều trong việc sắp xếp chúng. Swami T. Subba Row đã nói rằng Giáo Lý Bí Nhiệm là một đống đá quý. Không có câu hỏi nào rằng chúng là đá quý, nhưng người ta phải tự phân loại chúng; bà không cố gắng làm điều đó cho chúng ta, vì bà không cảm thấy cần thiết điều đó chút nào.

In the course of my own study I have repeatedly come upon ideas which were quite new to me, and have noted them down, thinking of them not exactly as discoveries, but as ideas that were fresh to me; perhaps months afterwards, or a year or two later I have looked back at *Esoteric Buddhism* or *The Secret Doctrine,* and have found that the idea which I thought to be new was distinctly implied in that book—perhaps not stated in so many words, but certainly implied. Certainly many ideas which we have recently thought to be new ought to have been deduced by us. I can see how those truths follow from the other ideas, and I wonder now how I could have been so stupid as not to have made the deduction. The same experience occurs in quite a striking way at each Initation; the key of knowledge which is then communicated is an absolutely obvious thing. We say to

Trong quá trình học tập của chính mình, tôi đã nhiều lần gặp phải những ý tưởng hoàn toàn mới đối với tôi, và đã ghi chú chúng lại, nghĩ về chúng không chính xác như những khám phá, mà như những ý tưởng mới mẻ đối với tôi; có lẽ vài tháng sau đó, hoặc một hoặc hai năm sau, tôi đã nhìn lại Esoteric Buddhism hoặc Giáo Lý Bí Nhiệm, và đã phát hiện ra rằng ý tưởng mà tôi nghĩ là mới đã được ngụ ý rõ ràng trong cuốn sách đó - có lẽ không được nêu rõ ràng, nhưng chắc chắn được ngụ ý. Chắc chắn nhiều ý tưởng mà chúng tôi gần đây nghĩ là mới lẽ ra phải được suy luận bởi chúng tôi. Tôi có thể thấy làm thế nào những chân lý đó theo sau từ các ý tưởng khác, và tôi tự hỏi bây giờ làm thế nào tôi có thể ngu ngốc đến mức không đưa ra được suy luận đó. Trải nghiệm tương tự xảy ra một cách khá nổi bật ở mỗi lần Điểm Đạo; chìa khóa của tri thức được truyền đạt khi đó là một điều hoàn toàn hiển nhiên.

ourselves: “Well, what have I been doing not to see that myself?” But we never do; nobody does until it is told to him. We need no proof for the statement; it speaks for itself, it is absolutely self-evident. There the fact was, staring us in the face all our life long, and we never saw it. If one ever had any pride in one’s intellectual development, it is very soon broken up on this line of experience.

Chúng tôi tự nói với mình: "Vâng, tôi đã làm gì mà không thấy điều đó cho chính mình?" Nhưng chúng tôi không bao giờ làm; không ai làm cho đến khi nó được nói với y. Chúng tôi không cần bằng chứng cho tuyên bố đó; nó tự nói lên, nó hoàn toàn tự hiển nhiên. Ở đó, sự thật đã tồn tại, nhìn chằm chằm vào chúng ta suốt cuộc đời, và chúng ta chưa bao giờ thấy nó. Nếu một người từng có bất kỳ niềm tự hào nào về sự phát triển trí tuệ của mình, nó sẽ rất nhanh chóng bị phá vỡ trên dòng trải nghiệm này.

Only the Masters are capable of giving *full* help to anyone. Their knowledge is universal, and it extends into all higher worlds as well. They appear not to need all the knowledge stored within Their brains as we do, but are able to turn a certain faculty on to anything that is wanted and by the use of that faculty, then and there, to know all about it. It might be that there was some information which the Master wanted; He would not need to read it up as we should, but He would turn His all-seeing eye on that subject and thereby absorb the knowledge somehow. I think that is what must be meant by getting rid of ignorance. It is obvious that one could never obtain all knowledge along the lines on which we gain knowledge. It is distinctly stated that the last fetter which the Arhat must cast off is *avidya* —ignorance.[86] When we asked: “What does that mean? About what must he know?” we were told: “About everything in the solar system.” One shrinks back appalled, because one has some little experience of the lower planes of this world, and one has also established consciousness at various higher levels. I can definitely say that though this is the Path along which universal knowledge is gained, yet as one advances one becomes more and more oppressed with the sense of

Chỉ có các Chân sư mới có khả năng giúp đỡ đầy đủ cho bất kỳ ai. Tri thức của Các Ngài là phổ quát, và nó mở rộng vào tất cả các cõi giới cao hơn. Các Ngài dường như không cần tất cả tri thức được lưu trữ trong bộ não của Các Ngài như chúng ta, mà có thể bật một khả năng nhất định vào bất cứ điều gì cần thiết và bằng cách sử dụng khả năng đó, ngay tại đó, để biết tất cả về nó. Có thể có một số thông tin mà Chân sư muốn; Ngài sẽ không cần phải đọc nó như chúng ta, mà Ngài sẽ hướng mắt toàn tri của Ngài vào chủ đề đó và do đó hấp thụ tri thức bằng cách nào đó. Tôi nghĩ đó là điều phải được hiểu là loại bỏ sự vô minh. Rõ ràng rằng người ta không bao giờ có thể đạt được tất cả tri thức theo các dòng mà chúng ta đạt được tri thức. Nó được nêu rõ ràng rằng xiềng xích cuối cùng mà Arhat phải vứt bỏ là avidya - vô minh. Khi chúng tôi hỏi: "Điều đó có nghĩa là gì? Về điều gì y phải biết?" chúng tôi được nói: "Về mọi thứ trong hệ mặt trời." Người ta co lại kinh hãi, vì người ta có một chút kinh nghiệm về các cõi thấp của thế giới này, và người ta cũng đã thiết lập tâm thức ở các cấp độ cao hơn khác nhau. Tôi có thể nói chắc chắn rằng dù đây là Con Đường mà tri thức phổ quát được đạt được, nhưng khi người ta tiến bộ, người ta càng ngày càng bị áp đảo với cảm giác vô minh phổ quát; mỗi khi người ta vươn lên các cấp độ

[86] *Ante,* Vol. II, p. 364

universal ignorance; every time one rises to higher levels, though one does understand the things one has been trying to understand, one at the same time sees rising up and stretching away in front of one wider and wider fields of which one is ignorant. The more a student gains the more he realizes how very much more there is to learn, and how little, beside that, is all he thinks he has gained. Even that is only half the difficulty, for every additional elevation gives a new point of vision with regard to all the things one already knew, and so one has to learn them all over again from that new point of view.

cao hơn, dù người ta hiểu được những điều mà người ta đã cố gắng hiểu, người ta đồng thời thấy những cánh đồng rộng lớn hơn và rộng lớn hơn mà người ta không biết. Càng học hỏi, người học càng nhận ra rằng còn rất nhiều điều cần học, và tất cả những gì y nghĩ rằng y đã đạt được chỉ là một phần nhỏ. Ngay cả điều đó cũng chỉ là một nửa khó khăn, vì mỗi sự nâng cao bổ sung mang lại một điểm nhìn mới liên quan đến tất cả những điều mà người ta đã biết, và do đó người ta phải học lại tất cả từ quan điểm mới đó.

The attempt is not a hopeful one along any line which we have as yet learnt to follow. If we are to have the universal divine knowledge there must be some altogether different way of grasping it, which will open before us as we go further on. I take the whole matter philosophically now, because there is nothing else to be done. I learn all I can along our present lines, and as I gain new methods I use them, but I see I shall never really attain the higher goal along these lines. There must be some entirely new method of acquiring knowledge, and I think we get a little guidance as to what that may be from the buddhic consciousness of which I have already spoken; in that one no longer has to collect facts from outside, but one plunges into the consciousness of all these things, whether they be minerals or plants or devas, and understands them from inside. Then one finds that it is all a part of one's own consciousness somehow. Along that line it may possibly be worked out.

Nỗ lực này không phải là một hy vọng dọc theo bất kỳ con đường nào mà chúng ta đã học để theo đuổi. Nếu chúng ta muốn có tri thức thiêng liêng phổ quát, phải có một cách hoàn toàn khác để nắm bắt nó, điều này sẽ mở ra trước chúng ta khi chúng ta tiến xa hơn. Tôi tiếp cận toàn bộ vấn đề một cách triết lý bây giờ, vì không còn gì khác để làm. Tôi học tất cả những gì có thể theo các hướng hiện tại của chúng ta, và khi tôi có được các phương pháp mới, tôi sử dụng chúng, nhưng tôi thấy rằng tôi sẽ không bao giờ thực sự đạt được mục tiêu cao hơn theo những hướng này. Phải có một phương pháp hoàn toàn mới để thu nhận tri thức, và tôi nghĩ chúng ta có được một chút hướng dẫn về điều đó từ tâm thức Bồ đề mà tôi đã nói đến; trong đó, người ta không còn phải thu thập các sự kiện từ bên ngoài, mà người ta đắm mình vào tâm thức của tất cả những điều này, dù là khoáng vật, thực vật hay thiên thần, và hiểu chúng từ bên trong. Sau đó, người ta nhận thấy rằng tất cả đều là một phần của tâm thức của chính mình bằng cách nào đó. Theo hướng đó, có thể sẽ được thực hiện.

When you have learned the first twenty-one rules and have entered the Hall of Learning with your powers developed

Khi bạn đã học được hai mươi mốt Quy luật đầu tiên và đã bước vào Phòng Học với các năng lực phát triển và giác quan

and sense unchained, then you will find there is a fount within you from which speech will arise.

không bị ràng buộc, thì bạn sẽ thấy có một nguồn suối bên trong bạn từ đó lời nói sẽ phát sinh.

The hall of learning refers in the beginning to the astral world; at a later stage the Master probably means something very much higher than that by the same expression. In the first place, when only astral experiences are available to the aspirant, there is a great deal that he can learn in the astral world. It is altogether a new thing for him; new faculties unfold and he finds vistas opening before him in different directions, enabling him to approach everything from that new point of view. To begin with there is the extra dimension. Besides that, there is the power of seeing through every material thing. Further, the observer translates everything through his emotional vehicle, and that is very different from trying to sense things through a physical body. So there is much to be learnt and to be done in that higher world, because it is there that people most of all need help; it is there that we have all the newly dead in their many different conditions and stages of development, so it is chiefly there that work for those in trouble can be done out of the physical body[87].

Phòng học ban đầu đề cập đến thế giới cảm dục; ở giai đoạn sau, Chân sư có lẽ có ý nghĩa gì đó cao hơn nhiều so với cùng một biểu hiện. Ban đầu, khi chỉ có những trải nghiệm cảm dục có sẵn cho người chí nguyện, có rất nhiều điều mà y có thể học được trong thế giới cảm dục. Đó hoàn toàn là một điều mới mẻ đối với y; các khả năng mới mở ra và y thấy những viễn cảnh mở ra trước mặt y theo các hướng khác nhau, cho phép y tiếp cận mọi thứ từ quan điểm mới đó. Để bắt đầu, có chiều không gian bổ sung. Ngoài ra, có khả năng nhìn xuyên qua mọi vật chất. Hơn nữa, người quan sát dịch mọi thứ qua thể cảm dục của mình, và điều đó rất khác so với việc cố gắng cảm nhận mọi thứ qua thể xác. Vì vậy, có rất nhiều điều cần học và làm trong thế giới cao hơn đó, vì chính ở đó mà mọi người cần sự giúp đỡ nhất; chính ở đó chúng ta có tất cả những người mới qua đời trong nhiều điều kiện và giai đoạn phát triển khác nhau của họ, vì vậy chính ở đó mà công việc cho những người gặp khó khăn có thể được thực hiện ngoài thể xác.

There comes a later stage when the man becomes free in the mental plane in the same way as most of us are free in the astral when we are away from the physical body. Pupils of the Masters are taught especially to develop the mental body until they are able to use it as easily as the astral body; then they are taught how to make the mayavi-rupa, that is to say, a temporary astral body, not the astral body naturally attached to the man, but a temporary materialization on the astral plane

Có một giai đoạn sau đó khi con người trở nên tự do trong cõi trí tuệ theo cách mà hầu hết chúng ta tự do trong cõi cảm dục khi chúng ta rời khỏi thể xác. Các học trò của Chân sư được dạy đặc biệt để phát triển thể trí cho đến khi họ có thể sử dụng nó dễ dàng như thể cảm dục; sau đó họ được dạy cách tạo ra mayavi-rupa, tức là một thể cảm dục tạm thời, không phải là thể cảm dục tự nhiên gắn liền với con người, mà là một sự hiện hình tạm thời trên cõi cảm dục mà chỉ những người đã học cách du hành

[87] *Ante,* Vol. II, pp. 89-91.

which only those can make who have learnt to travel about in their mental vehicles.[88]

trong các vận cụ trí tuệ của họ mới có thể tạo ra.

The next stage is to learn to use the causal body freely. Then, whatever lower vehicles the man may be using he retains this new consciousness to some extent. He cannot use the full faculty of the causal body through the astral or the mental, because they form a veil, a limitation; but still he will have the memory of his causal experience with him. If he has also broken through that which acts as a veil between the astral and physical bodies, he will physically remember everything that he does in the higher worlds, so that his existence will be continuous. In the causal body itself his consciousness will be unbroken, not only through sleeping and waking, but through life and death, because that is a permanent consciousness. When a man enters into the next higher hall of learning, the buddhic plane, he will have direct acquaintance with all that comes before him. He will be able to enter within others, and in another way to draw them inside himself, and so will understand them fully.

Giai đoạn tiếp theo là học cách sử dụng thể nguyên nhân một cách tự do. Sau đó, bất kể vận cụ thấp hơn nào mà con người có thể đang sử dụng, y vẫn giữ được tâm thức mới này ở một mức độ nào đó. Y không thể sử dụng đầy đủ khả năng của thể nguyên nhân qua thể cảm dục hoặc thể trí, vì chúng tạo thành một bức màn, một sự hạn chế; nhưng y vẫn sẽ có ký ức về trải nghiệm nguyên nhân của mình. Nếu y cũng đã phá vỡ được bức màn giữa thể cảm dục và thể xác, y sẽ nhớ mọi thứ mà y làm trong các cõi giới cao hơn một cách vật lý, để sự tồn tại của y sẽ liên tục. Trong chính thể nguyên nhân, tâm thức của y sẽ không bị gián đoạn, không chỉ qua giấc ngủ và sự tỉnh thức, mà còn qua sự sống và cái chết, vì đó là một tâm thức trường tồn. Khi một người bước vào phòng học cao hơn tiếp theo, cõi Bồ đề, y sẽ có sự quen biết trực tiếp với tất cả những gì xuất hiện trước y. Y sẽ có thể đi vào bên trong người khác, và theo một cách khác để kéo họ vào bên trong mình, và do đó sẽ hiểu họ hoàn toàn.

When a man has his powers developed and his senses unchained at these high levels he certainly will have a very great deal that he can say. At the same time he will always find himself hampered by a serious difficulty in expression. He sees and knows; and because of that he can say a great deal more than the man who does not know for himself, and can put it very convincingly; and yet with all his effort, and even with all his success as far as certain people are concerned, he will never be free from the consciousness that he is not expressing half of what he has seen. No words will impart to another what has been experienced in a realm beyond words.

Khi một người đã phát triển các năng lực của mình và giác quan không bị ràng buộc ở những cấp độ cao này, y chắc chắn sẽ có rất nhiều điều mà y có thể nói. Đồng thời, y sẽ luôn thấy mình bị cản trở bởi một khó khăn nghiêm trọng trong việc diễn đạt. Y thấy và biết; và vì điều đó, y có thể nói nhiều hơn rất nhiều so với người không tự mình biết, và có thể trình bày nó rất thuyết phục; và dù với tất cả nỗ lực của mình, và thậm chí với tất cả thành công của mình đối với một số người nhất định, y sẽ không bao giờ thoát khỏi tâm thức rằng y không diễn đạt được một nửa những gì y đã thấy. Không có từ ngữ nào có thể truyền đạt cho người khác những gì đã được trải nghiệm

[88] *Ante,* Vol. II, pp. 121, 274. Vol. Ill, p. 264.

trong một cõi vượt ngoài ngôn từ.

People who are full of devotion now and then, rise into a condition of ecstasy in which they glimpse the higher planes. When one has once touched that condition he will immediately recognize it in the descriptions attempted by some of the Christian saints, and also by Hindu yogis. St. Teresa speaks of such experiences; St. John of the Cross, St. Francis of Assisi and others also mention them once or twice. These Christians reached a condition which they described in Christian terms, whereas a Theosophist would describe them in more Theosophical terms. He would speak of it in reference to the Masters; they spoke with reference to the Christ.

Những người đầy lòng sùng kính thỉnh thoảng, đạt đến một trạng thái xuất thần trong đó họ thoáng thấy các cõi cao hơn. Khi một người đã một lần chạm vào trạng thái đó, y sẽ ngay lập tức nhận ra nó trong những mô tả được cố gắng bởi một số thánh nhân Kitô giáo, và cũng bởi các yogi Hindu. Thánh Teresa nói về những trải nghiệm như vậy; Thánh John của Thập Giá, Thánh Francis của Assisi và những người khác cũng đề cập đến chúng một hoặc hai lần. Những người Kitô hữu này đã đạt đến một trạng thái mà họ mô tả bằng các thuật ngữ Kitô giáo, trong khi một nhà Thông Thiên Học sẽ mô tả chúng bằng các thuật ngữ Thông Thiên Học hơn. Y sẽ nói về nó liên quan đến các Chân sư; họ nói với sự tham chiếu đến Đức Christ.

It is a great thing to obtain that touch of the reality behind phenomena, or rather that nearer approach to the reality beyond the forms, because a fragment of personal experience counts far more than a very great deal of instruction by hearsay; when we have some touch of personal experience we find that there is a fount of speech which arises within us. We feel we have something different to say, something which we *must* say, which is laid upon us as a charge that we shall give to the world—that we shall bear witness of these splendid realities. The Master says that when you come to know these things for yourself you will find this fount within you from which speech will arise. You will feel that you must and ought to tell the great things which the Lord hath done for you to put it in the Christian form.

Đó là một điều tuyệt vời để đạt được sự chạm vào thực tại đằng sau hiện tượng, hay đúng hơn là sự tiếp cận gần hơn với thực tại vượt ngoài các hình tướng, vì một mảnh trải nghiệm cá nhân có giá trị hơn rất nhiều so với rất nhiều sự hướng dẫn qua lời đồn; khi chúng ta có một chút trải nghiệm cá nhân, chúng ta nhận thấy rằng có một nguồn suối lời nói phát sinh bên trong chúng ta. Chúng ta cảm thấy rằng chúng ta có điều gì đó khác biệt để nói, điều gì đó mà chúng ta phải nói, điều gì đó được giao phó cho chúng ta để chúng ta sẽ truyền đạt cho thế giới—rằng chúng ta sẽ làm chứng cho những thực tại tuyệt vời này. Chân sư nói rằng khi bạn tự mình biết những điều này, bạn sẽ tìm thấy nguồn suối này bên trong bạn từ đó lời nói sẽ phát sinh. Bạn sẽ cảm thấy rằng bạn phải và nên kể về những điều vĩ đại mà Chúa đã làm cho bạn để đặt nó trong hình thức Kitô giáo.

One does not wish indiscriminately to thrust one's experiences upon people, but one has the feeling that those who have really definite

Người ta không muốn bừa bãi áp đặt những trải nghiệm của mình lên người khác, nhưng người ta có cảm giác rằng những người thực sự

first-hand knowledge of any sort ought always to be willing to bear testimony to it. Those who have personally seen and met and remembered some of the great Masters, should, I think, always be willing to bear witness to that fact, because the outer world is constantly in the attitude of saying, when they hear of such happenings: “Well, is there anyone who has seen these great Beings?” I do not wish to degrade the idea of a Master by bringing it before those who cannot understand it, but if any such people, even at a public meeting, ask: “Have you seen any of these great Masters?” I say in reply: “Yes I have, but it is not a matter which I care to discuss in a public meeting.” It is quite likely that in such a gathering there might be some who would mock at the idea; even though they said nothing, they might be in a condition of disbelief. While all that makes not the slightest difference to the Masters, it is only fair that we should remember that it does make a great difference to the blasphemer. The man who mocks at great people such as These makes for himself an especially evil form of karma; that I have seen over and over again. So if sometimes it seems that we hold back these things, our real reason for doing so is not only the natural repugnance that we feel towards subjecting names which to us are sacred to the ridicule of the ignorant and the foolish, but it is also out of consideration for the ignorant and foolish themselves, that they may not heap up for themselves very unpleasant experiences in the future. I cannot thoroughly explain that, but I do know that it is so. I have seen it again and again, far too often for it to be a mere coincidence, or the result of any kind of accident.

có kiến thức trực tiếp rõ ràng về bất kỳ loại nào nên luôn sẵn sàng làm chứng cho điều đó. Những người đã tự mình thấy và gặp và nhớ một số Chân sư vĩ đại, tôi nghĩ, nên luôn sẵn sàng làm chứng cho sự thật đó, vì thế giới bên ngoài luôn ở trong thái độ nói, khi họ nghe về những sự kiện như vậy: "Vâng, có ai đã thấy những Đấng Cao Cả này không?" Tôi không muốn làm giảm giá trị ý tưởng về một Chân sư bằng cách đưa nó ra trước những người không thể hiểu nó, nhưng nếu có bất kỳ người nào như vậy, thậm chí trong một cuộc họp công cộng, hỏi: "Bạn đã thấy bất kỳ Chân sư vĩ đại nào chưa?" Tôi trả lời: "Có, tôi đã thấy, nhưng đó không phải là vấn đề mà tôi muốn thảo luận trong một cuộc họp công cộng." Rất có thể trong một cuộc họp như vậy có thể có một số người sẽ chế giễu ý tưởng đó; ngay cả khi họ không nói gì, họ có thể ở trong trạng thái không tin tưởng. Mặc dù tất cả điều đó không ảnh hưởng chút nào đến các Chân sư, nhưng chỉ công bằng khi chúng ta nhớ rằng nó tạo ra một sự khác biệt lớn đối với người phỉ báng. Người chế giễu những người vĩ đại như Những Đấng này tạo ra cho mình một hình thức nghiệp quả đặc biệt xấu; điều đó tôi đã thấy nhiều lần. Vì vậy, nếu đôi khi có vẻ như chúng ta giữ lại những điều này, lý do thực sự của chúng ta không chỉ là sự ghê tởm tự nhiên mà chúng ta cảm thấy đối với việc đưa những cái tên mà đối với chúng ta là thiêng liêng ra trước sự chế giễu của những người ngu dốt và dại dột, mà còn là vì sự quan tâm đến chính những người ngu dốt và dại dột, để họ không tự chất đống cho mình những trải nghiệm rất khó chịu trong tương lai. Tôi không thể giải thích hoàn toàn điều đó, nhưng tôi biết rằng điều đó là như vậy. Tôi đã thấy điều đó nhiều lần, quá nhiều lần để nó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hoặc kết quả của bất kỳ loại tai nạn nào.

No man has the right to ridicule any religious teacher; he may not believe in him or feel it his duty to follow him, but at least no man of fine

Không ai có quyền chế giễu bất kỳ giáo viên tôn giáo nào; y có thể không tin vào y hoặc cảm thấy đó là nghĩa vụ của mình để theo y, nhưng

feeling would ever ridicule the religious belief of another. The man who does so is doing what is wrong on general principles, irrespective of the nature of the teachings given.

ít nhất không ai có cảm giác tốt đẹp sẽ bao giờ chế giễu niềm tin tôn giáo của người khác. Người làm như vậy đang làm điều sai trái trên nguyên tắc chung, bất kể bản chất của các giáo lý được đưa ra.

It is well, perhaps, that a general caution should be sounded in all directions that one should not adopt a scornful attitude with regard to anything, because there may always be some fragment of truth even in what seems to us incredible and incomprehensible. Every effect—even a superstition—has a cause, and though in the form in which it now presents itself to us it may be ridiculous, we shall find, if we follow it back, that there was something of truth in it at the beginning, and there is still something behind it.

Có lẽ, nên có một lời cảnh báo chung được phát ra theo mọi hướng rằng người ta không nên có thái độ khinh miệt đối với bất cứ điều gì, vì luôn có thể có một mảnh sự thật ngay cả trong những gì có vẻ với chúng ta là không thể tin được và không thể hiểu được. Mọi hiệu ứng—ngay cả một mê tín—đều có nguyên nhân, và mặc dù trong hình thức mà nó hiện tại xuất hiện với chúng ta có thể là lố bịch, chúng ta sẽ thấy, nếu chúng ta theo dõi nó trở lại, rằng đã có một điều gì đó của sự thật trong nó từ đầu, và vẫn có điều gì đó đằng sau nó.

> After the thirteenth rule I can add no more words to what is already written.

> Sau Quy luật thứ mười ba, tôi không thể thêm lời nào vào những gì đã được viết.

The Master Hilarion means that the notes made the Venetian Chohan comprise all that He feels it is safe to say. He then concludes His notes with the words:

Chân sư Hilarion có ý rằng các ghi chú do Đức Đế Quân Venetian thực hiện bao gồm tất cả những gì Ngài cảm thấy an toàn để nói. Sau đó, Ngài kết thúc các ghi chú của mình với những lời:

> My peace I give unto you. Δ

> Bình an của Ta ban cho các ngươi. Δ

> These notes are writen only for those to whom I give My peace; those who can read what I have written with the inner as well as the outer sense.

> Những ghi chú này chỉ được viết cho những người mà Ta ban bình an của Ta; những người có thể đọc những gì Ta đã viết với cả giác quan bên trong và bên ngoài.

"My Peace I give unto you", we saw in Part I, can only be said by the Master to the disciples who are as Himself, or to others who have attained the buddhic level and are one with Him by virtue of attaining that consciousness.[89]

"Bình an của Ta ban cho các ngươi", chúng ta đã thấy trong Phần I, chỉ có thể được Chân sư nói với các đệ tử là chính Ngài, hoặc với những người khác đã đạt đến cấp độ Bồ đề và là một với Ngài nhờ đạt được tâm thức đó.

Suppose people exchange among themselves a salutation of that sort: "Peace be with you," and the reply: "And on you be peace." What do they give to one another? We may imagine them to stand at the same level, and from each of them goes a strong wish or thought of peace to the other. That would be a real gift, a quite definite material thing. But that happens also whenever one sends out a thought of affection towards somebody one loves. One quite definitely transfers a little part of one's astral body to him as the vehicle of the thought-form; one may also transfer higher matter as far as the buddhic plane if one has developed up to that level.

Giả sử mọi người trao đổi với nhau một lời chào như vậy: "Bình an ở cùng bạn," và câu trả lời: "Và bình an ở cùng bạn." Họ trao cho nhau điều gì? Chúng ta có thể tưởng tượng họ đứng ở cùng một cấp độ, và từ mỗi người trong số họ phát ra một mong muốn hoặc ý nghĩ mạnh mẽ về bình an cho người kia. Đó sẽ là một món quà thực sự, một điều vật chất khá rõ ràng. Nhưng điều đó cũng xảy ra bất cứ khi nào người ta gửi đi một ý nghĩ yêu thương đối với ai đó mà người ta yêu quý. Người ta chuyển giao một phần nhỏ của thể cảm dục của mình cho người đó như là vận cụ của hình tư tưởng; người ta cũng có thể chuyển giao vật chất cao hơn đến cõi Bồ đề nếu người ta đã phát triển đến cấp độ đó.

It is well to realize that one is actually giving something material in these cases. Often people do not think that the wish is anything. When they send out a good wish, it is just as material a gift as a book or jewel would be, only it is composed of mental and astral matter. It is a gift the poorest can give as well as the richest.

Điều tốt là nhận ra rằng người ta thực sự đang trao tặng một điều gì đó vật chất trong những trường hợp này. Thường thì mọi người không nghĩ rằng mong muốn là điều gì đó. Khi họ gửi đi một mong muốn tốt, đó là một món quà vật chất như một cuốn sách hoặc một viên ngọc, chỉ có điều nó được cấu thành từ vật chất trí tuệ và cảm dục. Đó là một món quà mà người nghèo nhất cũng có thể trao tặng như người giàu nhất.

Suppose one receives the blessing of a priest: "The peace of God which passeth all understanding be upon you." That again is quite a definite phenomenon. The good wish of the priest which one may receive as well, would be only an infinitesimal fragment of what comes from him. When a priest gives a solemn blessing in the name of God he is exercising his function as a priest; he is

Giả sử người ta nhận được phước lành của một linh mục: "Bình an của Chúa vượt qua mọi sự hiểu biết ở cùng bạn." Đó lại là một hiện tượng khá rõ ràng. Mong muốn tốt của linh mục mà người ta có thể nhận được cũng chỉ là một mảnh nhỏ của những gì đến từ y. Khi một linh mục ban phước lành trang trọng nhân danh Chúa, y đang thực hiện chức năng của mình như một linh mục; y đang rút sức mạnh tinh

[89] *Ante,* pp. 286-9. 28

solemn blessing in the name of God he is exercising his function as a priest; he is drawing spiritual power from that reservoir which the Christ set apart precisely for that purpose. It is from the very same reservoir which is drawn upon when the Eucharist is celebrated, only this is drawn from a different layer, and gives a different kind of force. There have been Great Ones who have chosen to found a special section of the reservoir, filled in the first place by Themselves, and afterwards kept full by Their particular followers. This the Christ Himself did in His descent in Palestine. Therefore peace and blessing of a very much higher order than one man can give to another flows over the congregation through the will of the priest. It is not his \own, but comes from that higher source.

Chúa, y đang thực hiện chức năng của mình như một linh mục; y đang rút sức mạnh tinh thần từ cái hồ chứa mà Đức Christ đã dành riêng cho mục đích đó. Đó là từ chính cái hồ chứa đó mà người ta rút ra khi cử hành Thánh Thể, chỉ có điều này được rút ra từ một lớp khác, và mang lại một loại mãnh lực khác. Đã có những Đấng Cao Cả đã chọn để thành lập một phần đặc biệt của hồ chứa, được lấp đầy ban đầu bởi chính Các Ngài, và sau đó được giữ đầy bởi những người theo Các Ngài. Điều này Đức Christ đã tự mình làm trong sự giáng thế của Ngài ở Palestine. Do đó, bình an và phước lành ở một cấp độ cao hơn nhiều so với một người có thể trao cho người khác tràn ngập qua hội chúng thông qua ý chí của linh mục. Đó không phải là của riêng y, mà đến từ nguồn cao hơn đó.

If one receives the blessing of the Bishop one has a higher stage of the same thing, a fuller outpouring. The Bishop, when he gives his blessing as such, makes three crosses instead of only the one which the priest makes. He does that to express the threefold force which he sends out. I do not mean to say that being a Bishop he would not give that force if he made only one cross, but the reason for his making the three signs is that he has at his disposal a threefold variety of the same force at a higher level than that given by the priest. If one of our great Masters said to a person “Peace be with you,” He would throw upon him a still wider and higher peace.

Nếu người ta nhận được phước lành của Giám mục, người ta có một giai đoạn cao hơn của cùng một điều, một sự tuôn đổ đầy đủ hơn. Giám mục, khi y ban phước lành của mình như vậy, làm ba dấu thánh giá thay vì chỉ một dấu mà linh mục làm. Y làm điều đó để biểu thị mãnh lực ba phân mà y gửi ra. Tôi không có ý nói rằng là một Giám mục, y sẽ không trao mãnh lực đó nếu y chỉ làm một dấu thánh giá, nhưng lý do y làm ba dấu là vì y có trong tay một sự đa dạng ba phân của cùng một mãnh lực ở một cấp độ cao hơn so với mãnh lực được trao bởi linh mục. Nếu một trong những Chân sư vĩ đại của chúng ta nói với một người "Bình an ở cùng bạn," Ngài sẽ trao cho người đó một bình an rộng lớn và cao hơn nữa.

The blessing of the Christ Himself is the highest that this earth can give. The Lord of the World truly stands yet above, but it does not come in His way so much to give blessing as to give strength. I think we may say the blessing of the Bodhisattva is the highest of that religious type which this world can give

Phước lành của chính Đức Christ là cao nhất mà trái đất này có thể trao. Đức Chúa Tể Thế Giới thực sự đứng cao hơn, nhưng không phải là cách của Ngài để ban phước mà là để ban sức mạnh. Tôi nghĩ chúng ta có thể nói rằng phước lành của Bồ Tát là cao nhất của loại tôn giáo mà thế giới này có thể trao cho chúng ta. Mỗi

us. How much each one is able to receive of that peace and blessing depends not in the least upon the Bodhisattva, but entirely upon the individual. His power pours forth like the sunshine; earth-born clouds may get in the way of the sunlight, may obscure the action of that divine force, but it is there nevertheless—a glorious and wonderful power.

người có thể nhận được bao nhiêu bình an và phước lành đó không phụ thuộc chút nào vào Bồ Tát, mà hoàn toàn phụ thuộc vào cá nhân. Sức mạnh của Ngài tuôn trào như ánh nắng; những đám mây sinh ra từ trái đất có thể cản trở ánh sáng mặt trời, có thể che khuất hành động của mãnh lực thiêng liêng đó, nhưng nó vẫn ở đó—một mãnh lực vinh quang và tuyệt vời.

Most people are in one way much too materialistic and in another not nearly materialistic enough, in their feeling about these higher facts. We have so much materialism clinging about us that unless we can definitely see or at least feel a thing ourselves we can hardly credit its existence. Yet on the other hand we are not material enough in our ideas. People should understand that when we speak of/ the blessing outpoured by the Great Ones, even that of the Christ Himself, we mean something as definite as electricity or a jet of water. It is through matter that spiritual force manifests itself to us, so when we receive a blessing it is an actual, definite power, which can bring us nearer to the Deity.[90]

Hầu hết mọi người theo một cách nào đó quá vật chất và theo một cách khác không đủ vật chất trong cảm nhận của họ về những sự thật cao hơn này. Chúng ta có quá nhiều vật chất bám vào chúng ta đến nỗi trừ khi chúng ta có thể nhìn thấy hoặc ít nhất cảm nhận một điều gì đó, chúng ta khó có thể tin vào sự tồn tại của nó. Tuy nhiên, mặt khác, chúng ta không đủ vật chất trong ý tưởng của mình. Mọi người nên hiểu rằng khi chúng ta nói về phước lành được tuôn đổ bởi Các Đấng Cao Cả, thậm chí là của chính Đức Christ, chúng ta có ý nói về một điều gì đó rõ ràng như điện hay một dòng nước. Chính qua vật chất mà mãnh lực tinh thần biểu hiện với chúng ta, vì vậy khi chúng ta nhận được một phước lành, đó là một mãnh lực thực sự, rõ ràng, có thể đưa chúng ta gần hơn với Thượng đế.

CHAPTER 6

RULES 14 TO 21—QUY LUẬT 14 ĐẾN 21

C.W.L.—Rule 14 is once more a comment by the Chohan, not so much upon what has gone before as in preparation for another set of three aphorisms, which are numbered 15, 16 and 17.

C.W.L.—Quy luật 14 một lần nữa là một bình luận của Đức Đế Quân, không phải là về những gì đã qua mà là để chuẩn bị cho một bộ ba châm ngôn khác, được đánh số 15, 16 và 17.

[90] *Ante,* pp. 349-50.

14. Having obtained the use of the inner senses, having conquered the desires of the outer senses, having conquered the desires of the individual soul, and having obtained knowledge, prepare now, O disciple, to enter upon the way in reality. The path is found: make yourself ready to tread it.

14. Đã có được việc sử dụng các giác quan bên trong, đã chinh phục được những ham muốn của các giác quan bên ngoài, đã chinh phục được những ham muốn của linh hồn cá nhân, và đã có được tri thức, hãy chuẩn bị bây giờ, hỡi đệ tử, để bước vào con đường thực sự. Con đường đã được tìm thấy: hãy sẵn sàng để bước đi trên đó.

It seems strange when we are past the middle of the second part of this book to be told that only now are we entering upon the way in reality. It is, of course, a higher stage of the way that is referred to. Just as we speak of the probationary path first, and then the Path proper after the first Initiation has been passed, so here the Chohan speaks of entering upon the way in reality. The same idea is applicable at different levels. The Arhat enters on a new way, that of the nirvanic plane, a greater reality than that of the buddhic plane, and the Asekha or full Adept enters a yet higher path, a still fuller reality.

Có vẻ lạ khi chúng ta đã qua giữa phần thứ hai của cuốn sách này mà chỉ bây giờ mới được nói rằng chúng ta đang bước vào con đường thực sự. Tất nhiên, đó là một giai đoạn cao hơn của con đường được đề cập. Cũng như chúng ta nói về con đường dự bị trước, và sau đó là Con Đường chính thức sau khi lần Điểm Đạo đầu tiên đã qua, thì ở đây Đức Đế Quân nói về việc bước vào con đường thực sự. Ý tưởng tương tự có thể áp dụng ở các cấp độ khác nhau. Arhat bước vào một con đường mới, đó là cõi Niết Bàn, một thực tại lớn hơn so với cõi Bồ đề, và Asekha hay Chân sư đầy đủ bước vào một con đường cao hơn nữa, một thực tại đầy đủ hơn nữa.

There seems no end to this Path. We cannot speak with certainty as to anything final. We can say that the ladder reaches before us till it is lost in glory far beyond our understanding, and we know quite certainly that there is evolution before us lasting for millions of years yet. What is the final end, who shall say? But that we shall reach the consciousness of our solar Logos, we know. For us that might well seem an end, yet I have no doubt that beyond that stretch further glories; but as to the finality we can say nothing. Even if such things could be laid before us in our present stage of development it is quite certain we should not understand them.

Dường như không có kết thúc cho Con Đường này. Chúng ta không thể nói chắc chắn về bất cứ điều gì cuối cùng. Chúng ta có thể nói rằng cái thang trải dài trước mặt chúng ta cho đến khi nó mất hút trong vinh quang vượt xa sự hiểu biết của chúng ta, và chúng ta biết chắc chắn rằng có sự tiến hóa trước mặt chúng ta kéo dài hàng triệu năm nữa. Kết thúc cuối cùng là gì, ai có thể nói? Nhưng rằng chúng ta sẽ đạt đến tâm thức của Thái dương Thượng đế của chúng ta, chúng ta biết. Đối với chúng ta, điều đó có thể dường như là một kết thúc, nhưng tôi không nghi ngờ rằng vượt xa điều đó còn có những vinh quang khác; nhưng về sự cuối cùng, chúng ta không thể nói gì. Ngay cả khi những điều như vậy có thể được đặt ra trước chúng ta trong giai đoạn phát triển hiện

tại của chúng ta, chắc chắn chúng ta sẽ không hiểu chúng.

When the Chohan speaks of having conquered the desires of the individual soul He means the desires which the ego himself may have. They are not such as we term desires down here. At a high stage of the Path two fetters must be cast off which are called ruparaga and aruparaga and they are interpreted “desire for life in a form” and “desire for formless life”. When one reaches the consciousness of the ego one finds that he has before him two varieties of life—that in his causal body, which is life in a form, and the buddhic life, which is life without a form in any ordinary sense of that word.

Khi Đức Đế Quân nói về việc đã chinh phục được những ham muốn của linh hồn cá nhân, Ngài có ý nói đến những ham muốn mà chính chân ngã có thể có. Chúng không phải là những gì chúng ta gọi là ham muốn ở đây. Ở một giai đoạn cao của Con Đường, hai xiềng xích phải được loại bỏ, được gọi là ruparaga và aruparaga, và chúng được diễn giải là "ham muốn sống trong một hình tướng" và "ham muốn sống không hình tướng". Khi một người đạt đến tâm thức của chân ngã, người ta nhận thấy rằng y có trước mặt hai loại hình sống—đó là trong thể nguyên nhân của y, đó là sống trong một hình tướng, và sống Bồ đề, đó là sống không có hình tướng theo bất kỳ nghĩa thông thường nào của từ đó.

The ego has thus experiences of a consciousness in a form and a consciousness without form, and they are both wonderful beyond all words, because the ego’s life in form is life among his peers, among other egos, and when he is conscious at that level, he is enjoying the companionship of all the brightest intellects that the world has ever produced, including the great Angel kingdom as well as the human kingdom. The life of the ego on his own plane is glorious beyond any conception possible to the personality. If one could imagine an existence in the company of the great men of the world—artists, poets, scientists, and even our Masters themselves—and add to all that an understanding of Them unattainable down here—then only would one begin to have some idea of the life of the ego.

Chân ngã do đó có những trải nghiệm về một tâm thức trong một hình tướng và một tâm thức không có hình tướng, và cả hai đều tuyệt vời vượt ngoài mọi từ ngữ, vì cuộc sống của chân ngã trong hình tướng là sống giữa những người đồng đẳng của mình, giữa các chân ngã khác, và khi y có ý thức ở cấp độ đó, y đang tận hưởng sự đồng hành của tất cả những trí tuệ sáng chói nhất mà thế giới từng sản sinh, bao gồm cả vương quốc thiên thần vĩ đại cũng như vương quốc nhân loại. Cuộc sống của chân ngã trên cõi của chính mình là vinh quang vượt ngoài mọi khái niệm có thể có đối với phàm ngã. Nếu người ta có thể tưởng tượng một sự tồn tại trong sự đồng hành của những người vĩ đại của thế giới—nghệ sĩ, nhà thơ, nhà khoa học, và thậm chí là chính các Chân sư của chúng ta—và thêm vào tất cả điều đó một sự hiểu biết về Các Ngài không thể đạt được ở đây—thì chỉ khi đó người ta mới bắt đầu có một ý tưởng về cuộc sống của chân ngã.

When one advances that far in development, one can see that it is a life of intense attraction,

Khi một người tiến xa đến mức đó trong sự phát triển, người ta có thể thấy rằng đó là một

and for a man having that possibility before him to put it all aside and say: “I have no longer the slightest desire for this,” would be a stupendous sacrifice.

cuộc sống của sự hấp dẫn mãnh liệt, và đối với một người có khả năng đó trước mặt để đặt tất cả sang một bên và nói: "Tôi không còn chút ham muốn nào cho điều này nữa," sẽ là một sự hy sinh to lớn.

It would be an even greater renunciation if beyond and above that he had the formless life at his disposal—the life on the buddhic plane—which has not only that companionship, but actually becomes one with all that, and with a great deal more. Then he would say: “I have no desire even for that life; I am absolutely free from desire. If the Logos sends me, through our Masters, into one of these lines—life in form or life beyond form—most happily, most gratefully will I accept the work and try to do my best, but I have no desire for one or for the other, and am equally willing to be sent down into physical plane work.” I suppose few people have the least idea what an awful plunge the physical plane life is after such experience. To come down to this lower level even under the most desirable conditions, the most beautiful surroundings, is to fall back again into darkness out of a marvellous light; it is to be confined, to be bound and helpless, because all the faculties of the higher worlds are so fine that they cannot be used down here.

Sẽ là một sự từ bỏ lớn hơn nữa nếu vượt qua và trên cả điều đó, y có cuộc sống vô hình trong tầm tay—cuộc sống trên cõi Bồ đề—không chỉ có sự đồng hành đó, mà thực sự trở thành một với tất cả điều đó, và với nhiều điều hơn nữa. Sau đó, y sẽ nói: "Tôi không có mong muốn ngay cả cho cuộc sống đó; tôi hoàn toàn tự do khỏi dục vọng. Nếu Thượng đế gửi tôi, thông qua các Chân sư của chúng ta, vào một trong những con đường này—cuộc sống trong hình tướng hoặc cuộc sống vượt ngoài hình tướng—tôi sẽ chấp nhận công việc một cách hạnh phúc nhất, biết ơn nhất và cố gắng làm tốt nhất có thể, nhưng tôi không có mong muốn cho một trong hai, và sẵn sàng như nhau để được gửi xuống làm việc trên cõi hồng trần." Tôi cho rằng ít người có ý niệm gì về việc lao xuống cõi hồng trần là một cú sốc kinh khủng như thế nào sau những trải nghiệm như vậy. Để xuống cấp độ thấp hơn này ngay cả trong những điều kiện mong muốn nhất, những môi trường đẹp nhất, là rơi trở lại vào bóng tối từ một ánh sáng kỳ diệu; đó là bị giam cầm, bị ràng buộc và bất lực, bởi vì tất cả các khả năng của các cõi giới cao hơn đều quá tinh tế đến mức chúng không thể được sử dụng ở đây.

It was said in one of the earlier letters from the Masters, of those who had touched the nirvanic level, that when they came out of it they were in a condition of profound depression for many weeks. I can imagine that to be true of some of our Indian brothers who in high ecstasy—in samadhi—had experienced that, and on coming down again to the physical life had found it a condition profoundly depressing. Those who are pupils of the Masters and have had experience of the

Đã có nói trong một trong những lá thư trước đây từ các Chân sư, về những người đã chạm đến cấp độ Niết Bàn, rằng khi họ ra khỏi đó, họ ở trong tình trạng trầm cảm sâu sắc trong nhiều tuần. Tôi có thể tưởng tượng điều đó là đúng với một số huynh đệ Ấn Độ của chúng ta, những người trong trạng thái ngây ngất cao—trong samadhi—đã trải nghiệm điều đó, và khi trở lại cuộc sống hồng trần đã thấy đó là một tình trạng trầm cảm sâu sắc. Những người là đệ tử của các Chân sư và đã có kinh nghiệm về

higher levels have been taught not to allow themselves to be depressed by descent into any limitation or surroundings.

He who has sacrificed himself for service must be willing to surrender everything completely, when it is necessary. He must be ready to be sent down into any kind of surroundings, to give up altogether for the time that life in the higher forms and that formless life which is higher still. Only so can he cast off entirely those two fetters. It is the Arhat who has to do this. One may gain the Fourth Initiation and yet have touches of desire for those higher realms, so we need not despair unnecessarily. But it does mean a high development, a strong sense of the necessity for service, to be entirely unattached to such bliss. The temptation is very far beyond anything one could possibly imagine.

các cấp độ cao hơn đã được dạy không để cho mình bị trầm cảm bởi sự hạ xuống vào bất kỳ giới hạn hay môi trường nào.

Người đã hy sinh bản thân vì phụng sự phải sẵn sàng từ bỏ mọi thứ hoàn toàn, khi cần thiết. Y phải sẵn sàng được gửi xuống bất kỳ loại môi trường nào, từ bỏ hoàn toàn trong thời gian đó cuộc sống trong các hình thức cao hơn và cuộc sống vô hình cao hơn nữa. Chỉ có như vậy y mới có thể hoàn toàn loại bỏ hai xiềng xích đó. Đó là Arhat phải làm điều này. Một người có thể đạt được lần điểm đạo thứ tư và vẫn có những cảm giác mong muốn cho những cõi cao hơn đó, vì vậy chúng ta không cần phải tuyệt vọng không cần thiết. Nhưng điều đó có nghĩa là một sự phát triển cao, một ý thức mạnh mẽ về sự cần thiết của phụng sự, để hoàn toàn không bị ràng buộc với niềm hạnh phúc như vậy. Sự cám dỗ vượt xa bất cứ điều gì mà một người có thể tưởng tượng.

15. Inquire of the earth, the air, and the water, of the secrets they hold for you. The development of your inner senses will enable you to do this.

15. Hãy hỏi đất, không khí và nước về những bí mật mà chúng giữ cho bạn. Sự phát triển của các giác quan bên trong của bạn sẽ cho phép bạn làm điều này.

In this rule we have the original aphorism in the first sentence and the Chohan's comment in the second. I have already spoken with regard to what is indicated here—that we have to come into closer communion with nature, if we want really to understand her. All religions so far as we know, even including many of the rites of savage tribes which can hardly be thought of as religions at all, have a theory of cosmogony, of the way in which the world or the solar system came into being. There is a reason for that. It has been strongly impressed by the World-Teacher upon the sub-races of people to whom He came at different times that they should try to understand the universe of which they form a

Trong Quy luật này, chúng ta có câu châm ngôn gốc trong câu đầu tiên và bình luận của Đức Đế Quân trong câu thứ hai. Tôi đã nói về những gì được chỉ ra ở đây—rằng chúng ta phải đến gần hơn với thiên nhiên, nếu chúng ta thực sự muốn hiểu cô ấy. Tất cả các tôn giáo cho đến nay mà chúng ta biết, thậm chí bao gồm nhiều nghi lễ của các bộ lạc hoang dã mà khó có thể được coi là tôn giáo, đều có một lý thuyết về vũ trụ học, về cách mà thế giới hoặc hệ mặt trời đã hình thành. Có một lý do cho điều đó. Đã được nhấn mạnh mạnh mẽ bởi Huấn Sư Thế Giới lên các giống dân phụ mà Ngài đã đến vào những thời điểm khác nhau rằng họ nên cố gắng hiểu vũ trụ mà họ là một phần.

part.

The more we understand of the whole plan of evolution the more we can live in harmony with it, and become able to work with it even in minute detail. I am afraid it is impossible for people who have not had the experience fully to grasp all that is meant here by coming more closely into touch with nature. The writer is not talking vaguely, but with very perfect and intimate knowledge, when He says: “Inquire of the earth, the air, and the water, of the secrets they hold for you.” Those secrets would help men to understand this great and wonderful evolution. Even a little knowledge of them would at least save people from the danger of being self-centred. Many people very distinctly have been self-centred, because they have the absurd idea that all these kingdoms were created especially for mankind. If there are vegetables, well, it is stated in the Bible that God gave them to man for food; if there are animals, they assume (although I do not think it is distinctly stated) that God intended them to be man’s servants, that they exist only to serve him, and, apparently, many of them, only to be eaten by him. That is not what is stated in the Bible; it is the herbs and fruits of the trees which are there said to have been given to man for his meat. There has been very strongly this idea that everything existed for the sake of man—that the air was made that he might breathe it, that the water existed that he might use it to drink or to wash with, and that everything pivoted round man as a centre. But all that is not so by any means.

Càng hiểu biết về toàn bộ kế hoạch tiến hóa, chúng ta càng có thể sống hài hòa với nó, và trở nên có khả năng làm việc với nó ngay cả trong chi tiết nhỏ nhất. Tôi e rằng không thể cho những người chưa có kinh nghiệm hoàn toàn nắm bắt tất cả những gì được ngụ ý ở đây bằng cách đến gần hơn với thiên nhiên. Người viết không nói một cách mơ hồ, mà với kiến thức rất hoàn hảo và thân mật, khi Ngài nói: "Hãy hỏi đất, không khí và nước về những bí mật mà chúng giữ cho bạn." Những bí mật đó sẽ giúp con người hiểu được sự tiến hóa lớn lao và tuyệt vời này. Ngay cả một chút kiến thức về chúng cũng ít nhất sẽ cứu con người khỏi nguy cơ tự trung tâm. Nhiều người rất rõ ràng đã tự trung tâm, bởi vì họ có ý tưởng vô lý rằng tất cả các giới này được tạo ra đặc biệt cho nhân loại. Nếu có thực vật, thì trong Kinh Thánh đã nói rằng Thượng đế đã ban chúng cho con người làm thức ăn; nếu có động vật, họ cho rằng (mặc dù tôi không nghĩ rằng điều đó được nói rõ ràng) rằng Thượng đế đã định chúng làm tôi tớ của con người, rằng chúng tồn tại chỉ để phục vụ con người, và, dường như, nhiều trong số chúng, chỉ để bị ăn bởi con người. Đó không phải là những gì được nói trong Kinh Thánh; đó là các loại thảo mộc và trái cây của cây cối được nói là đã được ban cho con người làm thức ăn. Đã có ý tưởng rất mạnh mẽ này rằng mọi thứ tồn tại vì lợi ích của con người—rằng không khí được tạo ra để y có thể thở, rằng nước tồn tại để y có thể uống hoặc rửa, và rằng mọi thứ xoay quanh con người như một trung tâm. Nhưng tất cả điều đó không phải là như vậy bằng bất kỳ cách nào.

The same people think of the moon as useless, except to light their way at night. If that was the intention it has been very inefficiently carried out, because half the time it does not do that at all; but still they persist in saying that the sun exists to light them by day and

Những người cùng một suy nghĩ về mặt trăng như vô dụng, ngoại trừ để chiếu sáng con đường của họ vào ban đêm. Nếu đó là ý định thì nó đã được thực hiện rất không hiệu quả, bởi vì một nửa thời gian nó không làm điều đó chút nào; nhưng họ vẫn kiên trì nói rằng mặt

the moon to light them by night. Men have always talked like that, and when we know the facts it certainly strikes us as curious. We are the highest of the animal evolution. We hold ourselves to be a kingdom apart from the animal, but the fact remains that we are the highest of these creatures which have dense physical bodies. There are vast numbers of entities higher than ourselves who have mental and astral vehicles, and others which use physical bodies to the extent of the etheric matter, though only during temporary materialization.

trời tồn tại để chiếu sáng họ vào ban ngày và mặt trăng để chiếu sáng họ vào ban đêm. Con người luôn nói như vậy, và khi chúng ta biết sự thật, điều đó chắc chắn làm chúng ta thấy kỳ lạ. Chúng ta là cao nhất của sự tiến hóa động vật. Chúng ta tự coi mình là một giới tách biệt khỏi động vật, nhưng thực tế vẫn là chúng ta là cao nhất của những sinh vật này có thể xác đậm đặc. Có vô số thực thể cao hơn chúng ta có các hiện thể trí tuệ và cảm dục, và những thực thể khác sử dụng thể xác đến mức độ của chất liệu dĩ thái, mặc dù chỉ trong quá trình hiện hình tạm thời.

If we were to choose one evolution apart from the rest and say that the solar system exists for that special one or even to say that our earth exists for that one alone, then we should have to take the great deva evolution rather than the human, because it certainly reaches much higher and is altogether more splendid than our own. There are a great many other lines which have finished their physical experience on other chains of worlds and are now utilizing the higher planes of this world. Those evolutions which are at the stage of the buddhic plane, for example, do not interfere at all with the three lower worlds in which we are evolving. Since they are already at that height where their lowest level is the mental plane, which to us is so high, it may well be that they are far more important than we.

Nếu chúng ta chọn một sự tiến hóa tách biệt khỏi phần còn lại và nói rằng hệ mặt trời tồn tại cho sự tiến hóa đặc biệt đó hoặc thậm chí nói rằng trái đất của chúng ta tồn tại chỉ cho sự tiến hóa đó, thì chúng ta sẽ phải chọn sự tiến hóa của các thiên thần lớn hơn là của con người, bởi vì nó chắc chắn đạt đến mức cao hơn nhiều và hoàn toàn rực rỡ hơn của chúng ta. Có rất nhiều dòng khác đã hoàn thành kinh nghiệm thể xác của họ trên các dãy hành tinh khác và hiện đang sử dụng các cõi cao hơn của thế giới này. Những sự tiến hóa đang ở giai đoạn của cõi Bồ đề, chẳng hạn, không can thiệp chút nào vào ba cõi thấp hơn mà chúng ta đang tiến hóa. Vì họ đã ở độ cao đó nơi mà mức thấp nhất của họ là cõi trí tuệ, điều mà đối với chúng ta là rất cao, có thể là họ quan trọng hơn chúng ta rất nhiều.

So far as we have been able to test it, or to see, no space anywhere is being wasted, or is unoccupied. I remember a statement made once at a spiritualist meeting which I attended, before I knew about Theosophy. The communicating entity said that to his sight the room was packed densely with what he called spirits, and furthermore beyond that room there extended on into the sky a dense mass of higher entities—whom he called

Cho đến nay chúng ta đã có thể kiểm tra, hoặc thấy, không có không gian nào ở bất kỳ đâu bị lãng phí, hoặc không có người ở. Tôi nhớ một tuyên bố đã được đưa ra một lần tại một buổi họp thần linh mà tôi đã tham dự, trước khi tôi biết về Thông Thiên Học. Thực thể giao tiếp nói rằng theo tầm nhìn của y, căn phòng đã được lấp đầy đậm đặc với những gì y gọi là linh hồn, và hơn nữa ngoài căn phòng đó mở rộng lên bầu trời một khối lượng dày đặc của các

angels—of various sorts, pouring down and rising up again. He said, “The whole air, as far as I can see, is densely packed with these higher beings.” He represented them all as being focused upon the particular circle in which we were sitting, and I have no doubt that a certain set of entities may have been attending to that, but apart from that, and always, all space is being utilized for evolutions which have nothing to do with us or with our set of parallel schemes at all.

thực thể cao hơn—mà y gọi là thiên thần—các loại khác nhau, đổ xuống và bay lên lại. Y nói, "Toàn bộ không khí, xa như tôi có thể thấy, được lấp đầy đậm đặc với những thực thể cao hơn này." Y đã đại diện cho tất cả chúng như đang tập trung vào vòng tròn cụ thể mà chúng tôi đang ngồi, và tôi không nghi ngờ rằng một tập hợp thực thể nhất định có thể đã tham dự vào điều đó, nhưng ngoài điều đó, và luôn luôn, tất cả không gian đang được sử dụng cho các sự tiến hóa không liên quan gì đến chúng ta hoặc với các hệ thống song song của chúng ta chút nào.

The whole of space is absolutely full of life. More than three-fourths of the earth is covered with water; men cannot live in it, but that vast space is nevertheless very fully occupied with life. The solid earth is also full of a kind of life that moves through it as we move through air, without being conscious of obstruction. That is at a level lower than humanity; it is cleverer in some ways, but on the whole lower, and so utterly different from ours that what is their normal evolution would be evil for us. Much of this life could not be explained in ordinary language at all, but one can sense it by getting away from one’s body and going in among it and observing it. I should not advise people to do this, however, until they have the higher faculties and the other qualities which have been mentioned, because they might get themselves into serious danger, especially among these lower forces which are tremendously strong, but are not guided by any considerations which we understand—what we would call moral considerations do not exist at all among some of those evolutions. It is all quite different from anything of which we have any knowledge, but all this we must know before we ourselves can reach the level of the Divine and become one with that, because all of this is the life of the Logos just as much as is the life

Toàn bộ không gian hoàn toàn đầy sự sống. Hơn ba phần tư trái đất được bao phủ bởi nước; con người không thể sống trong đó, nhưng không gian rộng lớn đó vẫn rất đầy đủ sự sống. Đất liền cũng đầy một loại sự sống di chuyển qua nó như chúng ta di chuyển qua không khí, mà không nhận thức được sự cản trở. Đó là ở một cấp độ thấp hơn nhân loại; nó thông minh hơn trong một số cách, nhưng nhìn chung thấp hơn, và hoàn toàn khác biệt với chúng ta đến mức những gì là sự tiến hóa bình thường của họ sẽ là điều xấu đối với chúng ta. Nhiều trong số sự sống này không thể được giải thích bằng ngôn ngữ thông thường chút nào, nhưng người ta có thể cảm nhận nó bằng cách rời khỏi cơ thể của mình và đi vào giữa nó và quan sát nó. Tuy nhiên, tôi không khuyên mọi người làm điều này, cho đến khi họ có các khả năng cao hơn và các phẩm chất khác đã được đề cập, bởi vì họ có thể tự đặt mình vào nguy hiểm nghiêm trọng, đặc biệt là giữa những lực lượng thấp hơn này vốn cực kỳ mạnh mẽ, nhưng không được hướng dẫn bởi bất kỳ cân nhắc nào mà chúng ta hiểu—những gì chúng ta gọi là cân nhắc đạo đức không tồn tại chút nào giữa một số sự tiến hóa đó. Tất cả đều hoàn toàn khác biệt với bất cứ điều gì mà chúng ta có bất kỳ kiến thức nào, nhưng tất cả điều này chúng ta phải biết trước khi chúng ta có thể đạt đến cấp độ của Thượng đế và trở thành một với

within ourselves, and to understand Him we must understand it all.

điều đó, bởi vì tất cả điều này là sự sống của Thượng đế cũng như là sự sống trong chính chúng ta, và để hiểu Ngài, chúng ta phải hiểu tất cả điều đó.

> 16. Inquire of the Holy Ones of the earth of the secrets they hold for you.

> 16. Hãy hỏi các Đấng Thánh của trái đất về những bí mật mà họ giữ cho bạn.

The comment upon this is:

Bình luận về điều này là:

> The conquering of the desires of the outer senses will give you the right to do this.

> Việc chinh phục những dục vọng của các giác quan bên ngoài sẽ cho bạn quyền làm điều này.

The Holy Ones of the earth are certainly, among others, our Masters. I think that here He means also the great Angels. We may come into touch with them and may learn much from them, but also we may learn—we have learnt—much from our own Masters, for They, through Their disciples, have taught us much knowledge which otherwise we should have been a long time in reaching for ourselves. They told us in the beginning that it was our business to verify for ourselves the things They taught us. That is what we have been doing, and it is in that way that we have in many of the later Theosophical books much more detail than was given in the earlier books, which depended very largely upon what had been told us.

Các Đấng Thánh của trái đất chắc chắn, trong số những người khác, là các Chân sư của chúng ta. Tôi nghĩ rằng ở đây Ngài cũng có ý nói đến các Thiên Thần lớn. Chúng ta có thể tiếp xúc với họ và có thể học được nhiều điều từ họ, nhưng cũng có thể chúng ta đã học được—chúng ta đã học được—nhiều điều từ chính các Chân sư của chúng ta, vì Các Ngài, thông qua các đệ tử của mình, đã dạy chúng ta nhiều kiến thức mà nếu không chúng ta sẽ phải mất rất lâu để tự mình đạt được. Các Ngài đã nói với chúng ta từ đầu rằng đó là nhiệm vụ của chúng ta để tự mình xác minh những điều Các Ngài đã dạy chúng ta. Đó là những gì chúng ta đã làm, và đó là cách mà chúng ta có trong nhiều cuốn sách Thông Thiên Học sau này nhiều chi tiết hơn so với những cuốn sách trước đó, vốn phụ thuộc rất nhiều vào những gì đã được nói với chúng ta.

To inquire from a Master does not always mean to go and ask a question. There are other ways besides that. There are cases in which we have done precisely that thing. We have formulated definite questions, and when the opportunity occurred have put those questions, one might say by word of mouth, except that on the higher planes there is no word of mouth in the ordinary sense; we have

Hỏi một Chân sư không phải lúc nào cũng có nghĩa là đi và đặt câu hỏi. Có những cách khác ngoài điều đó. Có những trường hợp mà chúng ta đã làm chính xác điều đó. Chúng ta đã hình thành những câu hỏi cụ thể, và khi có cơ hội, đã đặt những câu hỏi đó, có thể nói bằng lời nói, ngoại trừ việc trên các cõi cao hơn không có lời nói theo nghĩa thông thường; đôi khi chúng ta đã đặt những câu hỏi đó cho một

sometimes put those questions to a Master in a moment of His leisure and have received definite answers to them. There are many things in every-day work about which we should like to have the benefit of His wider insight, yet we could not think for a moment of troubling Him to give an answer. As has been explained before, it is possible for a pupil to lay his thought beside that of the Master and so, without appealing to the consciousness of the Master to see what He thinks on any given subject.[91] That makes no call upon Him whatever. It is simply that by drawing back up the line of communication we can put our thought beside His. It means that one has oneself thought out the question first and come to some conclusion that seems the best; then one lays that conclusion beside the Master's thought on the subject, to see whether there is any difference. If there is, one promptly alters one's own thought, knowing that He is much wiser and that His thought is accurate.

Chân sư trong một khoảnh khắc rảnh rỗi của Ngài và đã nhận được những câu trả lời cụ thể cho chúng. Có nhiều điều trong công việc hàng ngày mà chúng ta muốn có lợi ích từ cái nhìn sâu rộng hơn của Ngài, nhưng chúng ta không thể nghĩ trong một khoảnh khắc về việc làm phiền Ngài để đưa ra câu trả lời. Như đã được giải thích trước đây, có thể cho một đệ tử đặt suy nghĩ của mình bên cạnh suy nghĩ của Chân sư và do đó, mà không cần kêu gọi tâm thức của Chân sư để xem Ngài nghĩ gì về bất kỳ chủ đề nào. Điều đó không đòi hỏi Ngài chút nào. Đơn giản là bằng cách rút lui lên đường dây liên lạc, chúng ta có thể đặt suy nghĩ của mình bên cạnh suy nghĩ của Ngài. Điều đó có nghĩa là người đó đã tự mình suy nghĩ về câu hỏi trước và đi đến một kết luận nào đó có vẻ là tốt nhất; sau đó người đó đặt kết luận đó bên cạnh suy nghĩ của Chân sư về chủ đề đó, để xem có sự khác biệt nào không. Nếu có, người đó ngay lập tức thay đổi suy nghĩ của mình, biết rằng Ngài khôn ngoan hơn nhiều và rằng suy nghĩ của Ngài là chính xác.

Thus there are ways of consulting the Master, without troubling Him at all. Still, there are other cases where that is not a suitable method of communication, where we have absolutely to wait for an opportunity to ask a question and get an answer; but certainly in order that one may inquire of Them he must first of all bring himself to the point where he will cause no disturbance in coming near to Them.

Do đó, có những cách để tham khảo ý kiến của Chân sư, mà không làm phiền Ngài chút nào. Tuy nhiên, có những trường hợp khác mà đó không phải là phương pháp giao tiếp phù hợp, nơi chúng ta hoàn toàn phải chờ đợi cơ hội để đặt câu hỏi và nhận được câu trả lời; nhưng chắc chắn để một người có thể hỏi Các Ngài, trước hết người đó phải đưa mình đến điểm mà người đó sẽ không gây ra bất kỳ sự xáo trộn nào khi đến gần Các Ngài.

It is the duty of some of us to go every night when we fall asleep to the houses of our respective Masters for orders, to see whether there are any special instructions for us. Sometimes there are. But sometimes we find the Master obviously busy, deeply engaged; then we do not thrust ourselves upon His notice, but go quietly away and go on with our ordinary regular work. Any pupil, of course,

Đó là nhiệm vụ của một số chúng ta để đi mỗi đêm khi chúng ta ngủ đến nhà của các Chân sư tương ứng của chúng ta để nhận lệnh, để xem liệu có bất kỳ chỉ dẫn đặc biệt nào cho chúng ta không. Đôi khi có. Nhưng đôi khi chúng ta thấy Chân sư rõ ràng bận rộn, đang làm việc sâu sắc; sau đó chúng ta không tự đẩy mình vào sự chú ý của Ngài, mà lặng lẽ đi và tiếp tục công việc thường xuyên của mình. Bất kỳ đệ tử

[91] *Ante,* Vol. I, Part I, Ch, 1: *The Occult Path;* Part II, Ch. 4: *Be True all through*

notice, but go quietly away and go on with our ordinary regular work. Any pupil, of course, would do that. He would study first the Master's convenience, and when he considered that he had something important to report he would not think of himself, but of the Master. But sometimes newer recruits are very full of the importance of something that they have been doing, or that they want to ask, and they wait about and thrust themselves on the attention of the Master, so that He turns aside for a moment from what He is doing.

vào sự chú ý của Ngài, mà lặng lẽ đi và tiếp tục công việc thường xuyên của mình. Bất kỳ đệ tử nào, tất nhiên, sẽ làm điều đó. Y sẽ nghiên cứu trước sự tiện lợi của Chân sư, và khi y cho rằng y có điều gì đó quan trọng để báo cáo, y sẽ không nghĩ về bản thân mình, mà về Chân sư. Nhưng đôi khi những tân binh mới rất đầy sự quan trọng về điều gì đó mà họ đã làm, hoặc điều mà họ muốn hỏi, và họ chờ đợi và tự đẩy mình vào sự chú ý của Chân sư, để Ngài quay sang một lúc từ những gì Ngài đang làm.

The older pupil is always most careful as to what sort of thought and feeling he sends along the lines of communication between himself and the Master, so that there shall be no slightest jar. This needs a certain amount of care on the part of the pupil, because there are very often jars which the pupils cannot help. In a great city, for instance, there must often be surroundings which are very unpleasant; in a crowd during the busy time of the day, in the midst of a perfect pandemonium of noise, all sorts of clashing and crashing vibrations impinge upon a person to some extent. One may guard oneself to some degree, and must indeed take good care that no such vibrations, if they do affect one should be transmitted to the Master.[92] () It is not that the Master could not deal with it all by a single thought, but one does not want to cause Him a single thought; His time is so precious, the outpouring of His force so valuable, that the pupil does not want the smallest amount of it to be wasted. He lives for the work, as the Master does, and it is part of his duty to see that the very great beneficence which his Guru has extended towards him in making him an outlying part of Himself, does not cause the least trouble. It is easy to prevent these disturbances from reaching Him, when one has reached the stage

Đệ tử lâu năm luôn cẩn thận nhất về loại suy nghĩ và cảm giác mà y gửi dọc theo các đường dây liên lạc giữa y và Chân sư, để không có sự xáo trộn nhỏ nhất nào. Điều này cần một mức độ cẩn thận nhất định từ phía đệ tử, bởi vì rất thường xuyên có những xáo trộn mà đệ tử không thể tránh được. Trong một thành phố lớn, chẳng hạn, thường có những môi trường rất khó chịu; trong một đám đông trong thời gian bận rộn của ngày, giữa một sự hỗn loạn hoàn hảo của tiếng ồn, tất cả các loại rung động va chạm và va đập tác động lên một người đến một mức độ nào đó. Người ta có thể tự bảo vệ mình đến một mức độ nào đó, và thực sự phải cẩn thận rằng không có rung động nào như vậy, nếu chúng có ảnh hưởng đến người đó, sẽ được truyền đến Chân sư. () Không phải là Chân sư không thể xử lý tất cả bằng một suy nghĩ duy nhất, nhưng người ta không muốn gây ra cho Ngài một suy nghĩ nào; thời gian của Ngài rất quý giá, sự tuôn đổ mãnh lực của Ngài rất có giá trị, đến nỗi đệ tử không muốn một lượng nhỏ nhất nào của nó bị lãng phí. Y sống vì công việc, như Chân sư làm, và đó là một phần trong nhiệm vụ của y để đảm bảo rằng sự ân huệ rất lớn mà Guru của y đã mở rộng đối với y bằng cách làm cho y trở thành một phần ngoại vi của Ngài, không gây ra bất kỳ rắc rối nào. Rất dễ dàng để ngăn chặn

[92] *Ante,* pp. 187-8.

of knowing how to do it. In the meantime, it is the conquering of the desires of the outer senses that gives one the right to come into such touch with the Masters that he can inquire from Them.

những xáo trộn này không đến được Ngài, khi người ta đã đạt đến giai đoạn biết cách làm điều đó. Trong thời gian chờ đợi, việc chinh phục những dục vọng của các giác quan bên ngoài là điều mang lại cho một người quyền tiếp xúc với các Chân sư đến mức y có thể hỏi từ Các Ngài.

17. Inquire of the Inmost, the One, of its final secret which it holds for you through the ages.

17. Hãy hỏi Đấng Nội Tại, Đấng Duy Nhất, về bí mật cuối cùng mà nó giữ cho bạn qua các thời đại.

The Inmost, the One, for the personality, is no doubt the ego, but for the ego it is the Monad. What it is for the Monad I do not know certainly, because I cannot yet see the Monad. One can see the triple atma, which is the threefold manifestation of a Monad, and from that a great deal may be deduced; but face to face I have not seen it. Our Masters have, but what They see and what They know They cannot fully tell us; that is quite clear. The Monad is said to be a spark of the Divine Fire, but also we believe that in the primal manifestation of the system the Logos poured Himself out through His seven Ministers —"the seven spirits before the throne of God." I do not know, but I imagine, that for the Monad, who must have come out through one of those glowing colours on his way from the divine Fire, that great Minister or Planetary Spirit through whom he came forth might well be the Inmost—and so we reason on to yet higher beings. These things are not comprehensible to us, and not to be stated in words. In some way which means very little to us and yet in meditation may mean a great deal, God puts part of Himself down into matter, and divides that part so that it becomes spirit and matter—two manifestations of the same thing, and yet having done that He remains behind it all, unlimited, omnipresent, unaffected. The

Đấng Nội Tại, Đấng Duy Nhất, đối với phàm ngã, không nghi ngờ gì là chân ngã, nhưng đối với chân ngã, đó là Chân Thần. Điều đó là gì đối với Chân Thần tôi không biết chắc chắn, bởi vì tôi chưa thể thấy Chân Thần. Người ta có thể thấy tam nguyên atma, vốn là sự biểu hiện ba phần của một Chân Thần, và từ đó có thể suy ra rất nhiều điều; nhưng đối mặt tôi chưa thấy nó. Các Chân sư của chúng ta đã thấy, nhưng những gì Các Ngài thấy và những gì Các Ngài biết Các Ngài không thể hoàn toàn nói với chúng ta; điều đó hoàn toàn rõ ràng. Chân Thần được cho là một tia lửa của Lửa Thiêng Liêng, nhưng chúng ta cũng tin rằng trong sự biểu hiện nguyên thủy của hệ thống, Thượng đế đã tuôn đổ Ngài qua bảy Bộ trưởng của Ngài —"bảy linh hồn trước ngai Thượng đế." Tôi không biết, nhưng tôi tưởng tượng rằng đối với Chân Thần, vốn phải đã ra đời qua một trong những màu sắc rực rỡ đó trên con đường từ Lửa Thiêng Liêng, vị Bộ trưởng vĩ đại hoặc Linh hồn Hành Tinh qua đó y đã ra đời có thể là Đấng Nội Tại—và do đó chúng ta suy luận đến những thực thể cao hơn nữa. Những điều này không thể hiểu được đối với chúng ta, và không thể được diễn đạt bằng lời. Bằng cách nào đó, điều đó có ý nghĩa rất ít đối với chúng ta và tuy nhiên trong tham thiền có thể có ý nghĩa rất nhiều, Thượng đế đặt một phần của Ngài xuống vào vật chất, và chia phần đó để nó trở thành tinh thần và vật chất—hai biểu hiện

Inmost, the One, has held secrets for us through the ages because always from the very beginning the inner self, the Monad, has known certain things. We do not know what things the Monad knows from the beginning. The Monad is a spark of the divine Fire, and the Logos, who is the divine Fire, knows all.

của cùng một điều, và tuy nhiên sau khi làm điều đó Ngài vẫn ở phía sau tất cả, không bị giới hạn, hiện diện khắp nơi, không bị ảnh hưởng. Đấng Nội Tại, Đấng Duy Nhất, đã giữ bí mật cho chúng ta qua các thời đại bởi vì luôn luôn từ lúc bắt đầu, cái tôi bên trong, Chân Thần, đã biết những điều nhất định. Chúng ta không biết những điều mà Chân Thần biết từ lúc bắt đầu. Chân Thần là một tia lửa của Lửa Thiêng Liêng, và Thượng đế, vốn là Lửa Thiêng Liêng, biết tất cả.

The comment on the seventeenth rule says:

Bình luận về Quy luật thứ mười bảy nói:

> The great and difficult victory, the conquering of the desires of the individual soul is a work of ages; therefore expect not to obtain its rewards until ages of experience have been accumulated. When the time of learning this seventeenth rule is reached, man is on the threshold of becoming more than man.

> Chiến thắng lớn và khó khăn, việc chinh phục những dục vọng của linh hồn cá nhân là một công việc của các thời đại; do đó đừng mong đạt được phần thưởng của nó cho đến khi các kinh nghiệm của các thời đại đã được tích lũy. Khi thời điểm học Quy luật thứ mười bảy này được đạt đến, con người đang ở ngưỡng cửa trở thành hơn cả con người.

That sounds rather excessive, but we must presume that He who writes knows whereof He writes. We must remember that all this has to be taken at two levels. When it is a question of the desires of the personality and of their being laid aside in favour of the aspirations of the soul it surely is not such a difficult matter. Putting aside the desires of the individual soul for those of the Monad behind is a very much higher thing, and when it is said that it may take ages one is prepared to admit that it might well be true; and yet when you have once accomplished this at one stage, to do it over again at another and higher stage ought not to present any insuperable difficulty, because what has to be done is the same thing, though from an entirely different point of view. It will, no doubt, take ages for those who slowly tread the broad main road of human

Điều đó nghe có vẻ hơi quá mức, nhưng chúng ta phải giả định rằng Ngài viết biết rõ điều Ngài viết. Chúng ta phải nhớ rằng tất cả điều này phải được xem xét ở hai cấp độ. Khi đó là vấn đề của những dục vọng của phàm ngã và việc chúng được đặt sang một bên để ủng hộ những khát vọng của linh hồn, chắc chắn đó không phải là một vấn đề khó khăn như vậy. Đặt sang một bên những dục vọng của linh hồn cá nhân để ủng hộ những dục vọng của Chân Thần phía sau là một điều cao hơn rất nhiều, và khi nói rằng điều đó có thể mất hàng thế kỷ, người ta sẵn sàng thừa nhận rằng điều đó có thể đúng; và tuy nhiên khi bạn đã hoàn thành điều này ở một giai đoạn, để làm lại điều đó ở một giai đoạn khác và cao hơn không nên gây ra bất kỳ khó khăn không thể vượt qua nào, bởi vì những gì phải làm là cùng một điều, mặc dù từ một quan điểm hoàn toàn khác.

progress, but generally only a few lives, as we have seen, for those who now enter the Path, and breast the mountain-side.

Không nghi ngờ gì, điều đó sẽ mất hàng thế kỷ đối với những người chậm rãi đi trên con đường chính rộng lớn của tiến bộ nhân loại, nhưng thường chỉ vài kiếp, như chúng ta đã thấy, đối với những người hiện đang bước vào Thánh Đạo, và leo lên sườn núi.

When one gets a glimpse behind the veil into the plans of the Hierarchy one finds that They habitually talk in large figures. They lay their plans with a wonderful, almost deadly, certainty, and it would seem that nothing whatever can interfere with them. They lay out Their future in blocks of ten thousand years or so, and They say: “In this ten thousand years we will get such and-such work done.” And They do it. Yet that work does not at all necessarily spread itself evenly over that block. It seems to me, from what I have observed, that there might be a plan laid out in which a certain amount was to be done in the first two hundred years, so much in the next, and so on, so that by the end of a thousand years a certain definite goal was to be achieved. It would seem that in those smaller divisions of two hundred years the prescribed proportion of work is not always achieved; yet what They have calculated to get done in the course of the larger block of one thousand years is always done. When the work moves slowly at first it hurries in the end.

Khi người ta có một cái nhìn thoáng qua phía sau bức màn vào các kế hoạch của Thánh Đoàn, người ta thấy rằng Các Ngài thường xuyên nói chuyện bằng những con số lớn. Các Ngài lập kế hoạch của mình với một sự chắc chắn tuyệt vời, gần như chết người, và dường như không có gì có thể can thiệp vào chúng. Các Ngài lập ra tương lai của mình trong các khối mười nghìn năm hoặc hơn, và Các Ngài nói: "Trong mười nghìn năm này, chúng ta sẽ hoàn thành công việc như vậy." Và Các Ngài làm điều đó. Tuy nhiên, công việc đó không nhất thiết phải tự trải đều trên khối đó. Theo tôi quan sát, có thể có một kế hoạch được lập ra trong đó một lượng nhất định sẽ được thực hiện trong hai trăm năm đầu tiên, rất nhiều trong những năm tiếp theo, và cứ thế, để đến cuối một nghìn năm, một mục tiêu nhất định sẽ được đạt được. Dường như trong những phân chia nhỏ hơn của hai trăm năm, tỷ lệ công việc được quy định không phải lúc nào cũng đạt được; tuy nhiên, những gì Các Ngài đã tính toán để hoàn thành trong quá trình của khối lớn hơn một nghìn năm luôn được thực hiện. Khi công việc di chuyển chậm lúc đầu, nó sẽ nhanh chóng vào cuối.

The people or the nations to whom the opportunity to do the work is first offered do not invariably take it, but there is always an understudy being prepared. If a man or a nation fails, the next line is brought up and the work is done, though it may be delayed a little. The British Empire had a trial of that nature in connection with the great war. As a whole it rose to the emergency and proved itself worthy. Had it not done so, another great

Những người hoặc các quốc gia mà cơ hội để thực hiện công việc được trao đầu tiên không phải lúc nào cũng nắm bắt, nhưng luôn có một người dự bị đang được chuẩn bị. Nếu một người hoặc một quốc gia thất bại, thì người tiếp theo sẽ được đưa lên và công việc sẽ được hoàn thành, dù có thể bị trì hoãn một chút. Đế quốc Anh đã trải qua một thử thách như vậy trong cuộc chiến lớn. Nhìn chung, nó đã đứng lên đối mặt với tình huống khẩn cấp và chứng

nation was being prepared to take its place, but it would have done the work a century or two later, because it is a long way behind. Now, because we have so far risen to our opportunity (and I hope we shall continue to do so till the end), that other nation will have a longer time to develop, and therefore will progress more soundly and more easily, and will not have such a strain put upon it in its development as it would have had if we had failed.

tỏ mình xứng đáng. Nếu không làm được như vậy, một quốc gia lớn khác đã được chuẩn bị để thay thế, nhưng sẽ thực hiện công việc sau một hoặc hai thế kỷ, vì nó còn tụt hậu xa. Bây giờ, vì chúng ta đã đứng lên đối mặt với cơ hội của mình (và tôi hy vọng chúng ta sẽ tiếp tục làm như vậy cho đến cuối cùng), quốc gia khác đó sẽ có nhiều thời gian hơn để phát triển, và do đó sẽ tiến bộ vững chắc hơn và dễ dàng hơn, và sẽ không phải chịu áp lực lớn trong quá trình phát triển như nếu chúng ta đã thất bại.

The Theosophical Society, and also each member in it, is in a somewhat similar position. Any member who proves himself good in the general work, or shows signs of being good in the near future, will be tried with some of the efforts which are being made in connection with the founding of the sixth subrace of our Aryan race. In all this there is, of course, no conscription or compulsion; all will evolve to perfection sooner or later, and we can take just as long as we like. The wisest policy is to do the very best we can in a steady way, not putting ourselves under a strain which we cannot permanently endure. It is a considerable advantage in doing any of this work to know to which of the rays one belongs. Most of us in the Theosophical Society are on one of the five rays, numbered three to seven, but many are in process of transferring themselves to the first and second rays, in order to work under the two great Masters who founded the Society, and who are to be the Manu and Bodhisattva of the Sixth root-race, which will be established in some seven hundred years' time. Many of our people will be born into that race, but there are others who will prefer to work on in the fifth race, and help in bringing it to the perfection that is still before it. Others will prefer to go with the great geniuses who will certainly come into the fifth root-race at its highest point, rather than to follow the two Masters

Hội Thông Thiên Học, và cũng như mỗi thành viên trong đó, đang ở trong một vị trí tương tự. Bất kỳ thành viên nào chứng tỏ mình tốt trong công việc chung, hoặc cho thấy dấu hiệu sẽ tốt trong tương lai gần, sẽ được thử thách với một số nỗ lực đang được thực hiện liên quan đến việc thành lập giống dân phụ thứ sáu của giống dân Arya của chúng ta. Trong tất cả điều này, tất nhiên không có sự cưỡng bức hay ép buộc; tất cả sẽ tiến hóa đến sự hoàn thiện sớm hay muộn, và chúng ta có thể mất bao lâu tùy thích. Chính sách khôn ngoan nhất là làm tốt nhất có thể một cách ổn định, không đặt mình vào áp lực mà chúng ta không thể chịu đựng lâu dài. Có một lợi thế đáng kể trong việc thực hiện bất kỳ công việc nào này là biết mình thuộc về cung nào. Hầu hết chúng ta trong Hội Thông Thiên Học thuộc một trong năm cung, từ ba đến bảy, nhưng nhiều người đang trong quá trình chuyển mình sang cung thứ nhất và thứ hai, để làm việc dưới sự hướng dẫn của hai Chân sư vĩ đại đã sáng lập Hội, và sẽ là Manu và Bồ Tát của giống dân gốc thứ sáu, sẽ được thành lập trong khoảng bảy trăm năm nữa. Nhiều người trong chúng ta sẽ được sinh ra trong giống dân đó, nhưng có những người khác sẽ thích làm việc trong giống dân thứ năm, và giúp đưa nó đến sự hoàn thiện vẫn còn ở phía trước. Những người khác sẽ thích đi cùng với những thiên tài vĩ đại chắc chắn sẽ xuất hiện trong giống dân gốc thứ năm ở đỉnh cao của nó, hơn là theo hai Chân sư vào công

into the pioneer work of the new race.

việc tiên phong của giống dân mới.

In Australia and America, and some other places, there is now a special opportunity for those who wish to help in the development of the sixth sub-race, because it is rapidly coming into existence there, while there are only isolated members of it in the older countries. Many of those who were killed in the great war have already been reborn, though there is nothing so far to indicate that they are abandoning their former countries in order to-come to the newer lands. Those of the new race type who remain in the old countries will probably have more difficulties to face than the others, because of the pressure of old ideas and conservative customs.

Ở Úc và Mỹ, và một số nơi khác, hiện nay có một cơ hội đặc biệt cho những ai muốn giúp đỡ trong việc phát triển giống dân phụ thứ sáu, vì nó đang nhanh chóng xuất hiện ở đó, trong khi chỉ có những thành viên đơn lẻ của nó ở các quốc gia cũ hơn. Nhiều người trong số những người đã bị giết trong cuộc chiến lớn đã được tái sinh, mặc dù cho đến nay không có gì chỉ ra rằng họ đang từ bỏ các quốc gia cũ của mình để đến các vùng đất mới hơn. Những người thuộc loại giống dân mới ở lại các quốc gia cũ có thể sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn những người khác, vì áp lực của những ý tưởng cũ và phong tục bảo thủ.

In all these undertakings, no one is ever indispensable. As to our own Theosophical movement, we may be very sure that the Great Ones behind will take care of it as a whole. Only lately, since I have had to take up again a good deal of church work, I have found how very closely „ that organization is being directed, how very intimate may be the relation between those who guide the Church down here and the real Head of the Church behind, if those who are working down here make themselves channels such as they should be. That in many cases they have not done so, but have worked for their own selfish power and interest is lamentably true, and those who have done that have thereby shut off from themselves a vast tract of spiritual power, usefulness and-efficiency which they might have had. But it is only quite lately that I have found out how tremendous are the possibilities and how ignorant most people are of them, and I am quite sure from what I have already seen that the same thing must be true in many other quite unsuspected directions.

Trong tất cả những công việc này, không ai là không thể thay thế. Đối với phong trào Thông Thiên Học của chúng ta, chúng ta có thể rất chắc chắn rằng các Đấng Cao Cả đứng sau sẽ chăm sóc nó như một tổng thể. Chỉ gần đây, kể từ khi tôi phải tiếp tục một phần lớn công việc nhà thờ, tôi đã phát hiện ra tổ chức đó đang được chỉ đạo rất chặt chẽ, mối quan hệ giữa những người hướng dẫn Nhà thờ ở đây và Đầu của Nhà thờ thực sự phía sau có thể rất mật thiết, nếu những người làm việc ở đây tự làm cho mình trở thành những kênh như họ nên làm. Trong nhiều trường hợp, họ đã không làm như vậy, mà đã làm việc vì quyền lực và lợi ích cá nhân của mình, điều này thật đáng tiếc, và những người đã làm như vậy đã tự cắt đứt khỏi mình một vùng rộng lớn của sức mạnh tinh thần, sự hữu ích và hiệu quả mà họ có thể đã có. Nhưng chỉ gần đây tôi mới phát hiện ra những khả năng to lớn và hầu hết mọi người đều không biết về chúng, và tôi hoàn toàn chắc chắn từ những gì tôi đã thấy rằng điều tương tự phải đúng trong nhiều hướng khác mà không ai ngờ tới.

I shall never again be surprised to find traces of the work of the Great White Lodge in anything that is good anywhere, whether it be small or great, for They miss no opportunities, not even the smallest; wherever there is anything of good in any movement, just to the extent of that good it is being utilized. There may be much in the movement that is not good; that is regrettable, and that has to be put aside, but it does not appear to interfere with Their employment of every ounce of good that does exist in it. There may be bigotry, persecution, pride, self-seeking and many other qualities that are undesirable in some movement or person. Thirty years ago I might have thought that those qualities would probably prevent their possessor from being utilized at all. They do stand seriously in his way, and prevent him from making any real progress, but if there is any good quality in that person, to the extent of that good quality he is being used.

Tôi sẽ không bao giờ ngạc nhiên nữa khi thấy dấu vết của công việc của Thánh đoàn trong bất cứ điều gì tốt ở bất cứ đâu, dù nhỏ hay lớn, vì Các Ngài không bỏ lỡ cơ hội nào, dù nhỏ nhất; bất cứ nơi nào có điều gì tốt trong bất kỳ phong trào nào, chỉ đến mức độ của điều tốt đó nó đang được sử dụng. Có thể có nhiều điều trong phong trào không tốt; điều đó đáng tiếc, và điều đó phải được gạt sang một bên, nhưng nó không dường như cản trở việc Các Ngài sử dụng mọi phần tốt nào tồn tại trong đó. Có thể có sự cuồng tín, sự bức hại, sự kiêu ngạo, sự tìm kiếm lợi ích cá nhân và nhiều phẩm chất khác không mong muốn trong một số phong trào hoặc người. Ba mươi năm trước tôi có thể đã nghĩ rằng những phẩm chất đó có thể ngăn cản người sở hữu chúng không được sử dụng chút nào. Chúng thực sự cản trở nghiêm trọng con đường của y, và ngăn cản y tiến bộ thực sự, nhưng nếu có bất kỳ phẩm chất tốt nào trong người đó, đến mức độ của phẩm chất tốt đó y đang được sử dụng.

This method of the Brotherhood is most encouraging. We are all very conscious of being so far from perfect ourselves that we might perhaps think: “How can a Master make use of anything in me, when I so often make mistakes? “ But it is our duty to do our best and then whatever there is of good in us He will use. At the same time this lays upon us a still greater duty: to get rid of that which makes it difficult for Him to use us. He will use us as much as He can; let us make it easy for Him by making ourselves perfect channels.

Phương pháp của Huynh đệ đoàn này rất khích lệ. Tất cả chúng ta đều rất ý thức rằng mình còn xa hoàn thiện đến mức có thể nghĩ: "Làm sao một Chân sư có thể sử dụng bất cứ điều gì trong tôi, khi tôi thường xuyên mắc sai lầm?" Nhưng nhiệm vụ của chúng ta là làm tốt nhất có thể và sau đó bất cứ điều gì tốt trong chúng ta Ngài sẽ sử dụng. Đồng thời điều này đặt lên chúng ta một nhiệm vụ lớn hơn: loại bỏ những gì làm cho Ngài khó sử dụng chúng ta. Ngài sẽ sử dụng chúng ta nhiều nhất có thể; hãy làm cho Ngài dễ dàng bằng cách làm cho mình trở thành những kênh hoàn hảo.

There are many lines of development for human beings, and it takes many lives to develop the characteristics of any line perfectly. I have spent most of this life in developing the psychic side of my nature, in learning how to see clairvoyantly, and writing about it. I met in our Society, and have worked

Có nhiều dòng phát triển cho con người, và cần nhiều kiếp sống để phát triển hoàn hảo các đặc điểm của bất kỳ dòng nào. Tôi đã dành phần lớn cuộc đời này để phát triển khía cạnh thông linh của bản chất mình, học cách nhìn thông nhãn, và viết về nó. Tôi đã gặp trong Hội của chúng ta, và đã làm việc với, Ngài William

with, Sir William Crookes; that man spent his life in the study of chemistry, and he knew it perfectly. Over and over again I have felt: “If only I had your knowledge, or if you had my clairvoyance, what work we could do! “ It seems a pity that one cannot have in one life both these forms of development. It takes a lifetime to attend to each. He spent his life studying chemistry; and he will come back into his next incarnation not with the detailed knowledge but with the faculty that will pick all that up almost automatically. I have spent this life in developing the psychic side. I do not know how much I shall be able to transmit into-my next body, but I will carry over as much of it as I can. Then I will start along one of these other lines, if the work will permit me to do so; but in the meantime those who are willing to do our special work are set to do it, and we have not much time for other things. We must attain all things one by one; they will come, because we do not lose one when we drop it and take up another. So if in this life we happen to have the Theosophical development, then in the next life the opening up of the intellect and of high devotion may come much more easily because in this life we have had this training, and there will be the further great advantage that we shall be practically certain not to misuse them when we get them.

Crookes; người đó đã dành cả đời mình để nghiên cứu hóa học, và y biết nó một cách hoàn hảo. Nhiều lần tôi đã cảm thấy: "Nếu chỉ tôi có kiến thức của bạn, hoặc nếu bạn có khả năng thông nhãn của tôi, chúng ta có thể làm được công việc gì!" Thật đáng tiếc rằng một người không thể có trong một đời cả hai hình thức phát triển này. Cần một đời để chú ý đến mỗi cái. Y đã dành cả đời mình nghiên cứu hóa học; và y sẽ trở lại trong kiếp sau không phải với kiến thức chi tiết mà với khả năng sẽ nắm bắt tất cả điều đó gần như tự động. Tôi đã dành cuộc đời này để phát triển khía cạnh thông linh. Tôi không biết mình sẽ có thể truyền tải bao nhiêu vào cơ thể tiếp theo của mình, nhưng tôi sẽ mang theo càng nhiều càng tốt. Sau đó, tôi sẽ bắt đầu theo một trong những dòng khác này, nếu công việc cho phép tôi làm như vậy; nhưng trong khi đó những người sẵn lòng làm công việc đặc biệt của chúng ta được giao để làm, và chúng ta không có nhiều thời gian cho những việc khác. Chúng ta phải đạt được mọi thứ từng cái một; chúng sẽ đến, vì chúng ta không mất một khi chúng ta bỏ nó và tiếp nhận cái khác. Vì vậy, nếu trong cuộc đời này chúng ta tình cờ có sự phát triển Thông Thiên Học, thì trong kiếp sau việc mở rộng trí tuệ và lòng sùng kính cao có thể đến dễ dàng hơn nhiều vì trong cuộc đời này chúng ta đã có sự đào tạo này, và sẽ có lợi thế lớn hơn nữa là chúng ta sẽ gần như chắc chắn không lạm dụng chúng khi chúng ta có được chúng.

We must push on rapidly. We may be much nearer than we know to the higher development. If we have to spend a life or two in acquiring those capacities, what is that? There is plenty of time before us, so let us set our aim high, and try to develop all we can in the way of spirituality, intellect and inner knowledge. We are digging through a wall of ignorance and prejudice that we have built round ourselves in the course of many lives; we are like a man trying to escape from a

Chúng ta phải tiến nhanh. Chúng ta có thể gần hơn nhiều so với chúng ta biết đến sự phát triển cao hơn. Nếu chúng ta phải dành một hoặc hai kiếp để đạt được những khả năng đó, thì điều đó có nghĩa gì? Có rất nhiều thời gian trước mắt, vì vậy hãy đặt mục tiêu cao, và cố gắng phát triển tất cả những gì chúng ta có thể về tinh thần, trí tuệ và kiến thức nội tại. Chúng ta đang đào qua một bức tường vô minh và định kiến mà chúng ta đã xây dựng quanh mình trong nhiều kiếp; chúng ta giống như

prison. He goes on digging; he does not know at what moment the pick will go through the wall; when the reward is due it will come suddenly. We have many things yet to attain, but perhaps the development will come quickly; for that we must follow in Their footsteps and learn what They would have us learn.

một người đang cố gắng thoát khỏi nhà tù. Y tiếp tục đào; y không biết vào lúc nào cái cuốc sẽ xuyên qua bức tường; khi phần thưởng đến hạn, nó sẽ đến đột ngột. Chúng ta còn nhiều điều phải đạt được, nhưng có lẽ sự phát triển sẽ đến nhanh chóng; để đạt được điều đó, chúng ta phải theo bước chân của Các Ngài và học những gì Các Ngài muốn chúng ta học.

Rule 18 is once more a comment by the Chohan. It warns the aspirant never to lose his caution and watchfulness, but always to be afraid of himself, as a Roman philosopher put it, even though he has ceased to be afraid of anything else.

Quy luật 18 một lần nữa là một bình luận của Đức Đế Quân. Nó cảnh báo người chí nguyện không bao giờ được mất đi sự cẩn trọng và cảnh giác, mà luôn phải sợ hãi chính mình, như một triết gia La Mã đã nói, ngay cả khi y đã ngừng sợ hãi bất cứ điều gì khác.

18. The knowledge which is now yours is only yours because your soul has become one with all pure souls and with the inmost. It is a trust vested in you by the Most High. Betray it, misuse your knowledge or neglect it, and it is possible even now for you to fall from the high estate you have attained. Great ones fall back, even from the threshold, unable to sustain the weight of their responsibility, unable to pass on. Therefore look forward always with awe and trembling to this moment, and be prepared for the battle.

18. Kiến thức hiện tại là của bạn chỉ vì linh hồn của bạn đã trở thành một với tất cả các linh hồn thuần khiết và với cái sâu thẳm nhất. Đó là một sự ủy thác được trao cho bạn bởi Đấng Tối Cao. Phản bội nó, lạm dụng kiến thức của bạn hoặc bỏ bê nó, và có thể ngay cả bây giờ bạn sẽ rơi khỏi vị trí cao mà bạn đã đạt được. Các Đấng Cao Cả rơi lại, ngay cả từ ngưỡng cửa, không thể chịu đựng được trọng lượng của trách nhiệm của mình, không thể tiến lên. Vì vậy, hãy luôn nhìn về phía trước với sự kính sợ và run rẩy đến thời điểm này, và chuẩn bị cho trận chiến.

That great ones fall back even from the threshold seems impossible; the more nearly you approach their level the more incredible it appears, because anything like selfishness would seem quite impossible to the man at that stage. However, it must be so, because it is said by one who knows that of which He speaks. The thought of self is very subtle and turns up in unexpected guise at levels where there should be no such thing. Therefore we shall do well to heed the warning, and not too soon think that we are safe from the attacks of

Rằng các Đấng Cao Cả rơi lại ngay cả từ ngưỡng cửa dường như không thể; càng gần bạn tiếp cận cấp độ của họ, điều đó càng trở nên khó tin, vì bất cứ điều gì giống như sự ích kỷ sẽ dường như hoàn toàn không thể đối với người ở giai đoạn đó. Tuy nhiên, điều đó phải như vậy, vì nó được nói bởi một người biết điều mà Ngài đang nói. Tư tưởng về bản thân rất tinh vi và xuất hiện dưới hình thức không ngờ tới ở các cấp độ mà không nên có điều đó. Vì vậy, chúng ta sẽ làm tốt nếu chú ý đến cảnh báo, và không quá sớm nghĩ rằng chúng ta an toàn khỏi các

selfishness. That is the only fetter that can hold us back, but it has many forms, and is very subtle indeed.

cuộc tấn công của sự ích kỷ. Đó là xiềng xích duy nhất có thể giữ chúng ta lại, nhưng nó có nhiều hình thức, và thực sự rất tinh vi.

The last three aphorisms once more form a series; in number 19 there is a preparatory comment by the Chohan:

Ba câu châm ngôn cuối cùng một lần nữa tạo thành một chuỗi; trong số 19 có một bình luận chuẩn bị của Đức Đế Quân:

19. It is written that for him who is on the threshold of divinity no law can be framed, no guide can exist.

19. Đã được viết rằng đối với người đang ở ngưỡng cửa của thần tính không có luật nào có thể được hình thành, không có hướng dẫn nào có thể tồn tại.

The disciple at this stage is utterly beyond the need of outside teaching. He has read the book of nature on all the five planes of human evolution. He is at the point of conquest of the last fetter—avidya. Henceforth the law of his life comes utterly from within himself. Therefore no comment is possible. Says the Chohan:

Người đệ tử ở giai đoạn này hoàn toàn vượt qua nhu cầu học hỏi từ bên ngoài. Y đã đọc cuốn sách của tự nhiên trên tất cả năm cõi của tiến hóa nhân loại. Y đang ở điểm chinh phục xiềng xích cuối cùng—avidya. Từ đây trở đi, luật của cuộc sống y hoàn toàn đến từ bên trong chính y. Vì vậy, không có bình luận nào là có thể. Đức Đế Quân nói:

Yet to enlighten the disciple, the final struggle may be thus expressed:

Tuy nhiên, để khai sáng cho người đệ tử, cuộc đấu tranh cuối cùng có thể được diễn tả như sau:

Then come the three rules:

Sau đó là ba Quy luật:

Hold fast to that which has neither substance nor existence.

Giữ chặt lấy những gì không có chất liệu cũng không tồn tại.

20. Listen only to the voice which is soundless.

20. Chỉ lắng nghe giọng nói không có âm thanh.

21. Look only on that which is invisible alike to the inner and the outer sense.

21. Chỉ nhìn vào những gì vô hình đối với cả giác quan bên trong và bên ngoài.

PEACE BE WITH YOU

BÌNH AN Ở CÙNG BẠN